CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

BÌNH DƯƠNG

THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

BINH DUONG
NEW IMAGE IN CENTURY XXI

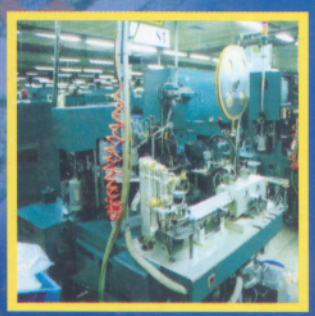

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

BÌNH DƯƠNG
THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

Binh Duong New Image in Century XXI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE
Hà Nội - 2003

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

ĐÀO DUY QUÁT
Phó Trưởng ban Ban Tư tưởng
Văn hoá Trung ương

NGUYỄN VĂN HIỆP
Phó Chủ tịch
Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương

TRỊNH THÚC HUỲNH
Quyền Giám đốc - Tổng biên tập
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

CHỦ BIÊN

CHU VIẾT LUẬN
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

BAN BIÊN SOẠN

Lương Quang Huy, Phạm Minh Dương, Trương Diệu Hà, Nguyễn Thanh Hương, Triệu Lệ Quyên, Vũ Kim Hoàng

THÀNH VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN

Trần Kim Oanh, Nguyễn Thanh Loan, Nguyễn Thu Hương Nguyễn Thanh Thắm, Vũ Thị Thêu, Phạm Phan Ngọc Dung

BIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, Vũ Minh Tú, Đào Thuý Hoàn

TRÌNH BÀY

Nguyễn Thị Xuân Giao

Mã số: 9.9 (V31)
CTQG -2003

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, là một cực quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tỉnh Bình Dương mới được tái lập từ năm 1997 nhưng vùng đất này đã trải qua một quá trình lịch sử lâu đời, đầy biến động nhưng cũng rất đỗi hào hùng với truyền thống lao động cần cù và những địa danh được ghi nhận trong kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc như Chiến khu D, "tam giác sắt", Dầu Tiếng, Phước Thành, Bàu Bàng, Bông Trang, Nhà Đỏ...

Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên các trục giao thông quan trọng của quốc gia, tỉnh lỵ chỉ cách thành phố Hồ Chí Minh 30 km, Bình Dương có rất nhiều thuận lợi cho phát triển giao thông đường bộ và phát triển sản xuất công nghiệp; hơn nữa hầu hết đất đai của tỉnh đều nằm trên địa hình cao, vùng đồi trung du nên ngành sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, sơn mài, điêu khắc càng có điều kiện phát triển...

Nhờ phát huy lợi thế so sánh của mình và xác định đúng đắn chiến lược phát triển công cuộc đổi mới kinh tế, nên chỉ sau một thời gian ngắn, kinh tế Bình Dương đã chuyển từ một tỉnh thuần nông sang một tỉnh có ngành công nghiệp phát triển với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp. Sự gia tăng nhanh chóng về tỷ trọng của ngành công nghiệp trong GDP đã đưa Bình Dương trở thành tỉnh đầu tiên của Việt Nam (không kể các thành phố trực thuộc Trung ương) có tỷ trọng công nghiệp lớn hơn nông nghiệp và dịch vụ cộng lại (chiếm 59,3% GDP năm 2001), trong đó khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển rất mạnh. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp cũng thúc đẩy nông nghiệp tăng trưởng nhanh và ổn định, gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh quy mô lớn...

Trong những năm tới, để phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, thực hiện phương hướng, mục tiêu mà Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh đề ra, Bình Dương cần có những giải pháp và bước đi phù hợp, trong đó cần chú trọng phát triển công nghiệp đi sâu về chất và khắc phục được những tồn tại do phát triển công nghiệp với tốc độ quá nhanh, chú ý nhiều hơn đến phát triển các ngành dịch vụ, tập trung vào du lịch và dịch vụ hạ tầng cơ sở cho các khu công nghiệp...

Để giúp các địa phương trong cả nước và các đối tác đầu tư xa gần có thêm những thông tin về Bình Dương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại xuất bản cuốn sách ***Bình Dương - Thế và Lực mới trong thế kỷ XXI***.

Cuốn sách bao gồm 8 phần, được xuất bản bằng hai thứ tiếng Việt và Anh:

Phần I: Làm quen với mảnh đất và con người Bình Dương

Phần II: Tổ chức hành chính

Phần III: Kết cấu hạ tầng

Phần IV: Toàn cảnh kinh tế Bình Dương

Phần V: Huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế

Phần VI: Khu công nghiệp

Phần VII: Các vấn đề văn hóa - xã hội

Phần VIII: Bài học thành công và những kiến nghị

Với cách trình bày cô đọng, có hệ thống, cuốn sách không chỉ cung cấp những thông tin cơ bản, mà còn giúp bạn đọc làm quen với đất nước, con người của một tỉnh miền Đông Nam Bộ, thấy được bức tranh toàn cảnh trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của các huyện, thị, các ngành, các lĩnh vực trọng yếu, các doanh nghiệp tiêu biểu, những gương mặt mới, những nhân tố mới trong sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động xã hội khác.

Hy vọng cuốn sách sẽ mang lại nhiều điều bổ ích, giúp cho bạn đọc và các đối tác có thêm thông tin để nghiên cứu, học tập kinh nghiệm thành công, tăng cường mở rộng hợp tác, tìm nơi đầu tư có hiệu quả ở Bình Dương - tỉnh đi đầu trong chủ trương "trải thảm đỏ" thu hút nhân tài và "trải chiếu hoa" mời gọi đầu tư.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2003

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PUBLISHING HOUSE'S FOREWORD

Binh Duong is the eastern province of the south region, the essential pole of the southern pivotal economic area. Re-established in 1997, the province experienced a long-standing changing but magnanimous historical process with laborious tradition and the place-names, which have been recorded in the history against foreign invaders of our nation including the Base D, "Iron triangle", Dau Tieng, Phuoc Thanh, Bau Bang, Bong Trang and Nha Do etc.

With the favourable geographical location situated on the national important traffic clue and the township about 80km from Ho Chi Minh City, Binh Duong has a wide range of advantages to develop road traffic and industry. Moreover, most of the provincial lands locating on the high area and midland creates more favourable conditions to produce building materials, ceramics, lacquer and sculpture.

Thanks to developing its advantages and right defining the development strategy in economic renovation, after only short time Binh Duong's economy converted from pure agriculture to developed industry with a number of industrial and processing zones and the industrial complexes. The GDP rapid growth of industry turned Binh Duong to be the first province of Viet Nam (exclusive the Centrally governed cities) having revenue from industry larger than both agriculture and service together (represented 59.3% GDP in 2001) with the stormy expansion of the private and foreign sectors. The strong development of industry has boosted the speedy and stable agricultural growth, attached agricultural production to processing industry and transferred agricultural structure to goods production, forming the large-scale exclusive goods production areas.

In the future, Binh Duong needs to map out a series of appropriate measures and policies to bring into full play its potentials and strengths in line with the orientation and targets set forth in the province's seventh Party Congress. Of which, the importance should be attached to developing industry in quality, surmounting the limitations caused by speedy industrial extension, expending services, tourism and providing infrastructure services for the industrial zones.

In an aim to help provinces and cities as well as domestic and foreign partners further understand Binh Duong, the National Politics Publishing House in association with the Foreign Economic Information Joint-stock Company publishes the book titled ***Binh Duong - New Image in Century XXI.***

The publication consists of eight parts and published in two languages: Vietnamese and English.

Part I: Presentation
Part II: Administrative structure
Part III: Infrastructure
Part IV: An overall picture of Binh Duong economy
Part V: All forces for economic growth
Part VI: Industrial zones
Part VII: Cultural and social issues
Part VIII: Successful experiences and recommendations

With a condensed and systematic design, the publication not only provides readers with the basic information of Binh Duong but also takes you to a province of south-east region to see the overall picture of Binh Duong's socio-economic growth with the continuing development of districts, towns, pivotal sectors and industries, typical enterprises and new people in their production - business and in other social activities.

Hopefully, the publication will provide the wide readers and domestic and international partners with useful information of Binh Duong to conduct studies of the successful lesson, expand co-operative relations with and seek investment opportunities in that province regarded as a leading in implementing the policy on "spreading red carpet" and "spreading flower mat" to attract investors.

Respectfully introduce the book to readers.

July 2003
NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE

NGUYỄN VĂN HIỆP
Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn độc giả thân mến!

Bình Dương vốn gắn liền với đất Gia Định - Đồng Nai xưa, tức là miền Đông Nam Bộ ngày nay. Trong lịch sử, Bình Dương là tên gọi của những đơn vị hành chính - lãnh thổ theo những cấp độ khác nhau (tổng, huyện, tỉnh) với những địa bàn lãnh thổ khác nhau. Thuở đầu của thời mở đất phương Nam, Bình Dương là tên một tổng thuộc huyện Tân Bình, phủ Gia Định. Đến năm 1808, khi huyện Tân Bình được đổi thành phủ thì Bình Dương được nâng lên là một trong bốn huyện của phủ này. Năm 1956, tỉnh Bình Dương được thiết lập nhưng không trùng với địa bàn của huyện Bình Dương xưa kia. Ngày 1 tháng 1 năm 1997, tỉnh Bình Dương chính thức được tái lập với diện tích tự nhiên được xác định là 2.695km^2, với 7 đơn vị hành chính gồm thị xã Thủ Dầu Một và 6 huyện.

Là một tỉnh mới được tái lập, phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, song Bình Dương đã vượt khó đi lên, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển. Ngày nay, Bình Dương được cả nước biết đến với thành tựu của sự nghiệp đổi mới, với sự chuyển mình từ một vùng đất nông nghiệp nghèo thành tỉnh có nền kinh tế công nghiệp phát triển nhờ biết tận dụng thời cơ, phát huy lợi thế trên cơ sở những quyết sách đúng đắn mà điển hình là chủ trương "Trải chiếu hoa" mời gọi các nhà đầu tư. Những thành tựu quan trọng và toàn diện gặt hái từ công cuộc đổi mới đã đưa Bình Dương trở thành "thành viên" của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Thành công đó thể hiện tính đúng đắn trong đường lối đổi mới của Đảng, khẳng định sức mạnh của một Đảng bộ có truyền thống đoàn kết, thống nhất, chủ động suy nghĩ, tìm tòi và biết vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả quý báu của các thế hệ đi trước. Không những thế, đây còn là sự thể hiện hùng hồn tâm huyết, ý chí, nỗ lực, quyết tâm của các cấp chính quyền và sự đóng góp của toàn thể nhân dân tỉnh Bình Dương vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Để giới thiệu với độc giả gần xa về quá trình xây dựng mảnh đất truyền thống anh dũng Bình Dương, về những tìm tòi trong bước đường vượt khó đi lên của con người Bình Dương, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách ***"Bình Dương - Thế và Lực mới trong thế kỷ XXI"***. Cuốn sách không chỉ cung cấp những thông tin cơ bản mà còn dẫn dắt độc giả làm quen với mảnh đất và con người của một tỉnh miền Đông Nam Bộ với truyền thống hào hùng trong đấu tranh cách mạng và năng động sáng tạo trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương, đất nước, đồng thời phác họa bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương trong tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn.

Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương

NGUYỄN VĂN HIỆP

NGUYEN VAN HIEP
Vice chairman of Binh Duong People's Committee

FOREWORD

Dear readers,

Binh Duong used to associate with Gia Dinh - Dong Nai which is now southeast region. In the history, Binh Duong was the name of administrative units - territories according to different level such as (canton, district, province) with different location. At the beginning of the foundation of the south, Binh Duong was the name of a canton which belonged to Tan Binh district, Gia Dinh province. By 1808, when Tan Binh was changed into phu (lower level of province), Binh Duong became one of its four districts. In 1956, Binh Duong was established but it was not the former Binh Duong. On the first of January in 1997, Binh Duong province officially re-established with the total natural area of 2,695 km^2 with seven administrative units including Thu Dau Mot town and six other districts.

As a newly re-established province, facing many difficulties and challenges, Binh Duong have however overcome all to develop and stabilize socio-politics and speed up the economy. Now Binh Duong has become popular with many achievements and reforms, the changes from agricultural province to become an industrial one are thanks to grasping good opportunities, developing its own advantages on the basis of sound policies typically "spreading flower mat" to welcome investors. The significant and comprehensive achievements attained from the reform has helped Binh Duong to become a "member" of the key economic region of the south.

The success has demonstrated the rightness in policy reform of the Central Party, affirming the strength of the Party Committee with the tradition of solidarity, reunification with active thinking as well good application of the Central Party policies into the local context on the basis of taking advantages of the older generations. Moreover, this also shows the determination, strong will and efforts as well as contributions of all people of Binh Duong province to the socio-economic development of the whole country.

In a bid to help mass readers understand the development process of the heroic and traditional land of Binh Duong and findings in overcoming difficulties of its people, we would like to introduce the publication entitled ***"Binh Duong - New image in century XXI"***. The book is not only provides the basic information but also makes people get to know the land and people of the southeast province which has heroic traditions in the wars and revolutions as well as is creative and active in industrializing and modernizing its homeland and nation, in concurrence it also outlines the picture of Binh Duong's socio-economy in the future.

Thank you and best regards.

VICE CHAIRMAN OF THE BINH DUONG PEOPLE'S COMMITTEE

NGUYEN VAN HIEP

BÌNH DƯƠNG TỰ TIN BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI

MAI THẾ TRUNG
Uỷ viên Trung ương Đảng,
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ Bình Dương

MAI THẾ TRUNG
Uỷ viên Trung ương Đảng
Phó Bí thư Thường trực
Tỉnh uỷ Bình Dương

Năm 2003 là năm thứ ba Đảng bộ và nhân dân Bình Dương nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh. Với quyết tâm cao, phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, nhạy bén, sáng tạo, toàn thể Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo sự chuyển biến sâu sắc trên hầu hết các lĩnh vực, đưa Bình Dương từ một tỉnh nông nghiệp trở thành tỉnh công nghiệp. Nơi đây được xem là "miền đất hứa" cho các nhà đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước, đồng thời Bình Dương còn là địa bàn phát triển các khu công nghiệp năng động nhất cả nước.

Tỉnh Bình Dương mới được tái lập từ năm 1997, trên cơ sở tách ra từ tỉnh Sông Bé, song thực ra vùng đất Bình Dương đã trải qua quá trình phát triển lâu đời, đầy sóng gió và biến động, nhưng cũng rất đỗi hào hùng. Nếu tính từ sự kiện Thống suất Chưởng cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đặt phủ Gia Định năm 1698 đến nay, Bình Dương cùng với các địa phương khác của Nam Bộ đã trải qua một chặng đường lịch sử hơn 300 năm.

Trong suốt khoảng thời gian đầy biến động ấy, mọi tầng lớp cư dân từ nhiều vùng, miền khác nhau của đất nước đã hội tụ về đây, cùng cư dân bản địa trên mảnh đất này chung lưng đấu cật, khai phá những tiềm năng của một tỉnh luôn được coi là "giàu" tài nguyên. Thêm nữa, Bình Dương còn là mảnh đất giàu ý chí chống giặc ngoại xâm được hun đúc qua lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc, ý chí đó được thể hiện đậm nét trong 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và hơn 21 năm chiến đấu chống Mỹ cứu nước, thu giang sơn về một mối. Trong suốt những năm đấu tranh gian khổ ấy, có biết bao lớp người Bình Dương đi theo tiếng gọi của Đảng, dũng cảm đấu tranh giải phóng quê hương. Nhiều người trong số họ đã vĩnh viễn không trở về, song hình ảnh cùng những hy sinh, cống hiến của họ bao năm qua vẫn được các thế hệ người Bình Dương ghi tạc. Cùng với những người con anh hùng của mảnh đất Bình Dương, những địa danh như Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát với những chiến công lừng lẫy từ chiến khu D, vùng "Tam giác sắt",... và nhiều địa danh khác đã được ghi nhận trong lịch sử hiện đại của dân tộc như Dầu Tiếng, Phước Thành, Bàu Bàng, Bông Trang, Nhà Đỏ... Truyền thống đấu tranh anh dũng kiên cường của con người và mảnh đất Bình Dương đã thực sự hun đúc, tạo nên cho Bình Dương thế và lực mới trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội.

Những đột phá trong thời kỳ đổi mới

Trong công cuộc đổi mới, với vị thế của một tỉnh gần như thuần nông, lại mới được tái lập còn gặp nhiều khó khăn, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Dương bằng những chính sách năng động, phát huy khối đoàn kết ra sức thi đua, nỗ lực phấn đấu cho một tỉnh Bình Dương ngày càng giàu mạnh. Ngay từ những ngày đầu tái lập, Bình Dương đã đi sớm, đi nhanh vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kinh tế Bình Dương luôn đạt mức tăng trưởng với

nhịp độ cao (14,2%/năm) giai đoạn 1997 - 2002. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2001 tăng 1,93 lần, thu nhập bình quân tính theo đầu người tăng 1,66 lần (năm 2001 đạt 9,056 triệu đồng/người, gấp khoảng 1,5 lần so với bình quân của cả nước).

Trong khi nguồn nội lực còn hạn chế, Bình Dương đã lấy việc thu hút nguồn lực bên ngoài (cả nước ngoài và các địa phương khác) làm động lực chính để phát triển kinh tế, bằng cách tạo ra môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn có tính cạnh tranh mạnh hơn so với các nơi khác, kể cả thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Với môi trường này, đầu tư và kinh doanh được khuyến khích thực sự, được cổ vũ và được bảo vệ theo pháp luật. Có rất ít trường hợp "hình sự hoá quan hệ kinh tế" mà chính quyền thường quan tâm giúp các nhà đầu tư và doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc; đồng thời thực hiện việc kiểm tra, giám sát cần thiết. Quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp ngày càng gần gũi và thân thiện hơn thông qua việc gặp gỡ thường xuyên vào các "Ngày doanh nghiệp" được tổ chức hàng năm. Về thủ tục hành chính, tỉnh đã áp dụng cơ chế một cửa, qua Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành đã được phân công theo chức năng và trách nhiệm cụ thể để làm đầu mối giải quyết các thủ tục. Những cách làm này đã tạo niềm tin cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp, chủ trương "trải chiếu hoa", cùng với lòng hiếu khách và cởi mở của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng nơi đây như là thanh nam châm có sức hút kỳ lạ với các nhà đầu tư nước ngoài. "Tiếng lành đồn xa", các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước tự động mách bảo nhau kéo đến Bình Dương làm ăn. Con số 616 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 3 tỷ USD và 1.894 dự án đầu tư trong nước với số vốn 6.844,5 tỷ đồng (tính đến thời điểm cuối năm 2002) đã phần nào cho thấy sự thành công của Bình Dương trong việc thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư nước ngoài. Qua số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, Bình Dương hiện là 1 trong 5 địa bàn thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất cả nước.

Vì thế mà nay Bình Dương được mệnh danh là "mảnh đất lành" cho phát triển kinh tế, nơi hội đủ 3 nhân tố: "Thiên thời - Địa lợi - Nhân hoà".

Những lợi thế cơ bản

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, mảnh đất này được thiên nhiên ban tặng cho vùng đất đỏ để trồng cà phê và cao su; vùng đất xám với những đồng cỏ xanh tốt phục vụ chăn nuôi và trồng hoa màu; vùng đồng bằng sông bồi khá màu mỡ với những cánh đồng lúa trải dài, vườn cây ăn quả Lái Thiêu tươi tốt vốn nổi tiếng với những loại quả giàu giá trị dinh dưỡng và thuộc hàng quý hiếm như sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, mít tố nữ,... Ngoài ra, trong lòng đất nơi đây còn ẩn chứa những mỏ khoáng phi kim, cao lanh, đất sét phục vụ cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Đây là những yếu tố hết sức cơ bản khiến Bình Dương trở thành một trong những trung tâm gốm sứ lớn nhất cả nước.

Về vị trí địa lý, Bình Dương nằm trên các trục đường giao thông quan trọng của quốc gia như Quốc lộ 14, Quốc lộ 13, tuyến đường sắt Bắc - Nam và đường sắt xuyên Á. Đặc biệt, Bình Dương còn là đầu mối giao lưu của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên theo Quốc lộ 14, Quốc lộ 13 về thành phố Hồ Chí Minh. Thị xã Thủ Dầu Một - tỉnh lỵ của Bình Dương chỉ cách thành phố Hồ Chí Minh 30km - được coi như thành phố vệ tinh với những nghề truyền thống điển hình như gốm sứ, sơn mài, điêu khắc. Một thuận lợi khá cơ bản của Bình Dương là hầu như đất đai đều nằm trên địa hình cao, vùng đồi trung du, thuận tiện cho việc phát triển giao thông đường bộ và nền tảng cho sản xuất công nghiệp. Hơn nữa, chất đất ở Bình Dương thuộc loại "chịu lực" rất dễ xây dựng các công trình lớn, vì thế giá xây dựng các khu công nghiệp thấp hơn so với các tỉnh lân cận.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Bình Dương đã căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế tỉnh nhà để triển khai các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Trung ương về cải cách hành chính. Trong đó, Quyết định 2640/QĐ-UB ngày 19-9-1997 được ban hành có ý nghĩa quan trọng nhằm hướng tới cơ chế "một cửa" trong công tác cải cách hành chính. Đồng thời, Tỉnh uỷ Bình Dương cũng đã xây dựng quy chế làm việc gắn cải cách hành chính với phân định chức năng, phân cấp trong hệ thống chính trị.

Song có lẽ yếu tố con người mới thực sự làm nên sức hút mạnh mẽ cho Bình Dương trong việc thu hút đầu tư trong và ngoài nước. 5 năm nỗ lực đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, Bình Dương đã xây dựng cho mình một đội ngũ lãnh đạo từ cấp uỷ, chính quyền, ban, ngành,... tuổi còn rất trẻ, năng động và đầy sáng tạo, nội bộ đoàn kết "trên bảo, dưới nghe" và "trên tin dưới, dưới tín nhiệm trên". Thêm vào đó, người dân Bình Dương vốn hiền hoà, cần cù lao động, giỏi nghề nông và các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống. Trải qua những năm tháng đấu tranh anh dũng trong hai cuộc kháng chiến và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một thế hệ mới có học vấn cao đang tiếp thu và phát huy một cách sáng tạo những truyền thống, tinh hoa của cha anh. Họ được đào tạo và trang bị kiến thức khá đầy đủ để bước vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh nhà, góp phần tạo nên những giá trị kinh tế cao trên mọi lĩnh vực. Bên cạnh đó, ngay khi tái lập tỉnh Bình Dương đã quan tâm đến việc thu hút nhân tài với khẩu hiệu "trải thảm đỏ rước nhân tài" và là địa phương ban hành chính sách thu hút nhân tài sớm nhất cả nước. Nhiều chính sách ưu đãi dành cho các tầng lớp lao động từ "giới" trí thức đến công nhân địa phương và cả những người lao động từ địa phương khác đến đã dần dần hình thành một nguồn nhân lực dồi dào với chất lượng tương đối cao cho Bình Dương.

Nhìn lại quá trình 15 năm đổi mới và phát triển kinh tế, Bình Dương luôn tự khẳng định mình và vượt lên mọi hoàn cảnh. Khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, người Bình Dương cũng đã năng động nắm bắt thời cơ mới, tạo ra những chuyển biến nhanh chóng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội để hoà nhập vào khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Có thể nói, truyền thống của Bình Dương là truyền thống chịu khó năng động, biết nắm lợi thế, tranh thủ thời cơ, khai thác thế mạnh của đất đai, tài nguyên và con người để phát triển. Những thành quả của Bình Dương trong thời gian qua cũng chính là tiềm năng của tỉnh. Những dự kiến trong tương lai là cơ hội cho các nhà đầu tư và là triển vọng của Bình Dương khi đất nước cùng nhân loại bước vào thế kỷ XXI.

BINH DUONG ENTERING 21ST CENTURY WITH CONFIDENCE

MAI THE TRUNG

Member of Central Party, Standing Vice Chairman of Binh Duong Party

2003 is the third year the Binh Duong Party Committee and its people have made great efforts to implement the Resolution of the National Congress, session IX and Resolution of Provincial Congress, session VII. Bring the traditions of solidarity, flexibility and creativeness into play with high determination, the provincial People's Committee, people and armed forces have striven to attain many important achievements creating strong changes in almost fields, to turn Binh Duong from agricultural province into industrial once considered "promising land" for domestic and foreign investors, concurrently it is also a locality with the most active development of industrial zones nationwide.

Although being re-established in 1997 after splitting from Song Be province, Binh Duong have undergone long-standing development with many changes and prides. If calculating from the events when founder Nguyen Huu

MAI THE TRUNG
Member of Central Party, Standing Vice Chairman of Binh Duong Party

Canh established Gia Dinh district in 1698 until now. Binh Duong together with other localities of the south have gone through a long history of over 300 years.

During the period with many changes, many people of different classes from other parts of the country gathered in this area with the native inhabitants to exploit the potentials of the province usually considered to be rich in natural resources. Moreover, Binh Duong is also the land with the traditions of thousands years against foreign invaders, the spirit was obviously shown during 9 years of anti-French war and 21 years of anti-American war to unify the country. In such hard time, many people of Binh Duong had followed the call of the Party, bravely struggled to protect the hometown. Many of them have never come back but their sacrifice and contributions have been treasured by many generations of Binh Duong. In addition to the heroic children of Binh Duong, many other places such as Di An, Tan Uyen and Ben Cat with glorious victory of Base D, the "iron triangle" as well as others have been recorded in the modern history of the nation such as Dau Tieng, Phuoc Thanh, Bau Bang, Bong Trang and Nha Do. The strong-hearted and heroic traditions of Binh Duong people have been accumulated to create new image for Binh Duong in the period of renovation and socio-economic development.

Breakthrough in renovation period

As an almost pure agricultural province which have just been re-established with many difficulties in renovation period, the Party Committee, authorities and people of Binh Duong with the active policies have fully exploited the solidarity to compete and strive to build a rich and strong Binh Duong province. Since the early re-establishment, Binh Duong has quickly carried out industrialization and modernization. The province's economy reached high annual growth of 14.2 percent in 1997-2002. The Gross Domestic Products (GDP) in 2001 increased by 1.93 time, average per-capita income rose by 1.66 time (reached VND 9,056 million per person in 2001 higher than 1.5 times than the country as a whole).

While the internal source is still limited, Binh Duong has considered the attraction of the external forces as the motivation for the economic development by creating investment environment which is open, attractive and more competitive than other localities even Ho Chi Minh city and Dong Nai. In such environment, investment and business are really encouraged, supported and protected in accordance with law. The criminal cases of business relationship rarely happen and the provincial authorities usually helps investors and enterprises to tackle difficulties and concurrently conduct necessary examination and supervision. The relations between authorities and enterprises become closer and more friendly by regular meetings in "enterprises' day" held every year. In terms of administrative procedures, the province has applied the "one door" policy. The Department of Planning and Investment and other sectors and branches were assigned tasks with the specific responsibilities and functions to be the clue for solving problems related to the procedures. This method have won the trust of investors and enterprises, the policy "spreading a flower mat", hospitality and openness of the local authorities and relevant agencies are a magnet bar which have magic attraction to foreign investors. "Good humors go far", domestic and foreign investors tell one another and they choose Binh Duong for their business. The number of 616 FDI projects with the total registered capital of US$3 billion and 1,894 domestic projects with the capital of VND 6,844.5 billion (the data by the end of 2002) has partly shown the success of Binh Duong in attracting investment especially that from foreign invested projects. According to the statistics of Ministry of Planning and Investment, Binh Duong is now one of five localities with the biggest foreign investment in comparison with the whole countries.

Therefore, Binh Duong is now considered "good

land" for economic development where congregates three factors "good climate - favorable terrain - and united people".

Principal advantages

Binh Duong is the southeast province, this land is naturally endowed with red soil to grow coffee and rubber, gray soil with green grass fields for husbandry and crops, delta regions with fertile lands and long paddy fields, green fruits gardens - Lai Thieu which is very famous for high nutrition and preciousness such as durians, mangosteens, rambutants and others. In addition, there are also many deposits of non-metal, kaolin and clay useful to construction material sector. This is a very important factor which help Binh Duong become one of the biggest ceramics centre nationwide.

In terms of geographical location, Binh Duong is situated in national important routes such as Highway 14, Highway 13, North-south railway and trans Asia railway. Especially, Binh Duong is also transport exchange clue of provinces of Central regions and Highlands along Highway 14, 13 to Ho Chi Minh city. Thu Dau Mot - a town of Binh Duong - only 30 km far from Ho Chi Minh city is considered a satellite city with typical traditional occupations such as ceramics, lacquer and sculpture. Another basic advantage of Binh Duong is that almost land located in high topography, middle land suitable to development of roads and industrial production. Moreover, land in Binh Duong can bear high pressure and it is good to build big construction work therefore the price of building industrial parks is lower than other neighboring provinces.

Under the direction of Central Party and Government, Binh Duong have based on the province's economic situation to carry out resolutions, decisions and directives of the Central on administrative reform. In which, the decision 2640/QD-UB dated September 19th 1997 is of significance toward policies "one door" in administrative reform. Concurrently, the Binh Duong Party Committee has also built up a working regulation systems to link administrative reforms with functions clarifications and level assignment in politic system.

The human resource however can be the factors creating strong attraction for Binh Duong in luring domestic and foreign investment. Within five years of applying the Party's resolution into reality, Binh Duong have built up teams of leaders in all levels who are very young, active and creative with internal solidarity and mutual trust. Furthermore, Binh Duong people are friendly, diligent and very good at farming and traditional handicrafts. Through many years during the two wars and in building up the socialism, the new generation of high qualification is now taking advantages of and creatively developing traditions and quintessence of their ancestors. They are trained with good knowledge to develop the economy of their homeland, contributing high economic value in all aspects. Besides, right after the re-establishment, the province has paid much attention to luring talents with the slogan "spreading red carpet to welcome talents" and was the first province in the whole country issuing that policy. Many preferential policies for different social classes have helped the province to form a very good human resource with the highest quality.

Look back the 15 years of economic development and rennovation, Binh Duong have always affirmed itself to overcome every situation. When the country entered into renovation period, Binh Duong people actively grasped new opportunities, creating rapid changes in socio-economy to integrate into key economic region of the south. It is possible to say that active, diligent and flexible in grasping and taking advantages of new chances, exploiting the strength of soils, natural resource and human resource to develop are traditions of Binh Duong. The outcomes attained over the past few years are also the province's potentials. Plans for the futures are chances for investors and prospects of Binh Duong when Vietnam and the world together enter into the 21st century.

HÌNH ẢNH CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ THĂM BÌNH DƯƠNG

Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Thủ tướng Chính phủ Singapore dự lễ động thổ KCN Việt Nam – Singapore Thuận An, tỉnh Bình Dương

Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Công ty gốm sứ cao cấp Minh Long I

Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười về thăm Công ty sản xuất XNK Bình Dương (3-2) năm 1998

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về thăm Công ty Hoàng Gia Cát Tường năm 2000

Đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách mạng Lào đến thăm Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Trường

Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương

TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG

HỒ MINH PHƯƠNG
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương

HỒ MINH PHƯƠNG
Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Khai thác triệt để những lợi thế về vị trí địa lý, thời cơ, đồng thời vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã giúp Bình Dương thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội suốt sáu năm qua. Chẳng thế mà từ một địa phương phải dựa vào trợ cấp của ngân sách trung ương, giờ đây, Bình Dương tự hào là một trong 5 địa phương có tổng nguồn thu khá, đóng góp không nhỏ cho ngân sách trung ương.

Thành công của cải cách hành chính

Đánh giá trong báo cáo về tác động của cải cách hành chính đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương của Ban Chỉ đạo Cải cách Hành chính Chính phủ đã chỉ rõ, sự phát triển mới của Bình Dương trong mấy năm qua chủ yếu không phải do cơ chế, chính sách riêng của tỉnh mà là do tỉnh đã biết vận dụng và thực hiện một cách đầy đủ và triệt để những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có phần cụ thể hoá thêm cho phù hợp với tình hình và điều kiện của tỉnh, trong đó khâu chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đặc biệt là đổi mới cơ chế hoạt động và cách thức làm việc của bộ máy công quyền gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, có vai trò đặc biệt quan trọng. Thực chất đó là sự đổi mới mạnh mẽ về cách lãnh đạo và cách làm việc của hệ thống đảng và chính quyền của tỉnh Bình Dương.

Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh Bình Dương đã căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế địa phương để triển khai các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Trung ương về cải cách hành chính tập trung vào 4 công việc cụ thể: cải cách thể chế, thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy và lề lối làm việc; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức và cải cách tài chính công. Trong đó, Quyết định 2640/QĐ-UB ngày 19-9-1997 được ban hành có ý nghĩa quan trọng nhằm hướng tới cơ chế "một cửa" trong công tác cải cách hành chính. Đồng thời, Tỉnh uỷ Bình Dương cũng đã xây dựng quy chế làm việc gắn cải cách hành chính với phân định chức năng, phân cấp trong hệ thống chính trị.

Theo Quyết định này, cơ chế "một cửa" là giảm mạnh các thủ tục hành chính đã được thực hiện thí điểm ở 8 sở, ngành và 2 huyện thị (thị xã Thủ Dầu Một và huyện Thuận An). Cụ thể với chính sách "Trải chiếu hoa" đón các nhà đầu tư, đối với đầu tư nước ngoài, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về thủ tục, trình tự và thời gian xét duyệt cấp giấy phép dự án đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp (3 ngày nếu không cần thoả thuận và 15 ngày nếu có thoả thuận với bộ, ngành trung ương) và ngoài khu công nghiệp (3 ngày). Đối với đầu tư trong nước, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 7 ngày cho các doanh nghiệp và 5 ngày cho các hộ kinh doanh cá thể.... Không chỉ có vậy, chính sách "một cửa" mà

Bình Dương thực hiện còn nhằm mục tiêu tránh việc các nhà đầu tư phải chạy lòng vòng, thậm chí có những vướng mắc ở tầm vĩ mô, đích thân cán bộ của tỉnh ra tận Hà Nội giải quyết cho họ với tinh thần "khó khăn của họ cũng chính là khó khăn của mình". Đây chính là điểm cải tiến được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhất. Vì thế, khi các nhà đầu tư nước ngoài đặt chân đến Bình Dương, họ luôn tin tưởng sẽ tiếp tục được chính quyền các sở, ngành hỗ trợ.

Một số thành tựu nổi bật

Cải cách hành chính đã tạo ra sự đổi mới mạnh mẽ về phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc của hệ thống Đảng và chính quyền Bình Dương. Theo đó, tỉnh Bình Dương đã sớm xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế phù hợp với yêu cầu mới, dựa vào khả năng công việc của địa phương, lấy đó làm căn cứ cho việc chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển và đặc biệt là thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc chuyển phần lớn đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả thành đất chuyên dùng, xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu công nghiệp và các vùng chuyên canh công nghiệp đã tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương.

Mặc dù, trong 6 năm qua, bên cạnh những thuận lợi, Bình Dương cũng gặp phải không ít khó khăn, nhất là ảnh hưởng xấu của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực 1997 - 1998. Tuy vậy, với quyết tâm cao của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, Bình Dương vẫn đạt được những thành tựu đáng tự hào. Nền kinh kế phát triển với tốc độ cao và khá bền vững. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân 14,2%/năm. Cơ cấu kinh tế có những chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 45,5% (năm 1996) lên 60,6% (năm 2002); nông lâm nghiệp giảm từ 26,2% xuống còn 13,5%; dịch vụ giảm từ 28,3% xuống 25,9%. Nếu chia theo các thành phần kinh tế thì đến cuối năm 2002, kinh tế nhà nước chiếm 22,7%, dân doanh chiếm 45,3% và đầu tư nước ngoài chiếm 32%. GDP bình quân đầu người năm 2002 đạt xấp xỉ 10 triệu đồng, tăng 10,2% so với năm 2001. Tổng thu ngân sách trong 5 năm 1997 - 2001 tăng 17%/năm, trong khi tổng chi ngân sách tăng 18%/năm. Tuy cân đối ngân sách còn hết sức khó khăn, nhưng các hoạt động thu chi đã đảm bảo nhu cầu chi cơ bản thường xuyên và từng bước có tích luỹ khá cho đầu tư.

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 33,7%/năm thời kỳ 1997 - 2001. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của các thành phần kinh tế tính đến cuối năm 2001 là: kinh tế nhà nước chiếm 7,6%, dân doanh chiếm 34,1% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 58,3%. Sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1997 - 2001 tăng bình quân 5,5%/năm. Cơ cấu nông nghiệp chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây ăn trái, chăn nuôi tập trung. Nhiều vùng chuyên canh cây cao su, cây điều, cây ăn trái và vùng chăn nuôi, heo, gà, bò thịt, bò sữa.... đã được hình thành với qui mô lớn.

Hoạt động xuất khẩu tăng 27,8%/năm (1997 - 2001) với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực bao gồm mủ cao su, may mặc, giày dép, gốm sứ, sơn mài, điêu khắc, vật liệu xây dựng, linh kiện điện tử.... Thị trường xuất nhập khẩu đã mở rộng đến 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, song chủ yếu các doanh nghiệp vẫn qua các thị trường trung gian. Hệ thống ngân hàng có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất - kinh doanh của các thành phần kinh tế. Hàng năm, tổng nguồn vốn huy động tăng bình quân 28%. Từ một địa phương phải dựa vào trợ cấp của ngân sách trung ương, Bình Dương đã trở thành 1 trong 5 địa phương có tổng nguồn thu lớn, hỗ trợ một phần cho ngân sách trung ương.

Đặc biệt trong phát triển các khu công nghiệp, Bình Dương được xem là một trong 3 địa phương thành công nhất của cả nước. Tỉnh đã quy hoạch 13 khu công nghiệp trên diện tích 6.000 ha, trong đó có 9 khu công nghiệp được cấp giấy phép hoạt động trên diện tích 1.798 ha. Các khu công nghiệp đi vào hoạt động đang thu hút trên 409 dự án, trong đó có 294 dự án đầu tư nước ngoài (khoảng 1,32 tỷ USD). Diện tích lấp đầy các khu công nghiệp đạt trung bình 76,9% (trong khi 14 khu công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh mới đạt 62,6% và 10 khu công nghiệp của Đồng Nai chỉ đạt 52%).

IMPACTS OF ADMINISTRATIVE REFORM ON THE SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF BINH DUONG PROVINCE

HO MINH PHUONG
Chairman of Binh Duong People's Committee

HO MINH PHUONG
Chairman of Binh Duong People's Committee

Fully exploit the province's advantages of geographical location and opportunities as well as creatively apply the State and Party's directions and polices have helped Binh Duong to successfully achieve its targets and important tasks in socio-economic development over the past six years. Therefore, Binh Duong which used to be a province dependent on the central budget now can be proud of being one of five localities with big revenue making remarkable contributions to the central budget.

Success of administrative reform

Evaluations in the report addressing impacts of the administrative reforms on Binh Duong's socio-economic development by the government's Administrative Reform Steering Committee show that, the development of Binh Duong over the past few years are mainly not due to its own directions and policies but the province has properly applied and implemented those of the Party and State and concretized them to match the province's context, and steering, organization and implementation, particularly the renovations in operational mechanism and working styles of the public apparatus in association with reforms in leadership methods of Party Committees at all levels have played especially important roles. In fact, it is strong reform in leadership and working style of party and authority system of Binh Duong province.

Under the Government's directions, Binh Duong has based on the local socio-economic development to carry out resolutions, decisions and directives of the central government on the administrative reform with the main focus on four issues such as reforming institutions and administrative procedures; renovating and provincial apparatus organization and working styles; fostering and developing public officials and reforming public finance. The decision 2640/QD-UB dated September 9th 1997 is of significance towards the "one door" policy in the administrative reform. In concurrence, the Binh Duong Party Committee has also adopted working regulations related to administrative reform with assignments of functions and levels in political system.

According to the decision, the policy "one door" is to simplify administrative procedures which have been carried out on experimental in eight sectors and branches of Thu Dau Mot town and Thuan An district. Particularly, with the policy "spreading a flower mat" to welcome investors especially foreign investors, the provincial People's Committee has issued regulations on procedures, order and duration for approving license for foreign invested projects in industrial zones (3 days without any discussion and 15 days if need discussion with central sectors and ministries) and outside industrial zones (3 days). For domestic investors, time for being granted business license is 7 days for enterprises and 5 days for house-

IMPACTS OF ADMINISTRATIVE REFORM ON THE SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF BINH DUONG PROVINCE

HO MINH PHUONG
Chairman of Binh Duong People's Committee

HO MINH PHUONG
Chairman of Binh Duong People's Committee

Fully exploit the province's advantages of geographical location and opportunities as well as creatively apply the State and Party's directions and polices have helped Binh Duong to successfully achieve its targets and important tasks in socio-economic development over the past six years. Therefore, Binh Duong which used to be a province dependent on the central budget now can be proud of being one of five localities with big revenue making remarkable contributions to the central budget.

Success of administrative reform

Evaluations in the report addressing impacts of the administrative reforms on Binh Duong's socio-economic development by the government's Administrative Reform Steering Committee show that, the development of Binh Duong over the past few years are mainly not due to its own directions and policies but the province has properly applied and implemented those of the Party and State and concretized them to match the province's context, and steering, organization and implementation, particularly the renovations in operational mechanism and working styles of the public apparatus in association with reforms in leadership methods of Party Committees at all levels have played especially important roles. In fact, it is strong reform in leadership and working style of party and authority system of Binh Duong province.

Under the Government's directions, Binh Duong has based on the local socio-economic development to carry out resolutions, decisions and directives of the central government on the administrative reform with the main focus on four issues such as reforming institutions and administrative procedures; renovating and provincial apparatus organization and working styles; fostering and developing public officials and reforming public finance. The decision 2640/QD-UB dated September 9th 1997 is of significance towards the "one door" policy in the administrative reform. In concurrence, the Binh Duong Party Committee has also adopted working regulations related to administrative reform with assignments of functions and levels in political system.

According to the decision, the policy "one door" is to simplify administrative procedures which have been carried out on experimental in eight sectors and branches of Thu Dau Mot town and Thuan An district. Particularly, with the policy "spreading a flower mat" to welcome investors especially foreign investors, the provincial People's Committee has issued regulations on procedures, order and duration for approving license for foreign invested projects in industrial zones (3 days without any discussion and 15 days if need discussion with central sectors and ministries) and outside industrial zones (3 days). For domestic investors, time for being granted business license is 7 days for enterprises and 5 days for house-

hold businesses. Furthermore, the "one door" policy conducted by Binh Duong is also to target at helping investors avoid wasting time and if there are any problems related to higher levels, the province's officials themselves will go to Hanoi to settle down with the motto "the enterprises' difficulties are province's". This is one of the significant renovation which have drawn much attentions of foreign investors. Therefore, investors always believe that they will receive due consideration of the local sectors and branches when come to Binh Duong.

Outstanding achievements

Administrative reforms have created strong changes in the leadership and working styles of the Party and authority system of Binh Duong. Accordingly, the province has soon made the master plan for socio-economic development suitable with the province's context. There have been many influences on Binh Duong's socio-economic development due to transferring ineffective agricultural land into special use land and building infrastructures, industrial zones and intensive industrial regions.

Although many outcomes have been achieved, Binh Duong has also encountered many difficulties over the past six years, especially the bad effects of the regional financial -monetary crisis in 1997-1998. The province still attained significant achievements thanks to the strong determination of the provincial Party and people. The economy has recorded high and steady speed of development. The GDP makes an annual increase of 14.2 percent on average, economic structure has seen positive changes in trend of industrialization and modernization. The proportion of industry and construction increase from 45.5 percent in 1996 to 60.6 percent in 2002; agro-forestry and services dropped to 13.5 percent from 26.2 percent and 25.9 percent from 28.3 percent respectively. If evaluating the proportion of economic sectors, by the end of 2002 the state economy accounted for 22.7 percent, private economy 45.3 percent and foreign investment 32 percent. Per-capita GDP in 2002 reached approximately VND 10 million on average, an increase of 10.2 percent over 2001. The total state budget income in five years (1997-2001) went up 17 percent per year while state budget expenditure also increased by 18 percent. Though balancing budget is very difficult, income and expenditure activities has ensured the regular and principal demand and gradually reached high accumulation rate for investment.

The industrial production in the province had an annual increase of 33.7 percent on average in 1997-2001. The proportion of industrial production value of all economic sectors by the end of 2001 is: 7.6 percent for state economy, 34.1 percent for private economy and 58.3 percent for foreign investment. The agricultural production in 1997-2002 rose by 5.5 percent per annum. The agricultural structure strongly changed to producing commodity, developing perennial industrial crops, fruits trees and concentrated husbandry. Many intensive areas of rubbers, cashew nut, fruit trees and husbandry areas of pigs, chickens, cow for meat and dairy cows with big scale have been formed.

The export activities went up by 27.8 percent per year in 1997-2001 with the spearhead export items such as rubber latex, garments, footwear, ceramics, lacquers, sculptures, construction materials, electronic accessories etc. The im-export market has spread to 35 countries and territories but most of enterprises still base on middlemen . Banking system has made great efforts to meet the capital demand for business and production of economic sectors. The annual capital mobilization rate increases by 28 percent. Binh Duong has developed to become one of five localities with big income partly contributing to the central state budget from a province which used to depend on the central budget.

Especially in developing industrial zones, Binh Duong is considered one of the most successful provinces (three in total) of the whole country. The province has planned 13 industrial parks in the area of 6,000 hectares in which 9 were licensed to operate in 1,798 hectares. The active industrial zones has attracted about 409 projects of which 294 are foreign invested (around US$1.32 billion). The covered areas of industrial parks reached 76.9 on average (while the figure of 14 industrial parks in Ho Chi Minh city is 62.6 percent and that of 10 industrial parks in Dong Nai is 52 percent).

In meantime, the open policies have created favorable conditions for 1,894 private enterprises, liability limited companies and joint stock companies with total registered legal capital of VND 6,844 billion to creatively perform their business and production. The number of foreign direct invested (FDI) projects is now increasing, there are now 616 active FDI projects with total investment of US$ 3 billion with the main focus on industrial field such as electronic assembling, processing, garments, footwear, ceramics, furniture and household appliances. These results have helped Binh Duong to become one of five localities with the biggest FDI attraction nationwide. Binh Duong is also a province with the highest rate of successful projects accounting for 94 percent of the whole projects managed by the province. In which the projects grade 1 (good performance) accounts for 61 percent, the grade 2 projects (in process) 33 percent and inactive projects or those withdrawing licenses is 6 percent , the lowest level of the whole country. The success of attracting FDI projects is the vivid demonstration of the success in administrative reform, a sound direction that Binh Duong is continuing to follow. By creating trust for investors and enterprises - "good humor will go far", domestic and foreign investors tell one another and choose Binh Duong for their business. Therefore, the investment capital of Binh Duong has sharply increased since 1996 accounting for 71 percent of the total investment and development capital in this period.

Socio-economic infrastructure have been synchronously improved and built with modern criteria to gradually meet the requirements of business - production and local people's domestic use. The arteries of the province have been upgraded and improved such as Highway 13, 1A, 1K and 7 provincial roads have been remarkably improved. The rural electrification has strongly developed. Electric lines 66KV of Thu Duc - Lai Thieu - Thu Dau Mot, national grid 500 KV, route 220 KV Tri An - Hoc Mon and lower voltage electric network to districts have been completed. So far 100 percent of communes and 92.3 percent of households can use electricity and 75 percent of them have clean water.

These significant achievements are indispensable results of the harmonious combination of three factors including geographical location, opportunities and especially the flexibility in understanding directive ideology on renovation as well as the directions of administrative reform of the Central government and penetrating directions, policies and laws of the Party and State to apply into the local context. In addition, it is impossible to deny the strong change leadership and working styles of the Party and authorities in Binh Duong in issuing policies and regulations to lure talents, creating open business and investment environment for all enterprises of different economic sectors. For instance the province has considered the external force as the main motive force for its development by creating open and attractive investment environment which is more competitive than other localities while its internal force is still limited.

However, the most important tasks of Binh Duong at the moment is to obviously enhance the economic life and intellectual level of the local people; strive to push Binh Duong to the height of the key provinces or cities of the southern region; accelerate the urbanization by developing independent and satellite urban areas which are industrial town and then form the group of urban area in the south of Binh Duong. Concurrently, define that developing services -industry will still be the impetus to speed up the province's economic growth rate.

Entering the renovation period, the strong transition of economic structures into industry - services - agriculture, the period of industrialization and modernization, Binh Duong province is creating new opportunities by open policies, attractive investment and business environment luring more and more domestic and foreign investors to have long-term co-operation with Binh Duong. Hopefully, with the heroic traditions in wars and strong determination to enrich the land that ancestors exploited and built very hard, the Binh Duong Party Committee will be always in solidarity and be trusted by local people who are industrious and diligent and Binh Duong will always be the ideal investment address of domestic and foreign investors to harvest fruitful crops in such "good land".

Phần I

LÀM QUEN VỚI MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI BÌNH DƯƠNG

Part I

PRESENTATION

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG

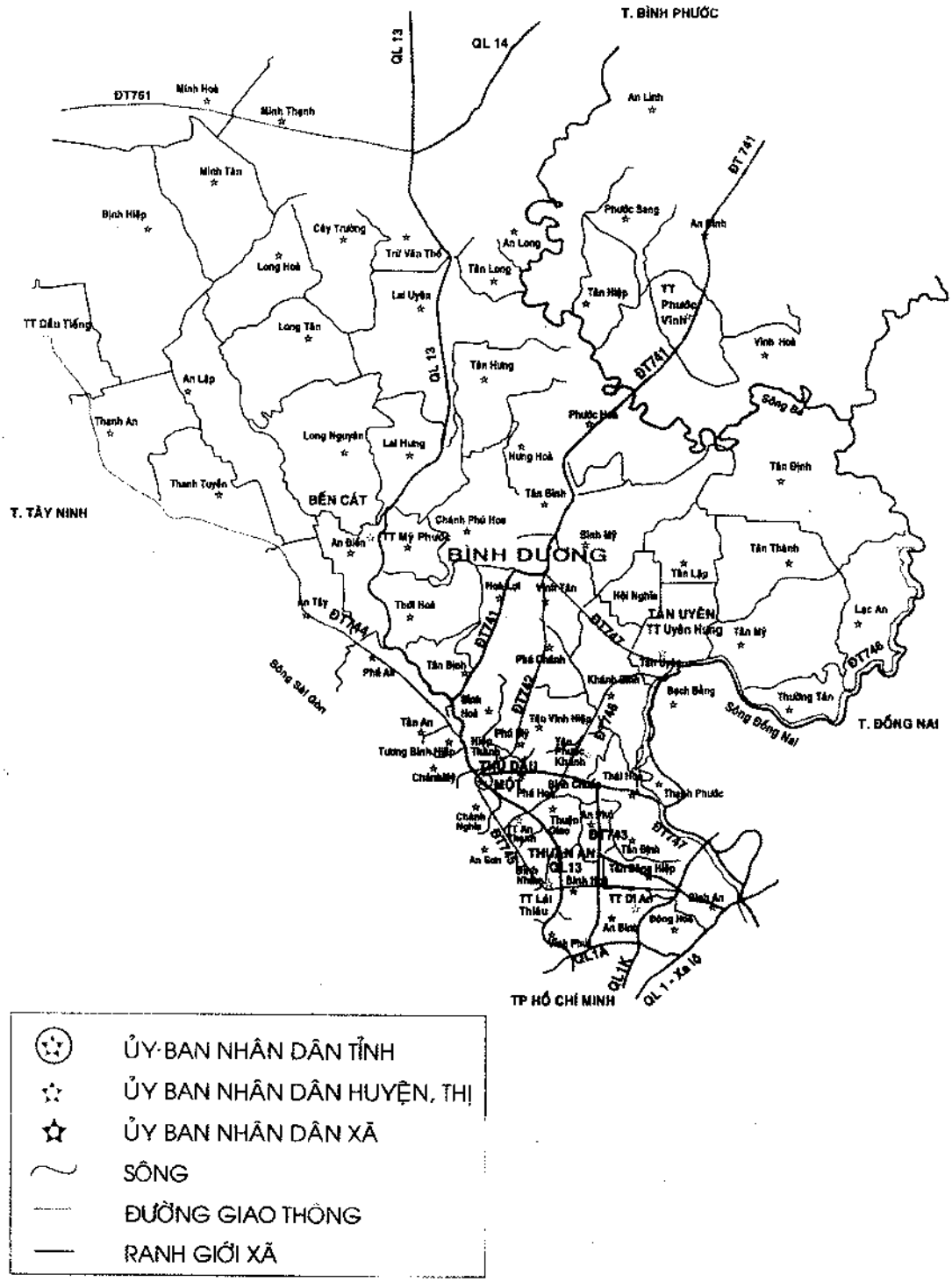

- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
- ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THỊ
- ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
- SÔNG
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI XÃ

Bình Dương xưa và nay

Bình Dương là vùng đất thuộc miền Đông Nam Bộ có vị trí chính trị, kinh tế - xã hội và điều kiện lịch sử khá đặc biệt. Từ giữa thế kỷ thứ XVII, nhất là sau năm 1689 khi Thống suất Chưởng cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đặt dấu ấn khai phá vùng đất phương Nam, Bình Dương xưa thật sự phát triển với nhiều đợt di dân lớn từ miền Bắc, vùng Ngũ Quảng, Thuận Hoá của Trung Bộ với chủ trương khai hoang, phục hoá. Từ một tỉnh nông nghiệp nghèo sau ngày giải phóng, Bình Dương ngày nay là một cực quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nền kinh tế tăng trưởng cao, kết cấu hạ tầng thay đổi nhanh chóng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mảnh đất này đang chứng kiến những thay đổi quan trọng trong thế kỷ mới.

Bình Dương trong buổi bình minh của công cuộc khai phá

Cũng như hầu hết các địa phương thuộc lưu vực sông Phước Long (nay là sông Đồng Nai) và sông Tân Bình (nay là sông Sài Gòn), vùng đất nay là Bình Dương cho đến cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, vẫn còn là vùng đất hoang hóa, rừng rậm. Lúc bấy giờ, trên vùng đất mênh mông này, mới chỉ có một ít cư dân thuộc các thành phần dân tộc: X'tiêng, Chơ ro, Mạ, Mnông, Khơme sinh sống. Các dân tộc với dân số ít ỏi, trình độ sản xuất thấp kém chủ yếu nhờ vào phá rừng làm nương, tỉa lúa theo phương thức du canh du cư, kết hợp với hái lượm và săn bắt, sống rải rác đây đó theo từng buôn sóc cách xa nhau. Vì thế, ngoại trừ một vài vùng đất cao ở bìa rừng và một số gò đồi, đại bộ phận đất đai còn lại đều là rừng rậm chưa hề được khai phá. Chính vì lẽ đó, cho đến giữa thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn vẫn ghi nhận trong sách Phủ Biên Tạp Lục rằng: "Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giờ, Lôi Lạp (Soài Rạp), Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm".

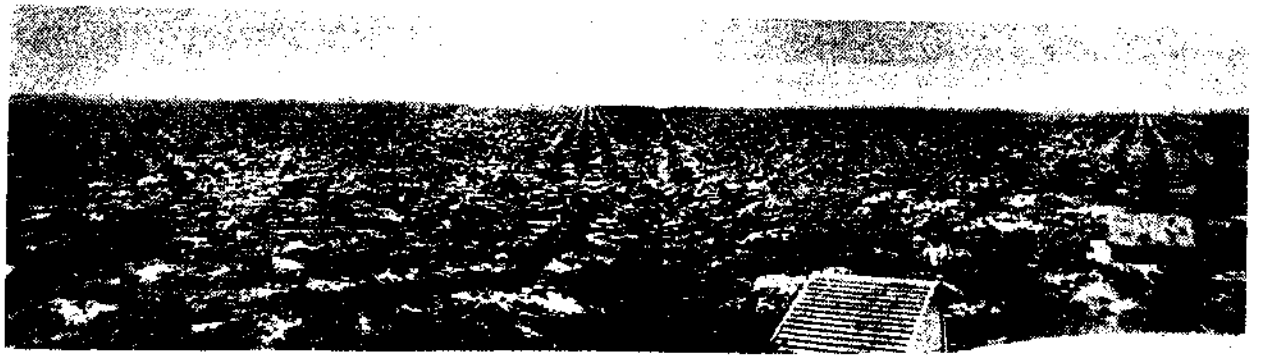

PL. 137 PLANTATIONS MICHELIN Vue générale des jeunes plantations

Toàn cảnh nông trường cao su Michelin Thủ Dầu Một năm 1930

Vùng đất Đồng Nai - Gia Định hầu như hoang vắng vào thế kỷ XVI, trở nên sôi động từ đầu thế kỷ XVII, sự xuất hiện của lớp dân cư mới - lưu dân người Việt từ miền Thuận Quảng nhập cư vào. Đây là số nông dân nghèo không chịu nổi sự vơ vét, bóc lột của nhà Nguyễn và bọn địa chủ cường hào, cũng như cảnh sống cơ cực, lầm than chết chóc do cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn gây ra. Thậm chí, nhiều người trong số họ còn là những người mắc tội "nghịch mạng triều đình" mà phải bị lưu đày đến đây, những người vì trốn tránh sưu thuế, binh dịch phải chạy vào đây tìm chốn nương thân. Ngoài ra, theo chân người Việt, vào những thập niên cuối thế kỷ XVII, một số người Hoa "phản Thanh phục Minh" cũng được Chúa Nguyễn cho lánh nạn vào đây sinh sống.

Sau khi vào tới đất Đồng Nai - Gia Định, điểm đầu tiên mà lưu dân người Việt dừng chân, theo sử cũ "Gia Định thành thông chí" là vùng Mỗi Xuy (còn gọi là Mô Xoài) - Bà Rịa, vì đây là đất địa đầu nằm trên trục giao thông đường bộ từ Bình Thuận vào Nam, lại ở giáp biển. Rồi từ Mô Xoài - Bà Rịa, họ tiến dần lên Đồng Nai (Biên Hòa) với các điểm định cư sớm nhất là: Bàn Lân, Bến Gỗ, Bến Cá, An Hòa, Long Thành, Cù Lao Phố, Cù Lao Rùa, Cù Lao Tân Chánh, Cù Lao Ngô, Cù Lao Tân Triều. Cũng có một bộ phận lưu dân vào cửa Cần Giờ, ngược sông Bình Phước (sông Lòng Tàu) lên vùng Sài Gòn - Bến Nghé, vùng ngày nay là huyện Thuận An và huyện Bến Cát.

Tiến trình nhập cư của lưu dân người Việt vào đất Đồng Nai - Sài Gòn đã diễn ra liên tục trong suốt thế kỷ XVII và đến cuối thế kỷ XX, dân số đã lên tới hơn 40.000 hộ, phân bố gần như khắp vùng, mặc dù mật độ dân cư còn tương đối thấp. Đó chính là cơ sở xã hội để vào mùa xuân năm Mậu Dần (năm 1698), chúa Nguyễn Phúc Chu quyết định phải Thống suất Chưởng Cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào "kinh lược" (tức là thiết lập hệ thống quản lý hành chính vùng này) "lấy đất Nông Nại đặt làm Gia Định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn" (Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Tập trung và Tập hạ, Bản dịch tiếng Việt, S.1972, các trang 12, 30, 43.)

Sau khi thiết lập chính quyền, Nguyễn Hữu Cảnh lập tức chiêu mộ những lưu dân từ châu Bố Chánh (nay là Quảng Bình) trở vào Nam đến khắp nơi, đặt ra phường ấp xã thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh điền và lập hộ tịch đinh điền (Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Tập trung và Tập hạ, Bản dịch tiếng Việt S.1972, các trang 12, 30, 43).

Khi mới lập, dinh Trấn Biên lãnh một huyện là Phước Long gồm 4 tổng là Tân Chánh (sau đổi thành Phước Chánh), Bình An, Long Thành, Phước An. Địa phận tổng Bình An lúc bấy giờ chính là địa phận hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước ngày nay. Địa phận tỉnh Bình Dương ngày nay nằm ở phần đất phía dưới của tổng Bình An. Đất vùng này nhờ có hệ thống kênh rạch thuận lợi cho việc tưới tiêu nên thích hợp với việc trồng cây lương thực, các loại cây họ đậu, cây công nghiệp ngắn ngày. Đặc biệt, vùng đất phù sa cổ dọc sông Sài Gòn, sông Đồng Nai rất thích hợp với nhiều loại cây ăn trái đặc sản. Ngoài ra, lượng mưa ở vùng này tương đối điều hòa nên hầu hết các loại cây trồng đều phát triển nhanh. Chính vì môi trường tự nhiên của đất Bình An khá thuận

Diện tích các huyện thuộc tỉnh Biên Hoà

STT	Huyện	Diện tích đo đạc	Diện tích thực canh
1	Bình An	6723.1.5.6	6119.5.14.4
2	Phước Chánh	3435.7.3.7	3279.9.14.9
3	Long Thành	2425.0.2.7	2329.1.9.0
4	Phước An	1729.4.3.3	1698.2.13.2

Nguồn: Nguyễn Đình Đầu, nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Biên Hòa, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1994

Sau hơn 300 năm xây dựng phát triển, Bình Dương giờ đây đã trở thành tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

lợi cho cuộc sống con người, cho nên đây cũng là nơi sớm thu hút lưu dân đến sinh cơ lập nghiệp. Thời kỳ ban đầu, lưu dân người Việt, người Hoa sống chủ yếu ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Càng về sau dân số càng phát triển do sinh đẻ tự nhiên và do di dân bổ sung, họ mở rộng địa bàn cư trú và khai thác về phía Bắc.

Kết quả là chỉ trong vòng một thế kỷ từ sau ngày Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược (năm 1698), vùng đất này có bước phát triển khá nhanh về kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, năm 1808, triều Nguyễn đã quyết định nâng huyện lên phủ, nâng tổng lên huyện, "xét đất rộng hẹp, dân nhiều ít, cứ theo địa thế liên lạc nhau mà chia đều, lại lập thêm tổng đều lập giới hạn" (Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Tập trung và Tập hạ. Bản dịch tiếng Việt, S.1972, các trang 12, 30, 43). Theo quyết định này, tổng Bình An được nâng lên huyện Bình An gồm hai tổng (Bình Chánh, An Thủy) với 119 xã, thôn, phường, ấp, điểm. Trong số 4 huyện của tỉnh Biên Hòa, Bình An là huyện có số diện tích thực canh lớn nhất.

Về phương thức canh tác ruộng lúc ở Biên Hòa nói chung, huyện Bình An nói riêng, Trịnh Hoài Đức cho biết là ruộng lúa lúc bấy giờ chia làm hai loại sơn điền và thảo điền. Sơn điền (ruộng cao, lúc bắt đầu khai khẩn thì đốn chặt cây cối, đợi cho khô đốt làm phân tro, khi mưa xuống trồng lúa, không cần cày bừa, dùng lực ít mà được bơi lội, trong 3 - 4 năm thì đổi sang chỗ khác. Thảo điền là ruộng lùng lác bùn lầy, lúc nắng khô nứt nẻ như vẻ mu rùa, có hang hố sâu, lớn, đợi có mưa đầy đủ mới hạ canh, mà trâu cày phải lựa con nào có sức mạnh, móng chân cao, mới kéo cày được, nếu không sẽ ngã ngập trong bùn lầy, không đứng dậy nổi.

Về xã hội, Bình An cũng là nơi có dân số tăng nhanh so với các huyện khác trong tỉnh Biên Hòa. Sử liệu không ghi lại dân số từng huyện, nhưng ta có thể tìm hiểu vấn đề này qua diện tích đất ở. Theo số liệu thống kê qua cuộc đo đạc điền năm 1836, diện tích đất ở của toàn Trấn Biên Hòa là 686 mẫu 9 sào 2 thước 3 tấc (chiếm 4,86%). Nếu xét trên diện tích đất sử dụng, riêng Bình An đã có tới 543 mẫu 9 sào 2 thước 3 tấc, chiếm 79,26% đất ở của toàn tỉnh Biên Hòa. Như vậy, qua các số liệu trên cho thấy, Bình An là nơi có tốc độ khai phá nhanh nhất và qui mô khai phá sớm nhất so với toàn Trấn Biên Hòa trong thời kỳ khai phá thuộc hai thế kỷ XVII, XVIII. Đó chính là tiền đề vững chắc cho những bước phát triển mạnh mẽ tiếp theo của vùng đất giàu tiềm năng này.

Khi người Pháp chiếm đóng và khai phá Thủ Dầu Một hồi cuối thế kỷ XIX, với mục tiêu cai trị vùng đất mới, thực dân Pháp đã cho tăng cường xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho ý đồ quân sự và khai thác thuộc địa. Hoạt động hành chính kiểu tỉnh lỵ, các quận, huyện, thị trấn ra đời cùng với các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng như đường bộ, đường sắt đã hình thành nên chế độ cai trị thực dân tại Thủ Dầu Một. Bên cạnh các đồn điền cao su ở Dầu Tiếng, những nhà thờ, biệt thự và chợ thương mại ở Thủ Dầu Một, là các trại tù, trại lính mọc lên khắp nơi. Người dân Bình Dương với lòng yêu nước, tinh thần quả cảm đã sớm đi theo cách mạng. Phong trào công nhân từ những năm 1940 đã hình thành ở nhiều nơi, ngay trong các đồn điền, các xí nghiệp do thực dân Pháp dựng nên.

Từ những năm 1950 trở về sau, Thủ Dầu Một - Bình Dương là vùng trọng điểm của hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Phong trào cách mạng trên mảnh đất Bình Dương đã chứng kiến những trận đánh đi vào lịch sử, những tấm gương quả cảm anh hùng bảo vệ quê hương thân yêu. Cũng từ mảnh đất gánh chịu mưa bom, lửa đạn này đã làm nảy sinh chiến thuật "nắm thắt lưng địch mà đánh" tại những cánh rừng cao su của Dầu Tiếng khiến cả nước phải thán phục và Bác Hồ ngợi khen: "Mừng miền Nam rực rỡ chiến công. Nhiều Dầu Tiếng, Bàu Bàng, Plây Me, Đà Nẵng."

Diện mạo Bình Dương ngày nay

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày 25-3-1976, hai tỉnh Thủ Dầu Một và Bình Phước sáp nhập với tên gọi mới là Sông Bé. Cho đến trước năm 1997, Sông Bé cũ là một tỉnh nghèo của miền Đông Nam Bộ với nền kinh tế thuần nông. Cho đến đầu những năm 1990, chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Sông Bé đã thay đổi rõ nét với trọng tâm đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà một trong những dấu ấn quan trọng là sự ra đời của Khu công nghiệp Sóng Thần và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh vào năm 1995. Bộ mặt công nghiệp và kết cấu hạ tầng công nghiệp, đô thị bước đầu có những thay đổi tích cực.

Đến ngày 1-01-1997, Bình Dương được tách ra từ tỉnh Sông Bé. Từ đó đến nay, Bình Dương trở thành một trong những tỉnh, thành phố trong cả nước có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao nhất, đặc biệt trong lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng và mở rộng các khu công nghiệp. Có nhiều yếu tố tác động đến quá trình phát triển này, trong đó có những tác động quan trọng của công cuộc cải cách hành chính được triển khai liên tục trong các cấp, các ngành. Một Bình Dương của thời kỳ cải cách hành chính và thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã viết tiếp trang sử hào hùng của mảnh đất hơn 300 năm, giàu truyền thống và rực sáng những chiến công chói lọi trong dựng nước và giữ nước.

Thỉnh Sắc Thần - Lễ hội Kỳ Yên Đình Thần Dầu Tiếng

Binh Duong: Past and Today

Binh Duong is located in a southeastern region. The location holds a substantial position to political, social and economic development in the region, in addition to quite special historical conditions. From middle century XVII, particularly after Nguyen Huu Canh began to reclaim this southern land, the Binh Duong province in the past continuously hosted large exodus from the north, and Ngu Quang and Thuan Hoa of the central region for land reclamation. From the status as a poor agricultural province after the liberation in 1975, Binh Duong has been included in southern pivotal economic zone. The local economy has posted a high growth level. Improvements have been recorded in local infrastructure development course. This southern land has witnessed crucial changes in the new era.

Binh Duong in the dawn of the land reclamation

Like most other localities at Phuoc Long River (now Dong Nai River) and Tan Binh River (now Saigon River) basin, the present Binh Duong Province still remained a jungle and deserted land area in the late of 16th century and in the early of 17th century and early century XVII. By that time, just small number of residents from different ethnic minorities inclusive of X'tieng, Choro, Ma, Mnong and Khmer resided in the area. Those ethnic groups with backward production techniques mainly engaged in forest destruction to perform slash-and-burn cultivation, in addition to picking and hunting. Those inhabitants lived in scatteredly distributed highland villages. Hence, exclusive several high earthen banks at forest edge and hills, the majority of land areas were untapped jungle. For that reason, in the middle of 18th century, Le Quy Don recognized in Phu Bien Tap Luc book that "In Gia Dinh District, Dong Nai land, from Can Gio, Loi Lap (Soai Rap), Cua Dai and Cua Tieu onwards were thousands miles of jungles."

The desolate Dong Nai - Gia Dinh land area in 16th century became quite animated in the early of 17th century with the appearance of new migrants from Thuan Quang region. Those needy farmers could not stand the exploitation of the Nguyen feudal dynasty as well as a miserable life due to the war caused by two Trinh and Nguyen feudal groups. They came to the region for many reasons. Several people were in exile, the others fled here for tax evasion or escape from military service. Following the Viet people footsteps, several Chinese were permitted by Nguyen Lord to take refuge in the area.

Setting a foot in Dong Nai - Gia Dinh land, the Viet migrants settled down in Moi Xuy (or the so called Mo Xoai) - Ba Ria, as the region lied in roadway transport backbone from Binh Thuan to the south, nearby the sea. From Mo Xoai - Ba Ria, the migrants moved to Dong Nai (Bien Hoa), with earliest locations for residence being Ban Lan, Ben Go, Ben Ca, An Hoa, Long Thanh, Cu Lao Pho, Cu Lao Rua, Cu Lao Tan Chanh, Cu Lao Ngo and Cu Lao Tan Trieu. A segment of the migrants called on Can Gio or went upstream Binh Phuoc River (now Long Tau River) to Saigon - Ben Nghe region, nowadays Thuan An and Ben Cat districts.

The migration of the Viet people to Dong Nai - Saigon land took place repeatedly during the 17th century. In the late 20th century, the region accommodated more than 40,000 households with relatively low population density. This was also a social fundament for Lord Nguyen Phuc Chu to come to the decision to send Nguyen Huu Canh to the area for establishing the region's administrative management system in spring 1698. The mandarin was trusted to form Gia Dinh District on the ground of Nong Nai land; turn Dong Nai

into Phuoc Long District, and build Tran Bien as its administrative unit; turn Saigon into Tan Binh District and set up Phien Tran as its administrative unit. (Trinh Hoai Duc, Gia Dinh Thanh Thong Chi, Vietnamese translation, Page 12, 30 and 43).

After instituting the powers, Nguyen Huu Canh mobilized migrants from different areas, established small administrative units (wards, hamlets, communes and villages). The land area was divided into separate sections. Local inhabitants were allocated with land and obliged to pay taxes. (Trinh Hoai Duc, Gia Dinh Thanh Thong Chi, Vietnamese translation, Page 12, 30 and 43).

Initially, Tran Bien hosted Phuoc Long District which was in turn consisted of Tan Chanh (later changed into Phuoc Chanh), Binh An, Long Thanh and Phuoc An. The former Binh An now accommodates the present Binh Duong and Binh Phuoc provinces. With a favorable canal and ditch system the area presently hosting Binh Duong Province was ideal for the cultivation of food crops, bean trees and short-term industrial crops. Further, alluvial soil alongside Saigon and Dong Nai rivers was very suitable to planting speciality fruit trees. As a result of moderate rainfall, almost food crops grew quickly. Enjoying favorable natural conditions, Binh An soon attracted migrants. Initially, Viet people and Chinese migrants resided mainly along Dong Nai and Saigon rivers. Later, due to a population upgrowth, the migrants had to expand residential areas and moved to the north.

Consequently, a century later the region witnessed a noticeable progress in diverse social and economic fields. Therefore, in 1808, the Nguyen Dynasty decided to enhance the status of the region's administrative units. Under the decision, Binh An was upgraded into Binh An District which was consisted of Binh Chanh and An Thuy smaller units. The district accommodated up to 119 communes, villages, wards and hamlets. Of Bien Hoa Province's four districts, Binh An had the largest cultivation area.

In regards to cultivating technique, according to Trinh Hoai Duc, there existed two types of rice fields by that time, namely son dien (upland field) and thao dien (lowland field). To cultivate rice in upland fields, local inhabitants had to cut down trees first, then burn them into ashes. They cultivated rice when it was rain without the need to do ploughing and then they moved to other places after 3 - 4 years. It was seemingly more difficult to cultivate rice in lowland fields which were muddy ones. During dry season, the fields were chapped like a tortoise-shell. Local inhabitants had to wait for sufficient rainfall to do cultivation. To do ploughing in lowland fields, the required buffaloes must be strong ones.

In regards to social field, Binh An reported a rapid growth of the population compared to other districts in the province. Archives did not give the adequate population of each district, however, we can learn about it through considering housing area. Statistics showed that by 1836, total housing area of Bien Hoa region made up 4.86 percent in the total while that of Binh An represented 79.26 percent in Bien Hoa region's total area. Those figures showed that Binh An recorded the highest rate of land reclama-

Areas of districts in Bien Hoa province

No	Districts	Measured area	Actual cultivation area
1	Binh An	6723.1.5.6	6119.5.14.4
2	Phuoc Chanh	3435.7.3.7	3279.9.14.9
3	Long Thanh	2425.0.2.7	2329.1.9.0
4	Phuoc An	1729.4.3.3	1698.2.13.2

Source: Nguyen Dinh Dau, study of Nguyen dynasty's cadastral registration - Bien Hoa, Ho Chi Minh City Publisher, 1994

The renovation is shown in the entertainment places and architectural construction with modern scene

tion in the entire region. This was also the prerequisite for successive leaps of this potential land region.

When the French colonists occupied Thu Dau Mot in late century XIX, in order to rule the new land, they fostered the building of infrastructure works for military and exploitation purposes. A colonial ruling regime was founded in Thu Dau Mot. Basic transport infrastructure works were set up. Alongside rubber plantations in Dau Tieng, churches, villas and commercial quarters in Thu Dau Mot were countless number of barracks and prisoner-of-war camps. With a burning love to the country, Binh Duong residents soon joined the army. Workers led strong movements right in the 1940s, even in plantations and enterprises set up by the French colonists.

Since the 1950s, Thu Dau Mot and Binh Duong became the heart of national resistance wars against the enemy. Binh Duong once witnessed glorious fights that entered the history and shining examples of local patriots in safeguarding the beloved homeland. The tactics "Grasping enemy's belt to combat" was initiated right at Dau Tieng immense rubber fields that was astonished the whole country and lauded by President Ho Chi Minh.

Binh Duong today

After the liberation of the south, the two provinces of Thu Dau Mot and Binh Phuoc were merged to form Song Be Province on March 25, 1976. Before 1997, the former Song Be province remained a poverty-stricken locality in southeastern region. Agriculture played a leading role in the province's economy. The province's economic development strategy changed radically in early of the 1990s. Priority was given to step up the process of industrialization and modernization. The establishment of Song Than industrial zone (IZ) and the province IZs authorities in 1995 marked a turning point in the province's development. Improvements were seen in diverse fields of local economy.

Binh Duong was split from Song Be Province since January 1, 1997. Since then, the province has been recognized as one of localities with the highest growth in social and economic development, particularly in attracting foreign investment, building and expansion of IZs. The province's success has partly attributed to extensive administrative reforms which took place continuously at province bodies and branches. Binh Duong province today has outstandingly continued the glorious history of this heroic land of over 300 years.

Thông tin tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Tên gọi: Tỉnh Bình Dương

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, được tách ra từ tỉnh Sông Bé vào ngày 01-01-1997.

Vị trí địa lý: Nằm cách thành phố Hồ Chí Minh 30km về phía Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước, phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích tự nhiên: 2.681,01km^2 (chiếm 0,83% diện tích cả nước và xếp thứ 42/61 tỉnh, thành về diện tích tự nhiên).

Dân số và lao động: Dân số hơn 770 nghìn người, chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm gần 1% dân số cả nước), mật độ 286 người/km^2. Năm 2001, dân số đô thị là 230 nghìn người, chiếm 30% (tỷ lệ chung của cả nước là 24,7%). Với khả năng tạo thêm 20.000 việc làm mới mỗi năm, tỷ lệ lao động thất nghiệp của Bình Dương chỉ còn khoảng 2,71%.

Địa hình: Tương đối bằng phẳng, nền địa chất ổn định, vững chắc. Từ phía Nam lên phía Bắc, theo độ cao có các vùng địa hình thung lũng bãi bồi, vùng địa hình bằng phẳng và vùng địa hình đồi thấp. Với địa hình cao trung bình từ 6 đến 60m nên trừ một vài thung lũng dọc sông Sài Gòn, sông Đồng Nai thì đất đai ở Bình Dương ít bị lũ lụt, ngập úng, thuận lợi cho phát triển hệ thống giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và sản xuất nông nghiệp.

Khí hậu: Mang nét đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm với 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,5^{0}C, trong đó tháng cao nhất 29^{0}C (tháng 4) và tháng thấp nhất 24^{0}C (tháng 1). Lượng mưa trung bình hàng năm 1.800mm - 2.000mm với số ngày có mưa là 120 ngày. Với đặc điểm khí hậu này rất thuận lợi cho việc trồng các loại cây công nghiệp.

Đơn vị hành chính: Bình Dương có 1 thị xã và 6 huyện gồm: Thuận An, Dĩ An, Phú Giáo, Dầu Tiếng, Bến Cát, Tân Uyên. Trong đó, thị xã Thủ Dầu Một giữ vai trò là tỉnh lỵ tỉnh Bình Dương.

Kết cấu hạ tầng: Hệ thống giao thông được phân bổ đều và thuận tiện bao gồm cả đường bộ, đường sông và đường sắt. Trên địa bàn tỉnh, các trục lộ giao thông huyết mạch của quốc gia như Quốc lộ 1, Quốc lộ 13, 14 đoạn chạy qua Bình Dương đã được đầu tư nâng cấp và mở rộng. Ngoài ra, Bình Dương còn có tuyến đường sắt Bắc - Nam và tuyến đường xuyên Á chạy qua. Bốn con sông là sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Thị Tính và sông Bé đã tạo nên một mạng lưới giao thông thuỷ thuận tiện. Ngoài ra, hệ thống sông này còn là nguồn cung cấp nước mặt phong phú với trữ lượng hàng trăm triệu mét khối phục vụ hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Hệ thống lưới điện có tổng công suất là 275MVA, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

Tài nguyên:

Về tài nguyên đất và rừng, tổng quỹ đất toàn tỉnh là 2.681,01km^2, trong đó có 18.527 ha là đất rừng. Như vậy, nếu tính cả diện tích trồng cây công nghiệp dài ngày thì tỉ lệ rừng che phủ trên toàn tỉnh chiếm 44,5% diện tích. Cơ cấu đất thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau với 6 nhóm đất chính: đất phèn chiếm 1,22%; đất phù sa 5,79%; đất xám 52,41%; đất đỏ vàng 24%; đất dốc tụ 12,09%; đất xói mòn trơ sỏi đá 0,03% và sông hồ chiếm 4,46%.

Về tài nguyên nước mặt, Bình Dương có 3 con sông lớn chảy qua là sông Bé, sông Đồng

Nai và sông Sài Gòn, tạo ra tiềm năng nước mặt được đánh giá là khá dồi dào. Sông Bé do có lòng sông hẹp, kiệt nước về mùa khô và ít nước về mùa mưa nên có giá trị về thuỷ lợi và bổ sung nước ngầm cho vùng phía Bắc của tỉnh, nhưng không có giá trị về giao thông vận tải. Bù lại, sông Đồng Nai và sông Sài Gòn có giá trị lớn cả về giao thông vận tải, cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, sông Đồng Nai có vai trò đặc biệt quan trọng với huyện Tân Uyên trong trồng cây công nghiệp, trong khi sông Sài Gòn còn tăng thêm giá trị về nuôi trồng thuỷ sản và du lịch sinh thái. Bình Dương cũng có nguồn nước ngầm tương đối dồi dào phục vụ cho diện tích cây dài ngày và phát triển sản xuất công nghiệp.

Về tài nguyên khoáng sản, Bình Dương có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối đa dạng, nhất là khoáng sản phi kim loại có nguồn gốc magma, trầm tích và phong hoá đặc thù, phân bố tại 82 vùng mỏ lớn nhỏ với 9 loại cơ bản là than bùn, kaolin, sét, đá xây dựng và cát xây dựng. Đây cũng chính là nguồn cung cấp nguyên liệu cho những ngành công nghiệp truyền thống và thế mạnh của tỉnh như gốm sứ, vật liệu xây dựng và khai khoáng.

Cơ cấu kinh tế: Là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trong đó ngành công nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu. Cơ cấu kinh tế năm 2002 là: công nghiệp 60,6% - dịch vụ 25,9% - nông nghiệp 13,5%. Bình Dương đang phấn đấu đến năm 2005, cơ cấu sẽ thay đổi với tỷ trọng là: công nghiệp 61 - 62%, dịch vụ 27 - 28% và nông nghiệp chiếm 10 - 11%.

Đời sống dân cư: GDP bình quân đầu người đạt 9,97 triệu đồng/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh chóng, từ 12,18% vào năm 1997 xuống còn 1,8% đến hết năm 2002. Hệ thống điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục đã đến 100% số xã trong tỉnh.

General Information on Natural Conditions and Socio - Economy

Name: Binh Duong province

Binh Duong is a south-east province located in the strategic economic region of the south and split from Song Be province on January 1st 1997.

Geographic location: It is about 30 km in the south far from Ho Chi Minh City. Bordering Binh Phuoc province in the north, Dong Nai province in the East and Tay Ninh and Ho Chi Minh City in the west.

Natural area: 2,681.01 sq. km (accounting for 0.83 percent of the national area and ranking 42th among 61 other provinces and city in terms of national condition.)

Population and labor: Binh Duong is home of 770,000 people who mainly are Kinh (accounting for nearly one percent of the national population), with population density is 286 people/sq. km. In 2001, the urban population is 230,000 people, making up 30 percent of the provincial population while average rate of the country is 24.7 percent. Every year, about 20,000 jobs are created which helps to reduce unemployment rate in Binh Duong province down to 2.71 percent.

Topography: Relatively flat with the stable and firm geological ground. From the south to the west, there are different topographic areas of alluvial ground, plain and low hills with the average height of 6-60 m therefore regions in Binh Duong are rarely affected

by floods except some valleys alongside Saigon River and Dong Nai River which is very good for transportation development, infrastructure construction and agriculture production.

Climate: Binh Duong is characterized by the monsoon tropical climate, hot and humid with two clear seasons: the rainy season from May to November and dry season from December of previous year to April of the next year. The average temperature is 26.5°C and the highest one is 29°C in April and the lowest is 24°C in January. The average waterfall is 1,800 mm-2,000 mm with approximately 120 rainy days. This climate is very convenient for growing industrial crops.

Administrative structure: Binh Duong has one town and six districts including: Thuan An, Di An, Phu Giao, Dau Tieng, Ben Cat, Tan Uyen, in which Thu Dau Mot town is considered a township of Binh Duong.

Infrastructure: The transportation system are equally and conveniently distributed including roads, waterway and railway. Many important national highways running across the province such as Highway 1, Highway 13 and Highway 14 has been upgraded and expanded In addition, North-South and transAsian railways also pass by Binh Duong. Four rivers: Saigon, Dong Nai, Thi Tinh and Be has created a very good conditions for waterway network. These rivers also provide plentiful water sources of a hundred millions of cubic meters for production and domestic use. The electricity network with total capacity of 275MVA has satisfied demands of the business and production and domestic use.

Land and forest resources: The province has a total area of 2,681.01sq. km in which 18,527 hectares are forestry land. Thus the area of cover forest will account for 44.5 percent of the total provincial areas if calculating the area of perennial industrial crops. Soil with six main types including alkaline soil accounting for 1.22 percent, alluvium 5.79 percent, gray soil 52.41 percent, yellow red soil 24 percent and upland soil 12.09 percent, rock and gravel erosion soil 0.03 percent and lakes and rivers 4.46 percent is suitable to different kinds of crops.

Water surface resource: Binh Duong have three big rivers: Saigon, Dong Nai and Be across which bring rich water surface resources. Be River has small basin and become dry in summer so it only has the irrigation value and supplement the underground water sources for the north of the province but does not bring transportation value. However, Dong Nai and Saigon rivers has the values of transportation, and water supply for domestic use and agricultural production. In addition, Dong Nai River plays a very important role in plantation of industrial crops in Tan Uyen district and Saigon creates benefits from aquaculture and ecological tourism. Binh Duong has many underground water resources which are very useful for perennial crops and industrial production development.

Minerals and natural resources: Binh Duong has varied mineral resources especially non-mental minerals with origin of magma and sediment ...etc. which are allocated in 82 deposits of different sizes with 9 main types including mud coal, kaolin, clay, construction rocks and sand. These are also main material resources for traditional and spearhead industries of the provinces such as ceramics, construction material and mineral exploitation.

Economic structure: As a province with high economic growth in which industry plays a key role. The economic structure of 2002 is: industry 60.6 percent- services 25.9 percent-agriculture 13.5 percent. Binh Duong is striving to restructure in 2002 with industry 61-62 percent, services 27-28 percent and agriculture 10-11 percent.

People's living standard: Average per-capital GDP is VND9.97 million per year. The number of poor households has sharply decreased from 12.18 percent in 1997 to 1.8 percent at the end of 2002. Electricity, information, communication, healthcare and education systems has reached 100 percent of communes in the province.

Phần II

TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Part II

ADMINISTRATIVE STRUCTURE

THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT

XỨNG ĐÁNG LÀ TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HOÁ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

Với xuất phát điểm tương đối thấp so với các thành phố, thị xã khác trong khu vực, thị xã Thủ Dầu Một đang cố gắng vươn lên, xứng đáng với vị thế của một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh Bình Dương.

- **Diện tích: 87,8 km²**
- **Dân số: trên 153 nghìn người**
- **Đơn vị hành chính: 5 xã và 5 phường**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế (1996 - 2000): 11,62%/năm**
- **Thu nhập bình quân: 9 triệu đồng/người/năm**

Thị xã Thủ Dầu Một là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh Bình Dương, cách thành phố Hồ Chí Minh 30 km về hướng Bắc. Với vị thế tiếp giáp huyện Bến Cát ở phía Bắc, huyện Thuận An ở phía Nam, huyện Tân Uyên ở phía Đông và giáp sông Sài Gòn ở phía Tây (bên kia sông là huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh), thị xã Thủ Dầu Một ở vào vị thế khá thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy vậy, trước năm 1975, thị xã Thủ Dầu Một chỉ là một đô thị nhỏ, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, không có quy hoạch, kết cấu hạ tầng yếu kém, đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Sau ngày tách tỉnh, được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã Thủ Dầu Một đã tập trung mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn để xây dựng nơi đây thành một đô thị hiện đại, tạo chuyển biến tích cực trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Kinh tế phát triển theo hướng dịch vụ - công nghiệp

Sáu năm đã trôi qua kể từ ngày thị xã Thủ Dầu Một trở thành tỉnh lỵ của Bình Dương. Trong suốt quãng thời gian ấy, chính quyền và nhân dân thị xã đã tập trung mọi nguồn lực, vượt qua mọi khó khăn, đạt nhiều thành tích đáng tự hào. Trong đó, thắng lợi có ý nghĩa tổng quát nhất là kinh tế liên tục tăng trưởng ở mức khá cao, bình quân đạt trên 11,6%/năm (1996 - 2000). Cơ cấu kinh tế đã và đang chuyển dịch theo hướng dịch vụ (46,7%) - công nghiệp (46,9%) - nông nghiệp (6,4). Góp phần không nhỏ trong thành công ấy là nhờ chiến lược phát triển hợp lý của Thị uỷ, Uỷ ban nhân dân thị xã, cùng sự năng động của các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Trong đó có 137 doanh nghiệp nhà nước, 17 đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài, 708 hộ kinh doanh cá thể. Sản xuất của ngành tiểu thủ công nghiệp đang được duy trì và ngày càng phát

Từ một đô thị nhỏ, giờ đây thị xã đã trở thành đô thị hiện đại

Đại lộ Bình Dương

triển với các làng nghề truyền thống như: điêu khắc chạm trổ Phú Thọ, làng sơn mài Tương Bình Hiệp.

Năm 2002, thương mại trên địa bàn thị xã phát triển với tốc độ nhanh. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu từ dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 3.050 tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2001. Chỉ số giá cả hàng hoá và dịch vụ ăn uống tăng 5%, hàng lương thực tăng 1,9%, hàng thực phẩm tăng 3,2%, vật liệu xây dựng tăng 8,1%. Chợ Thủ Dầu Một đã được chỉnh trang, các chợ khác cũng đang được đầu tư nâng cấp, mạng lưới dịch vụ - thương mại mở rộng theo các tuyến đường phố chính sau khi được đầu tư nâng cấp đã đáp ứng nhu cầu kinh doanh, mua bán của người dân Bình Dương, đồng thời tạo được mối giao thương tốt với các tỉnh trong vùng. Đặc biệt, việc Trung tâm Thương mại Lucky đang được xây dựng và sẽ đi vào hoạt động trong thời gian tới hứa hẹn một triển vọng mới cho sự phát triển của ngành thương mại thị xã nói riêng và của tỉnh Bình Dương nói chung.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thị xã tăng đều qua các năm. Trong đó, năm 2002, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 77 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2001. Tuy vậy, đứng trước thực trạng tổng diện tích các loại cây trồng hàng năm liên tục sụt giảm do tốc độ đô thị hoá và đầu tư phát triển công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ, năm 2002, Thị uỷ, Uỷ ban nhân dân thị xã đã thực hiện chiến lược chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Chăn nuôi tiếp tục được phát triển do giá cả luôn ở mức ổn định. Tổng đàn gia súc năm 2002 tăng 18% so với cùng kỳ năm 2001. Nuôi trồng thuỷ sản bước đầu phát triển ở các xã, phường ven sông Sài Gòn, nhưng còn ở quy mô nhỏ. Mô hình kinh tế trang trại đang ngày một gia tăng, đạt tới con số 11 trang trại, trong đó có 8 trang trại chăn

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2002

(Đơn vị: triệu đồng)

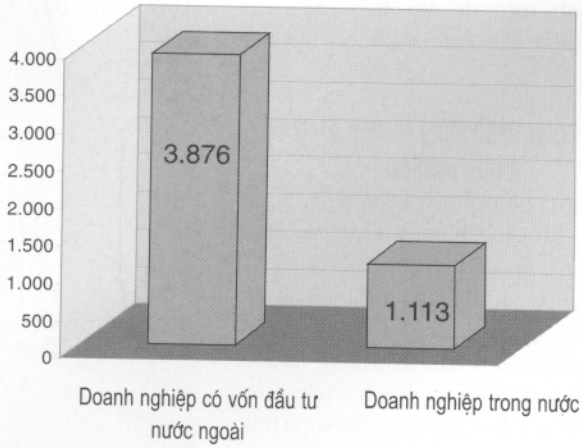

Nguồn: Uỷ ban nhân dân Thị xã Thủ Dầu Một

nuôi, 9 câu lạc bộ nhà nông, 1 câu lạc bộ bò sữa. Ngoài ra, ở thị xã còn có 24 hợp tác xã hoạt động, tăng 4 hợp tác xã so với năm 2001. Các mô hình này hoạt động có hiệu quả, áp dụng được các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi, tích cực khai thác các tiềm năng đất đai, lao động tại địa phương.

Từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân

Cùng với phát triển kinh tế, hệ thống hạ tầng cơ sở được đầu tư cải tạo, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại. Phong trào giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị đã góp phần nâng cấp, cải tạo các đường phố chính, đường hẻm, kênh tiêu thoát nước nội ô, mở rộng và nhựa hoá các tuyến đường về thôn, xã, ấp (80% đường bê tông nhựa). Xây dựng cơ bản trên địa bàn thị xã năm 2002 được đẩy mạnh bằng việc đầu tư 78 công trình trị giá 57,26 tỷ đồng. Một số khu đô thị mới như Chánh Nghĩa, Thanh Lễ, Hiệp Thành được qui hoạch phát triển đúng tiêu chuẩn hình thành các khu phố hẻm hiện đại, khang trang. Các chỉ tiêu cơ bản của một đô thị loại 4 đều đạt và vượt mức quy định. Chẳng hạn, hiện trong 1km^2 diện tích tự nhiên của thị xã có 1,6 km đường, 97% hộ dân được sử dụng điện sinh hoạt và sản xuất với mức tiêu thụ bình quân 280KWh/người/năm, 90% hộ sử dụng nước sạch, số máy điện thoại bình quân đạt 10,4 máy/100dân. Mạng lưới đèn chiếu sáng công cộng, cây xanh, thoát nước không ngừng được mở rộng. Các công viên Ngã 6, Phú Cường, đường bờ sông Bạch Đằng được xây dựng khang trang, đã trở thành điểm vui chơi giải trí cho nhân dân thị xã. Bảo tàng, thư viện, nhà văn hoá được tỉnh đầu tư đã từng bước đáp ứng nhu cầu của nhân dân, tạo dựng một diện mạo mới cho thị xã.

Các công trình y tế, văn hoá - xã hội đã từng bước đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Hiện nay, thị xã có bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện y học dân tộc, bệnh viện tư nhân, bệnh viện phụ sản bán công, trung tâm y tế thị xã và hệ thống trạm y tế rải khắp các xã, phường. Cơ sở vật chất cùng trang thiết bị được đầu tư mới và ngày càng hoàn thiện.

Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế (2001-2002) (Đơn vị: Tỷ đồng)

Lĩnh vực hoạt động	2001	2002
1. Giá trị sản xuất công nghiệp	1.215,7	1.500,6
- Khu vực FDI	285,0	387,6
- Khu vực trong nước	930,7	1.113
2. Tổng mức bán lẻ	2.571,7	3.050
3. Giá trị sản xuất nông nghiệp. Trong đó:	75,5	77,0
- Trồng trọt		49,4
- Chăn nuôi		20,2

Nguồn: Uỷ ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một

Quy mô giáo dục các cấp được mở rộng, chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, cơ sở vật chất được tăng cường. Liên tục từ năm 1992 đến nay, thị xã Thủ Dầu Một được công nhận đạt chuẩn quốc gia về công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục. Đặc biệt, năm 2002, thị xã Thủ Dầu Một là một trong số không nhiều địa phương trong cả nước được công nhận đạt chuẩn quốc gia về công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đang triển khai thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục trung học phổ thông cho 2 phường Phú Cường và Hiệp Thành. Hiện nay, toàn thị xã có 64 trường học các cấp, gồm 7 trường trung học phổ thông, 8 trường trung học cơ sở, 19 trường tiểu học, 30 trường mầm non, mẫu giáo với 35.902 học sinh và 1.891 cán bộ, giáo viên. Ngoài ra, trên địa bàn thị xã còn có 1 trường đại học dân lập, 1 trường đại học mở bán công, 2 trường cao đẳng (sư phạm, y tế), 1 trường trung học mỹ thuật và 1 trường trung học kinh tế.

Hàng năm, thị xã còn phối hợp với các cơ quan đoàn thể giải quyết công ăn việc làm cho khoảng 5.000 lao động. Bên cạnh đó, các đoàn thể, câu lạc bộ đã hỗ trợ cho trên 2.000 lượt chị em vay vốn để sản xuất, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn thị xã xuống còn mức 1%.

Các cuộc vận động thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

Cơ cấu kinh tế

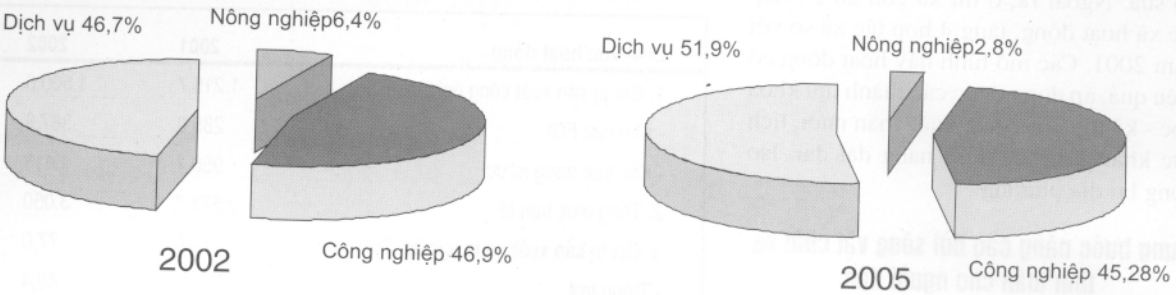

văn hoá được thực hiện liên tục. Vì thế, hàng năm, số khu ấp, gia đình đạt chuẩn đều tăng. Năm 2002, thị xã Thủ Dầu Một có 99,35% số hộ đăng ký "gia đình văn hoá" và 100% khu ấp đăng ký "khu ấp văn hoá". Thực hiện tốt phong trào đền ơn, đáp nghĩa, thị xã đã xây dựng 366 căn nhà tình nghĩa, sửa 183 căn nhà. Là mảnh đất anh hùng, hiện toàn thị xã có 111 bà mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó đang phụng dưỡng 22 Bà mẹ, 2.487 đối tượng chính sách đang hưởng trợ cấp và hơn 1.000 gia đình thân nhân liệt sĩ.

Các hoạt động thể dục thể thao diễn ra khá sôi nổi. Đặc biệt, việc đạt thành tích cao trong Đại hội thể dục thể thao tỉnh lần thứ nhất năm 2002 với 19 huy chương vàng, 18 huy chương bạc, 11 huy chương đồng cho thấy phong trào thể dục - thể thao của thị xã Thủ Dầu Một đang phát triển trên cả bề rộng, lẫn chiều sâu. Không chỉ có vậy, các đoàn thể thao của thị xã còn tham gia các giải đấu cấp tỉnh và cấp quốc gia, giành được 32 huy chương các loại và 16 huy chương cấp khu vực, quốc gia là niềm tự hào của người dân Bình Dương. Ngoài ra, thị xã Thủ Dầu Một còn là nơi diễn ra nhiều lễ hội truyền thống với 3 loại hình chủ yếu như lễ hội các đình làng, lễ hội đền miếu và lễ hội ở các chùa chiền. Hoạt động lễ hội tập trung nhiều nhất vào tháng giêng. Trong đó, những lễ hội tiêu biểu của thị xã là lễ hội ở đình Tân An, đình Bà Lụa, đình Tương Bình Hiệp, chùa Bà Thiên Hậu, chùa Hội Khánh. Ngoài ra, thị xã Thủ Dầu Một hiện còn có di tích lịch sử Nhà tù Phú Lợi, một trong số nhiều nhà tù của chế độ Mỹ - nguỵ còn lại.

Tạo dựng diện mạo mới của một đô thị loại 3 vào năm 2004

Căn cứ vào Quyết định số 47/NQ-TU ngày 26-02-2002 của Tỉnh uỷ Bình Dương về xây dựng và phát triển thị xã Thủ Dầu Một giai đoạn 2001 - 2005, phấn đấu đến năm 2004 được công nhận là đô thị loại 3. Lúc đó, thị xã sẽ trở thành thành phố tỉnh lỵ của Bình Dương với chiến lược mở rộng thị xã về hướng Đông - Đông Bắc.

Sơn mài làng Tương Bình Hiệp - một trong những cái nôi phát xuất của nghệ thuật sơn mài Việt Nam

Về kinh tế - xã hội, đến năm 2005, thị xã phấn đấu tăng GDP bình quân 14,5%/năm, thu ngân sách tăng bình quân 10%/năm, chi ngân sách tăng bình quân 27%/năm, trong đó ưu tiên cho đầu tư xây dựng cơ bản và kiến thiết cơ sở hạ tầng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 19,5 triệu đồng/năm, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm trên 80% tổng số lao động.

Thị xã cũng phấn đấu có 7 trường học được công nhận trường đạt tiêu chuẩn quốc gia, ít nhất là 2 xã, phường được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Các xã, phường đều có thư viện và một số thiết chế văn hoá - thể dục thể thao cơ bản.

Trong tương lai, thị xã Thủ Dầu Một sẽ đảm bảo theo các quy hoạch sử dụng đất, hệ thống các công trình phúc lợi công cộng, hệ thống giao thông, điện nước hoàn chỉnh. Các khu dân cư mới phải đẩy nhanh tốc độ hoàn thiện nhằm giải quyết nhu cầu về nhà ở cho người có thu nhập thấp, khu tái định cư, khu dân cư cho công nhân. Hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội tiếp tục được hoàn chỉnh và đồng bộ. Bình quân 1km^2 diện tích có 2 km đường bê tông nhựa. 100% đường do thị xã Thủ Dầu Một quản lý được nhựa hoá và có đầy đủ hệ thống chiếu sáng công cộng. 100 dân có 15 máy điện thoại, 97% hộ dân được sử dụng nước sạch, điện sinh hoạt theo giá quy định của Nhà nước.

Từ đô thị loại 4 phấn đấu trở thành đô thị loại 3, thị xã Thủ Dầu Một chắc chắn còn phải phấn đấu kể cả về tăng trưởng kinh tế và xây dựng đô thị. Tuy nhiên, một trong những thế mạnh giúp thị xã gặt hái được nhiều thành tựu trong tương lai là tinh thần đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân thị xã Thủ Dầu Một - đó cũng chính là nguồn nội lực to lớn để thị xã tiếp tục vươn lên.

THU DAU MOT TOWN

WORTHY OF THE PROVINCIAL POLITICAL, ECONOMIC, CULTURAL AND SOCIAL CENTRE

With starting point lower in comparison with other cities and towns in the region, Thu Dau Mot town is striving to be worth of the political, economic and social and cultural centre of Binh Duong province.

Thu Dau Mot town, the political, economic and social and cultural centre of Binh Duong province, is about 30 km far from Ho Chi Minh city in the north. Bordering Ben Cat district on the north, Thuan An district on the south, Tan Uyen district on the east and Saigon river on the west (another bank of this river is Cu Chi district - Ho Chi Minh city), Thu Dau Mot town enjoys very favourable geographical location in socio-economic development. Before 1975 however, Thu Dau Mot was only a small township suffering from severe ravage of war, having no urban plan, possessing poor infrastructure and facing many difficulties in the people's lives. After province's splitting, under the support of the provincial Party's Committee and People's Committee, Thu Dau Mot authorities and people have joined forces to overcome challenges aiming at building the town to be modern urban and making positive changes

- Natural area: 87.8 sq. km
- Population: over 153 thousand people
- Administrative structure: five communes and five wards
- Economic growth (1996-2000): 11.62 percent per year
- Per-capita income: VND nine million per year

Phu Cuong Park

in all socio-economic sectors.

Developing economy to industry-service direction

Over six years have gone since Thu Dau Mot town became the township of Binh Duong. During this time, the town's authorities and people has mobilized all forces to deal with all obstacles and has obtained the proud achievements. In which, the most comprehensive outstanding victory is the increasing growth of economy of 11.6 percents annually (1996-2000). The economic structure has been converting into service (46.7 percent) - industry (46.9 percent) - agriculture (6.4 percent). The great contribution to that success is the appropriate development strategy of the town's Party's Committee and People's Committee in concurrence with the flexibility of the enterprises belong to different economic sectors with 137 stated-owned enterprises, 17 foreign-owned enterprises, and 708 private business households. Production of small industry-handicraft has been maintained and increasingly developed with the traditional handicraft villages such as Phu Tho sculpture and carving, Tuong Binh Hiep lacquer villages.

In 2002, the town's trading activities developed rapidly. Total retailed trading value and revenue from consumption services reached approximately VND3,050 billion, increasing by 18.6 percents in comparison with 2001. The index of the goods prices, food and beverage services rose by five percents, foods by 1.9 percents, foodstuffs by 3.2 percents and construction materials by 8.1 percents. Thu Dau Mot town market has been restored and the others are also being upgraded. The trading services network has been expanded along the main street after being upgraded, meeting the business demand of Binh Duong

Industry production value in 2002

(Unit: VND million)

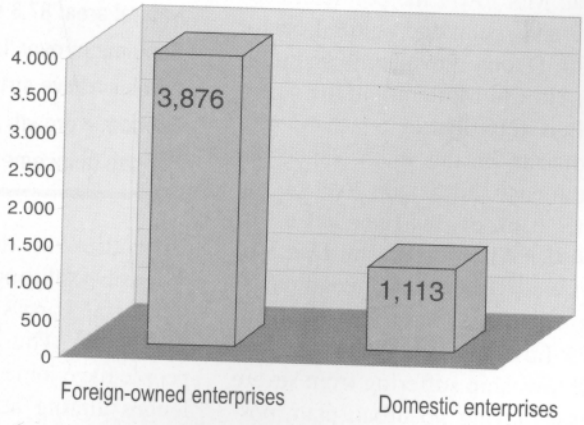

Source: The Thu Dau Mot People's Committee

people and creating the trading connection with the other provinces in the region. Especially, the Lucky Trading Center is being built and will officially run in the not distant future promising new prospects for the commercial development of the town in particular and of the province in general.

In the agriculture sector, the town's agricultural production value has gradually gone up over years and especially in 2002 reached VND77 billion making an increase of two percent over 2001. Despite of continual decrease in total area for planting due to urbanisation speed and strong industrial development investment, the town's Party Committee and People's Committee still implemented a strategy of crop restructure in 2002. Husbandry has increasingly developed thanks to the stable prices. Total number of cattle herbs in 2002 rose by 18 percents in comparison with that of the same period in 2001. Aquaculture has started developing within the communes and wards along Saigon riverbank but with small scale. The model of farm economy has increasingly expanded, with 11 farms including eight breeding farms, nine farmer clubs, and one dairy cow club. In addition, the town was home to 24 active co-operatives with an increase of 4 co-operatives over 2001. These models operate effectively to apply scientific and technological achievements into husbandry and production and intensively exploit the potentials of local land and labour.

The economic growth targets *(Unit: VND billion)*

Operation scope	2001	2002
1. Industrial production value	1,215.7	1,500.6
- FDI sector	285.0	387.6
- Domestic sector	930.7	1,113
2. Total retail value	2,571.7	3,050
3. Agricultural production value including:	75.5	77.0
- Cultivation		49.4
- Husbandry		20.2

Source: *Thu Dau Mot People's Committee*

Gradually improving people's material and spiritual lives

Parallel with economic development, the infrastructure system has been reconstructed, upgraded comprehensively. The movement on rural transportation, urban redecoration has helped to reinforce of the town's roads, lanes and drainage system of urban areas. Expanding and upgrading the villages and communes' roads have been carried out (80 percent of roads are reinforced by asphalt and concrete). Capital construction in the town in 2002 was up with investment in 78 works of VND57.26 billion. Several new urban zones such as Chanh Nghia, Thanh Le, Hiep Thanh were planned for the development in accordance with standard of modern, spacious streets. The basic criteria for the 4-grade urban area have met or exceeded the requirements of the regulations. For instance, in every square kilometre there are 1.6km of roads. 97 percents households are provided with electricity for domestic use and production with the average consumption per capita at 280KWh per year. 90 percent households are supplied with clean water. There are 10.4 telephone sets for every 100 people on average. The public light network, green trees, sewage system has constantly broadened. Nga 6 Park and Phu Cuong Park, road along Bach Dang riverbanks have been spaciously built, becoming the entertainment place for the

Binh Duong Water Park

town's habitants. The museum, library and culture house invested by the province have gradually met the people's demand, creating new town's image.

The healthcare services, socio-cultural works have gradually satisfied people's requirements. Presently, Thu Dau Mot has a provincial general hospital, traditional medicine hospital, private hospital, semi-public maternity hospital, town's health care centres and medical stations. Material facilities and equipment have newly been invested in and completed day after day.

Education scale at different levels has been enlarged, education quality has increasingly improved and material facilities have been reinforced. Consecutively from 1992 up to now, Thu Dau Mot town has been considered to meet national standard of anti-illiteracy and education universalising. Particularly, in 2002, Thu Dau Mot town was one of localities in the country acknowledged to satisfy national standard on secondary education universalising and is now piloting with upper secondary education compulsion in Phu Cuong and Hiep Thanh wards. Today the town is home for 64 schools including 7 high schools, 8 secondary schools, 19 primary schools, and 30 kindergartens with 35,902 pupils and 1,891 teachers. In addition there are one private university, one semi-public Open University, two colleges (teacher training and medicine), one school of art and one economic school in the town.

Every year, the town co-operates with other organizations and agencies to create jobs for about 5,000 people. Additionally, other related departments and clubs have also extended their support for production by providing capital to more than 2,000 female laborers, contributing to minimize the rate of poor families in town to one percent.

The movement "all people to build up a cultural life unanimously" has been continuously conducted. Therefore, the number of standard wards and families annually increases. In 2002, 99.35 percents of families in Thu Dau Mot registered to be "Family of Culture" and 100 percents of wards did the same to be "Ward of Culture". Properly implement the movement of "kindness repayment" the town has built up 366 " houses of gratitude" and repaired 183 ones. Being the home of heroes, the town has granted awards of "Heroic Mothers" to 111 mothers, 22 of them are still alive and being well supported. 2,487 people under special policy and 1,000 families of martyrs are being subsidized.

The sport activities are being held constantly. Particularly, the town has attained outstanding achievements in the First Sport Festival of the province in 2002 with 19 gold, 18 silver and 11 copper medals has shown the fact that the sport movements of Thu Dau Mot has been developed comprehensively. In addition, the town's sport groups has also participated in the provincial and national competitions and gained 32 medals in general in which 16 medals of national level has become a pride for the people of Binh Duong province. Moreover, Thu Dau Mot town is a host of a variety of traditional festivals focusing in three major kinds at village's communal houses, temples and pagodas. The festival activities are almost held in January. Some typical festivals of the town are taken place at Tan An, Ba Lua, Tuong Binh Hiep temples, Thien Hau and Hoi Khanh pagodas. In addition,

Hung Vuong gifted high school

another well-known historical site of the town is Phu Loi Prison; one of many prisons during the anti- American war remained so far.

Creating a new image for the third grade Town in 2004

Pursuant to the Decision No. 47/NQ-TU dated February 26, 2002 of Binh Duong Party's Committee on Thu Dau Mot town's construction and development for the period of 2001-2005, the town will strive to be the third grade town in 2004. It will try to be the city of Binh Duong with a strategy to expand its area to the eastern and northeast direction.

In term of socio-economy, until 2005 the town will try to make an annual increase of GDP 14.5 percent, budget income 10 percents and budget expenditure 27 percent with more priority given capital construction and municipal administration planning. The per capita income is targeted at 19.5 million a year, the rate of non-agricultural labor make up more than 80 percents of the total labor force.

The town is also striving to have seven schools meeting national standard, at least two communes or wards are acknowledged to satisfy the standard of high school compulsion. All the communes and wards have libraries and some basic cultural and sports institutions.

It is assured that Thu Dau Mot in the future will properly and completely comply with the land use plans, public welfare projects and infrastructures systems such as water and electricity. The construction works for new living areas shall be sped up for meeting the demands on residence of the low-income people, for relocation purpose and for workers' living quarters. The social infrastructure systems are being carried out continuously and synchronously. There are two kilometers of asphalt concrete road in every sq. km area. 100 percents of the locally controlled roads are reinforced with asphalt and concrete and full public lighting systems. There are 15 telephone sets for every 100 people, 97 percent of the residence are supplied with clean water and electricity at the prices set by the Government.

Obviously, Thu Dau Mot need more efforts in terms of economic growth and urban construction to upgrade to the third grade town from the fourth grade one. However, one of its strengths helping the town to gain considerable achievements in the future is the solidarity of the Party's Committee and the people of the town which is the great internal force for the town to continue its development.

Chuat Ba Festival - A traditional cultural activity

Structure transformation

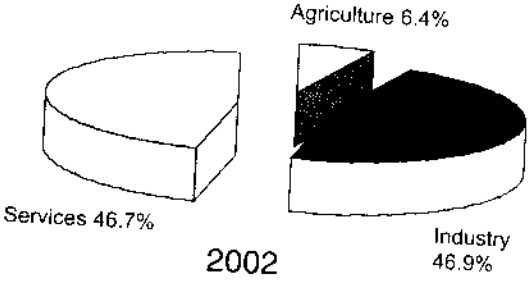

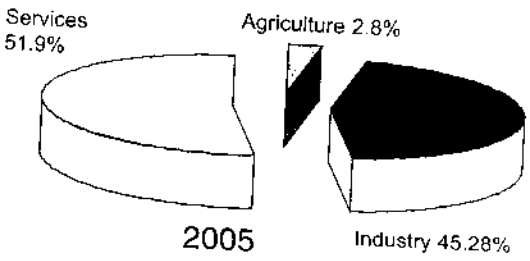

HUYỆN DĨ AN

VÙNG ĐẤT CÔNG NGHIỆP CỦA BÌNH DƯƠNG

Huyện Dĩ An nằm trong địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, có một vị trí quan trọng trong phá triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương. Với ưu thế về vị trí địa lý, thế mạnh về công nghiệp - dịc vụ - du lịch, huyện Dĩ An đã trở thành một trong ba địa phương có công nghiệp phát triển mạnh nhấ tỉnh Bình Dương.

- **Diện tích tự nhiên: 58,19 km²**
- **Dân số: 96.005 người; mật độ 1.649 người/km²**
- **Đơn vị hành chính: 1 thị trấn và 5 xã**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 15,83% (1996-1999)**
- **GDP bình quân đầu người năm 2000: 10,5 triệu đồng**

Dĩ An được tái lập theo Nghị định số 58/NĐ-CP ngày 23-7-1999 của Chính phủ. Nằm trong địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, phía Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía Đông và Đông Nam giáp một phần tỉnh Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây giáp huyện Thuận An và phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh. Với vị thế nằm gần các đầu mối giao thông quan trọng của quốc gia và quốc tế như: sân bay Tân Sơn Nhất, cảng Sài Gòn, cảng biển Vũng Tàu, trên trục giao thông Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1K và trong tương lai là tuyến đường sắt xuyên Á (chạy qua) đã tạo cho Dĩ An một vị thế khá thuận lợi trong phát triển kinh tế.

Ngoài ra, Dĩ An còn là huyện có diện tích đất đai tương đối thuận lợi cho phát triển công nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp và đô thị, ít ảnh hưởng đến đất nông lâm nghiệp, đất lúa. Vì thế, huyện Dĩ An đã trở thành địa chỉ hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến làm ăn, là địa bàn rất sôi động trong phát triển công nghiệp và xây dựng cơ bản. Những năm qua, thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà Tỉnh Uỷ, uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương đề ra, huyện Dĩ An cùng với thị xã Thủ Dầu Một và huyện Thuận An đã trở thành 3 địa phương có ngành công nghiệp rất phát triển, đóng góp không nhỏ cho sự lớn mạnh của ngành công nghiệp Bình Dương.

Thành công nhờ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá

Quả là không ngoa khi nói rằng: "Công nghiệp là ngành kinh tế trọng yếu của huyện Dĩ An", bởi ngành này chiếm

Trụ sở Hội đồng nhân dân huyện Dĩ An

đến 79,68% GDP của toàn huyện. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt xấp xỉ 40%, riêng năm 2002 tăng mạnh nhất với 44% so với năm 2001. Cơ cấu công nghiệp đang có sự chuyển dịch tích cực. Tuy vậy công nghiệp chế biến vẫn giữ vai trò chủ đạo, chiếm 96 - 97% giá trị sản xuất công nghiệp, các ngành công nghiệp khác rất nhỏ. Bên cạnh các ngành truyền thống có lợi thế phát triển như chế biến nông lâm sản, vật liệu xây dựng, gốm sứ, mỹ nghệ... một số ngành công nghiệp mới du nhập vào tỉnh sử dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại, có giá trị gia tăng cao hơn đang có xu hướng tăng nhanh như hoá chất, cơ khí, thực phẩm cao cấp, hàng tiêu dùng cao cấp.

Vào năm 2002, toàn huyện có 2.669 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trong đó có 923 cơ sở sản xuất nhỏ, 156 công ty, 5 khu công nghiệp tập trung. Ba khu công nghiệp Sóng Thần 1, Sóng Thần 2, Bình Đường đã thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước và đã đi vào hoạt động ổn định, 2 khu còn lại đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư cơ sở hạ tầng. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện tăng nhanh. Nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư, nhập khẩu và cải tiến đổi mới công nghệ. Nhiều sản phẩm công nghiệp của huyện đạt chất lượng cao, hiện đã được xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Điểm đặc trưng của Dĩ An là khả năng phát triển theo những ngành mũi nhọn rất cao. Từ thời trước giải phóng, trên địa bàn huyện đã hình thành các khu sản xuất mang tính chất chuyên ngành. Chẳng hạn như, nguyên một cụm chuyên về ngành giao thông, hay khu tập trung các công ty, trung tâm nghiên cứu về nông nghiệp. Điều này đã giải thích về sự tồn tại và phát triển gần 1 thế kỷ của các công ty 620, 621 ngành giao thông. Hiện nay, các công ty này đang đứng vào hàng ngũ các công ty đầu ngành. Trên nền tảng đó, ngày nay, Dĩ An đã quy hoạch được một số cụm công nghiệp có quy mô vừa từ 40ha đến 60ha, điển hình như cụm công nghiệp Vũng Thiện chuyên sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất rộng 46ha; cụm thứ hai chuyên về ngành may mặc nằm ở xã Bình An rộng 40ha; cụm thứ ba chuyên cho ngành giao thông.

Ngoài ra, một ngành mũi nhọn khác đang trở thành triển vọng của kinh tế huyện Dĩ An và cũng là của tỉnh Bình Dương, đó là du lịch. Hiện nay, huyện Dĩ An có khả năng đầu tư cụm du lịch liên hoàn sông - suối - núi - hồ tại các địa danh Hồ Bình An, Núi Châu Thới, Suối Lồ Ô thành những khu du lịch nổi tiếng thu hút

Cơ cấu kinh tế

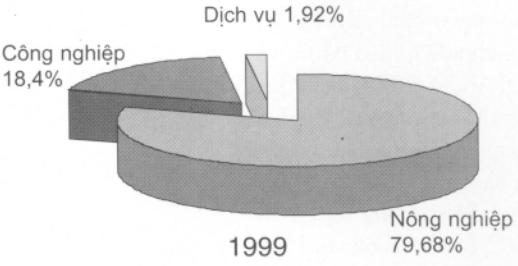

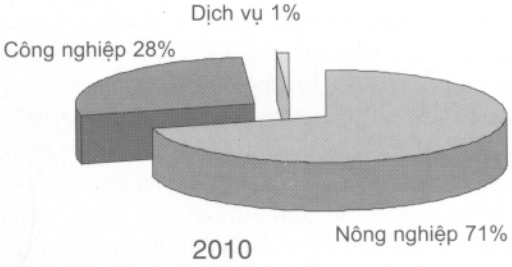

nhiều du khách đến tham quan, du lịch. Trong số đó, quần thể khu du lịch Núi Châu Thới hiện đã được tỉnh lựa chọn để đầu tư khai thác tổng hợp nhằm tạo khu vui chơi, nghỉ ngơi cho dân cư vùng công nghiệp sau những ngày lao động mệt mỏi. Quần thể này còn liên hoàn với một mảng xanh rừng nguyên sinh còn khá đẹp của huyện thuộc xã Tân Bình nên có thể đầu tư xây dựng một sân gôn hiện đại.

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp và du lịch, hoạt động thương mại - dịch vụ của huyện Dĩ An cũng luôn giữ tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm, riêng năm 2001 là 22%/năm. Với thị trường khá ổn định, nhu cầu tiêu thụ hàng hoá lớn khiến hoạt động thương mại trên địa bàn huyện trở nên rất sôi động, đưa ngành này trở thành ngành lớn thứ hai đóng góp vào sự phát triển kinh tế huyện. Để giữ được tốc độ tăng trưởng nhanh, đồng thời khẳng định vị thế của ngành thương mại - dịch vụ trong nền kinh tế Dĩ An, năm 2002 vừa qua, huyện đã đầu tư dự án xây dựng chợ Dĩ An, chợ Thống Nhất với tổng số vốn gần 5 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu giao dịch hàng hoá trong xã hội.

Trái với sự phát triển và vị thế của ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ, sản xuất nông nghiệp huyện Dĩ An chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu kinh tế huyện. Diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm do chuyển dịch sang đất công nghiệp và thổ cư. Để khắc phục tình trạng này, huyện Dĩ An có chủ trương chú trọng lĩnh vực nông nghiệp về chiều sâu bằng cách thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và giống vật nuôi; áp dụng khoa học kỹ thuật để nuôi trồng những loại cây, con có hiệu quả cao, phát triển mô hình kinh tế hộ VAC. Trong năm 2002, huyện đã triển khai hỗ trợ từ nguồn ngân sách huyện cho một số chương trình như đàn bò sinh sản với mức đầu tư 449 triệu đồng và thực hiện chương trình khuyến nông cho các xã nông nghiệp. Trong tương lai gần, Dĩ An sẽ không còn cây lúa mà thay vào đó là những vùng chuyên canh rau sạch và chăn nuôi bò sữa, bò thịt phục vụ cho nhu cầu trong tỉnh và các vùng lân cận.

Nhờ chuyển dịch cơ cấu đúng hướng, phù hợp với điều kiện thực tế phát triển của huyện, nên dù mới được tái lập, nhưng Dĩ An đã đạt được những kết quả to lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn đứng đầu toàn tỉnh với mức bình quân 14% - 16%/năm. Tuy vậy, dù có nhiều lợi thế nhưng do mới tái lập nên huyện Dĩ An vẫn còn gặp nhiều khó khăn như thiếu biên chế, phải xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy mới, cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng bộ, đặc biệt tình trạng di dân tự do tăng nhanh đang trở thành vấn đề xã hội khá phức tạp, đòi hỏi phải có biện pháp giải quyết. Song "Không thể để những khó khăn làm giảm tốc độ tăng trưởng của Dĩ An", bà Nguyễn Thị Điền - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Dĩ An đã khẳng định như vậy. Ngoài ra, bà Điền còn cho biết thêm: "Cương lĩnh làm việc của lãnh đạo huyện là phải bám sát cơ sở để nắm vững tình hình thực tế, có như vậy mới có thể giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh".

Chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu đến năm 2005

STT	Nội dung	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm (%)
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	35 - 40
2	Thương mại dịch vụ	10 - 15
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp	4 - 6
4	Tổng thu ngân sách	9 - 12
5	Tổng chi ngân sách	10 - 12
6	Tổng vốn đầu tư	35 - 45

Nguồn: Uỷ ban nhân dân huyện Dĩ An

Hoàn thiện các mặt xã hội để tiếp tục phát triển

Là vùng đất có nhiều tiềm năng về tài nguyên, mạng lưới giao thông thuận lợi, thêm vào đó kinh tế Dĩ An lại phát triển với tốc độ nhanh trong nhiều năm liền đã tạo nên sự thay đổi lớn cho diện mạo đô thị và nông thôn huyện Dĩ An. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, văn hoá, giáo dục ngày càng phát triển. Mấy năm qua, huyện đã đầu tư xây dựng hàng trăm công trình các loại gồm giao thông, điện, trường học, trạm y tế. Riêng năm 2002, huyện đã đầu tư 19 tỷ

đồng cho xây dựng cơ bản và 5 tỷ đồng cho 62 công trình giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị tập trung ở thị trấn Dĩ An, xã Tân Đông Hiệp, Bình An và An Bình.

Sự nghiệp giáo dục có nhiều tiến bộ cả về quy mô và chất lượng, toàn huyện có 6/6 xã, thị trấn đã phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Với kết quả này, huyện Dĩ An đã được công nhận hoàn thành công tác phổ cập giáo dục. Các chương trình quốc gia về y tế đạt kết quả khả quan, huyện đã đầu tư xây dựng, sửa chữa các trạm y tế của các xã, đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được thực hiện tốt, các thiết chế văn hoá cơ sở được chú ý quy hoạch và đầu tư xây dựng. Hiện nay, toàn huyện có 10 sân vận động, 12 câu lạc bộ dưỡng sinh, nhiều cơ sở thể dục thể thao,... Tuy nhiên, hiện Dĩ An vẫn đang tiếp tục kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực này để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá cho nhân dân.

Tích cực phát huy mọi nguồn lực để đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hoá, đô thị hoá, huyện Dĩ An đang tiếp tục hoàn thiện cơ cấu kinh tế, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp. Thực hiện có hiệu quả các chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân. Đưa huyện Dĩ An thành huyện có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn mức trung bình của tỉnh và GDP bình quân đầu người cao hơn mức trung bình các huyện.

Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Dĩ An đến năm 2010 là phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng GDP khoảng 12% - 13% (theo giá 1994). Trong đó, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vẫn được xác định là ngành kinh tế chủ đạo với chỉ tiêu tăng trưởng bình quân 20% - 25%/năm để đến năm 2005, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 5.900 tỷ đồng. Chú trọng khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư, khép kín các khu công nghiệp đã cấp phép, khuyến khích phát triển công nghiệp sạch. Tiểu thủ công nghiệp phát triển nhằm vào các ngành truyền thống địa phương, góp phần tăng năng lực sản xuất và giải quyết việc làm. Quy hoạch và hình thành các khu dân cư mới, đẩy mạnh tốc độ phát triển đô thị hoá ở các xã, thị trấn gắn với việc thực hiện công tác quản lý đô thị.

Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong huyện. Củng cố và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng để tiếp tục thu hút đầu tư và nâng cao đời sống vật chất cũng như văn hoá tinh thần cho nhân dân. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện bà Nguyễn Thị Điền nói: "Chúng tôi không phải chỉ lo cho người dân của huyện mà còn phải đảm bảo đời sống xã hội cho cả những người lao động từ các địa phương khác". Xung quanh vấn đề di dân tự do có rất nhiều ý kiến trái ngược nhau, nhưng riêng bà Điền lại xem đây là một nguồn lao động quý giá cần được động viên của Dĩ An. Chính vì vậy, hiện nay huyện đang có kế hoạch đầu tư xây dựng nhà ở, quy hoạch xã hội nhằm quản lý lực lượng lao động lớn này. Đầu tư cho nguồn nhân lực sẽ giúp Dĩ An trở thành mảnh đất hấp dẫn cho những nhà đầu tư đến làm ăn tại đây và cả những người yêu lao động.

Nhà kho ga xe lửa Dĩ An cách đây gần 1 thế kỷ

DI AN DISTRICT

INDUSTRIAL AREA OF BINH DUONG PROVINCE

Located in pivotal economic area in the south, Di An District has an important role in Binh Duong socio-economic development. With geographical advantage, strong force in industry-services-tourism, Di An has become one of the three localities with most developed industry of Binh Duong.

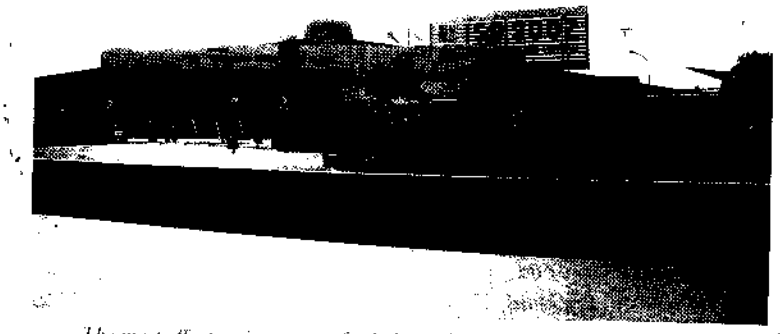

The most effective investment for industrial development of Binh Duong

- **Natural area: 58.19 sq.km**
- **Population: 96,005 people;**
- **Density: 1,649people/sq.km**
- **Administrative structure: 1 town and 5 communes**
- **Economic growth: 15.83 percent (1996-1999)**
- **GDP per capita in 2000: VND10.5 million**

Di An was re-established pursuant to the Governmental Degree No. 58/ND-CP dated July 23rd, 1999. Lying in the southern key economic area, bordering Dong Nai in the north, a part of Dong Nai and Ho Chi Minh City in the east and southeast, Thuan An District in the west and Ho Chi Minh City in south, Di An enjoys favorable position in economic development due to the location close to the national and international vital traffic clues such as Tan Son Nhat airport, Saigon Port, Vung Tau harbour, on the national highway 1A, 1K and Asian railway across in the future.

In addition, Di An has good land areas for industrial development, industrial and urban construction with less influences on agro-forestry soil. Therefore, Di An has become an attractive address to local and foreign investors and an exciting area for industrial and basic construction development. During the past years, due to the implementation of socio-economic development direction proposed by the Binh Duong Committee of the Party and People's Committee, Di An together with Thu Dau Mot town and Thuan An district have become 3 localities with developed industry making remarkable contributions to the growth of Binh Duong industry.

Succeed by economic structure conversion toward industrialization

It is no exaggeration to say that "industry is key economic sector of Di An" because this sector accounts for 79.68 percent of the district's GDP. The annual average growth reaches approximately 40 percent, especially in 2002 dramatically increased by 44 percent over 2001. Industrial structure is positively shifting.

Processing industry, however, maintains its key role, making up 96 - 97 percent of industrial production value, the other industries are weak. In addition to traditional fields with development advantages such as agro-forestry processing, construction materials, porcelain, ceramics and handicraft, some new industries applying modern technique and technology have been introduced into the province which make higher added value and develop very rapidly such as chemicals, mechanics, high-class foodstuff and consumer goods.

In 2002, the whole district had 2,669 industrial producing and handicraft establishments, in which there were 923 small units, 156 companies, 5 concentrated industrial zones. Three industrial zones Song Than 1, Song Than 2 and Binh Duong have attracted a number of local and foreign investment projects, which have been in stable operation, two other projects are in the process of infrastructure investment promotion. The number of enterprises and production establishments in the town has rapidly increased. Many enterprises have boldly invested in, imported and renovated technology. Many industrial products of the district are of high quality and have been exported to the international markets.

Di An has a particularity of high development capability of key industries. Before liberation, professional production zones have been established in the area. For instance, there was one zone for transportation, one zone for companies and agricultural research centers. This is explanation for the existence and development of the leading transportation companies 620, 621 for almost a century. Thanks to that, Di An today has planned industrial area with medium scale from 40 hectares to 60 hectares, for example, Vinh Thien Industrial area specializes in producing construction materials and interior design with area of 46 hectares, the second one specializes in garment located in Binh An commune with the area of 40 hectares, the third one specializes in traffic.

Tourism has also become a prospect of Di An as well as and Binh Duong's economy. Presently, Di An is able to invest in combined tours to visit river-spring-mountain-lake such as Binh An lake, Chau Thoi mountain, Lo O spring attracting a great deal of tourists. Chau Thoi mountain has been chosen for general investment to create entertainment place for people working in industrial zone after hard working days. This community also includes a remained green part of Tan Binh commune's primitive forest, where can be build a modern golf court.

Together with industrial and tourism development, Di An's trading-service activities always remain average annual growth of 10 percent, especially 22 percent in 2001. The district trading activities have become more effervescent and the sector has made the second biggest contribution

Di An primary school

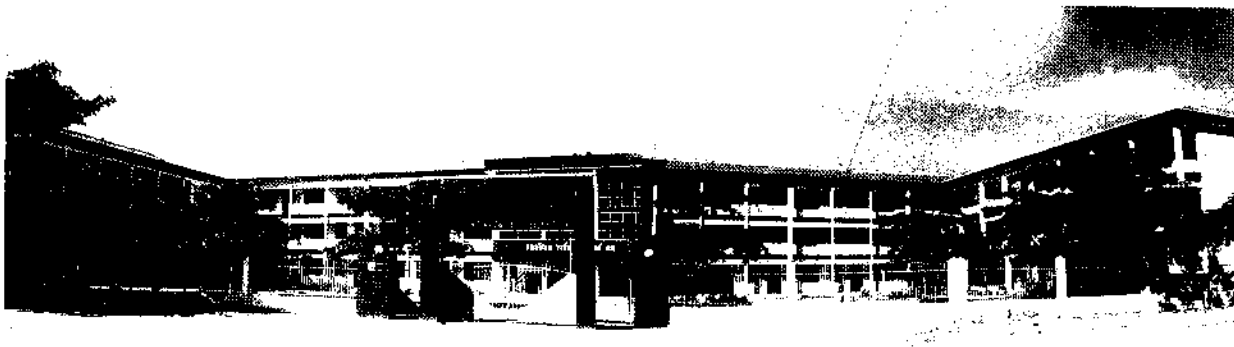

to economic development of the district. In order to keep rapid growth rate in concurrence with affirmation of trading-service position in Di An's economy, the district invested an amount of approximately VND5 billion in constructing Di An and Thong Nhat markets in 2002 to satisfy the commodity exchange demand in the society.

On the contrary to the development and image of trading-services industry, Di An's agricultural production holds only small proportion in the district's economic structure. The agricultural land area is gradually decreasing due to the conversion of this land into industrial and residential land. To overcome this circumstance, Di An has planned to attach more importance to intensive development by restructuring crops and animals; applying science and technology on corps and animals that can bring high effectiveness; developing VAC (garden-pond-cage) model for household economy. In 2002, Di An supported "prolific cows program" with an investment of VND449 million and carried out some agricultural extension among the communes by the district's budget. In near future, Di An will specialize in planting clean vegetables and raising prolific, milch cows instead of rice to satisfy local demand as well as the neighboring provinces.

Although Di An has just re-established but still can achieve remarkable results due to right structure transformation suitable to the district's development conditions. With annual economic growth of 14 -16 percent, Di An is constantly leading in the whole province. However, there are still many difficulties such as shortage of regular human resource, new administration structure foundation and synchronous infrastructures and increasingly free immigration has become a complicated social issue requiring a good solution. " These difficulties are not allowed to slow down Di An's growth speed" affirmed Nguyen Thi Dien, Chairman of the Di An People's Committee, she also added: "Working close to local units to understand actual situations so as to promptly solve the arising problems is the local leaders' direction".

Major growth targets until 2005

No	Content	Annual average growth rate (percent)
1	Industrial production value	35 - 40
2	Trading - services	10 - 15
3	Agricultural production value	4 - 6
4	Total budget income	9 - 12
5	Total budget expenditure	10 - 12
6	Total investment capital	35 - 45

Source: *Di An People's Committee*

To perfect social aspects for further development

As a district of natural potential resources and favorable traffic network as well as rapid and successive economic development over the years, Di An has changed its urban and rural aspects. The living standard of the habitants is more and more enhanced, culture and education have been developed. In recent years, investment has been made to hundreds of different works including transportation, electricity, schools, and healthcare service center. In 2002 alone, the district has invested VND19 billion in basic construction and VND5 billion in 62 rural transportation works, improving urban zones in Di An township, Tan Dong Hiep, Binh An and An Binh communes.

Education has made great progress in both scale and quality. The district has 6/6 communes, townships popularized secondary education and has been acknowledged as populazation accomplishment. The national healthcare programs have achieved satisfactory results. The town has invested in build-

Economic Structure

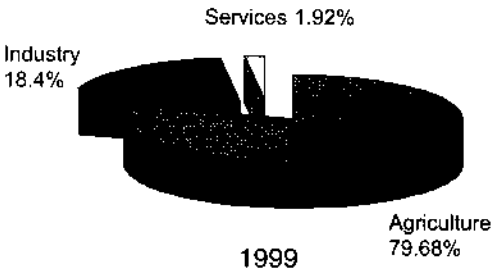

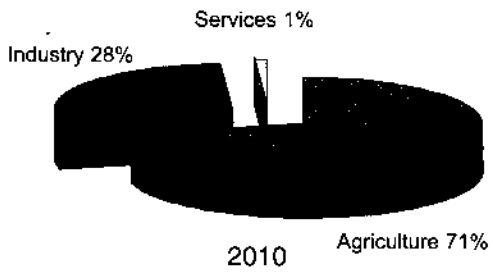

ing and repairing communes' health service stations, which meet the people's healthcare requirements. The movement of being united to build cultural life among whole people has been well implemented; fundamental cultural institutions has been planned and invested. At present, there are 10 stadiums, 12 clubs and a number of sport bases in whole town. Nevertheless, Di An continues calling for more investment in this field to satisfy people's cultural activity demand.

Actively mobilizing all forces to speed up industrialization and urbanization, Di An is completing economic structure, industry, handicraft, trade, services and agriculture. Socio-economic policies are effectively implemented to create motivation for economic growth in combination with settlement of social issues and improvement of people's living standard, make Di An become the district with growth rate higher than that of the province on average and per-capital GDP higher than that of other provinces

The main development targets of Di An until 2010 are to reach GDP growth rate of 12 percent-13 percent (according to the price of 1994). Of which, industry and handicraft are considered key sectors of the economy with average growth targeted at 20 - 25 percent per year to reach total industrial production value of VND5,900 billion. The attention will be paid on effective exploitation of resources and creating favorable conditions to attract investment, complete self-contain industrial zones granted with investment licenses, encouraging clean industry to develop. Handicrafts will be expanded especially the traditional occupations of the district. Contributing to social production enlargement and job generation. Planning and establishing residential areas, speeding up urbanization development among communes and townships in connection with implementation of urban management.

In addition, the agricultural transformation should be carried out in compliance with living conditions and demand of the local people. To consolidate and complete infrastructure system to attract more investment and improve the people's material and spiritual life are also important tasks. According Nguyen Thi Dien, the Chairman of the Di An People's Committee: "We not only take care of the local people but also ensure the social life of the workers from other localities. There are many contrary opinions about the free emigration and Dien however considers it valuable labor sources of Di An which should be mobilized. Therefore, the town is presently planning on investment in residential houses, social scheme to manage the huge labor force. Investment in human resource will help Di An to become an attractive district for investors and employees.

HUYỆN THUẬN AN

XỨNG ĐÁNG LÀ CỬA NGÕ "ĐÓN GIÓ" CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tận dụng triệt để vị trí là cửa ngõ của tỉnh và tiềm năng thu hút đầu tư, cùng các chính sách đúng đắn, kịp thời đã nhanh chóng đưa ngành công nghiệp Thuận An lên vị trí hàng đầu, chiếm 76,7% trong cơ cấu kinh tế huyện và Thuận An trở thành một trong hai huyện có tỷ trọng công nghiệp cao nhất tỉnh Bình Dương.

Khách chơi gôn ở Sân gôn Sông Bé

- **Diện tích: 83,46 km²**
- **Dân số: 149,79 nghìn người**
- **Đơn vị hành chính: 8 xã và 2 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 32%/năm**
- **GDP bình quân năm 2002: 13,8 triệu đồng/người/năm**

Thuận An là huyện duy nhất trong tỉnh có 2 thị trấn, đó là Lái Thiêu và An Thạnh, cùng 8 xã. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phát triển công nghiệp, tiếp giáp thị xã Thủ Dầu Một, huyện Dĩ An, huyện Tân Uyên và huyện Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh). Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13 cũ) chạy suốt chiều dài của huyện theo hướng Bắc - Nam có vai trò là xương sống trong phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, hai tỉnh lộ ĐT 745 và ĐT 743 đã được nâng cấp mở rộng hoàn chỉnh, có kết cấu bê tông nhựa nóng và quy mô mặt đường từ 4 đến 6 làn xe, tạo nên hệ thống giao thông chính nối liền huyện Thuận An với các tỉnh, thành xung quanh. Đây được xem là những lợi thế của Thuận An trong thu hút đầu tư, phát triển khu công nghiệp nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển với tốc độ cao.

Bên cạnh đó, Thuận An còn là mảnh đất được thiên nhiên ưu đãi. Khí hậu mát mẻ, sông nước hữu tình, nơi đây có ruộng đồng xanh ngát, có vườn cây ăn trái Lái Thiêu nổi tiếng bên cạnh khu du lịch Cầu Ngang, đặc biệt có giá trị trong phát triển ngành du lịch. Các làng nghề gốm sứ, guốc mộc, cối, chày, thớt ngày càng tập trung phát triển đang làm đa dạng hoá các ngành nghề và tạo nên những nét đẹp cho một vùng đất hiền hoà đúng như tên gọi "Thuận An".

Bức tranh kinh tế nhiều mảng sáng

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, kinh tế Thuận An liên tục phát triển. Các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt kế hoạch, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 32%. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển

dịch nhanh theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp, trong đó ngành công nghiệp trở thành thế mạnh của huyện Thuận An. Năm 2002, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện đạt trên 6.887 tỷ đồng, tăng 35,7% so với năm 2001, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1998 - 2002 đạt 32%/năm. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tập trung chủ yếu ở loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhất là các ngành thực phẩm đồ uống, lắp ráp linh kiện điện tử, may mặc và ngành sản xuất các sản phẩm khoáng phi kim. Năm 2002, trên địa bàn toàn huyện có 1.052 đơn vị hoạt động trong ngành công nghiệp, sử dụng 76,4 nghìn lao động. Tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển khá đặc biệt về số lượng với đa số các cơ sở sản xuất gốm sứ của tỉnh tập trung ở đây. Các công ty, cơ sở điển hình về đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất và tiếp cận thị trường đạt hiệu quả cao phải kể đến Công ty Gốm sứ Minh Long I, Minh Long II, Cường Phát, Minh Phượng,...

Khu du lịch nổi tiếng Cầu Ngang - Lái Thiêu

Ba khu công nghiệp đóng trên địa bàn là Việt Nam - Singapore, Việt Hương và Đồng An đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng và đang tiếp tục phát huy hiệu quả. Các khu công nghiệp này ngày càng thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho ngành thương mại - dịch vụ phát triển.

Ngành thương mại - dịch vụ phát triển khá nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội. Hiện nay, toàn huyện có 153 doanh nghiệp kinh doanh các loại hình nhà hàng, khách sạn, du lịch, kinh doanh xăng dầu, vàng bạc với quy mô tương đối lớn và 4.936 cơ sở kinh doanh thương nghiệp dịch vụ cá thể. Tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ ước đạt 964 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2001; tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 13%/năm. Trong đó, kinh doanh dịch vụ phát triển khá mạnh, đặc biệt là dịch vụ thông tin - viễn thông, báo chí tăng bình quân hàng năm từ 20% đến 30%. Huyện cũng đã triển khai xây dựng Trung tâm Dịch vụ Văn hoá Lái Thiêu, khởi công xây dựng chợ Búng, quy hoạch một số chợ nông thôn tại các khu vực đông dân cư như Thuận Giao, An Phú, Bình Hoà, đưa vào sử dụng tầng lầu chợ Lái Thiêu. Bên cạnh đó, thành lập thêm các hợp tác xã thương mại - dịch vụ, đưa tổng số hợp tác xã lên 10 đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực tín dụng, vận tải, dịch vụ và nông nghiệp.

Nông nghiệp được quy hoạch là ngành sản xuất phụ trợ trong nền kinh tế huyện Thuận An. Giá trị sản xuất hàng năm đạt xấp xỉ 90 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng bình quân 5%/năm. Ngành nông nghiệp phát triển theo hướng giảm dần diện tích do chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng công nghiệp và các mục đích khác. Tuy nhiên, sản lượng vẫn tăng, cơ cấu cây trồng vật nuôi ngày càng hợp lý với tỷ lệ trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ lần lượt là 50% - 45% - 5%. Các sản phẩm chủ yếu là cây ăn trái, rau màu thực phẩm ngày càng tăng, cây lương thực và cây trồng ngắn ngày giảm. Một số dự án nâng cao năng suất, chất lượng vườn cây ăn trái, dự án sản xuất rau an toàn đang dần phát huy hiệu quả hay dự án xây dựng giếng nước sạch nông thôn từng bước trang bị và tạo điều kiện cho nông dân an tâm sản xuất. Huyện đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho

công tác thuỷ lợi nội đồng, chương trình khuyến nông, tập huấn, câu lạc bộ IPM.... Ngoài ra, Thuận An còn được hưởng các dự án thuỷ lợi do Trung ương, tỉnh đầu tư trên địa bàn như hệ thống bờ bao sông Sài Gòn, hệ thống thoát nước Sóng Thần - Đồng An, hệ thống khu công nghiệp Việt Nam - Singapore.

Phát triển đồng bộ các lĩnh vực xã hội khác

Bên cạnh những thành tựu về phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng cũng được chú trọng phát triển đồng bộ. Từ năm 1997 đến nay, bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, huyện đã huy động được trên 100 tỷ đồng thực hiện gần 100 công trình các loại (không tính các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư) cho công tác xây dựng cơ bản. Chương trình làm cầu đường nông thôn, chỉnh trang đô thị được quan tâm thực hiện với mức đầu tư hàng năm từ 2 đến 3 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2002, huyện đã thực hiện 82 công trình giao thông nông thôn, đầu tư chỉnh trang đô thị với tổng vốn là 3 tỷ đồng, trong đó vốn vận động 2,54 tỷ đồng. Nhiều công trình đi vào hoạt động đã phục vụ thiết thực cho công cuộc phát triển kinh tế, phục vụ nhân dân và từng bước hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Giáo dục - đào tạo phát triển cả về quy mô và chất lượng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học đạt 99%, phổ thông trung học cơ sở đạt 91%, trung học phổ thông đạt 93%. Năm 2000, toàn huyện đã xoá mù chữ, 10/10 xã, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đội ngũ giáo viên ngày càng được bồi dưỡng, hoàn thiện. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 4 trường mẫu giáo, 14 trường tiểu học, 3 trường trung học cơ sở, 4 trường trung học phổ thông và một trung tâm giáo dục thường xuyên, trong đó có 1 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Hệ thống trường lớp ngày một khang trang, đáp ứng nhu cầu về giáo dục - đào tạo cho toàn huyện.

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được thực hiện trên phạm vi toàn huyện. Tất cả các xã, thị trấn đều có trạm y tế với tổng số 128 cán bộ, 7/10 xã có bác sĩ. Hiện nay, bệnh viện huyện có 60 giường bệnh, đạt công suất sử dụng giường bệnh là 95%, bình quân số lần khám bệnh là 3,8 lần/người/năm. Không chỉ có vậy, toàn huyện đến nay cơ bản xoá hộ đói, tỷ lệ hộ giàu là 7,8%, 90% hộ khá và chỉ còn 2,1% hộ nghèo. Có 98% số hộ dân được sử dụng lưới điện quốc gia, bình quân 6 máy điện

5 khu vực kinh tế chính của huyện Thuận An

Kinh tế huyện Thuận An được đánh giá là có tốc độ phát triển cao nhất của tỉnh Bình Dương. Chỉ trong thời gian ngắn, Thuận An đã hình thành được năm khu vực kinh tế chính phát triển phù hợp với đặc điểm, tiềm năng của từng vùng.

1) *Một là, khu vực xã Vĩnh Phú nằm ngay sát Quốc lộ 1A - xã cửa ngõ của huyện - tập trung 20 nhà hàng kết hợp với vui chơi giải trí, nghỉ ngơi gồm hồ bơi, sân quần vợt, khách sạn, khu du lịch nằm đan xen với khoảng hơn 10 doanh nghiệp tư nhân dọc hai bên Đại lộ Bình Dương.*
2) *Hai là, khu vực xã Bình Hoà, Thuận Giao tập trung 3 khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Việt Hương, Đồng An với tổng diện tích trên 1.000 ha. Riêng địa bàn xã An Phú đã thu hút trên 200 doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư và đang hoạt động hiệu quả.*
3) *Ba là, xã Bình Nhâm và Hưng Định tập trung vườn cây ăn trái nổi tiếng như măng cụt, sầu riêng, chôm chôm, bòn bon, mít tố nữ,... bao quanh cụm du lịch Cầu Ngang.*
4) *Bốn là, khu vực thị trấn Lái Thiêu và An Thạnh tập trung các làng nghề truyền thống như gốm sứ, guốc mộc, cốt, chày, thớt.*
5) *Năm là, khu vực xã An Sơn - khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp chính của huyện với tỷ trọng 90%.*

thoại/100 dân. Các chính sách xã hội và chế độ đối với người có công với cách mạng được thực hiện nghiêm túc, tạo lòng tin cho nhân dân trong huyện đối với đường lối, chính sách của Đảng bộ và chính quyền huyện.

Hướng tới tương lai

Mục tiêu đến năm 2005, Thuận An sẽ là huyện trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Dương. Để đạt được mục tiêu này, Thuận An sẽ phát huy hơn nữa các nguồn lực, tạo sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên quan điểm phát huy nội lực, khuyến khích các nguồn lực từ bên ngoài. Coi công nghiệp địa phương và đầu tư nước ngoài là thành phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế huyện, bên cạnh việc mở rộng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

Đồng thời, lấy tang trưởng kinh tế kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giải quyết việc làm cho người lao động, coi trọng phát triển nguồn nhân lực, chú trọng đầu tư cải thiện các điều kiện sống ở các vùng nông thôn, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các vùng trên địa bàn huyện. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phấn đấu đến năm 2005, giá trị sản xuất đạt 13.362 tỷ đồng. Trong đó, công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 369 tỷ đồng, tăng bình quân 31%/năm, chiếm 27,61%; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.500 tỷ đồng, tăng 34%/năm, chiếm 71,1% giá trị sản lượng toàn ngành. Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống, dược phẩm và các ngành giải quyết nhiều lao động như gốm sứ xuất khẩu, may mặc, công nghiệp sử dụng kỹ thuật cao, công nghệ tiên tiến sẽ được tập trung đầu tư phát triển.

Thuận An tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư xây dựng vào lấp kín diện tích các khu công nghiệp đã cấp giấy phép. Hình thành và quản lý khu công nghiệp địa phương, gắn với phát triển làng nghề truyền thống, góp phần thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, hoàn thành di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu thị trấn và khu dân cư tập trung, nhất là các cơ sở sản xuất gốm sứ. Hiện nay, dự án quy hoạch làng nghề gốm sứ Thuận An đã được xây dựng với dự toán kinh phí khoảng 300 tỷ đồng. Đến năm 2010, Thuận An sẽ trở thành trung tâm gốm sứ của Bình Dương và của cả nước, đây sẽ là cơ hội lớn cho Thuận An tăng thêm khả năng phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ.

Chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu đến năm 2005

STT	Nội dung	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm (%)
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	30-35
2	Thương mại dịch vụ	15-20
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp	5-7
4	Tổng thu ngân sách	8,06
5	Tổng chi ngân sách	7,55
6	Tổng vốn đầu tư	30-40

Nguồn: Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An

Cơ cấu kinh tế

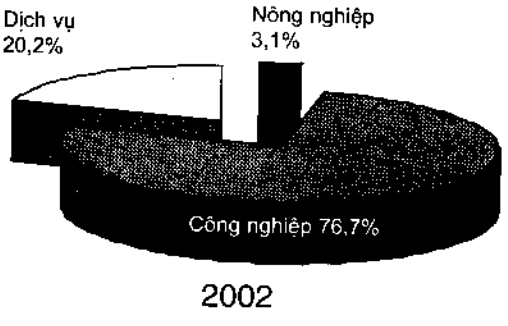

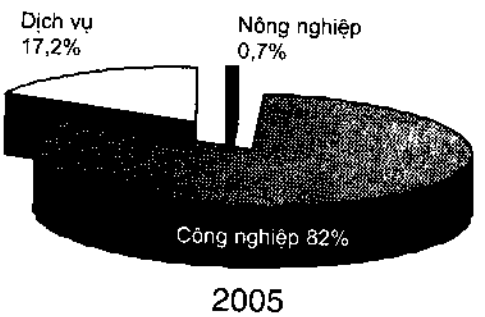

THUAN AN DISTRICT

AN INVESTMENT ENTRANCE OF BINH DUONG

Taking fully advantages of the good location as an entrance of Binh Duong and potentials of investment attraction as well as the sound and prompt policies has helped Thuan An quickly bring the industry sector to the top place which account for 76.7 percent in the total economic structure of the district, and become one of the two districts with the highest industrial proportion in Binh Duong

FDI enterprises have developed the industry of Binh Duong as a key economic sector

- **Natural area: 83.46 sq. km**
- **Population: 149,790 people**
- **Administrative structure: eight communes and two townships**
- **Annual economic growth: 32 percent**
- **GDP per capita in 2002: VND 13.8 million**

Thuan An is the only district in Binh Duong that has two towns (Lai Thieu and An Thanh) and eight communes. The district is located in the key industrial economic area with the south adjacent to Thu Dau Mot Town, Di An, Tan Uyen and Cu Chi districts. Binh Duong Boulevard (the former National Road No.13) spans through the district from the north to the south as the backbone of the socio-economic development. In addition, the two roads of the district DT 745 and DT 743 have been perfectly upgraded with asphalt-concrete structure and four or six traffic lanes as the main traffic system linking Thuan An with its neighbouring towns and cities. These are considered advantages of Thuan An in attracting investment and developing industrial parks so as to intensify the industrialisation and modernisation and speed up the industrial growth.

In addition, Thuan An enjoys a natural priorities. The climate is temperate and the landscapes are so charming with the immense green field and the famous Lai Thieu fruit garden nearby Cau Ngang tourism area, which is especially valuable for the development of the local tourism. The intensive development of occupation villages including pottery and ceramic, wooden shoes, mortars, pestles and chopping-boards are diversifying the local occupations and a peaceful land true to its name Thuan An.

The economic panorama with many bright points

Thuan An's economy has been continuously developed since its re-establishment. The district fully achieved all the important targets with the annual economic growth rate of 32 percent. The economic structure has been rapidly transformed towards an economy of industry, home crafts, trading - services and agriculture, of which the industry sector become the strength of the district. In 2002, the district's production value

reached VND6,887 billion, making an increase of 35.7 percent in comparison with that in the year 2001. On average, the growth rates during 1998 to 2002 were 32 percent. The industrial production value is mainly made up by the foreign invested enterprises, especially in foods, drinks, electronic assembling , garments and non-metal mineral production. In 2002, there were totally 1,052 industrial organisations, employing 76,400 labourers all over the district. The home craft sector also made a significant development in number and most of the province's pottery and china workshops concentrated in the district. The companies are taken as typical examples of the investment in technology renovation, production and market access including Minh Long Ceramics Company No.1, and Minh Long No.2, Cuong Phat Company and Minh Phuong Company.

The infrastructures of the three industrial parks in the district, Vietnam-Singapore, Viet Huong and Dong An, have been completed and now mobilising their advantages effectively. Those industrial parks are attracting more and more local and foreign investment projects and stimulating the development of the trading and services.

The rapid development of the businesses and services has helped to meet the increasing demands of the society. At present, there are 153 enterprises of quite large scales all over the district with main business lines on hotels, restaurants, tourism, petrol and jewellery and 4,936 enterprises private businesses. It is estimated that the total goods and services for retail sales in 2002 brought VND964 billion, increasing by 19 percent in comparison with that in 2001. The annual growth rate was about 13 percent, of which the growth rate of service businesses has strongly developed, particularly the telecommunication and newspapers services has increased by 20 to 30 percent. Thuan An has also carried out the construction of Lai Thieu Cultural Services Centre, started the construction of Bung market and planned some rural markets in the populated areas such as Thuan Giao, An Phu and Binh Hoa. The upper floor of Lai Thieu market has also been utilised. Apart from that, more co-operatives of trading and services have been established with the total of 10 co-operatives doing business lines such as credits, transportation, services and agriculture.

The five main economic groups of Thuan An

Thuan An's economy is known as making highest growth rates in Binh Duong. In only a short time, five major economic groups have been formed in accordance with each region's features and potentials.

1. ***The first group is Vinh Phu commune located next to the National Road No.1 as the entrance commune of the district, where congregates hotels, tourist sites and 20 restaurants and entertainment centres with swimming pools and tennis courts, and about 10 private enterprises along both sides of Binh Duong Boulevard.***
2. ***The second group includes Binh Hoa and Thuan Giao communes congregating three industrial parks: Vietnam-Singapore, Viet Huong and Dong An with the total area of over 1,000 hectares. An Phu commune alone attracts the investment from 200 local and foreign enterprises which are operating effectively.***
3. ***The third group covers Binh Nham and Hung Dinh communes congregating the famous fruit gardens growing mangosteens, durians, Bon bon and lady jack fruits around Cau Ngang tourism cluster.***
4. ***The fourth group includes Lai Thieu and An Thanh towns congregating traditional occupation villages such as pottery and china, wooden shoes, mortars, pestles and chopping-boards.***
5. ***The fifth group is An Son commune- the main concentrated agricultural production of the district with the proportion of 90 percent.***

In Thuan An's economy, agriculture is planned to be a supporting production sector. The annual production value is approximately VND90 billion with the average growth rate of five percent. The area of land for cultivating is being narrowed due to industrial construction expansion and other purposes. However, the production keeps increasing, the crop and animal structure become more suitable with the proportions of cultivation, husbandry and services are 50, 45 and 5 percent respectively. The volume of major products like fruits and vegetables are increasing while that of the food crops and annual crops are reducing. Some projects on improving the productivity and quality of the fruit gardens as well as those on safe vegetables and on building rural clean wells are operating effectively and creating good condition for farmers to do farming. Thuan An has invested millions of dongs in the interior-field irrigation, farming extension programs, farm training and IPM club. Aside from that, Thuan An enjoys the irrigation projects invested by the state and the provincial committee such as the Saigon River bank system, Song Than drainage system in Dong An and the Vietnam-Singapore industrial park.

Harmonious development of other social aspects

A part from the economic development, the infrastructure has been synchronously improved. Since 1997, Thuan An has mobilised more than VND100 billion from different capital sources and invested in nearly 100 projects on the capital construction (excluding the projects invested by the province). The programs for rural roads and bridges building and urban improvement have been annually invested with VND2-3 billion. In the first nine months of the year 2002, the district has carried out 82 rural traffic works and invested VND3 billion in the urban improvement, of which the mobilised capital accounted for VND2.54 billion. Available projects are practically contributing to the economic development of the district, the living condition improvement and the rural and agricultural modernisation.

Vietnam - Singapore Industrial Zone has attracted more and more domestic and foreign investment projects, contributing to boosting up the Thuan An's economy

The education sector of the district has been developed both in scale and quality. The proportion of pupils finishing primary schools, secondary schools and high schools make 99 percent, 91 percent and 93 percent respectively. In 2000, illiteracy has been absolutely eliminated all over the district, all the ten communes and towns have universalised the secondary school and the teachers have been much improved. There are now totally four children's garden, 14 primary schools, three secondary schools, four high schools, and one continuing education centre, of which one was certified with national standard. The schools are now spacious, meeting the demands for education and training of the total district.

There are now healthcare services covering throughout the district. All the towns and communes have medical centres with the total staff of 128 people. Seven of the ten communes have doctors. At present, the district hospital has 60 beds for patients with capacity of 95 percent and the average health checks of 3.8 turns per person per year. Moreover, there seem to be no hunger households all over the district. 7.8 percent of the local households are rich, the other 90 and 2.1 percent are normal and poor households respectively. 98 percent of the households are now using the national electricity and every six of the 100 people have telephones. The favourable policies for those who made contribution in the national revo-

lution are strictly implemented, creating the local people's belief in the Communist Party's policies and in the local authorities.

Towards the future

Thuan An is striving to be the key district for the industrial development of Binh Duong as a whole. Pursuing the target, Thuan An is intensifying to mobilise forces, creating collective strength for the industrialisation and modernisation by mobilising its internal forces and encouraging the external forces. The local industries and foreign investment are the two important factors beside the expansion of home craft occupations in promoting the district's economic development.

In addition, combining the economic growth with the socio-cultural development in harmony to improve the material and spiritual life of the local people, create jobs for the labourers, intensify the development of the human resources and the investment in rural living conditions so as to narrow the gaps amongst all parts of the district. The target production value of the industries and home crafts for 2005 is VND13,362 billion, of which non-state-industries would make VND369 billion with the annual growth rate at 31 percent, accounting for 27.61 percent of the total production value. The foreign invested industries would make VND9,500 billion, increasing 34 percent yearly and accounting for 71.1 percent of the total industrial production value. Apart from that, Thuan An is will investing in the development of such industries as foods and drinks,

Main target growth rates until 2005

No.	Content	Annual growth rates (percent)
1	Industrial production value	30-35
2	Trading and services	15-20
3	Agricultural production value	5-7
4	Total income budget	8.06
5	Total expenditures	7.55
6	Total investment	30-40

Source: People's Committee of Thuan An district

pharmaceutical products and those industries using a large number of labour like export pottery and china and garment, as well as industries using advanced techniques and technologies.

Thuan An continues creating favourable conditions for the construction investors to fill the licensed industrial parks, establishing and managing the local industrial parks and developing the traditional occupation villages as the contribution to attract foreign and domestic investment. Complete moving the production workshops, especially pottery and porcelain workshops causing pollution out of the town and the residential areas. The project on planning the pottery and china of Thuan An has been planed with the estimated expenditures of around VND300 billion. Until 2010, Thuan An will become the pottery and porcelain centre of not only Binh Duong but also the whole country. That will be a big opportunity for Thuan An to develop its tourism, trading and services.

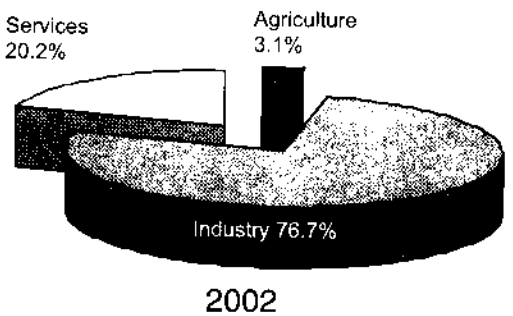

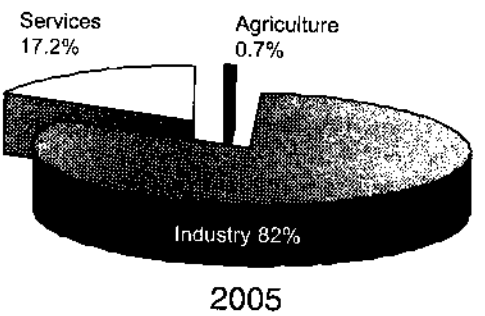

HUYỆN TÂN UYÊN

HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC CHO VÙNG CÔNG NGHIỆP NAM BÌNH DƯƠNG

Vốn là vùng đất chiến khu D của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, được Chính phủ phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", Tân Uyên hôm nay đang tiếp bước truyền thống anh hùng năm xưa, đưa nền kinh tế huyện phát triển ở tầm cao mới.

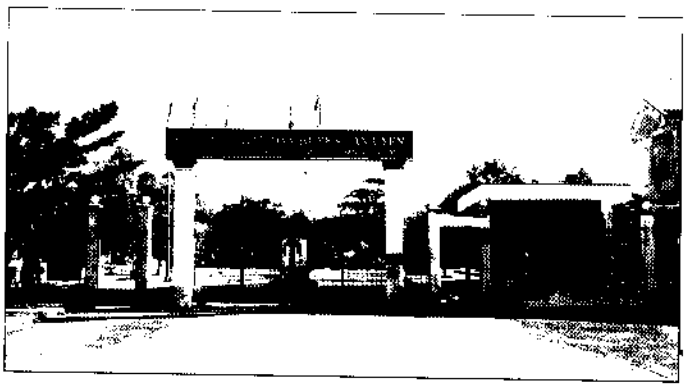

Trụ sở Hội đồng nhân dân huyện Tân Uyên

- **Diện tích: 613,44 km²**
- **Dân số: trên 120,4 nghìn người**
- **Đơn vị hành chính: 2 thị trấn (Tân Phước Khánh và Uyên Hưng) và 16 xã**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 16,8%/năm**

Huyện Tân Uyên nằm ở phía Nam Bình Dương, cách thị xã Thủ Dầu Một 24 km về phía đông nam, cách thành phố Hồ Chí Minh 30 km về phía đông bắc. Với lợi thế nằm sát vùng phía nam của tỉnh Bình Dương, nơi có 7 khu công nghiệp đang hoạt động là Việt Nam - Singapore, Việt Hương, Sóng Thần I, Sóng Thần II, Đồng An, Tân Đông Hiệp và Bình Đường, tập trung ở Dĩ An, Thuận An và thị xã Thủ Dầu Một, tạo nên một vùng sôi động trong thu hút đầu tư, lao động từ những nơi khác đến, Tân Uyên được ví như là "sân sau" của vùng công nghiệp Nam Bình Dương nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung, nhất là của hành lang kinh tế Thủ Dầu Một - Biên Hoà với ảnh hưởng mạnh mẽ của thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, huyện Tân Uyên là đầu mối cung ứng mạnh mẽ những nhu cầu cấp thiết tại chỗ cho các khu công nghiệp như nguồn lao động, chỗ ở cho công nhân, thực phẩm tươi sống và đất cho phát triển công nghiệp những năm tiếp theo. Với vị trí này, Tân Uyên có lợi thế so sánh so với nhiều huyện khác trong tỉnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, đi lên từ các tiềm năng được thúc đẩy bởi nhu cầu thực tế.

Xu hướng chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp

Kể từ khi tái lập tỉnh đến nay, kinh tế của huyện Tân Uyên tiếp tục ổn định và phát triển. Cơ cấu kinh tế huyện đã chuyển dịch càng ngày càng mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp vốn đang chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu kinh tế. Cụ thể: giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng bình quân 5%/năm, công nghiệp tăng 28,9%/năm, thương mại - dịch vụ tăng 9%/năm.

Trong đó:

Nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế huyện (chiếm 40,16% năm 2002). Nguồn thu nhập chủ yếu được tạo ra từ các loại cây trồng lâu năm, bao gồm những cây trọng điểm như cao su, điều, cà phê. Đây là những loại cây nguyên liệu, phục vụ cho các ngành công nghiệp sơ chế mủ cao su, chế biến hạt điều và cà phê. Trong những năm gần đây, người dân huyện Tân Uyên đã đẩy mạnh diện tích các loại cây ăn quả từ 873ha lên 23.000 ha năm 2001, vì thế đã hình thành những vùng sản xuất tập trung theo hướng chuyên canh như vùng bưởi, vùng hành và vùng rau thực phẩm. Những cây trồng này hiện đang được đầu tư thâm canh để tăng năng suất bằng những giống mới, góp phần tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người đến tuổi lao động.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã có chiều hướng phát triển tốt. Sản phẩm tiêu thụ nhanh hơn, tình trạng ứ đọng hàng không còn, tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất liên tục gia tăng sản lượng. Huyện Tân Uyên hiện có 5 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động như: Cụm công nghiệp dốc Bà Nghĩa - thị trấn Uyên Hưng, quy mô 200ha chế biến mủ cao su; Cụm công nghiệp chế biến Tân Phước Khánh 150 - 200ha, làm gốm sứ, gạch ngói; Cụm công nghiệp gốm, vật liệu xây dựng Thạnh Phước, Khánh Bình 200 - 400ha; Cụm công nghiệp Thái Hoà 60 - 100ha chuyên làm gạch ngói và cụm công nghiệp nhỏ qui mô dưới 20 ha dọc đường DT 746.

Thực hiện việc nhanh chóng lấp đầy các cụm công nghiệp này, huyện tiếp tục áp dụng các chính sách (cơ chế) thông thoáng hơn như giảm các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng dự án, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nhân đến đầu tư làm ăn tại đây. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đã đến tìm hiểu và xin bố trí đất để đầu tư sản xuất công nghiệp. Đến hết năm 2002, toàn huyện đã thu hút được 35 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 157,5 triệu USD. Trong đó, 11 dự án đã đi vào sản xuất, các dự án còn lại đang trong giai đoạn xây dựng, tập trung chủ yếu ở Tân Phước Khánh, Tân Vĩnh Hiệp, Khánh Bình và Thái Hoà. Đáng chú ý có một số dự án đầu tư khá lớn trên địa bàn đã hoạt động như của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vinatabolin (trang sức, vốn đầu tư 5,4 triệu USD), Công ty trách nhiệm hữu hạn Triple A (sản xuất đồ gỗ gia dụng, số vốn 4,9 triệu USD), Liên doanh Chí Hùng (sản xuất giày thể thao, vốn đầu tư 5 triệu USD). Ngoài ra, hiện còn một số dự án của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuỷ tinh VGI (sản xuất chai, lọ, bao bì thuỷ tinh, vốn đầu tư 34 triệu USD) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Boca International (gạch ốp lát, vốn đầu tư 12 triệu USD) chưa đi vào

Phát triển nông nghiệp của huyện Tân Uyên

Lĩnh vực	1996	2001
Cao su:		
- Diện tích (ha)	9.132	12.384
- Sản lượng (tấn)	6.411	14.650
Điều:		
- Diện tích (ha)	2.461	2.589
- Sản lượng (tấn)	1.262	790
Hồ tiêu:		
- Diện tích (ha)	24	61
- Sản lượng (tấn)	47	69
Chăn nuôi (con):		
- Trâu	7.652	5.624
- Bò	12.215	9.002
- Lợn	17.038	18.826

Nguồn: Cục Thống kê Bình Dương

Làm gốm thủ công ở Xí nghiệp sản xuất - xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Nam Việt

hoạt động. Riêng các doanh nghiệp trong nước đến đầu tư tại huyện Tân Uyên chủ yếu ở 2 ngành sản xuất gồm sứ và gạch ngói. Trong đó, lĩnh vực gốm sứ có 110 cơ sở, tập trung ở Tân Phước Khánh và Tân Vĩnh Hiệp; gạch ngói có 163 cơ sở ở các xã Thạnh Phước, Thái Hoà, Khánh Bình, Bình Mỹ, Hội Nghĩa.

Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cao thể hiện quyết tâm của cả huyện trong việc đẩy nhanh sự phát triển nền kinh tế huyện, đồng thời cũng là kết quả của việc áp dụng linh hoạt những chính sách thu hút đầu tư.

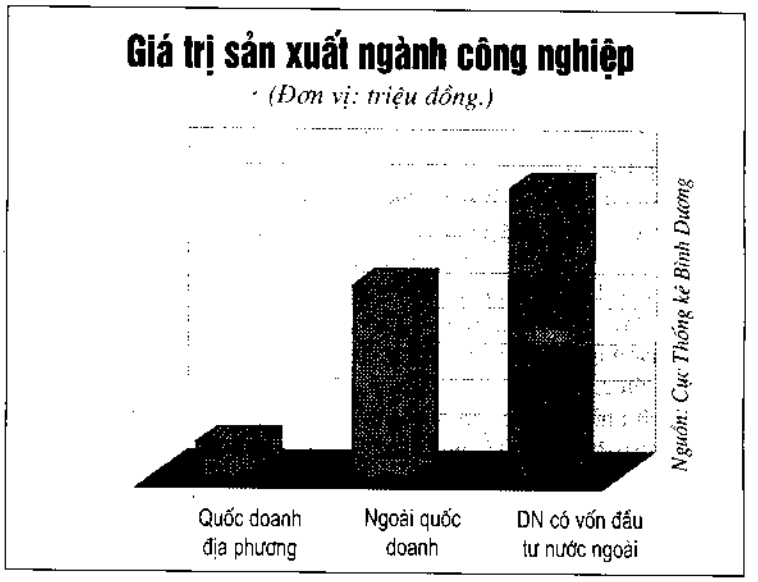

Cơ sở hạ tầng - xã hội đổi thay hỗ trợ phát triển kinh tế

Cùng với phát triển kinh tế, những năm qua, Uỷ ban nhân dân huyện đã tập trung vào xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở để thu hút đầu tư phát triển sản xuất, khai thác các nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương. Do đó đầu tư xây dựng cơ bản so với GDP đã được cải thiện và tăng khá cao, bình quân tăng 200%/năm.

Mạng lưới giao thông của huyện về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đi lại cũng như vận tải. Toàn huyện đã thực hiện được 700km, đã nâng cấp, láng nhựa được 93 km, còn lại là đường cấp phối giao thông nông thôn. 18 xã - thị trấn đều có tuyến giao thông đến trung tâm các xã và ấp.

Địa bàn huyện Tân Uyên có các tuyến điện cao thế của mạng lưới điện quốc gia đi qua và gần các nguồn điện chủ yếu của tỉnh như tuyến 500 KV đường dây siêu cao áp xuyên Việt, băng qua góc Tây Bắc huyện tại xã Phước Hoà; tuyến 500 KV Trị An - Hóc Môn băng qua huyện với chiều dài 12 km; tuyến 66 KV Thủ Đức - Lái Thiêu - Thủ Dầu Một, tại đây có trạm biến áp 66/15 KV cung cấp cho toàn tỉnh. Toàn huyện đã phủ kín lưới điện trung thế với cấp điện áp 10 - 15 KV với tổng chiều dài 247 km, hạ thế 118 km, có 494 trạm biến áp, 100% khu ấp có lưới điện trung thế và hạ thế.

Công tác giáo dục được quan tâm củng cố, hướng tới mục tiêu nâng cao dân trí. Việc thực hiện thành công phổ cập giáo dục đã đáp ứng cho sự phát triển kinh tế -

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2010

1) *Tăng trưởng GDP bình quân: 14 - 23%/năm*
2) *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ với tỷ trọng tương ứng là 61 - 62%, 27 - 28%, 10 - 11%.*
3) *GDP bình quân đầu người đến năm 2010: 1.000 - 1.200 USD/người/năm*
4) *Thu ngân sách tiếp tục tăng và ổn định, phấn đấu thu đạt tương ứng với tốc độ tăng trung bình hàng năm đến 2010 là 8,25% so với thu nhập*
5) *Hoàn thành cơ bản xoá các hộ nghèo*
6) *Phổ cập trung học ở 18/18 xã và thị trấn*
7) *Giải quyết việc làm cho người lao động với mức bình quân 1.000 - 1.500 lao động/năm.*

Cơ cấu kinh tế

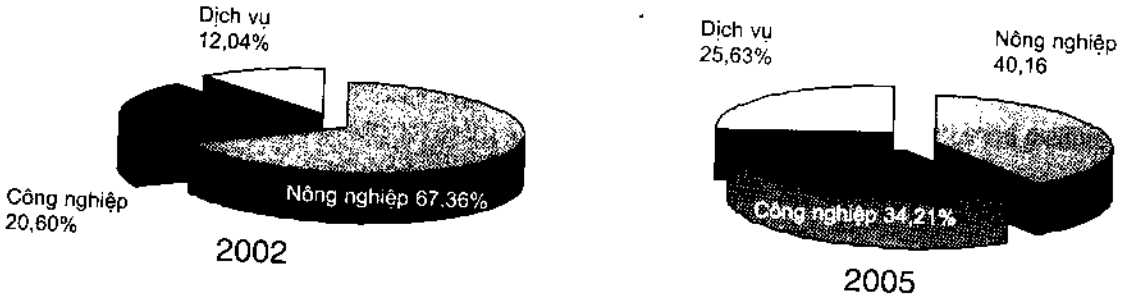

xã hội dựa trên phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật. Toàn huyện đã có 100% xã, phường được công nhận xoá mù chữ và 3 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Nhìn chung, các trường học đều được xây dựng kiên cố.

Mạng lưới y tế đã được phủ khắp các xã, phường và ở những nơi này đều có trạm y tế và cán bộ y tế. Huyện Tân Uyên có 18 trạm y tế xã, 1 trung tâm y tế huyện, 1 bệnh viện với 60 giường bệnh, đảm bảo phòng dịch, bảo vệ sức khoẻ cho bà mẹ và trẻ em.

Ngoài ra, Uỷ ban nhân dân huyện Tân Uyên còn chú trọng đầu tư phát triển văn hoá - thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Huyện đã xây dựng được nhà thi đấu thể thao đa năng, nhà văn hoá thể thao liên xã Chiến khu D, chuẩn bị khởi công xây dựng trung tâm văn hoá thể thao và nâng cấp sân vận động huyện.

TAN UYEN DISTRICT

A SOLID REAR OF THE SOUTH BINH DUONG INDUSTRIAL ZONE

Used to be Base D during the wars against the French and the American, Tan Uyen has been entitled "The Hero of People's Armed Force" and is now continuing its heroic traditions to enhance its economy to a new height.

- **Natural area: 613.44 sq.m**
- **Population: over 120,400 people**
- **Administration structure: two towns (Tan Phuoc Khanh and Uyen Hung) and 16 communes**
- **Economic growth: 16.8 percent per year**

Tan Uyen is situated in the north of Binh Duong, 24 kilometres far from Thu Dau Mot Town in the southeast and 30 kilometres from Ho Chi Minh City in the northeast. Located near Di An, Thuan An and Thu Dau Mot, where congregating seven industrial parks including Vietnam-Singapore, Viet Huong, Song Than No.1, Song Than No.2, Dong An, Tan Dong Hiep and Binh Duong, Tan Uyen is likened to the 'rear ground' of the industries in the southern Binh Duong in particular and a key economic region in the south in general. The district is especially important in Binh Duong - Thu Dau Mot economic belt under the strong influence from Ho Chi Minh City. Tan Uyen is now the supply of such essential demands for industrial zones such as labour force, accommodation, fresh food and land for the industrial development in the coming years. In such a location, Tan

Uyen enjoys more advantages than other districts in the province and have rapid growth rates based on its potentials and actual demand.

The shifting trend from agriculture to industry

Since the re-establishment of Binh Duong, Tan Uyen's economy has been steadily growing. The district's economic structure is transforming rapidly towards the strong increase in industry and service proportion and reduction in the agriculture. In particular, on average the value of annual agricultural and forestry production goes up by 5 percent, industry by 28.9 percent and trading services by 9 percent, of which:

Agriculture still remains its major importance, accounting for 40.16 percent in 2002. The main incomes are originated from the perennial crops such as coffee, cashew and rubber, material plants for the latex initial processing, cashew nut and coffee processing. Over the recent years, Tan Uyen has intensively extended the area growing fruits from 873 in the past to 23,000 hectare in 2001, forming the specialised and concentrated production areas for grapefruits, onions and vegetables which are invested intensively for the productivity enhancement and employment generation for working aged people.

Industries and home crafts have seen good progress. The products are rapidly purchased without being stagnant, creating favourable conditions for the production establishments to continuously increase their productivity. There are five industrial groups available in Tan Uyen including: the industrial park in Ba Nghia slope (Uyen Hung town) covering 200 hectare processing rubber latex. Tan Phuoc Khanh industrial processing cluster specialised in pottery, china, bricks and tiles (150-200 hectare), Thanh Phuoc and Khanh Binh pottery and construction material cluster with a total area of 200-400 hectares, Thai Hoa industrial cluster specialised in bricks and tiles on an area of 60-100 hectares, and a small-scaled industrial cluster (less than 20 hectares) along the road DT746.

Tan Uyen District

To rapidly fill those industrial groups, Tan Uyen is applying more open policies and simplifying the administration procedures for the investment projects to create favourable conditions for the investment business. At present, many enterprises have come and applied for a place to invest in industrial production. Until the end of the year 2002, Tan Uyen has attracted 35 foreign investment projects with the total capital of US$157.5 million. Eleven of those projects have been put into operation and the others, mainly congregate in Tan Phuoc Khanh, Tan Vinh Hiep, Khanh Binh and Thai Hoa, are being establishing. There are

Tan Uyen agricultural development

Items	1996	2001
Rubber:		
- Area (hectare)	9,132	12,384
- Productivity (tonne)	6,411	14,650
Cashew:		
- Area (hectare)	2,461	2,589
- Productivity (tonne)	1,262	790
Pepper:		
- Area (hectare)	24	61
- Productivity (tonne)	47	69
Husbandry (head)		
- Buffalo	7,652	5,624
- Cattle	12,215	9,002
- Pig	17,038	18,826

Source: *Binh Duong Statistics Bureau*

some remarkable projects invested by Vinatabolin Co. Ltd. with the total investment of US$5.4 million in jewellery, Triple A Co. Ltd. producing furniture with the total investment of US$4.9 million, Chi Hung Joint-venture Company producing sporty shoes with the total investment of US$5 million. Some other projects are going to start their operation by VGI Glass Co. Ltd. producing bottles and glass containers (US$34 million), Boca International Co. Ltd. producing enamelled tiles with the investment of US$12 million. Enterprises from other parts of the country mainly invest in the pottery, china and bricks production in Tan Uyen. Regarding pottery and ceramic, there are 110 production workshops congregating in Tan Phuc Khanh and Tan Vinh Hiep. Regarding brick and tile production, there are 163 producers in such communes as Thanh Phuoc, Thai Hoa, Khanh Binh, Binh My and Hoi Nghia.

The industrial and home craft growth rates are high, expressing the attempt of the whole district in stimulating the district's economic growth, which is the result of the effective application of the policies for attracting investment.

Social and infrastructure changes contributing to the economic growth

Along with the economic growth, the district's People's Committee has been concentrated on the infrastructure improvement to attract investment in the production expansion and exploitation of local available potentials. As a result, the proportion of investment in capital construction in comparison with the GDP has been remarkably improved and increased by 200 percent per year on average.

The local traffic network basically satisfies the transportation demand. In total, the district has built 700 kilometre roads, of which 93 kilometres has been tarred and the rest are rural macadam. 18 townships and towns have roads leading to the centre of the villages and communes.

Tan Uyen district is connected to the high voltage lines of the national electrici-

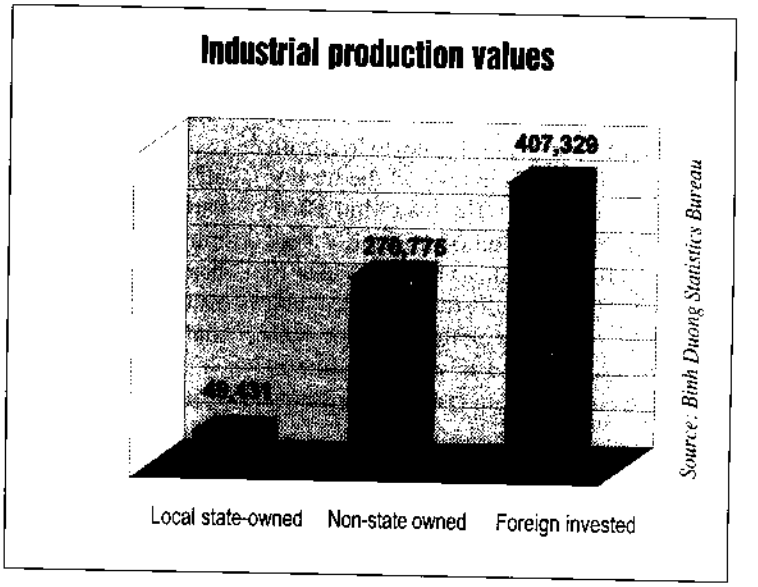

Targets for socio-economic development in 2005-2010

1. *Annual average GDP growth: 14-23 percent.*
2. *Economic restructure from agriculture - industry - services to industry - agriculture - services to 61-62 percent, 27-28 percent and 10-11 percent respectively.*
3. *GDP per capita in 2010 : US$1,000-1,200 per year.*
4. *The budget contribution keeps increasing steadily, striving for an annual growth rate of 8.25 percent of the income until 2010.*
5. *Generally complete the poverty elimination.*
6. *Universalising secondary level education to 18/18 communes and township*
7. *Annually creating employment for 1,000 -1,500 labourers.*

Structure transformation

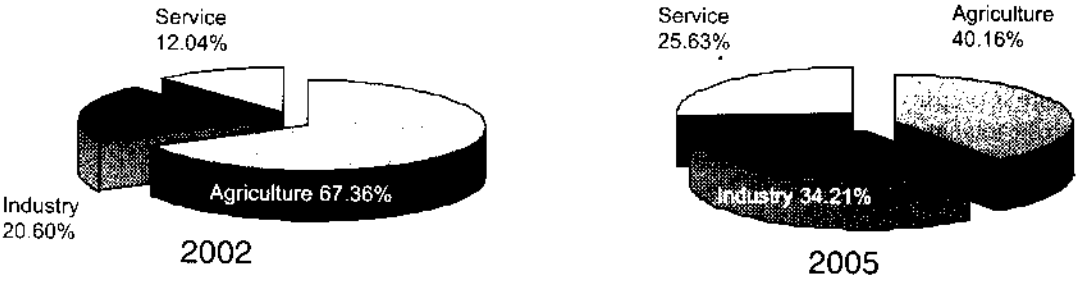

ty network across the area such as the trans-Vietnam 500 KV high voltage across the Phuoc Hoa commune, the 500 KV Tri An - Hoc Mon lines across the district with the length of 12 kilometres and the 66 KV Thu Duc - Lai Thieu - Thu Dau Mot. There is a transformer station of 66/15 KV supplying electricity to the whole province in Tan Uyen. The district is fully covered with 10-15 KV medium voltage network with 247 km in length and low voltage line of 118 kilometre long and 494 transformer stations.

The education has also been improved towards the target of higher intellectual standard for the local people. The successful compulsory education campaign has contributed to the socio-economic development. All the communes and wards in the district have fulfilled the illiteracy elimination with three primary schools meeting the national standards. In general, all the schools are well built.

Health care services have conducted in all the communes and wards with health care centres and cadres. There are 18 communal health care centres, one district health care centre and one hospital with 60 beds, guaranteeing the epidemic prevention and the mother and children's health.

Moreover, the Tan Uyen People's Committee attaches great importance to the investment in the development of culture and sports to meet the demands for entertainment and spiritual life of the local people. Tan Uyen has built a versatile sport house, Base D inter-communal culture and sport house and prepared to build a cultural and sport centre and improve the district stadium.

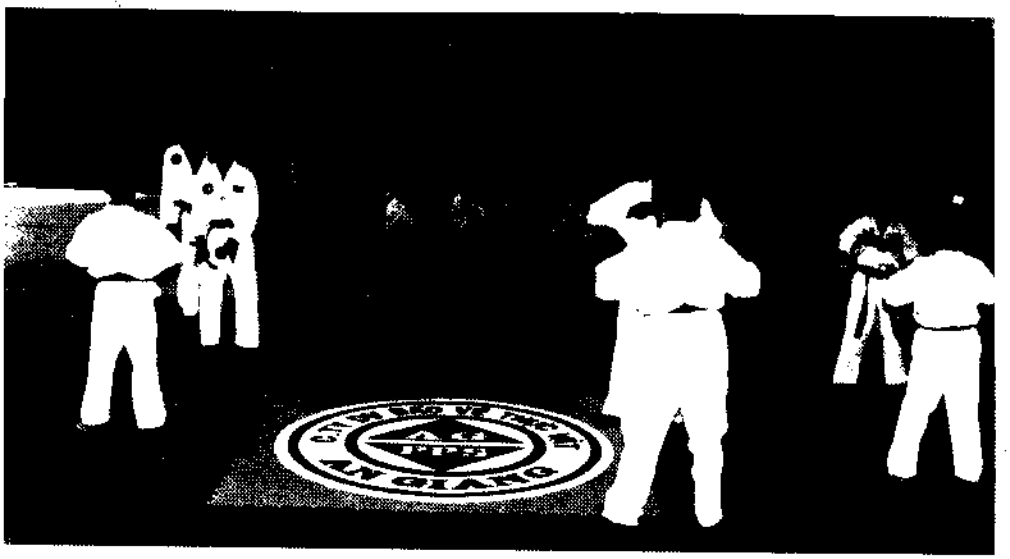

One of cultural activities of the youth of Tan Uyen district

HUYỆN PHÚ GIÁO

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN NỀN TẢNG NÔNG NGHIỆP VỮNG CHẮC

Trải qua 3 năm phát triển, một khoảng thời gian rất ngắn so với lịch sử hình thành vùng đất oai hùng Phước Thành năm xưa, Phú Giáo hôm nay đang thay da đổi thịt, phát triển đi lên. Cùng với kinh tế nông nghiệp là then chốt, Phú Giáo còn có nhiều tiềm năng để phát triển các lĩnh vực kinh tế khác, đặc biệt là công nghiệp và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Trụ sở Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo

- **Diện tích: 54.145 ha, chiếm 20,1% diện tích tỉnh Bình Dương**
- **Dân số: 61,34 nghìn người**
- **Đơn vị hành chính: 8 xã và 1 thị trấn**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 12%/năm**
- **GDP bình quân đầu người năm 2001: 3,7 triệu đồng**

Là một huyện nông nghiệp, nằm ở phía Bắc của tỉnh Bình Dương, cách thị xã Thủ Dầu Một 45km, Phú Giáo được tách ra trên cơ sở 9 xã thuộc huyện Tân Uyên. Huyện tiếp giáp tỉnh Bình Phước ở phía Bắc, phía Nam giáp huyện Tân Uyên, phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai và phía Tây giáp huyện Bến Cát. Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn huyện khá thuận lợi với tuyến đường DT.741, tuyến giao thông quan trọng nối các tỉnh miền Đông Nam Bộ với các tỉnh phía Bắc. Sông Bé chảy qua huyện không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thuỷ mà còn đem lại nguồn nước dồi dào cho phát triển nông nghiệp.

Hội tụ nhiều yếu tố tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế, những năm qua, Phú Giáo đã đạt được tốc độ tăng

trưởng khá nhờ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Giá trị sản xuất trong các lĩnh vực nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại đều tăng qua từng năm, tạo tiền đề cải thiện đời sống vật chất của nhân dân trong huyện.

Vai trò nòng cốt của kinh tế nông nghiệp

Huyện Phú Giáo được đánh giá có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp một cách toàn diện do có thế mạnh về đất đai, thổ nhưỡng bên cạnh yếu tố thời tiết, khí hậu thuận lợi và nguồn nhân lực dồi dào. Đất đai ở đây chủ yếu là đất xám (chiếm 67,3% tổng diện tích), đất nâu vàng trên phù sa cổ (20%) rất thích hợp cho việc trồng cây lâu năm. Chính vì vậy, cây công nghiệp và cây ăn trái cùng với mô hình kinh tế trang trại trở thành thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của huyện. Nếu xét về cơ cấu kinh tế huyện Phú Giáo, nông nghiệp đang giữ vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng 71,8% GDP. Trong ngành nông nghiệp, cơ cấu ngành hiện xếp theo thứ tự trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ tương ứng với 76,4% - 21,4% - 1,7% GDP toàn ngành.

Trồng trọt ở Phú Giáo đã từng bước hình thành vùng chuyên canh với các loại cây chủ yếu như cây cao su, tiêu, điều, cây lương thực và cây ăn quả. Trong đó, cao su là cây công nghiệp được ưu tiên đầu tư hàng đầu, phát triển trên quy mô lớn nhất so với các loại cây khác, tập trung nhiều ở các xã Phước Hoà (Công ty Cao su Phước Hoà - Vĩnh Hoà) và An Bình (Nông trường Cao su An Bình). Loại cây quan trọng thứ hai là cây điều, được trồng trên đất vườn, phần lớn ở các xã trong huyện như Vĩnh Hoà, An Long, Phước Sang, Tân Hiệp.

Cùng các loại cây công nghiệp dài ngày, một số loại cây ngắn ngày và cây ăn trái cũng góp phần tang giá trị sản xuất nông nghiệp. Những vùng cây ăn trái chuyên canh đã được hình thành ở các xã Vĩnh Hoà, An Bình... và đang tiếp tục nhân rộng ra các xã khác. Xoài, nhãn, sầu riêng, sa-pô-chê trở thành những loại cây đặc sản truyền thống của huyện.

Về cây lương thực, nông dân huyện Phú Giáo chỉ trồng các loại hoa màu như bắp (ngô), mỳ (sắn)... còn cây lúa do không phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu nơi đây nên không có được vị trí nổi bật, diện tích và sản lượng đều thấp. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện chỉ đạt 5.411 tấn trên diện tích gieo trồng 1.920 ha.

Ngoài trồng trọt, tiểu ngành chăn nuôi của huyện Phú Giáo phát triển theo quy mô tổng hợp VRAC. Hiện nay, lĩnh vực này chiếm tỷ trọng 15% trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong tương lai, chăn nuôi có khả năng phát triển thành quy mô lớn do huyện có tiềm năng thuận lợi về đất đai cho chăn nuôi tập trung.

Về lâm nghiệp, Phú Giáo là huyện duy nhất của tỉnh Bình Dương còn rừng tự nhiên với diện tích 5.284 ha tập trung ở hai xã An Bình và Vĩnh Hoà. Trong đó rừng tự nhiên là 3.474 ha, chiếm 65,75%;

Phát triển nông nghiệp của huyện Phú Giáo

Lĩnh vực	1996	2001
Cao su:		
- Diện tích (ha)	6.014	8.271
- Sản lượng (tấn)	4.648	10.827
Điều:		
- Diện tích (ha)	3.042	2.317
- Sản lượng (tấn)	1.481	704
Hồ tiêu		
- Diện tích (ha)	25	99
- Sản lượng (tấn)	58	207
Chăn nuôi (con):		
- Trâu	2.247	6.403
- Bò	2.897	3.096
- Lợn	1.817	16.548

Nguồn: Cục Thống kê Bình Dương

Cơ cấu kinh tế

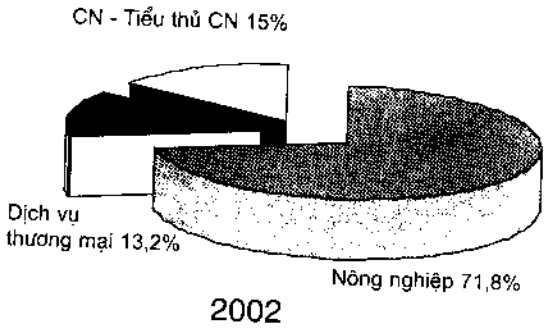

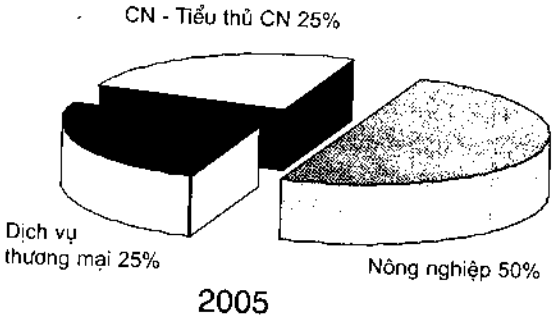

rừng trồng đang phát triển tốt trên diện tích 1.810 ha.

Từng bước đẩy mạnh các ngành kinh tế khác

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của ngành nông nghiệp, một ngành kinh tế quan trọng khác đang được huyện Phú Giáo quan tâm đầu tư phát triển. Đó là ngành công nghiệp với các ngành nghề chính bao gồm: sản xuất gạch, chế biến hạt điều nhân, chế biến mủ cao su và xay xát, ngoài ra còn có sản phẩm may mặc nhưng chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn. Nhìn chung, khối doanh nghiệp và cơ sở thuộc ngành công nghiệp trên địa bàn huyện hoạt động ổn định nhưng quy mô nhỏ lẻ, vốn đầu tư ít nên chưa tạo được giá trị sản xuất cao *(Xem biểu đồ)*.

Phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng dần tỷ trọng công nghiệp vẫn là nhiệm vụ hết sức nặng nề và gặp không ít khó khăn của huyện trong những năm tới đây. Dựa trên những lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng của Phú Giáo trong tỉnh Bình Dương, công nghiệp huyện sẽ tập trung thu hút các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ với phương châm, chiến lược là "Đi thẳng vào công nghệ hiện đại, sản xuất chế biến từ nguyên liệu sẵn có". Cụ thể, huyện sẽ khuyến khích đầu tư mở rộng các doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng, khai thác sét, gạch và chế biến cao su, xay xát, chế biến dầu, khoai mỳ. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp da giày sẽ là một trong những ngành được khuyến khích đầu tư. Xét trên thực tế, ngành này thu hút nhiều lao động và có giá trị xuất khẩu cao. Vì thế, chủ trương của Phú Giáo hiện nay là sẽ phối hợp chặt chẽ ngành thuộc da với ngành chăn nuôi để cung cấp nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Sự phát triển của các ngành công nghiệp nói trên sẽ dần hình thành các cụm công nghiệp và tiến tới tương lai xa hơn là các khu công nghiệp để đạt được mục tiêu phấn đấu đến năm 2005 như đã đề ra.

Về thương mại - dịch vụ, huyện tập trung đầu tư cho việc kinh doanh các loại vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng cần thiết phục vụ cho đời sống nhân dân. Đồng thời huyện củng cố xây dựng lại chợ trung tâm thị trấn Phước Vĩnh thành trung tâm thương mại của huyện; nâng cấp chợ Phước Hoà, xây dựng các chợ nông thôn, mở rộng mạng lưới kinh doanh với các mặt hàng đa dạng phong phú, phát huy các ngành nghề truyền thống như mộc, gốm sứ...

Hoàn thiện các mặt xã hội

Cùng với sự đổi thay về kinh tế, Phú Giáo đang đầu tư và chỉnh trang lại hạ tầng cơ sở. Huyện đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để nâng cấp mở rộng hơn 50km đường cấp phối do huyện quản lý, láng nhựa các con đường nội ô thị trấn và một số tuyến đường trọng điểm. Giao thông nông thôn vươn dài gần 200km nối liền các ấp, đường ra trung

tâm, trạm xá, trường học tạo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, giao lưu hàng hoá.

Đặc biệt, từ năm 1999 đến nay, Phú Giáo đã tích cực triển khai chương trình điện khí hoá nông thôn, xoá ấp trắng về điện. Đến nay, 55/55 khu ấp trong toàn huyện đều đã có điện phục vụ sinh hoạt, số hộ sử dụng điện 81,67%, tăng 50% so với thời kỳ mới tái lập huyện. Hệ thống chiếu sáng huyện lỵ đã được xây dựng khá hoàn chỉnh, tạo nên bộ mặt đô thị mới ngày càng văn minh. Toàn huyện có 2 bưu cục, 4 bưu điện văn hoá phục vụ cho thông tin liên lạc trong và ngoài nước, với 1.500 máy đạt tỷ lệ 3,7 máy điện thoại/100 dân.

Ngành giáo dục thời gian qua cũng có nhiều đổi thay. Công tác quản lý được tăng cường, đội ngũ giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và từng bước được chuẩn hoá, cải cách phương pháp sư phạm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Trường lớp được nâng cấp, xây dựng mới hơn 100 phòng học. Với những định hướng và chủ trương đúng đắn, đến nay, Phú Giáo hiện có 7/9 xã, thị trấn được công nhận phổ cập trung học cơ sở, dự kiến đến năm 2003 hai xã còn lại sẽ hoàn thành nốt theo chuẩn quốc gia.

Các chương trình y tế quốc gia được ngành y tế quan tâm thực hiện, bảo đảm công tác khám chữa bệnh, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Hệ thống trang thiết bị khám, chữa bệnh tại các trung tâm, cơ sở y tế trên toàn huyện được nâng cấp và bổ sung. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đã giảm xuống 22% so với 33% năm 1999.

Văn hoá - thông tin phục vụ nhu cầu giải trí cho nhân dân huyện đang ngày một nâng cao. Trong năm 2002, 100% số khu, ấp và 97% số hộ trong toàn huyện đã đăng ký xây dựng đời sống văn hoá. Ngoài chương trình tiếp sóng Đài Trung ương và chương trình phát sóng địa phương, đài truyền thanh đang có phương hướng đầu tư xây dựng cơ bản, tăng cường các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao nhằm cải thiện và nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân. Đặc biệt, ngày 18-9-2002, Phú Giáo đã làm lễ khánh thành Tượng đài Chiến thắng Phước Thành để kỷ niệm 41 năm ngày chiến thắng - một trận chiến có ý nghĩa rất quan trọng đối với lịch sử đấu tranh cách mạng của huyện Phú Giáo.

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng năm 2001 *(Đơn vị:%)*

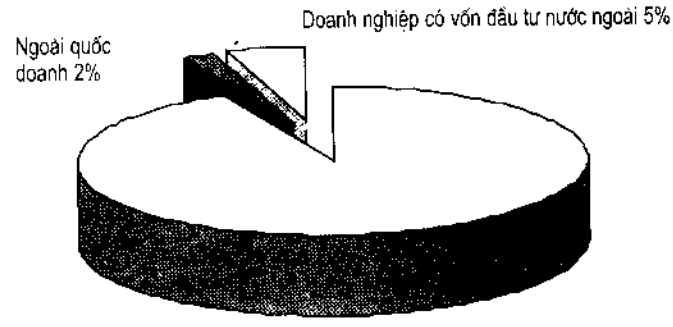

Nguồn: Cục Thống kê Bình Dương

Tượng đài chiến thắng Phước Thành

Những thành tựu mà Phú Giáo đạt được sau 3 năm tái lập huyện còn rất khiêm tốn nhưng đã thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội. Phú Giáo với nội lực sẵn có sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành quả to lớn hơn trong định hướng phát triển giai đoạn 2005 - 2010. Kinh tế nông nghiệp vẫn được xác định là ngành kinh tế then chốt, là tiền đề thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế khác. Công nghiệp sẽ có những bước khởi sắc với lợi thế về đất đai, vị trí. Địa bàn huyện là địa chỉ lý tưởng cho các nhà đầu tư vào các ngành công nghiệp không gây ô nhiễm. Bên cạnh đó, một số địa danh như Suối Rạc, Bến Tà Lách (xã An Bình) là những nơi có cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp cũng sẽ trở thành điểm du lịch sinh thái có nhiều triển vọng trong tương lai. Ba năm qua, mô hình kinh tế trang trại của huyện đang trên đà phát triển và có xu hướng nhân rộng là một hướng đi đúng đắn. Niềm tin của nhân dân huyện Phú Giáo vào sự lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng bộ, chính quyền địa phương trong sự nghiệp phát triển kinh tế là nền móng vững chắc đưa Phú Giáo ngày một phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra.

PHU GIAO DISTRICT

DEVELOPING THE ECONOMY ON A SOLID AGRICULTURAL FOUNDATION

Over the three years of development, it is short time incomparison with the history of heroic Phuoc Thanh, Phu Giao is now changing and growing. Apart from the key agricultural economy, Phu Giao has many economic potentials to develop such as industry and foreign investment attraction.

- **Natural area: 54,145 hectares, making up 20.1 percent of the Binh Duong total area**
- **Population: 61,340 people**
- **Administration structure: eight communes and one township**
- **Annual economic growth: 12 percent**
- **GDP per capita in 2001: VND3.7 million**

Located in the north of Binh Duong, 45 kilometres far from Thu Dau Mot town, Phu Giao is an agricultural district composing of nine communes separated from Tan Uyen. The local traffic system is convenient with the road DT.741, the important connection of the southeast with northern provinces. Be River running across the district brings not only advantages for the development of the waterways but also rich water source for the agricultural development.

Enjoying natural advantages for the development of the economy, Phu Giao has made remarkable growth due to economic restructuring toward bigger proportion of industry and services, and smaller proportions of agriculture. The production values of forestry, agriculture, home crafts and commercial services have been annually increased, making a great contribution to the improvement of the local people's material life.

The key role of agricultural economic sector

Phu Giao is known as a district with potentials for the comprehensive development of the agriculture thanks to its advantageous land, climate and rich human resources. Soil in this region is mainly grey (67,3 percent of the total natural area) and yellowish brown made of

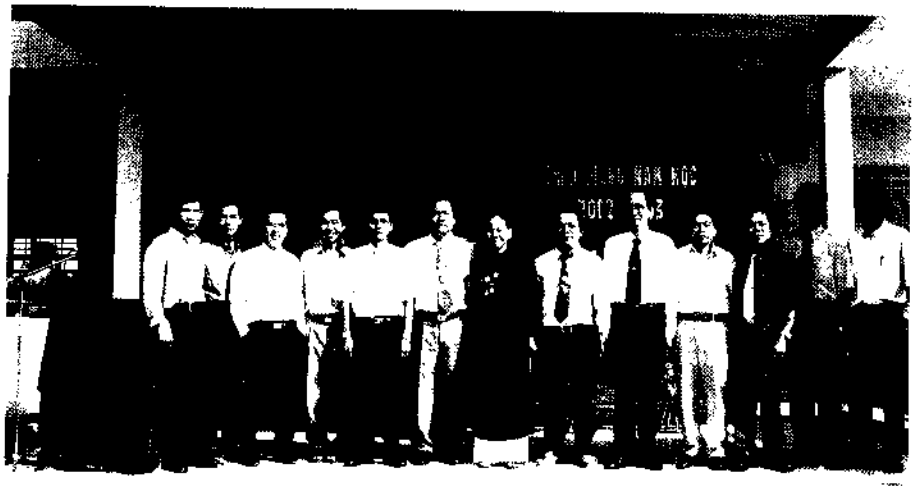

The provincial leaders visited Phu Giao on the occation of the new school year openning

the ancient alluvium (20 percent), which are very good for growing perennial crops. Therefore, industrial crops, fruits growing and economic farming have become the strong points in the local agricultural production. In Phu Giao economic structure, agriculture plays the key role, making 71.8 percent of the GDP. The agricultural economic structure is cultivation - husbandry - services making 76.4 - 21.4 - 1.7 percent of total GDP of agriculture respectively.

Phu Giao has gradually formed the specialised areas for crops including rubber, pepper, cashew, vegetable and fruits. In the district, rubber is the most favoured industrial crop, mainly congregating in Phuoc Hoa commune (Phuoc Hoa - Vinh Hoa Rubber Company) and An Binh (An Binh Rubber Plantation). The second important crop is cashew mainly grown in gardens in such communes as Vinh Hoa, An Long, Phuoc Sang and Tan Hiep.

Besides perennial crops, some seasonal crops and fruits also make remarkable contributions to the increasing agricultural production. In Vinh Hoa, An Binh and some other communes, specialised areas for fruit trees have been formed and are now expanded. Mangoes, longans, durians and sapodillas have become traditional specialities of the district.

Regarding grain crops, the farmers in Phu Giao mainly grow popcorn and cassava. The area and productivity of rice are both small because of the unsuitable soil and climate. The total grain yields of the district reach only 5,411 tonnes per 1,920 hectares.

Phu Giao is developing husbandry in accordance with the model VRAC (garden, fields, pond and cage) making 15 percent of the local agricultural structure

Agricultural development in Phu Giao

Items	1996	2001
Rubber:		
- Area (ha)	6,014	8,271
- Production (tonne)	4,648	10,827
Cashew:		
- Area (ha)	3,042	2,317
- Production (tonne)	1,481	704
Pepper:		
- Area (ha)	25	99
- Production (tonne)	58	207
Husbandry (head)		
- Buffalo	2,247	1,817
- Cattle	2,897	3,096
- Pig	6,403	16,548

Source: Binh Duong Statistics Bureau

Phu Giao economic structure *(Unit: percent)*

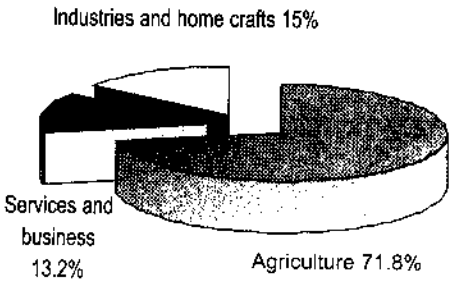

2002

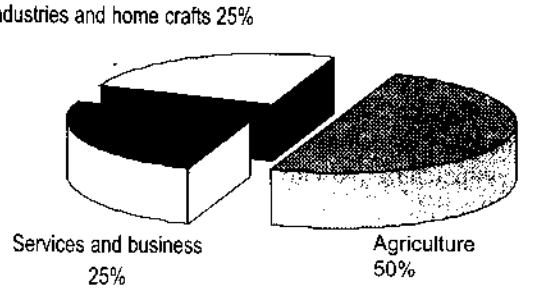

2005

which promise great developments in the future because of the favoured potentials for concentrated husbandry.

Regarding forestry, Phu Giao is the only district in Binh Duong has natural forests. The total area of forests is 5,284 hectare, covering An Binh and Vinh Hoa with 3,474 hectares (65.75 percent) natural forests and 1,810 hectares artificial forests growing well.

Gradually strengthening other economic sectors

Another important economic sector in the development of Phu Giao is industry with the typical occupations such as brick making, cashew nut and rubber latex processing, husking and small proportion of garments. In general, the industrial enterprises and workshops in the district are operating well but with small scales and inadequate investments, resulting in low production values *(as shown in the following chart)*.

Developing the industry in accordance with the industrialisation, modernisation and restructuring economy as well as increasing the industrial proportion are important tasks of Phu Giao in the coming years. Exploiting the available advantages of the location and potentials, Phu Giao will concentrate on attracting the medium and small-scale enterprises with the motto: "towards the modern technology and production with the available materials". In particular, the district encourages the investment in expanding enterprises in fields of agricultural products processing, animal feed producing and construction materials, husking and rubber, oil and grains processing. In addition, leather and footwear will be invested intensively. As a matter of fact, the leather and footwear industry attracts a great number of labourers and has high export values. Therefore, Phu Giao is targeting at the co-operation between the leather tanning and husbandry for the direct material supply and development assistance. The development of the above industries will help form the industrial clusters as premises for the future industrial parks as planned for the target development in 2005.

Regarding trading and services, the district is concentrating its investment on the business of chemical fertilisers, materials and essential commodities. In addition, the central market in Phuoc Vinh township will be improved to be the district's commercial centre. Phu Giao will also improve Phuoc Hoa market and build the rural markets, expand the business network, diversify the commodities and develop the traditional occupations like carpentry, porcelain and ceramics.

Social developments

Along with the economic changes, Phu Giao is investing in the improvement of the infrastructure. Billions of dongs have been invested in improving 50 kilometres of the macadam roads and tarring the urban road and important routes. Traffic has covered 200 millimetres, connecting villages with the centre, healthcare centres and schools, facilitating the local transports.

Since 1999 in particular, Phu Giao has been actively implementing the rural electrification and install electric line in all communes. All the 55 villages throughout the district have been so far equipped with electricity for daily life.

81.67 percent of the households are using electricity, increasing by 50 percent over the first period of the district's re-establishment. The lighting system is quite perfect, making the urban civilised. There are two post offices, four cultural posts for the local and international communication and 1,500 telephones (reaching the rate of 3.7 telephones per 100 people.)

There have been also changes in education. The management has been strengthened and the teacher staff is regularly standardised with higher professional knowledge and skills for better education quality. Schools have been improved with 100 new classrooms. With the sound direction and policies, seven of the nine communes and townships in Phu Giao have been certified to fulfil compulsory secondary education. It is estimated that the other two communes will soon meet the national standard.

National healthcare programs are carried out to protect the public heath. Healthcare equipment in all the local healthcare services and centres are being improved. The number of malnourished children was reduced from 33 percent in 1999 to 22 percent in 2002.

Cultural communication for the local people's entertainment has been much improved. In 2002, 100 percent of the villages and 97 percent of the households over the district registered to build cultural life. Apart from the programs transmitted directly from Vietnam Television Station and the local broadcasting programs, the local radio station tends to invest in the capital construction, intensify the cultural, sports activities and arts performances in order to enhance the local people's intellectual standards. Particularly, on September 2002, Phu Giao organised the ceremony of Phuoc Thanh Victory Statue completion as the 41st victory celebration of a crucial battle in the revolutionary history of Phu Giao.

What Phu Giao have gained over three years after the re-establishment is not so great but has expressed the strong will and efforts of the local Committee of the Party and authorities in the socio-economic renovation. With its internal strengths, Phu Giao will continue achieving more significant developments in 2005 - 2010. In the development orientation, agriculture is still considered the key economic sector and a premise for the development of others. Industry will make prosperous developments thanks to the soil and location advantages. Phu Giao will be an ideal place for the investment in polluted industries. Beautiful places like Suoi Rac, Ben Ta Lach (in An Binh commune) will become the prospective ecological tourism spots. Over the past three years, farming economy has developed. The trust of the local people in the leadership of the authorities in the economic development is a solid foundation for the development of Phu Giao to reach the socio-economic targets.

The production values of industry, home crafts and construction in 2001

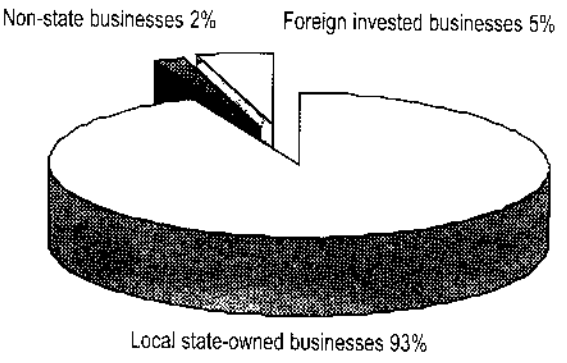

Source: Binh Duong Statistics Bureau

A pepper farm in Phu Giao

HUYỆN DẦU TIẾNG

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG

Là huyện xa nhất của tỉnh Bình Dương, Dầu Tiếng được biết đến như là vùng hậu cần nông nghiệp của tỉnh với đặc trưng là cây cao su. Vào thời chống Mỹ, Dầu Tiếng còn nổi danh với "Chiến thắng Dầu Tiếng" có ý nghĩa lịch sử giúp quân đội giải phóng tiến thẳng vào Sài Gòn. Ngày nay, trên mảnh đất này, người dân Dầu Tiếng đang phấn đấu xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá quy mô lớn, bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao.

- **Diện tích tự nhiên: 755,10 km^2**
- **Dân số: 86.713 người; mật độ 114 người/km^2**
- **Đơn vị hành chính: 1 thị trấn và 11 xã**
- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 12% - 13%/năm**

Từ bến cảng Nhà Rồng thành phố mang tên Bác, nếu theo sông Sài Gòn ngược lên thị xã Thủ Dầu Một, qua Bến Súc sẽ thấy một màu xanh bạt ngàn của những đồn điền cao su Dầu Tiếng. Cũng là cao su miền Đông Nam Bộ nhưng không phải cao su đất đỏ như câu phương ngữ quen thuộc, mà Dầu Tiếng là nơi có đất xám bình nguyên nằm trong lòng phía bắc hai con sông khá nổi tiếng ở miền Đông: Sài Gòn và Thị Tính. Sông Sài Gòn ở phía tây và nam với một chi lưu là sông Thị Tính về phía đông, tạo thành hình chữ V ôm lấy Dầu Tiếng từ ba mặt.

Những thay đổi về hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương

Dầu Tiếng là huyện xa nhất của tỉnh Bình Dương, điều kiện cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn, đường giao thông tuy đã được trải nhựa nhưng con đường huyết mạch ĐT744 nối huyện với trung tâm lại do tỉnh quản lý, đường còn nhỏ, có nhiều đoạn đường bị hư hỏng nên chưa hấp dẫn được các nhà đầu tư đến phát triển công nghiệp. Cơ cấu kinh tế của huyện hiện nay là nông nghiệp thương mại và dịch vụ công nghiệp. Định hướng phát triển kinh tế của huyện

Cao su Dầu Tiếng

hiện nay hoàn toàn phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sản xuất nông nghiệp, một thế mạnh được địa phương tập trung phát huy, đã có những bước phát triển tương đối khá. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4% - 5%/năm, diện tích gieo trồng tăng 5% - 6%/năm. Năm 2001, Dầu Tiếng đạt tổng giá trị sản xuất nông nghiệp là 461,59 tỷ đồng. Năng suất lúa tăng từ 21 tạ/ha (năm 1996) lên 30 tạ/ha (năm 2001), riêng lúa cao sản đạt 40 - 50 tạ/ha. Nông dân Dầu Tiếng đã từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tập trung cho những loại cây, con có hiệu quả kinh tế cao như cao su, cây ăn quả các loại, lúa năng suất chất lượng cao, trâu, bò sinh sản... và bước đầu thí điểm nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn huyện.

Qua quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đến nay, toàn huyện có 34.409,7 ha cao su, 4.995 ha điều, 1.439 ha cây ăn trái các loại, 126,6 ha cây công nghiệp lâu năm khác, 670 ha màu các loại và 3.986,5 ha lúa nước. Hàng năm huyện cũng tổ chức trên 40 lớp tập huấn cho nông dân thông qua các câu lạc bộ nhà nông để hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Đến năm 2002, đàn trâu bò sinh sản của huyện là 9.580 con, đàn heo có 13.162 con và hơn 280.000 gia cầm các loại. Đặc biệt, vấn đề cơ giới hoá trong nông nghiệp cũng được chú trọng, các loại máy cày, cắt lúa, tuốt lúa, máy bơm nước đã được đưa vào sản xuất nên khâu bơm nước đã được cơ giới toàn bộ, khâu làm đất đạt 60% và khâu thu hoạch đạt 50%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng cũng tăng dần trong cơ cấu kinh tế của huyện. Các cơ sở chế biến cao su, nông sản, gia công hàn tiện, dịch vụ thương mại cũng phát triển, góp phần làm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp và giải quyết lao động cho địa phương. Tính đến năm 2002, toàn huyện có 1.562 cơ sở với số vốn đang ký đầu tư 95,16 tỷ đồng, trong đó có 16 doanh nghiệp tư nhân, 8 công ty trách nhiệm hữu hạn, 1.538 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh thương mại - dịch vụ. Các cơ sở này đã thu hút được 2.436 lao động các loại.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, bưu chính viễn thông cũng có bước cải thiện đáng kể. Ngày đầu tái lập, điện lưới mới chỉ phủ được 20%, trường học, y tế nói chung đều thấp kém nhưng đến nay về cơ bản đã xoá được ấp trắng, gần 70% hộ dân đã được sử dụng điện. Với 100 tỷ đồng, trong đó có 85 tỷ của Công ty Cao su Dầu Tiếng, huyện đã đầu tư làm 650 km đường giao thông gồm 73 km đường nhựa, 266 km đường cấp phối, 311 km đường đất, mạng lưới giao thông đã vươn tới tận thôn, ấp tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, học hành, giao lưu kinh tế, văn hoá. Việc hoàn thành xây dựng cầu Tàu và cầu Bến Súc đã nối Dầu Tiếng gần

Dầu Tiếng mới được tái lập ngày 28 tháng 8 năm 1999, được tách ra từ một phần của huyện Bến Cát, có 11 xã và 1 thị trấn, là huyện tập trung nhiều người dân tộc thiểu số nhất của tỉnh Bình Dương. Thế mạnh kinh tế của huyện là nông nghiệp bao gồm các loại cây công nghiệp dài ngày, cây ăn trái, sản xuất lương thực, chăn nuôi. Công nghiệp chiếm tỷ lệ rất nhỏ, hầu như chưa phát triển, hiện chỉ là chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp như mủ cao su, hạt điều. Bên cạnh đó, do địa hình sông ngòi, lòng hồ Dầu Tiếng, núi Cậu và khu rừng lịch sử Kiến An, có hệ thống đường giao thông thuận tiện nối liền với thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh và các danh thắng, các khu di tích lịch sử cách mạng, nên Dầu Tiếng rất có điều kiện phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái.

với các trung tâm du lịch lớn của các tỉnh bạn. Mạng lưới điện thoại cũng đến được hầu hết các địa bàn trong huyện đạt 1,78 máy/100 dân.

Các lĩnh vực xã hội cũng được huyện quan tâm đầu tư, đặc biệt là công tác giáo dục. Dầu Tiếng tập trung xoá các phòng học tạm, lớp học 3 ca. Nhờ vậy, chất lượng giáo dục đã dần được nâng cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học đạt 99,9%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 89,7% và tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 78%. Cán bộ y tế được tăng cường, đạt 7,8 cán bộ trên 1.000 dân, 5/11 xã đã có bác sĩ.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn trở thành mục tiêu chính yếu

Không chạy đua phát triển công nghiệp như những huyện khác, Dầu Tiếng xác định lấy đổi mới nông nghiệp và nông thôn là mục tiêu quan trọng nhất trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI. Với mục tiêu xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao, Đảng bộ, chính quyền Uỷ ban nhân dân huyện Dầu Tiếng đã đề ra Chương trình hành động đến năm 2010, trong đó có những giải pháp rất cụ thể cho việc thực hiện mục tiêu này.

Đối với nông nghiệp, huyện sẽ tiến hành quy hoạch các vùng chuyên canh phù hợp với thổ nhưỡng để hướng dẫn nông dân tập trung nuôi trồng theo hướng sản xuất hàng hoá. Cụ thể, đối với cây trồng sẽ hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân có được giống tốt cho năng suất, chất lượng cao; tiếp tục triển khai thực hiện dự án cây điều cao sản. Đặc biệt huyện chú trọng đến việc xây dựng các phương án đầu tư vùng lúa năng suất, chất lượng cao. Đối với chăn nuôi, tiếp tục nhân rộng chương trình đàn trâu bò sinh sản, từng bước xây dựng mô hình chăn nuôi công nghiệp trên địa bàn. Về nuôi trồng thuỷ sản, sẽ khai thác lợi thế về mặt nước, ao hồ, vùng ngập, trũng của huyện để phát triển nuôi trồng thuỷ sản, nhân rộng mô hình nuôi cá bè trên mặt hồ Dầu Tiếng, hồ Cần Nôm và nuôi tôm càng xanh ở các xã dọc sông Sài Gòn. Hàng năm, huyện sẽ xây dựng các phương án để hỗ trợ về giống, kỹ thuật, tổ chức tập huấn cho nông dân và đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện. Huyện đã đề ra một giải pháp quan trọng dành cho thị trường tiêu thụ sản phẩm để giải quyết đầu ra cho cây ăn trái - loại cây đang được trồng khá đại trà của huyện. Đó là kêu gọi các nhà đầu tư mở các cơ sở chế biến nông sản ngay trên địa bàn, đồng thời xây dựng mỗi xã có 1 nơi mua bán tập trung để tạo ra đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu đến năm 2005

STT	Nội dung	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm (%)
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	15
2	Giá trị sản xuất nông nghiệp	5
3	Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo	5,3

Nguồn: UBND huyện Dầu Tiếng

Đối với nông thôn, Dầu Tiếng hướng đến xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý. Để đạt được mục tiêu này, huyện cần tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và các công trình thuỷ lợi cho nông thôn, tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển công nghiệp. Chủ trương xây dựng nông thôn của Dầu Tiếng theo lời ông Nguyễn Công Thanh - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện là "tập trung lo cho dân trước, đặc biệt là các xã thuộc vùng sâu, vùng xa".

Về giao thông, huyện phấn đấu mỗi năm làm mới và nâng cấp từ 60 đến 80 km đường giao thông nông thôn đồng thời kiến nghị tỉnh đầu tư nâng cấp mở rộng đường DT744 và DT751. Đối với điện sinh hoạt, đến năm 2010 phải đạt trên 98% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia, xoá 100% điện kế tổng ở nông thôn; quy hoạch mỗi xã từ 3-4 khu dân cư tập trung để đưa các hộ ở vùng sâu, vùng xa ra nơi có điện. Quy hoạch xây dựng các hệ thống cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất. Tiến tới xây dựng mỗi xã có một

Cơ cấu Kinh tế

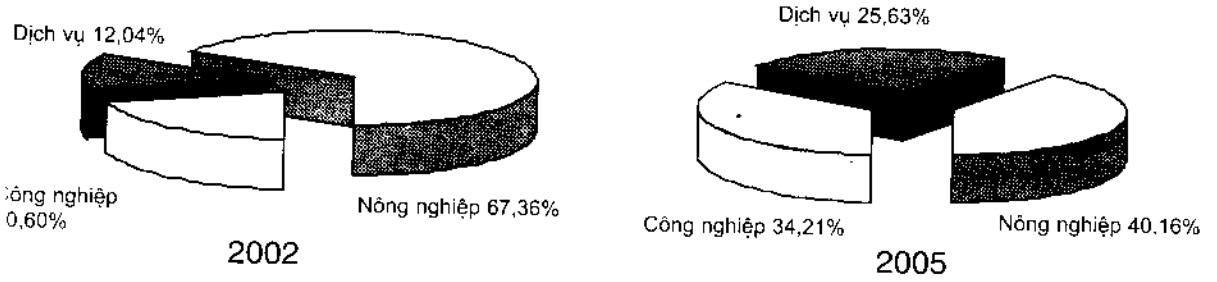

trung tâm kinh tế, văn hoá với quy mô 40-50ha gồm các hạng mục công trình: chợ, trung tâm văn hoá thể thao, công trình phúc lợi.... Xuyên suốt những hoạt động đó là công tác giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Dựa vào tiềm năng và thế mạnh để phát triển, Dầu Tiếng trong tương lai hứa hẹn những bước thay đổi quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Một Dầu Tiếng "làm nông", bám vào nông nghiệp để phát triển đã tạo thành một nét riêng cho bức tranh kinh tế tỉnh Bình Dương - một tỉnh đi đầu cả nước trong phát triển công nghiệp.

DAU TIENG DISTRICT

BRINGING THE HEROIC TRADITIONS INTO PLAY

As the most remote district in Binh Duong, Dau Tieng is known as an agricultural rear of the province specialising in rubber. During the anti-American war, Dau Tieng was famous for the historical "Dau Tieng Victory" that facilitated the liberation military's march to Saigon. Nowadays, Dau Tieng people are attempting to build a large-scale agricultural production with steady productivity, quality and high competitiveness.

From Nha Rong Harbour, going along Saigon River towards Thu Dau Mot town, across Ben Suc, interminable green of rubber of Dau Tieng will emerge. The soil in Dau Tieng is not red as well known sentence about the Southeast rubber growing areas but grey as in delta regions. The district is located in the north of the two famous rivers: Saigon and Thi Tinh. Saigon river running along the west and the south of Dau Tieng with one affluent running towards the east making a V boundary around the district.

- **Natural area: 755.10 sq. km**
- **Population: 86,713 people, population density: 114 people per sq. km**
- **Administration structure: one township and 11 communes**
- **Economic growth: 12-13 percent per year**

Changes of local socio-economy

As one the most remote district in Binh Duong, Dau Tieng's infrastructure is still in poor condition, and the roads are still small with many damages, which make district not so attractive to the industrial investors. The economic structure is now agriculture - trading and services- industries. The present economic development direction of the district is absolutely appropriate to the real

conditions and situation of the agricultural and rural industrialisation and modernisation in accordance with the Party and the state's policies.

Agricultural production, as strength of the locality has been brought into full play with remarkable developments. Annually, the total agricultural production value rises by 4-5 percent and the cultivation area is expanded by 5-6 percent. In 2001, the total agricultural production value of Dau Tieng was VND461.59 billion. The rice productivity per hectare increased from 2,100 kilogram in 1996 to 3,000 kilogram in 2001, especially high-yield rice achieved 40-5,000 kilogram per hectare in 2001. Dau Tieng farmers have gradually shifted the crop and husbandry structure with the higher concentration on crops and animals with high economic efficiency such as rubber, fruits, high quality and productivity rice, breeding buffaloes and cows, and start trial aquaculture in the district.

Through the agricultural restructure, the district has 34,409.7 hectare rubber and 4,995 hectare cashew, 1,439 hectare fruit trees, 126.6 hectare perennial industrial crops, 670 hectare of different crops and 3,986.5 hectare paddy rice. Annually, Dau Tieng organises more than 40 training courses for the farmers to instruct them with the cultivation and breeding skills. In 2002, there totally are 9,580 cows, 13,162 pigs and more than 280,000 poultry animals throughout the district. Particularly, development of the mechanisation rate in agriculture has been paid much attention. The irrigation has been absolutely mechanised with ploughing machines, paddy cutting machines, threshing machines and water plumps. Earthwork and harvesting have been 60 and 50 percent mechanised respectively.

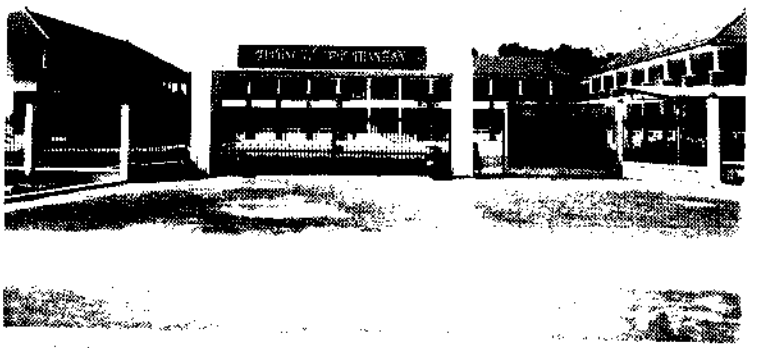

Thanh An Primary School

Industries, handicrafts and services, are raising their small proportion in the district's economic structure. Rubber and agricultural processing workshops, welding workshops and trading services making a contribution to the increase of agricultural products and creating jobs for the local people. By 2002, there were totally 1,562 production workshops with the registered investment of VND95.16 billion with 16 private enterprises, eight limited companies and 1,538 households attracting 2,446 labourers.

The technical infrastructure such as transport, electricity and telecommuni-

Established on August 28th 1999 Dau Tieng was separated from Ben Cat District with 11 communes and one township, populated with the biggest number of ethnic minorities in Binh Duong. The district enjoys economic advantages of agriculture including perennial industrial crops, fruits trees, food production and husbandry. Local industry has not yet developed making only a small proportion with only agricultural product processing such as rubber latex and cashew nuts. In addition, Dau Tieng enjoys favourable conditions for the development of tourism, especially the ecological tourism due to the location of rivers and streams such as Dau Tieng lake, Cau mountain and the historical forest Kien An as well as the convenient traffic network connecting to Ho Chi Minh city, Tay Ninh and the revolutionary historical places.

cation and postal services has made significant progresses. At the beginning of establishment, the national electricity covered only 20 percent, but at present, it has covered around 70 percent of the local households in all villages. Investing VND100 billion, including 85 billion of Dau Tieng Rubber Company, the district invested in building 650 kilometres roads (of which 73 kilometres are covered with asphalt, 266 kilometres are macadam and the rest 311 kilometres are pathways), the traffic network has reached all the communes and villages facilitating the local transports. Tau Bridge and Ben Suc have been built to connect Dau Tieng to the big neighbouring tourism centres. The district is mostly covered with the telephone lines, with the rate 1.78 telephones per 100 people.

Social development is also invested, especially in the education. Dau Tieng has attempted to eliminate momentary classrooms and abolish the three-shift classes. As a result, the education quality has been progressively improved. The number of pupils finishing primary schools, secondary schools and high schools are 99.9, 89.7 and 78 percent respectively. The district has also been reinforced with medical cadres (7.8 cadres per 1,000 people) and five of the eleven communes have doctors.

Main criteria of growth until 2005

No.	Items	Annual growth rates
1	Industrial production value	15
2	Agricultural production value	5
6	Reduce Proportion of poor households	5.3

Source: *Dau Tieng People's Committee*

Rural agriculture development - the major target

Ignoring races for industrial developments as other districts, Dau Tieng considers the rural and agricultural renovation the most important target in the first decade of the 21st century. Aiming at a large agricultural production with sustainability, high effectiveness, productivity, quality and competitiveness, Dau Tieng Party Committee and the People's Committee have made a program for the period from now up to 2010 with very specific solutions to pursue the target.

In terms of agriculture, Dau Tieng will

Investment in infrastructure is one of the most crucial task of an agricultural district

Structure transformation

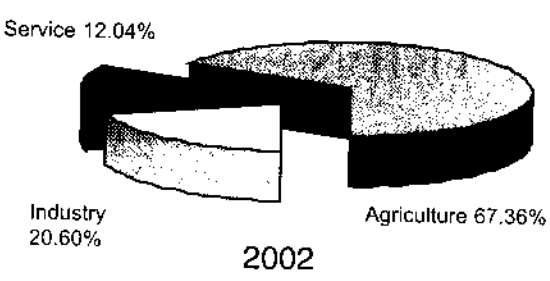

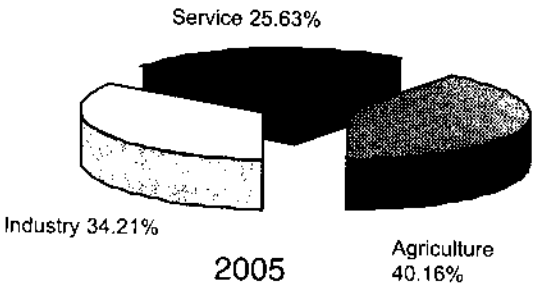

carry out the plan for special cultivation areas in accordance with the soil and guide the farmers to gear the cultivation and husbandry towards the commodity production. The district will create favourable conditions for the farmers to have high quality seeds and continue the project on high-yield cashews and carry out investment projects in the high quality and productivity rice growing regions. In terms of husbandry, keep expanding the program for breeding cows and build a model of industrial husbandry in the district. In terms of fishery, exploit the advantage of water surface, ponds, lakes and sunken areas in fishery farming, expanding cage fishery in Dau Tieng Lake, Can Nom Lake and green-claw shrimps in the communes along Saigon River. The district will annually finds the methods to assist the farmers with seeds, techniques and the application of scientific and technological achievements into the local agricultural production. Another important solution should be worked out for the consumption of fruits, the most popular crops in the district. Accordingly, Dau Tieng is encouraging the investors to open agricultural processing workshops in the district and building a large market in every commune as the consumption place for the agricultural products.

Dau Tieng is striving to build richer and more beautiful rural areas with appropriate economic structure. The infrastructure and rural irrigation works will also be invested to attract more investment in agriculture. According to Nguyen Cong Thanh, the Chairman of Dau Tieng People's Committee, the district is "concentrating the investment in the farmers first, especially those in the remote communes".

In terms of transport, Dau Tieng is striving to annually build and upgrade from 60 to 80 kilometres of the rural roads, and recommend the province to invest in the improvement of the two roads: DT44 and DT51. In addition, For domestic electricity, 98 percent of the households will access national electricity network and removed 100 percent of the general electric meter of every village, and planning three or four residential areas in every commune to take the remote households to the electricity-covered places. Planing the construction of the clean water system supplying the living and production. In each commune, build a cultural and economic centre of 40-50 hectares, including market, culture and sports centre and welfare buildings. Above all, education and human resources training are considered the backbone of all the other activities.

With its potentials and advantages for development, Dau Tieng will surely make important economic and social changes. Dau Tieng, an agricultural district has created a new feature for overall economic picture of Binh Duong - a leading province in industry development.

HUYỆN BẾN CÁT

CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP CÙNG PHÁT TRIỂN

Trên vùng đất Tam giác sắt, hay Lai Uyên, Trừ Văn Thố dầy bom dạn ngày nào giờ phủ kín một màu xanh cây trái, cùng với đó là các nhà máy đang mọc lên làm cho đời sống của nhân dân ở đây ngày càng được ấm no và hạnh phúc. Một "Bến Cát" đang đổi thay hàng ngày khi mà công nghiệp và nông nghiệp - hai cánh tay chính của nền kinh tế - đang "ganh đua" cùng phát triển.

Nguyên Tổng Bí thư Đỏ Mười thăm và làm việc tại huyện Bến Cát

Huyện Bến Cát nằm ở phía Bắc tỉnh Bình Dương, là địa phương có nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển cả công nghiệp lẫn nông nghiệp. Qua khảo sát về địa chất, trên địa bàn huyện, trữ lượng khoáng sản phi kim như: cao lanh, đất sét, đất làm gạch ngói, sỏi đỏ khá lớn, rất thuận lợi cho phát triển công nghiệp. Ngoài ra, tiềm năng đất đai của huyện Bến Cát lớn, thời tiết quanh năm mưa thuận gió hoà, là tiền đề quan trọng cho phát triển nông nghiệp. Thêm nữa, huyện Bến Cát còn là địa phương có hệ thống giao thông phát triển: Quốc lộ 13 sau khi được nâng cấp đã về đến Cụm công nghiệp Tân Định, đoạn còn lại về đến vùng đất giáp ranh Bình Phước đang bắt đầu thi công; Sông Sài Gòn và Thị Tính là hai tuyến đường thuỷ quan trọng, tiềm ẩn nhiều tiềm năng to lớn nếu biết khai thác đúng hướng.

- **Diện tích: 588 km²**
- **Dân số: 110.626 người**
- **Đơn vị hành chính: 14 xã và 1 thị trấn**
- **Cơ cấu kinh tế (2002):**
+ **Công nghiệp: 24%**
+ **Nông nghiệp: 61%**
+ **Dịch vụ: 15%**

Công nghiệp và nông nghiệp cùng "ganh đua"

Nhiều năm qua, Bến Cát được biết đến là một địa bàn trọng điểm của tỉnh với cơ cấu kinh tế được quy hoạch gồm nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Trong

đó, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã bước đầu "vươn vai" phát triển. Năm 2002, công nghiệp Bến Cát có sự tăng trưởng mạnh, giá trị sản xuất đạt 929 tỷ đồng, chủ yếu là các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc, chế biến thực phẩm. Công nghiệp phát triển không chỉ làm thay đổi cơ cấu kinh tế của huyện, nâng dần tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế huyện Bến Cát mà còn mở ra triển vọng mới trong việc thu hút mọi nguồn lực cho phát triển.

Trại gà tư nhân

Thực tế năm 2002 cũng cho thấy, toàn huyện đã có 44 dự án đầu tư trên địa bàn được cấp phép, trong đó có 27 doanh nghiệp trong nước, 17 doanh nghiệp có vốn đầu tư ngước ngoài. Như vậy, tính đến nay, trên địa bàn huyện có 184 doanh nghiệp gồm 3 doanh nghiệp nhà nước, 44 công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và 87 doanh nghiệp tư nhân với tổng vốn đầu tư 158 tỷ đồng, và 2.468 hộ kinh doanh, cùng 50 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 223,6 triệu USD.

Sự phát triển của ngành công nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển của Khu công nghiệp Mỹ Phước (diện tích 500 ha) với một số dự án đầu tư đã đi vào hoạt động. Nói về sự phát triển của ngành công nghiệp, ban lãnh đạo huyện Bến Cát nhận xét: "Cùng với nông nghiệp, công nghiệp đã trở thành ngành đột phá quan trọng, tạo giá trị ngày càng cao cho kinh tế huyện Bến Cát".

Công nghiệp phát triển trở thành động lực và là tiền đề quan trọng để Ủy ban nhân dân huyện tập trung cho sự nghiệp hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Năm 2002, toàn huyện đã gieo trồng 9.065 ha, trong đó diện tích lúa là 5.775 ha, cây màu lương thực 1.941 ha, diện tích cây thực phẩm 981 ha và cây công nghiệp ngắn ngày là 299 ha. Các loại cây trồng lâu năm của huyện Bến Cát chủ yếu vẫn là cao su (30.011 ha), cây điều (1258 ha), cây ăn quả (2.492 ha). Các loại cây trồng đều phát triển mạnh, sản xuất đi vào chuyên sâu, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Với lợi thế là một trong những địa bàn được tỉnh quy hoạch phát triển vùng chăn nuôi tập trung, ngành chăn nuôi huyện Bến Cát phát triển nhanh. Đàn heo nuôi đang phát triển mạnh với sự góp mặt của các công ty lớn như Nông lâm Đài Loan (92.075 con), Đài Việt (33.017 con). Đến nay, toàn huyện có 471 trang trại trên tổng

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2002

(Đơn vị: triệu đồng)

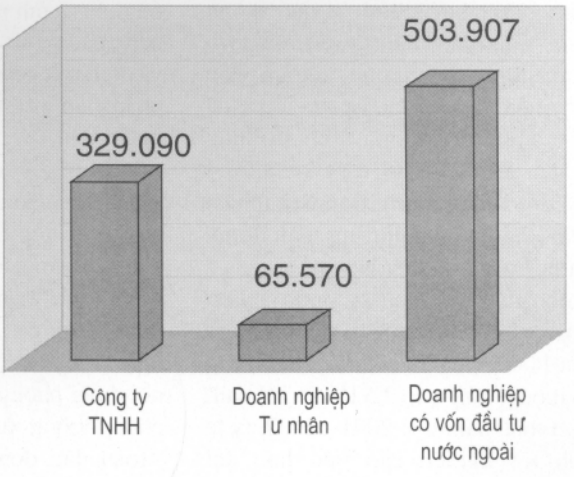

Nguồn: Uỷ ban nhân dân huyện Bến Cát

diện tích 4.181 ha với tổng vốn đầu tư 101,4 tỷ đồng. Các trang trại chủ yếu trồng các loại cây như cao su, cây ăn quả, tiêu và một số cây được trồng đan xen với các loại cây lâu năm. Với những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, Nông nghiệp Bến Cát đã khẳng định được tiềm năng to lớn trên con đường trở thành ngành nông nghiệp hiện đại.

Cùng với công nghiệp và nông nghiệp, hoạt động thu chi ngân sách trên địa bàn huyện khá ổn định, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất - kinh doanh an tâm đầu tư mở rộng sản xuất, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Riêng năm 2002, tổng thu ngân sách của huyện ước đạt 54 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu tỉnh giao 17%. Hệ thống ngân hàng, đặc biệt là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã huy động 148 tỷ đồng cho nhân dân vay phục vụ sản xuất, trong đó doanh số cho vay đạt 181 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu kinh tế ngành nông nghiệp huyện Bến Cát (1996 - 2002)

Lĩnh vực	ĐVT	1996	2002
Cao su:			
- Diện tích	ha	6.431	30.011
- Sản lượng	tấn	4.318	
Điều:			
- Diện tích	ha	4.714	1.258
- Sản lượng	tấn	1.918	
Hồ tiêu			
- Diện tích	ha	21	286
- Sản lượng	tấn	54	
Chăn nuôi:			
- Trâu	Con	3.416	3.516
- Bò	"	5.467	5.981
- Lợn	"	18.914	150.009

Nguồn: *UBND huyện Bến Cát*

Kết cấu hạ tầng phát triển, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế

Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương, huyện Bến Cát trong những năm qua đã đầu tư xây dựng nhiều công trình hạ tầng thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, giao thông, điện.... Hầu hết các công trình được triển khai đều đảm bảo đúng tiến độ, nhất là các công trình xoá ấp trắng về điện. Nhờ đó, đến nay, toàn huyện có 92,73% số hộ được sử dụng điện. Hệ thống thông tin bưu chính - viễn thông cũng được quan tâm đầu tư mở rộng với mạng lưới gồm 12 bưu cục, 2 trạm viễn thông, 6 điểm bưu điện văn hoá xã đã được xây dựng. Số hộ gia đình sử dụng điện thoại là 8.980 hộ, đạt tỷ lệ 8,4 máy/100 dân. Toàn bộ thị trấn Mỹ Phước được sửa sang, trở thành trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá của huyện.

Ngành giáo dục cũng được chính quyền huyện chú ý đầu tư từ bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông, tăng gấp 2,5 lần so với năm 1996. Kết thúc năm học 2001 - 2002, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp tiểu học đạt 99,97%, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 99,75%. Bước vào năm học 2002 - 2003, toàn huyện đã tiến hành xây dựng mới 22 phòng học cao tầng và 21 phòng học cấp 4, nâng số cơ sở vật chất trường lớp được "lầu hoá" trên toàn huyện đạt 4/4 trường trung học phổ thông, 1/8 trường trung học cơ sở và 3/23 trường tiểu học.

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng được chăm lo, phát triển. Hiện tại, huyện Bến Cát có 1 bệnh viện cấp huyện với 150 giường bệnh, 1 trung tâm y tế huyện và 2 phòng khám bệnh khu vực, cùng các trạm y tế ở tất cả các xã và 62 điểm hành nghề y dược tư nhân. Hàng năm, các cơ sở y tế này đã thực hiện khám và điều trị cho khoảng 350 lượt người, góp phần bảo vệ và nâng cao sức khoẻ cho người dân.

Trong chương trình quốc gia giải quyết việc làm, từ năm 1999 đến nay, huyện đã tập trung trên 2 tỷ đồng, giúp 1.200 người có vốn làm ăn. Đời sống văn hoá - tinh thần của người dân cũng dần được nâng cao. Các hoạt động văn hoá - nghệ thuật, thể dục - thể thao với nhiều nội dung phong phú và đa dạng đã được tổ chức thường xuyên. Phong trào vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

Trung tâm thử nghiệm mía thuộc Viện nghiên cứu Mía đường Bến Cát

văn hoá" đạt một số kết quả đáng khích lệ với 93,29% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, có 74/74 cơ quan, đơn vị đăng ký đơn vị văn hoá. Những hoạt động này đã góp phần thay đổi diện mạo nông thôn Bến Cát.

Thực hiện công tác "Đền ơn đáp nghĩa", nhiều năm qua huyện đã xây dựng 905 nhà tình nghĩa, tổ chức phong tặng và truy phong danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng cho 259 mẹ.

Nhằm phát huy những thành tích đạt được, huyện Bến Cát đã đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005 với một số chỉ tiêu quan trọng. Theo đó, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 12%/năm. Chú trọng phát triển công nghiệp bên cạnh phát huy lợi thế về nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt sẽ phát triển các cụm công nghiệp theo chủ trương qui hoạch như Khu sản xuất tập trung Tân Định, Khu công nghiệp Mỹ Phước, cụm công nghiệp An Tây, Lai Uyên, Lai Hưng, Hoà Lợi, An Điền. Phấn đấu đến năm 2010, Bến Cát cơ bản là huyện công nghiệp. Với tiềm lực đổi đào, công - nông nghiệp Bến Cát chắc chắn sẽ còn phát triển nhanh hơn, góp phần đưa huyện tiến xa hơn trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Cơ cấu kinh tế

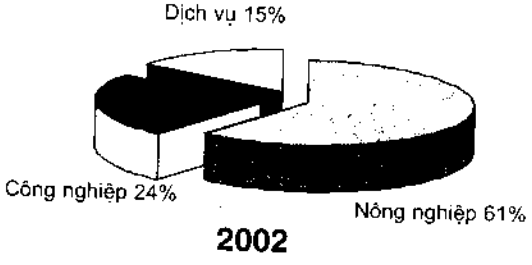

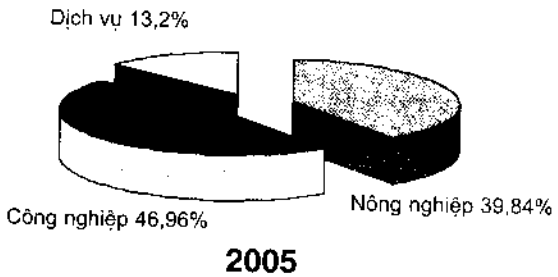

BEN CAT DISTRICT

HARMONIOUS DEVELOPMENT OF INDUSTRY AND AGRICULTURE

The old land of bombs and mines in the Iron Triangle or Lai Uyen and Tru Van Tho is now covered with green trees and factories, and the local people's living standards has been much improved. Ben Cat is changing day after day when industry and agriculture – the two arms of the economy – are developing competitively.

Located in the north of Binh Duong, Ben Cat enjoys a great deal of advantages for the development of both agriculture and industry. According to geologic researches, there are great deposits of clay, fine red clay and red pebble. Aside from that, Ben Cat owns rich potentials of cultivation land with the favourable weather all around the year. The upgraded National Road No.13 has reached Tan Dinh industrial cluster and the remaining part is now being built toward the neighbouring land of Binh Phuoc. Saigon and Thi Tinh are the two important waterways with great potentials to be exploited.

- **Natural area: 588 sq. km**
- **Population: 110,626 people**
- **Administration structures: 14 communes and one township**
- **Structure Transformation**
+ **Industry: 24%**
+ **Agriculture: 61%**
+ **Services: 15%**

Industry and agriculture are "competing"

Over the past years, Ben Cat has been known as a key region in Binh Duong with the planned economic structure including agriculture - industry – services. Industries and home crafts are progressively develop-

Crossbred maize growing - model DK888

ing. In 2002, Ben Cat made a rapid increase in the industrial production value, achieving VND929 billion mainly with construction material production, garment and food processing industries. The industrial development has changed the local economic structure, raised the industrial proportion and created new prospects to attract all forces for the development of the district.

Forty-four investment projects in the area have been licensed until 2002, including the projects invested by 27 local and 17 foreign invested enterprises. There are 184 enterprises throughout the district, of which three are state-run, 44 limited and joint-stock companies and 87 private enterprises with the total investment of VND158 billion, 2,468 family businesses and 50 foreign invested enterprises with value of US$223.6 million.

The industrial developments have facilitated the establishment and operation of My Phuoc Industrial Park (500 hectare large) with some available investment projects. the local leaders talked about the industrial developments of the district: "together with agriculture, industry is of special importance in creating higher economic values for the district".

The development of industry has become an important motivation and premise for the district's People's Committee to concentrate on the agricultural and rural modernisation. In 2002, 9,065 hectares throughout the district were cultivated with rice (5,775 hectares), food crops (1,941 hectares), foodstuff crops (981 hectares) and annual industrial crops (299 hectares). The perennial crops in Ben Cat are mainly rubber (30,011 hectares), cashew (1,258 hectares) and fruit trees (2,492 hectares). In general, the local cultivation has been intensively expanded and production has been specialised for the solid development.

Enjoying the advantage of an area planned for the development of concentrated husbandry in Binh Duong, the husbandry in Ben Cat is expanding rapidly. The number of porkers is rising rapidly including that of such big companies as Taiwanese agriculture and Forestry (92,075 heads) and Dai Viet (33,017 heads). At present, there are totally 471 farms with the total area of 4,181 hectare invested with VND101.4 billion, mainly growing rubber, fruits, pepper and some inter-crops. With the recent achievements, Ben Cat has confirmed its great potentials for a modernized agriculture.

Industrial production value in 2002

(Unit: million VND)

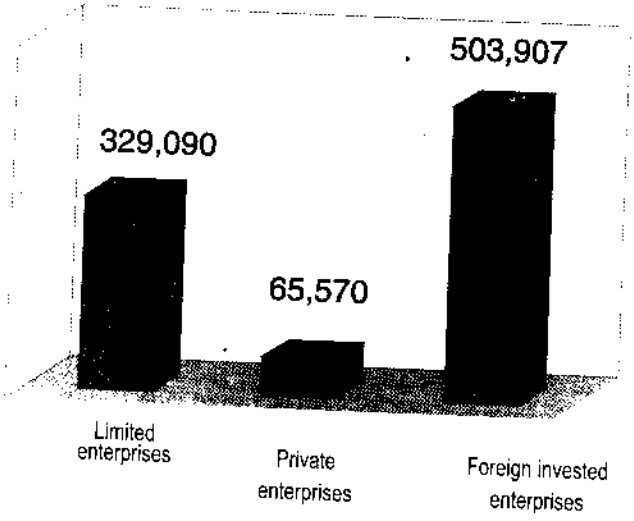

Source: Ben Cat People's Committee

Along with agriculture and industry, the local budget income and expenditures are quite stable, creating favourable conditions for the production and business organisations to invest in production expansion for the sake of the local socio-economic development. In 2002 alone, the total budget income was estimated to be VND54 billion accounting for 17 percent higher than the assigned target. The banking system, especially the Agriculture and Rural Development Bank has mobilised VND148 billion to lend the local people for their production expansion but the loans were VND181 billion.

Better infrastructure making great contributions to the economic development

Enjoying direct investment from the province and the local budget, Ben Cat has invested in many infrastructure works for education, health care, transport and electricity for the past few years. Progress rate of all the works have been ensured, especially those projects on equipping all villages with electricity. Therefore, 92.73 percent of the local households can now use electricity. The system of postal services and telecommunication has also been invested and expanded with a network of 12 post offices, two telecommunication stations and six communal cultural post centres. In the district, 8,980 people are using telephones (8.4 telephones per 100 people). My Phuoc township has been thoroughly improved and become the politic, economic and cultural centre of the district.

The investment in primary and secondary education and high schools in 2002 increased by 2.5 times over 1996. After the school year 2001-2002, of the pupils who finished primary schools 99.97 percent and secondary schools 99.75 percent. In early school year 2002-2003, Ben Cat has built more new buildings (22 classrooms) and tiled houses (21 classrooms). Until now, all the four schools, one of the eight secondary schools and three of the 23 primary schools in the district have buildings.

The public health care has also been improved. There are one district hospital with 150 beds, one district healthcare servic-

Economic criteria of Ben Cat agriculture from 1996 to 2002

Item	Unit	1996	2002
Rubber:			
- Area	Hectare	6.431	30.011
- Yield	Tonnes	4.318	
Cashew:			
- Area	Hectare	4.714	1.258
- Yield	Tonnes	1.918	
Pepper			
- Area	Hectare	21	286
- Yield	Tonnes	54	
Husbandry:	Head		
- Buffaloes		3.416	3.516
- Cattle:	"	5.467	5.981
- Pigs	"	18.914	150.009

Source: *Ben Cat People's Committee*

Informatics class at a primary school

Structure transformation

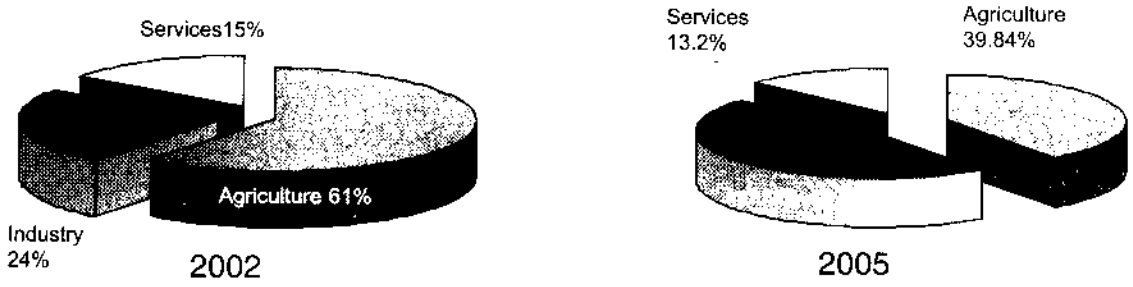

es centre and two regional clinics and healthcare centres in all communes and 62 private medical services. Annually, those services have examined and given medical treatment to 350 patients, making remarkable contributions to the public health improvement.

Since 1999, implementing the national program for job generation, Ben Cat has lent VND2 million to 1,200 people for their production. The local people's cultural and spiritual life has been much enriched. Activities of art and culture, sports and physical education are regularly organised. The movement 'the whole people co-operate in improving the cultural life' has achieved remarkable results: 93.29 households registered to be cultural households, all the 74 organisations registered to be cultural organisations. All those activities have helped change the rural image of Ben Cat.

Carrying out the "gratitude" movement, Ben Cat has built 905 houses of gratitude, support 259 women with the title Vietnam Heroic Mother.

To bring all achievements into play, Ben Cat has made a direction for socio-economic development until 2005 with some important criteria. Accordingly, the economy will be transformed toward the industrialisation and modernisation to strive for an annual economic growth of 12 percent on average. Industry will be intensively developed together with the mobilisation of the local agricultural advantages. The district will continue to invest more in infrastructure, especially concentrate on the development of industrial zones according to the planning direction of congregated production regions like Tan Dinh, My Phuoc Industrial Park, An Tay, Lai Uyen, Lai Hung, Hoa Loi and An Dien industrial zones. Ben Cat is making great endeavours to basically become an industrial district in 2010. Ben Cat will surely make more rapid development by mobilising its strong industrial and agricultural potentials to speed up the industrialisation and modernisation pace of the district.

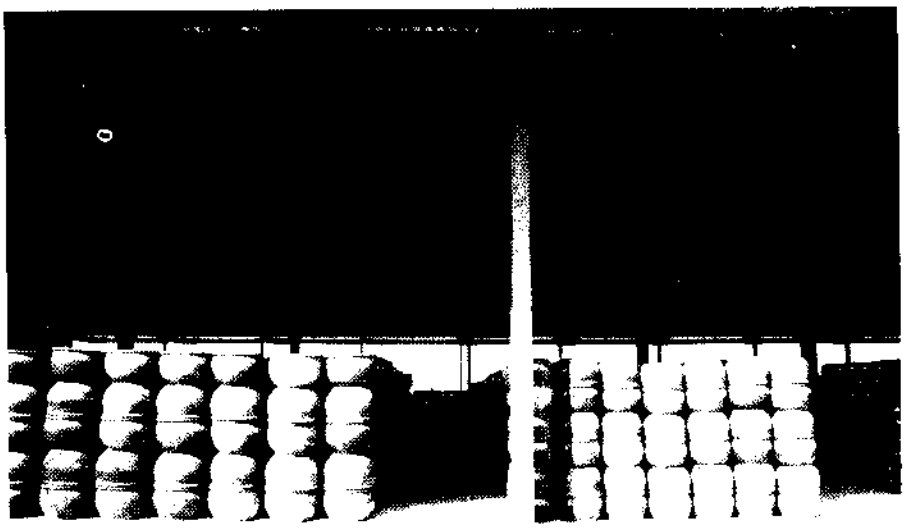

Nam Viet Ceramic Company - Typical enterprise of Ben Cat District

Phần III

KẾT CẤU HẠ TẦNG

Part III

INFRASTRUCTURE

GIAO THÔNG VẬN TẢI

Những con đường mang đến thành công

Không ngừng đầu tư nâng cấp và xây dựng các công trình giao thông, Bình Dương đã kiến thiết và xây dựng được một kết cấu hạ tầng giao thông, vận tải khá hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu cao của các nhà đầu tư, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những năm chiến tranh ác liệt đã để lại cho Bình Dương một hệ thống cầu đường què quạt, lại xuống cấp nghiêm trọng. Ngoài số quốc lộ quá ít ỏi phục vụ chiến tranh được mở rộng, chất lượng tốt, số còn lại phần lớn là đường nông thôn nhỏ, hẹp, đường đất. Cầu cống phần lớn được xây dựng từ thời Pháp thuộc có tải trọng nhỏ, khổ cầu hẹp, chủ yếu là cầu sắt đã hư hỏng nhiều. Về đường thuỷ thì hầu như chưa được quan tâm nâng cấp, sông rạch bị lấn chiếm, lòng rạch không được nạo vét mặc dù Bình Dương là nơi quần tụ các con sông lớn như Đồng Nai, Sài Gòn, Bé, Thị Tính cùng hệ thống kênh rạch rộng khắp. Ngày tái lập tỉnh cũng là lúc Bình Dương thay đổi cách nghĩ, cách làm, tập trung vào củng cố, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng trên phạm vi toàn tỉnh.

Đổi thay lớn trên toàn hệ thống giao thông

Năm năm qua, một chặng đường không dài nhưng nhìn lại diện mạo hệ thống giao thông vận tải của Bình Dương đã có những đổi thay lớn lao. Các tuyến đường huyết mạch nối liền các thị trấn, thị tứ, các khu công nghiệp trong toàn tỉnh đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Diện mạo đó thị khang trang, sạch đẹp, các tuyến đường giao thông nông thôn đã vươn đến tận các xóm ấp xa xôi. Hiện nay, hệ thống đường bộ đã đến tận 79/79 xã, phường kể cả các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Ông Nguyễn Huy Hoàng, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Bình Dương cho biết: "Có được thành tích này là do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đầu tư xây dựng các công trình giao thông. "Nếu năm 1996, tổng vốn đầu tư cho phát triển giao thông mới là 36,7 tỷ đồng thì năm 2002 tổng vốn đầu tư đã lên đến 310,2 tỷ đồng, tăng gấp gần 9 lần. Ngoài ra, tỉnh còn huy động nhiều nguồn vốn, nguồn lực khác để đầu tư như vốn đầu tư trả chậm của các doanh nghiệp, BOT, vốn huy động trong các doanh nghiệp và các khu dân cư ở thành thị và cả nông thôn. Với nguồn kinh phí trên, tỉnh đã hoàn thành khối lượng lớn về xây dựng cơ bản cầu, đường. Nhờ đó, tổng chiều dài đường bộ tăng lên đáng kể. Nếu như năm 1997 mới có 274,37 km thì đến năm 2002 đã có 3.343 tuyến đường với tổng chiều dài 5.103 km, trong đó đường quốc lộ gồm QL1A, QL13, QL1K tổng chiều dài 74,53 km; đường do tỉnh quản lý có 10 tuyến dài 457,12 km; đường huyện quản lý 228 tuyến dài 649,17 km; đường chuyên dùng của các lâm trường, nông trường, công ty cao su 1.455,88 km. Hệ thống

- **Mạng đường bộ dài 5.103km gồm QL13, QL1A, QL1K**
- **10 tuyến tỉnh lộ dài 457,12 km**
- **649,17 km đường huyện và 1.455,88 km đường chuyên dùng**
- **3 tuyến đường sông gồm sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Thị Tính, sông Bé và tuyến chạy qua đường sắt Bắc Nam**

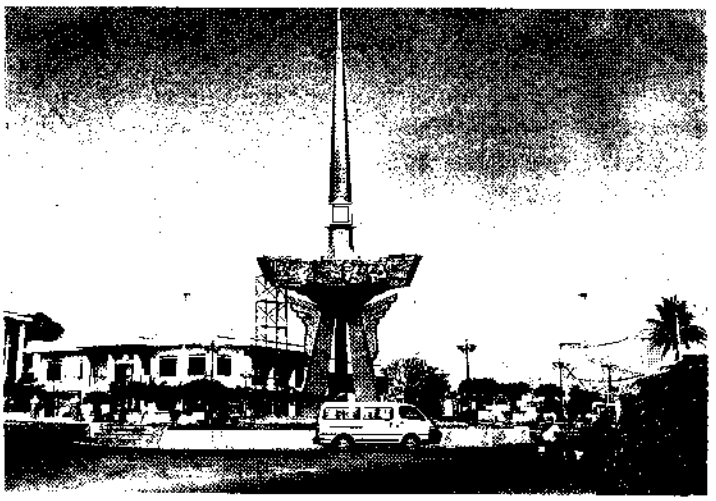

Vòng xoáy ngã sáu - thị xã Thủ Dầu Một

cầu có 154 chiếc, trong đó cầu bê tông có 88 chiếc dài 2.853m.

Đường thuỷ có sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Thị Tính, sông Bé tàu thuyền dưới 100 tấn có thể lưu thông an toàn... Như vậy, tổng chiều dài tuyến giao thông đường sông của tỉnh là 402 km, trong đó tỉnh quản lý 120,4 km. Các tuyến chính đang khai thác là Dầu Tiếng - Thuận An và Hiếu Liêm - Thanh Phước - Biên Hoà. Đồng thời, Bình Dương hiện có hai bến cảng: cảng Bà Lụa nằm trên sông Sài Gòn có diện tích 6.000m^2 đang hoạt động với lưu lượng hàng hoá đạt 40.000 tấn/năm và cảng Bình An do Cục Đường sông trực tiếp quản lý.

Về vận tải, từ năm 1997 đến nay, mạng lưới vận tải của Bình Dương tăng trên 200% với 37 tuyến đường vận tải hành khách trong và ngoài tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 9.874 phương tiện vận tải bộ các loại có khả năng vận chuyển 500 nghìn tấn và trên 2 triệu lượt khách/năm. Phương tiện vận tải thuỷ có 261 phương tiện đã phục vụ kịp thời cho sản xuất - kinh doanh và nhu cầu đi lại của nhân dân một cách an toàn, thuận tiện.

Định hướng phát triển giao thông, vận tải đến năm 2010

Trong thời gian tới, ngành giao thông, vận tải tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông hiện có để hoà vào mạng lưới giao thông khu vực và quốc gia. Mục tiêu đến năm 2010 là mạng lưới giao thông tỉnh Bình Dương sẽ đạt 1 - 1,2 km/km^2. Cải tạo, nâng cấp, xây mới mạng lưới giao thông tỉnh đảm bảo quốc lộ đường nhựa cấp I-II, tỉnh lộ đường nhựa cấp II - III trở lên (mặt bê tông nhựa > 9m), đường huyện đạt tiêu chuẩn từ cấp III - IV trở lên (mặt bê tông nhựa hoặc đá nhựa rộng từ 7 đến 9m), đường xã nhựa hoá cơ bản các tuyến đường chính. Toàn bộ các đường tỉnh, đường huyện đạt tải trọng thông xe H30, BX80n, các tuyến đường xã đảm bảo thông xe từ 10 tấn trở lên.

Tập trung mở rộng và nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn đến các trung tâm cụm xã theo chương trình giao thông nông thôn 2 do Ngân hàng Thế giới tài trợ, phấn đấu từ nay đến năm 2010 sẽ nhựa hoá 100% đường tỉnh, đường huyện, bê tông hoá tất cả các cầu bằng bê tông cốt thép dự ứng lực tải trọng H30 - XB80. Ưu tiên hiện nay của tỉnh là chỉnh trang và mở rộng các tuyến đường trung tâm huyện, thị xã với quy mô theo quy hoạch. Đồng thời, các trục đường huyện đang xuống cấp được cải tạo, mở rộng với mặt cắt ngang theo quy hoạch để tạo điều kiện thuận lợi cho nâng cấp sau này. Đối với tuyến đường xã, mục tiêu đặt ra là bảo đảm nhu cầu đi lại trong mùa mưa, nhựa hoá các tuyến đường xã quan trọng, đảm bảo lưu thông cho xe có tải trọng 6 - 10 tấn. Đối với các hẻm thuộc các phường, thị trấn sẽ thi công kết cấu mặt nhựa hoặc bê tông xi măng, kết hợp thoát nước và chiếu sáng, cây xanh đô thị.

Đường sông sẽ tiến hành nạo vét luồng lạch sông Sài Gòn, sông Đồng Nai để vận chuyển, cải tạo 2 bờ sông nhằm mục đích phục vụ du lịch. Cải tạo cảng Bà Lụa và xem xét việc đầu tư khai thác cảng khô khu Sóng Thần. Tuyến đường sắt do Trung ương quản lý nên tỉnh sẽ phối hợp và tạo điều

Vốn đầu tư phát triển giao thông giai đoạn 2000 - 2002

Đơn vị: tỷ đồng

Loại hình	Năm 2000
Vốn tỉnh đầu tư	578,78
BOT	300
Vốn của các công ty cao su	119,96
Vốn của các khu công nghiệp	76,62
Vốn của các doanh nghiệp làm trước trả sau	86,83

Nguồn: Sở Giao thông Vận tải Bình Dương

Kết quả làm đường giao thông

Đơn vị: km

Loại hình	Năm 2000
Đường bê tông nhựa	191
Đường láng nhựa	423
Đường sỏi đỏ và đường đất	3.711
Tổng cộng	4.325

Nguồn: Sở Giao thông Vận tải Bình Dương

kiện thuận lợi để triển khai tốt các dự án theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt như dự án cải tạo tuyến đường sắt Bắc - Nam, đường từ ga An Bình đi thành phố Hồ Chí Minh và phục hồi đường sắt đi Lộc Ninh (xuyên Á).

Phát triển vận tải cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của ngành giao thông, vận tải Bình Dương trong giai đoạn tới. Hệ thống bến bãi của tỉnh và các huyện bảo đảm có đủ các dịch vụ vận tải cả về hàng hoá và hành khách. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ tang trưởng kinh tế dự báo từ 11,5% - 15,5%/nam, riêng tỉnh Bình Dương có thể đạt từ 16% - 20%/nam nên nhu cầu về giao thông vận tải là rất cao. Trước tình hình đó, ngành giao thông, vận tải Bình Dương đang nỗ lực phấn đấu để đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chiếc nôi của ngành đường sắt Việt Nam

Ra đời và tồn tại gần một thế kỷ, Nhà máy Xe lửa Dĩ An - nay là Nhà máy Toa xe Dĩ An có bề dày lịch sử lâu đời. Theo bản đồ hành chính hiện nay, Nhà máy Xe lửa Dĩ An nằm trên vùng đất gò ở độ cao 30m so với mặt nước biển, tương đối bằng phẳng của huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, phần lớn diện tích của nhà máy này thuộc thị trấn Dĩ An (xã An Bình trước đây); phía Đông giáp xã Tân Đông Hiệp, phía Tây giáp Khu công nghiệp Sóng Thần, phía Nam giáp xã Linh Xuân và xã Tam Hà (huyện Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh), phía Bắc giáp xã An Phú, Bình Hòa. Xung quanh khu vực nhà máy có nhiều đường giao thông chính đi qua như Quốc lộ 1 (Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh), liên tỉnh lộ thị xã Thủ Dầu Một - thành phố Biên Hòa, đường DT.743 từ thị trấn Lái Thiêu qua, xa lộ Đại Hàn... Ngoài ra, cách nhà máy khoảng 2 km là tuyến đường sắt Bắc - Nam và ga Dĩ An.

Nhờ hệ thống đường sá trên, việc vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của nhà máy khá thuận lợi. Khi thực dân Pháp bắt đầu mở tuyến đường sắt Bắc - Nam, chúng đặt ra các công ty xe lửa và tiến hành xây dựng các nhà máy. Ở miền Nam, chúng mở tuyến đường sắt Sài Gòn - thành phố Biên Hòa - thành phố Nha Trang, Sài Gòn - Lộc Ninh, Sài Gòn - Mỹ Tho, Tháp Chàm - Đà Lạt. Trong đó, nhiệm vụ bảo trì, sửa chữa các đoàn tàu ở tuyến này thuộc về Nhà máy Xe lửa Dĩ An.

Năm 1902, thực dân Pháp tiến hành cướp đất, đuổi nhà, di dân đi nơi khác để san ủi mặt bằng, xây dựng Nhà máy Xe lửa Dĩ An. Thời gian xây dựng kéo dài trong 10 năm. Đến năm 1912, việc xây dựng hoàn thành, Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ Anbesarô cùng với nhiều quan chức đến cắt băng khánh thành và đưa nhà máy vào hoạt động chính thức. Hiện nay, Nhà máy Toa xe Dĩ An là một doanh nghiệp độc lập, trực thuộc Đường sắt Quốc gia Việt Nam, đóng trên địa bàn huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, cách thành phố Hồ Chí Minh 23 km về phía Đông - Bắc, thuộc vùng tứ giác kinh tế trọng yếu của các tỉnh phía Nam.

Khu vực sản xuất của Nhà máy có diện tích rộng 24 ha và mặt bằng phụ cận hơn 100 ha, là một trong những nhà máy công nghiệp lớn nhất của Đường sắt Quốc gia Việt Nam.

Từ 1975 đến nay, nhà máy đã sửa chữa lớn trên 7.000 toa xe và đóng mới trên 800 toa xe các loại, trong đó có cả các toa xe khách hạng nhất của Đường sắt Việt Nam như: Toa xe giường nằm mềm, ghế ngồi mềm có lắp thiết bị điều hòa không khí.

Thành tích của Nhà máy Xe lửa Dĩ An

1) **Năm 1978: Huân chương Lao động hạng Ba**
2) **Năm 1985: Huân chương Lao động hạng Hai**
3) **Năm 1994: Huân chương Lao động hạng Hai**
4) **Năm 2000: Giải nhất về chất lượng toa xe khách đóng mới của Đường sắt Quốc gia Việt Nam**
5) **Năm 2001: Huân chương Lao động hạng Nhất**

BINH DUONG TRANSPORT

Roads to success

With its non-stop investment in the transport system, Binh Duong has built a rather perfect transport infrastructure which not only satisfy the requirements of demanding investors but also outstandingly contribute to the socio-economic development of Binh Duong.

During the war, the entire system of Binh Duong roads was severely destroyed. Only the very few national roads were expanded and upgraded for the purpose of the war, the others were mainly small rural footpaths. The system of bridges and locks with small size and capacity, mainly built under the French domination, were mostly destroyed. The waterway system was also in very bad condition. The rivers were occupied without being dredged even though Binh Duong is the intersection of many big rivers such as Dong Nai, Saigon, Be and Thi Tinh. Since the re-establishment of Binh Duong, the construction of infrastructure system all over the province started to be taken into consideration.

Growing changes in the entire traffic system

Binh Duong traffic system, from the urban to rural areas, has all been much improved over the past years. The routes linking the townships and industrial zones all over the province has been upgraded and widened. The present urban areas are spacious, beautiful and clean, and the rural roads have approached even the remote villages. The traffic system has now covered all over the 79 villages and wards in the province, including remote areas and former revolutionary bases.

- **Road network, including the National Road No. 13, No.1A and No.1K, with the total length of 5,103 kilometres**
- **Provincial roads with the total length of 457.12 kilometres**
- **Some 649.17 kilometres of district roads and 1,455.88 kilometres of rural roads**
- **Three waterway systems, including Saigon, Dong Nai, Thi Tinh rivers and Song Be and North-South railway.**

According to Nguyen Huy Hoang, Director of Binh Duong Department of Transport, "Those achievements are the results of the municipal authorities' consideration to the investment in the technical infrastructure, especially in traffic system". In 1996, the total investment in the

Mobilizing the general forces to invest and develop transport has changed the image of Binh Duong's in both urban areas and countryside

traffic system expansion was only VND36.7 billion, but in 2002, it was VND310.2 billion (a nine times increase). Furthermore, the province mobilised many other sources of strengths and capital such as long-term investment on deffered payments from the enterprises, BOT capital, and the capital mobilised from the urban and rural residential areas. With these capital sources, Binh Duong has built a large amount of roads, making a remarkable increase in the total length. In 2002, the entire network had 3,343 roads with the total length of 5,103 kilometres, which used to be only 274.37 kilometres in 1997. The national roads with total length of 73.53 kilometres of No. 1A, No.13 and No.1K, ten provincial roads with the total length of 457.12 kilometres, 649.17 kilometres of 228 district roads, the specialised roads for agro-forestry farms and rubber companies are 1,455.88 kilometres. A system of 154 bridges, including 88 concrete ones is 2,853 metres long on total.

The local waterway including Saigon, Dong Nai, Thi Tinh, and Be rivers, where ships capable of less than 100 tonnes can easily move. In general, the total length of the waterway in Binh Duong is 402 kilometres, of which 120.4 kilometres are under the management of the province. The main roads in use are Dau Tieng - Thuan An and Hieu Liem - Thanh Phuoc - Bien Hoa. In addition, Binh Duong has two ports: Ba Lua port in Saigon river with the area of 6,000 sq.m with the annual freight discharge of 40,000 tonnes and Binh An port under the direct management of the Waterway Bureau.

The transportation system in Binh Duong has been 200 percent expanded since 1997 with 37 local and inter-provincial roads. There are now 9,874 vehicles of different kinds all over the province capable of 500,000 tonnes of freight and over two million passengers per year. The available 216 waterway vessels have met demands of business, production and local people's travel.

Development orientation until 2010

Binh Duong is improving and upgrading its available roads geared to the integration into the regional and national traffic networks. The province is targeting a proportion of 1-1.2 km of road over one sq.km. The national roads will be of the first or second class, provincial asphalt roads should be at least of the third class with the asphalt concrete of more than nine metres wide. The district roads should be at least of the forth class with the concrete or macadam asphalt of seven to nine metres wide, and tarring the main rural roads. All provincial and district roads should satisfy the loading capacity of H30 and BX80n vehicles and the rural roads should be capable of vehicles of more than 10 tonnes.

The province has sat a target to widen and upgrade the rural traffic system to the centres of communes according to the rural transport program No.2 sponsored by the World Bank, strive to tar 100 percent of the provincial and district roads in 2002, and concrete all the bridges with the estimated loading capacity of H30 - XB80. Binh Duong is concentrating on improving and widening central roads of the town and townships according to the planning, concurrently improving and widening degraded roads of the district, facilitating later improvement. For the

Investment in transport in 2002-2002

Unit: VND billion

Type	2000
Investment from the province	578.78
BOT	300
Investment from rubber companies	119.96
Investment from industrial zones	76.62
Investment from enterprises	86.83

Source: Binh Duong Department of Transport

Overall transport system of Binh Duong

Unit: km

Types	2000
Asphalt concrete roads	191
Tarred roads	423
Red gravel roads and path	3,711
Total	4,325

Source: Binh Duong Department of Transport

commune's roads, the target is to ensure the travel of the local people during the rainy season, tar important routes, guaranteeing the travel of the 6 -10 tonne vehicles. The alleys in the wards and districts will be covered with asphalt and concrete with urban drainage, lighting system, and green trees.

Waterway Bureau will dredge Saigon and Dong Nai rivers, and reinforce banks for transportation and tourism. Reconstruct Ba Lua Port and consider the investment in the exploitation of the dry port in Song Than industrial zone. As the railway is under the management of the Central Party, the province will co-operate and facilitate the implementation of the projects approved by the government such as the projects on improving the north - south railway, An Binh to Ho Chi Minh City railway, and rebuilding the railway to Loc Ninh (xuyen A).

Developing transport is one of the most important targets of Binh Duong in the future. The province is striving to have a parking system fully equipped with transportation services for both passengers and freights. Located in the key economic region of the southern Vietnam with the estimated annual growth rate of 11.5 - 15.5 percent, but that of Binh Duong can achieve 16 - 20 percent with very high demand for the transportation. In such a situation, Binh Duong transport is striving to fulfil its tasks.

The cradle of Vietnamese railway sector

Di An Train Factory (the present Di An Rail Carriages Factory) has development history of nearly a century. According to the modern administration map, Di An Train Factory is located in a flat knoll of 30 metres above the sea level, in Thuan An district, Binh Duong. A large part of the factory belongs to Di An district (the former An Binh commune). The factory borders Tan Dong Hiep commune in the east, Song Than Industrial Zone in the west, Linh Xuan and Tam Ha communes (Thu Duc district, Ho Chi Minh city) in the south, and An Phu and Binh Hoa in the north. Many main roads surround the factory such as the National Road No.1 linking Hanoi and Saigon, Thu Dau Mot - Bien Hoa road, DT743 road from Lai Thieu encountering Dai Han Avenue. Besides, two kilometres far from the factory is the north-south railway and Di An station. The traffic network has facilitated the machinery and materials transportation. When the French colonists opened the north-south railway, they established train and companies and started to build factories. In the south of Vietnam, Saigon - Bien Hoa - Nha Trang, Saigon - My Tho, and Thap Cham - Da Lat railways were built. Di An Train Factory was in charge of the maintenance and reparation of those railways.

In 1902, the French colonists occupied the land and moved the local people to other places to build Di An Train Factory which took 10 years to construct. Until 1912, Albecsaro, the Governor General of Indochina, and many other officials attended the opening ceremony of the factory. Di An Rail Carriages Factory was an independent enterprise under Vietnam National railway in Di An, Binh Duong, which was 23 kilometres away from Ho Chi Minh city in the northeast, in the key economic quadrangle of southern provinces.

The production area of the factory is 24 hectares with extra neighbouring site of more than 100 hectares. It is one of the biggest industrial factories of Vietnam National Railway.

Since 1975, the factory has repaired more than 7,000 carriages and built over 800 carriages of different kinds, including the first-class carriages of Vietnam National Railway such as: air-conditioning soft-bed and soft-seat departments.

Achievements by Di An Train Factory

1. *Labour Order - third class in 1978*
2. *Labour Order - second class in 1985*
3. *Labour Order - second class in 1994*
4. *First prize for the carriage quality granted by Vietnam National Railway*
5. *Labour Order - first class in 2001*

ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Không ngừng đi lên để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Điện lực Bình Dương, một trong số 19 chi nhánh điện lực các tỉnh phía Nam đang giữ vị trí hàng đầu của Công ty Điện lực 2 (Tổng công ty Điện lực Việt Nam) về sản lượng cung ứng hàng năm. Từ khi tách tỉnh, Điện lực Bình Dương ngày càng phát triển, thể hiện ở cả quy mô sản xuất - kinh doanh lẫn năng lực đầu tư nhằm kịp thời đáp ứng cơ bản yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Phát triển cả về quy mô và năng lực sản xuất

Quốc khánh 2-9-1997 cũng là ngày Điện lực Bình Dương hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng là kéo đường dây tải lưới điện quốc gia đến trung tâm 79 xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Đây là bước ngoạt quan trọng để ngành điện lực tỉnh thực hiện chương trình điện khí hoá. Sự kiện này đã góp phần quan trọng để trong suốt sáu năm kể từ ngày tái lập tỉnh (1-1-1997), Điện lực Bình Dương tăng sản lượng điện gấp 3,75 lần, doanh thu bán điện tăng 4 lần, nộp ngân sách tăng 2 lần. 70% sản lượng đủ cung ứng cho sản xuất công nghiệp, phần còn lại dành cho công tác điện khí hoá nông thôn.

Hệ thống điện lực Bình Dương hiện đang có các trạm biến điện trung gian như: Trạm Gò Đậu 110/22/15 KV, công suất 65MVA; Trạm Sóng Thần 110/22KV, công suất 80MVA; Trạm Tân Định - Bến Cát 110/22KV, công suất 60KV. Ngoài ra, ngành Điện lực Bình Dương còn nhận điện từ ngành điện lực các tỉnh bạn khoảng 50MVA, nâng công suất của toàn tỉnh lên 275MVA. Ngành quản lý 1.579 km đường dây trung thế, có cấp điện áp 15-22KV, 3.834 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng 793.292 KVA, 1.008km đường dây hạ thế, phủ điện khắp 7 huyện, thị của tỉnh. Các đường dây 22KV được đưa đến tận các khu công nghiệp Sóng Thần I, Sóng Thần II, Đồng An, Bình Đường, Việt Hương,...

Để cung ứng và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư hoạt động, sản xuất - kinh doanh hiệu quả, Điện lực Bình Dương đã không ngừng phát triển nguồn và lưới điện. Một số công trình tiêu biểu được mở rộng, nâng công suất trạm biến áp 110KV như Gò Đậu thêm 20KV, trạm 110KV Sóng Thần thêm 1 máy biến áp 40 MVA, trạm 110KV Bến Cát thêm 1 biến áp 40MVA, xây dựng 113 km đường dây trung thế lộ ra để nhận điện của các trạm nói trên,... Riêng năm 2002, ngành đã đầu tư 140 tỷ đồng cho các dự án xây dựng mới và cải tạo sửa chữa lưới điện. Kết quả của sự đầu tư này là đã tạo được nguồn điện ổn định, qua đó tạo niềm tin và sự an tâm cho các nhà đầu tư khi đặt nhà máy tại tỉnh Bình Dương với hàng loạt công ty lớn có mức tiêu thụ điện cao như: Công ty FORE-MOST, Công ty YAZAKI, Nhà máy Thép Vina Tafong, Công ty Shijar cùng hàng trăm

Trạm điện

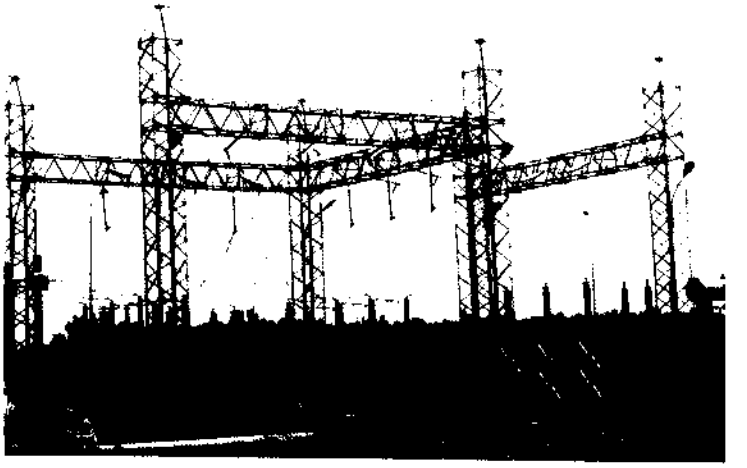

doanh nghiệp khác nữa.

Bên cạnh việc đầu tư cung ứng điện phục vụ sản xuất công nghiệp, công tác điện khí hoá nông thôn cũng được chú trọng, góp phần mang lại bộ mặt nông thôn mới. Tính đến 31-10-2002, toàn tỉnh đã có 100% xã với khoảng 92% số hộ dân (147.465 hộ, trong khi năm 1997 mới đạt 69,34%) được sử dụng điện lưới quốc gia và cơ bản hoàn thành việc xoá ấp trắng về điện. Theo kế hoạch, đến năm 2005, tỷ lệ này sẽ được nâng lên 97%.

Với mục tiêu giảm giá điện cho nhân dân do phải sử dụng qua điện kế tổng, trong năm 2002, ngành đã thực hiện chương trình xoá điện kế cụm với 39 điện kế cụm tại các thị trấn bị xoá, bỏ. Vì thế, đến cuối năm 2002, khoảng 2.000 hộ dân được mua điện trực tiếp của ngành điện theo giá quy định của Nhà nước.

Tiếp tục với những mục tiêu lớn

Chung sức cùng các ngành kinh tế chủ lực khác thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội mà nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VII đề ra, điện lực Bình Dương đặt ra chiến lược phát triển nguồn và lưới điện giai đoạn 2001 - 2005 đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt, bao gồm:

1) Xây dựng đường dây 110KV và trạm 110/22-15KV-63MVA Bình An, tiến độ thực hiện trong quý I-2003.

2) Xây dựng đường dây 110KV và trạm 110/22KV-40MVA Tân Uyên, tiến độ thực hiện trong quý IV-2003.

3) Xây dựng trạm biến áp 110/220KV-25MVA Dầu Tiếng 110KV (01 km) đấu nối vào trạm Dầu Tiếng đưa vào vận hành trong năm 2003.

4) Xây dựng trạm biến áp 110/220KV-25MVA Phú Giáo 110KV (02 km) đấu nối vào trạm Phú Giáo đưa vào vận hành trong năm 2003.

5) Xây dựng trạm biến áp 500/220KV-450MVA Tân Định.

6) Hoàn tất đóng điện trạm biến áp 220/110KV-250MVA Bình Hoà vào tháng 4-2002 vừa qua đã tăng khả năng cấp điện cho tỉnh và lắp thêm máy thứ 2 công suất 250 MVA vào năm 2003.

7) Xây dựng trạm biến áp 110/22KV Tân Đông Hiệp - 40MVA và đường dây 110KV Bình Hoà - Tân Đông Hiệp đưa vào vận hành năm 2004.

8) Xây dựng trạm biến áp 110/220 KV - 40 MVA Khu công nghiệp Bàu Bèo và đường dây 110KV Bình Hoà - Bàu Bèo 11 km đưa vào hoạt động năm 2005.

Các công trình này hiện đều hướng vào mục đích huy động tối đa nguồn lực của ngành để tạo ra sản lượng điện đủ đáp ứng cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Cải tiến hơn nữa cung cách phục vụ nhằm thoả mãn cao nhất đối với mọi khách hàng theo đúng chủ trương "trải thảm đỏ" mời gọi đầu tư của tỉnh. Phấn đấu tới năm 2005 phải đạt 3 mục tiêu cơ bản:

1) Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện cho các khu công nghiệp phía Nam tỉnh Bình Dương với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 22 đến 24%.

2) Nâng cấp lên 22KV, nâng công suất trạm, lắp thêm máy, cải tạo, phát triển lưới điện để cung cấp điện ổn định, liên tục.

3) Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, cải thiện mối quan tâm của khách hàng đối với ngành điện.

Với những gì đã làm được trong những năm qua và những mục tiêu cụ thể cho chặng đường phía trước, Điện lực Bình Dương luôn là người bạn tin cậy của nhân dân Bình Dương, là yếu tố cơ sở hạ tầng cơ bản cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Sản lượng điện cung ứng *(Đơn vị: Triệu KWh)*

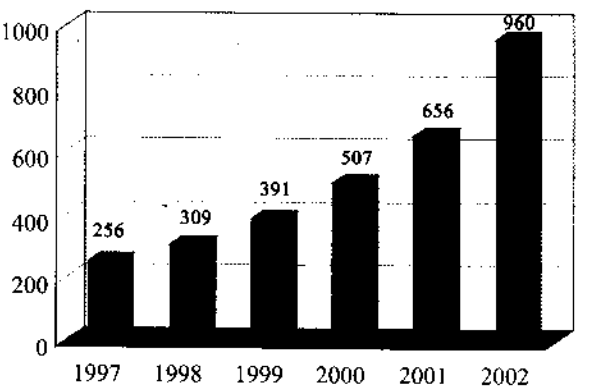

Nguồn: Điện lực Bình Dương

BINH DUONG ELECTRICITY

Constant Growth for Better Socio - Economic Development

Binh Duong electricity is one of the 19 electricity branches in the southern provinces belonging to the Electricity Company II (Vietnam Electricity Corporation) and is leading in the yearly output. Since the province seperation, Binh Duong Electricity has been developed dramatically both in business and production scale as well as investment capability to promptly meet basic requirements of the provincial industrialization and modernization process.

Expand both in production size and capacity

The National Day on the 2nd September 1997 was also the day that Binh Duong has fulfilled its important task of linking National Grid to the centers of 79 communes, wards and towns in the province. This is a great turning point for the sector to carry out program on electrification. This event has made an important contribution to increase Binh Duong Electricity production by 3.75 times, turnover by 4 times and to double budget contribution since the province's re-establishment (on the 1st January 1997). Seventy percent of the output is sufficient for industrial production; the remaining is for rural electrification.

At present Binh Duong's Electricity system includes intermediate electric transformer 110/22/15 KV Go Dau station with capacity of 65MVA, 110/22KV Song Than station with capacity of 80MVA and 110/22KV Tan Dinh - Ben Cat station with capacity of 60KV. In addition, Binh Duong electricity also gets 50 MVA of electricity from neighboring provinces to raise the total capacity of the province to 275MVA. The sector controls 1,597 km of medium voltage cables from 15 to 22 KV and 3,834 distributing transformers with total capacity of 793,292KVA, 1,008 km of low-voltage cables to distribute electricity to all 7 provincial districts and towns. Electric cables of 22KV have been linked to Industrial Zones of Song Than I, Song Than II, Dong An, Binh Duong and Viet Huong.

To supply and create favorable conditions for investors to effectively perform their production and business, Binh Duong Electricity has been continuously enlarging its source and network. Several typical projects have been widen to raise the capacity of 110KV transformer station such as adding 20KV for Go Dau, one 40 KVA transformer for 110KV Song Than, and one 40 KVA transformer for 110KV Ben Cat and an medium voltage line is formulated to receive electricity from the above stations. In 2002, the sector has invested VND 140 billions in new construction and electricity network repairing projects. This investment has resulted in stable electric source to help investors feel more confident and ensured when locating factories in Binh Duong such as a number of large companies with high electricity consumption including FOREMOST Company, YAZAKI Company, Vina Tafong Steel Factory, Shijar company and hundreds of other enterprises.

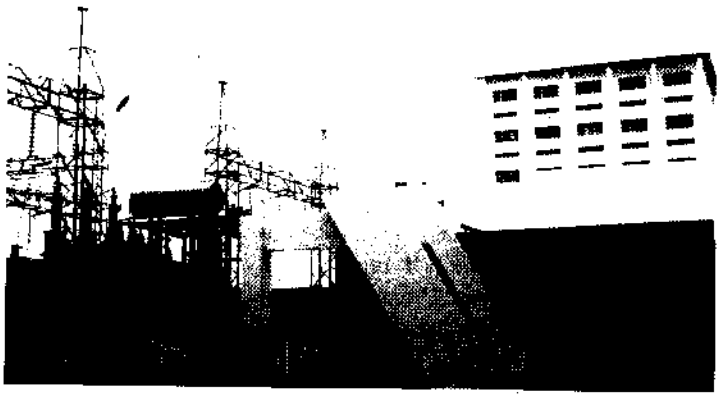

Transformer in Song Than Industrial Park

Apart from the investment in electricity for industrial production, special attention has also been paid to rural electrification to form a new

face for rural areas. On the 31st of October 2002, 100 percent of communes with around 92 percent of households (equivalent to 147,465 households - in 1997 this figure is 69.34%) could access to national electricity network and villages all have electricity. According to the year 2005 plan, this ratio will be enhanced to 97 percent.

With the aim to reduce electricity cost for people due to the utilization of general galvanometer, in 2002 the program to sort out galvanometer was implemented with 39 galvanometer in towns. Hence, at the end of 2002, about 2,000 households were able to directly get the electricity from the electricity sector as the price regulated by the Government.

Electricity output *(Unit: million of Kwh)*

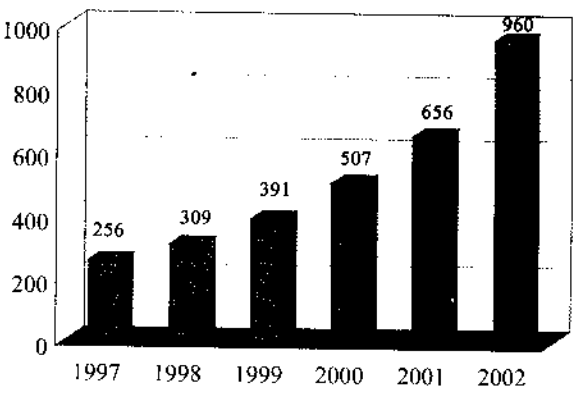

Source: Binh Duong Electricity

With the bigger targets

In coordination with other key economic sectors to carry out the cultural and socio -- economic development targets set out in the Resolution issued in the VII Binh Duong's Party Conference, Binh Duong Electricity Sector has set up a strategy to develop electricity source and network in period 2001 - 2005 approved by the Ministry of Industry. It consists of:

1) Building 110KV voltage line and Binh An 110/22-15KV-63MVA station, the implementation in the first quarter 2003

2) Building 110KV voltage line and Tan Uyen 110/22KV-40MVA station, the implementation in the fourth quarter 2003.

3) Building Dau Tieng 110/220KV-25MVA transformer 110KV (01km), connecting to Dau Tieng station will be put in operation in 2003.

4) Building Phu Giao 110/220KV-25MVA transformer 110KV (02 km connecting to Phu Giao station will be put in operation 2003.

5) Building Tan Dinh 500/220KV-450MVA transformer station.

6) The closing of Binh Hoa 500/220KV-450MVA transformer in April 2002 has increased the electricity supply for the province; the second station with capacity of 250MVA will be installed in 2003.

7) Building Tan Dong Hiep 110/22KV transformer - 40KVA and Binh Hoa - Tan Dong Hiep 110KV voltage line and start working in 2004.

8) Building 110/220 KV - 40 MVA transformer in Bau Beo Industrial Zone and 11km of Binh Hoa - Bau Beo 110 KV voltage line to be put in use in 2005.

These constructions are all aimed at mobilizing as much as possible the sector's resource to provide electricity output that is sufficient for the province's general socio-economic development. Service quality will be further enhanced to satisfy the highest demand of clients following the strategy of "rolling out red carpets" to attract more investment for the province. Three main objectives should be achieved in 2005 including:

1) Satisfying the electricity demand in the Industrial Zones in the South of Binh Duong with the average annual growth rate of from 22 to 24 percent.

2) Increasing the capacity to 22KV and more electric stations, installing more machines, upgrading and developing electric network for stable and constant supply of electricity.

3) Continuously enhancing the service quality, carrying out best services for customers, improving client's concern to electric sector.

With the outcomes achieved during the past years as well as specific objectives for the future, Binh Duong Electricity Sector is always a trustful friend of Binh Duong people and a basic infrastructure factor for socio - economic development process.

CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH DƯƠNG

Tăng tốc cùng những dự án mới

Theo số liệu thống kê của Công ty Cấp thoát nước Bình Dương, đến nay đã có gần 80% số hộ dân trong tỉnh được sử dụng nước sạch với chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Góp mặt cùng mọi ngành nghề trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, ngành cấp thoát nước Bình Dương những năm qua luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho dân dụng và sản xuất. Không dừng lại ở đó, hiện nay, ngành đang triển khai hàng loạt các dự án mới cho lĩnh vực cấp, thoát nước và xử lý rác thải nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu của xã hội trong tương lai.

Ba nhiệm vụ quan trọng mà ngành cấp thoát nước Bình Dương phải đảm trách là cấp nước sạch cho dân dụng, sản xuất, thoát nước đô thị và xử lý nước thải. Nhưng theo lời ông Nguyễn Văn Thiền - Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Bình Dương, đến nay mới thực hiện được hai nhiệm vụ còn nhiệm vụ xử lý nước thải thì hầu như vẫn còn nguyên... "trên giấy".

Nước sạch đến với từng gia đình và doanh nghiệp

Việc đảm bảo cung cấp nước sạch là mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng được chính quyền hết sức quan tâm, vì nó liên quan trực tiếp đến sức khoẻ của người dân và phục vụ trực tiếp cho sản xuất. Những năm qua, tuy còn nhiều khó khăn trong việc phát triển mạng lưới cung cấp, khách hàng do hệ thống đường ống, công suất phục vụ còn hạn chế nhưng Bình Dương đã cơ bản giải quyết được nguồn cung cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Trong đó, Công ty Cấp thoát nước Bình Dương, đơn vị trực tiếp quản lý, kinh doanh đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu này.

Theo số liệu thống kê của Công ty Cấp thoát nước Bình Dương, đến nay đã có gần 80% số hộ dân trong tỉnh được sử dụng nước sạch với chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Hiện tại, mạng lưới cấp nước của Công ty Cấp thoát nước Bình Dương trên địa bàn tỉnh khá rộng, công suất đạt 25.000m^3/ngàyđêm, tạm thời đủ cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất trong phạm vi thị xã và hai huyện Dĩ An, Thuận An. Một số huyện xa trung tâm nằm ở phía Bắc tỉnh như Tân Uyên, Phú Giáo, Dầu Tiếng, Bến Cát cũng đang lập dự án và thực hiện theo hình thức kết hợp giữa nhà máy chính, nhà máy phụ thành một hệ thống liên hoàn cung cấp nước sạch. Như vậy, những địa phương đã có hệ thống cấp nước sẽ được đầu tư nâng cấp, những nơi chưa có sẽ được xây dựng mới hoàn toàn. Nếu việc thi công thực hiện theo đúng kế hoạch thì đến thời điểm 30-4-2003, toàn bộ các trung tâm thị trấn huyện đều có hệ thống cấp nước sạch.

Theo ông Nguyễn Văn Thiền, công ty sẽ đảm bảo chất lượng nước đồng đều ở

Trụ sở Công ty Cấp thoát nước Bình Dương

cả thành thị và nông thôn, nước sinh hoạt và nước sản xuất. Với đội ngũ kỹ sư chuyên nghiệp gồm 50 người trên tổng số 110 nhân viên chính thức và phòng hoá nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị sẽ là những nền tảng cơ bản cho sự phát triển của công ty. Vì vậy, Công ty Cấp thoát nước Bình Dương luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng. Riêng năm 2001, doanh thu của công ty đã vượt kế hoạch đề ra 30%, lợi nhuận tăng 17%. Cũng trong năm này, công ty đã phát triển thêm 610 khách hàng (trong đó có 22 doanh nghiệp) tăng 60% so với năm 2000. Đây là một kết quả đáng ghi nhận không chỉ của công ty trong việc mở rộng sản xuất - kinh doanh mà còn ghi nhận sự chuyển biến trong nhận thức của người dân về tập quán sử dụng nguồn nước sinh hoạt. Người dân Bình Dương giờ đây đã dẹp bỏ những thói quen dùng lu, khạp lâu nay để trữ nước, không phải xếp hàng dài đứng đợi trước những vòi nước nhỏ giọt và cũng không còn ý định khoan giếng sau nhà. Nguồn nước sạch đầy đủ, người dân dùng thoải mái, nhưng không lãng phí như kiểu xài "chùa". Bởi tiết kiệm nước và tiết kiệm tiền đã trở thành ý thức của người dân Bình Dương.

Những dự án thoát nước góp phần làm cho môi trường xanh, sạch

Trước thực trạng lĩnh vực thoát nước còn bỏ trống, Công ty Cấp thoát nước Bình Dương đang bắt tay triển khai thực hiện dự án thoát nước cho khu vực nội ô thị xã với tổng kinh phí 40 tỷ đồng. Các hạng mục chính của dự án gồm giải toả, nạo vét, gia cố toàn bộ hệ thống kênh rạch như: rạch Thầy Năng, rạch Ông Đành, mương chuyển tiếp từ QL13 đến cống TQĐ.... Đến nay, trong khu vực nội ô thị xã đã hoàn toàn không còn nhà trên kênh, các công trình kiến trúc đều có khoảng cách tối thiểu với bờ kênh trên 1 mét. Ngoài ra, dự án thoát nước và xử lý nước thải Nam Bình Dương trị giá 83 triệu USD vay đối ứng của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) đang được trình lên Bộ

Kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường đến năm 2005

STT	Tên công trình	Địa điểm	Công suất m^3/ngđ	Vốn đầu tư	Năm hoàn thành
Dự án cấp nước					
1	Nhà máy Nước Dĩ An	Thuận An, Dĩ An	30.000	121.359	1999 - 2002
2	Cải tạo hệ thống cấp nước nội ô thị xã	Thị xã Thủ Dầu Một	30.0005	1.800	1999 - 2005
3	Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một	Thị xã Thủ Dầu Một, Thuận An, Tân Uyên, Dĩ An	30.000	375.550	2001 - 2007
4	Dự án cấp nước KCN Mỹ Phước	TT Mỹ Phước	12.000	29.995	2002 - 2003
5	Dự án nâng cấp nhà máy nước Phước Vĩnh	TT Phước Vĩnh	50m^3/h	2.930	2002 - 2003
6	Dự án tuyến cấp nước KCN VSIP	Thuận An, Dĩ An		5.166	2002 - 2003
7	Hệ thống cấp nước Dầu Tiếng	TT Dầu Tiếng	1.000	5.716	2002 - 2003
8	Hệ thống cấp nước TT Uyên Hưng	TT Uyên Hưng	5.000		
Dự án thoát nước, xử lý nước thải					
1	Dự án thoát nước thị xã	Thị xã Thủ Dầu Một		40.257	1999 - 2005
2	Dự án thoát nước và xử lý nước thải Nam Bình Dương			83 triệu USD	2005 - 2010

Nguồn: Công ty Cấp thoát nước Bình Dương

Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, cụm đô thị Nam Bình Dương sẽ được lắp đặt toàn bộ hệ thống nước thải sinh hoạt, đồng thời xây dựng 8 trạm xử lý nước thải. Tại các cửa ngõ thoát nước của các khu công nghiệp sẽ được lắp đặt các biển kiểm soát ô nhiễm để kiểm soát chất lượng nước thải có đạt hay không đạt yêu cầu, trên cơ sở đó đề ra hướng xử lý kịp thời.

Về xử lý rác thải, đây là lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ đối với Công ty Cấp thoát nước Bình Dương khi được tỉnh giao nhiệm vụ. Vì vậy, công ty đã tham khảo rất nhiều công trình xử lý rác thải ở các thành phố lớn và một số nước trong khu vực để lựa chọn công nghệ, mô hình phù hợp nhất với Bình Dương. Đến nay, dự án đầu tư đã hình thành với tổng trị giá 8 triệu USD, trong đó vốn đối ứng 2 triệu USD và vốn cho vay không tính lãi của Phần Lan là 6 triệu USD. Theo dự kiến đến 2004, dự án sẽ được đưa vào sử dụng và trở thành một trạm trung chuyển rác thải cho tất cả khu vực đô thị trong tỉnh.

Được sự ủng hộ của Trung ương, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các ngành, Công ty Cấp thoát nước Bình Dương đã được các nhà tư vấn đánh giá là một trong những đơn vị mạnh dạn ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm chi phí. Chương trình phát triển của công ty luôn đi song song và đồng bộ với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, góp phần phát triển nền kinh tế bền vững trên bước đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá địa phương.

BINH DUONG WATER SUPPLY COMPANY

Accelerating with New Projects

According to the statistics by Binh Duong Water Supply Company, around 80 percent of the local households are using clean water with the quality meeting the standard of the World Health Organisation (WHO). Together with other sectors, Binh Duong water supply has always fulfilled the assigned tasks, satisfying the demand for water of the local production and domestic use in the industrialisation and urbanisation process. At present, the sector is implementing a series of projects for the water supply and sewage treatment, aiming at better services for the social demands in the future.

Three most important tasks of the Binh Duong water supply sector are to supply clean water for domestic utilisation and production, treat sewage and improve urban drainage. According to Nguyen Van Thien - the Director of Binh Duong Water Supply Company, two of the tasks have been fulfilled, the other "sewage treatment" is still 'in theory'.

Clean water for every families and enterprises

Supplying clean water is an important target of the socio-economic development, which attracts the greatest concern from the authorities because it directly affects the public health and production. For the past few years, despite difficulties in expanding supply and customer networks caused by the limited capacity and water-pipes system, Binh Duong has basically supply the people and production with clean water under the management of Binh Duong Water Supply Company.

According to the statistics collected by Binh Duong Water Supply Company, around 80 percent of the local households

are using clean water with the quality meeting the standards of WHO. At present the water supply networks of Binh Duong Water Supply Company cover a wide range over the province with the capacity of 25,000 cubic metres per day, supplying water for domestic utilisation and production in the town as well as Di An and Thuan An districts. Some remote districts in the northern province such as Tan Uyen, Phu Giao, Dau Tieng and Ben Cat are planning the co-operation between the head and subordinate waterworks to make a continuous system supplying clean water. In general, those areas having water supply systems will be improved and the others will be invested. If the projects can work as planned, all the townships will be supplied with clean water by April 30th 2003.

According to Nguyen Van Thien, the quality of the water supplied by the company will surely cover not only urban but also suburban areas. The fully equipped laboratories and the official staff of 110 people with 50 professional engineers are the basic foundations for the development of the company. Therefore, Binh Duong Water Supply Company always fulfils and overcomes the targets with increasing revenue and profits. In 2001 particularly, the revenue was 30 percent higher than the plan, and the profits increased by 17 percent. Along with that, the company's customer networks were enlarged with 610 new customers (including 22 enterprises), increasing by 60 percent in comparison with that of 2000. That is an remarkable achievement of not only the company' efforts but also the local people's awareness of the benefits brought by using clean water. Binh Duong people will no longer use jars and jugs to keep water and no longer drill wells. The local people now can use clean water in plenty but not in waste because they are fully aware of saving water that means saving money.

Drainage system projects contributing to green and clean environment

Facing the dead plan for drainage system, Binh Duong Water Supply Company is implementing the draining system projects for interior town with the total cost of VND40 billion. The main items of the project include site clearing, dredging and consolidating all the canal and river system such as: Thay Nang Canal and Ong Danh Canal. There are no longer floating houses on the canals, all the buildings are kept at least one metre off the riverbank. Aside from that, the drainage and sewage treatment project of southern Binh Duong with an investment of US$83 million from Japan Bank of International Co-operation (JBIC) has been sent to the Ministry of Planing and Investment. Accordingly, the urban cluster in the south of Binh Duong will be fully equipped with the drainage system of domestic sewage, with eight sewage-treating stations. Pollution control signboards will be installed at the drainage gateway of the industrial parks to check the quality of the sewage so as to timely find out the necessary solutions.

Waste treatment is a really new tasks assigned to Binh Duong Water Supply Company. Therefore, the company thus studied many sewage treatment projects of big cities and regional countries so as to select the most appropriate technologies and implementation. The project has been formed with the total investment of US$8 million, including US$2 million correspondent capital and US$6 million borrowed from Finland. The sewage treatment station is planned to operate in 2004 as the sewage

Depositing tank of water factory of Thu Dau Mot town

The dry water pump station of Di An Water Factory

entrepot station of all the areas in the town.

With the support of the Central Party and the municipal authorities, Binh Duong Water Supply Company is considered one of the organisations that boldly apply new technologies in increasing production effeciency and reducing expenditures. The development strategy of the company is always parallel and synchronous with the provincial socio-economic development programs in order to supply clean water and protect the environment which contribute to the solid development of the economy in the local industrialisation and modernisation progress.

investment plan for constructing water supply and drainage system works and environment hygiene until 2005

No.	Name of the projects	Location	Capacity (m^3/ VND thousand)	Investment	Planned years of accomplishment
Projects on water supply					
1	Di An Waterworks	Thuan An, Di An	30,000	121,359	1999 - 2002
2	Improving the urban water supply system	Thu Dau Mot Town	30,000	51,800	1999 - 2005
3	Water supply for the south of Thu Dau Mot	Thu Dau Mot Town, Thuan An, Tan Uyen, Di An	30,000	375,550	2001 - 2007
4	Water supply for My Phuoc Industrial Park	My Phuoc township	12,000	29,995	2002 - 2003
5	Upgrading Phuoc Vinh waterworks	Phuoc Vinh township	50	2,930	2002 - 2003
6	Water supply for VSIP Industrial Park	Thuan An, Di An		5,166	2002 - 2003
7	Dau Tieng water supply system	Dau Tieng township	1,000	5,716	2002 - 2003
8	Uyen Hung water supply system	Uyen Hung township	5,000		
Projects on drainage and sewage treatment					
1	Drainage project of the town	Thu Dau Mot Town		40,257	1999 - 2005
2	Project on drainage and sewage treatment system in the south of Binh Duong			US$83 million	2005 - 2010

Source: Binh Duong Water Supply Company

BƯU CHÍNH VIỄN - THÔNG BÌNH DƯƠNG

Tự tin bước vào giai đoạn hội nhập toàn diện

Vượt qua giai đoạn khó khăn, Bưu điện tỉnh Bình Dương bước vào thời kỳ phát triển mới (1996 - 2002) với bước đi vững chắc, đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng của ngành. Nhiều sản phẩm dịch vụ mới đã ra đời, đáp ứng nhanh chóng và kịp thời nhu cầu của xã hội, tiếp cận công nghệ tiên tiến của thế giới. Nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước, của tỉnh và của ngành đã được trao cho Bưu điện Bình Dương vì những cố gắng không ngừng trong hơn 7 năm qua.

Sau hai giai đoạn tăng tốc 1993 - 1995 và 1996 - 2000, ngành Bưu điện Bình Dương đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Qua số liệu báo cáo của ngành Bưu chính - Viễn thông Bình Dương cho thấy, Bưu điện Bình Dương luôn hoàn thành kế hoạch và giữ tốc độ tăng trưởng ổn định 15%/năm, doanh thu năm 2002 đạt trên 300 tỷ đồng, gấp 20 lần năm 1993 - năm đầu tiên của giai đoạn tăng tốc. Đồng thời, cán bộ nhân viên Bưu điện Bình Dương xác định: "Trong kỷ nguyên thông tin, ngành bưu chính - viễn thông phải phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông trong tỉnh với tốc độ nhanh nhất có thể, phục vụ tốt nhất những yêu cầu chính đáng của mọi khách hàng trong bất kỳ tình huống nào".

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ

Với định hướng như vậy, ngành Bưu chính - Viễn thông Bình Dương những năm qua đã nhanh chóng triển khai nhiều dịch vụ, dự án ở cả hai mảng bưu chính và viễn thông. Đây là hướng đi đúng đắn, giúp mọi thành phần kinh tế nắm bắt thông tin nhanh nhất và biến những thông tin đó thành tiềm lực, cơ hội thật sự trong hoạch định chiến lược kinh doanh. Hiện nay, ngành Bưu chính - Viễn thông Bình Dương đã thiết lập mạng đường thư gồm tuyến đường thư cấp 1 (liên tỉnh) mỗi ngày 2 chuyến và 3 tuyến đường thư cấp 2 (nội tỉnh) mỗi ngày 2 chuyến đảm bảo phủ kín các huyện, thị xã và thị trấn. Hầu hết những nơi tập trung dân cư như thị xã, thị trấn, huyện lỵ đều có bưu cục. Mô hình này bắt đầu được xây dựng từ năm 1998, đến nay đã phát triển được 37 bưu cục, 38 điểm bưu điện - văn hoá xã và 214 đại lý bưu điện đa dịch vụ. Đến năm 2002, toàn tỉnh Bình Dương đã có 100% số xã, phường có thư báo đến trong ngày, không những giảm bán kính phục vụ bình quân xuống còn 5km^2/điểm mà còn đem đến thông tin về các lĩnh vực đời sống, kinh tế, văn hoá, xã hội cho mọi tầng lớp nhân dân. Các dịch vụ chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, bưu chính uỷ thác, bưu phẩm không địa chỉ, điện hoa, chuyển phát nhanh EMS... đã được mở và hoạt động tốt.

Mạng viễn thông cũng không ngừng tăng trưởng. Mạng lưới truyền dẫn được hiện đại hoá bằng cáp quang, tổng đài chuyển mạch được số hoá 100%, thoả mãn nhu cầu phục vụ cho khách hàng với các dịch vụ như thoại, truyền số liệu với tốc độ và dung lượng lớn, truy cập Internet,... Đến hết năm 2002, Bưu điện Bình Dương đã lắp đặt trên 100 nghìn máy điện thoại cố định, đạt tỷ lệ 14 máy/100 dân. Bên cạnh đó, hệ thống cabin điện thoại dùng thẻ đã phát triển được 145 trạm, nhắn tin có 2 trạm và 15 trạm BTS của Vinaphone đặt tại trung tâm các huyện, thị trong tỉnh với tổng số máy di động tính đến tháng 12-2002 là 47.183 máy. Ở khu vực các huyện phía Nam như Dĩ An, Thuận An đã đưa vào sử dụng 2 tuyến truyền dẫn quang với tổng số 15 trạm được cáp quang hoá nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các khu công nghiệp.

Thành tích tạo đà cho những tăng trưởng trong tương lai

Thành công ấy có được là do tập thể lãnh đạo, cùng trên 800 lao động ngành Bưu chính-Viễn thông Bình Dương đã phấn đấu nỗ lực hết mình để vượt qua nhiều khó khăn, thách thức lớn từ việc đổi mới nhanh chóng của những tiến bộ trong công nghệ viễn thông, nhu cầu của khách hàng ngày một đa dạng về hình thức và khắt khe về chất lượng, đến những yêu cầu trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng,...

Với bề dày thành tích đạt được từ sau ngày giải phóng đến nay, ngoài phần thưởng cao quý "Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân", Bưu điện Bình Dương còn được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trong giai đoạn 10 năm đổi mới, cùng 69 bằng khen, 27 cờ thi đua xuất sắc và 173 bằng khen cho cá nhân do Chính phủ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Tổng cục Bưu điện và Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông trao tặng.

Nói về định hướng phát triển trong giai đoạn 2005 - 2010, ông Võ Hồng Thanh - Giám đốc Bưu điện Bình Dương cho biết: "Bưu điện tỉnh sẽ nhanh chóng triển khai nhiều dự án phát triển, mở rộng mạng lưới viễn thông trên cơ sở hiện đại hoá các thiết bị kỹ thuật, đa dạng hoá các dịch vụ trong sản xuất - kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu về bưu chính, viễn thông trong phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân viên giàu lòng nhiệt huyết, trình độ chuyên môn cao, được đào tạo qua các trường lớp chính quy và thực tế công tác, Bưu điện Bình Dương vững bước vào thời kỳ mới - thời kỳ hội nhập toàn diện".

Tăng trưởng mạng bưu chính

	ĐVT	2002
1. Bưu cục	cái	37
2. Bưu điện văn hoá xã	cái	38
3. Bán kính phục vụ bình quân	km^2/điểm	5
4. Mật độ phục vụ bình quân	người/điểm	2.664

Nguồn: Bưu điện tỉnh Bình Dương

BINH DUONG TELECOMMUNICATION

A Bold Step towards Overall Integration

Defying its tough time, Binh Duong Post-office has entered a new stage of development (1996-2000) with its firm steps, obtaining a number of key indicators of the branch. New services have come into being, catering for the growing urgent demand of the society for approaching the international advanced technology. Many precious awards were presented to Binh Duong from the state, the province and other relevant sectors for its great efforts for more than 7 years.

After two speedy phases (1993-1995 and 1996-2000), Binh Duong Posts has gained remarkable achievements. The Post - Telecommunication statistics show Binh Duong has completed all of its plans and developed a sustainable growth rate of 15 percent per annum, making a total revenue of VND 300 million in 2002, 20 times as big as in 1993 - the first year of its speedy phases. In the mean time Binh Duong Post-office staff determined : " In the information era, it needs to boost its post and telecom network at as fast speed as possible, satisfying any single customer's needs".

Services diversification

To accomplish its goals, Binh Duong Post and Telecommunication has for years been

progressing various services and its projects in both postal and telecom operations. It is going on the right track, offering chances for every economic sector to update information and makes it their own power and actual opportunities in their business strategies. Nowadays it has established mail delivery chains of Level I (nationwide) with two services a day and 3 routes of Level II (inter- provincial) with 2 services a day. This covers all over districts, towns and villages of its territory. Almost all densely-populated areas like towns have their own post offices. This scale has been set up since 1998. There are now 37 post-offices, 38 postal and cultural kiosks and 214 multi-postal service agents.

Up to 2002, 100 percent of Binh Duong's provincial towns and villages are daily provided with newspapers and post-mails, not only reducing the average service radius by 5 km per postal kiosk, but also bringing everyday socio-economic and cultural information to people of all classes. Other special services such as urgent money delivery, postal savings, postal trust, non-address parcels, postal flowers or EMS have been opened and got sound effects.

As a result Binh Duong Telecommuncation has continually grown up. Transmission networks were equipped with modern cables. Directory Assistance Center has been digitalised, meeting the needs of telephoning, high-speed data communication of huge capacity, Internet access etc.. By late 2002, Binh Duong owned over 100 telephone subscribers, reaching 14 telephones per 100 people. Besides the number of telephone boxes has been increased by 145 together with 2 message centers and 15 BTS of Vinaphone located in central areas with the total 47,183 phones by December 2002. In southern districts of Di An and Thuan An, 2 cable communication routes has been put into operation with 15 centers cablized, satisfying the demand for the development in the industrial zone.

Achievements pushing up future development

These achievements were the results of what the leaders as well as more than 800 employees have done our best to cope with difficulties and big challenges over its innovation of telecom technology, strict requirement for high quality services and urgent need of investment in infrastructure construction.

After the Independence Day, apart from a precious award for "The People's Heroic Armed Force Unit", Binh Duong Post-office has been presented Labour Order - third class for its 10 -year renovation, 69 Certificates of Merits for working teams, 27 Emulation Flags and 173 Certificates of Merits for individuals by the Government, Binh Duong People Committee, and Viet Nam Post and Telecommunication Corporation .

Speaking of the orientation for 2005-2010, Vo Hong Thanh - Director of Binh Duong Post-office- said: "We are going to promote projects on expanding the provincial telecom network on the basis of technological innovation, diversification of production and business in order to satisfy the demand for postal and telecom services in the provincial socio-economic development. With its technical teams, managers and workers of enthusiasm, experiences, skills and accademic training, Binh Duong Post and Telecommunication are moving firmly into the new chapter: overall integration."

Postal Growth

	Unit	2002
1. Post offices	office	37
2. Postal-Cultural centers	center	38
3. Average Service Radius	km^2/ unit	5
4. Average Service Density	person/unit	2,664

Source: Binh Duong Post Office

ĐÀI PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH BÌNH DƯƠNG

Con hùm xám của miền Đông Nam Bộ

Được phát trên kênh dải băng tần 44 UHF với cột angten tự đứng cao 118 mét, thời lượng phát sóng 18 giờ/ngày, kéo dài liên tục từ 5h30 đến 23h, công suất máy phát từ 5 KW lên 10KW, chương trình truyền hình Bình Dương (BTV) là chương trình thu hút khán giả chỉ sau VTV và HTV.

Cách đây 25 năm, khi tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) được giải phóng chưa đầy 2 năm. "Tiếng nói của Đảng bộ và nhân dân Sông Bé - Quê hương miền Đông gian lao mà anh dũng" đã phát lên sóng truyền hình, phục vụ nhân dân trong tỉnh và ngoài tỉnh. 25 năm qua, với sự phấn đấu và trưởng thành, trang thiết bị vật chất kỹ thuật Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương ngày càng hiện đại, chương trình ngày thêm phong phú, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Khi đánh giá về Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương, ông Nguyễn Minh Đức - cán bộ hưu trí của phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một - nhận xét: "25 năm qua, gia đình tôi, cũng như nhiều người dân Bình Dương luôn được nghe và cập nhật thông tin với 5 chủ đề khác nhau như: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng của Đài Phát thanh - Truyền hình Sông Bé - Bình Dương. Những nội dung sống động ấy đã đưa cái chân, thiện, mỹ và các vấn đề khoa học đến với khán thính giả, góp phần nâng cao sự phát triển toàn diện của con người Bình Dương, được đông đảo khán thính giả yêu thích".

Từ thuở ban đầu gian khó

Nhìn vào cơ ngơi hiện nay của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương, chắc nhiều người khó có thể hình dung cơ sở vật chất ban đầu là thế nào, thậm chí ngay cả trong trí tưởng tượng của nhiều cán bộ, nhân viên của Đài lúc bấy giờ cũng không hề nghĩ tới. Bởi khi có quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sông Bé, tách ra từ Ty Văn hoá - Thông tin, Đài không có lấy một đồng vốn, ngoài cái "vốn" quý duy nhất là 25 đồng chí cán bộ, trong đó có 1 cán bộ biên tập, 1 cán bộ kỹ thuật, còn phần đông là lính mới vào nghề. Đài được xây dựng tại địa điểm nguyên trước đây là khu gia binh ngụy. Anh em phải tự đập phá các dãy nhà của khu gia binh, tìm mua nguyên vật liệu để xây dựng phòng máy phát.

Vào thời điểm đầu của thời kỳ xây dựng, phương tiện để thực hiện các chương trình cũng rất thô sơ. Phần lớn số camera lúc bấy giờ thuộc loại dân dụng, một ít thiết bị bán chuyên dụng S - VHS, một phim trường dọc tin được nâng cấp từ Studio thu thanh. Với số thiết bị chỉ hơn xe truyền hình lưu động của một đài truyền hình bình thường một chút, trong ý nghĩ của nhiều người lúc bấy giờ, việc thực hiện phát 2 - 3 ngày/tuần cũng đã là một cố gắng lớn. Nhưng ngay từ ngày đầu lên sóng, Đài đã sản xuất được một số chương trình khá lớn, phát sóng 2 buổi/ngày, mỗi buổi 4 tiếng.

Khi nói về những ngày tháng khó khăn ấy, nhiều người đã ví việc phát sóng của Đài như là "thúc kèn xung trận, dậy gió xung phong", tạo cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, góp phần hình thành phong trào quần chúng cách mạng ngày càng rộng khắp, từ thành thị

Đạo diễn và kỹ thuật viên đang làm việc trên xe lưu động

đến các xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Một số địa phương các tỉnh bạn cũng quan tâm theo dõi các chương trình của BTV.

Bước sang thời kỳ đổi mới, BTV có sự tiến bộ vượt bậc về năng lực, trình độ tổ chức và cán bộ, về cơ sở vật chất, về nội dung cũng như số lượng chương trình phát thanh - truyền hình. Ông Nguyễn Trung Hiếu, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương kể: "Từ chỗ chỉ phát thanh đến phát thanh - truyền hình, từ truyền hình đen trắng đến truyền hình màu, cán bộ cũ được đào tạo lại, cán bộ mới đều tốt nghiệp đại học, một số có nghiệp vụ khá vững vàng, đó thực sự là cuộc cách mạng của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương 25 năm qua."

Bước tiến về khoa học kỹ thuật và chất lượng chương trình

Năm 1994, Đài Truyền hình Bình Dương (Đài Truyền hình Sông Bé trước đây) đã đưa vào sử dụng lần đầu tiên băng tần UHF và đã khai thác thành công băng tần này (trước đó, các đài truyền hình của Việt Nam chỉ khai thác băng tần VHF). Theo đánh giá của ông Hiếu: "Sử dụng đầu tiên băng tần UHF quả là một hành động "xàm mình", liều lĩnh nếu đội ngũ khoa học kỹ thuật không có trình độ chuyên môn cao". Bởi các thiết bị phát sóng UHF, từ máy phát cho đến angten, đều hết sức xa lạ với những cán bộ truyền hình, không ai lưu ý đến máy phát UHF vì cho rằng băng tần này còn lâu mới có mặt ở Việt Nam. Thế mà "đùng một cái", Đài Truyền hình Bình Dương đã mạnh dạn chọn sử dụng băng tần UHF. Sự ra đời angten thu VK994 dành riêng cho kênh truyền hình của Sông Bé - Bình Dương do nhóm sinh viên trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh chế tạo thành công được báo chí và người tiêu dùng cổ vũ nhiệt liệt.

Bước đột phá nữa của BTV là triển khai ứng dụng truyền hình kỹ thuật số với công suất lớn. Bước đột phá này có thể so sánh với sự kiện Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh lần đầu tiên ứng dụng công nghệ truyền hình màu. Chỉ sau một thời gian ngắn được thử nghiệm, BTV đã phát lên sóng thành công truyền hình kỹ thuật số với công suất lớn, gây bất ngờ đối với các chuyên gia trong và ngoài nước. Ông Hiếu nhấn mạnh: "Chúng tôi tự hào là Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương vẫn giữ vị trí quán quân, dẫn đầu trong ứng dụng các tiến bộ khoa học truyền hình".

Việc BTV triển khai truyền hình kỹ thuật số đã mở đầu và thúc đẩy sự phát triển của công nghệ chế tạo thiết bị thu hình số tại Việt Nam, giúp BTV khai thác hiệu quả ở mức cao nhất các thiết bị sản xuất kỹ thuật số hiện có. Nhờ đó, các chương trình BTV1, BTV2, BTV3 là những kênh có hình ảnh đẹp nhất mà đông đảo khán giả Việt Nam có thể xem được rộng rãi. Đặc biệt, với tần số phát ra cùng lúc 8 chương trình truyền hình, trong khi quỹ tần số quốc gia được tiết kiệm tối đa - một tài nguyên vô cùng quý giá - là thành công lớn của Đài.

Hiện nay, BTV là đài thu hút lượng khán giả đứng thứ 3 trong cả nước, sau Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh (HTV). Đây cũng là đài địa phương có thời lượng chương trình phát sóng nhiều nhất ở khu vực Đông Nam Bộ với 3 kênh, trong đó có 1 kênh phát 24/24 giờ trong ngày với 8 chương trình, tạo thuận lợi cho khán giả trong việc lựa chọn kênh xem. Ngoài ra, khán giả truyền hình còn được xem 6 chương trình truyền hình nước ngoài khác gồm Discovery (thế giới khoa học), Cartoon (hoạt hình), ESPN (bóng đá), MTV (ca nhạc), TV 5 (Pháp), CCTV4 (Quốc tế Trung Quốc), Super Sport (thể thao) qua hệ thống truyền hình Bình Dương. Không những thế, Đài Truyền hình Bình Dương còn nhanh chóng khắc phục nhược điểm của Đài Truyền hình Việt Nam trong việc sớm cho thành lập Hãng phim truyền hình để sản xuất ra các chương trình văn hoá - nghệ thuật, đặc biệt là phim truyền hình. Ông Hiếu nói: "Đại đa số khán giả đều hoan nghênh, vì từ đây có thể thu xem các kênh truyền hình nước ngoài với chi phí đầu tư thấp, không tốn phí thuê bao, hợp pháp với hình ảnh chất lượng cao."

Chương trình BTV có nhiều tiết mục độc đáo do Đài tự xây dựng, hấp dẫn khán giả. Hiện nay, do việc dễ dàng thu, xem phim truyện nước ngoài trên các kênh truyền hình, khán giả phần nào trở nên "bội thực" với phim truyện nước ngoài. Từ đó một số đông khán giả chuyển sang quan tâm tới những tiết mục, thể loại khác, thời lượng ngắn ví như tiết mục "10 phút giải trí" do BTV thực hiện. Đài cũng chú ý tới thế mạnh này và đang xây dựng thêm nhiều tiết mục theo hướng trên, mở ra tiềm năng thu hút khán giả nhiều hơn. Một số chương trình khác như "Ngày này năm ấy", "Thế giới đó đây", "Sân khấu cải lương", đặc biệt khi được xem các buổi truyền hình trực tiếp, cầu truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương, nhân dân trong tỉnh nhà và khán giả cả thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ không ngớt lời khen ngợi BTV có nhiều tiết mục phong phú, đa dạng, hấp dẫn.

Hết lòng vì dân, BTV, một tờ báo điện tử sóng đang thực sự là của mọi nhà, mọi người có ý thức và lòng tự trọng dân tộc. Chính vì vậy, BTV được trang hoàng rực sáng những những chiếc Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba cho cả tập thể và 3 cá nhân trong ban giám đốc.

BINH DUONG TELEVISION

A grey tiger of the Southeast region

Broadcasting on 44 UHF band via a 118 meter- high antenna for non-stop 18 hours a day from 5:30am to 23:00, with the capacity of between 5 KW and 10 KW, Binh Duong Television (BTV) programs are the third audience- catching TV channel ranking after VTV and HTV.

Twenty five years ago, when Song Be (now Binh Duong) was liberated for nearly two years, " Voice of Song Be's Party Committee and People - an eastern land of hardship but bravery was televised, serving provincial people and outsiders. After these years of striving and up-growing, technical facilities of Binh Duong Television (BTV) has been increasingly modernized with abundant programs contributing to people's spiritual life improvement. Nguyen Minh Duc - a retired man from Phu Cuong, Thu Dau Mot Town talking about BTV: "For 25 years now, our family as well as many other people in Binh Duong have been provided with updated issues of politics, society, economy, culture and defense. And its vivid programs are warmly welcomed by the majority because it conveys the truth, the good and beautiful things of life to audience , enriches their scientific knowledge making contributions much to the overall development of Binh Duong people."

A leap from hardship

Looking at Binh Duong Television at present it will be very difficult to imagine what its primary infrastructure was like and even for its former staff its development is now beyond their expectation. When it was separated from Culture and Information Department - following the Decision by Song Be People Committee it had no capital except its most valuable staff of 25 including one editor, a technician and the rest was new recruits. BTV was built on the site that used to be houses for puppet soldiers. Then the staff had to pull it down by themselves and purchased materials to build up a broadcasting room.

At the starting phase of its construction, programming equipment was rudimentary. Almost all cameras at that time were sorts of civil and some semi-specific S-VHS, a newsroom upgraded from a radio-receiving studio. With a small number of equipment, just a little more than that of a normal TV station van, its broadcasting 2 days or 3 days a week was thought to be a great effort. But as early as at its first day of operation it produced a number of huge programs telecasting twice a day for 4 hours each.

Many people, when telling about this tough past, have likened its broadcasting to "urging clarion for struggle, blowing wind for an assault." building a good relation between the Party, State and People, helping found revolutionary movement among people all over the province, from the provincial town to the remote area. Its programming have also been highlighted by many neighboring localities.

During its renovation period, BTV has attained a great progress in its capacity, managerial and organizational skills, human resources, infrastructure, quantity and quality of programming. Director of BTV, Nguyen Trung Hieu said: "A solo radio broadcasting system has developed into a radio and television one, black and white TV to color TV, old staff receive refreshed training, new staff have bachelor's degrees, some of good professional skills, so it has been really a revolution for Binh Duong Radio and Television for more than 25 years."

A progress in technology and programming quality

In 1994, BTV (former Song Be Broadcasting Station) was the first unit to apply UHF band effectively (previously, VHF was the unique for all Vietnam TV Stations). Hieu admitted: "First use of this band without a skilled technical staff would have been a risk-taking step if not a "tat-

too-itself action". For UHF-related facilities consisting of transmitters and antennas were new and strange to any broadcasters. Furthermore it was thought to be too far from its presence in Viet nam so it was ignored. But all of a sudden, BTV decided to exploit it. The successful application of VK994 receiving antenna created by a group of students from Ho Chi Minh Polytechnical University for only Song Be-Binh Duong Television Station was applauded by the nationwide media and TV viewers.

Another breakthrough made by BTV is its digital broadcasting system of high capacity. This can be worth comparing with the event that Ho Chi Minh TV Station first practiced colour television technology. After a short-time experiment, BTV succeeded in launching its high-capacity digital telecasts, surprising a number of foreign and domestic experts of this field. Hieu added: " We are proud that Binh Duong Radio and Television Station is now still a champion, taking the lead in application of advanced broadcasting science".

Binh Duong Television 's Digital Broadcasting has sparked and accelerated the manufacturing technology of digital television facilities in Vietnam. This helps BTV maximize its effective use of existing digital equipment. Therefore BTV1, BTV2, BTV3 have widely brought the best ever images that the Vietnamese audiences can enjoy. Especially the fact that BTV has covered the high frequency of eight programs at the same time, which ultimately saves up the national frequency, is an extremely valuable resource and also BTV's success.

For the time being, BTV is the third audience-catching broadcaster after Viet Nam Television Station (VTV) and Ho Chi Minh City Television Station (HTV). It also leads the southeast in the amount of broadcasting time with 3 channels, including a full-24- hour channel of 8 programs, offering the best choices for its viewers. Besides, BTV supplies 6 foreign channels such as Discovery, Cartoon, ESPN, MTV, TV5 (French language), CCTV4 (international China), and SuperSports. In addition, BTV can overcome VTV's shortcomings by early establishing a Videofilm Sudio, producing cultural and art programs especially videofilms. Hieu said: "Almost all people have good responses to it because they can legally watch many international TV channels of high-quality images at a low cost, free subscribing charge."

BTV's programs have its own characters attracting viewers from many areas. Easy access to international channels is somehow turning people into sufferers from over foreign films. As a result, many become interested in other entertainment launched in a short time like "10 - minute relax" built by BTV. It pays much attention to this strength and is now boosting its contents to draw more audience. Today in History, The world everywhere, Cai Luong Stage as well as many other live broadcasts and television bridge by BTV highly appreciated and acclaimed not only by the provincial viewers but also neighbors from the Southeast and Ho Chi Minh City for its colorful and fantastic performances.

Devoted itself to its people, BTV - "an e-airwave newspaper" is now serving like it belongs to every single household, to each individual of self -national respect. Therefore BTV deserves to be awarded with Independence Order third class, Labor Orders first, second and third classes for its working teams, and 3 members of Board of Directors.

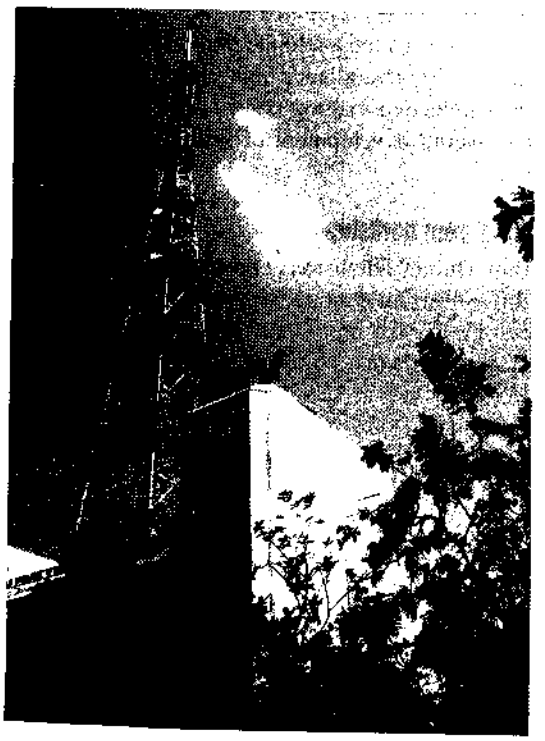

Head office of Binh Duong Radio & Television Station

Phần IV

TOÀN CẢNH KINH TẾ BÌNH DƯƠNG

Part IV

BINH DUONG'S OVERALL PICTURE

Chương I: CÁC NGÀNH KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

Kinh tế Bình Dương vươn vai Phù Đổng

Từ năm 1997 đến nay, kinh tế Bình Dương thực sự bật dậy, vươn vai "Phù Đổng", thực hiện công cuộc bứt phá ngoạn mục để trở thành một trong những tỉnh, thành phố trong cả nước có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao nhất, đặc biệt trong lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng và mở rộng các khu công nghiệp.

Đặc điểm nổi bật của kinh tế Bình Dương trong những năm qua là đang hướng mạnh sang sản xuất công nghiệp. Trong 5 năm 1996 - 2001, tỷ trọng công nghiệp tăng từ 45,5% (năm 1996) lên 59,3% (năm 2001), trong khi các lĩnh vực khác như nông lâm nghiệp và dịch vụ đều có xu hướng giảm dần. Có được kết quả trên là do hầu hết các dự án đầu tư vào Bình Dương trong thời gian qua đều nhằm vào lĩnh vực công nghiệp, đồng thời cũng phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương trong hành trình vươn lên thành một tỉnh đi đầu về công nghiệp của khu vực Đông Nam Bộ.

Hoạt động kinh tế đạt hiệu quả cao đã tạo ra nguồn thu dồi dào cho ngân sách với mức tăng trưởng từ 816,9 tỷ đồng (chiếm 20,8% GDP) năm 1997 tăng lên 1.628 tỷ đồng (chiếm 23,3% GDP) năm 2001. Từ chỗ là một địa phương phải dựa vào trợ cấp của ngân sách trung ương, đến nay, Bình Dương đã trở thành một trong 5 địa phương có tổng nguồn thu lớn, hỗ trợ một phần cho ngân sách trung ương. Kinh tế tăng trưởng cao đã tạo nhiều việc làm mới, thu hút lực lượng lớn lao động trong và ngoài tỉnh vào làm việc trong các doanh nghiệp mới thành lập. Đồng thời, kinh tế phát triển cũng làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt cơ sở hạ tầng, thúc đẩy quá trình đô thị hoá, đem lại cuộc sống sung túc hơn cho người dân địa phương.

Bình Dương có một nền kinh tế tăng trưởng nhờ vào nỗ lực to lớn của chính quyền địa phương trong việc phát huy tối đa các yếu tố "thiên thời, địa lợi" để đưa kinh tế - xã hội Bình Dương tăng trưởng mạnh mẽ. Không chỉ khoanh tay chờ các nhà đầu tư tự đến với mình, Bình Dương còn mạnh dạn chớp lấy thời cơ phát triển khu công nghiệp nhằm khai thác yếu tố thuận lợi về địa lý.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Bình Dương sẽ phải khắc phục những vấn đề đang cản trở kinh tế phát triển như mở rộng thu hút các đối tác có công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao sức cạnh tranh lâu dài của sản phẩm công nghiệp trên địa bàn, tránh gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là đối với nguồn nước. Sau một quá trình phát triển kinh tế với tốc độ cao, Bình Dương cũng phải đối mặt với các vấn đề xã hội mới nảy sinh như vấn đề lao động nhập cư, ô nhiễm môi trường từ sản xuất công nghiệp... Dù vậy, với những lợi thế sẵn có, vị trí của Bình Dương trên bản đồ kinh tế Việt Nam sẽ còn được nhắc đến nhiều hơn trong tương lai.

Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thời kỳ 1997 - 2001

(Đơn vị: %)

Chỉ tiêu	1997 - 2001	Qui hoạch tổng thể đến 2010
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm	14,2	10,5
Công nghiệp - xây dựng	21	13,71
Nông lâm ngư nghiệp	3,7	3,21
Dịch vụ	10,0	10,51
Cơ cấu kinh tế	***100***	***100***
Công nghiệp	59,3	53,9
Nông nghiệp	15,2	19,2
Dịch vụ	25,5	26,9

Nguồn: Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương, Niên giám thống kê năm 2001 - Cục Thống kê Bình Dương

Chapter I: KEY ECONOMIC SECTORS

Binh Duong Economy with Strong Development

Since 1997, Binh Duong economy has really boosted with the strong growth, making a breakthrough to become one of the highest socio-economic growth provinces of Vietnam, especially in foreign investment, construction and expansion of industrial zones.

The prominent feature of Binh Duong economy for the past few years can be seen in its rapid shifting to industrial production. During 5 years (1996-2001), the density of industry increased from 45.5 percent in 1996 to 59.3 percent in 2001, while that of agriculture, forestry and services gradually fell down. The achievements are due to the reason that most of investment capital has been poured into Binh Duong industry suitable with the direction of the province in restructuring the provincial economy on the way to be a leading province in industry in the Southeast region.

Effective economic operation has created an abundant source to the state budget with a rise in the growth from VND 816.9 billion (accounting for 20.8 percent of GDP) in 1997 by VND 1,628 billion (making for 23.3 percent of GDP) in 2001. Used to be a province depending on the government's budget, Binh Duong has become one of the top five localities of big revenue, partly contributing to the state budget. High economic growth has brought about a lot of jobs, attracting a big labor force from the inner and outer of the province to new businesses. In concurrence, economic development has also led to rapid changes in infrastructure, advancing urbanization and improving people's life.

Binh Duong's economic growth relies much on efforts that the local authorities has made in ultimately combining the advantages of weather and terrain to boost its socio - economic development to new height than its neighbourers. Not passively wait for investors, Binh Duong have bravely gasped chances of expanding its industrial parks to utilize its endowed geographical location.

Apart from its achievements, Binh Duong will have to overcome many obstacles hindering the economic development such as establishing and expanding its relation with partners with advanced technology in order to enhance the long-term competitiveness for its industrial products, prevent environmental pollution especially that of water resources. As the consequence of high speed economic growth, Binh Duong has to face many social problems which has just arisen such as immigrating laborers, environmental pollution due to industrial production. However with the existing advantages Binh Duong will be well - known in Vietnam's economic map in the future.

Economic structure transformation and growth in 1997-2001

(Unit: %)

Indices	1997 - 2001	Master plan until 2010
Annual average GDP growth rate	14.2	10.5
Industry - Construction	21	13.71
Agro-forestry and Fisheries	3.7	3.21
Services	10.0	10.51
Economic structure	***100***	***100***
Industry	59.3	53.9
Agriculture	15.2	19.2
Services	25.5	26.9

Source : Master Plan for Binh Duong's socio-economic development, Annual Statistics 2001 - Binh Duong Statistic Bureau.

CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế

Sau 6 năm tái lập tỉnh (tính từ tháng 1-1997), ngành công nghiệp Bình Dương đã có những bước phát triển vượt bậc, trở thành địa phương có tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao nhất cả nước. Sự phát triển này đã đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và trở thành ngành kinh tế trọng yếu, đóng góp lớn nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trước đây khi nhắc tới Sông Bé - Bình Dương, người ta thường nghĩ đến một tỉnh nông nghiệp với những rừng cây cao su bạt ngàn, những vườn điều, vườn tiêu xanh tốt, cùng các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống như gốm sứ, sơn mài, điêu khắc gỗ.... Nhưng đến nay, Bình Dương đã trở thành một địa phương có ngành công nghiệp phát triển với nhiều khu công nghiệp - khu chế xuất và cụm công nghiệp. Sự gia tang nhanh chóng về tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP từ 9% (năm 1990) lên 59,3% (năm 2001) đưa Bình Dương trở thành tỉnh đầu tiên của Việt Nam (không kể các thành phố trực thuộc trung ương) có tỉ trọng công nghiệp lớn hơn nông nghiệp và dịch vụ cộng lại. Trong đó, khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển rất mạnh.

Từ những lợi thế để phát triển một nền công nghiệp bền vững

Bình Dương là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có diện tích tự nhiên 2.681km²; dân số 742.790 người, trong đó số người ở độ tuổi lao động chiếm 54,7%. Tiếp giáp với thành phố Hồ Chí Minh, nơi sản có cơ sở hạ tầng như: sân bay, bến cảng và hệ thống dịch vụ phát triển, cùng với quỹ đất xây dựng cơ bản của Bình Dương dồi dào, địa tầng vững chắc đã tạo lợi thế cho phát triển công nghiệp so với các vùng lân cận.

Mặt khác, ngay trong thời gian đầu tái lập tỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương, trên cơ sở kế thừa những thành quả đạt được của tỉnh Sông Bé đã xác định công nghiệp sẽ là ngành kinh tế then chốt làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập thể lãnh đạo

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp *(Đơn vị: %)*

Các chỉ tiêu	1997	1998	1999	2000	2001	Bình quân giai đoạn 1997-2001
Cả nước	13,9	12,5	10,4	15,5	14,2	13,3
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	16,8	15,9	15,9	16,8	16,2	16,3
Bình Dương	48,0	17,0	32,0	34,3	29,1	31,7
Đồng Nai	21,4	15,8	14,7	17,0	15,1	16,8
Bà Rịa - Vũng Tàu	15,9	23,5	24,8	11,7	4,0	16
Thành phố Hồ Chí Minh	13,5	12,5	10,2	17,4	16,5	14

Nguồn: Sở Công nghiệp Bình Dương

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 1994)

Đơn vị: Tỷ đồng

	1997	1998	1999	2000	2001
Giá trị sản xuất công nghiệp	3.977,9	4.663,8	6.512,6	9.282,1	11.973,5
Khu vực quốc doanh	700,2	652,6	1.016,3	1.281,3	1.366,7
- Công nghiệp Trung ương	302,6	322,2	670,5	738,1	729,3
- Công nghiệp địa phương	397,6	330,5	345,7	543,2	637,3
Khu vực ngoài quốc doanh	1.393,0	1.583,8	2.235,3	3.186,1	3.909,4
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1.884,8	2.427,3	3.261,1	4.814,8	6.697,3

Nguồn: Sở Công nghiệp Bình Dương

tỉnh đã tập trung tháo gỡ khó khăn, thực hiện kịp thời các chính sách ưu đãi, hình thành môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thông thoáng nhằm thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất công nghiệp địa phương phát triển.

Một trong những hành động cụ thể là tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với mức vốn hàng năm chiếm tới hơn 37% ngân sách dành cho lĩnh vực xây dựng cơ bản. Hệ thống đường giao thông, lưới điện được mở rộng. Bên cạnh đó, tỉnh Bình Dương còn tập trung đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động 8 trên tổng số 13 khu công nghiệp - khu chế xuất đã được quy hoạch với diện tích 1.800 ha.

Đến những thành tích đáng ghi nhận

Phát huy những lợi thế sẵn có, sản xuất công nghiệp tỉnh Bình Dương trong những năm qua đạt tốc độ tăng trưởng cao. Nhiều sản phẩm công nghiệp của tỉnh không những đã chiếm lĩnh được thị trường nội địa, thay thế dần hàng tiêu dùng nhập khẩu mà còn từng bước hoà nhập vào thị trường khu vực và thế giới. Theo số liệu thống kê của Sở Công nghiệp Bình Dương, tính đến năm 2001, sản phẩm công nghiệp của tỉnh có mặt trên thị trường của gần 35 nước và vùng lãnh thổ, đạt giá trị xuất khẩu 505,4 triệu USD, chiếm 71,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 1997-2001 đạt 31,7%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp thực hiện năm 2001 tăng gấp 3 lần so với năm 1997, đạt 11.974 tỷ đồng (giá cố định năm 1994). Nhờ đó, ngành công nghiệp đã không ngừng tăng nhanh tỷ trọng trong cơ cấu GDP của tỉnh, đến năm 2001 đã chiếm tới 59,3%. Nộp ngân sách nhà nước của toàn ngành cũng tăng đều qua các năm, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng thu ngân sách trên địa bàn Bình Dương.

Sự phát triển của ngành công nghiệp đã thu hút một lực lượng lao động đáng kể. Nếu như năm 1997 chỉ có 76.294 lao động tham gia sản xuất công nghiệp thì đến năm 2001, con số này đã tăng lên 169.184 người (tăng gấp 2 lần). Thu nhập bình quân của lao động công nghiệp đạt trên 1 triệu đồng/người/tháng. Tuy mức lương trong các doanh nghiệp chưa cao và chưa đồng đều, nhưng đời sống công nhân từng bước đã ổn định, nhất là trong những doanh nghiệp nhà nước. Hơn thế, quá trình phát triển công

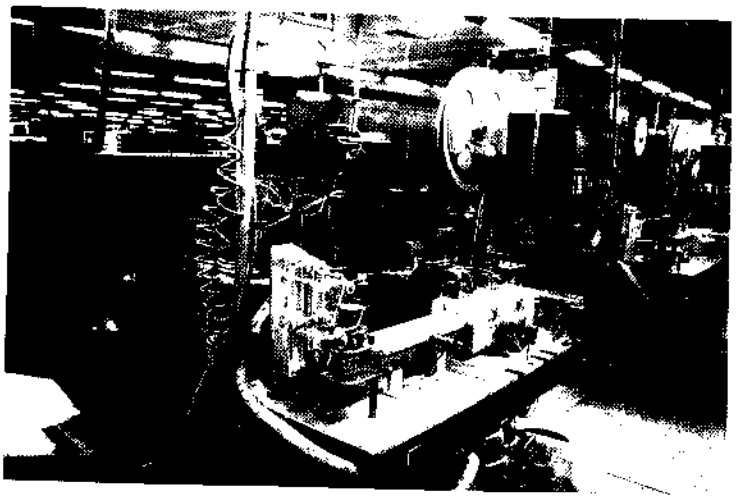

Sản xuất linh kiện điện tử

nghiệp đã từng bước nâng cao chuyên môn kỹ thuật, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý, đặc biệt ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

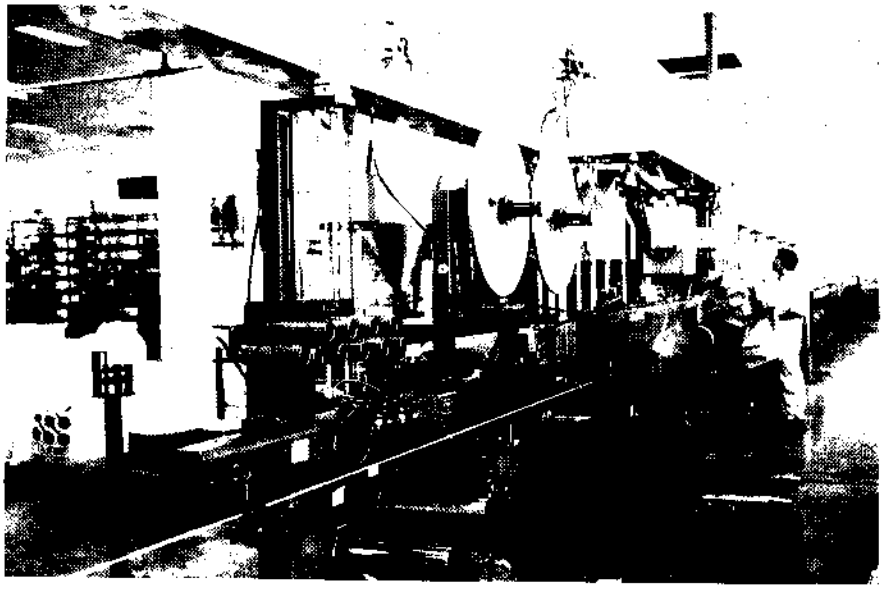

Sản xuất cáp quang và phụ kiện

Vượt qua "rào cản" để hướng tới những mục tiêu lớn hơn

Tuy nhiên, ông Bùi Đức Xuân - Giám đốc Sở Công nghiệp Bình Dương nhận xét: "Tốc độ phát triển công nghiệp nhanh chóng cũng dẫn tới nhiều vấn đề bất cập".

Theo đó, ngành công nghiệp tỉnh Bình Dương những năm qua, chủ yếu tăng về lượng, chưa tăng về chất nên phát triển chưa ổn định và thiếu vững chắc. Hiệu quả sản xuất chưa cao nên hạn chế khả năng tích luỹ vốn để tái sản xuất mở rộng, đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Năng lực cạnh tranh của nhiều sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước còn thấp. Hiện nay, công nghiệp Bình Dương cơ bản vẫn còn lạc hậu về công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, trình độ quản lý sản xuất còn yếu, mức độ cơ giới hoá và tự động hóa chưa cao, hệ số đổi mới thiết bị và công nghệ còn thấp. Trình độ kỹ thuật của đội ngũ công nhân trong hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công nghệ và thiết bị hiện đại, năng suất lao động chưa cao, nhận thức về giai cấp và ý thức kỷ luật còn thấp.

Đặc biệt là vấn đề xã hội, việc có đến 85% tổng số lao động trong ngành công nghiệp là người đến từ địa phương khác đã làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp như nhà ở, quản lý xã hội. Vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ngay trong khu vực dân cư sinh sống cũng là bài toán nan giải. Thêm nữa, do quá chú trọng vào việc thu hút đầu tư phát triển công nghiệp mà các ngành khác như dịch vụ, nhất là các dịch vụ hỗ trợ sản xuất - kinh doanh, du lịch, vui chơi giải trí bị xao nhãng khiến cho kinh tế Bình Dương phát triển không cân đối.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do điểm xuất phát của ngành công nghiệp tỉnh còn thấp, trong khi thời cơ phát triển lại đến quá nhanh. Cho nên, địa phương chưa có sự chuẩn bị đầy đủ và kỹ lưỡng để chủ động phát hiện và xử lý kịp thời những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình phát triển, chậm bố trí và điều chỉnh các khu chức năng của các khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ, khu đô thị và khu dân cư nên dẫn đến sự phát triển đan xen, khó di dời.

Để phát huy những thành quả đã đạt được và khắc phục, hạn chế những khó khăn, vướng mắc, tỉnh Bình Dương đã đề ra định hướng phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2010. Đó là tiếp tục theo đuổi con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu rút ngắn thời gian thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ 3 đến 5 năm so với cả nước. Những phương hướng cụ thể là:

1) Chuyển mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp tỉnh từ số lượng sang chất lượng; phát triển công nghiệp toàn diện cả hai vùng Bắc và Nam của tỉnh. Trong đó, lấy phát triển các khu công nghiệp, các khu vực sản xuất công nghiệp phía Nam làm động lực thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề

truyền thống nông thôn ở các huyện phía Bắc để phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp và nông thôn.

2) Ưu tiên phát triển công nghiệp kỹ thuật cao và công nghệ sạch làm nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tiếp tục chú trọng phát triển các ngành nghề chế biến nông, lâm sản thực phẩm, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp hoá chất, công nghiệp dệt may, da giày. Ổn định và phát triển ngành nghề truyền thống sơn mài, gốm sứ, điêu khắc gỗ của địa phương. Đưa công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản

Các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển

- *Ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm*
- *Ngành công nghiệp chế tạo máy và gia công kim loại gồm: máy móc cơ khí, phương tiện vận tải, máy và thiết bị điện, điện tử tin học, phụ tùng máy móc và chế biến kim loại.*
- *Ngành công nghiệp hoá chất và các sản phẩm hoá chất*
- *Ngành công nghiệp dệt may- giày dép*
- *Ngành công nghiệp gốm sứ - vật liệu xây dựng*
- *Ngành công nghiệp khai khoáng*

Công nghiệp tỉnh Bình Dương sau ngày giải phóng

Sau gần 30 năm phát triển, ngành công nghiệp Bình Dương đã trải qua nhiều nhiều thăng trầm, song nhìn chung liên tục phát triển. Từ một ngành chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP tỉnh, đến nay, giá trị sản xuất của ngành công nghiệp Bình Dương đã chiếm 59,3% GDP toàn tỉnh. Để thấy rõ hơn về quá trình đi lên của ngành công nghiệp Bình Dương, dưới đây chúng tôi xin điểm lại những giai đoạn phát triển của ngành kinh tế mũi nhọn này.

1) Thời kỳ 1975 - 1985: *Ngành công nghiệp tập trung chủ yếu vào thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng kinh tế quốc doanh và tập thể. Đến năm 1985, hai thành phần kinh tế này chiếm 85% về cơ cấu thành phần và 90% giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,2%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1985 đạt 160 tỷ đồng, trong đó tập trung chủ yếu vào hai ngành nghề truyền thống: gốm sứ và sơn mài.*

2) Thời kỳ 1986 - 1990: *Trong thời kỳ đầu của sự nghiệp đổi mới, nhiều xí nghiệp quốc doanh địa phương hoạt động không có hiệu quả phải giải thể và tổ chức sắp xếp lại một số xí nghiệp. Công nghiệp Bình Dương bắt đầu phát triển với tốc độ 8%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp năm 1990 đạt 367 tỷ đồng. Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế chiếm 13%.*

3) Thời kỳ 1991 - 1995: *Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô (cũ), cũng như tình hình khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ đã ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành công nghiệp Bình Dương. Tuy nhiên, năm 1992, với tác động tích cực từ chủ trương, chính sách mở cửa thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ngành công nghiệp Bình Dương đã phát triển với tốc độ cao, bình quân các năm 1993-1994-1995 là 43,7%. Đến năm 1995, giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh đã vượt trên con số 1.000 tỷ đồng, đứng thứ sáu cả nước, tỷ trọng công nghiệp chiếm 32% GDP toàn tỉnh.*

4) Thời kỳ từ năm 1996 tới nay: *Là giai đoạn ngành công nghiệp của tỉnh thực hiện chủ trương tăng tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế, phù hợp với việc phát huy và sử dụng có hiệu quả lợi thế của địa phương về vị trí, điều kiện tự nhiên, tiềm năng và nguồn lực của tỉnh. Từng bước chuyển dần và đầu tư mới toàn ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp khai khoáng và công nghiệp vật liệu xây dựng lên các vùng phía Bắc gần vùng nguyên liệu. Quy hoạch đầu tư các khu công nghiệp tập trung, đón nhận các nhà đầu tư công nghiệp trong và ngoài nước ở khu vực phía Nam. Vì vậy, công nghiệp tỉnh trong thời kỳ này có tốc độ tăng trưởng cao 31,7% và giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh trong năm 2001 đạt 11.974 tỷ đồng, tỷ trọng công nghiệp chiếm 59,3% trong cơ cấu GDP toàn tỉnh.*

và sản xuất vật liệu xây dựng lên vùng nguyên liệu phía Bắc. Di dời các cơ sở sản xuất gốm sứ, gạch ngói ra khỏi khu dân cư đô thị nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hướng về xuất khẩu. Từng bước hình thành các ngành công nghiệp hỗ trợ. Khuyến khích, ưu tiên đổi mới công nghệ và hoàn thiện kỹ năng quản lý doanh nghiệp để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm công nghiệp địa phương.

4) Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước địa phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác.

5) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, không ngừng tạo thêm những nang lực mới nhằm nâng cao khả nang cạnh tranh cho môi trường đầu tư để thu hút vốn cho phát triển công nghiệp. Cải tiến thủ tục hành chính theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

Trong thời gian tới, tốc độ tăng trưởng công nghiệp sẽ giảm xuống để thực hiện chủ trương phát triển về chất. Vì thế, chỉ tiêu cụ thể trong giai đoạn 2001 - 2005 sẽ là 20 - 25%, 2005 - 2010 là 15 - 20%; 2010 - 2020 là 12 - 15%. Để đảm bảo đạt được tốc độ tăng trưởng nêu trên, việc phát huy nội lực vẫn là ưu tiên hàng đầu, bên cạnh đó kết hợp với thực hiện những chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.

Với những nỗ lực không ngừng, tỷ trọng của ngành công nghiệp Bình Dương giai đoạn 2001 - 2005 vẫn chiếm 60-65% cơ cấu kinh tế của tỉnh. Các giai đoạn tiếp theo sẽ giảm đi đôi chút do thời gian tới tỉnh có chủ trương phát triển ngành du lịch nhưng sẽ vẫn đạt 60 - 62% trong giai đoạn 2005 - 2010 và 60% trong giai đoạn 2010 - 2020.

BINH DUONG INDUSTRY

Bringing the key role in the economy into play

After 6 years of the province's re-establishment (in January 1997), Binh Duong Industrial Sector has achieved significant developments to become a province with highest industrial growth rate in Vietnam. This development has promoted the process of economic restructure toward modernization and industrialization orientation and become a spearhead economic sector making a great contribution to the provincial socio - economic development.

In the past, when talking about Song Be - Binh Duong, people often thought of an agriculture province with huge rubber forests, cashew gardens, green pepper trees and the traditional handicrafts such as pottery and ceramics, lacquer painting and wood sculpture. Binh Duong has become a locality of developed industrial sector with a number of industrial zones, processing zones and industrial groups. The rapid increase in the sector's proportion in GDP of from 9 percent (in 1990) to 59.3 percent (in 2001) has turned Binh Duong to be the first province in Vietnam (excluding cities belonging to the Government) that has industrial portion higher than that of agriculture and service sector. In which, private and foreign invested economic sectors are developing dramatically.

Developing a sustainable industry upon the advantages

Binh Duong is a province in the southeastern area of Vietnam located in the key economic area in the South with the natural acreage of 2,681sq.km and population of 742,790 people, of which people at working age accounts for 54.7 percent. Binh Duong has more advantages in developing industrial sector than other provinces thanks to its adjacency to Ho Chi Minh city with infrastructures avaialble including airport, port and developed service system as well as its potential land for basic construction and firm stratum.

Industrial growth rate *(Unit: %)*

Indices	1997	1998	1999	2000	2001	Average in 1997 - 2001
Whole country	13.9	12.5	10.4	15.5	14.2	13.3
Key economic zones in the south	16.8	15.9	15.9	16.8	16.2	16.3
Binh Duong	48.0	17.0	32.0	34.3	29.1	31.7
Dong Nai	21.4	15.8	14.7	17.0	15.1	16.8
Ba Ria - Vung Tau	15.9	23.5	24.8	11.7	4.0	16
HCM city	13.5	12.5	10.2	17.4	16.5	14

Source: Binh Duong Department of Industry

On the other hand, since the beginning of the province's re-establishment, based upon achievements gained so far by Song Be province, Binh Duong People's Committee has identified industry as a key economic sector to promote the provincial socio - economic development process. The province's leaders have focused on overcoming difficulties, promptly implementing priority policies and creating an advantageous environment for investment, business and production to attract investors and favorable conditions for local industrial sectors to develop.

One of the concrete actions is that the province has concentrated its investment in infrastructure construction with annual budget of more than 37 percent of the government budget used for basic construction. Transportation system and electricity network has been enlarged. Additionally, Binh Duong also paid attention to invest in construction and operated 8 out of 13 industrial zones - processing zones with total area of 1,800 ha.

And remarkable achievements

Mobilizing inherent advantages, Binh Duong industrial production has obtained high growth rate over the past few years. Many industrial products have not only succeeded in the domestic market to replace the export ones, but also gradually integrated in the regional and world's markets. According to statistic from Binh Duong Department of Industry, by the year 2001 the province's industrial products have been presented in markets of nearly 35 countries and territories bringing the export turnover to US$505.4 million, accounting for 71.8 percent in the province's total export quota.

The average growth rate of industrial sector in period 1997 - 2001 was 31.7percent/ year. Industrial production value in 2001 has increased 3 times compared to the year 1997 with VND 11,947 billion (the fixed price of 1994). As a consequence, its portion in the province's GDP of 59.3 percent in 2001 has been continuously on the rise. Contribution of the whole sector to the Government budget has gone up year by year, taking a high percentage in the total budget income of Binh Duong.

The growing of industrial sector has attracted a large number of laborers for the industrial production. If in 1997 only 76,294 laborers worked in industrial production, in 2001 this figure has raised to 169,184 people (doubled 1997). The worker's average income per month is more than VND one million. Though the salary scale in enterprises is not high and not the same but the workers' living standard has gradually been stabilized, especially in state owned enterprises. Moreover, the industrial development process has gradually enhanced the management skills, technical qualification for technical and management staff, particularly in foreign invested enterprises.

Overcome "barriers" to reach bigger objectives

Bui Duc Xuan - the Director of Binh Duong Department of Industry made this comment: "The rapid industrial development also leads to a number of inadequacies"

Binh Duong Industry has developed mostly in quantity but not quality over the years, hence the development is not stable and steady. Low production effeciecy has limited the ability of accumulating capital for extension, reinvestment in technologies and products quality improvement. The competitiveness of many products in domestic as well as foreign market remains low. At present, Binh Duong industry basically owns the features of having obsolete technologies, poor equipment and facilities, weak production management, low utilization of machinery and automatic equipment and low equipment renovation coefficient. Technical skills of workers in most enterprises remain low and have not met requirements of advanced technologies and equipment resulting in low working capacity and disciplines consciousness.

Regarding social issues, the ratio of 85 percent of workers in the industry coming from other provinces has led to a number of complicated issues such as accommodation and social management. Environmental pollution, especially in the residential area is also a hard problem to solve. Furthermore, as too much attention was paid to get more investment for industrial development while other sectors such as services, particularly in sectors of production - business, tourism, entertainment are neglected. Consequently, Dinh Duong economy has unbalanced development.

Main causes of the above-mentioned situation include the facts such as industry has a low starting point while there are many development opportunities for Binh Duong industry. Thus, preparation has not been done properly and thoroughly to take initiative in finding out and promptly dealing with conflicts arose during the development process. The slow arrangement and adjustment of functioning areas in the industrial zones, tourism area, services, urban and local areas led to a mixed development that is difficult to change.

To take advantages of the achievements and overcome limitation and difficulties, Binh Duong has made development direction for the industry sector until the year 2010 including: continue pursuing the industrialization and modernization process, shorten industrialization and modernization periods from 3 to 5 years in comparison with the whole country. These followings are specific directions:

1) Change the objective of developing industrial sector from quantity into quality; develop comprehensively the industry both in the north and south. In which, the development of industrial zones, industrial production areas in the south will be regarded as a motivation for completing the econom-

Industrial production value (compared to 1994)

Unit: Billion VND

	1997	1998	1999	2000	2001
Industrial production value	3,977.9	4,663.8	6,512.6	9,282.1	11,973.5
State owned sector	700.2	652.6	1,016.3	1,281.3	1,366.7
- Central	302.6	322.2	670.5	738.1	729.3
- Local	397.6	330.5	345.7	543.2	637.3
Non-state sector	1,393.0	1,583.8	2,235.3	3,186.1	3,909.4
Foreign invested sector	1,884.8	2,427.3	3,261.1	4,814.8	6,697.3

Source: Binh Duong Department of Industry

ic industrialization and modernization. Developing industry, handicraft and traditional occupations in rural villages of northern districts to directly serve agriculture and rural areas.

2) Give more priorities for development of high technique industry and clean technologies to create foundation for industrialization and modernization process; attach more importance on developing agriculture, forestry, food stuff processing, machinery manufacturing, chemical industry, garments and textiles and leather; stabi-

Industrial sectors given priority to develop

- *Agriculture, forestry and food stuff processing industry*
- *Machinery manufacturing and metal processing: including machinery, means of transportation, electric machinery and equipment, electronic and informatic, machinery spare parts and metal processing,*
- *Chemical industry and chemical products,*
- *Textile, garment and footwear industry*
- *Pottery and ceramic and construction raw material industry*
- *Mineral exploitation industry.*

Binh Duong Industry after the liberation day

After nearly 30 years of development, Binh Duong industry has gone through many ups and downs, however, it has been developing continuously. From a sector with small proportion in the provincial GDP, now its value has amounted to 59.3 percent of the total provincial GDP. The different development stages as below will provide further understanding about development process of Binh Duong industry:

1) In 1975 - 1985: *The sector has concentrated on upgrading the socialist society, formulating the state and cooperative economy. In 1985, these two economic sectors accounted 85 percent in the economic structure and 90 percent in the industrial production value of the province. The average growth reached 3.2 percent per year. Industrial production value in 1985 reached VND160 billion, which mainly come from the two traditional handicraft sectors of pottery, ceramics and lacquer painting.*

2) In 1986 - 1990: *In the initial stage of the renovation process, a number of state owned enterprises in the area have been operating inefficiently and they had to dissolved and be re-organized. Binh Duong Industry began to develop with the growth rate of eight percent per year and the industrial production worth of VND367 billion in 1990. Industrial sector accounts for 13 percent in the economic structure.*

3) In 1991 - 1995: *The collapse of the socialist countries in Western Europe and former Soviet Union as well as the general difficult economic situation of Vietnam has influenced the development of Binh Duong Industry. However, in 1992 with the active impact of the open policies and direction to attract more domestic and foreign investment, Binh Duong Industrial Sector has developed at high speed with the average growth rate of 43.7 percent in 1993-1994-1995. In 1995, industrial production value of the whole province has surpassed the figure of VND1,000 billion ranking number 6 in Vietnam accounting 32 percent of the province's GDP .*

4) From 1996 up to now: *This is the stage that the industrial sector carry out a plan to raise its proportion in the economic structure which is suitable to the efficient development and utilization of local advantages in terms of geographical location, natural conditions and the provincial potentials and resources. Different sectors such as food and agricultural product processing, mineral exploitation and construction raw material will be gradually moved to the north close to raw material sources. Industrial zones will be planned and invested intensively in the south to receive local as well as foreign industrial investors. Therefore, the provincial industry during this period got high growth rate of 31.7 percent and industrial production value obtained VND 11,974 billion in 2001 and proportion of industrial sector accounted for 59.3 percent in the province's GDP.*

lize and develop the existing traditional sectors such as lacquer painting, pottery and ceramics, wood sculpture; move the exploitation industry, mineral processing and raw material construction production to the material region in the north; move pottery, ceramics and brick processing area out of residential and urban areas to minimize environmental pollution.

3) Speed up industrial development towards exports; gradually establish supporting industries; encourage and give priorities to improve technologies and enterprise management skills to raise the competitiveness for local industrial products.

4) Re-organize local state-owned enterprises; promote the development economic cooperation.

5) Continue improving investment environment, creating new capabilities to raise the competitiveness to attract more investment capital for industrial development; improve administration procedures in the direction of increasing the effect and efficiency in state management.

In the coming years, the industrial growth rate will be decreased to carry out the plan of developing in quality. Therefore, specific target will be 20 - 25 percent for 2001 - 2005, 15 - 20 percent for 2005 - 2010 and 12 - 15 percent for 2010 - 2020. To achieve the above expected growth rate, first priority should be given to developing internal strength to combine with the implementation of foreign investment policies.

With increasing efforts, Binh Duong industrial sector in 2001 - 2005 will make up 60 - 65 percent in the provincial economic structure. This ratio will be reduced in the next periods since the province plans to develop tourism sector. However, it will be maintained at 60-62 percent in 2005 - 2010 and 60 percent in 2010 - 2020.

KSB
BIMICO

CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG (BIMICO)

Chức năng:

Công ty Khoáng sản và xây dựng Bình Dương là Doanh nghiệp Nhà nước được phép thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, xuất nhập khẩu trực tiếp các loại khoáng sản. Xây dựng cơ sở hạng tầng mỏ, các công trình dân dụng và thi công các công trình giao thông nông thôn, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Sản phẩm chính:

Đá xây dựng các loại, Kaolin nguyên khai và Kaolin chế biến, gạch xây dựng, nước uống tinh khiết đóng chai hiệu BIMICO

Function:

Binh Duong Mineral and Construction company is a state-owned enterprise specializing in expoilting and processing minerals, directly im-exporting minerals, building mine facilities, civil works, rural transport works, producing and trading construction materials.

Main product:

Various construction stones, raw and processed Kaolin, construction brick, BIMICO bottled water.

Văn phòng: Ngã tư Hoà Lân, Đại lộ Bình Dương, Thuận An, Bình Dương
ĐT: (0650) 822602
Fax: (0650) 823922

CÔNG TY GIẤY BÌNH AN

NHÀ SẢN XUẤT GIẤY COUCHÉ ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM

Với dự án đầu tư dây chuyền sản xuất giấy tráng phấn (couché) công suất 45.000 tấn/năm, tổng vốn đầu tư 281 tỷ đồng, Công ty Giấy Bình An sẽ trở thành nhà sản xuất và cung cấp giấy couché đầu tiên cho thị trường Việt Nam.

Đó là một tin vui đối với tất cả các nhà máy, xí nghiệp và xưởng in tại Việt Nam. Theo ước tính, tổng nhu cầu sử dụng giấy couché trong nước hiện vào khoảng 100.000 tấn/năm), bởi thực tế hiện nay cho thấy, do phải nhập khẩu toàn bộ giấy couché với mức giá "chịu đựng" đã gây không ít khó khăn cho các công ty in trong nước. Vì thế, dự án sản xuất giấy couché của Công ty Giấy Bình An đi vào hoạt động (quý IV-2003) sẽ đem đến giải pháp về "giá" và "tiến độ sản xuất" cho khách hàng, đồng thời đánh dấu một bước phát triển mới cho ngành sản xuất giấy Việt Nam.

Vượt khó đi lên

Công ty Giấy Bình An là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tiếp quản và quốc hữu hoá nhà máy sản xuất giấy carton tư nhân năm 1975. Điều kiện cơ sở vật chất lúc này có thể nói khá thuận lợi với trang thiết bị gồm 5 máy xeo, tổng công suất 10.000 tấn/năm. Tuy nhiên, nhiều năm sau đó, do không được đầu tư mới cùng với phương thức sản xuất - kinh doanh chịu tác động của cơ chế bao cấp nên hoạt động sản xuất - kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn. Nhu cầu thị trường lúc đó là những loại sản phẩm từ giấy carton với 4 - 5 chủ yếu. Công ty Giấy Bình An cũng chỉ sản xuất giấy hợp, bao bì công nghiệp mà điển hình là hợp giấy carton với sản lượng 2.500 - 3.000 tấn/năm.

Năm 1996 là thời điểm bước ngoặt, mở ra thời hoàng kim cho Công ty Giấy Bình An. "Quả đúng là cái khó "ló" cái khôn" - ông Thái Văn Thao, Giám đốc Công ty Giấy Bình An bộc bạch - cũng vì mặt hàng hợp giấy carton bị cạnh tranh dữ dội khi hàng loạt xưởng, tổ hợp tư nhân cùng tham gia sản xuất và tung ra thị trường các loại mẫu mã với giá cả khác nhau đã "cạt" mất một phần "dạ dầy" của Bình An. Tiền đầu tư mới thì không có, nhưng trong tay mình có 4 máy xeo khác nhau sẽ sản xuất được nhiều mặt hàng khác nhau. Ý thức về cơ chế thị trường buộc ban lãnh đạo công ty phải tìm ra phương án kinh doanh mới: chuyển hướng sản xuất từ mặt hàng đơn thuần carton sang các loại giấy mỏng dùng trong văn phòng, giấy in, giấy viết, khăn ăn (bán cuộn lớn để các cơ sở gia công lại), giấy đánh máy, giấy keo, giấy dùng làm sơ đồ may,... với phương châm "đa dạng hoá mặt hàng để tăng nhanh doanh thu, tăng sản lượng, mở rộng khách hàng".

Cả công ty xắn tay vào việc, người lo tu sửa máy móc, người lo nguyên liệu, người lo thị trường,... chỉ một thời gian ngắn những sản phẩm mới đã "ra mắt" thị trường và được người tiêu dùng chấp nhận. Năm 1997 - năm thành công đầu tiên của Bình An với doanh thu 28 tỷ, năm sau tăng nhanh lên 37 tỷ, rồi tiếp đến 49 tỷ, 62 tỷ và đến 2002 đã là 66 tỷ. Số lượng cán bộ, công nhân cũng tăng lên 400 người, lương bình quân đạt 1,35 triệu đồng/người/tháng. Mọi người ai nấy đều phấn khởi, hăng say công việc và quyết tâm gắn bó với công ty để cùng nhau bước những bước tiến dài hơn.

Nhà sản xuất giấy couché đầu tiên

Dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Công ty Giấy Bình An luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu mà Tổng công ty Giấy Việt Nam giao hàng năm. Sau hơn 20 năm hoạt động, lần đầu tiên bài toán "đầu tư" được đặt ra cho công ty bằng dự án đầu tư dây chuyền sản xuất giấy couché với công suất 45.000 tấn/năm, tổng vốn đầu tư 281 tỷ đồng, trong đó 208 tỷ dành cho xây dựng cơ bản, đầu tư trang thiết bị và 72 tỷ là vốn lưu động. Thiết bị nhập từ Đức và chuyển giao công nghệ ngay khi dự án đi vào hoạt động - loại máy xeo lớn nhất và hiện đại nhất Việt Nam với tốc độ 515 mét/phút. Theo nguồn tin từ Tổng công ty Giấy Việt Nam, tính đến thời điểm hiện nay, cả nước chưa hề có đơn vị nào sản xuất được giấy couché, toàn bộ sản phẩm giấy couché sử dụng trong nước đều phải nhập ngoại. Ông Thao cho biết: "chúng tôi dự kiến sẽ "trình làng" sản phẩm giấy couché với nhiều quy cách khác nhau, đảm bảo chất lượng như hàng ngoại nhập, nhưng giá lại "mềm" hơn".

Để chuẩn bị cho dự án mới đi vào hoạt động, công ty đã triển khai đào tạo cán bộ có trình độ, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Bên cạnh sự hỗ trợ của Tổng công ty bằng cách điều một số cán bộ, kỹ sư có kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực cơ khí, tự động hoá, điện công nghiệp.... công ty cũng chủ động thu nhận và tổ chức các lớp đào tạo cho gần 100 công nhân làm quen dần với cách vận hành thiết bị mới. Mọi bước chuẩn bị kỹ lưỡng tới từng chi tiết thể hiện những bước chân vững chắc của Công ty Giấy Bình An nhà sản xuất giấy couché đầu tiên của ngành giấy Việt Nam.

BINH AN PAPER COMPANY

THE FIRST COUCHE' PAPER PRODUCER IN VIET NAM

The investment project on the production line of couche' papers with the capacity of 45,000 tonnes per year and total capital of VND281 billion will help Binh An Paper Company become the first producer providing couche' papers for Vietnam market.

That is the good news for printing mills and factories in Viet Nam. As estimated, the total local consumption demands of couche' papers presently will amount to approximately 100,000 tonnes per year. The fact shows that to the "suffered price" of all imported couche' papers have caused many difficulties for the domestic printing companies. Therefore, the project on producing couche' papers of Binh An company, which is operating in the fourth quarter of 2003 will bring the customers with the solutions to "price" and "production speed" and concurrently mark the new development of the Vietnam Paper Production Industry.

Overcoming the difficulties

As a state-owned enterprise under the Vietnam Paper Corporation, Binh An Paper Company was established in 1975 on the basic of taking over and nationalising the private carton producing factory. It could be said that the facilities were relatively convenient at that time with five paper cutters with the total capacity of 10,000 tonnes/year. In the following years, the company's business and production performance confronted many obsta

cles due to the impact of subsidisation period and no new investment. The market demand at that time focused on carton products. Binh An company therefore produced mainly cartons and industrial wrappings, of which carton boxes with the output of 4,500-5,000 tonnes/year were typical products.

The year 1996 was recorded as a turning point to the golden age of Binh An Paper Company. "The adversity brings wisdom" - the company's Director Thai Van Thao said, the very reason was that the carton products experienced severe competition when a range of factories and private combinations produced and threw into the markets with diverse styles at varied prices cutting a part of Binh An's "stomach". No more invested capital, but with four different paper cutters, varied kinds of products could be produced. The awareness of the market mechanism made the company's leaders find out the new business method. The company converted mere production of cartons into papers of different kinds including thin papers used for office work, printing, typing and writing, computer papers, tissues (selling the big rolls for other units to re-process),candy wrapping papers and boards for outlines in sewing with the motto "diversifying products to increase revenue, production and clients".

All of the company's staff eagerly started working, some were in charge of the machine repair, others bought materials or looked for the consumption market. Only short time after that, new products were introduced to the market and accepted by the consumers. In 1997 - the first successful year of Binh An, the company's revenue hit VND28 billion. Later on the company saw the continual year-on-year growth to VND37 billion, VND49 billion, VND 62 billion and in 2002 - VND66 billion. The number of employees has also increased to 400 people with average per capita income reached VND 1.35 million/month. The staff feels happy, encouraged and dedicated with their work, determining to stay with the company for a long time to make the further steps in the future.

The first couche' paper producer

Despite of numerous difficulties, Binh An Paper Company always completes and exceeds the targets entrusted by Vietnam Paper Corporation. After 20 years of operation, the "investment" problem firstly has been setting up for the company by the project of investing a couche' paper producing line with the capacity of 45,000tonnes per year and the total invested capital of VND281 billion including VND208 billion for the capital construction and equipment and VND72 billion for working capital. The equipment - the biggest and most updated cutting machines in Viet Nam with speed of 515metres per minute are imported from Germany and technology transfer will be conducted as soon as the project is put into operation. According to the Vietnam Paper Corporation, so far there have never been any units throughout the country which can produce couche' papers, all local consumption of the product is imported. Thao said: "We suppose to introduce couche' papers in diverse standards, ensuring the quality of imported products but with lower price.

Preparing for the operation of the new project, the company has trained qualified employees to meet the production requirements. In addition to the support of the corporation by providing the experienced cadres and engineers of mechanics, automatics and industrial electricity, Binh An company has actively received and organised the training courses for nearly 100 workers to make them get used to know-how of the new equipment.

The well-prepared steps have shown the solid paces of Binh An Paper Company - the first couche' paper producer in Viet Nam.

NGÀNH NÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Từng bước chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hoá

Cùng với đà tăng trưởng của kinh tế Bình Dương, những năm gần đây, giá trị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định. Điều này đã khẳng định tính đúng đắn trong các sách lược của tỉnh về sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ ngắn ngày độc canh, sang trồng cây lâu năm, phù hợp với sinh thái của địa phương và phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi công nghiệp.

Là một tỉnh nằm ở trung tâm miền Đông Nam Bộ, với nhiều trục giao thông quan trọng chạy qua nên việc giao thương với các địa phương lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa (Đồng Nai) khá dễ dàng. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến trở thành động lực quan trọng thúc đẩy ngành nông nghiệp Bình Dương phát triển. Thêm nữa, dịch vụ thu mua nông sản đã gắn kết được với những địa phương trong vùng, đưa Bình Dương trở thành đầu mối thu mua nông sản quan trọng của cả vùng Đông Nam Bộ. Người nông dân do sống giữa trung tâm văn hoá nên việc áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp khá dễ dàng. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp - nông thôn ngày càng được cải thiện, đã phát huy cao độ hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, với sự tham gia của các doanh nghiệp vào ngành nông nghiệp đã thúc đẩy ngành này chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá.

Những kết quả khả quan

Trong giai đoạn 1997 - 2001, ngành nông nghiệp Bình Dương đã đạt được những kết quả cao do tốc độ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp khá nhanh. Các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh được xây dựng rất phù hợp với đặc điểm sinh thái của địa phương và nhu cầu của thị trường. Đồng thời, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Dương cũng khá thành công trong việc gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và tiêu thụ. Giá trị sản xuất nông nghiệp Bình Dương duy trì ở tốc độ tang bình quân 5.2%/năm, trong đó ngành trồng trọt tăng 4.4%/nam, chăn nuôi tang 1.2%/năm. Cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển đổi mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá. Rất nhiều vùng đất trắng trước đây, giờ đã được thay bằng các trang trại tiêu, cao su, cây ăn trái...

Tính đến hết năm 2001, toàn tỉnh có gần 58.000 ha cây trồng hàng nam, hơn 121.000 ha cây trồng lâu năm, gần 1.800 trang trại các loại. Trong đó, những loại cây trồng chính của Bình Dương là cây cao su (96.550 ha), điều (12.883 ha), cây ăn trái (hơn 900 ha). Như vậy, so với năm 1997, cây cao su tăng 2.695 ha, cây ăn trái tăng 3.303 ha. Riêng cây điều giảm 5.000 ha, nhưng ngành nông nghiệp của tỉnh đang triển khai xây dựng điều cao sản. Điều đó có nghĩa là diện

Ngày mùa trên chiến khu D

tích tuy giảm, song khi thực hiện xong dự án, tổng sản lượng điều sẽ không giảm.

Chăn nuôi cũng phát triển nhanh chóng, đặc biệt là đã có sự chuyển đổi sang chăn nuôi công nghiệp với tổng đàn heo 223.000 con, 2,2 triệu con gà và trên 27.000 con bò. So với năm 1997, đàn heo và bò sữa đã tăng lên gấp 2 lần. Trong đó, đi đầu trong việc đầu tư chăn nuôi có quy mô lớn là Công ty Kim Long. Trong năm 2001, công ty này đã mạnh dạn đầu tư 20 tỷ đồng xây dựng chuồng trại chăn nuôi trên diện tích 20 ha tại Lai Uyên (Bến Cát) với khu chuồng trại 7,5 ha, khu xử lý chất thải, kết hợp với nuôi cá sấu 4,5 ha. Mục đích mà Công ty Kim Long đặt ra là tạo được giống heo SP Kim Long chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Khác với Kim Long, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Lợi (Tân Uyên) lại triển khai dự án chăn nuôi bò sữa giống với tổng vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng. Tham vọng của công ty này là, trong vòng 4 năm tới, sẽ cho ra thị trường 270 con bò sữa giống, đồng thời tiến hành nhân giống để phát triển đàn bò của công ty và nhân giống cung cấp cho thị trường...

Kinh tế trang trại phát triển nhanh chóng đã tác động tích cực vào kinh tế nông nghiệp - nông thôn. Chỉ sau 5 năm, toàn tỉnh đã có gần 1.800 trang trại các loại, sử dụng 18.300 ha, tạo việc làm cho trên 20.000 lao động. Rất nhiều vùng đất trước đây gặp rất nhiều khó khăn như Tân Trường, Trừ Văn Thố, Lai Uyên... giờ đây được biết đến là vùng kinh tế trang trại phát triển trù phú làm thay đổi diện mạo nông thôn Bình Dương. Hiện nay, toàn tỉnh có 9 hợp tác xã nông nghiệp và 3.114 tổ kinh tế hợp tác. Các hợp tác xã thực hiện và triển khai một số loại hình dịch vụ như: tín dụng, tưới tiêu, cung ứng phân bón, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm,.... đã góp phần ổn định đời sống và nâng cao thu nhập cho các hộ xã viên.

Theo ông Nguyễn Thế Tâm - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: "Những thành công của ngành nông nghiệp đã cho phép định hình một ngành nông nghiệp hàng hoá. Việc triển khai nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các khâu sản xuất phải đi vào chuyên môn hoá, cơ giới hoá, trong đó có những đóng góp rất lớn của những doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp".

Vai trò của các doanh nghiệp trong phát triển nông nghiệp

Thực trạng sản xuất nông nghiệp của địa phương những năm trước đây luôn gặp nhiều khó khăn do người dân sản xuất không theo một định hướng cụ thể nào cả. Việc trồng loại cây nào, nuôi con gì chủ yếu là theo phong trào. Quy mô chăn nuôi theo kiểu hộ gia đình nên số lượng ít, chất lượng không đồng đều. Tuy vậy, đến nay, tình trạng này đã được khắc phục do ngành nông nghiệp Bình Dương đã thu hút được rất nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất - kinh doanh, tạo nên nhân tố mới, hướng sản xuất theo nhu cầu của thị trường dưới sự định hướng của các doanh nghiệp.

Tính đến năm 2001, ngành nông nghiệp Bình Dương đã thu hút được 297 doanh nghiệp ngoài quốc doanh với tổng vốn đầu tư 9.220 tỷ đồng, trong đó khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư 574 triệu USD. Các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư lớn nhất vào ngành nông

Giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1996 - 2001

Đơn vị: triệu đồng

Năm	1996	1999	2000	2001
Trồng trọt	725.864	891.316	927.398	968.524
Chăn nuôi	111.011	170.527	195.129	216.855
Dịch vụ nông nghiệp	19.642	21.355	21.686	21.954
Tổng số	***856.517***	***1.083.198***	***1.144.213***	***1.207.333***

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương

nghiệp, cụ thể là trong ngành chăn nuôi phải kể đến Công ty Nông Lâm Đài Loan (vốn đầu tư 52 triệu USD); Công ty Nông sản Đài Việt (vốn đầu tư 12,3 triệu USD).

Không chỉ bỏ vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp, nhiều doanh nghiệp, nhà máy chế biến nông sản cũng góp phần không nhỏ thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển. Một trong những minh chứng từ những tác động tích cực của doanh nghiệp vào ngành nông nghiệp, đó là trường hợp của Công ty Đức Thành. Ông Nguyễn Lâm Viên - Tổng Giám đốc Công ty Đức Thành cho biết: "Năm 1996, khi đến huyện Bến Cát để chọn mặt bằng xây dựng nhà máy chế biến nông sản là những mặt hàng như mít, xoài, khoai môn... công ty chúng tôi đã đầu tư nghiên cứu các loại giống cây có hiệu quả kinh tế cao cho người trồng, sau đó hướng dẫn kỹ thuật cho bà con và bao tiêu toàn bộ sản phẩm. Điều này đã tạo cho họ tâm lý thoải mái yên tâm tập trung cho sản xuất". Tương tự, Công ty Sữa Foremost ra đời và đi vào hoạt động đã có những tác động tích cực cho quá trình phát triển bò sữa của tỉnh Bình Dương.

Sự phát triển của các doanh nghiệp đã góp phần giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp và việc làm cho người lao động, tuy vẫn còn có sự chênh lệch khá lớn giữa các doanh nghiệp về trang thiết bị, máy móc, công nghệ. Sự gắn kết giữa nông dân và các doanh nghiệp cũng chưa nhiều, chưa chú ý đến nhu cầu chất lượng nông sản, cùng những yêu cầu của các nhà chế biến....

Những định hướng và giải pháp phát triển đến năm 2010

Nhằm xây dựng một nền nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, trong giai đoạn tới, ngành nông nghiệp Bình Dương cần thực hiện những định hướng sau:

1) Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn. Hoàn thiện các vùng chuyên canh sẵn có, mở thêm các vùng chuyên canh mới.

2) Gắn công nghiệp chế biến, sơ chế, dịch vụ tiêu thụ nông sản với các vùng chuyên canh tạo thế ổn định cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

3) Thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá trong sản xuất, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, các chuyên gia trong ngành nông nghiệp cho rằng, trong thời gian tới, Bình Dương cần thực hiện tốt những giải pháp sau:

1) Điều chỉnh lại quy hoạch nhằm chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn và giá trị cao. Trong đó, những chủng loại cây trồng khi được trồng tại Bình Dương phải phù hợp với môi trường sinh thái, tận dụng các tiềm năng tự nhiên, vừa phù hợp với nhu cầu của thị trường, vừa hình thành các vùng sản xuất hàng hoá lớn. Phát triển nhanh ngành chăn nuôi để dần đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính. Đối với lâm nghiệp, phải tập trung bảo vệ và làm giàu vốn rừng hiện có, thu hồi đất rừng đối với những chủ nhận khoán không có khả năng quản lý. Đối với thuỷ sản, tận dụng các ao hồ, đập và các trạm điện hiện có vào nuôi trồng thuỷ sản. Nhà nước hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng trong vùng bán ngập mở thêm diện tích nuôi trồng thuỷ sản.

2) Gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến thị trường. Trong đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phát huy tối đa vai trò cầu nối để tổ chức các đơn vị chế biến cao su, hạt điều, mía đường, chế biến trái cây, nhà máy giết mổ gia súc, chế biến sữa... ký kết hợp đồng giữa nông dân với các vùng chuyên canh.

3) Thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá và thuỷ lợi hoá để đến năm 2010 phấn đấu cơ khí hoá toàn bộ các khâu nặng nhọc trong canh tác nông nghiệp như làm đất, làm cỏ, bón phân, gieo hạt, vận chuyển vật tư, nông sản, bơm tưới nước cho các cây trồng cạn...

4) Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Tăng cường đầu tư nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến cho tất cả cây trồng vật nuôi có tỷ suất hàng hoá cao trong tỉnh nhằm hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh.

5) Quy hoạch và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

6) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn.

7) Thực hiện tốt một số chính sách làm động lực thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển.

8) Xoá đói giảm nghèo.

9) Thúc đẩy nâng cao đời sống văn hoá xã hội, phát triển nguồn nhân lực.

BINH DUONG AGRICULTURE

Toward Commodity Production

In recent years, together with the economic development pace, value from agriculture production in Binh Duong has also been maintained with rapid and stable growth. This evidence proved the appropriateness of the province's strategies in shifting crops structure from the short term and annual crops to perennial crops matching with the local ecological condition and in developing strongly cattle and poultry herbs orientating industrial breeding.

As a province located in the centre of southeast area with many important transportation routes, trading activities with large cities such as Ho Chi Minh city, Bien Hoa (Dong Nai) are conducted easily. The strong development of processing industry was regarded as an important incentive to push up the development of agriculture sector in Binh Duong. Moreover, the linkage of services on gathering agriculture products with local areas has turned Binh Duong into a key gathering location for agriculture products in southeast area. Since the farmers live in the cultural centre, the application of science and technologies progresses in agriculture production can be carried out easily. The increasingly improvement in agriculture and rural infrastructure brought high effectiveness to agriculture production. Especially, the participation of enterprises in agriculture sector has promoted this sector to change toward commodity production direction.

Satisfactory results

In period 1997 - 2001, Binh Duong agriculture sector achieved high results as agriculture structure has been changed dramatically and areas specializing in commodity production were constructed in conformity with the ecological features of the area and market demand. Furthermore, the department of Agriculture and Rural Development of Binh Duong has been rather successful in integrating agriculture production with the processing industry and sales. Value from agriculture production maintained with average increase of 5.2 percent pr year consisting of 4.4 percent per year from cultivation sector and 1.2 percent per year from liverstock breeding. Plant and animal structure changed dramatically toward commodity production direction. Many areas that were previously bare land, now have been covered with pepper, rubber and fruit trees plantations.

By the end 2001, there totaled around 58,000 hectares of annual planted trees and 121,000 hectares of perennial crops and nearly 1,800 farms of different types. In which, main types of trees were rubber (96,550 ha), cashewnut (12,883 ha) and fruit trees (more than 900 hectares). Area of rubber trees rose by 2,695 ha and of fruit trees by 3,303 ha compared to 1997. Though the acreage of cashewnut decreased by 5,000 hectares, a project on planting high productivity cashewnut trees has been being formulated. It means that though there was a decrease in acreage, total productivity of cashewnut is not reduced once the project is completed.

Tieu Dien Rubber

Husbandry has seen a rapid growth especially due to the change to industrial husbandry, with total pig herbs of 223,000 heads and 2.2 millions of chicken and more than 27,000 of cows. In comparision with 1997, the number of pig and dairy cow herbs has doubled. In which, Kim Long Company was the first unit to invest in large-scale livestock breeding. In 2001, the company has invested VND 20 billion in building stables and farms on an area of 20 hectares in Lai Uyen (Ben Cat) with 7.5 hectares of stables, and 4.5 of waste treatment area and crocodite raising area. The objective of Kim Long is to produce high quality SP Kim Long pig breeds that can compete in the market. Different from Kim Long, Dai Loi Liability Limited Company implemented project on breeding milk cow breeds with total investment of over VND 15 billion. The company's desire is within 4 years to introduce to the market 270 milk cow breeds and at the same time multiply the breeds for its cow herbs development program and to satisfy the demand of the market...etc.

The quick development in farm economy had a good impact on the agriculture and rural economy. After only 5 years, nearly 1,800 farms of different types were established using 18,300 ha and providing jobs to over 20,000 laborers. Many areas that previously faced with difficulties such as Tan Truong, Tru Van Tho, Lai Uyen...etc, now are known as developed farmstead economic areas helping change the face of rural areas in Binh Duong. At present, there are 9 agriculture cooperatives and 3,114 cooperative groups. These business entities are offering several types of services such as credit, irrigation, fertilizer supplying, technology transfer, product sale.....etc which help stabilize the life and increase income for member families.

According to Nguyen The Tam - Director of the Department of Agriculture and Rural Development "the achievements allows the sector to establish the commodity agriculture sector. The quick application of science and technology progresses including the specialization and mechanization in different processing steps should include the great contributions from enterprises that invested in agriculture"

Roles of enterprises in agriculture development

In the past years, agriculture production encountered with many difficulties as people carried out the production without following any concrete directions. The planting of trees or breeding of animals followed a movement. Livestock breeding was in family-scale, hence, the quantity was small and quality was uneven. However, this situation has currently been overcome because many enterprises were attracted to participate in business and production in agriculture sector, creating new factors under the direction of enterprises.

By 2001, the agriculture sector has attracted 297 state-owned enterprises with total investment capital of VND 9,220 billion. In which, investment capital of foreign invested enterprises was US$ 574 million. The largest investors are the 100 percent foreign invested enterprises such as Taiwanese Agro-Forestry Company in husbandry sector (with US$ 52 million in investment capi-

Agriculture production value in 1996 - 2001

Unit: million VND

Years	1996	1999	2000	2001
Cultivation	725,864	891,316	927,398	968,524
Husbandry	111,011	170,527	195,129	216,855
Agriculture services	19,642	21,355	21,686	21,954
Total	***856,517***	***1,083,198***	***1,144,213***	***1,207,333***

Source: Department of Agriculture and Rural Development of Binh Duong

tal) or Dai Viet Agriculture Products Company (with US$ 12.3 million).

A number of enterprises and processing factories not only invested in the sector but also contributed remarkably to promote the sector's development. Duc Thanh Company can be seen as an evidence for the active impact of enterprises on the sector. The General Director of Duc Thanh Company, Nguyen Lam Vien said: " In 1996 while coming to Ben Cat to select the site for construction of a factory to process agriculture production such as jackfruits, mangoes, potatoes....etc. we invested in studying types of trees that bring high economic value to the growers then gave technical instructions to them and ensure to buy back all the products. This made people feel ensured to concentrate in the production". Similarity, the establishment and operation of Foremost Milk Company brought active impact on the process of developing milk cow in Binh Duong.

The development of enterprises helped deal with problems of looking for output for agriculture products and jobs for laborers, however, there remained a big difference among enterprises in equipment, machinery and technologies. Moreover, there has been not much linkage between the farmers and enterprises and requirements for quality of agriculture products as well as of the producers have not been paid attention to.

Development directions and solutions to 2010

In order to build up an industrialized and modernized agriculture sector, an effective and sustainable and large commodity production one with high productivity, quality and competitiveness based on the application of advanced science and technology progresses to respond to domestic and export needs, in the coming period, following directions should be carried out by the sector:

1) Continue to change the agriculture structure toward large commodity production direction; complete the existing special agriculture zones and open the new ones.

2) Integrate the industries of processing, preliminary processing, agriculture products selling services with special agriculture zones to create stable foundation for both industrial and agricultural production.

3) Implement the mechanization, electrification, hydro-electrification in production; apply scientific achievements and modern technologies in agriculture production to enhance capacity, quality, effectiveness and competitiveness for agriculture products.

According to agriculture experts, in the coming time, Binh Duong should implement following solutions to achieve the above-mentioned objectives:

1) Re-adjust the plan to shift agriculture structure to commodity production in huge quantity and high value. In which, kinds of trees selected for farming in Binh Duong should comform to the eco-environment, market needs, use natural potential and can form large commodity production area. The breeding sector should be developed quickly to step by step turn it into main production sector. In forestry, attention should be paid to protecting and enriching the existing forests, taking forest land back from the owners who are incapable of controlling. In fishery, the available ponds, lakes, dams and power stations should be used for aquaculture production. The Government should provide supports in constructing infrastructure in semi-flood areas to expand aquaculture production area.

2) Integrate agriculture production with processing. The Department of Agriculture and Rural Development should play as much as possibly its role in helping rubber , cashewnut, sugarcane, fruit processing enterprises, slaughterhouse, milk processing factories to sign contract with farmers in special agriculture zones.

3) Carry out mechanization, electrification, hydro-electrification to achieve the objective of mechanizing all heavy steps in' agriculture production process such as land preparation, grass clearance, fertilizer adding, seed distribution, transportation of material and agriculture products, watering for on-land trees...etc

4) Apply technology and science achievements in agriculture production; increase investment in carrying out researches, applying, transferring advance science and technologies progresses for all types of plants and animals with high productivity to decrease product cost and enhance the competitiveness.

5) Plan and shift the rural economy structure toward the direction of quickly rising proportion of industries and services and reducing that of agriculture.

6) Build social and economic infrastructures in the rural area

7) Implement well some policies to create incentive to speed up agricultural and rural development

8) Eliminate hunger and reduce poverty

9) Enhance social and cultural life, develop human resources.

CÔNG TY NÔNG LÂM ĐÀI LOAN

Điển hình thành công trong ngành chăn nuôi FDI Bình Dương

Công ty Nông Lâm Đài Loan là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất trong ngành nông nghiệp tỉnh Bình Dương. Kết quả hơn 10 năm đầu tư tại Việt Nam có thể khẳng định: Đây là một dự án đầu tư hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích cho người nông dân.

Những người chủ công ty này vốn là những người có kinh nghiệm trong ngành chăn nuôi của Đài Loan, đã từng xây dựng thành công nhiều mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm tại nhiều vùng quê trên đất nước họ. Sự hấp dẫn của thị trường nông sản Việt Nam với khoảng 80 triệu dân đã khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành chăn nuôi đến với Việt Nam mà Nông Lâm Đài Loan là một trong số đó. Khi mới đến Việt Nam, Công ty Nông Lâm Đài Loan được thành lập dưới mô hình trang trại chăn nuôi lợn thịt, đặt tại xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng số vốn ban đầu là 38 triệu USD, trong đó vốn pháp định là 13 triệu USD.

Tổng Giám đốc Ông Chang Gi Li

Từ những bước đi đầu tiên

Tiền đầu tư lớn, sinh lợi không dễ dàng và khả năng thu hồi vốn chậm - là những đặc trưng khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là khi địa điểm đầu tư lại ở nông thôn. Điều này có nghĩa là chủ đầu tư phải tính toán kỹ lưỡng, chi tiết, đồng thời phải xây dựng một quy trình sản xuất khép kín, có khả năng "tự cung, tự cấp" mới có thể tiết kiệm chi phí nếu phải mua và vận chuyển nguyên liệu từ nơi khác đến.

Sau thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng, công ty đã quyết định dồn toàn bộ số vốn ban đầu "ném" vào đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từ khu văn phòng đến khu chuồng trại, nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, xử lý chất thải bảo vệ môi trường và cả khu ký túc xá dành cho công nhân. Trong đó, khu chuồng trại được thiết kế khoa học với nhiều loại chuồng khác nhau phù hợp cho từng loại vật nuôi như lợn nái, lợn giống, riêng lợn thịt lại được phân loại theo từng tháng tuổi tương ứng với từng giai đoạn phát triển. Nhà máy sản xuất thức ăn đặt ngay tại công ty có công suất khá lớn chủ yếu dành để sản xuất thức ăn cho đàn lợn của công ty. Hệ thống xử lý chất thải cũng được lên kế hoạch xây dựng ngay từ đầu, gồm nhà thiêu xác lợn chết, hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn. Một phần nước tiểu được đưa vào hầm xử lý làm phân bón hữu cơ và hầm biogas để phát điện, những chất thừa sau khi được xử lý bằng hệ thống yếm khí và hiếu khí đảm bảo tiêu chuẩn thải ra ao có thể thả cá. Sau khi đã hoàn tất cơ sở hạ tầng, công ty bắt đầu nhập lợn giống từ Đài Loan về nuôi.

Theo kinh nghiệm của Ông Chang Gi Li - Tổng Giám đốc Công ty Nông Lâm Đài Loan, để nuôi lợn thành công phải có 3 yếu tố cần thiết, đó là giống và thức ăn chăn nuôi phải tốt, khoa học kỹ thuật tiên tiến. Trên

quan điểm như vậy, toàn bộ 1.800 con lợn giống nhập vào đều là giống lợn hướng nạc (tỷ lệ nạc đạt tới 58%). Tiếp đó, công ty tiến hành tuyển nhân viên để đào tạo, hướng dẫn cách chăm sóc lợn.

Với phương pháp chăm sóc khoa học, những lứa lợn thịt đầu tiên xuất chuồng đã được thị trường chấp nhận, thậm chí cả những khách hàng khó tính nhất đến từ thành phố Hồ Chí Minh cũng rất hài lòng. Đây là những tín hiệu vui đầu tiên hứa hẹn sự thành công cho dự án đầu tư lớn này.

Quyết tâm gắn bó dài lâu với ngành chăn nuôi

Hạch toán sau mấy năm hoạt động, dù chưa thấy lợi nhuận, nhưng công ty vẫn quyết định xin điều chỉnh tăng vốn lên 52 triệu USD, trong đó tăng vốn pháp định lên 42,5 triệu USD để tiếp tục hoàn thiện và vận hành tốt hơn quy trình sản xuất, chăn nuôi nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao hơn. Nhờ đó, đàn lợn giống từ 1.800 con lúc ban đầu nay tăng lên 12.000 con (năm 2002), mỗi tháng trung bình bán 10.000 con, góp phần đưa doanh số của công ty tăng trưởng từ 8 đến 10%/năm, đạt mức doanh thu bình quân 1,4 triệu USD/tháng. Đời sống người lao động ngày càng ổn định với mức lương bình quân 1,2 triệu đồng/người/tháng.

Không chỉ thành công trong kinh doanh, do thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Công ty Nông Lâm Đài Loan đã được công nhận là đơn vị bảo vệ môi trường tốt nhất, đơn vị xử lý môi trường tốt nhất và đã nhận được chứng nhận vệ sinh môi trường của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường Bình Dương.

Với những thành tích đạt được, Công ty Nông Lâm Đài Loan đã trở thành điển hình thành công trong số các dự án đầu tư nước ngoài vào ngành nông nghiệp Bình Dương, được vinh dự đón các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về thăm như: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Huy Ngọ (năm 1998) và Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Công Tạn (năm 2000). Tổng Giám đốc công ty, khi báo cáo với Phó Thủ tướng, đã tự hào cho biết: "Năm 2001 là năm đầu tiên Công ty Nông Lâm Đài Loan thu được lợi nhuận. Trong những năm tiếp theo, công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn và nhiều kết quả tốt hơn".

Thời gian gần đây, công ty đã phối hợp với một số trường đào tạo nông lâm ở Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh đào tạo học viên, đồng thời tạo điều kiện để số học viên này làm việc thực tế ở công ty. Ngoài ra, công ty còn tổ chức một số cuộc hội thảo tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho nông dân, hướng dẫn cách làm chuồng trại và cách chăn nuôi. Bên cạnh đó, công ty cũng khuyến khích các hộ nông dân chăn nuôi lợn theo phương pháp khoa học bằng cách cung cấp giống và cử cán bộ hướng dẫn kỹ thuật.

Ông Chang Gi Li tâm sự: "Cái nghiệp của tôi từ lâu đã gắn bó với nông thôn. Tôi đến Việt Nam cũng mong được thấy nông thôn Việt Nam ngày càng phát triển, đời sống nông dân ngày càng được nâng cao, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Người nông dân Việt Nam chăm chỉ, chịu khó, đất đai ở đây màu mỡ, nhiều tiềm năng, tôi yêu đất nước và con người các bạn".

Xuất phát từ quan niệm đó, Công ty Nông lâm Đài Loan luôn là đơn vị đi đầu trong các chương trình hỗ trợ nông dân địa phương bằng các công trình phúc lợi xã hội, hỗ trợ phong trào thể dục thể thao, nuôi dưỡng trẻ mồ côi và ủng lộ đồng bào bị lũ lụt ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Toàn cảnh công ty

TAIWAN AGRO-FORESTRY COMPANY

The Typical Success of Binh Duong FDI Husbandry

Taiwan Agro-Forestry is the biggest 100% foreign-owned company in Binh Duong agriculture. The result of ten years investment in Vietnam has affirmed: this is an effective investment project bringing farmers lots of benefits.

The company's owners have much experience of husbandry in Taiwan and have succeeded in building models for livestock and poultry husbandry in many rural areas in their country. The attraction of Vietnam agricultural market with approximately 80 million people has stimulated foreign investors of husbandry to enter into Vietnam and Taiwan Agro-Forestry Company is one of them. When just starting the business in Vietnam, the company has established in the model of porker breeding farm, located at Lai Hung commune of Ben Cat district, Binh Duong province with the total initial capital of US$38 million of which legal capital of US$13 million.

From the first steps

The huge investment capital, uneasily making profit and slowly claiming money back are the features of agricultural investments, especially in rural areas. This means that the owner has to calculate thoroughly and concretely and make a close production procedure that can be "self- sufficient " so as to reduce cost if they have to buy and transport materials from other places.

After the thorough researches, the company decided to 'throw' all initial capital into infrastructure construction including offices, animal shelters and farms, animal feed factories, waste treatment system for environment protection and worker hostels. The animal shelters and farms have been scientifically designed with the varied kinds of sties suitable for each type of animal such as sows and breeding pigs. The porkers have been classified according to their age (months) as per the development period. The company has a factory producing feed for its pigs located in its area. The waste treatment system has been planned to build since the beginning, which consists of incinerators for dead pigs and the sewage and solid waste treatment system. Therefore, part of the pig's urine have been put into the treatment vault to make fertilizers and into the biogas vault to generate electricity, the redundant substance is treated with an aerobic and aerobic system to ensure standard before flowing into the ponds for fish raising. After completing the infrastructure, the company began to import breeding pig from Taiwan.

The Minister of Agriculture and Rural Development Le Huy Ngo visits the company

According to experience of Chang Gi Li- the General Director of Taiwan Agro-Forestry Company, there are three factors for the success of swine breeding such as: good breed, good feed and advanced science - technology. Therefore, all 1,800

imported breeders are swine for high percentage lean meat (about 58 percent). After that, the company has recruited employees to train and guide them the method on pig breeding.

With the scientific breeding method, the first herbs of porkers were excepted in the market, satisfying even the most demanding clients from Ho Chi Minh City. That was the first good news, promising success for the investment project.

For the long-term investment in husbandry

Although the profits have not been shown after some years of operation, the company still decided to ask for the capital increase to US$52 million in which the legal capital was up to US$42.5 million to better improve production and breeding process for higher economic efficiency. Thanks to the change, first herb of 1,800 breeding pigs has now increased to 12,000 heads in 2002; the average amount of 10,000 heads has been sold monthly. This has contributed to the increase of the company's revenue from eight to ten percent per year, reached average revenue at US$1.4 million per month. The employees' living is getting stable with the per capita income of VND1.2 million per month.

The company is not only successful in its business but also environment protection, Taiwan Agro-Forestry Company has been acknowledged as the company with best environment protection and treatment and granted the Certificate of Environment Hygiene by Binh Duong Department of Science, Technology and Environment.

With the outstanding achievements, Taiwan Agro-Forestry Company has become the typical success among foreign invested projects in Binh Duong agriculture. It was honored to be visited by the Party and State's leaders including the Minister of Agricultural and Rural Development - Le Huy Ngo (1998) and Vice Prime Minister - Nguyen Cong Tan (2000). The company's General Director proudly reported to the Prime Minister: "The year 2001 is the first year Taiwan Agro-Forestry Company has gained profits. In the coming years, the company will strive to attain higher growth rate and better results."

In recent years, the company has co-operated with some agro-forestry training schools in Binh Duong and Ho Chi Minh City to help the of these schools to practice. In addition, the company has also organized some workshops on technical training for the farmers to raise animal, build sties and farms. Moreover, the company has encouraged households to raise pigs in accordance with the scientific methods by providing breeds and sending technical experts to guide them.

Chang Gi Li released: "My job has been related to rural areas for long time. I came to Vietnam with the hope to see the Vietnam countryside develop; farmers' living standard will increasingly improve to shorten the distance between urban and rural areas. Vietnamese farmers are hardworking and laborious; land is fertile and potential. I love your country and people".

Based upon the opinion, Taiwan Agro-Forestry Company is always the leader of the farmer supporting progamme by building social welfare works, sponsoring sport movements, financing orphaned children and helping flood victims in Cuu Long delta.

Swine breeding farm

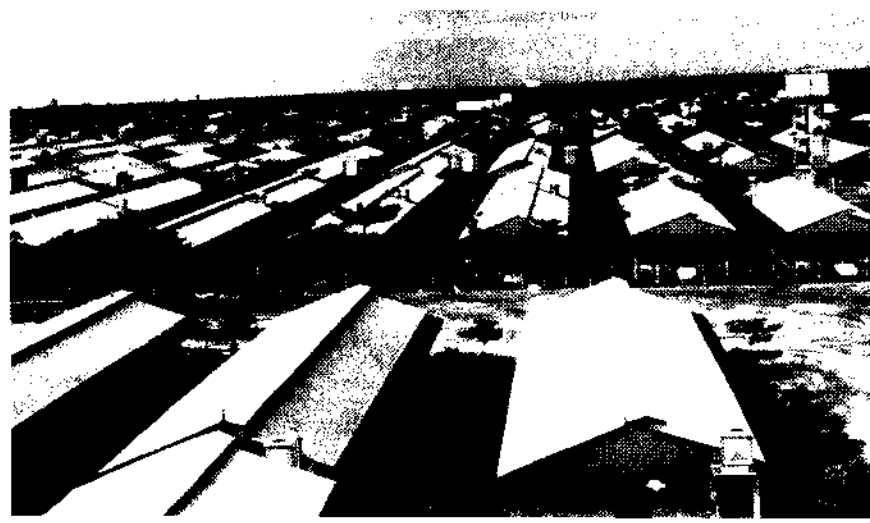

NGÀNH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BÌNH DƯƠNG

Tăng trưởng nhanh tương xứng với tiềm năng

Chiếm tỷ trọng 25,9% GDP toàn tỉnh, ngành thương mại - dịch vụ là ngành kinh tế lớn thứ hai và đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế Bình Dương.

Bình Dương là địa phương có ngành thương mại - dịch vụ khá phát triển so với các tỉnh khác trong khu vực miền Đông Nam Bộ. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong số 16 nhóm mặt hàng của cả nước lần đầu tiên thâm nhập vào thị trường thế giới thì Bình Dương có 6 mặt hàng chủ lực xuất khẩu gồm cao su, may mặc, giày dép, gốm sứ, vật liệu xây dựng và linh kiện điện tử, được xuất sang 35 nước, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Không chỉ có vậy, khi nhắc đến Bình Dương, nhiều người còn biết đến một số mặt hàng xuất khẩu khá nổi tiếng, mang đậm dấu ấn của vùng đất này như gốm sứ, sơn mài, hạt điều...

Những kết quả nổi bật của ngành

Điều đáng ghi nhận trước tiên trong hoạt động thương mại của Bình Dương những năm qua là đã hình thành được một thị trường thống nhất và ổn định. Cụ thể hơn, hàng hoá lưu thông được chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, giá cả được hình thành trên cơ sở giá trị và quan hệ cung cầu. Vì vậy, giá một số mặt hàng thiết yếu luôn ổn định, hàng hoá được tự do mua bán, thương nhân được tự do hoạt động theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức các phương thức kinh doanh có xu hướng ngày càng đổi mới phong phú, linh hoạt và đa dạng hơn, nhiều hàng hoá có khối lượng dồi dào, bao bì mẫu mã được cải tiến và chất lượng sản phẩm được nâng cao đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu.

Đội ngũ thương nhân ngày càng đông đảo. Thương mại nhà nước được sắp xếp lại đã thể hiện được vai trò nòng cốt ở những mặt hàng trọng yếu như xăng dầu, sắt thép, phân bón... Đặc biệt, kể từ khi Luật doanh nghiệp được ban hành và có hiệu lực từ 01-01-2000 đã tạo môi trường đầu tư thông thoáng cho các nhà đầu tư trong nước và môi trường kinh doanh bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Do đó, chỉ sau 2 năm (2000 - 2002), số hộ kinh doanh tăng 63% với lượng vốn tăng 89% và số doanh nghiệp tăng 92% với lượng vốn tang 86%.

Sở Thương mại - Du lịch đã phát huy vai trò là cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hoá, đồng thời mở rộng thị trường trong và ngoài nước, gia tăng xuất khẩu. Ngành cũng triển khai nhiều hoạt động dịch vụ như: vận tải, du lịch, đại lý bán hàng,... đến nay đã thu hút 173 doanh nghiệp và 875 hộ kinh doanh tham gia.

Hệ thống thương mại - dịch vụ nội tỉnh phân bố đều khắp trên địa bàn huyện, thị và các xã, thị trấn đã thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế với quy mô và hình thức khác nhau. Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Bình Dương, toàn tỉnh hiện có 49

Chợ Thủ Dầu Một - đầu mối giao thương quan trọng của tỉnh Bình Dương

Tổng mức hàng hoá bán buôn

Nguồn: Sở Thương mại Du lịch Bình Dương

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	1997	1998	1999	2000	2001
Tổng mức	4.442	5.544	5.061	6.627	8.210
Kinh tế nhà nước	1.876	1.978	2.080	2.574	3.011
Kinh tế tập thể	10,4	12.5	14,3	15	20,6
Kinh tế tư nhân, cá thể	2.418	3.359	2.790	3.801	4.869
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	137	195	178	237	309

chợ, trong đó có 3 chợ loại I, 13 chợ loại II và 33 chợ loại III. Cơ cấu phân bố mạng lưới thương mại đã có những bước chuyển biến tích cực: chợ, chợ đầu mối, điểm thu mua, đại lý mua bán hàng đang phát triển mạnh, đặc biệt ở khu vực thị xã Thủ Dầu Một, huyện Thuận An và Dĩ An, rồi đến các vùng tập trung nguồn nguyên liệu. Ví dụ như Công ty Becamex, hiện nay, công ty này đã tổ chức 35 điểm thu mua cao su tư nhân ở các huyện Phú Giáo, Dầu Tiếng, Bến Cát để phục vụ sản xuất cho nhà máy chế biến cao su ở Bù Chí; hay như Công ty Đức Thành và Tuyền Ký lại mua nông sản qua mạng lưới đại lý hưởng hoa hồng...

Theo số liệu của Sở Thương mại - Du lịch Bình Dương, tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng mức bán lẻ hàng hoá và thương mại dịch vụ thời kỳ 1997 - 2002 là 10,7%/năm. Tuy nhiên lại không đồng đều giữa các vùng: tập trung 80% ở các huyện phía Nam và 20% còn lại cho các huyện phía Bắc. Tổng mức hàng hoá bán buôn giữ tốc độ tăng trưởng cao hơn với 16,6%/năm. Điều đặc biệt là tỷ trọng của kinh tế nhà nước có xu hướng giảm dần và kinh tế tư nhân, cá thể lại có xu hướng tăng (bình quân 19,1%). Điều này chứng tỏ các thành phần kinh tế khác đã góp phần đáng kể trong lưu thông hàng hoá.

Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh, bình quân đạt 28,2%/năm. Trong đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước chiếm tỷ trọng từ 50% đến 52%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 48% - 50%. Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng sản phẩm công nghiệp chế biến tăng từ 57,7% (năm 1997) lên trên 70% (năm 2001); hàng nông sản giảm từ 31,9% (năm 1997) xuống 13,6% (năm 2001) và nhóm hàng thuỷ sản tăng từ 0,34% (năm 1998) lên 0,68% (năm 2001). Đồng thời, thị trường xuất khẩu cũng ngày càng mở rộng. Đến nay, các doanh nghiệp Bình Dương đã xuất hàng sang trên 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thị trường ổn định và tăng dần là Xingapo, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức, Italia và Mỹ.

Tổng kim ngạch nhập khẩu thời kỳ 1997 - 2001 tăng bình quân 25,1%/năm. Trong đó,

Tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ

Nguồn: Sở Thương mại - Du lịch Bình Dương

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Tổng số	Thương mại		Dịch vụ		Loại hình khác (%)
		Trị giá	%	Trị giá	%	
1997	3.042	2.276	74,9	588	19,3	5,8
1998	3.311	2.469	74,5	619	18,7	6,8
1999	3.520	2.59	73,6	140	3,9	2,5
2000	3.966	2.877	72,6	160	4,0	3,4
2001	4.566	3.287	71,9	173	3,8	4,3

Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu qua các năm

Nguồn: Sở Thương mại- Du lịch Bình Dương

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	1997	1998	1999	2000	2001
Kim ngạch xuất khẩu	363	363	430	530	704

Nhóm mặt hàng xuất khẩu

Nguồn: Sở Thương mại- Du lịch Bình Dương

Đơn vị: Tỷ đồng

Mặt hàng	1997	1998	1999	2000	2001
Hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp	209	223	294	357	505
Hàng nông sản	116	107	91	105	96
Hàng lâm sản	37	38	41	64	98
Hàng thuỷ sản	3	1	4	4	5

Tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu qua các năm

Nguồn: Sở Thương mại- Du lịch Bình Dương

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	1997	1998	1999	2000	2001
Kim ngạch xuất khẩu	305	366	418	534	749

Nhóm mặt hàng nhập khẩu

Nguồn: Sở Thương mại- Du lịch Bình Dương

Đơn vị: Tỷ đồng

Mặt hàng	1997	1998	1999	2000	2001
Tư liệu sản xuất	302	365	416	535	748
Hàng tiêu dùng và hàng thực phẩm khác	344	128	1.036	1.240	1.054

các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 68,8%, doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước chỉ chiếm 31,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Điều đó chứng tỏ nguyên liệu sản xuất trong nước đang từng bước thay thế hàng nhập khẩu. Hoạt động nhập khẩu đã đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá.

Về dịch vụ, nếu tính theo giá hiện hành thì tổng sản phẩm trên địa bàn thời kỳ 1997 - 2001 có mức tang trưởng bình quân 14,1%/năm. Các loại dịch vụ chủ yếu tập trung vào du lịch và các đại lý bán hàng, dịch vụ cho thuê, bảo trì, sửa chữa, đại lý uỷ quyền...

Định hướng và giải pháp phát triển thời kỳ 2001 - 2010

Thực hiện Nghị quyết VII Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VII, mục tiêu đến năm 2010 sẽ đạt cơ cấu GDP là công nghiệp 60% - 61%, dịch vụ 31% - 32%, nông nghiệp 7%

- 8%, trong đó, tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ là 13% - 14%. Như vậy, nhiệm vụ đặt ra cho ngành thương mại - dịch vụ là hết sức nặng nề. Với vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, ngành thương mại - dịch vụ Bình Dương phải là chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu thụ, đảm bảo cho lưu thông hàng hoá thông suốt, thị trường ổn định thống nhất, cân đối cung cầu về những mặt hàng trọng yếu cho sản xuất và đời sống, ngoài ra còn đóng vai trò định hướng sản xuất và hướng dẫn nhu cầu, cơ cấu tiêu dùng của xã hội.

Để hoàn thành nhiệm vụ, cũng như thực hiện thành công các chỉ tiêu đã đề ra, ngành thương mại - dịch vụ Bình Dương đã đề ra định hướng và giải pháp cụ thể. Theo đó, tiếp tục đầu tư mở rộng các loại hình dịch vụ cao cấp có khả năng thu hồi vốn nhanh như dịch vụ vận chuyển, bưu chính, viễn thông, ngân hàng, cho thuê tài chính, tư vấn,... để đến năm 2005 sẽ hình thành 8 khu siêu thị và các trung tâm thương mại Phú Hoà, Thương xá Công ty Xổ số Kiến thiết, Thuận An, Phú An, Dĩ An, Sóng Thần 1, 2, Bình Đường và Phú Giáo. Tập trung đầu tư cho Trung tâm Thương mại Thị trấn Lái Thiêu, Dĩ An, (gắn liền với 2 khu vực kinh tế công nghiệp sôi động của tỉnh), đồng thời là cầu nối giao lưu kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông. Bên cạnh đó, ngành thương mại - dịch vụ Bình Dương cũng đang triển khai xây dựng hệ thống chợ (theo quy hoạch là 14 chợ) ở các huyện, thị nhằm tiến tới xoá bỏ chợ tạm, cải tạo nâng cấp các chợ hiện hữu, phấn đấu mỗi cụm dân cư 10.000 dân xây 1 chợ, tạo cơ hội cho hàng hoá lưu thông đến tận người mua, người bán ở cả các thôn, ấp vùng xa.

Về xuất khẩu, ngành đặt ra mục tiêu tăng trưởng bình quân 25% - 26%/năm. Như vậy, để đạt được mục tiêu này, Uỷ ban nhân dân tỉnh sẽ tạo điều kiện đầu tư đổi mới 60% thiết bị công nghệ cũ, trang bị công nghệ hiện đại cho trên 80% xí nghiệp, từ đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể sản xuất được các sản phẩm công, nông nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao, giá trị kinh tế lớn như: điện tử, cơ khí chính xác, cao su, cà phê, nhân hạt điều, hạt tiêu, hàng may mặc, giày da, thủ công mỹ nghệ, gốm sứ và vật liệu xây dựng.

Đó là những nhiệm vụ to lớn mà ngành thương mại - dịch vụ Bình Dương phải phấn đấu thực hiện nhằm theo kịp xu thế phát triển chung toàn xã hội và đòi hỏi thiết thực của nền kinh tế Bình Dương.

BINH DUONG TRADE - SERVICES SECTOR

Rapid Development Matching Its Potentials

Accounting for 25.9 percent in the province's total GDP, the trade - services sector is considered the second largest economic sector playing a very important role in the economic development process of Binh Duong.

Binh Duong is the province with the trading and service sectors is more developed than others in the southeast. According to the statistics of the Customs General Department, among 16 groups of products that first entered in the world market, six key products including rubber, garments, leather, pot ceramics, construction raw materials and electronic accessories exported to 35 countries and territories in the world belong to Binh Duong. More than that, Binh Duong is also known for some famous export products such as porcelain and ceramics, lacquer painting and cashew nuts.

Significant achievements

The first remarkable achievement gained in the trading activities in Binh Duong during

Total wholesales volume of commodities

Source: Binh Duong Department of Trade and Services

Unit: billion VND

Years	1997	1998	1999	2000	2001
Total volume	4,442	5,544	5,061	6,627	8,210
State economy	1,876	1,978	2,080	2,574	3,011
Collective economy	10.4	12.5	14.3	15	20.6
Private and individual economy	2,418	3,359	2,790	3,801	4,869
Foreign economy	137	195	178	237	309

the past years is the establishment of a united and stable market. Particularly, the delivery of goods has been shifted from intensive planning mechanism to the market mechanism and price was formed according to the value and relation between supply and demand. Therefore, price of several essential commodities remains stable, trading of goods is free and traders can carry out their activities according to the laws and regulations. The organization of business activities has been increasingly improved and become more flexible and varied. The products have abundant quantity, improved designs and labels and quality satisfying the domestic and export requirements.

There is a rise in number of traders. Restructuring the State Trading system illustrated its key roles in key main products such as petroleum, iron, fertiliser...etc. In particular, the promulgation of the Law on Enterprises on the 1st January 2000 has created an opened investment environment for domestic investors and an equal business environment for different economic sectors. Thus, only after two years (2000 - 2002), the number of business households jumped to 63 percent with an increase of 89 percent in capital and number of enterprises went up to 92 percent with a 86 percent increase in capital.

The Trade and Services Department has developed its role of being a state management unit to create favourable conditions for different economic sectors to join in goods delivery, expand domestic and foreign market and increase export. Different service activities have also been conducted such as transportation, tourism, sales agent....etc which attracted the participation of 173 enterprises and 875 business households.

The distribution of local trade - services network in all districts, communes and towns has attracted the participation of different economic sectors in different scales and patterns. According to statistic released from Binh Duong's Statistic General Department, there are currently 49 markets

Total volume of retail sales and turnover of services

Source: Binh Duong Department of Trade and Services

Unit: Billion VND

Years	Total	Trade		Services		Others(%)
		Value	%	Value	%	
1997	3,042	2,276	74.9	588	19.3	5.8
1998	3,311	2,469	74.5	619	18.7	6.8
1999	3,520	2,59	73.6	140	3.9	2.5
2000	3,966	2,877	72.6	160	4.0	3.4
2001	4,566	3,287	71.9	173	3.8	4.3

Export turnover growth over years

Source: Binh Duong Department of Trade and Services

Unit: Billion VND

Years	1997	1998	1999	2000	2001
Export turnover	363	363	430	530	704

Group of export products

Source: Binh Duong Department of Trade and Services

Unit: Billion VND

Types of product	1997	1998	1999	2000	2001
Light industry and small industry products	209	223	294	357	505
Agriculture products	116	107	91	105	96
Forest products	37	38	41	64	98
Fishery products	3	1	4	4	5

Import turnover growth over years

Source: Binh Duong Department of Trade and Services

Unit: Billion VND

Years	1997	1998	1999	2000	2001
Export quota	305	366	418	534	749

Group of import products

Source: Binh Duong Department of Trade and Services

Unit: Billion VND

Types of product	1997	1998	1999	2000	2001
Production raw materials	302	365	416	535	748
Consumer goods and other foodstuff products	344	128	1,036	1,240	1,054

in the province with 3 in grade I, 13 in grade II and 33 in grade III. There has also been a positive change in trading network including markets, clue markets, sales and buying agents has been developing dramatically from Thu Dau Mot town, Thuan An and Di An districts to raw material gathering area. Becamex company, for instance, presently has 35 places to collect rubber from individuals in Phu Giao, Dau Tieng, Ben Cat districts to serve production of Rubber Processing Factory in Bu Chi or Duc Thanh and Truyen Ky Companies buy agricultural products through agents...etc.

According to the figure issued by the Binh Duong Trade and Service Sector, average growth rate of retail sales, trading and services in period 1997 - 2002 is 10.7 percent. However, the figure was different in different regions: 80 percent in the south and 20 percent in the northern provinces. The of wholesales still reached higher growth rate of 16.6 percent per year. Particularly, the proportion of state economy tended to decrease gradually while of private sector seemed to raise (with 19.1 percent on average) which proves that other economic sectors have made great contribu-

tions to commodity circulation.

Export activities sharply increased by 28.2 percent per year on average. In which, domestic invested enterprises accounted for 50 - 52 percent while the foreign ones took up for from 48 to 50 percent. There has been an active move in the structure of products for export. Ratio of processing industrial products raised from 57.7 percent (in 1997) to over 70 percent (in 2001), fishery products from 0.34 percent (in 1998) to 0.68 percent (in 2001); and agriculture products reduced from 31.9 percent (in 1997) to 13.6 percent (in 2001). At the same time, the export market have been increasingly extended. So far, enterprises in Binh Duong have exported products to more than 35 countries and territories, in which Singapore, China, Hong Kong, Taiwan, Japan, England, France, Germany, Italy and USA are considered as stable and potential markets.

Total import quota in period 1997 - 2001 increased by 25.1 percent per annum on average. Of which, foreign invested enterprises make up 68.8 percent and the domestic ones took up for only 31.1 percent of the total import quota. This figure proves that raw material for domestic production has gradually been replaced with the imported ones. Import activities have met requirements of developing production, renewing technologies, enhancing the product quality and competitiveness.

Regarding services, average growth rate of GDP in the province period 1997 - 2001 was 14.1 percent per year. The main services are tourism, sales agents, leasing, maintenance, repairing, authorised agent...etc.

Strategy and solutions to develop trade and services in period 2001 - 2010

Implementing the Resolution No. 7 Binh Duong's Party Committee session VII which targets until 2010 the GDP structure will be as follows : industry 60-61 percent, services 31 - 32 percent and agriculture 7-8 percent with an growth in services of 13-14 percent. Hence it is a really heavy task for trading and services sector. As having an important part in the economic development process, Binh Duong's trading and services sector should become a bridge linking production with consumption and ensuring good circulation of commodities, stable market, good balance between the supply and demand of key products for production and people's lives as well as playing the part of directing production, needs and consumption structure of the society.

To fulfil the assigned tasks as well as successfully implement the targets, Binh Duong Trading and Services sector has drawn out specific directions and solutions. According to those, the province will continue investing in expansion of high quality services that can quickly get back the invested capital such as services in transportation, post and telecommunications, banking, financial leasing, consulting....etc in order to establish eight supermarkets and trading centres Phu Hoa and Thuong Xa, Lottery Company, Thuan An, Di An Song Than No1 and No 2, Binh Duong and Phu Giao. Investment will be focused on Trading Centres in Lai Thieu Town, Di An, as these two centres are closely linked with two vigorous industrial economic zones of the province and are the bridge linking the province's economy with Ho Chi Minh City and the eastern provinces. In addition, Binh Duong Trading and Service Sector is formulating a market system (14 markets as planned) in districts and towns to eliminate temporary markets, upgrade the existing ones and try to have one market for every 10,000 people to help sellers and buyers in the remote areas have chance to receive goods.

In export, it is expected to gain the average growth rate of 25 - 26 percent per year. To achieve the target, the Provincial People's Committee will give favourable conditions in renewing 60 percent of the old technologies and equipment and buying advance technologies for more than 80 percent of enterprises to help produce high technique and valuable industrial and agricultural products such as electronics, precise mechanics, rubber, coffee, cashew nuts, pepper, garment, leather, fine art handicraft products, porcelains and ceramics and construction raw materials.

These are the important tasks that Binh Duong's Trading and Services sector has to strive for to catch up with the general development tendency of the society and practical requirements of Binh Duong's economy.

NGÀNH DU LỊCH BÌNH DƯƠNG

Hứa hẹn thay đổi bằng những dự án mới

Bình Dương có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khá thuận lợi cho ngành du lịch - dịch vụ phát triển. Những dự án mới đang được triển khai hứa hẹn nhiều sự thay đổi lớn, tạo bước đột phá cho ngành du lịch Bình Dương phát triển lên tầm cao mới.

Bình Dương được đánh giá là vùng đất trù phú, thiên nhiên đa dạng với nhiều địa danh mang đậm nét đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ vốn nổi tiếng khắp cả nước như vườn cây Lái Thiêu, Khu du lịch Núi Cậu - Hồ Dầu Tiếng, Núi Châu Thới. Bên cạnh đó, Bình Dương còn là nơi sản sinh nhiều di tích cách mạng như Nhà tù Phú Lợi, Địa đạo Tây Nam Bến Cát, cùng nhiều di sản văn hoá, lịch sử và công trình kiến trúc cổ nổi tiếng khác như Chùa Hội Khánh, Chùa Bà Thiên Hậu... Thêm vào đó, các làng nghề truyền thống gồm sứ, sơn mài, điêu khắc đã tạo cho Bình Dương một khung cảnh cổ kính và duyên dáng dù được mệnh danh là vùng đất công nghiệp đang trỗi dậy.

Những thành quả ban đầu

Phát huy những lợi thế sẵn có, ngành du lịch Bình Dương đã xác định hướng đi phù hợp và hài hoà giữa lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội. Do đó, khai thác và bảo vệ là hai nhiệm vụ mà ngành du lịch Bình Dương phải thực hiện song song vì một tương lai lâu dài.

Có thể nói, đến nay, Bình Dương đã cơ bản xây dựng được cơ sở ban đầu. Đó là hệ thống các khu du lịch, nhà hàng ở các khu đô thị và vùng trọng điểm như Khu du lịch Cầu Ngang, Hồ Bình An. Nhiều tuyến du lịch được khai thác đã tạo nên những cơ hội mới cho hoạt động kinh doanh lữ hành như tuyến đường sông Sài Gòn đi Bình Nhâm, An Định, An Sơn; tuyến đường bộ từ thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Bù Đăng tham quan các di tích lịch sử và tham gia các lễ hội của đồng bào dân tộc; tuyến về chiến trường xưa để chiêm ngưỡng các di tích văn hoá, lịch sử, thăm các làng nghề truyền thống... Cùng với khai thác các tuyến lữ hành, đến nay, Công ty Du lịch Bình Dương, đơn vị đầu mối, quản lý và điều hành kinh doanh ngành du lịch, đã mở rộng quan hệ hợp tác với hơn 30 đơn vị, ký kết hợp đồng với các

Du lịch lễ hội là một trong những thế mạnh của ngành du lịch Bình Dương

hãng du lịch nước ngoài của Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia,...

Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 78 đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, trong đó có 70 doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp phép, 8 nhà nghỉ do huyện, thị cấp phép với 1.828 phòng, trong đó có 2 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao. Thành phần kinh tế nhà nước chỉ có 4 đơn vị và 220 phòng, còn lại đều của doanh nghiệp tư nhân. Trong năm 2001 - 2002, một số đơn vị trong ngành đã đầu tư mở rộng với quy mô lớn có thể đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi giải trí cuối tuần của người dân trong và ngoại tỉnh như Làng du lịch Sài Gòn, Khu du lịch Phương Nam, Khách sạn Thiên Thai, Khách sạn Kim Sơn. Đa số các đơn vị này đều tập trung ở thị xã Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, vốn là những nơi có các khu công nghiệp phát triển.

Tuy vậy, ngành du lịch Bình Dương hiện vẫn chưa khai thác triệt để những tiềm năng hiện có. Nếu tính về lượng, số du khách có gia tăng nhưng không đáng kể. Năm 2002, lượng khách đến Bình Dương là 281.730 người, tăng 27,8% so với năm 1998. Trong đó, lượng khách du lịch nội địa đến Bình Dương vẫn chủ yếu từ thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận. Thêm nữa, phần lớn là du khách đến nhân dịp các lễ hội, nghỉ cuối tuần và vui chơi giải trí, thời gian lưu trú ngắn. Chẳng hạn như thăm vườn cây Lái Thiêu mùa trái chín vào dịp tết đoan ngọ, dịp đầu xuân lễ hội Chùa Bà Thiên Hậu,... Ngoài ra còn một lượng ít khách đi du lịch kết hợp với công tác, kinh doanh và khách vãng lai. Lượng khách quốc tế còn quá ít, đa số là khách của các văn phòng đại diện, các chuyên gia của các công ty nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh.

Bứt phá bằng những dự án mới

Để khai thác tối đa các lợi thế và tiềm năng hiện có, ngành du lịch Bình Dương đã đề ra định hướng khá chi tiết từ các khu du lịch đến các công trình văn hoá phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí nhằm phát triển các loại hình du lịch đến năm 2010. Theo đó, các điểm, khu du lịch sẽ được xây dựng thành một quần thể du lịch sinh thái văn hoá nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí hấp dẫn phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước ở Khu du lịch Núi Cậu - Hồ Dầu Tiếng. Riêng Khu du lịch Châu Thới - Bình An, tỉnh đang kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia phát triển khu du lịch này. Hiện nay, Công ty Thái Bình đang triển khai dự án đầu tư trên diện tích rộng 45ha phát triển du lịch ở khu vực gần hồ Bình An kéo dài đến gần chân núi Châu Thới. Dự án đầu tư cho Công viên nước Bình Dương giai đoạn 2 đang được Công ty Du lịch Bình Dương chuẩn bị triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, khu du lịch vườn cây Lái Thiêu - điểm du lịch hấp dẫn du khách nhất cũng thuộc diện được đầu tư, tôn tạo.

Các công trình văn hoá phục vụ vui chơi giải trí sẽ được quy hoạch để hình thành cụm du lịch, vui chơi giải trí, trong đó tại thị xã Thủ Dầu Một sẽ tiến hành quy hoạch công viên nước, công viên thị xã, nhà bảo tàng tỉnh, nhà văn hoá thiếu nhi, thư viện, nhà tù Phú Lợi, nhà kiến trúc cổ,... thành một cụm liên hoàn vui chơi giải trí phục vụ khách tham quan du lịch và các cháu thiếu nhi. Ngoài ra, tỉnh Bình Dương cũng có kế hoạch xây dựng một khu vui chơi giải trí ở huyện Tân Uyên với nhiều loại hình vui chơi, giải trí có tính hấp dẫn cao như trường đua ngựa (quy mô dự kiến khoảng 200ha), khu du lịch sinh thái Cù Lao Rùa, Cù Lao Bạch Đằng, Rừng chiến khu D,... Song có lẽ độc đáo hơn cả là đề án xây dựng các tuyến tham quan du lịch khu công nghiệp: VSIP, Sóng Thần I, Sóng Thần II, Đồng An - mô hình du lịch mà Nhật Bản đã rất thành công cách đây vài chục năm.

Cuối cùng, ngành du lịch Bình Dương cũng sẽ mở các tour du lịch mới tới các làng nghề truyền thống sơn mài, gốm sứ, gỗ điêu khắc với hai mục đích vừa kinh doanh vừa giới thiệu tới bạn bè gần xa những bản sắc riêng của tỉnh.

Mục tiêu kinh doanh của ngành du lịch Bình Dương từ nay đến 2005 sẽ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 16%/năm với doanh thu trên 120 tỷ đồng và gần 400 nghìn lượt khách. Trong giai đoạn tiếp theo 2006 - 2010, doanh thu du lịch sẽ tăng 17% - 20%/năm, đạt giá trị 270 tỷ đồng, số lượt khách tăng khoảng 12% - 15%, tương ứng với gần 700 nghìn lượt khách. Để đạt được mục tiêu này, ngoài việc tôn tạo, xây dựng các điểm du lịch, các công trình văn hoá đã được phê duyệt, ngành du lịch Bình Dương cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền quảng bá và xúc tiến du lịch; đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường khả năng phối hợp liên ngành, hoàn thiện cơ chế, chính sách và phát triển nguồn nhân lực.

BINH DUONG TOURISM

Promises to Change with New Projects

Binh Duong has favorable natural and socio- economic conditions for the development of tourism and services. The implementation of new projects promises Binh Duong great changes and makes a breakthrough for Binh Duong tourism to reach high level.

Binh Duong is regarded as a prosperous land with diversified nature and a number of place owning the specific features of the southeastern area that are famous in Vietnam such as Lai Thieu Garden, Cau Ho - Dau Tieng Mountain Tourism Area, Chau Thoi Mountain. Moreover, Binh Duong is an area of revolution relics such as Phu Loi Prison, Ben Cat southwestern Tunnel and many other famous cultural and historical heritages and old architectural works such as Hoi Khanh Pagoda and Ba Thien Hau Pagoda. Additionally, the traditional villages of pottery and ceramics, lacquer painting and sculpture make Binh Duong become an old and lovely picture though it is named as a flourishing industrial area.

Initial achievements

Taking available advantages, Binh Duong tourism has identified the direction with suitable and harmonious combination between social and economic benefits. Thus, the exploitation and protection are two tasks that Binh Duong tourism should be simultaneously for a long - tem future.

So far, the basic infrastructures in Binh Duong have been built. That is a system of tourism areas and restaurants in urban and key regions such as Ngang Bridge and Binh An Lake Tourism Areas. The exploitation of many tourism routes has created new opportunities for travel business. For example, the waterway from Saigon to Binh Nhan, An Dinh and An Son as well as by- land route from Ho Chi Minh city to Thu Dau Mau and Bu Dang allow travelers to visit historical interest and take part in festivals of ethnic minority people, or travelers can admire cultural and historical relics and the traditional handicraft villages through the route to the old battle fields. Together with exploiting travelling itineraries, Binh Duong Tourism Company in charge of the management and execution of tourism activities has developed further cooperation with more

Facilities and service qualities are decisive factors to the business effectiveness of Binh Duong Tourism

than 30 other companies, signed contracts with foreign tourism agencies of Singapore, Taiwan, China, Thai Lan and Malaysia.

To date, there are total 78 tourism services companies, of which 70 enterprises got licenses from Binh Duong Department of Planning and Investment and 8 guesthouses with 1,828 rooms including two-star hotels received licenses from the district and town's people committees. In the state owned sector, there are 4 enterprises and 220 rooms, the remaining are private enterprises. In period 2001 - 2002, some of the enterprises have invested in enlarging its operation to satify people's demands for entertainment during weaken such as Sai Gon Tourism Village, Phuong Nam Tourism Area, Thien Thai Hotel, Kim Son Hotel. Most of these enterprises are concentrated in Thu Dau Mot, Thuan An, Di An towns where Industrial Zones have been developed.

However, Binh Duong Tourism has not fully utilized all of its potentials. Regarding the quantity, the number of tourists has increased but it is not remarkable. In 2002, the number of travelers to Binh Duong reached 281,730 people making an increase of 27.8 percent compared with that of 1998. In which, Vietnamese visitors mainly come from Ho Chi Minh City and some other neighboring provinces. Furthermore, almost of the tourists come here on occasion of festival or relaxing during the weekend such as visiting Lai Thieu garden during the Tet's holiday, or festival in Ba Thien Hau Pagoda, so they stay there for a very short time. Apart from this, a small number of people come here for traveling and working at the same time and some are casual visitors. The number of foreign visitors is too small. Most of them are working for representative offices or experts of foreign companies located in the area.

Make a breakthrough with new projects

To utilize at most the available advantages and potentials, Binh Duong Tourism has set out a specific direction including for tourism areas as well as entertainment culture works in order to develop different tourism types until 2010. Following this, tourism places and areas will be grouped into an attractive entertainment, refreshment and cultural eco-tourism community in Cau Ho Mountain Tourism Area in Dau Tieng to welcome local as well as international visitors. For Chau Thoi - Binh An Tourism Area, the province is calling for investment in this area from different economic sectors. Currently, Thai Binh Company is conducting a project on investing in 45 hectares to develop tourism in area near Binh An Lake stretching to the foot of Chau Thoi Mountain. Project on investing in Binh Duong Water Park - second phase is going to be carried out by Binh Duong Tourism Company. Additionally, Lai Thieu Garden - the most attractive tourism area will also be invested and embellished.

Cultural work for entertainment will be planned to create a tourism and entertainment complex. Of which, in Thu Dau Mot town, a Water Park, town's park, provincial museum, Pioneer's Cultural House, libraries, Phu Loi prison and ancient architectural buildings will be grouped in an entertainment inter-complex for visitors and children. In addition, Binh Duong also planned to establish an entertainment area in Tan Uyen district with different kinds of attractive entertainment and amusement activities such as horse racing track (it is estimated around 200 ha), Rua Island eco-tourism Area, Bach Dang Island and D Base Forest. More specifically, a project on forming traveling tour in VSIP Song Than I, Song Than II, Dong An Industrial Zones - a tourism model developed successfully by Japan several decades ago will be started.

Finally, new tours to the traditional handicraft villages of lacquer painting, pottery and ceramic, wood sculpture will be established with two main objectives of doing business and introducing its specific features.

The objectives of Binh Duong Tourism up to 2005 is to obtain its average annual growth rate of 16 percent with the turnover of over VND 120 billion and around 400 turns of visitors. In the coming period 2006 - 2010, Binh Duong Tourism plans to increase the turnover by 17 - 20 percent per year of VND 270 billion, turns of visitors by 12 - 15 percent, equivalent to an increase of nearly 700 turns of visitors. To achieve the targets, apart from the embellishment and construction of tourism areas and cultural works that have been approved, the Binh Duong tourism should speed up further tourism dissemination and promotion activities and enhance the effect of the state management as well as the interdisciplinary coordination; complete policy mechanism and human resource development.

Giới thiệu một số địa danh du lịch Bình Dương

Bình Dương là một tỉnh tiếp giáp với thành phố Hồ Chí Minh và nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Không những thế, Bình Dương còn được thiên nhiên ban tặng nhiều danh thắng đẹp, kết cấu hạ tầng phát triển, đồng thời là một trong bảy khu vực ưu tiên phát triển du lịch của cả nước. Mỗi địa danh du lịch nơi đây, từ đặc điểm sinh thái hay văn hóa, di tích lịch sử đều mang đậm những nét đặc trưng của văn hoá du lịch miền Đông Nam Bộ.

1. Khu du lịch Vườn Lái Thiêu

Khu du lịch Vườn cây Lái Thiêu nằm trong hệ thống vùng du lịch Nam Bộ cách thành phố Hồ Chí Minh 30km, là khu vực đặc biệt có không khí trong lành, có điều kiện tiểu khí hậu rất tốt cho nghỉ dưỡng.

"Đêm nằm mười sáu trăng treo
Anh đóng giường lèo, cưới vợ Lái Thiêu"

Câu ca dao được lưu truyền nơi đây từ lâu đời đã nói lên mơ ước của bao chàng trai đối với vùng đất có những cô gái xinh đẹp, hồn nhiên và vùng trái cây trù phú nổi tiếng này - vùng đất đang trở thành khu du lịch miệt vườn, du lịch sinh thái nhiều triển vọng. Đến với Lái Thiêu khách có thể đi thăm vườn bằng hai đường: tản bộ để thưởng thức những loại cây trái đặc sắc như mít tố nữ, mang cụt, sầu riêng.... được tản bộ trên con đường đất đỏ, tàn cây rợp mát che kín đường đi, gió nhẹ thoảng hương thơm cây trái, hai bên đường là những vườn cây trĩu quả. Hoặc có thể đi theo kênh rạch cũng rất thuận tiện vì luôn có xuồng máy chờ sẵn và sẵn sàng ghé vào bất cứ điểm nào du khách yêu cầu. Đến với Lái Thiêu, du khách sẽ thực sự hoà mình vào thiên nhiên làm tiêu tan mọi phiền muộn.

2. Khu du lịch núi Châu Thới

Núi Châu Thới sừng sững như một ngọn tháp thiên tạo giữa một vùng đất bằng phẳng, cách thành phố Biên Hoà (Đồng Nai) chưa đầy 4km và cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20km. Trong một cuốn sách xưa, một vị học sĩ đã mô tả núi Châu Thới như một tấm bình phong che chắn các luồng gió dữ, điều hoà khí hậu cho cả vùng.

Khu vực núi Châu Thới nằm trong tổng thể không gian phát triển du lịch của tỉnh Bình Dương với những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, đất đai, cảnh quan thiên nhiên, là những nhân tố thuận lợi cho dự án khả thi xây dựng khu du lịch nơi đây.

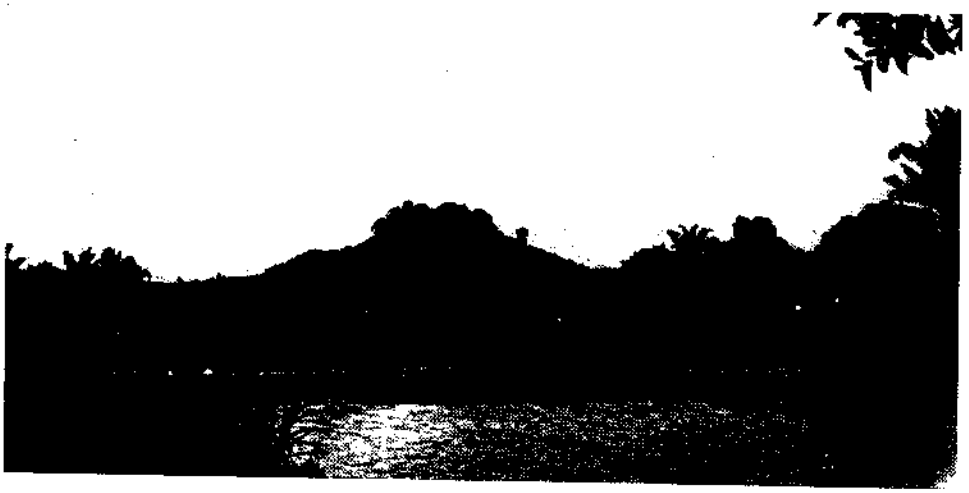

Núi Châu Thới

Với cảnh sắc thơ mộng, tươi mát, Châu Thới cùng với suối Lồ Ô, hồ Bình An gần đó là một quần thể du lịch hấp dẫn thuộc xã Bình An, huyện Thuận An. Chùa và núi Châu Thới không những là thắng cảnh thiên nhiên đẹp mà còn là nơi lưu giữ những di vật văn hoá cổ đậm đà bản sắc dân tộc cho thế hệ mai sau.

3. Khu di tích lịch sử địa đạo tam giác sắt Tây Nam Bến Cát

Khu di tích lịch sử địa đạo tam giác sắt Tây Nam Bến Cát thuộc 3 xã An Điền, An Tây và Phú An huyện Bến Cát. Dưới lòng đất nơi đây là những dấu tích quý báu về lịch sử chiến tranh, đó là mạng lưới địa đạo với chiều dài 30km - một phương tiện kỳ diệu đồng thời là biểu tượng cho ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Hiện nay, Bình Dương đang xây dựng đề án quy hoạch khu di tích này bao gồm khu bảo tồn và trung tâm di tích, khu dịch vụ du lịch, khu động vật, khu sưu tầm thực vật và khu giải trí. Việc quy hoạch này nhằm mục đích gìn giữ và tôn tạo một cách hợp lý để vừa bảo vệ vừa nâng cao giá trị lịch sử của các di tích địa đạo cùng với cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng của quân dân ta từng diễn ra ở đây.

4. Khu di tích nhà tù Phú Lợi

40 năm về trước, cả nước Việt Nam sôi sục căm thù vì hành động giết người hàng loạt theo kiểu phát xít của chế độ Mỹ - Diệm tại nhà tù Phú Lợi. Cái chết bi thảm của hàng trăm tù nhân bị đầu độc đã làm chấn động dư luận thế giới. Lịch sử Việt Nam đã sang trang mới, nhưng những con người xứ sở này sẽ không bao giờ quên được nỗi đau thương ấy.

Ngày nay, khu trại giam nhà tù Phú Lợi còn lưu giữ những hiện vật, những lời kể của các nhân chứng có tác dụng giáo dục rất lớn đối với thế hệ mai sau. Hiện nay, 12ha đất thuộc khu trại giam Phú Lợi ngày xưa đã và đang được tôn tạo thành công viên cây xanh, làm nơi vui chơi, giải trí. Những dấu tích đau thương còn lại ở nơi đây sẽ giúp người dân hiểu thêm giá trị của cuộc sống yên bình ngày nay.

Nhà tù Phú Lợi

Nằm cách trung tâm thị xã Thủ Dầu Một khoảng 3km, khu di tích lịch sử nhà tù Phú Lợi là một trong những địa điểm dừng chân của du khách trong những tua du lịch văn hoá - lịch sử.

5. Quần thể hồ Dầu Tiếng, núi Cậu - tiềm năng lớn về du lịch

Hồ Dầu Tiếng là một biển nước mênh mông do con người tạo ra từ công trình thuỷ lợi. Với diện tích rộng trên 27.000ha và 1,5 tỷ m^3 nước, hồ không những có khả năng tưới cho hàng trăm ngàn ha đất trồng mà còn là một vùng cảnh quan du lịch hấp dẫn. Hồ Dầu Tiếng ở xa khu dân cư nên nước hồ khá trong và sạch. Những ngày trời nắng đẹp, mặt hồ ánh lên màu xanh biếc, sâu thẳm. Dãy núi Cậu sừng sững trải dọc bên hồ tạo nên bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, sơn thuỷ hữu tình. Trong vùng hồ, các đảo Xín, đảo Trảng, đảo Đồng Bò là những nét chấm phá của bức tranh hồ Dầu Tiếng. Đồi Thơ thoai thoải đứng cạnh rừng nguyên sinh sát bên hồ cũng là một mảng đẹp quyến rũ trong bức tranh toàn cảnh. Quanh bờ hồ còn có những thảm cỏ xanh mướt xen lẫn với những cây hoa dại đủ màu sắc.

Trên núi Cậu có chùa Ông, ở đây trông xuống vùng hồ sẽ thấy khung cảnh thật tráng lệ. Nằm trong rừng cao su gần núi Cậu là hồ Cầu Nôm, nước cũng trong xanh, không khí ở đây trong lành mát mẻ, tĩnh mịch tạo nên một quang cảnh thiên nhiên tuyệt diệu, là một vùng du lịch hấp dẫn.

Introduction of Some Tourist Sites in Binh Duong

Binh Duong is a province adjacent to Ho Chi Minh City and located in the key economic zone in the South. More than that, Binh Duong is naturally endowed with many beautiful landscapes and developed infrastructure and it is one of the seven localities in Vietnam given with priority in developing tourism. The ecological or cultural characteristics and historical relics of each tourist area here bear specific features of tourism culture in the Southeast region.

1. Lai Thieu Garden Tourism Area

Lai Thieu Garden Tourism Area stays in a system of Southeast tourism area, which is 30 km away from Ho Chi Minh City. It is a special place with fresh air, and very good climate condition for refreshment.

"In the full-moon night
Making a new bed to get married with a Lai Thieu girl"

The old folk song sentence about this area expresses the desire of many fellows about the land with beautiful and simple girls, of famous potential fruits - the prospective land for countryside tourism and eco-tourism. Visitors can come to Lai Thieu by two ways: going on foot to enjoy special types of fruits such as special jackfruits, mangosteens, rambutans...etc, walking on the roads under tree shadows to enjoy light wind with fruit smells and trees heavy with fruits along two sides or going along the canals which is also very convenient as the boats are always available and ready to stop at any points if required. Come to Lai Thieu, visitors will feel to be integrated with the nature that makes every sorrow goes away.

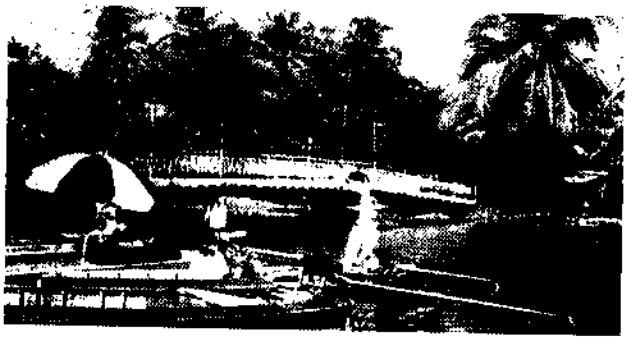

Lai Thieu Garden

2. Chau Thoi Moutain Tourism Area

Chau Thoi Mountain stands majestically like a tower created by God in the centre of flat land which is nearly 4km away from Bien Hoa city (Dong Nai) and around 20km away from Ho Chi Minh city. In an old book written by a university graduate, Chau Thoi Mountain is described as a screen to prevent severe wind flows and regulate climate for the whole area.

Chau Thoi Mountain is situated in the tourism development complex of Binh Duong with favourable conditions in geographical area, land, and natural sightseeing for the implementation of a feasible project on creating a tourism area here. With romantic and fresh landscapes, Chau Thoi together with Lo O river and Binh An lake nearby is regarded as an attractive tourism complex of Binh An commune, Thuan An district. Chau Thoi Church and Mountain are not only beautifully natural landscapes but places that preserve ancient national cultural relics for the next generations.

3. Ben Cat Southwestern Iron Triangular Tunnel Historical Area

Ben Cat Southwest Iron Triangular

Tunnel Historical Area belongs to the three communes of An Dien, An Tay and Phu An in Ben Cat district. There, in the underground, can be found precious historical remains of the war. That is a net work of 30km-long tunnel - a magic means and a symbol for the indomitable wills of Vietnamese peoples during the struggle against the America. At present, Binh Duong is formulating a project on planning this vestige with areas for conservation, relics center, tourism services, animals, plants collection and entertainment. This plan aims at maintaining and embellishing in a properly way to protect and at the same time enhance historical value of the tunnel vestige and the fight with fortitude of our people and troops.

4. Phu Loi Prison Relic Area

40 years ago, the whole Vietnamese nation was seething with hatred for the mass murderers in the fascist way of the America - Diem regime in Phu Loi prison. The tragic deaths of hundreds of prisoners because of poison stirred in the world opinion. The history of Vietnam has opened new pages, but people in this land will never forget that deep grief.

At present, there, in Phu Loi prison, can be found objects and words of witnesses that will have great educational effects on the future generations. The 12 hectares of land in Phu Lao prison has been being embellished into a green park to serve people's needs of enjoyment and entertainment. The tragic remains here will help people understand better the value of the peaceful life as today.

Situated around 3km away from Thu Dau Mot town, Phu Loi prison historical relic is seen as a place for visitors in historical and cultural tourism tour to make a stop.

5. Dau Tieng Reservoir, Cau Mountain Complex - great potential for tourism

Dau Tieng Reservoir is a vast sea of water created by people from a hydraulic structure. Covering on an area of 27,000 hectares with 1.5 billion cu.m of water, the reservoir can not only provide water for hundred thousands of hectares of cultivation land but also becomes an attractive location for tourism. As the reservoir is located far away from the residential area, the water is relatively clean. In beautiful sunny days, surface of the reservoir is reflected with a very deep and emerald blue colour. Moreover, the range of high Cau Mountain along the reservoir forms an impressive natural picture with charming mountain and water. Xin, Trang and Dong Bo islands in the reservoir form sketchy lines of Dau Tieng Reservoir picture. The slopingly Tho Hill standing next to the primitive forest closed to the reservoir is also an attractive feature in the panoramic picture. The reservoir is surrounded with green grass carpets mixed with coulourful wild flower trees.

There is Ong church in Cau Mountain where visitors can admire the magnificent landscape of the whole reservoir area. Located in rubber forest near Cau mountain is Cau Nom Lake where visitors can find clean water, fresh air and quiet environment, which create a wonderful natural landscape and attractive area for tourism.

Cau Mountain Pagoda

SỞ TÀI CHÍNH VẬT GIÁ BÌNH DƯƠNG

Nỗ lực phục vụ sự nghiệp đổi mới địa phương

Từ chỗ phải dựa vào trợ cấp của ngân sách Trung ương, đến nay, Bình Dương đã trở thành một trong năm địa phương góp phần lớn cho ngân sách Trung ương. Có được thành tựu này, ngành tài chính Bình Dương đã không ngừng củng cố và hoàn thiện để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Là cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực tài chính, giá cả, ngành tài chính Bình Dương đã tập trung nghiên cứu đổi mới trong quản lý và điều hành ngân sách, thực thi các chính sách kinh tế - tài chính, cân đối thu chi hợp lý. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng dần, hệ thống ngân sách các cấp được xây dựng và hoàn thiện nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, ổn định đời sống xã hội, giữ vững an ninh trên địa bàn và đóng góp ngày càng cao cho ngân sách Trung ương.

Những thay đổi đáng mừng trong hoạt động thu chi

Hàng năm, căn cứ vào dự toán thu chi ngân sách được Chính phủ và Bộ Tài chính giao, Sở Tài chính - Vật giá Bình Dương đã chủ động phối hợp với các ngành liên quan rà soát lại khả năng khai thác nguồn thu trên địa bàn để tham mưu cho Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh, lập kế hoạch phấn đấu thu chi cao hơn mức dự toán Trung ương giao. Tốc độ tăng trưởng thu chi ngân sách bình quân thời kỳ 1997 - 2001 đạt khá. Trong đó, thu ngân sách tăng 19%. Một số nguồn thu tăng khá do tăng trưởng kinh tế mang lại. Chẳng hạn, thu từ khu vực kinh tế quốc doanh tăng 12%, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 25%, thu từ kinh tế ngoài quốc doanh tăng 10%. Trong khi đó, chi ngân sách địa phương cũng tăng 21%. Cơ cấu chi ngân sách ngày càng phù hợp hơn, theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển (chi xây dựng cơ bản tăng 34%) và chăm sóc con người, chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo (tăng 22%), chi y tế (tăng 21%), giảm tỷ trọng chi thường xuyên, trong đó chủ yếu giảm tỷ trọng chi quản lý hành chính (chỉ tăng 7%).

Vốn ngân sách đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương. Sự thay đổi về kết cấu hạ tầng tại địa phương trong thời gian qua là một minh chứng về kết quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách. Chính vì vậy, ngành tài chính Bình Dương đã tích cực áp dụng các biện pháp nhằm thực hiện thu đúng và thu đủ trong mọi lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn này. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách, ngành tài chính Bình Dương đã tích cực phối kết hợp các nguồn vốn khác như vốn chương trình mục tiêu, vốn vay từ quỹ hỗ trợ phát triển, vốn vay từ Kho bạc Nhà nước, các nguồn vốn hỗ trợ của các Bộ Y tế, Bộ Giáo dục - Đào tạo, vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ, vốn nhân dân đóng góp,... với tổng nguồn thu hàng năm lên tới hàng trăm tỷ đồng, phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Một thành tựu nổi bật khác mà ngành tài chính Bình Dương đã đạt được là xây dựng và hoàn thiện các cấp ngân sách từ tỉnh đến huyện, xã, phường, thị trấn, tạo thế chủ động trong điều hành của chính quyền các cấp, gắn với năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành ở từng thời kỳ, phù hợp với chính sách tài chính, nhất là Luật ngân sách nhà nước. Trong công tác quản lý, ngành đã phối hợp tốt với Kho bạc

Nhà nước trong việc giám sát và kiểm soát chi tiêu ngân sách; thực hiện cơ chế thẩm định giá, thẩm định quyết toán mua sam, sửa chữa, trang bị tài sản ở các cơ quan hành chính sự nghiệp; tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hàng tỷ đồng mỗi nam, góp phần đưa công tác quản lý tài sản công tiến dần đến mục tiêu "tiết kiệm, hiệu quả, công bằng".

Bình Dương còn là địa phương sớm thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16-1-2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước. Theo đó, ngành tài chính Bình Dương đã tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh áp dụng chế độ tài chính cho 29 đơn vị sự nghiệp có thu trong đó có 5 đơn vị tự trang trải kinh phí, đồng thời khoán biên chế và kinh phí hành chính cho 17 cơ quan hành chính khối tỉnh, 42 cơ quan hành chính khối huyện thị nhằm quản lý sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước.

Một lĩnh vực khác cũng giữ vai trò khá quan trọng, ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, đó là thực hiện tốt các chế độ thông tin và dự báo giá cả thị trường, quản lý chặt chẽ giá cả các loại hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá trên địa bàn, góp phần kiềm chế lạm phát và ổn định giá cả. Ngoài ra, Sở Tài chính - Vật giá còn tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách về giá, phương án đền bù giá trị tài sản, công trình, đất đai thoả đáng, khiến công tác giải phóng mặt bằng diễn ra nhanh chóng, từ đó tiến độ thi công các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình sản xuất, kinh doanh luôn được đảm bảo, tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, sở đã xử lý linh hoạt các cơ chế, chính sách tài chính mới, quản lý tốt hơn vốn và tài sản của hệ thống doanh nghiệp nhà nước. Qua đó, các doanh nghiệp có cơ hội phát huy và thực hiện quyền chủ động sản xuất - kinh doanh, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, thực hiện chế độ kế toán mới, gắn công tác kiểm toán độc lập với kiểm toán nội bộ, công khai tài chính. Đồng thời, sở cũng tham mưu cho tỉnh trong công tác đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và tiến hành cổ phần hoá một số doanh nghiệp này. So với năm 1995, số doanh nghiệp giảm 1/3 nhưng doanh thu tang 30%, nộp ngân sách tang 300%.

Không ngừng hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới

Với vai trò là cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về mặt tài chính, Sở Tài chính - Vật giá Bình Dương giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tổng quát của tỉnh giai đoạn từ nay đến năm 2010. Để giữ vững được tốc độ tang trưởng kinh tế của tỉnh đến năm 2010 là 11% - 13%, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư phải tang đáng kể. Bởi từ thực tế phát triển trong những năm qua cho thấy, một mặt do các cơ hội tăng trưởng dễ dàng đang giảm dần, mặt khác do trình độ công

Thu chi ngân sách qua các năm (1996 - 2002)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	Tốc độ tăng %
Tổng số thu ngân sách nhà nước	674	817	860	928	1.182	1.648	2.056	121%
Tổng số chi ngân sách địa phương	293	409	422	570	703	888	1.033	124%
Tỷ trọng xây dựng cơ bản trong tổng chi ngân sách	26%	27%	38%	36%	40%	45%	45%	

Nguồn: Sở Tài chính - Vật giá tỉnh Bình Dương

Nhu cầu về vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội (1998 - 2005)

Đơn vị: tỷ đồng

Nhu cầu vốn đầu tư	Thời kỳ			Vốn bình quân		
	1998-2000	2001-2005	2006-2010	1998-2000	2001-2005	2005-2010
Công nghiệp và xây dựng	2.227	6.804	12.676	742	1.361	2.535
Nông - lâm - ngư nghiệp	266	517	590	89	103	118
Tổng cộng	*3.466*	*10.685*	*20.297*	*1.155*	*2.137*	*4.059*

Nguồn: Sở Tài chính - Vật giá tỉnh Bình Dương

nghệ, chất lượng sản phẩm của các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ phải được nâng lên, nên nhu cầu đầu tư ngày càng cao. Theo dự báo, hệ số đầu tư của tỉnh trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 tăng khoảng 3,7 - 3,9 lần, trong đó vùng quy hoạch kinh tế trọng điểm phía Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tương ứng là 3,45 - 3,5 lần.

Như vậy, nhu cầu vốn đầu tư để kinh tế Bình Dương đạt được những mục tiêu đề ra không phải nhỏ, nhưng theo Ông Nguyễn Ngọc Cảnh - Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá Bình Dương: "Nhu cầu này vẫn có thể thực hiện được nếu có những chính sách, cơ chế để khai thác nguồn vốn trong và ngoài tỉnh cũng như thu hút vốn đầu tư nước ngoài". Cụ thể ngành sẽ triển khai tập trung các nguồn vốn cơ bản sau:

1. Vốn ngân sách tỉnh được huy động trên cơ sở tăng trưởng kinh tế, quan điểm khuyến khích đầu tư của Nhà nước, tình hình áp dụng các luật thuế mới và sự điều chỉnh cơ chế thu hiện hành của Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, tỉnh sẽ đẩy mạnh phát triển sản xuất - kinh doanh để tăng nguồn thu, nâng cao tỷ lệ chi ngân sách cho tích luỹ đầu tư giai đoạn 2001 - 2005 đạt 41%, giai đoạn 2005 - 2010 là 42% - 45%.

2. Tạo vốn đầu tư thông qua vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng; cải tiến thủ tục cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho vay đầu tư phát triển sản xuất, đồng thời tư vấn, hỗ trợ cho các cá nhân và tổ chức có nhu cầu đầu tư phát triển.

3. Tạo vốn đầu tư thông qua hoạt động cho thuê tài chính bằng việc mở rộng phương thức cho thuê, mua tài sản cố định thay vì vay tín dụng ngân hàng để đầu tư. Việc cho thuê tài chính giúp cá nhân và đơn vị có thể tiến hành đầu tư nhưng không cần bỏ nguồn vốn lớn.

4. Huy động từ dân và doanh nghiệp bằng cách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển các doanh nghiệp tư nhân, triển khai tốt Luật đầu tư trong nước, đẩy mạnh phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu...

5. Huy động từ quỹ đất đai, xây dựng quy hoạch đất đai thuộc sở hữu nhà nước, tiến hành cho thuê đất đối với các cá nhân hoặc các công ty kinh doanh nhà đất và thu tiền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước.

6. Huy động vốn bên ngoài bằng các hình thức vay vốn tín dụng và vay vốn nước ngoài; tranh thủ vốn ODA của Nhà nước, tài trợ quốc tế; sử dụng các hình thức thu hút vốn bao gồm hợp tác kinh doanh, liên doanh, đầu tư 100% vốn nước ngoài, BOT...

7. Tiếp tục phát triển quỹ đầu tư phát triển của tỉnh với chức năng là tổ chức tài chính trung gian chuyên cung ứng và điều phối các nguồn tài chính cho nhu cầu đầu tư các dự án ưu tiên, nhất là đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng.

Đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới, ngành tài chính Bình Dương không ngừng hoàn thiện, tăng cường công tác tổ chức cán bộ - là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đem lại hiệu quả thiết thực. Hiện trên 90% cán bộ của ngành có trình độ đại học chuyên ngành, có kỹ năng tin học, biết ngoại ngữ, vững vàng trong xử lý công việc. Toàn ngành tài chính - vật giá Bình Dương đang phấn khởi thi đua xây dựng "nhiều đơn vị tài chính tốt, nhiều cán bộ tài chính tốt và nhiều việc quản lý tài chính tốt" mà Bộ trưởng Bộ Tài chính đã phát động.

BINH DUONG FINANCE AND PRICING DEPARTMENT

Attempts to Serve Renovation Process in the Province

From a province that had to depend upon the central budget, now Binh Duong has become one of five provinces making a great contribution to the central budget. This achievement is the result of the constantly consolidation and improvement of Binh Duong Finance Sector in successfully fulfilling the assigned tasks.

As an agency of the Provincial People's Committee specialized in financial and pricing aspect, Binh Duong Finance Department has focused on doing research to enhance the budget management and execution, carrying out financial-economic policies, making good account balance. The proportion of the expenditure for development investment is increasing, budget system at different levels is formulated and improved to mobilize as much as possible potential sources for the accomplishment of the political tasks, economic development, social stabilization and security guarantee in the locality as well as contribute more to the central budget.

Positive changes in income and expenditures

Every year, based on the income and expenditure budget plan made by the Government and Ministry of Finance, Binh Duong Department of Finance and Pricing has taken the initiative in coordinating with related departments to look for the possibilities of getting income in the local area to give advices to the Provincial People's Council and People's Committee in formulating a higher income and expenditure budget plan. The average growth rate of budget income and expenditure in 1997 - 2001 period was relatively high, budget income increased by 19 percent. Some other sources of income rose considerably due to economic growth. For instance, income from state economic sector went up by 12 percent, from foreign invested sector by 25 percent and from the non-state sector by 10 percent. Meanwhile, local budget expenditure also increased by 21 percent. Budget expenditure structure is becoming more appropriate toward the direction of increasing proportion for development investment (basic constructions raised by 34 percent) and people health care, education and training (22 percent), public health (21 percent) and decreasing regular expenditures mostly for administrative management (rose only 7 percent).

Budget capital plays a very important role in the social - economic development process of Binh Duong. The changes in infrastructure in the area over the past few years are an evidence of utilizing investment capital from the Government budget. Therefore, Binh Duong Finance Sector has actively applied different measures to collect for the budget exactly and enough in all sectors to meet the needs of using the capital. Apart from the central budget, Binh Duong Finance Sector has actively cooperated with other sources of capital such as loans from the target programs, development assistance funds, State Treasure and assistance sources from Ministry of Health, Ministry of Training and Education; non-refunded aids from non government organizations and contributions of the local poeple. This income totals hundreds of billions of VND per year, which help effectively serve the socio - economic development in the province.

Another outstanding achievement of Binh Duong Finance is that a budget system at all levels from province to district, commune, ward and town was formulated and finalized to create initiatives for the management activities of local authorities at all levels integrated with management capability and effectiveness in different periods and suit financial policies, specifically

the Government Budget Law. In management work, the Department has coordinated with State Treasury in supervising and controlling budget expenditures; carrying out appraisal of price and equipment, assets procurement and repairs balance in administration bodies. Each year the department saves billions of VND for government budget helping the management of state assets achieve the objective of "economical, effective and equal".

Binh Duong is also a province that implement quickly Decree No. 10/2002/NĐ-CP on 16 January 2002 of the Government on the financial regime for administration bodies with budget income, the Prime Ministerial Decision No. 192/2001/QĐ-TTg on 17 of December 2001 of the on expanding the pilot application of staff and administration cost contracting for government administration organs. Following this, Binh Duong Finance Department has advised the Provincial People's Committee to apply new financial regime for 29 administration units with income in which five units are self - financially sufficient and concurrently making contract of staff and administration cost to 17 provincial administration agencies, 42 district and town administration agencies in order to manage and use the state budget economically and effectively.

Onother issue that also very important making great influence on every daily social life is the good conduction of information and market price prediction activities, strictly control of price of goods and services mentioned in the government price list in order to restrict inflation and stabilize price. Furthermore, the Finance and Pricing Department also gives advices to the Provincial People's Committee in promulgating price policies; assets, constructions and land compensation alternatives that help quick site-clearance for construction of infrastructures, production and business area to attract more investors to Binh Duong.

In financial management of enterprise, the Department has flexibly applied new financial regimes and policies, better administrating capital and assets of state- owned enterprises. Thus, enterprises have chances to develop and take initiatives in production and business activities, be self-possessed and self-responsible in finance, apply new accounting system, integrate independent auditing with internal auditing, disclose the financial issues. At the same time the Department also offers advices to the province in renovation and rearrangement of state enterprises and equitizing some of those enterprises. Compared to the year 1995, the number of enterprises has reduced by one third but the turnover has increased by 30 percent, and the contribution to the budget by 300 percent.

Continuously improve to meet the future demand

As an agency concentrated in state management on finance, Binh Duong Price and Finance Department plays a vital role in fulfilling general targets of the provincial socio-economic development period until 2010. To maintain the economic growth rate until 2010 of from 11 percent to 13 percent, investment capital should be increased considerably. The development in the past illustrates that favourable condition for development is reducing while technologies, product quality

Budget income and expenditures in 1996 - 2002

Unit: billions of VND

Indexes	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	Growth rate %
Total govemment budget income	674	817	860	928	1,182	1,648	2,056	121%
Total local budget expenditure	293	409	422	570	703	888	1,033	124%
Proportion of expenses for basic construction in the total budget expenditure	26%	27%	38%	36%	40%	45%	45%	

Source: Binh Duong Department of Finance and Pricing

of industrial, construction and services need to be enhanced. Consequently, investment capital needs to be increased. It is estimated that the provincial investment factor in the period from now to 2010 will go up from 3.7 to 3.9 times including the key planed economic zone in the South that has been approved of from 3.45 to 3.5 times.

Thus, investment capital required for Binh Duong's economy to achieve the proposed targets is considerable. According to Nguyen Ngoc Canh - Head of Binh Duong Department of Finance and Pricing "This need still can be satisfied if good policies and regimes are promulgated to explore the internal and external sources as well as to attract foreign invested capital". In particular, the department will focus on following main sources of capital:

1) The province's budget capital mobilized from the economic growth, state investment encouragement, application of new tax law and adjustment in tax collecting mechanism of the Ministry of Finance. In addition, the province will speed up the development of production and business performance to enhance income and budget expenditure percentage for investment accumulation to 41 percent in 2001 - 2005 period and from 42 percent to 45 percent in 2005 - 2010 period.

2) Creating investment capital from bank, credit organizations; simplizing lending procedures, creating favorable conditions for investment loans for production development and at the same time providing consulting services and supports to individuals and organizations that need investment for development.

3) Investment capital gained from financial leasing activities with the expansion of leasing methods, buying fixed assets in stead of getting credit from banks for investment. This activity will help individuals and organizations be able to invest without requiring large capital.

4) Capital mobilized from local people and enterprises by encouraging different economic sectors to invest in and develop private enterprise, implement well Law on domestic investment, speed up the issuance of bonds, credit card, value papers...etc.

5) Capital raised from land fund, activity of planning and construction state own land, land leasing to individuals or estate companies and land using fee collected per government regulation.

6) Capital mobilized from outside in the way of getting credit loan or foreign loan; using ODA of the Government and international supports; applying different measures to attract capital such as establishing joint ventures, 100% foreign invested companies, BOT.

7) Continue to develop the development investment fund of the province with the function of an intermediate financial organization operating in supplying and coordinating financial sources for investment in priority projects, particularly in infrastructure construction.

To respond to the need in the "doi moi" process, Binh Duong's Finance Sector has continuously enhanced and promoted the organization of staff. This is one of key tasks that let to effective results. Currently more than 90 percent of staff were professional trained at university. They have informatics skills and can use foreign language. They are very good at doing the job. At present the whole Binh Duong's Finance and Pricing Department is emulating to build up a sector with "many good financial units with many good financial staff and many good financial management results" as initiated by the Minister of Financial Ministry.

Investment capital needs for social and economic development in Binh Duong

Unit: billions VND

Investment capital Demand	Period			Average capital		
	1998-2000	2001-2005	2006-2010	1998-2000	2001-2005	2005-2010
Industry and construction	2,227	6,804	12,676	742	1,361	2,535
Agriculture- forestry - fishery	266	517	590	89	103	118
Total	*3,466*	*10,685*	*20,297*	*1,155*	*2,137*	*4,059*

Source: Binh Duong Department of Finance and Pricing

HỆ THỐNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG TẠI BÌNH DƯƠNG

Hoà chung tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương

Tăng trưởng huy động vốn đạt 66%; tăng trưởng dư nợ cho vay tăng 46%, trong đó dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn chiếm tỷ trọng 29%, dư nợ quá hạn gần 2%. Những con số này cho thấy, tốc độ tăng trưởng của các hoạt động tín dụng ngân hàng tại Bình Dương năm 2002 nhanh và bền vững. Phát triển tích cực cả về số lượng và chất lượng để phục vụ dắc lực công cuộc phát triển kinh tế - xã hội địa phương là mục tiêu cơ bản của hệ thống tín dụng ngân hàng tại Bình Dương trong thời gian tới nhằm phát huy tối đa những thuận lợi của một vùng đất phát triển kinh tế năng động nhất cả nước.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương có 5 chi nhánh ngân hàng thương mại nhà nước cấp I, 2 chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần, 10 chi nhánh ngân hàng cấp II, 10 quỹ tín dụng nhân dân. Đầu năm 2003, Chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội đi vào hoạt động với chân rết phân bố trên 7 huyện, thị và các khu công nghiệp tập trung. Đó là chưa kể đến mạng lưới các tổ chức tín dụng khác như Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ đầu tư phát triển, hệ thống dịch vụ tiết kiệm bưu điện của ngành bưu điện. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, với chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn, giữ vai trò là "đầu tàu" định hướng và chỉ đạo thực thi các chính sách tiền tệ tại địa phương.

Từ tăng trưởng liên tục trong lĩnh vực huy động vốn

Quán triệt sự chỉ đạo từ Ngân hàng Trung ương, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương những năm qua đã xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là đẩy mạnh công tác huy động vốn trên toàn hệ thống tín dụng ngân hàng, trong đó chú trọng đến các nguồn vốn ổn định như vốn huy động từ dân cư, nhất là gửi tiết kiệm. Ông Bùi Văn Nu - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương cho biết: "Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực rất lớn trong công tác huy động vốn. Nhờ đó, nguồn vốn huy động tăng trưởng nhanh, đặc biệt năm 2002 đã tăng 66% so với năm 2001".

Cũng theo Giám đốc Bùi Văn Nu, các tổ chức tín dụng đã đưa ra nhiều hình thức huy động vốn phong phú, đa dạng, cung ứng các dịch vụ ngân hàng tiện ích, cải tiến mạnh mẽ các thủ tục và phong cách phục vụ khách hàng. Các cán bộ tín dụng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh - truyền hình, giúp nhân dân nắm bắt được các hình thức huy động vốn của ngân hàng. Đồng thời, qua tuyên truyền, các cán bộ cũng cố gắng để người dân hiểu rõ hơn việc gửi tiền vào ngân hàng là ích nước lợi nhà, góp phần xây dựng đất nước. Cùng với công tác tuyên truyền, các ngân hàng cũng mở rộng mạng lưới hoạt động xuống các huyện, thị và các địa bàn trọng điểm trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đến giao dịch và gửi tiền.

Nắm bắt được nhu cầu của người gửi tiền, các chi nhánh ngân hàng thương mại đã đa dạng hoá các hình thức huy động vốn với lãi suất cạnh tranh như tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức kinh tế; tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiết kiệm có dự thưởng; phát hành kỳ phiếu, trái phiếu bằng đồng Việt Nam hoặc USD, phát triển các dịch vụ ngân hàng như thanh toán thẻ, máy rút tiền tự động ATM...

Huy động vốn *(Đơn vị: tỷ đồng)*

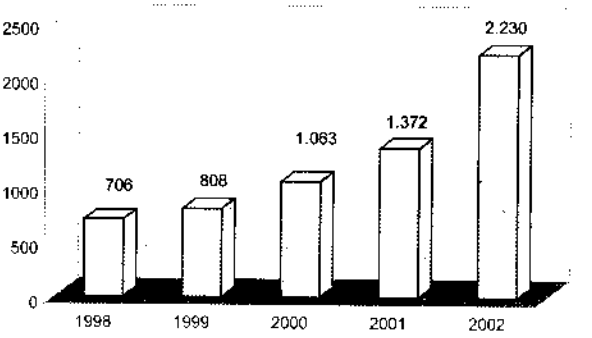

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương

Đến tăng trưởng mạnh mẽ trong công tác tín dụng

Cùng với sự gia tăng về nguồn vốn huy động, dư nợ cho vay của hệ thống các ngân hàng tỉnh Bình Dương cũng tang nhanh. Ông Bùi Văn Nu - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương - cho biết: "Dư nợ cho vay tăng nhanh qua từng năm do nhiều yếu tố từ thiên thời địa lợi đến việc phát huy yếu tố nội lực".

Với vị trí địa lý thuận lợi, tỉnh Bình Dương có nhiều thế mạnh để phát triển nền kinh tế theo cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Kể từ khi tái lập tỉnh, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh đã đưa ra nhiều chính sách đúng đắn và kịp thời. Trong đó, "Trải chiếu hoa đón các nhà đầu tư", "Trải thảm đỏ mời gọi nhân tài" là những giải pháp hữu hiệu tạo sức hút mạnh mẽ với các nhà đầu tư và nhân dân trong và ngoài tỉnh, cũng như các nhà đầu tư nước ngoài đến Bình Dương bỏ vốn kinh doanh. Tuy nhiên, sự đầu tư ồ ạt của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đòi hỏi hệ thống các tổ chức tín dụng Bình Dương phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: một mặt phải tang cường huy động vốn, mặt khác phải tiếp cận các dự án để đẩy nhanh công tác cho vay.

Trong đó, lãi suất cho vay thời gian qua, nhất là lãi suất thoả thuận được thực hiện theo đúng các chính sách về lãi trần, lãi cơ bản do Ngân hàng Trung ương quy định. Các tổ chức tín dụng cho vay với lãi suất tương đối thấp, hợp lý cũng góp phần làm dư nợ cho vay tang cao. Riêng năm 2002, toàn hệ thống đạt dư nợ khoảng 4.416 tỷ đồng, tang 46% so với nam 2001, trong đó dư nợ cho vay trung, dài hạn chiếm 43% trên tổng dư nợ.

Ngoài việc thực hiện tốt các quy chế cho vay của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng Bình Dương còn triển khai nhiều chính sách tín dụng trên địa bàn tỉnh như cho vay để nuôi bò sữa, bò sinh sản, cho vay phát triển nông nghiệp và nông thôn theo Quyết định 67/TTg của Thủ tướng Chính phủ, cho vay tiêu dùng đối với cán bộ, công nhân viên theo Quyết định 37 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Riêng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn năm 2002 chiếm tỷ trọng 29% trên tổng dư nợ.

Nhận xét về chất lượng tín dụng, ông Bùi Văn Nu nói: "Nhìn chung, các ngân hàng thương mại đã cho vay khá an toàn, hiệu quả, cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, đúng chế độ, thể lệ của ngành. Đạt được kết quả trên là do trình độ quản trị điều hành cũng như tác nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các ngân hàng ngày càng được củng cố và nâng cao. Bản thân các tổ chức tín dụng luôn quán triệt nguyên tắc cho vay dựa trên cơ sở tính hiệu quả của các dự án là chính. Vì vậy, đồng vốn cho vay đã phát huy hiệu quả, tạo thuận lợi cho việc thu hồi nợ. Do đó, tỷ lệ nợ quá hạn qua từng nam thấp, dưới mức 2% (mức cho phép của Trung ương là 5%)".

Gia tăng vốn cho vay *(Đơn vị: tỷ đồng)*

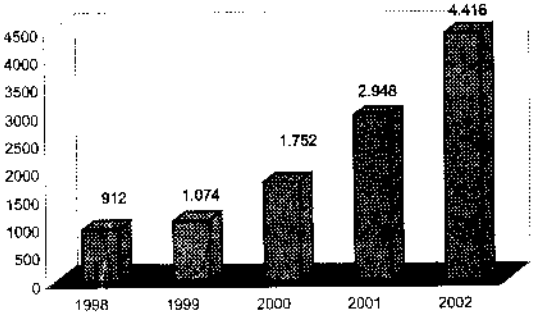

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương

Định hướng hoạt động tín dụng trong thời gian tới

Dù có nhiều nỗ lực thông qua việc đa dạng hoá các biện pháp huy động vốn, số dư nguồn vốn huy động cũng tang liên tục qua từng năm, nhưng vốn huy động tại chỗ vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho sự phát triển kinh tế quá nhanh của tỉnh. Chính vì vậy, các tổ chức tín dụng sẽ phải tiếp tục khơi tàng nguồn vốn, chủ động tiếp cận các dự án để đầu tư cho vay. Đồng thời, để nâng cao năng lực cạnh tranh và giữ vững thị phần, các ngân hàng sẽ tập trung cải thiện hoạt động chăm sóc khách hàng, ưu đãi về lãi suất cho vay, nâng cao chất lượng tín dụng và mở rộng thêm các dịch vụ tiện ích ngân hàng. Ngoài ra, các tổ chức tín dụng cũng sẽ phải tiếp tục nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo công tác thanh toán được nhanh chóng, chính xác, kịp thời; hoàn thiện bộ máy hoạt động, tang cường công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ ngân hàng nhằm đổi mới phong cách, thái độ phục vụ khách hàng tận tình, vui vẻ.

Về định hướng nguồn vốn đầu tư, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, trong đó chế biến hàng nông sản xuất khẩu sẽ được đặc biệt ưu tiên theo phương thức lồng ghép các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề mà địa phương đề ra.

Trong sự phát triển của kinh tế Bình Dương có phần đóng góp không nhỏ của hệ thống các tổ chức tín dụng đóng trên địa bàn tỉnh. Chắc chắn, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương cùng các tổ chức tín dụng tại địa phương với những nỗ lực ngày càng lớn sẽ còn gặt hái được những thành công mới nhằm khai thác triệt để thế mạnh của một vùng đất phát triển kinh tế năng động nhất cả nước.

BINH DUONG BANKING SYSTEM

Nothing Succeeds Like Success

Last year the system saw a growth of 66 percent in capital mobilization and 46 percent in outstanding loans balance. Loans for agricultural and rural development accounted for 29 percent of the total outstanding loans balance while overdue debts made up a small proportion of less than two percent. These numbers show the strong and substainable development of credit activities and growth of Binh Duong banks in 2002. Progressing both quantitatively and qualitatively to promote socioeconomic progression in the region has become a major goal of Binh Duong Province's banking system, aimed at bringing into play the advantages and potentials of the most dynamic economic region in the country.

Binh Duong has five first-grade branches of State commercial banks, two branches of commercial joint stock banks, 10 second-grade bank branches, and 10 people's credit funds. The Bank for Social Policies' Binh Duong branch opened in early 2003, spreading operations in seven districts and concentrated industrial zones (IZs) in the region. In addition, the province has other credit institutions such as the provincial branch of the Development Investment Fund, and postal savings services providers run by the post and telecommunication sector. Designated to perform State management of monetary and banking activities in Binh Duong Province, State Bank of Vietnam (SBV)'s Binh Duong branch plays a ruling role in the formation and execution of monetary policies in the region.

Continuous growth in capital mobilization

Thoroughly following SBV's guidelines, SBV's Binh Duong branch has been promoting its capital mobilization in the region, with priorities given to the attraction of capital, especially savings, from the community. Branch director Bui Van Nu said: "Provincial-based credit institutions made strenuous efforts to entice capital from different sources, resulting in 2002's 66 percent growth in mobilized funding over 2001."

Nu added that the credit institutions applied various ways of capital mobilization while supplying banking utility services and significantly improving administrative procedures and customer services. Through the media, these institutions encouraged people to deposit their money at banks, explaining that depositing money at banks means making fortune for themselves and contributing to the country's construction. Besides, Binh Duong-based banks expanded its operating system to provincial districts and other areas in the province to promote customer comfort in financial transactions.

In attracting customers, commercial bank branches offer attractive deposit interest rates for term and demand deposits from economic organizations, term and demand deposits from the community, and promissory notes and bonds in the Vietnamese dong and US dollar. They also develop banking services such as payments by cards and ATM (automatic telling machine), among others.

Capital Mobilization *(Unit: billion VND)*

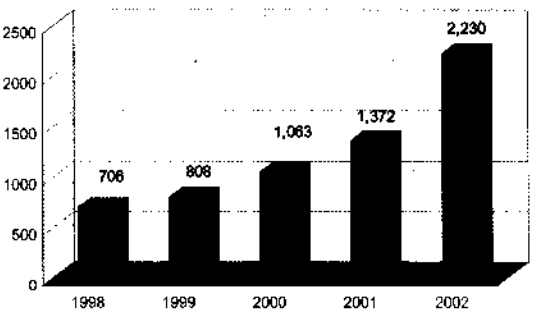

Source: State Bank of Vietnam Binh Duong Branch

Strong progression in credit activities

Binh Duong banking system witnessed a considerable increase in its outstanding loans balance. Nu noted this by saying that the system's total outstanding loans balance augmented year after year thanks to the available natural advantages and internal capabilities of the network.

Endowed with a favorable geographical location, Binh Duong enjoys various advantages to develop its economy that features a structure of industry - service - agriculture. Since the province's reestablishment, Binh Duong has had many proper policies to lure investors and the talents to the region. However, the massive investment by domestic and international investors now requires the provincial banking system to do well in both capital mobilization and loan granting promotion.

The lending interest rate, especially the agreed interest rate is offered observing SBV's ceiling and basic interest policy. Credit institutions' provision of low interest rate loans helped increase the system's outstanding loans balance that reached VND4,416 billion in 2002, up 46 percent from 2001. Of this, medium and long term outstanding loans balance represented 43 percent.

Apart from well implementing SBV lending procedures, credit institutions in Binh Duong offer loans to dairy and breeding cows farming households, and credits for other agricultural and rural development projects in accordance with the Prime Ministerial Decision 67/ITg. Additionally, it provides loans for personal use to employees according to SBV Governor's Decision 37. In 2002, loans for agricultural and rural development accounted for 29 percent of the total outstanding loans balance.

In general, commercial banks in the province can assure the security and efficiency of loans they grant. This is partially attributed to the sector's staff who have improved management skills. Lenders offer loans to projects based on these projects' feasibility. This results in a low rate of overdue debts of less than two percent (the permissible level fixed by SBV is five percent).

Future orientations

However, capital mobilized in the region is not enough to satisfy Binh Duong's economic development demands. This explains why, provincial-based credit institutions will have to further exploit sources of capital attraction and investment. To ameliorate competitiveness and maintain market share, provincial banks will focus on bettering their customer care services while offering attractive lending interest rates, improving credit quality, and expanding banking utility services. One thing for credit institutions to do is to strengthen information technology (IT) application to assure prompt, accurate payment services. Developing the operating system, training, and renovating services are also considered important tasks.

Agricultural and rural development, comprising the processing of agricultural products for export will be prioritized in accessing investment capital. Accordingly, provincial banks will combine projects for transforming livestock, cultivation and occupation structures in the province.

Provincial-based credit institutions have contributed greatly to Binh Duong's economic development. SBV's Binh Duong branch, in addition to other credit institutions in the region will gain new achievements, aiming to thoroughly exploit potentials and advantages of Binh Duong as the most dynamic economic region in Vietnam.

Loans growth *(Unit: Billion VND)*

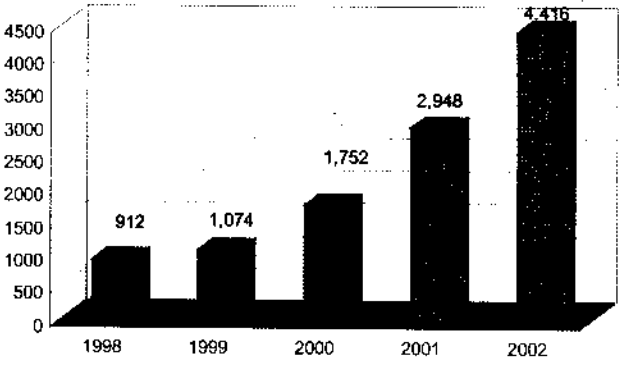

Source: State Bank of Vietnam Binh Duong Branch

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Biến thách thức thành thế mạnh

Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế Bình Dương trong điều kiện nguồn vốn còn hạn chế là một thử thách lớn, nhưng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương đã biến những thách thức đó thành thế mạnh.

Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương tiền thân là Phòng Đầu tư và Phát triển Sông Bé. Sau một năm đi vào hoạt động, phòng được quyết định nâng lên thành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sông Bé. Cũng giống như những đơn vị mới thành lập, thời gian đầu, chi nhánh phải đối mặt với nhiều khó khăn: cơ sở vật chất thiếu thốn, nguồn vốn huy động tại chỗ không có gì. Phải đến năm 1994, chi nhánh mới được phép huy động vốn từ xã hội, chủ động tạo nguồn vốn cho vay ngay tại địa phương. Nhờ đó, chi nhánh hiện đã đạt nhiều bước tiến vượt bậc về phát triển nguồn vốn, hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Linh hoạt trong tìm kiếm khách hàng

Bà Nguyễn Thị Dung - Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương cho biết: "Huy động vững chắc nguồn vốn chính là yếu tố quyết định thành công. Vì thế, trong thời gian qua, chi nhánh đã có bước đột phá lớn trong việc tạo và huy động nguồn vốn".

Để thực hiện thành công "Chiến lược huy động vốn", từ năm 1994, chi nhánh đã dựa vào những mối quan hệ với các doanh nghiệp có nguồn thu lớn như Công ty Xổ số kiến thiết Sông Bé, Công ty Vật tư tổng hợp Sông Bé, một số trạm kinh doanh xăng dầu của tư nhân, Quỹ đầu tư phát triển.... Với những doanh nghiệp này, chi nhánh đã thực hiện một số chính sách ưu đãi thông qua miễn, giảm thu phí dịch vụ, đáp ứng nhanh các nhu cầu chuyển và rút tiền mặt, nhận nộp tiền vào quỹ ngoài giờ làm việc chính thức.

Nằm trong chiến lược huy động vốn, năm 1999, chi nhánh đã thành lập Quỹ tiết kiệm và Phòng Giao dịch Thuận An - hiện nay là Chi nhánh Thuận An. Trước đó, năm 1996, khi tỉnh có chủ trương quy hoạch một số khu công nghiệp, chi nhánh đã nhận thấy sự cần phải có chiến lược tham gia đầu tư tín dụng, phát triển thanh toán quốc tế cho mảng thị phần này. Nhận thức ấy đã trở thành hiện thực khi chi nhánh cho vay phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore. Năm 1998, chi nhánh được trực tiếp thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ và tín dụng. Động thái này cho thấy sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài nước đối với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương.

Với chiến lược phát triển đúng đắn, các chỉ tiêu kinh doanh năm 2002 đều tăng gấp nhiều lần so với năm 1998. Trong đó, số vốn huy động đạt 509 tỷ đồng, gấp gần 5 lần; bình quân giai đoạn 1998 - 2002 tăng 38%/năm. Dư nợ đạt 853 tỷ đồng, gấp 4 lần; mức dư nợ bình quân tăng 33%/năm; doanh số hoạt động thanh toán quốc tế đạt 90 triệu USD, gấp 7,7 lần; doanh số kinh doanh ngoại tệ đạt 46,4 triệu USD, tăng 3,8 lần. Bình quân doanh số thanh toán quốc tế giai đoạn 1998 - 2000 tăng 51%/năm, kinh doanh ngoại tệ tăng 31%/năm.

Trong nghiệp vụ tín dụng, chi nhánh tập trung vào tín dụng thương mại. Trong đó, kinh tế quốc doanh chiếm 59% với các khách hàng truyền thống như: Công ty Becamex, Công ty Khai thác đá 621, Công ty 610,... Kinh tế ngoài quốc doanh ngày càng chiếm tỷ trọng đáng kể với một số khách hàng điển hình như Công ty trách nhiệm hữu hạn gốm sứ White Horse, Công ty liên doanh Serrano, Công ty cổ phần Việt Hương...

Với nghiệp vụ cho vay, chi nhánh đã hoàn thành tốt quá trình xem xét cho vay vốn các dự án trung và dài hạn, chưa để xảy ra những rủi ro, mất mát. Cũng từ năm 1993, chi nhánh đã tự tìm kiếm những dự án nằm ngoài chỉ tiêu kế hoạch nhà nước để cho vay. Theo đó, chi nhánh đã thực hiện cho vay dự án B.O.T nâng cấp và mở rộng đường Bình Thung - Tân Vạn và dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 743 do Công ty vật liệu xây dựng Bình Dương làm chủ đầu tư, hay dự án nâng cấp quốc lộ 13, nay là đại lộ Bình Dương, theo phương thức thu phí - hoàn vốn do Công ty Becamex làm chủ đầu tư. Tất cả các dự án đều phát huy hiệu quả rất tốt.

Kinh nghiệm trong thời gian đổi mới

Trên địa bàn tỉnh hiện nay, do có nhiều ngân hàng thương mại nên sự cạnh tranh diễn ra sôi động. Vì thế,

nhiệm vụ trọng tâm của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương lúc này là nâng cao chất lượng phục vụ, trong đó coi trọng việc xây dựng nguồn nhân lực, cải tiến cách điều hành và phong cách phục vụ. Bà Nguyễn Thị Dung cho biết: "Xây dựng nguồn nhân lực tốt tạo động lực cho sự phát triển, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn phù hợp tình hình hoạt động của ngân hàng trong thời kỳ đổi mới". Đồng thời, bà Nguyễn Thị Dung còn nhấn mạnh: "Chúng tôi đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và đã được Tổ chức BVQI công nhận, cấp chứng chỉ ISO 9000 vào năm 2002. Mục đích là nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đổi mới công nghệ ngân hàng để huy động tối đa mọi nguồn vốn."

Để thu hút khách hàng tiềm năng, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương đã thực hiện nhiều biện pháp như đưa ra mức lãi suất huy động hấp dẫn, phát hành kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, phân bổ mức huy động trái phiếu cho từng phòng, ban. Trong nghiệp vụ cho vay, chi nhánh luôn thực hiện phương châm "Thận trọng, an toàn trong tăng trưởng". Quá trình xét duyệt dự án luôn được nghiên cứu kỹ lưỡng, đồng thời chi nhánh bao giờ cũng đặt hiệu quả của dự án lên hàng đầu, kế đến mới xem xét tài sản đảm bảo tiền vay.

Đặc biệt, chi nhánh còn chú trọng đổi mới công tác chăm sóc khách hàng. Phong cách làm việc và thái độ ứng xử luôn thực hiện theo phương châm "Hết lòng vì khách hàng, làm hết việc chứ không làm hết giờ" đã khiến mọi khách hàng khi đến với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương đều rất hài lòng. Không chỉ có vậy, để nâng cao chất lượng phục vụ, chi nhánh còn phát phiếu tham dò định kỳ nhằm kịp thời nắm bắt nhu cầu của khách hàng đối với các dịch vụ mà chi nhánh cung cấp. Trên cơ sở những ý kiến phản hồi từ phía khách hàng, chi nhánh sẽ kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong hệ thống dịch vụ và đáp ứng yêu cầu mới của khách hàng. Ngoài ra, chi nhánh còn dành nhiều ưu đãi về lãi suất, phí dịch vụ cho những khách hàng có uy tín, giàu tiềm năng và kinh doanh hiệu quả.

Với nỗ lực phấn đấu hết mình, góp phần nhỏ bé vào quá trình phát triển kinh tế tỉnh nhà, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương đã nhận được nhiều bằng khen cho tập thể và cá nhân của Uỷ ban nhân dân tỉnh, cờ thi đua xuất sắc của Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, cùng bang khen của Thống đốc, của Chính phủ và Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước.

BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF BINH DUONG

Turn Its Challenges into Strengths

It is a great challenge for Bank for Investment and Development of Binh Duong to respond to the provincial economic development demand with a limited source of capital. However, the bank has turned these challenges into its strengths.

Bank for Investment and Development of Binh Duong was previously the Department of Investment and Development of Song Be province. After one year of operation, it is decided to upgrade the Department into Bank for Investment and Development of Song Be. Like many other newly established banks, in the beginning time, the bank had to face a lot of difficulties including shortage of facilities and mobilization capital. Until 1994 the bank have been allowed to mobilize capital from the public and create lending sources in the locality thanks to which, the bank has made great progress in developing capital sources, credit activities and banking services.

Flexible in seeking for clients

The Vice-director of Bank for Investment and Development of Binh Duong, Nguyen Thi Dung said: "Good mobilization in capital is the key factor to determine the success. Thus, during the past years, the branch has made a great breakthrough in creating mobilizing capital".

To successfully carry out the "capital mobilization strategy", since 1994, the branch has relied on existing relations with enterprises having big income such as Song Be Lottery Company, Song Be General Material Company, some private petroleum trading stations and Investment and Development Fund. The

bank has offered some priority policies to these enterprises such as giving an exemption or reduction on service fee, satisfying quickly the needs on transferring or withdrawing cash, receiving cash in unofficial working hours.

As mentioned in the strategy, in 1999 the Branch has established a saving fund and Thuan An exchange office, which currently is Thuan An branch. Previously, in 1996 when the province had a plan for some industrial zones, the bank has realized that it is necessary to have a strategy to participate in credit investment and international payment development for this market share. This awareness has been realized when the bank gave loans for the development of infrastructures in Vietnam - Singapore Industrial Zone. In 1998, activities of international payment, trading in foreign currency and credit have been carried out by the bank. This change shows the trust of Vietnamese as well as foreign clients in Bank for Investment and Development of Binh Duong.

With a good development strategy, in 2002 all business indexes are on the high rise compared to 1998. In which, the mobilized capital reached VND 509 billion making a 5 time increase; average proportion of period 1998 - 2002 raised 38 percent per year. While credit excess amounted to VND 853 billion, a 4 time increase; average credit excess per year is 33 percent. The turnover from international payment reached US$ 90 million, a 7.7 time increase; turnover from trading of foreign currency obtained US$ 46.4 million, a 3.8 times increase. The average turnover from international payment in 1998 - 2000 rose by 51 percent per year and from trading of foreign currency by 31 percent/ year.

In credit function, the bank focuses in commercial credit. Of which, state economy takes up 59 percent with traditional clients of Becamex Company, Rock Exploiting Company 621 and Company 610. The non-state economy is occupying an growing ratio with some typical customers such as White Horse Ceramics Company Ltd., Serrano Joint Venture Company and Viet Huong Joint Stock Company.

In terms of loan, the bank has successfully completed the appraisal process to give loans to medium and long-term projects without any case of risks and losses. Since 1993, the bank has given loans to BOT project on enhancing and enlarging Binh Thung - Tan Van road and DT 743 invested by Binh Duong's Construction Raw material Company and upgrading Highway No.13 - presently Binh Duong Avenue invested by Becamex Company following the method of collecting fee and paying back capital. All of the above projects are very effective.

Experience in the renovation process

As currently there are many Commercial Banks in the province causing vigorous competitions. Thus, the bank's main task now is to enhance service quality with a focus on developing human resource, improving execution and services styles. Nguyen Thi Dung said "Good human resource will promote the development and training of professional working groups suitable the bank's situation in the renovation process". She also emphasized: " We have also applied Quality Management System ISO 9000 and have been recognized and given ISO 9000 Certificate in 2002. Our aim is to enhance service quality, improve technologies to mobilize as much as possible capital source".

To attract potential clients, Binh Duong Investment and Development Bank has implemented different measures such as offering attractive mobilization interest, issuing bonds, cash certificate and making distribution of mobilization level of bond for every department and office. In lending activity, the guideline of "Carefulness and safety in growth" is always followed. Process of approving projects is studied thoroughly and project efficiency is considered as the first priority and then mortgage.

In particular, special attention is paid to change the services for clients. Working methods and attitudes under the guideline of "all for clients, finishing all the work but not all the time" make clients pleased when coming to the bank. To enhance service quality, regularly the bank sends questionnaires to clients to promptly understand their needs for the bank's services. Based on the reactions of clients, the bank will adjust shortcomings in providing services to satisfy new demand of customers. In addition, soft interest and service fee are offered for customers who are prestigious, potential and operating effectively.

With the great effort in contributing to the province's economic development process, Binh Duong Investment and Development bank was given many Certificates of Merit for all staff and individuals by the provincial People's Committee; Excellent Competition Flag by General Director of Investment and Development Bank and Certificate of Merit by the Governor, Government and the third class Labor Medal by the National President.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG BÌNH DƯƠNG

Phát triển - An toàn - Hiệu quả

Mặc dù, "Sinh sau đẻ muộn" hơn các ngân hàng khác (ngày 1-9-1999), song với phương châm "phát triển - an toàn - hiệu quả", sau 3 năm đi vào hoạt động, Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Bình Dương (Vietcombank Bình Dương) đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Đi lên từ con số không

Ba năm là quãng thời gian ngắn ngủi để một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ có thể khẳng định chỗ đứng và vị thế trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt. Nhưng con số 240 tỷ đã huy động được trong suốt thời gian qua quả là niềm tự hào của Vietcombank Bình Dương, bởi nó đã thể hiện sự cố gắng lớn của toàn thể cán bộ, công nhân viên. Điều đó càng có ý nghĩa hơn khi chúng ta biết rằng, trong những ngày đầu mới thành lập, Vietcombank Bình Dương ở vào tình trạng thiếu thốn đủ thứ. Cán bộ quản lý được điều từ những ngân hàng khác sang, nhân viên nghiệp vụ được tuyển dụng từ nhiều nơi. Cái tên "Vietcombank Bình Dương" dường như vẫn còn khá xa lạ với khách hàng, thậm chí nếu có biết thì cũng khó tìm thấy địa chỉ do trụ sở cũng không có, phải "nhờ cậy" đến Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương.

Nhưng được sự hỗ trợ về nghiệp vụ của các ngân hàng trung ương, hơn 20 cán bộ của Vietcombank Bình Dương lúc bấy giờ đã nỗ lực không ngừng trong việc tiếp cận các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, bản thân Vietcombank Bình Dương cũng tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao nguồn vốn huy động như đến tận các doanh nghiệp thu tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ khách hàng.... Do vậy, đến hết năm 2002, Vietcombank Bình Dương đã có quan hệ tín dụng với 48 doanh nghiệp và quan hệ thanh toán với 100 doanh nghiệp, cùng hàng nghìn đơn vị cá nhân. Trong năm 2002, ngân hàng đã cấp tín dụng với doanh số cho vay trên 1.100 tỷ đồng (tăng gấp đôi so với năm 2001) và doanh số thu nợ khoảng 980 tỷ đồng, trong đó doanh số thu nợ bằng đồng Việt Nam khoảng 870 tỷ đồng. Tỷ trọng cho vay của ngân hàng chủ yếu là trung và dài hạn chiếm 52%, còn lại là ngắn hạn 48%. Cơ cấu dư nợ của các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm, doanh nghiệp tư nhân chiếm 71%.

Các cán bộ nhân viên đã nỗ lực không ngừng đưa Vietcombank Bình Dương trở thành đơn vị kinh doanh có uy tín trong lĩnh vực tiền tệ

Thế mạnh của ngân hàng kể từ khi thành lập đến nay là hoạt động thanh toán quốc tế. Sau 3 năm hoạt động, loại hình này đã đạt đến con số 200 triệu USD. Riêng về kinh doanh ngoại tệ, doanh số đạt 160 triệu USD.

Hiện nay, các khách hàng lớn của Vietcombank Bình Dương là Minh Long I, Daso - Dacco, Thép POMINA, Liên doanh công nghiệp Masan, Công ty đầu tư và xuất nhập khẩu Thanh Lễ. Nhìn chung 3 năm qua, Vietcombank Bình Dương đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư cho các thành phần kinh tế, nhất là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, mở rộng lĩnh vực cho vay như gốm xứ, xăng dầu, dệt may và hỗ trợ cho cả các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng. Dư nợ chủ yếu là đầu tư xây dựng mở rộng nhà xưởng, mua sắm thiết bị đồng bộ.

Nhờ kinh doanh có hiệu quả, từ 1 văn phòng giao dịch chính, tháng 10-2002, Vietcombank Bình Dương đã phát triển thêm mạng lưới chi nhánh tại Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Khu

công nghiệp Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A - B, huyện Thuận An - Dĩ An để phục vụ cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp và trên địa bàn các huyện này.

Nâng cao sức cạnh tranh

Trong những năm gần đây, khi nền kinh tế Bình Dương ngày càng phát triển, nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại ngày càng dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các ngân hàng để thu hút khách hàng vay vốn ngày càng trở nên quyết liệt, trong khi Vietcombank Bình Dương xác định năm 2003 là năm tăng tốc với số dư nợ dự kiến 750 tỷ đồng. Vì thế, để thu hút khách hàng, Vietcombank Bình Dương đã áp dụng nhiều chính sách về lãi suất, phí dịch vụ, đưa công nghệ vào phục vụ khách hàng,...

Ông Nguyễn Đình Phục - Giám đốc Vietcombank Bình Dương cho biết: "Để tiếp tục thu hút khách hàng, chúng tôi áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt. Hiện nay, lãi suất mà chi nhánh ngân hàng công bố trên địa bàn tỉnh thấp hơn so với các ngân hàng khác, nhưng vẫn đảm bảo có lãi. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng chủ động tìm đến khách hàng và coi đây là vấn đề trọng tâm đi vào chiều sâu trong chiến lược cạnh tranh, là biện pháp tiếp thị hiệu quả. Việc nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo tiện ích tối đa cho khách hàng luôn được ngân hàng đặt lên hàng đầu. Vì thế, trong thời gian tới, Vietcombank Bình Dương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình hiện đại hoá công nghệ như áp dụng thẻ tín dụng, home banking, máy rút tiền tự động, gửi một nơi rút được nhiều nơi".

Một yếu tố quan trọng khác mà ông Nguyễn Đình Phục cũng nhấn mạnh, đó là việc đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ ngân hàng, cán bộ tín dụng, tạo cho họ khả năng nhanh nhạy trong việc nắm bắt những thay đổi mới của lĩnh vực ngân hàng.

Ba năm đã trôi qua, từ 20 người nay phát triển lên tới 48 người với 6 phòng ban và một chi nhánh cấp II, Vietcombank Bình Dương đã vượt qua thời kỳ đầu khó khăn để bước sang năm 2003 sẽ là năm đẩy mạnh chiến dịch tăng tốc, nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế Bình Dương trong quá trình hội nhập.

BINH DUONG VIETCOMBANK

Developed - Secured - Effective

Though being born later than others (on 1-9-1999), with the strategy of "developed - secured - effective", after 3 years of operation, Binh Duong Vietcombank has gained significantly achievements.

Start from number Zero

Three years is a short time for an entity working in monetary sector can affirm its stand and position in the high competition market. But the figure of VND 240 billion in capital mobilized over the past few years can be a pride of Binh Duong Vietcombank as it reflects a great endeavours of all the staff and workers. It is more meaningful when we know that in the first days of establishment, Binh Duong Vietcombank was in the shortage of everything. The management staff were sent from other banks, professional staff were employed from different areas. And Binh Duong Vietcombank name seemed to be quite new to clients. Even if it is known, it is difficult to find the address, as there was no headquarter, it had to stay together with Binh Duong State Bank.

Thanks to the professional skill supports from central banks, more than 20 staff of Binh Duong Vietcombank has constantly attempted to access to enterprises. Apart from this, Binh Duong Vietcombank has sped up the implementation of different solutions to raise the mobilized capital such as collecting money at the enterprise, offering the services of collecting and paying for clients. Consequently, by the end 2002, Binh Duong Vietcombank has created credit relation with 48 enterprises and payment relation with 100

enterprises together with thousands of agencies and individuals. In 2002, the turnover from credit activity reached VND1,100 billion (doubled 2001) and turnover from loan payback was approximately VND 980 billion, of which the loan payback in VND was VND 870 billion. Medium and long-term loan accounts for 52 percent, the remaining 48 percent is short-term loan. The proportion of credit balance from different economic sectors including loans for joint stock companies, liability limited companies and private companies makes up 71 percent.

Since the establishment, international payment activity can be regarded as the bank's strength. After three years of performance, this activity brings bank's revenue of USD200 millions. Activity in foreign currency alone has created the turnover of USD160 millions.

At present, Minh Long I, Daso - Dacco, POMINA Iron, Masan Industrial Joint Venture, Thanh Le Investment, Importing and Exporting Company are the bank's largest customers. In general, during the previous three years, Binh Duong Vietcombank has made great attempts to invest in different economic sectors particularly the non-state enterprises; expand lending target sectors to ceramic and pottery, petroleum, garments and provide supports to infrastructure construction investors. Credit balance remains mostly in investment for workshops enlargement and synchronous equipment procurement.

Thanks to good business, in October 2002 Bind Duong Vietcombank has extended it network from a main office to branches in Song Than II, Song Than I, Tan Dong Hiep A - B Industrial Zones, in Thuan An - Di An district to serve enterprises operating in the industrial zones and in the local area.

Enhance the competitiveness

In recent years, when Binh Duong economy is developing dramatically, the capital mobilized from trading banks is on the rise, the competition among banks to attract clients for its service also becomes more severe. Binh Duong identifies the year 2003 as the year of speeding up its activities with the credit balance expected to get VND750 billion. Thus, to attract more customers, Binh Duong Vietcombank has carried out different policies in interest, services fee, applying technologies to serve customers.

The project of Daso oil factory investd by Binh Duong Vietcombank

Nguyen Dinh Phuc, the Director of Binh Duong Vietcombank - addressed "To continue to attract clients, flexible interest policies are applied. Currently, the bank's interest rate is lower than that of others but it still ensures to have profit. Additionally, we are also active in seeking for customers and this activity is considered as a key factor in our competition strategy and an effective marketing tool. Improving services quality to ensure as much as possible benefit for clients is always seen as the bank's first priority. Hence, in the coming time, Binh Duong Vietcombank will continue to push up the implementation of the technology modernization program such as using credit card, home banking, automated tellers machine - depositing money in one place and withdrawing in many places".

One important factor stressed by Nguyen Dinh Phuc is to train and enhance skills for banking and credit staff, give them the ability to quickly acknowledge new changes in banking sector.

Three years was over, the number of staff has grown up from 20 to 48 in 6 departments and a secondary branch. Binh Duong Vietcombank has overcomed the difficult period to enter into the year 2003, a year of implementing the acceleration program, enhancing services quality, contributing to promote the development of Binh Duong economy in the integration process.

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN BẾN CÁT

Người bạn đồng hành của nhà nông

Kinh tế nông nghiệp huyện Bến Cát đang trên đà phát triển đúng hướng và vững chắc nhờ sự hỗ trợ kịp thời về vốn của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Cát, đơn vị luôn đóng vai trò "bà đỡ" cho hầu hết các dự án phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Bến Cát.

Tập trung đầu tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và nông thôn

Với nhiệm vụ chính đã được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trung ương xác định là phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Cát thời gian qua đã kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể của huyện và chính quyền xã nắm bắt tình hình phát triển kinh tế của từng địa phương. Trên cơ sở đó, chi nhánh đã đầu tư có trọng điểm vào các vùng trồng cây ăn trái thuộc các xã Lai Uyên, Trừ Văn Thố, Cây Trường. Cho vay các loại hình trang trại thuộc ngành trồng trọt, chăn nuôi, chế biến sản phẩm nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, trong đó mở rộng cho vay chăn nuôi lợn, gà công nghiệp, bò sữa và trâu bò sinh sản. Đối tượng hộ nghèo và hộ tái nghèo được vay vốn cũng phải qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện và Ban Xóa đói giảm nghèo của xã xét duyệt trên cơ sở các tiêu chí và nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, ngân hàng còn làm đại lý chi trả tiền cho Công ty Yo-most và sắp tới sẽ cung cấp dịch vụ này

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN BẾN CÁT

VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT BEN CAT DISTRIC

The Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development Ben Cat District, always strives for better services
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện Bến Cát luôn phấn đấu vì mục tiêu phục vụ.

Customers' Success In Production And Business Is Our Goal !
Kính Chúc Quý Khách Hàng Thành Đạt Trong Sản Xuất Và Kinh Doa

Địa chỉ: Thị trấn Mỹ Phước,
Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Tel: (0650) 864043 - 864676
Fax: (0650) 864197

cho Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk).

Ông Nguyễn Đình Thuộc - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Cát cho biết: "Hiện nay, mọi thủ tục của ngân hàng đều được đơn giản hoá, cơ chế thông thoáng. Tất cả các thành phần kinh tế, hộ dân có đủ điều kiện đều có thể tham gia vay vốn ngân hàng. Các thủ tục thẩm định, trình duyệt sẽ được thực hiện trong vòng 2 - 3 ngày và chỉ một vài ngày sau sẽ được giải ngân. Đối với những trường hợp ngân hàng đầu tư vốn cho các thành phần kinh tế vay vốn sản xuất - kinh doanh, nhưng nếu do thiên tai hạn hán, bão lụt và các trường hợp bất khả kháng dẫn đến nợ quá hạn thì ngân hàng sẽ giải quyết bằng cách cho gia hạn nợ để các hộ vay vốn tiếp tục sản xuất - kinh doanh. Cách giải quyết này đã thực sự mở ra lối thoát cho các hộ vay vốn có thêm thời gian sản xuất - kinh doanh để có nguồn thu trả nợ ngân hàng.

Tính đến hết năm 2002, trong tổng dư nợ 150 tỷ đồng mà Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Cát đã đầu tư cho các thành phần kinh tế, số dư nợ cho vay hộ nông dân sản xuất - kinh doanh và hợp tác xã đạt tới 143,87 tỷ đồng, chưa kể đến cho vay hộ nghèo và hộ tái nghèo dư nợ đạt 12,4 tỷ đồng/3.500 hộ. Trong đó, tỷ lệ nợ quá hạn của ngân hàng trên địa bàn tỉnh chiếm 0,67% trên tổng dư nợ.

Tiến dần đến huy động vốn trong dân

Cũng theo ông Thuộc, "Khó khăn lớn nhất hiện nay của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Cát là đầu vào. Bởi cho đến nay, ngân hàng vẫn phải chờ vốn từ ngân hàng Trung ương, trên cơ sở đó cân đối và đáp ứng nhu cầu vay vốn tại địa phương".

Trong khi đó, kinh tế huyện Bến Cát đang trong giai đoạn phát triển, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nên việc huy động vốn của ngân hàng còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, do xác định: "Đây là một trong những công tác quan trọng giúp ngân hàng cân đối thu chi" nên năm 2002, ngân hàng cũng có nhiều biện pháp chủ động huy động vốn tại địa phương. Cụ thể, ngân hàng đã kết hợp với ban đền bù giải toả Khu công nghiệp Mỹ Phước và Quốc lộ 13 mở rộng để vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng, đồng thời vận động các hộ có thu nhập không thường xuyên, các tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể gửi tiền vào ngân hàng. Kết quả trong năm 2002, tổng vốn huy động đạt 148 tỷ đồng, tăng 18,2 tỷ đồng so với năm 2001, trong đó tiền gửi dân là 56 tỷ, chiếm 37,8%. Đây là nguồn vốn không nhỏ giúp ngân hàng có điều kiện mở rộng đầu tư tín dụng.

Trong phương hướng nhiệm vụ hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Cát, vào năm 2003, mọi chỉ tiêu đều tăng từ trên 10% đến 20% so với năm 2002, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác huy động vốn. Đồng thời, ngân hàng sẽ tìm cách giải quyết dần những khó khăn còn tồn tại, chẳng hạn như nhu cầu vay vốn sản xuất - kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế trang trại, phát triển kinh tế hộ gia đình ngày càng tăng trong khi giá trị tài sản thế chấp tính theo khung giá Nhà nước lại thấp so với thực tế, do đó số tiền ngân hàng cho vay không đáp ứng đủ nhu cầu của chủ trang trại. Bên cạnh đó, ngân hàng vẫn sẽ tiếp tục đảm bảo thực hiện tốt các nghiệp vụ khác và có kế hoạch triển khai thêm các dịch vụ ngân hàng mới, nhằm theo kịp nhịp độ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

More investment for rural and agricultural production

With the main task assigned by the Central Bank for Agriculture and Rural Development of serving agriculture and rural development over the past years, the branch has closely cooperated with different district's departments and organizations and the communes' local authorities to get to understand the economic development situation in specific area. Based on that, the branch has focused its investment in fruit trees plantations in Lai Uyen, Tru Van Tho and Cay Truong communes. Loans are given to farming types including cultivation, husbandry, agriculture product processing, small industry production, particular to activities of raising pigs, industrial chickens, milk cows and breeding buffalo and cattle. If the poor and re-poor households want to get loans, they must get approval from the district's Department of Labor, Invalids and Social Affairs and Committee of Poverty Reduction and Hunger Elimination, who will carry out an assessment on their poverty level based upon different criteria and needs for agriculture production. In addition, the bank also plays the role of an agency providing the services of paying and collecting money for Yo-most Company and also for Vinamilk in the future.

The Director of Bank for Agriculture and Rural Development of Ben Cat - Nguyen Dinh Thuoc released that at present all the bank procedures are simplified with the open and clear policies. All eco-

BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT OF BEN CAT DISTRICT

A Fellow-Traveler of Farmers

Ben Cat's agricultural economy is making proper and steady development pace thanks to the prompt supports in capital from Bank for Agriculture and Rural Development of Ben Cat with a role of "a mid-wife" for almost economic development projects in Ben Cat.

nomic sectors and households meeting the Bank requirements can access the loans. Process of appraisal and approval will be completed within from 2 to 3 days and the disbursement will be carried out after several days. In case different economic sectors get loans from the bank to invest in business and production performance, but their debt become overdue because of natural calamities, drought, floods and other irresistible cases, the bank will support by extending the debt so that they can get loans to continue their operation. This solution has opened an outlet for borrowers to have more time in continuing with their activities to get income for loan payback.

By the end 2002, the total credit of over VND150 billion in loans given by the Bank to different economic sectors, farmer households and cooperatives amounted to VND143.87 billion excluding loans for poor and re-poor households, the credit excess achieved VND 12.4 billion/ 3,500 households. In which, overdue debts of banks in the province account for 0.67 percent of the total credit excess.

Towards mobilization of capital from local people

According to Thuoc, "the biggest difficulty encountered by the Bank for Agriculture and Rural Development of Ben Cat is the input capital. So far, the bank still has to wait for capital from the Central Bank to balance and respond to credit needs in the area"

Meanwhile, Ben Cat district is in the process of developing and shifting the economic structure toward modernization and industrialization orientation, hence capital mobilization is restricted. Capital mobilization is considered "the most important task in balancing the bank's income and expenditure" different measures therefore have been applied in 2002 to mobilize capital in the local areas. Particularly, the bank has coordinated with the Compensation and Clearing Committee of My Phuoc Industrial Zone and extended Highway No.13 to encourage people as well as families with irregular incomes, economic organizations and departments to deposit money into the bank. As a result, in 2002 total mobilized capital reached VND 148 billion, increased by VND18.2 billion compared to that of 2001. In which, deposits from people were VND 56 billion, making up 37.8 percent. This amount is considerable as it allows the bank to expand its investment in credit activities.

According to the Bank's operating direction and tasks, in 2003 all targets will be increased by 10 - 20 percent in comparison with those of 2002, of which special attention will be paid to capital mobilization. At the same time, the Bank will find out a solution to deal with the remaining problems. For instance, while demand for loans to carry out business and production activities for farming economy or household economic development is on the rise, value of collateral calculated as Government price is lower than in reality. As a consequence, loans from bank can not satisfy the needs of farm owners. Moreover, the Bank will continue to ensure good implementation of other functions and have plan to provide other new banking services to satisfy the capital demand and catch up with the socio-economic development pace in the district.

NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Đồng hành cùng doanh nghiệp

Ngân hàng Đông Á được thành lập tháng 7 năm 1992. Qua gần 11 năm hoạt động, Đông Á đã trở thành "người bạn đồng hành" của các doanh nghiệp Việt Nam. Với phương châm "Thành công của khách hàng là thành công của ngân hàng", Ngân hàng Đông Á đã sát cánh, hỗ trợ các doanh nghiệp trong mọi hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

Để đáp ứng nhu cầu về vốn của doanh nghiệp, Đông Á đã không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng như tài trợ đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị, cho vay thanh toán tiền hàng nhập khẩu, tài trợ sản xuất - kinh doanh hàng xuất khẩu, tài trợ vốn xây dựng công trình, cho vay bổ sung vốn lưu động.

Đặc biệt, Ngân hàng Đông Á thực hiện cho vay tín chấp đối với một số doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu có uy tín và kinh doanh hiệu quả. Đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn nhưng có phương án kinh doanh khả thi, ngân hàng cũng xem xét hỗ trợ, giúp doanh nghiệp củng cố sản xuất, vượt qua khó khăn. Chúng ta có thể kể đến một số doanh nghiệp nhờ nguồn vốn hỗ trợ kịp thời của Ngân hàng Đông Á đã vượt qua giai đoạn khó khăn và trở thành doanh nghiệp làm ăn hiệu quả như Công ty giấy in - bao bì Liksin, Công ty phát triển kinh tế Duyên hải, Công ty xuất nhập khẩu giầy dép Nam Á...

Bằng những nỗ lực không ngừng, Ngân hàng Đông Á đã tạo được uy tín với các tổ chức quốc tế và là một trong hai ngân hàng cổ phần được Ngân hàng Nhà nước chọn tham gia nhiều chương trình hợp tác quốc tế. Hiện nay, ngân hàng đang hợp tác với Tổ chức hợp tác Quốc tế Thụy Điển (SIDA), Quỹ phát triển nông thôn (RDF) và Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) để thực hiện các chương trình hỗ trợ tín dụng tại Việt Nam, với nhiều chế độ ưu đãi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Bên cạnh các sản phẩm tín dụng, những dịch vụ hỗ trợ khác cũng được ngân hàng chú trọng phát triển như thanh toán xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại tệ, chuyển tiền nhanh, thu chi hộ, tư vấn doanh nghiệp lập phương án kinh doanh khả thi. Các dịch vụ hỗ trợ này đã góp phần tạo chuỗi sản phẩm khép kín, phục vụ yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của các doanh nghiệp.

Nhờ mở rộng hoạt động, kết quả kinh doanh của Đông Á trong năm 2002 rất khả quan. Tổng trị giá phát sinh thanh toán quốc tế đạt 611 triệu USD, doanh số chi trả kiều hối đạt 408 triệu USD, tổng doanh số thu - chi

Những thành tựu nổi bật của Ngân hàng Đông Á

1) Đông Á là ngân hàng đầu tiên thực hiện cho vay trả góp đối với tiểu thương chợ và cán bộ, công nhân viên, dịch vụ thu hộ, chuyển tiền du học và áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

2) Với doanh số chi trả là 408 triệu USD, Đông Á là đơn vị có doanh số chi trả cao nhất trong ngành ngân hàng và trong số các đơn vị làm dịch vụ chi trả kiều hối tại Việt Nam.

3) Ngân hàng Đông Á chính thức phát hành thẻ Đông Á ra thị trường vào đầu năm 2003.

4) Là ngân hàng duy nhất được Tổ chức hợp tác quốc tế Thụy Điển (SIDA) và là một trong bốn ngân hàng được Quỹ phát triển nông thôn (RDF) và Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) ủy thác vốn để thực hiện chương trình hỗ trợ tín dụng tại Việt Nam.

5) Dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu, cho vay xuất nhập khẩu là một trong những thế mạnh của Ngân hàng Đông Á. Đến nay, Ngân hàng Đông Á có quan hệ với 1.026 ngân hàng đại lý tại 99 quốc gia trên thế giới.

6) Năm 2002, tỷ lệ thu nhập phi tín dụng của Ngân hàng Đông Á là 43%.

hộ là 3.477 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng bình quân 1.711 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2002 là 2.374 tỷ đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng Đông Á còn chú trọng phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp. Ngày 1-1-2003, Ngân hàng Đông Á đã chính thức phát hành thẻ Đông Á. Đây là loại thẻ thanh toán dùng để rút tiền mặt, thanh toán hàng hóa dịch vụ và thanh toán chuyển khoản, đồng thời là thẻ thanh toán đầu tiên tại Việt Nam sử dụng tiếng Việt trong mọi giao dịch. Loại thẻ này ra đời đã trở thành công cụ tốt giúp các doanh nghiệp trả lương cho nhân viên qua tài khoản ngân hàng, giảm lượng chi tiêu tiền mặt, tránh rủi ro khi vận chuyển tiền, tạo điều kiện tốt để nhân viên của các doanh nghiệp tiếp cận với phương thức thanh toán hiện đại với nhiều tiện ích. Không chỉ có vậy, kể từ tháng 4-2003, khách hàng sử dụng thẻ thanh toán Đông Á có thể được ngân hàng xét duyệt cho vay dựa trên mức thu nhập (tiện ích thấu chi). Trong năm 2003, Ngân hàng Đông Á miễn phí mở thẻ và phí rút tiền mặt cho khách hàng sử dụng thẻ Đông Á.

Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp, Ngân hàng Đông Á từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng vững mạnh. Trong đó, Ngân hàng Đông Á dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng trong năm 2003, tăng cường mở rộng mạng lưới nhằm giúp cho doanh nghiệp thuận tiện trong việc giao dịch với ngân hàng. Đến nay, Đông Á có 1 hội sở và 26 chi nhánh, điểm giao dịch trên cả nước.

Với những cải tiến công tác quản lý, xây dựng quy trình hoạt động, đơn giản hóa thủ tục, Đông Á trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng chỉ về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 cho hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế và quản lý hành chính tổng hợp. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đang thực hiện chương trình đổi mới công nghệ thông tin, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, nhằm mang lại dịch vụ tài chính hiện đại và nhanh chóng cho doanh nghiệp. Đây là tiền đề quan trọng để Ngân hàng Đông Á có thể sát cánh cùng các doanh nghiệp trên bước đường hội nhập.

EASTERN ASIAN COMMERCIAL BANK

"The Fellow-Traveller" of the Enterprises

The Eastern Asian Commercial Bank (EAB) was established in July 1992. Over nearly 11 years of operation, EAB has become "the fellow-traveller" of Vietnamese enterprises. With the motto: "success of the clients is success of the Bank", EAB has supported enterprises in all investment, production and business activities.

In an attempt to meet the enterprises' demand on capital, EAB has consistently diversified the credit products such as to finance factory construction and equipment investment, grant loans for import payment and supplement of working capital and fund export activities and construction works.

Especially, EAB has offered insecure loan to some prestigious and effective export companies. For the enterprises in difficulty but having feasible business plan, the bank also considers to support them in consolidating production to surmount hard time. The are some examples of the enterprises which overcome difficulties to be successful in business thanks to the bank's capital support in time are Liksin Packing and Printing Paper Company, Duyen Hai Economic Development Company and Southeast

Footwear Import-export Company.

With the persistent efforts, EAB has created prestige among international organisations and has been selected by the State Bank as one of the two joint-stock banks to take part in many international co-operation programs. At present, the bank has co-ordinated with Sweden International Development Agency (SIDA), Rural Development Fund (RDF) and Japan Bank for International Co-operation (JBIC) to implement the credit support programs in Viet Nam applying many preferential policies to the enterprises of different economic sectors.

Apart from the credit products, the bank also attaches importance to the support services such as import-export payment, foreign currency trade, money express transfer, authorised payment (for the third party), and consult for enterprises to make the feasible projects. These services have made contributions to creating closed product chain, satisfying the increasing demands of enterprises.

Thanks to operation expansion, EAB's business in 2002 saw satisfactory results. Total international payment arising value reached US$611million, revenue of foreign currency settlement achieved US$408million; authorised payment revenue hit a total sum of VND3,477million. Average credit balance brought about VND1,711million, increasing by 44percent compared to the same period last year. Credit outstanding loan recorded by December 31st, 2002 at VND2,374 billion.

In addition, EAB has also focused on developing new products with a view to meet increasing requirement of enterprises. On January 1st, 2003, EAB officially issued EAB cards for cash withdrawing, settlement and bank transfer. It is also the first payment card in Viet Nam using Vietnamese language in all transactions. The birth of this card become useful tool enabling enterprises to pay salaries through bank accounts, reducing cash flow amount, avoiding risk in money transport and facilitating employees approach to modern and useful payment measure. Not only that, since April 2003, the EAB-card users have been able to borrow money from the bank based on their income (overdraft utility). In 2003, the bank has offered EAB-card users free of charge for card applications and cash withdrawal services.

In a bid to meet enterprises' increasing demand, EAB has gradually strengthened infrastructure construction. EAB also plans to increase chartered capital to VND300billion in 2003 and intensify expansion of banking network to create convenience for enterprises in transactions with the bank. EAB has one head office and 26 branches and transaction divisions in the whole country.

With the improvement in managing, planning operation regulations, simplifying procedures, EAB has become the first bank of Viet Nam granted with Certificate of Quality Management Systems ISO 9001:2000 for the credit, international settlement and general administrative management activities. In addition, the bank has carried out information technology renovation, banking technology modernisation to bring about prompt and updated financial services for enterprises. This is the important prerequisite for EAB to act closely with enterprises in the integration process.

Highlight achievements of EAB operation

1) Being the first bank granting loans with the payment in instalments to traders, cadres and employees, providing authorised collection services, money transferring for study abroad with application of ISO 9001:2000;
2) Being the bank of highest expenditure revenue in this sector and among the foreign currency settlement service providers in Viet Nam with the expenditure revenue of US$408 million;
3) Officially issuing EAB cards in 2003;
4) Being the unique bank to be chosen by SIDA and one of the four banks selected by RDF and JBIC to confide trusted capital for implementing credit support program in Viet Nam;
5) Being distinguished by providing import-export payment and loan. Having contact with 1,026 correspondent banks in 99 countries all over the world;
6) Achieving non-credit income rate at 43 percent in 2002.

CÔNG TY BẢO HIỂM BÌNH DƯƠNG

Hơn 20 năm tăng trưởng mạnh mẽ

Công ty bảo hiểm Bình Dương (Bảo Việt Bình Dương) tiền thân là Tổ bảo hiểm Sông Bé, được thành lập ngày 21-05-1981. Trải qua hơn 20 năm hoạt động và phát triển, với những thế mạnh của hệ thống Bảo Việt và những cố gắng tích cực của tập thể cán bộ, công nhân viên, Bảo Việt Bình Dương đã đạt được nhiều thành tích tốt trong kinh doanh, làm thay đổi quan niệm và thói quen sử dụng các dịch vụ bảo hiểm của người dân Bình Dương.

Vui niềm vui chung và lo nỗi lo chung của dân

Một xưởng may ở huyện Thuận An chuyên sản xuất áo jackét xuất khẩu sang Đài Loan, Hàn Quốc không may bị hoả hoạn, thế là cả nhà xưởng, từ máy móc đến hàng hoá chỉ trong nháy mắt đã cháy rụi. Cả cơ nghiệp bao năm tâm huyết của người chủ xưởng chỉ còn là đống tro tàn ngay trước mắt ông, lại còn hàng trăm người lao động đã từng gắn bó gần 10 năm nay ngơ ngác vì mất việc. Đang luẩn quẩn với những ý nghĩ không có lối thoát ấy, ông chủ xưởng bỗng chợt nhớ đến bản hợp đồng bảo hiểm bị "bỏ quên" lâu nay. Ông nhấc điện thoại gọi đến Bảo hiểm Bình Dương với một tia hy vọng nhỏ nhoi. Nhưng thật không ngờ, ngay sau đó, hai nhân viên bảo hiểm đã tới hiện trường thẩm định và bắt đầu tiến hành các thủ tục bồi thường. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, xưởng may này đã nhận được khoản tiền trên 10 tỷ đồng nhờ tham gia vào dịch vụ bảo hiểm cháy nổ và rủi ro đặc biệt của Bảo Việt Bình Dương. Lúc này, ông chủ xưởng mới thấy cái hợp đồng mà lúc ký ông thầm nghĩ "thì cứ thử xem sao" thật sự có ý nghĩa.

Câu chuyện thứ hai xảy ra với cậu học sinh lớp 6 ở huyện Dầu Tiếng - huyện xa xôi nhất của tỉnh Bình Dương. Nhà nghèo lắm nhưng vì ham học nên cậu vẫn quyết tâm đến trường bằng chiếc xe đạp "cà tàng" mặc kệ đường xa bốn năm cây số. Trong một lần trên đường đến trường, cậu bé bị ngã gãy chân. Nhờ Bảo Việt Bình Dương có cơ sở ngay tại trường học của cậu nên mọi thủ tục bồi thường về tai nạn học sinh được giải quyết một cách nhanh chóng, kịp thời. Dịch vụ bảo hiểm học đường, vốn đã đến được với hệ thống giáo dục toàn tỉnh, đã giúp cậu học sinh và cả gia đình của cậu hoàn toàn yên tâm khi gặp rủi ro.

"Vui niềm vui chung và lo nỗi lo chung của dân" - câu nói của ông Trần Quế Lộc, Giám đốc Bảo Việt Bình Dương khiến nhiều người cảm thấy tâm đắc về những việc mà Bảo Việt đã làm. Ngược thời gian quay về 20 năm trước, đất nước còn nhiều khó khăn, mức sống của người dân còn thấp, khái niệm về bảo hiểm còn rất xa lạ, vậy mà Bảo Việt vẫn lặng lẽ hoạt động để thực hiện những nhiệm vụ mang ý nghĩa chính trị và xã hội. Lịch sử hình thành của Bảo Việt Bình Dương bắt đầu khi còn là Tổ bảo hiểm Sông Bé (năm 1981) đến năm 1983 được đổi tên thành Phòng bảo hiểm Bình Dương, rồi năm 1989 lại trở thành Công ty bảo hiểm Sông Bé, khi Bộ Tài chính có quyết định chuyển Công ty bảo hiểm Việt Nam thành Tổng Công ty bảo hiểm Việt Nam. Mãi đến ngày 15-01-1999, Công ty bảo hiểm Bình Dương mới có cái tên chính thức là Bảo Việt Bình Dương.

Giám đốc Trần Quế Lộc

Đa dạng hoá dịch vụ, chiếm thị phần lớn nhất

Với những thế mạnh của hệ thống Bảo Việt, cùng những cố gắng tích cực của đội

Hội nghị tổng kết công tác Bảo hiểm giáo viên – học sinh năm 2000-2001

ngũ cán bộ, nhân viên, Bảo Việt Bình Dương đã đáp ứng nhu cầu của khách hàng với trên 30 loại hình bảo hiểm. Bảo Việt cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho mọi đối tượng từ cá nhân, tổ chức tập thể, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tập trung ở các dịch vụ chính như: bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu và vận chuyển nội địa, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, bảo hiểm tài sản, bao hiểm cháy nổ và rủi ro đặc biệt, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người, trong đó có bao hiểm học sinh. Dần dần, mọi tầng lớp nhân dân đã hiểu được lợi ích của các dịch vụ bảo hiểm và giờ đây, bảo hiểm đã thật sự đi vào đời sống, trở thành nhu cầu của dân. Đồng thời, Bảo Việt cũng thực sự trở thành người bạn của mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế Bình Dương. Những năm gần đây, với sự xuất hiện ồ ạt của các công ty bảo hiểm nước ngoài và sự lớn mạnh của một vài công ty bảo hiểm trong nước khác nhưng Bảo Việt vẫn giữ được thị phần cao nhất với trên 60%, tốc độ tang trưởng doanh thu bảo hiểm tính chung cho 20 năm qua trung bình khoảng 20% và riêng năm 2002 lên tới 30%.

Với những thành tích đáng tự hào, năm 1997, Bảo Việt Bình Dương đã được nhận bằng khen của Chính phủ; năm 1999 nhận bằng khen đơn vị xuất sắc do Bộ Tài chính phong tặng, 5 lần nhận cờ đơn vị khá, nhiều năm liền được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương tặng bang khen và giấy khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách và quản lý tot tình hình tài chính đơn vị. Không những thế, năm 2002, bảo hiểm Bình Dương còn được Uỷ ban nhân dân tỉnh tuyên dương đơn vị có nhiều thành tích trong công tác xã hội từ thiện.

Tập thể 36 người lao động của Bảo Việt Bình Dương hiện đều là những cán bộ có trình độ, tuổi đời còn rất trẻ, lại đang hang hái phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh mà Tổng công ty giao phó. Nói đến những thành công của Bảo Việt Bình Dương, ông Trần Quế Lộc cho rằng: "Bảo Việt Bình Dương có nhiều thuận lợi khi hoạt động tại Bình Dương - nơi kinh tế - xã hội phát triển, tình hình trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững và ổn định". Đây là điều kiện quan trọng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển với tốc độ ngày càng tang.

Nhận định về tương lai của Bảo Việt Bình Dương, ông Lộc khẳng định, tiềm năng về thị trường bảo hiểm Bình Dương rất lớn nên Bảo Việt sẽ còn có nhiều dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó bảo hiểm trong lĩnh vực nông nghiệp đang là một mảng mới sẽ nhanh chóng được triển khai.

BINH DUONG INSURANCE COMPANY

Strongly Developing over 20 Years

Established on May 21st, 1981, Binh Duong insurance company (Bao Viet Binh Duong) used to be Song Be insurance group. Thanks to the strength of Vietnam insurance system as well as persistent efforts of the staff, Binh Duong insurance company has obtained great achievements and changed Binh Duong people's attitude towards insurance services after 20 years of operation and development.

Sharing happiness as well as worries with people

A factory, located in Thuan An district specializes in producing jackets for exporting to Taiwan and Korea, unfortunately caught fire and all machines and products of the factory were burnt out in a wink. The fortune of the factory owner that he had spent all of his mind for years was turned to dust and ashes, and hundreds of labourers who had been close to him for nearly 10 years were helpless due to their unemployment. Being in impasse, he suddenly remembered the insurance contract 'forgotten" for a long time. He phoned the company with a little hope. Surprisingly, two insurance agents immediately came to the scene to examine and decided to carry out the procedures for compensation. In a short time after that, the factory was compensated over 10 billion thanks to participating in insurance services for burning and special misfortune of Binh Duong Insurance company. And now, the owner of the factory could understand how meaningful the insurance contract that he thought "just to try", is.

The second story is about a schoolboy of 6th in Dau Tieng - the grade most remote district of Binh Duong province. Although his family was poor, he still determined to go to school by a "bone-shaking" bicycle no matter the school was 4-5 kilometres far. Once on his way to school, his leg was broken due to falling off the bike. He was paid for the accident quickly and timely because his school also bought the insurance service. School insurance, which has been reached in education system of the whole province, helped the schoolboy and his family to feel more secured in the unfortunate accident.

"Sharing happiness as well as sorrows with people" said director of Binh Duong Insurance Company- Tran Que Loc-makes people fully understand what the company has done. 20 years ago, the company silently accomplished its socio-political tasks when the country was still arduous, people's living standard was low and concept on insurance was strange. The history of establishment of the company started since it was Song Be insurance group (in 1981) and changed its name into Binh Duong insurance department in 1983 when the Ministry of Finance decided to convert Viet Nam Insurance Company into Viet Nam Insurance Corporation. On January 15th 1999, the official name

A training course for company's staff

of Binh Duong Insurance Company was given.

Diversifying services for the largest market share

Based upon the strong force of Vietnam Insurance system and tireless efforts of the staff, Binh Duong Insurance Company has satisfied consumers' demand with over 30 kinds of insurance services. The company supplies individuals, organisations, and local and foreign enterprises with insurance services concentrating on insurance of import-export commodities and domestic transportation, civilian responsibility of ship owners, assets, special burning and misfortune, motor vehicle and human insurance including pupil insurance. Gradually, people has understood the advantages of insurance services, which has now entered into people's life and become their demand. Concurrently, the company has really becomes a friend of all classes of people and economic sectors of Binh Duong. In recent years, despite the existence of many foreign as well as local insurance companies the company has gained the highest market share of over 60 percent and insurance turnover of 20 percent on average for 20 years and in 2003 alone to 30 percent.

With significant achievements, Binh Duong insurance company was awarded the Governmental Certificate of Merit in 1997, Certificate of Merit for excellent unit by the Ministry of Finance in 1999, and it was awarded flags for advanced unit five times, many Certificates of Merit for excellent accomplishment of budget contribution and financial management by Binh Duong people's Committee in many consecutive years. Moreover, the provincial People's Committee highly appreciates Binh Duong insurance company for great achievements in charitable social activities.

The company's staff consists of 36 people who are young, qualified and enthusiastic to fulfil their business task assigned by the Vietnam Insurance Corporation. Talking about success of the company Tran Que Loc revealed "Binh Duong enjoys many advantages when located in Binh Duong province- where the socio-economic aspects always develop under the leadership of the Party Committee and the authority levels and the order and social security of the province are stable." This is an important factor for the increasing growth of insurance business.

When estimating the company's future, Loc affirmed that Binh Duong has a great potentials of insurance market, therefore Bao Viet will have more services to satisfy the demand of socio-economic development in which agricultural insurance is a new service for the company to quickly exploit.

BẢO MINH BÌNH DƯƠNG

Sức bật mới ở một đơn vị Bảo hiểm

Tháng 8 năm 1996, Chi nhánh Công ty bảo hiểm Bảo Minh tại Bình Dương đi vào hoạt động với phương châm phục vụ mọi nhu cầu về bảo hiểm cho tất cả các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Với phương châm hoạt động ấy, trong hơn 6 năm qua, Chi nhánh Bảo Minh Bình Dương luôn nỗ lực không ngừng và đã thu được hiệu quả nhất định với nhiều loại hình bảo hiểm đa dạng.

Địa lợi - nhân hòa, hai yếu tố quyết định thành công

Chọn lựa địa điểm đầu tư quyết định không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt với một đơn vị được coi là "kinh doanh rủi ro" như Bảo Minh, việc lựa chọn ấy lại càng quan trọng. Chính sách "trải thảm đỏ" mời gọi đầu tư trong và ngoài nước mà tỉnh Bình Dương thực thi trong những năm gần đây đã thực sự tác động mạnh đến quyết định của Công ty bảo hiểm Bảo Minh khi chọn Bình Dương làm nơi đặt chi nhánh.

Là một trong những tỉnh đứng đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, 8 khu công nghiệp đã và đang phủ kín diện tích, thu hút hơn 265 nghìn lao động, hệ thống giao thông, bưu chính viễn thông, điện cung cấp luôn được đầu tư phát triển. Cơ cấu kinh tế công nghiệp và dịch vụ của Bình Dương chiếm tỷ trọng ngày càng lớn (60,5% và 25,9%), tỷ trọng nông nghiệp giảm (13,5%). Những đặc điểm đó giúp cho hoạt động của Bảo Minh Bình Dương sẽ thu được kết quả khả quan hơn so với các nơi khác trong việc khai thác, tìm kiếm khách hàng. Bởi theo nhận định của Bảo Minh, khách hàng chính của Bảo Minh Bình Dương không ai khác là những công ty, xí nghiệp trong và ngoài nước, các khu công nghiệp, các trường học. Ngoài hoạt động chủ yếu tại Bình Dương, Bảo Minh còn mở rộng hoạt động sang các vùng giáp ranh tỉnh như các huyện ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh và Đồng Nai, v.v..

Hiện nay, loại hình bảo hiểm của Bảo Minh rất đa dạng, nhất là các loại hình bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng vận chuyển nội địa, bảo hiểm rủi ro tài sản, v.v.. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, hoạt động kinh doanh của đơn vị không ngừng phát triển, đáp ứng tốt yêu cầu bảo hiểm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, nhất là mở rộng bảo hiểm toàn cầu cho các tập đoàn doanh nghiệp. Chỉ tiêu giao nộp ngân sách hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch giao. Trong đó, năm 2002, công ty nộp ngân sách 829 triệu đồng, tăng hơn 9 lần so với năm 1998 (hơn 90 triệu đồng).

Mở rộng hoạt động trong thời gian tới

Bảo hiểm được xem là sản phẩm khá mới mẻ ở thị trường Việt Nam, vì thế Bảo Minh Bình Dương đang từng bước đẩy mạnh bán sản phẩm ở thị trường Bình Dương. Ngoài việc chú trọng đến những sản phẩm truyền thống, Bảo Minh Bình Dương luôn hoàn thiện cải tiến sản phẩm trên cơ sở nhu cầu thực tế của khách hàng như nghiệp vụ bảo hiểm con người, đưa ra những mức phí, mức trách nhiệm phù hợp từng nơi, tỷ lệ bồi thường phù hợp với từng đơn vị tham gia bảo hiểm...

Cùng với đó, Bảo Minh Bình Dương còn đẩy mạnh công tác marketing như tổ chức rà soát điều tra lại thị trường tại Bình Dương, đặc biệt là các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp; xây dựng các biện pháp tiếp thị, quảng cáo, xây dựng các kênh bán hàng phong phú hơn, tăng cường kênh bán hàng từ các đại lý cộng tác viên. Bên cạnh đó, công ty còn áp dụng các chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng bằng cách tăng cường các biện pháp đánh giá rủi ro, phối kết hợp với các ban, ngành liên quan như công an, lực lượng phòng cháy chữa cháy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban quản lý các khu công nghiệp... kiểm tra nhắc nhở và tư vấn các biệp pháp đề phòng, hạn chế tối đa các vụ tổn thất về người và tài sản, nếu có tổn thất xảy ra cũng không nghiêm trọng.

Với các loại hình sản phẩm đa dạng, Bảo Minh Bình Dương đang từng bước hoàn thiện mình để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất tại thị trường tiềm năng này.

BAO MINH BINH DUONG

New Strength of the Insurance Corporate

The branch of Bao Minh Insurance Company in Binh Duong was established in Augus 1996 to serve insurance demand for every economic sectors in Binh Duong. With the oper ational motto, Bao Minh branch in Binh Duong has put great efforts and achieved certai efficiency to varied kinds of insurance over the past six years.

Favorable terrain and united people - two prerequisites for success

Selecting location for investment has great influences on the business efficiency of the enterprises, and it is especially important to companies in risk business line as Bao Minh. The policy :" spreading red carpet" to lure domestic and foreign investment recently implemented in Binh Duong really has strong impacts on the Bao Minh Insurance Company when selecting Binh Duong as their branch.

As one of the leading provinces in investment capital attraction, Binh Duong has eight industrial zones almost filled with investment projects attracting over 265,000 labor. Transport , post - telecommunication and electricity systems are usually invested. The economic structure of industry and services has reached larger proportion (60.5-25.9 percent respectively), the agricultural proportion reduced (13.5 percent). These features has helped Bao Minh's activities in Binh Duong to attain more positive results than other places in exploiting and seeking customers. Bao Minh think that, its main customers in Binh Duong are foreign and domestic companies and factories, as well as industrial parks and schools. In addition to Binh Duong, the company also expand its business in neighboring areas such as suburbs of Ho Chi Minh city, Binh Phuoc, Tay Ninh and Dong Nai.

Bao Minh supplies a variety of insurance types, especially for import and export cargo , inland transit cargo , property risk etc. Since its establishment, the company's business has been developing to satisfy insurance demand of domestic and foreign invested companies, especially the expansion of global insurance for corporations and groups. Contributions to the state's budget are always fulfilled and are in excess of the plan. In particular, in 2002 the company contributed VND829 million , increasing by 9 times over 1998 (more than 90 millions).

Expanding operation scope in the future

Insurance is considered a new service in Vietnam market. Like other production and business enterprises, Bao Minh in Binh Duong has gradually intensified the market in Binh Duong. In addition to attention to traditional products, Bao Minh Binh Duong always improves the products basing upon the customers' real demand such as human insurance with fees and responsibilities suitable to each localities and compensation rate appropriate with each unit buying insurance.

Binh Duong also strengthens marketing activities to organize and make survey in Binh Duong market, especially, factories in industrial zones, builds various marketing and advertisement activities and sales networks as well as increases sales networks from collaborative agents. Additionally, the company has also applied polices of after-sales services, tending customers by intensifying risk appraisal methods in combination with other relevant sectors such as police, firemen force, Department of Labor, Invalid and Social Affairs, management board of industrial zones to check and consult prevention methods to maximally limit damages of human and property or if happen, there are not serious cases.

With diverse products, Bao Minh Binh Duong is now on the way of perfect itself to provide customers with the best products at this potential markets.

NGÀNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Tạo nền móng cho sự phát triển bền vững

Ngay sau khi tỉnh Bình Dương được tái lập (1-1-1997), ngành xây dựng đã bắt tay vào công tác quy hoạch và chỉnh trang lại đô thị, tạo nền móng vững chắc xây dựng nên hình ảnh, diện mạo mới cho tỉnh Bình Dương.

Hơn 6 năm qua (1997 - 2002), ngành xây dựng Bình Dương đã để lại những dấu ấn tốt đẹp, tạo nền móng vững chắc cho sự đổi mới và phát triển của Bình Dương theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đường sá nội ô, liên huyện, liên xã đã được làm mới, tu sửa theo kiến trúc đô thị mới hơn, đẹp hơn. Nhiều khu dân cư, khu công nghiệp được xây dựng với quy mô khang trang, bề thế. Kiến trúc dân dụng thể hiện ngày càng phong phú, đa dạng với nhiều kiểu dáng kiến cố, hiện đại.

Khi quy hoạch đi trước một bước

Sở Xây dựng Bình Dương với chức năng chính là quản lý công tác xây dựng luôn gắn với yêu cầu phát triển qui hoạch kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhiều dự án công nghiệp lớn, tác động có hiệu quả đến đời sống nhân dân đã được phác thảo, phê duyệt và đi vào thực hiện, tạo thành quả lớn.

Đến nay, các thị xã, thị trấn, thị tứ của tỉnh đã lập xong quy hoạch xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt như thị trấn Dĩ An, Phú Giáo, Dầu Tiếng, Lái Thiêu, Thuận An, thị xã Thủ Dầu Một. Sở đã tích cực quy hoạch 11 khu dân cư đô thị tập trung và gần 40ha quy hoạch chia lô cụm nhà ở cấp cho cán bộ, công nhân viên và tái định cư. Tổng diện tích phát triển dân cư là 627,8 ha. Một số dự án đã và đang triển khai như khu dân cư Chánh Nghĩa - thị xã Thủ Dầu Một, khu dân cư - trung tâm hành chính huyện Dĩ An, khu dân cư An Phú, Thuận Giao. Các chương trình xây dựng nhà ở cũng đang được tỉnh chỉ đạo thực hiện như chương trình 200.000 m^2 nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp, khu chung cư Bạch Đằng - thị xã Thủ Dầu Một, khu chung cư cho công nhân ở Khu công nghiệp Đồng An. Cùng những nỗ lực của ngành xây dựng trong việc quản lý, chỉ đạo công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị nên nhiều huyện, thị trấn đã có bộ mặt mới.

Kỹ sư Nguyễn Văn Nhiều
Giám đốc Sở Xây dựng Bình Dương

Các khu công nghiệp Sóng Thần 2, Đồng An, An Phú, Tân Đông Hiệp được sở trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng phê duyệt dự án. Đến nay, nhiều khu công nghiệp, đã có một hạ tầng cơ sở khá hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư. Các quy hoạch chi tiết về trục giao thông chính, hệ thống điện, cấp thoát nước trong khu công nghiệp đã đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí ngành nghề đầu tư phù hợp với phân khu chức năng.

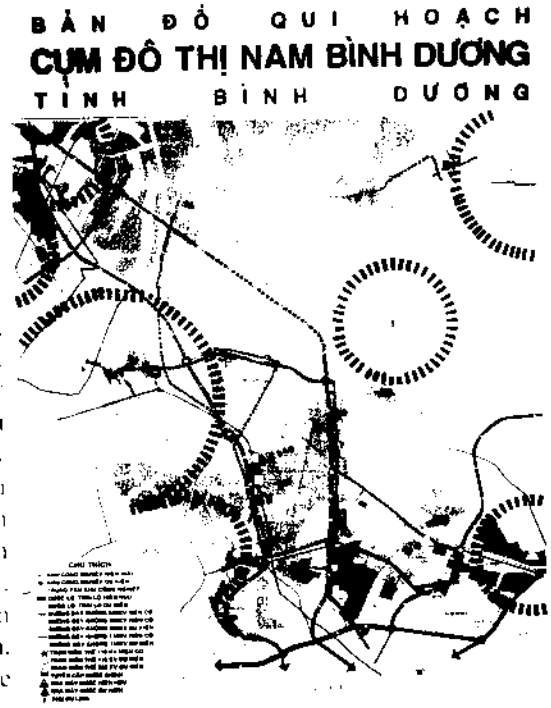

Đồng thời, ngành xây dựng Bình Dương trong giai đoạn này cũng đã hoàn thành quy hoạch xây dựng khu di tích Địa đạo Tây Nam, Bến Cát, di tích lịch sử Kiến An, tượng đài chiến thắng Bàu Bàng, tượng đài chiến thắng Phước Thành, biểu tượng trạm xe

lửa Dĩ An, biểu tượng ngã sáu Thủ Dầu Một. Hay còn là các quy hoạch tổng thể phát triển du lịch như cụm du lịch Cầu Ngang, Lái Thiêu, du lịch Châu Thới, Dĩ An, khu du lịch Sinh thái Tân An. Có thể kể đến các dự án quy hoạch xây dựng khác mà Sở Xây dựng đang hoàn thành như Trung tâm dịch vụ thương mại Sóng Thần, khu dân cư thương mại Tân Phước Khánh,... một số dự án quy hoạch chi tiết các nút giao thông tỉnh và ranh giới nội ô, ngoại ô các huyện thị. Các dự án quy hoạch văn hoá - xã hội đã được ngành xây dựng chuẩn bị, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của tỉnh Bình Dương khi tiến vào thế kỷ XXI.

Những gương sáng trong ngành xây dựng

Theo đánh giá của ông Nguyễn Văn Nhiều - Giám đốc Sở Xây dựng: "Ngành xây dựng Bình Dương đã thực sự lớn mạnh và phát triển liên tục, góp phần không nhỏ vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà, trong đó có sự góp sức của khoảng 36 đơn vị, công ty, xí nghiệp có chức năng xây dựng trong tỉnh".

Nhiều đơn vị tạo được uy tín và thành quả chuyên môn kỹ thuật, kinh doanh như Công ty thương mại đầu tư và phát triển Becamex, một doanh nghiệp nhà nước rất thành công trong lĩnh vực xây dựng. Becamex có đầy đủ những kỹ sư giỏi, công nhân kỹ thuật lành nghề, cán bộ kỹ thuật nhiều kinh nghiệm cùng những trang thiết bị hiện đại. Hoạt động xây dựng của Becamex luôn hội đủ lợi thế cạnh tranh trong quá trình tham gia đấu thầu xây dựng trong nước và quốc tế. Những công trình do Becamex thi công đều được các chủ đầu tư hài lòng như kết cấu hạ tầng VSIP (khu công nghiệp Việt Nam - Singapore), Nhà máy sản xuất sắt thép Vinatafong (Đài Loan), Nhà máy giầy hài Mỹ (Đài Loan), Nhà máy New Toyo,... Hoạt động xây dựng của Becamex cũng được tổ chức DNV (Na Uy) và Quacert (Việt Nam) đánh giá công nhận hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn ISO 9002. Những đơn vị thành công trong ngành xây dựng còn có Công ty xây dựng Bình Dương, Công ty xuất nhập khẩu 3/2, Công ty xây dựng và sản xuất thiết bị trường học.

Hoạt động tư vấn trong xây dựng cũng là thế mạnh của ngành xây dựng Bình Dương trong 5 năm qua. Với chức năng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khảo sát, lập dự án, thiết kế, giám sát kỹ

Lập và triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển là tiền đề cơ bản mang lại diện mạo mới cho Bình Dương

thuật, thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, đấu thầu. Công ty tư vấn xây dựng đã thực hiện một khối lượng lớn gồm 2.353 hợp đồng đã ký kết, doanh thu đạt 14,5 tỷ đồng, đảm bảo phát triển kinh doanh với uy tín ngày càng cao.

Công ty vật liệu và xây dựng Bình Dương đã lớn mạnh và trở thành doanh nghiệp nhà nước tầm cỡ với 12 ngành nghề kinh doanh, 7 xí nghiệp và 3 đơn vị trực thuộc. Sau 5 năm đổi mới phương thức hoạt động (1997 - 2001), giá trị tổng sản lượng đạt 464 tỷ đồng. Thành công của công ty được ghi nhận với 4 huân chương độc lập, 4 huân chương lao động, 4 bằng khen của Chính phủ.

Ngoài các đơn vị kinh doanh trong ngành xây dựng, 9 ban quản lý dự án xây dựng cấp tỉnh và 8 ban quản lý dự án xây dựng cấp huyện đang đảm nhiệm việc quản lý công tác xây dựng ở các nơi trên địa bàn tỉnh. Với mô hình hoạt động như vậy, hàng năm các ban quản lý đã tổ chức hàng trăm các dự án đấu thầu xây dựng, giám sát kỹ thuật các công trình, hoàn thành nhiều dự án hạ tầng cơ sở phục vụ đời sống kinh tế ở các địa phương.

Kế hoạch cho tương lai

Kế tục những thành quả đạt được, trong năm 2002 và những năm kế tiếp, ngành xây dựng Bình Dương phấn đấu đạt nhiều mục tiêu quan trọng:

Về công tác quản lý kiến trúc, quy hoạch đô thị, Sở Xây dựng tiếp tục điều chỉnh quy hoạch huyện Thuận An, Khu thị tứ Sở Sao (Thủ Dầu Một), huyện Bến Cát và đặc biệt là 7 điểm dân cư thuộc địa bàn Bến Cát theo chương trình quy hoạch Đường Trường Sơn do Bộ Xây dựng chủ trì. Bên cạnh đó, sở phấn đấu hoàn thành các quy hoạch về cảnh quan, nút giao thông toàn tỉnh, quy hoạch phát triển không gian các xã phía nam Bình Dương, các công trình công cộng. Lập quy hoạch về khu liên hiệp dịch vụ - công nghiệp - đô thị rộng 4.200 ha.

Về công tác quản lý đầu tư, xây dựng và thẩm định, sở tập trung vào công tác thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình có vốn đầu tư của nhà nước; thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và cấp giấy phép xây dựng các công trình có vốn đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước đầu tư tại Bình Dương. Mặt khác, sở cũng tiến hành các phương án tổ chức kiểm tra, xây dựng, chất lượng vật liệu xây dựng, kiểm tra các ban quản lý dự án về quản lý và đầu tư xây dựng cơ bản, cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế.

Đối với công tác nhà đất, sở đẩy mạnh công tác kiểm tra, đo đạc, tính toán giá bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, cụ thể ở các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Phú Giáo, kể cả việc phối hợp với các ngành chức năng, Uỷ ban nhân dân phường, cơ quan quản lý nhà ở.

Các ban quản lý dự án xây dựng sẽ thực hiện quy hoạch các xã, cụm xã thuộc huyện Dĩ An, Thuận An, Dầu Tiếng, Bến Cát và Tân Uyên. Đồng thời, các ban sẽ quản lý dự án chung cư cao tầng Bạch Đằng, chuẩn bị đầu tư chung cư cao tầng tại Cư Xá, một khu chung cư thuộc dự án khu nhà ở cho người có thu nhập thấp Hiệp Thành - thị xã Thủ Dầu Một và nhà ở cho công nhân trong khu công nghiệp.

Nhu cầu đầu tư cho xã hội ngày một tăng, kiến trúc công trình ngày một đa dạng, các khu công nghiệp, dân cư ngày một hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu bức xúc của tốc độ xây dựng và phát triển. Ngành xây dựng trong những năm đầu của thiên niên kỷ đã đề ra phương châm cải tiến, nâng cao chất lượng, nuôi quyết tâm đặt nền móng vững chắc cho các công trình vì sự phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

Giá trị sản xuất của ngành xây dựng phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị: triệu đồng

Loại hình	1996	2001	%
Khu vực nhà nước	86.606	484.743	560
Khu vực tư nhân	11.380	22.239	195
Khu vực nước ngoài	-	50.296	

Nguồn: Cục Thống kê Bình Dương

BINH DUONG CONSTRUCTION SECTOR

Creating Foundation for the Solid Development

As soon as Binh Duong Province was re-established on January 1st 1997, Binh Duong Construction sector started planning and improving the town, creating a solid foundation for the establishment of a new image of Binh Duong Province.

Over the past six years (from 1997 to 2002), Binh Duong construction sector has made a significant contribution to create a solid ground for the renovation and development of Binh Duong Province towards the industrialisation and modernisation. The urban, inter-district and inter-commune roads have been repaired and renewed in accordance with the new and beautiful urban architecture. Spacious industrial zones and residential areas have been built. The civil architecture has been displayed in multifarious modern and solid designs.

When planning one step ahead

Binh Duong Department of Construction mainly functions as the construction management organisation in accordance with the development requirements of the socio-economic planning and economic restructure towards the industrialisation and modernisation. Important effective industrial projects have been successfully implemented, having satisfactory impacts on the local people's life.

Many districts including Di An, Phu Giao, Dau Tieng, Lai Thieu, Thuan An and Thu Dau Mot Town have made feasible construction plans approved by authorised organisations. Binh Duong Department of Construction has planned 11 concentrated urban residential areas and around 40 hectares of land plots for its staff and for resettlement. The total residential area is 627.8 hectares. Projects on Chanh Nghia residential area in Thu Dau Mot Town, Di An Residential and Administration Centre, as well as An Phu and Thuan Giao residential areas have been carried out. The province is implementing the projects on building residential blocks such as the programs for living blocks of 200,000 sq.m for workers and low-income people. Bach Dang tenement-house in Thu Dau Mot Town and tenement-houses for workers in Dong An Industrial Zone. Thanks to the construction sector's endeavours to manage and direct the urban improvement planning, the images of the towns and districts in the province have been changed.

Binh Duong Department of Construction has sent the projects on those industrial zones as Song Than No.2, Dong An, An Phu and Tan Dong Hiep to the Prime Minister of Construction for approval. A number of industrial zones now have rather adequate infrastructures that meet the requirements of the investors. The detailed planning for major roads and electric and water supply systems in the industrial zones all meet the technical standards, and the investment in those industrial zones are reasonably arranged in accordance with functional division.

Binh Duong construction sector has finished the planning for historical places like Tay Nam and Ben Cat Tunnel and Kien An, Bau Bang Victory Monument, Phuoc Thanh Victory Monument, Di An Railway Station and Thu Dau Mot junction. In addition, the overall planning for the tourism development such as Cau Ngang and Lai Thieu tourism clusters, Chau Thoi, Di An tourism and Tay An ecological tourism. Other

projects being completed by Binh Duong Department of Construction include: Song Than Commercial Services Centre and Tan Phuoc Khanh Commercial Residential Region and some other detailed planned projects on the junctions and town lines. The construction sector is preparing social and cultural planning projects for the solid development of Binh Duong in the 21st Century.

Typical examples in the construction sector

According to Nguyen Van Nhieu - the Director of Binh Duong Department of Construction, "Binh Duong construction sector has constantly developed. With the support from about 36 construction companies and organisations throughout the province, the construction sector has made a significant contribution to the provincial industrialisation and modernisation."

Becamex Commercial Investment and Development Company can be taken as an example of the enterprises that have made solid prestige and achieved high levels of professional techniques. Becamex is a successful state-owned construction enterprise with excellent engineers, highly skilful workers and experienced technicians as well as modern machinery. The company has always got enough competitive advantages for the local as well as international construction bids. Construction projects implemented by Becamex such as VSIP infrastructure, Vinatafong Iron and Steel Production Factory, Hai My Footwear Factory (Taiwanese) and New Toyo Factory all satisfied the investors. Becamex's operation is certified ISO9002 by the DNV Organisation (Norwegian) and Quacert (Vietnamese). Aside from Becamex, Binh Duong Construction Company, Second February Import - Export Company and Construction and School Equipment Production Company are also successful in construction.

Construction consulting has been strength of Binh Duong construction for the past five years. With the function to do the business in researching, making projects, designing, supervising techniques, civil and industrial construction, and bidding, the Construction Consultancy Company has accomplished 2,353 contracts, achieving the revenue of VND14.5 billion, expanding

"Quality improvement" is the long-term strategy of Binh Duong's Construction Sector

its business with increasingly prestige.

Binh Duong Materials and Construction Company has grown and become a giant state-run enterprise with 12 businesses, seven factories and three dependent enterprises. The total productivity of VND464 billion is the result of the five-year renovation of operational methods from 1997 to 2001. The company has achieved four Independent medals, four Labour medals and four compliment certificates from the government.

In addition to the construction enterprises, nine construction project management of provincial level and eight of district level are in charge of the construction works all over the province. Annually, the boards of directors supervise a great deal of technical works and carry out hundreds of construction projects for bid and projects on infrastructure construction for the regional economic life.

Plans for the future

Continuing the achievements, Binh Duong is striving for the important targets as follows:

In terms of architecture management and urban planning, the Department of Construction continues regulating the planning for the construction of Thuan An District, So Sao Sub-district (in Thu Dau Mot), Ben Cat District and especially the seven residential areas in Ben Cat following the planning program for Truong Son Road presided by the Ministry of Construction. Besides, the Department of Construction is also endeavouring to fulfil the planning for the provincial traffic junctions and the provincial scenery and for the development of the southern communes of Binh Duong and for public work. Making a plan for the construction of a 4,200-hectare general zone of services, industry, and urbanisation.

In terms of investment management, construction and examination, the Department of Construction concentrates on examining the technical design records, the total estimates for the state-invested buildings and examining the records of technical designs and construction license for the privately local or foreign invested buildings in Binh Duong. On the other hand, the Department is organising and testing the construction and construction materials, controlling the basic management and investment on construction implemented by the projects' boards of directors, and licensing the designers.

In terms of real estates, inspecting, measuring and appraising the state-owned real estates have been consolidated, especially in such districts as Thuan An, Di An, Ben Cat and Phu Giao. The co-operations with relevant organisations, the people's committees of wards and housing management departments are also stimulated.

Construction management project units will make plans for the communes and groups of communes in Di An, Thuan An, Dau Tieng, Ben Cat and Tan Uyen Districts. They will also control the projects on Bach Dang multi-storeyed living quarters, preparing to invest in the multi-storied living quarters in Cu Xa, and Hiep Thanh tenement-house in Thu Dau Mot Town as well as tenements for workers in the industrial zones.

The demands for social investment are increasing, the construction architectures become various , more and more modern industrial zones and residential areas have been built, but the demands for construction and development pace of the society are still very high. Binh Duong construction sector is improving its capacity in the first years of the new millennium to pursue the solid foundation for the buildings of the local economic development.

Production values of Binh Duong construction classified by economic classes

Unit: Million dong

Types	1996	2001	Percentage
State-owned	86,606	484,743	560
Non-state-owned	11,380	22,239	195
Foreign invested	-	50,296	

Source: Binh Duong Statistics Bureau

CÔNG TY XÂY DỰNG - TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ BÌNH DƯƠNG

Niềm tin của mọi công trình

Tiền thân là đội công trình của Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) năm 1993, Xí nghiệp xây dựng tư vấn và sản xuất thiết bị trường học chính thức ra đời theo Quyết định 583/QĐ-UB ngày 30-06-1990. Đến tháng 07-2002, xí nghiệp đổi tên thành Công ty xây dựng - tư vấn và đầu tư Bình Dương và hoạt động đến ngày nay. Hiện nay, công ty có tổng vốn đầu tư trên 3,1 tỷ đồng.

Năng lực chuyên môn cao

Công ty có chức năng thi công xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, sản xuất các loại thiết bị dùng cho công tác dạy và học. Các công trình cấp, thoát nước sinh hoạt, công nghiệp quy mô vừa; san lấp mặt bằng, công trình xây dựng đường giao thông cấp II trở xuống, cầu nhỏ; thi công xây dựng, lắp đặt đường dây điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất lắp đặt cửa nhôm, cửa sắt; đầu tư kinh doanh xây dựng kết cấu hạ tầng và nhà ở, tư vấn thiết kế kỹ thuật; soạn thảo hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu; lập các dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, giám sát và quản lý toàn bộ quá trình thực hiện dự án. Để đáp ứng và hoàn thành tốt các chức năng khá đa dạng, phong phú, công ty đã chú trọng tới công tác đào tạo con người. Tính đến nay, công ty có 29 công nhân có trình độ đại học, 110 công nhân có trình độ cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật có giấy chứng nhận bậc thợ. Bên cạnh đó, công ty tiến hành trang bị các loại máy móc thiết bị thi công hiện đại như các loại xe tải, xe lu, xe cuốc, xe ủi, máy đầm bàn, máy trộn hồ, máy cắt sắt, cắt gạch, máy mài đá, máy uốn, nắn thép, giàn giáo, máy phát điện, giàn máy vận thang, máy đầm dùi, đầm rung, máy cắt bê tông... và các thiết bị chuyên dùng khác.

Hiện nay, công ty có kế hoạch đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng, tập trung các điều kiện tốt nhất nhằm đáp ứng tiến bộ thi công, thực hiện đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư đạt hiệu quả.

Những kết quả đáng ghi nhận

Xây dựng uy tín bằng chất lượng sản phẩm và công trình, trong những năm qua, Công ty xây dựng - tư vấn và đầu tư Bình Dương đã xây dựng nhiều công trình với chất lượng kỹ thuật - mỹ thuật cao với hơn 10 công trình xây dựng dân dụng tiêu biểu như trụ sở Sở Xây dựng, Sở Công nghiệp, trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình; các công trình giáo dục, công trình xây dựng công nghiệp, công trình xây dựng cầu đường. Trong mỗi công trình, Công ty xây dựng - tư vấn và đầu tư Bình

Kết quả sản xuất - kinh doanh (2001 - 2002)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2001	Thực hiện 2002
1	Tổng doanh thu	1000 đồng	50.902.295	54.630
2	Nộp ngân sách	"	367.089	702
3	Lợi nhuận	"	2.158.470	2.195

Nguồn: Công ty xây dựng - tư vấn và đầu tư Bình Dương

Dương đều tìm ra điểm nhấn, thế mạnh riêng, tạo nên phong cách xây dựng hoàn toàn mới lạ, đẹp mắt và thuận lợi.

Nhờ mở rộng sản xuất - kinh doanh, doanh thu hàng năm của công ty đạt trên dưới 50 tỷ đồng. Sản phẩm của công ty đạt kỹ thuật - mỹ thuật cao, địa bàn hoạt động tương đối ổn định, đưa uy tín của công ty ngày một tăng lên.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, tuy xuất phát điểm chỉ là một đội thi công nhưng đến nay, Công ty xây dựng - tư vấn và đầu tư Bình Dương đã trở thành địa chỉ đáng tin cậy của nhiều công trình. Hy vọng, trong tương lai, công ty sẽ tiếp tục phát huy sức mạnh tiềm tàng của mình, tiếp thêm niềm tin và ước mơ cho các công trình.

BINH DUONG CONSTRUCTION CONSULTANT INVESTMENT COMPANY

Reliable Address of Every Construction Work

Formerly known as construction team of Education and Training Department of Song Be Province (now called Binh Duong province), in 1993 School Equipment Producing and Consultant Construction Factory was officially established in accordance with the Decision 583/QD - UB dated June 30, 1990. The company changed its name to Binh Duong Construction Consultant Investment Company in July 2002. Currently, the company's total investment capital is over VND 3.1 billion.

High expertise

The company specialises in constructing civil - industrial works and producing school equipment. It also focuses on medium-scale domestic and industrial drainage - supply projects; ground levelling, transportation construction works - grade H downwards, small bridges; electric wire, transformer stations and illuminating system installation, construction materials production, iron and aluminium door installation. It invests in building houses, providing technical consultant, compiling tender invitation documents, and setting up, supervising and managing investment projects as well as the implementation of these projects. To fulfil all tasks, the company has focused on human resources. Now the company has 29 workers graduating from universities, 110 workers from colleges and high schools, technical workers with the certificate of skills. In addition, the company has also equipped with modern machines such as trucks, steamroller,

Results of Business and Production (2001-2002)

No	Criteria	Unit	2001 performance	2002 performance
1	Total turnover	1,000 VND	50,902,295	54,630
2	Contributions to the budget	"	367,089	702
3	Profit	"	2,158,470	2,195

Source: Binh Duong Construction Consultant Investment Company

bulldozer, threshing machine, mortar mixer, iron and brick cutter, stone grinder, steel winder, electric generator, scaffold, concrete cutting machine and other specialised equipment.

At the moment, the company is planning to continue investment in special used equipment, focussing on the best conditions in order to meet the project progress and to do effective business and investment in infrastructure of industrial zones and residential areas.

Achievements

During the past years, with the high prestige on the basis of quality of products and works, Binh Duong's Construction Consultant and Investment Company has carried out a lot of construction works with the best quality of technique and fine arts. The ten typical civil constructions are Construction Department Headquarters, Industrial Department, Centre for technique and television and radio; education and industrial construction works, bridges and roads. For each construction work, it owns special style: strange, nice-looking, and convenient.

Thanks to the expansion of business and production, the company earns VND50 billion of annual turnover. Its products are of high quality, technique and fine arts, stable business location has helped the company's fame ever increase

Despite the low start up as construction unit, Construction Consultant Investment Company is now a reliable address of many construction works. Hopefully, the company will promote its potential strength and continue making greater contributions to a lot of constructions in the coming time.

BCCI

CÔNG TY XÂY DỰNG - TƯ VẤN - ĐẦU TƯ BÌNH DƯƠNG
BINH DUONG CONSTRUCTION CONSULTANT INVESTMENT COMPANY

Địa chỉ: Phú Lợi, Phường Phú Hòa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0650. 822098

* Thi công các loại công trình giáo dục, dân dụng và công nghiệp.
* San lấp mặt bằng.
* Sản xuất các loại thiết bị dùng cho dạy và học.
* Đầu tư xây dựng các khu dân cư - khu công nghiệp.

* Implementing educational, civil and industrial construction projects.
* Site clearance and ground levelling.
* Producing verious kinds of school equiments.
* Building residental areas and industrial zones.

Công trình do đơn vị thi công năm 2002

Binh Duong Radio and Television St

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Thực hiện phương châm "đi tắt đón đầu"

Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VII, đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm - Nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ đã phát biểu: "Bình Dương phải vươn lên, thực hiện phương châm "đi tắt đón đầu", tranh thủ và ra sức ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống. Có như vậy, Bình Dương mới có điều kiện phát triển nhanh và bền vững, góp phần cùng cả nước khắc phục tình trạng tụt hậu về kinh tế". Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - công nghệ và nhân dân tỉnh Bình Dương đã và đang gắng sức phấn đấu đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống, đặc biệt là chú ý hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp.

Khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp

Là một tỉnh có trên 60% dân số sống bằng nghề nông, điều kiện tự nhiên thuận lợi, Bình Dương có nhiều lợi thế để phát triển nông nghiệp toàn diện. Vì vậy, những đề tài nghiên cứu khoa học được tập trung ưu tiên cho lĩnh vực này, đặc biệt là giai đoạn 1991 - 1995, có 23 đề tài/dự án nông nghiệp cấp tỉnh được thực hiện (chiếm 43%). Trong 5 năm (1997 - 2002), toàn tỉnh đã có 11 đề tài/dự án nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ cấp tỉnh/cấp bộ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được triển khai, huy động nhiều cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia. Ngoài ra, cán bộ ngành nông nghiệp còn triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ khác. Cụ thể, trong năm 2002 đã tổ chức 116 điểm trình diễn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, tập huấn kỹ thuật được 221 lớp với 10.914 lượt người tham dự. Hệ thống hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ được củng cố và phát triển từ tỉnh đến cơ sở. Hiện nay, toàn tỉnh có 65 câu lạc bộ nhà nông đang hoạt động dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp.

Hoạt động khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã hỗ trợ có hiệu quả trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp tăng từ 15,8% (năm 1996) lên trên 22% (năm 2002). Ngành trồng trọt đã có sự chuyển đổi từ cây ngắn ngày sang cây dài ngày, phù hợp với điều kiện sinh thái, phục vụ đắc lực cho ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu, nhất là hình thành được các vùng chuyên canh cao su (hầu hết sử dụng giống mới được kết luận qua nghiên cứu khoa học, trồng mới bằng phương pháp ghép), điều, cây ăn quả, mía, lúa (trên 90% diện tích sử dụng giống lúa mới) và một vùng chăn nuôi tập trung có quy mô đàn khoảng 43.000 con, trong đó 2.900 bò sữa. Chăn nuôi công nghiệp phát triển, chiếm 65%

tổng số đàn heo và 58% tổng đàn gia cầm của tỉnh.

Các bộ giống lúa thích hợp cho từng mùa vụ, từng loại đất được xác định qua các cuộc khảo nghiệm. Giống lúa mới được gieo trồng hầu hết trong các vụ đông xuân và hè thu đã cho năng suất từ 33,4 - 45 tạ/ha lên 41,9 - 52 tạ/ha. Chương trình thực hiện rau màu (khổ qua, cà, dưa leo,...) đưa năng suất từ 70 - 115 tạ/ha lên 150 - 182 tạ/ha, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật về bò, gà, cao su, bắp cũng đạt kết quả cao. Dự án phát triển đàn bò lai sind làm nền tảng cho sự cải thiện đàn heo theo hướng nạc hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, riêng Công ty VIFACO hàng năm cung cấp 4.000 heo giống cho các hộ chăn nuôi. Chăn nuôi gà thả vườn theo quy mô hộ gia đình đã góp phần tăng thêm thu nhập hộ gia đình và sử dụng tốt thời gian nhàn rỗi ở nông thôn.

Tóm lại, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật đã góp phần đáng kể trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, theo hướng phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm trong chăn nuôi công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu cây trồng, từ cây ngắn ngày sang cây dài ngày phù hợp và ổn định hơn.

Công nghiệp

Một số tiến bộ khoa học công nghệ được áp dụng vào sản xuất - đời sống trên địa bàn tỉnh như công nghệ hút chân không và công nghệ nung bằng dầu, than ở một số cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng trong tỉnh; nhân rộng công nghệ nung gốm sứ sử dụng gas, điện; áp dụng công nghệ nổ mìn mới trong khai thác đá, giảm được chấn động, tiếng nổ và khoảng cách văng xa của đá.

Bưu chính viễn thông

Ngành bưu chính viễn thông đưa vào sử dụng hệ thống tổng đài điện tử với dung lượng hơn 40.000 số và thiết bị truyền dẫn kỹ thuật số tự động trong nước và quốc tế. Hệ thống di động Vinaphone, Mobiphone với trạm phủ sóng chất lượng tốt tới hầu hết các địa bàn trong tỉnh.

Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin được áp dụng vào quản lý nhà nước thông qua triển khai 24 dự án tự học hoá tại các cơ sở, ngành trọng điểm, Uỷ ban Nhân dân các huyện/thị, xây dựng mạng tin học diện rộng phục vụ điều hành chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh. Công nghệ thông tin được áp dụng rộng rãi trong ngành tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Công nghệ thông tin địa lý được ứng dụng vào quản lý môi trường, công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường chất lượng, tài nguyên khoáng sản. Website "Bình Dương trên đường công nghiệp hoá - hiện đại hoá" được khai trương vào dịp kỷ niệm 27 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Y tế

Nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ khám chữa bệnh được sử dụng. Chẳng hạn, hiện nay, ở tất cả bệnh viện tuyến tỉnh và huyện đều có máy X quang, siêu âm, điện

Giải trình về kỹ thuật khi đổi từ phân giu sức

tim, máy oxy tự tạo. Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã trang bị máy C.T.Scanner, máy nội soi, máy soi cổ tử cung,... 5 năm qua (1996 - 2002) toàn ngành y tế đã triển khai trên 100 đề tài nghiên cứu, ứng dụng cấp ngành, cấp cơ sở trong lĩnh vực chuyên môn ngoại khoa - chấn thương chỉnh hình, sản phụ khoa, nội khoa, nhi khoa, chuyên khoa tai - mũi họng - răng hàm mặt - mắt, phục hồi chức năng, ứng dụng laser trong điều trị bệnh,... đã nâng cao tay nghề cho đội ngũ y bác sĩ trong tỉnh.

Khoa học xã hội và nhân văn

Tập trung nghiên cứu sưu tầm để bảo tồn văn hoá địa phương như lễ hội các dân tộc, phong tục tập quán, nhạc lễ, nhạc tài tử, nhà cổ Bình Dương, khảo cổ,... Những nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học - xã hội cũng đã cung cấp những luận cứ khoa học cho những chủ trương, chính sách đường lối của tỉnh.

Thành công trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, quản lý đã góp phần động viên các cán bộ khoa học của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ. Ông Trần Văn Dũng - Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường Bình Dương cho biết: "Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tuy nhiên trong thời gian tới, cần đổi mới cơ chế quản lý khoa học, công nghệ, đồng thời có chính sách để huy động lực lượng cán bộ trong và ngoài tỉnh tham gia hoạt động khoa học, công nghệ góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Bình Dương".

SCIENCE TECHNOLOGY

Carrying out the motto "taking a shortcut"

At the Binh Duong provincial Seventh Congress of the Party's Committee, the Former Politburo Member, Deputy Prime Minister Nguyen Manh Cam said: "Binh Duong has to rise up, realising the motto "taking a shortcut", making use of and utilising up the application of updated and high technology in production and living, first of all information technology (IT) and biotechnology. Only by that way could Binh Duong be able to achieve rapid and stable development, along with the whole country making contribution to overcoming the economic slowdown". On implementation of Cam's instruction, the managers, science-technological officers and the people in the province have been endeavouring to speed up the applied research and science-technological advance transfer to production and living, especially focus on supporting the farmers and enterprises.

Science and technology support agriculture development

With more than 60% population living on agriculture, with favourable natural conditions, Binh Duong enjoys numerous advantages for comprehensive agricultural development. Hence, the priority has been given to the scientific theses relating that topics, particularly in the period of 1991-1995, 23 theses/projects on agriculture at provincial level were implemented, accounted for 43%. In five consecutive years (1997-2002), 11 scientific theses/projects on technological development were deployed, attracting the participation of many agricultural cadres in and out of the province. Apart from that, the agricultural cadres have also fulfilled the other science-technology activities, con-

cretely in 2002 organised 116 presentations with a view to transfer the technical advances to the farmers and 221 technical training courses with 10,914 participants. The science-technological supporting system from the provincial to the grassroot levels was consolidated and expanded with 65 farmer clubs operating under the guidance of the agricultural technicians.

The scientific activities in the agricultural and rural field have effectively assisted agricultural structure conversion. Husbandry growth rate increased from 15.8% in 1996 to over 22% in 2002. Cultivation shifted from planting short-day to long-day crops, suited to the ecological conditions and supported agricultural product processing and export, especially set up the areas specialising in the growing of rubber trees (mostly applied new crops resulted from the scientific research, planted by joining method), peanuts, fruit-trees, canes and rice. More than 90% area is used for planting new crop-seed rice and a concentrated breeding area with around 43,000 heads consisted of 2,900 milk cows. Breeding by industrial method has developed, represented 65% total porker herds and 58% poultry hers in the entire province.

The rice varieties suitable to each season and each kind of soil have been defined by the experiments. The new rice varieties, mostly cultivating in the winter-spring and summer-autumn harvests brought the yield from 3.34 - 4.5 tonnes/ha to 4.19 - 5.2 tonnes/ha. The vegetable program (bitter melon, aubergine, cucumber) lifted the output from 7 - 11.5 tonnes/ha to 15 - 18 tonnes/ha; the good results have also achieved in the transfer of science-technical advances to breeding cows and chickens, planting rubber and maize. The project on developing the Sind cows created foundation for the conversion of pigs into supper-meat porkers, obtaining high economic efficiency. VIFACO Company alone provides farmer households with 4,000 breeding pigs annually. Chicken breeding in the gardens at a household scale contributes to raising farmers' income and utilising up their free time.

In general, the science technique application has made considerable contribution to the agricultural structure conversion on the direction of strongly developing rearing cattle and poultry herds industrially, transferring cultivation from the short-day to more suitable and stable long-day crops.

Industry

The application of the science-technological advances in production and living has been carried out in the entire province. Those include vacuum absorbing and firing by oil and coal in some units, manufacturing construction materials, expanding ceramics baking by gas and powers, applying mine exploring for rock exploitation that helps reduce the shake, explosion and rock throwing distance.

Telecommunication

The telecommunication sector put the electric switchboard into operation with capacity of over 40,000 numbers and the national and international automatic digital transformers. The mobile network of Vinaphone and Mobiphone effectively cover with most of the provincial areas.

Information technology (IT)

IT is applied in State management through deployment of 24 projects of automatics at the crucial bases,sectors and municipal People's Committees; the IT wide area network (WAN) is set up to assist the provincial Party's Committee and People's Committee in conduct and management operation. IT is also applied in the sectors of finance, banking, taxation, customs and the production-business enterprises. Geographic IT is used for managing environment, technology, standard - measurement - quality and mineral resources. The website "Binh Duong towards industrialization and

modernisation was inaugurated on the occasion of 27-year anniversary of the South Vietnam complete liberation.

Health care

All of the hospitals at province and district levels are equipped with the modern equipment supporting examination and treatment such as X-ray, scanner, electrocardiogram and automatic oxygen generator. The provincial hospital possesses diverse kinds of scanners including CT-Scanner and cervix scanner. In last five years (1996-2002), the entire health sector displayed over 100 application researching theses at the sector and basic levels in surgery speciality of orthopedics and traumatogogy, tocology, internal medicine, paediatrics, speciality of otorhinolaryngology, ophthalmology, rehabilitation, applied laser in treatment etc., enhancing provincial doctors' professional skills.

Social science and human culture

Focusing on collecting research to preserve local culture such as festivals of the nationalities, manners and customs, festival music, theatre music, Binh Duong antique house and archaeology, the researches on the social - science field has also provided the scientific foundations for the provincial policies.

The outcomes in applying science advances in production, living and management have contributed a great deal to encouraging the scientists of the province to continuously boost science and technology activities. According to the Director of the former Department of Science - Technology - Environment, Tran Van Dzung, "The study on science and technology development in recent years made contribution to speeding up provincial socio-economic growth. In the time to come however, the attention should be paid to renovating the science-technology managing mechanism, concurrently issuing the policies on mobilisation of the cadres' participation in the science and technology activities, helping intensify the industrialisation and modernisation process of Binh Duong province".

Preparation for assembling biological air-keeping bag before operation

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Trung tâm ứng dụng khoa học Công nghệ và Môi trường thuộc sự lãnh đạo của Sở KHCN&MT tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Quyết định số 50/2000/QĐ-CT ngày 15/9/2000 của Chủ tịch Uỷ Ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trung tâm là tổ chức Khoa học và Công nghệ hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ không hoàn toàn có cơ cấu hoàn chỉnh về chuyên môn nhưng có một đội ngũ cán bộ khoa học và một số cơ sở vật chất làm nòng cốt, có khả năng tập hợp một đội ngũ cộng tác viên rộng lớn thuộc mọi lĩnh vực hoạt động Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Giải trình về kỹ thuật khí đốt từ phân gia súc

Các hoạt động chính bao gồm:

- Nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, triển khai áp dụng các công nghệ mới, kỹ thuật mới, các sản phẩm mới, các phương pháp mới.

- Sản xuất đơn chiếc hoặc số lượng nhỏ các sản phẩm mới có trình độ công nghệ cao mà các cơ sở sản xuất chưa có điều kiện thực hiện, từ đó chuyển giao và nhân rộng nhằm phục vụ sản xuất và đời sống.

- Thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về khoa học công nghệ.

- Thực hiện các hoạt động dịch vụ về Khoa học, Công nghệ và môi trường.

Chuẩn bị lắp ráp túi ủ khí sinh học trước khi thi công

Giám Đốc: Ksc. TRẦN VĂN THẠN

Địa chỉ: **Số 54 Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Hoà, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dươ**

Điện thoại: (0650) 822007 - 824630 Fax: (0650) 822007

Email: ttudbd@yahoo.com

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 54 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Hoà, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: (0650) 822631 Fax: (0650) 837731 Email: chicuctdc.bd@hcm.vnn.vn

Chi cục trưởng: BÙI THỊ DUYÊN

Hiện nay, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Dương đã đầu tư các thiết bị chuẩn đo lường, thử nghiệm được Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam công nhận khả năng kiểm định và thực hiện một số hoạt động kỹ thuật sau:

Kiểm định các loại phương tiện:

- Cân kỹ thuật
- Cân thông dụng
- Cân bàn
- Cân ô tô
- Đồng hồ áp suất
- Cột bơm nhiên liệu
- Xitéc ô tô
- Công tơ điện 1 pha

Các dịch vụ kỹ thuật:

Kiểm nghiệm vật liệu xây dựng:

- Gạch đất sét nung (gạch ống, gạch đinh)
- Gạch lát nền xi măng màu
- Mác bê tông (do cơ sở đúc sẵn)
- Mác bê tông tại công trình (lấy mẫu, dưỡng hộ, nén, tính mác bê tông R=28 ngày)
- Mác bê tông không phá huỷ tại hiện trường (súng bắn và máy siêu âm)

Dịch vụ kỹ thuật:

- Đo điện trở tiếp đất
- Lập barem bể trụ nằm ngang
- Lắp đặt hệ thống cân điện tử các loại
- Dịch vụ tư vấn và tiêu chuẩn hoá, năng suất chất lượng, ISO 9000

Kiểm định lưu động

Rất Hân Hạnh Được Hợp Tác

HẢI QUAN BÌNH DƯƠNG

Trưởng thành qua một thập kỷ

Hơn 10 năm đã trôi qua, quãng thời gian tuy chưa dài và bề dày thành tích còn khá khiêm tốn so với lịch sử truyền thống của ngành, nhưng Hải quan Bình Dương đã sớm khẳng định năng lực và vị thế của mình qua những thành tích đạt được ngày càng vững chắc.

Hải quan Bình Dương ra đời ngày 05-09-1991 với tên gọi ban đầu là Hải quan Sông Bé. Đến năm 1997, khi Sông Bé được tách ra thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, Hải quan Bình Dương vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ cho cả 2 tỉnh. Trong năm đầu thành lập ấy, 28 con người được chia thành 5 phòng ban đã làm thủ tục hải quan với kim ngạch xuất nhập khẩu chỉ có 24,5 triệu USD. Vậy mà đến năm 2002, biên chế của Cục Hải quan Bình Dương đã là 137 người với 4 đơn vị khối văn phòng, 8 đơn vị hải quan cửa khẩu và cấp tương đương, giải quyết thủ tục hải quan với giá trị xuất nhập khẩu trên 5 tỷ USD, đáp ứng mức tăng bình quân 45%/năm trong hoạt động xuất nhập khẩu. Điều đáng mừng hơn là, trong số 750 doanh nghiệp đang ký làm thủ tục thì Hải quan Bình Dương đã thu hút được 240 doanh nghiệp ngoài tỉnh.

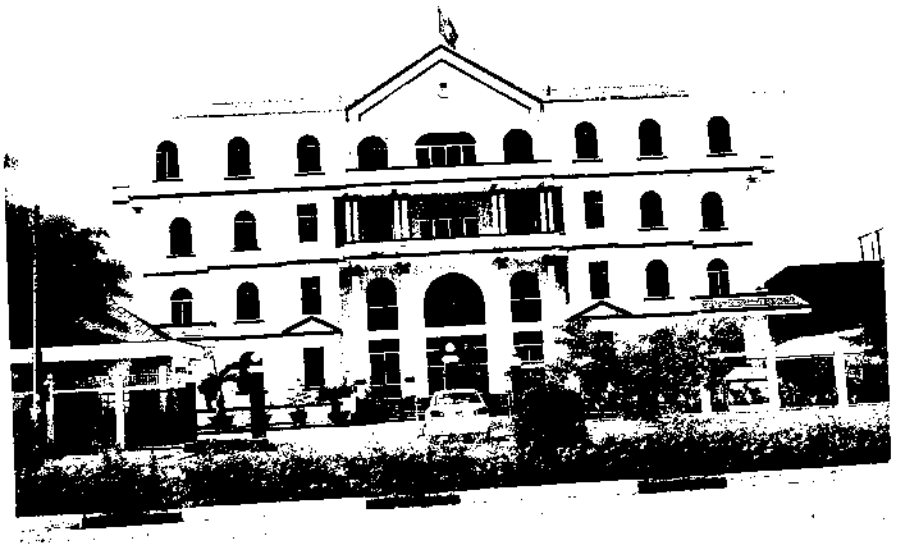

Trụ sở Hải quan Bình Dương

Không ngừng cải tiến phương thức làm việc

Phải đáp ứng một khối lượng công việc khá lớn, trước nhu cầu xuất nhập khẩu tăng cao, trong khi lực lượng cán bộ nhân viên tang không đáng kể (10%) đã phần nào cho thấy cường độ làm việc của mỗi cán bộ Hải quan Bình Dương. Một tập thể từ lãnh đạo cục đến nhân viên đều nỗ lực rất lớn nhằm không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ, chất lượng công tác, cải tiến lề lối làm việc khoa học, nhất là cải tiến các thủ tục hành chính.

Mốc lịch sử đáng ghi nhớ nhất là năm 1999, khi Hải quan Bình Dương mạnh dạn phân luồng hàng hoá trong quy trình thủ tục hải quan (xanh, vàng, đỏ) đã rút ngắn thời gian làm thủ tục từ 2 đến 4 giờ so với trước đây. Quyết định táo bạo này đã được các cấp lãnh đạo và doanh nghiệp suốt 4 năm qua nhìn nhận và đánh giá cao, coi đó là nỗ lực, là sáng kiến của Hải quan Bình Dương.

Không dừng lại ở đó, để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, Hải quan Bình Dương đã cho thành lập 5 điểm thông quan tại các Khu công nghiệp Sóng Thần, Việt Hương, Việt Nam - Singapore, Tân Định và cảng khô (ICD) Sóng Thần. Với quy trình thủ tục khép kín, các điểm thông quan này đã làm giảm áp lực quá tải số khách

hàng đến làm thủ tục hải quan tại cục; đồng thời giảm bớt chi phí và thời gian đi lại của các doanh nghiệp, góp phần tạo thêm tính hấp dẫn cho việc kêu gọi, thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh. Bên cạnh đó, Hải quan Bình Dương còn duy trì các cuộc gặp gỡ thường xuyên với các doanh nghiệp bằng tần suất mỗi tháng một lần, nhằm kịp thời tháo gỡ khó khan mà các doanh nghiệp gặp phải trong công tác xuất nhập khẩu.

Ngoài ra, Hải quan Bình Dương còn không ngừng ứng dụng công nghệ thông tin để kịp thời phục vụ các doanh nghiệp trong việc cấp mã số thuế xuất nhập khẩu. Một ví dụ tiêu biểu là Hải quan Bình Dương đã sớm đưa chương trình hải quan đa chức năng vào ứng dụng khai thác, bước đầu mang lại hiệu quả cao, nhất là giảm được nhiều khối lượng công việc thực hiện bằng phương pháp thủ công. Mới đây nhất, Hải quan Bình Dương còn cho áp dụng chương trình phân công kiểm hoá tự động tại hải quan quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu ngoài khu công nghiệp và đang hoàn tất công việc này ở Hải quan Khu công nghiệp Sóng Thần, cho khai báo qua mạng tại hải quan Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, giúp các doanh nghiệp rút ngắn thời gian làm thủ tục hải quan so với trước đây.

Đặc biệt, từ khi Luật hải quan có hiệu lực (01-01-2002), Cục Hải quan Bình Dương cũng đã mạnh dạn xem xét cho khá nhiều doanh nghiệp làm ăn có uy tín, trung thực trong khai báo, liên tục trong 2 năm liền không vi phạm thủ tục hải quan, được miễn kiểm tra hàng hoá. Theo thống kê, hiện có 65% hàng hoá xuất khẩu và 25% hàng hoá nhập khẩu được miễn kiểm tra.

Kiên quyết đấu tranh trên mặt trận chống buôn lậu

Công tác điều tra chống buôn lậu, gian lận thương mại là một nhiệm vụ quan trọng đối với toàn ngành trong tình hình kinh tế thị trường hiện nay.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

(Đơn vị tính: triệu USD)

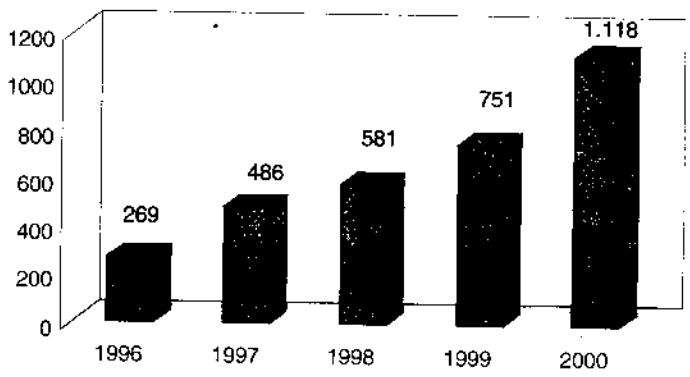

Nguồn: Hải quan Bình Dương

Trong đó, hoạt động buôn lậu thường diễn ra tại các cửa khẩu biên giới, còn gian lận thương mại diễn ra ở một số doanh nghiệp tại các điểm làm thủ tục hải quan. Xác định đây là một trong những vấn nạn, ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế, các cán bộ Cục Hải quan Bình Dương đã nhận thức rằng: "Thực hiện tốt công tác chống luôn lậu và gian lận thương mại đồng nghĩa với tôn vinh hàng sản xuất trong nước, và các doanh nghiệp chân chính". Đồng thời, đây cũng là nhiệm vụ được Cục Hải quan Bình Dương đặt lên hàng đầu.

Vì thế, trong những năm qua, Hải quan Bình Dương đã rất quan tâm đến công tác điều tra chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển, mua bán chất ma tuý bằng việc áp dụng nhiều biện pháp nghiệp vụ, phối hợp cùng các cơ quan chức năng xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đồng thời, Cục Hải quan Bình Dương cũng tăng cường phổ biến các chủ trương, chính sách của Chính phủ có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp và cư dân biên giới. Do đó, số vụ vi phạm đã giảm dần qua các năm, nếu có thì cũng chỉ là những vụ không lớn, trị giá hàng hoá vi phạm thấp. Tuy vậy, kể từ khi thành lập đến nay, Hải quan Bình Dương đã phát hiện và xử lý hàng ngàn vụ buôn lậu, vận chuyển hàng hoá trái

phép thu nộp cho ngân sách tỉnh hàng chục tỷ đồng.

Để đảm bảo tính công bằng và hiệu quả cao, lực lượng làm nhiệm vụ này luôn được củng cố và tăng cường, phân làm hai địa bàn hoạt động. Một tổ chức chịu trách nhiệm điều tra chống buôn lậu và gian lận thương mại dọc tuyến biên giới ở hai cửa khẩu Hoa Lư, Hoàng Diệu. Một tổ khác hoạt động trên địa bàn Bình Dương ở các khu công nghiệp, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, theo dõi, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện đúng các chính sách quy định, kiên quyết xử lý những doanh nghiệp có tình vi phạm.

Những kết quả đạt được trên mặt trận chống buôn lậu không làm cho cán bộ, công nhân viên Hải quan Bình Dương tự mãn mà càng nhận thức sâu sắc rằng mặt trận chống buôn lậu và vận chuyển hàng hoá trái phép luôn diễn biến ngày càng phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi. Trên mặt trận đó chỉ thắng lợi khi cán bộ, nhân viên Cục Hải quan Bình Dương không được phép lơ là, thiếu cảnh giác và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức kinh tế - xã hội khác cùng vào cuộc.

Với những thành tích đã đạt được, Cục Hải quan Bình Dương vinh dự được đón nhận những phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng như Huân chương Lao động hạng Ba, bằng khen của Chính phủ, cờ thi đua và bằng khen của Tổng cục Hải quan. Những thành tích này, theo như lời khẳng định của ông Nguyễn Hữu Phước - Giám đốc Cục Hải quan Bình Dương: "Đã nhắc nhở các cán bộ hải quan không tự mãn, chủ quan, mà phải luôn luôn nâng cao nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao"...

BINH DUONG CUSTOMS
GROWING UP OVER A DECADE

Although the outcomes which has been made over the last ten years are modest in comparison with the sector's traditional history, Binh Duong Customs has soon affirmed its image by increasingly stable achievements.

Binh Duong Customs was established on September 05th, 1991 in accordance with the Decision of General Department of Customs with the initial name of "Song Be Customs". Until 1997, when Song Be province was split into two provinces Binh Duong and Binh Phuoc, Binh Duong Customs was in charge of the customs tasks of both provinces. During the first years of establishment, 28 officers were divided into five departments, carrying on customs procedures with export turnover only by US$ 24.5 million. But in 2002, there were 137 regular staff in four office units, eight frontier gate offices and equivalent levels in Binh Duong Customs Department fulfilled customs procedures with over US$5 billion of import-export value, satisfying the average increase of 45 percent in annual import - export activities. Remarkably, among 750 enterprises registering customs procedures, Binh Duong customs has attracted 240 enterprises from other provinces.

Continuing improvement of working procedure

The completion of great work volume with the increasing import export demand while the number of staffs only goes up slightly (ten percents) has partly showed high working capacity and persistent efforts of Binh Duong customs officers including the leaders to staffs to consistently ameliorate their profession-

al knowledge, work quality and working manner and especially simplify administrative procedures.

The year 1999 is considered a notable milestone when Binh Duong Customs bravely applied goods classification method (green, yellow and red) to shorten the customs procedures from two to four hours. This bold decision has been highly appreciated by many enterprises' leaders in the last four years as efforts and useful initiative of Binh Duong Customs.

To continually create favorable condition to the enterprises, Binh Duong Customs has established five customs clearances at industrial zones including Song Than, Viet Huong, Vietnam - Singapore, Tan Dinh and Song Than dry port (ICD). With complete process, these customs clearances offices have decompressed overpopulation who come to customs departments and concurrently reduced cost and time on customs procedures for enterprises, contributing to investment attraction to the province's industrial zones. In addition, Binh Duong Customs every month holds a regular meeting with enterprises to promptly solve the difficulties in import and export.

Furthermore, Binh Duong Customs has continually used information technologies to opportunely issue import-export tax code for enterprises. Particularly, Binh Duong Customs has soon implemented multifunction customs program, which has initially brought high effectiveness, especially reduced manual work. Lately, Binh Duong Customs has also applied the automatic control assigning program at import-export management customs offices outside the industrial zones and completed this task at customs office of Song Than industrial zone and accept customs declaration through the internet at Customs of Vietnam-Singapore industrial zone which help enterprises save time on customs formalities.

Particularly, since the Law on Customs became effective (on January 1st, 2002), Binh Duong Customs Department has boldly allowed a number of prestigious enterprises which has conducted honest declaration and made no violation of customs procedures consecutively within two years to be exempted from goods control. According to statistic, presently 65 percent export goods and 25 percent import goods do not have to be checked.

Resolutely fighting against smuggling

The investigation against smuggling and trade fraudulence is the important duty to whole customs sector in the market economy nowadays. In which, smuggling usually takes place at the frontier passes, and trade fraudulence activities of some enterprises happens at the customs offices. Identifying this is a dangerous issue remarkably influencing economic development, Binh Duong Customs officers are fully aware that "to successfully struggle against smuggling and trade fraudulence means to respect domestically produced goods as well true businessmen". Binh Duong Customs Department places this duty with the most importance.

Therefore, Binh Duong has paid much attention to investigation to fight against smuggling, trade fraud, and drugs

Total Import export turnover

(Unit: Million USD)

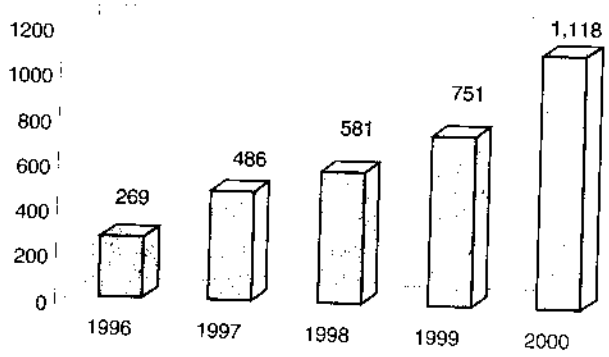

Source: Binh Duong Customs

Customs officers are checking goods

trafficking and transporting by applying professional measures, in co-ordination with functional bodies to strictly punish the cases of violation. In concurrence, Binh Duong has intensively publicized the governmental regulations and policies concerning import-export activities among enterprises and border residents. Consequently, the number of violations has been reduced over the past few years; or just some cases of small violation value. However, Binh Duong has been investigated and solved thousands cases of smuggling and illegally transport, making a contribution of VND10 billion to the provincial budget.

To ensure high justice and efficiency, the customs officers in charge of this mission has often been strengthened and decided to work into two locations. One team has the duty to investigate to fight against smuggling and trade fraudulence along Hoa Lu and Hoang Dieu frontier passes. The other supervises in Binh Duong industrial zone to check, control, examine goods and remind the enterprises to seriously implement the regulations and policies, strictly punish enterprises with the violation on purpose.

The results gained in the anti-smuggling front do not make Binh Duong customs officers feel contented. On the contrary, they are deeply aware that the anti-smuggling front and illegal transport is getting more complicated with sophisticated tricks. Binh Duong Customs Department's officers can win only when they are always vigilant to face and solve this problem in close co-ordination with other socio-economic organizations

Thanks to the achievements, the Party and State granted Binh Duong Customs Department with such notable awards as the third class Labor Order, Governmental Certificates of Merit and Simulation flags as well as Certificate of Merit by General Department of Customs. These outstanding outcomes " has reminded customs officers not to feel self-satisfied, neglect duty but always widen the knowledge and enhance professional skills to fulfill assigned duties" according to the affirmation of the Director of Binh Duong Customs Department, Nguyen Huu Phuoc.

Chương II: ĐA DẠNG HOÁ CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

HỆ THỐNG DOANH NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Phát huy cùng lúc nội lực và ngoại lực là chìa khoá dẫn đến thành công

Có thể nói, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tại Bình Dương phát triển đồng đều, dù ở nhóm doanh nghiệp nào cũng có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Các khối doanh nghiệp đều có sự gắn kết với nhau, học hỏi và cạnh tranh lẫn nhau để cùng nhau phát triển. Thành công trên là do các doanh nghiệp Bình Dương phát huy tốt cả hai yếu tố nội lực và ngoại lực trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy kinh tế Bình Dương phát triển.

Vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế

Khi nói đến hệ thống doanh nghiệp Bình Dương, trước hết, phải kể đến sức mạnh của khối doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước dù trung ương hay địa phương quản lý đều thể hiện được vai trò chủ đạo, mặc dù số lượng doanh nghiệp không nhiều. Con số 53 doanh nghiệp nhà nước, so với tổng số trên 1.650 doanh nghiệp và khoảng 530 dự án FDI thì quả là ít ỏi, nhưng khối doanh nghiệp này lại đóng góp trên 50% tổng ngân sách toàn tỉnh và tạo doanh thu 6.000 tỷ đồng mỗi năm. Trong khối này cũng đã hình thành được những doanh nghiệp hoạt động dưới dạng tập đoàn kinh tế mạnh. Điển hình là Công ty thương mại và xuất nhập khẩu Thanh Lễ - doanh nghiệp nhà nước địa phương - có đến 3 liên doanh sản xuất, trong đó có 2 liên doanh với Đài Loan về sản xuất đế giầy, 1 liên doanh làm lưỡi câu với Nhật Bản. Ngoài ra, doanh nghiệp này còn có khoảng 10 xí nghiệp làm hàng sơn mài, nông sản, chế biến hạt điều và kinh doanh xăng dầu. Thêm một ví vụ khác, Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu Bình Dương (3-2) có đến 4.200 lao động. Công ty hiện có ba liên doanh lớn với nước ngoài (liên doanh sân golf, liên doanh sản xuất sữa cô gái Hà Lan và liên doanh chế biến gỗ KPM), cùng 6 đơn vị sản xuất trực thuộc.

Qua kết quả hoạt động của khối doanh nghiệp quốc doanh Bình Dương, có thể tự hào khi nói rằng, các doanh nghiệp này thực sự đóng vai trò "đầu tàu" trong hoạt động sản xuất công nghiệp của địa phương. Quá trình mở rộng hợp tác đầu tư, liên doanh với nước ngoài đã thực sự tạo thêm sức mạnh cho các doanh nghiệp này trong quá trình cập nhật phong cách quản lý hiện đại, thu hút vốn cho sản xuất, đa dạng hoá ngành nghề và mở rộng thị trường, quan hệ làm ăn ra thế giới. Việc tích tụ những nguồn lực mới rồi dần chuyển thành nguồn nội lực đã giúp các doanh nghiệp nhà nước, tất nhiên không phải tất cả, có những bước thay đổi ngoạn mục khiến nhiều địa phương phải tìm đến học tập. Như ở Công ty lâm sản xuất nhập khẩu Bình Dương, được thành lập năm 1996 với 74 lao động và hơn 1,3 tỷ đồng vốn. Đón đầu chương trình nâng cấp kết cấu hạ tầng địa phương nhằm thu hút đầu tư, công ty đã "nhảy vào" lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, tiếp sau đó tìm đối tác nước ngoài mở thêm 2 liên doanh sản xuất gạch men và sứ vệ sinh. Đến năm 2003, tổng vốn của doanh nghiệp này đã lên đến 80 tỷ đồng, trong khi mức vốn ban đầu do ngân sách nhà nước cấp cách đây 7 năm chỉ là 1,38 tỷ đồng.

Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nguồn ngoại lực đồi dào nhất mà Bình Dương thu hút được, đã tỏ rõ vai trò "chất xúc tác mới" đối với nền kinh tế Bình Dương. Gần 600 dự án FDI và cùng gần 3 tỷ USD là kết quả thu hút đầu tư của Bình Dương tính đến đầu năm 2003. Mặc dù, số vốn trung bình của mỗi dự án nhỏ hơn so với mức bình quân của cả nước, nhưng số dự án đạt hiệu quả cao lại đứng đầu cả nước. Đầu tư nước ngoài ở Bình Dương còn có đặc điểm là đầu tư hướng chủ yếu vào ngành công nghiệp và các sản phẩm xuất khẩu. Khối doanh nghiệp này chiếm đến gần 60% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của địa phương, thu hút trên 36% tổng số lao động của ngành này, tạo ra nhiều ngành nghề và sản phẩm mới, du nhập công nghệ hiện đại và cách thức quản lý tiên tiến, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Hơn thế nữa, kết quả của khối kinh tế này còn thúc đẩy và làm chuyển biến nền kinh tế Bình Dương, tạo chất xúc tác

mới khởi động cỗ máy kinh tế của Bình Dương hướng mạnh sang công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chính là những kênh quan trọng đưa Bình Dương hội nhập kinh tế khu vực và thế giới một cách tương đối hiệu quả.

Cùng với khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khối kinh tế tư nhân trong vòng 5 năm trở lại đây đã đạt được bước tang trưởng vượt bậc. Ít địa phương nào lại có được lực lượng các doanh nghiệp tư nhân đông đảo đến thế: trên 1.329 doanh nghiệp tư nhân và 16.591 hộ cá thể (số liệu tính đến ngày 30-09-2001). Trong số này, một phần nhỏ các doanh nghiệp tư nhân ở địa phương tìm cách vươn lên, còn lại phần lớn từ thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Vì thế, các doanh nghiệp tư nhân ở Bình Dương có đặc điểm là rất đa dạng về quy mô, ngành nghề. Trong khi các doanh nghiệp tư nhân có nguồn gốc từ địa phương chủ yếu đi lên từ các ngành nghề truyền thống như gốm sứ, sơn mài, điêu khắc gỗ... thì các chủ doanh nghiệp tư nhân đến từ các địa phương khác lại đi vào các ngành nghề mới như dệt may, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, dược phẩm, hoá mỹ phẩm... Việc tiếp nhận nguồn ngoại lực dồi dào từ thành phố Hồ Chí Minh đã giúp cho khối kinh tế tư nhân ở Bình Dương bật lên nhanh chóng, chiếm đến 35% GDP của tỉnh, tạo ra 10 vạn công ăn việc làm.

Ngoài ra, cũng cần kể đến sự đóng góp của thành phần kinh tế hợp tác, đặc biệt là đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn. Các hợp tác xã đã dần đầu tư vào các ngành nghề thương mại, đặc biệt đã xuất hiện các hợp tác xã tín dụng thay vì chỉ chuyên về sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như trước đây. Với 63 hợp tác xã, nhưng lại có hơn 21 nghìn xã viên tham gia, đây là thành phần ngày càng được xem trọng trong quá trình phát triển kinh tế ở vùng nông thôn, thị trấn, thị tứ xa trung tâm.

Những vấn đề xung quanh việc phát triển của các doanh nghiệp

Nếu thành quả về đầu tư nước ngoài minh chứng hùng hồn cho thành công của quá trình thu hút ngoại lực, thì tăng trưởng mạnh mẽ của các doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh tại Bình Dương lại thể hiện sức mạnh trong việc phát huy nhân tố nội lực của địa phương.

Thành công trên bắt nguồn từ cách nhìn và cách xử lý đúng đắn, mới mẻ đối với vai trò, vị trí của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Chính quyền địa phương đã đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của sự phát triển, làm đúng và làm tốt chức năng quản lý để thu hút, chào đón, tạo điều kiện thuận lợi và giải quyết mọi vướng mắc cho các nhà đầu tư. Quan hệ với doanh nghiệp không chỉ có tính chất hành chính mà còn cả khía cạnh tình cảm, tâm lý, tạo được sự tin cậy của doanh nghiệp. Nói đạo lý thì đơn giản, song biến nó thành hiện thực trong cuộc sống như ở Bình Dương lại là điều mà ở nhiều địa phương khác chưa làm được.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Dương đã tranh thủ được sự đồng tình và quan tâm giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương trong việc phối hợp, cùng giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp. Cũng do sớm xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, rõ ràng và chỉ đạo thực hiện đúng theo quy hoạch nên việc triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng trong tỉnh, nhất là để phục vụ cho các khu công nghiệp nhanh và hiệu quả. Bình Dương cũng là địa phương rất thành công trong việc huy động nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bằng các hình thức đa dạng như liên doanh với nước ngoài, công ty cổ phần, kể cả huy động tư nhân. Bình Dương là địa phương duy nhất đến nay có tới ba khu công nghiệp do công ty dân doanh đầu tư kết cấu hạ tầng. Để giải quyết nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng, Bình Dương đã có cơ chế huy động một phần vốn của doanh nghiệp để đầu tư, sau đó thu phí để hoàn vốn.

Tuy nhiên, Bình Dương phải giải quyết hai nhóm vấn đề chính trong quá trình phát triển doanh nghiệp. Nhóm vấn đề thứ nhất là hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bao gồm: tiếp tục cải cách cơ chế chính sách, đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông và khu công nghiệp, đảm bảo nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng, dịch vụ hậu cần công nghiệp tốt... Nhóm vấn đề hứ hai là bản thân địa phương phải giải quyết những mặt trái nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế như: quyền lợi người lao động trong doanh nghiệp, di dân cơ học, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường... Trong thực tế, tại một số doanh nghiệp tư nhân và một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, quyền lợi của người lao động chưa được đảm bảo. Xã hội Bình Dương cũng gánh chịu áp lực của hàng chục nghìn lao động nhập cư vào địa phương từ các tỉnh miền Bắc và miền Trung, vì cùng với đó là nhu cầu sinh hoạt, ăn ở, đi lại của những người đó.

Dù vậy, với vị trí thuận lợi, nền kinh tế phát triển nhanh, chính sách đối ngoại cởi mở, an toàn, tin cậy và những cải cách hành chính của chính quyền địa phương, Bình Dương sẽ tiếp tục kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh đi lên, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp vào làm ăn, đảm bảo cho quá trình chuyển dịch kinh tế từ một tỉnh nông nghiệp nghèo sang một tỉnh công nghiệp trọng điểm của địa bàn miền Đông Nam Bộ trong những thập kỷ tới.

Chapter II: DIVERSE ECONOMIC SECTORS

BINH DUONG BUSINESS SYSTEM

Concurrent Development of Internal and External Strengths - A Key to Success

Businesses in all economic sectors in Binh Duong Province are growing equally and rapidly. They closely link with each other to share experience and maintain fair competition for further growth. The success are due to their ability to develop both internal and external strengths to boost provincial production, trade and economy.

Role of economic sectors

Regarding Binh Duong's business system, one should first refer to the powerful State-owned enterprise sector. State-owned enterprises, no matter they are centrally or locally controlled, have played a leading role. There are 53 State-owned enterprises of a total more than 1,650 companies and some 530 foreign-direct-investment (FDI) projects in the province. Though the limited number, the State-owned sector has contributed over 50 percent of provincial total budget and generated VND6 trillion each year. Among strong State-owned corporations is the Thanh Le Import-Export Trading Corporation, a locally-controlled State-owned business, which manages two shoe-sole production joint ventures with Taiwan, one fish-hook joint venture with Japan and some 10 enterprises producing lacquers paintings, farm products (including cashews) and trading in petrol and oil. One more example is Binh Duong Production and Export-Import Company 3/2 which employs 4,200 workers and runs three large foreign joint ventures for a golf course and production of Dutch Lady milk and KPM wood, alongside six subsidiary production units.

Effective operations have proved that the Binh Duong State-owned business sector has played a key role in local industrial production and trading. The expansion of investment cooperation with foreign partners has empowered the sector by way of updating modern management skills, attracting capital for production, diversifying business fields and enlarging markets and business ties with the rest of the world. New forces have been built-up and transformed to internal strengths which have enabled most State-owned companies to make spectacular breakthroughs and become good models in the eyes of many other localities. For instance the Binh Duong Forest Product Export-Import Company was formed in 1996, with more than VND1.3 billion and 74 workers. To be ahead of the provincial infrastructure upgrading program, the company has entered the infrastructure field and sought foreign partners for establishment of two joint ventures in production of ceramic tiles and bathroom ceramic wares. The company's total capital has now increased to VND80 billion, far beyond the initial capital of merely VND1.38 billion granted by the State.

Foreign-owned enterprises have proven to be the most powerful sector in Binh Duong and a new catalyst for provincial economic growth. Nearly 600 FDI projects with almost US$300 billion have been developed in the province. Though the average capital of these projects is lower than the national level, the province still leads the country in the number of high-effective projects. Foreign investment has mostly gone to the industrial sector and export production which account for nearly 60 percent of the province's total industrial production value and over 36 percent of the local workforce. The foreign sector has generated many new occupations and new products and brought into

Vietnam advanced technologies and managerial expertise thus actively contributing to the local economic growth. Moreover, the sector serves as a driving force for provincial economic restructuring in the direction of industrializing and modernizing the economy. Economic experts say the foreign investment sector is an important channel which links Binh Duong with the regional and global economy.

In parallel with the foreign sector, the private sector has also achieved a rapid growth over the recent five years. Few provinces of Vietnam are home to such a big number of private companies as in Binh Duong: over 1,329 private companies and 16,591 private business households (calculated by September 30, 2001). Among these, several are local, with the remaining majority coming from HCM City and neighboring provinces. Therefore, the scale and business range of the private sector in Binh Duong vary widely. While local private businesses are developing such traditional handicrafts as pottery, lacquer and wood sculpture, those from outside province are doing new jobs like textile-clothing, food processing, wood production, pharmaceuticals and cosmetics. Investment flows from HCM City have enabled Binh Duong's private sector to create 10,000 jobs, grow up rapidly and account for 35 percent of the provincial gross domestic product (GDP).

The cooperative sector has also contributed to the provincial growth, particularly to the development of farming and rural areas. Cooperatives have progressively invested in trade. Especially, credit cooperatives have been founded, carrying out credit operations, rather than just farming and handicrafts like in the past. With 63 cooperatives and more than 21,000 members, the cooperative sector's role in the rural economy is increasing.

Problems related to sector development

The achievements in foreign investment have clearly evidenced the success in drawing external forces. In the meantime, the strong growth of the State and non-State sectors in Binh Duong has demonstrated their capabilities in developing local advantages.

This success resulted from proper evaluation of the role of business sectors in economic development. Local authorities have put businesses into the center of development; fulfilled management responsibilities in hopes of attracting investors; created favorable conditions for them and solve their problems. Local authorities have managed to maintain good relations with businesses, not only in terms of administration but also in the aspect of sentiment. This has made investors feel confident of doing business in the province. The practice in Binh Duong is simple but could not be done by many other localities.

In addition, Binh Duong has taken support from ministries and central governing organizations and associated with businesses in dealing their problems. Thanks to early formulation of the provincial overall socio-economic planning and close implementation guidance, infrastructure projects particularly those in industrial zones (IZs) have been developed at a rapid pace and in an effective manner. The province has succeeded in raising capital for IZ infrastructure construction, using varied measures such as forming foreign joint ventures and joint stock companies and calling for capital from the private sector. Binh Duong is a sole province in Vietnam which is home to three IZs with infrastructure invested by private companies. To meet the need for infrastructure investment, Binh Duong has applied a policy to use part of company investment capital first and recover it later by collecting toll.

However, Binh Duong has to solve two major groups of question emerging during the development of businesses. First, the province will assist businesses by continuing policy reforms, investing in transport and IZ infrastructure and ensuring strong and qualified workforce as well as good industrial logistical services. Second, the province must solve negations arising during the economic development and relating to worker rights, migration, social evils and environmental pollution. In fact, several private and foreign-invested enterprises have not secured worker interests as yet . Binh Duong is also suffering the pressure created by thousands of migrant laborers coming from northern and central provinces.

However, boasting favorable geographical conditions, the rapidly-growing economy, open and reliable policies on external affairs as well as effective administration reforms, Binh Duong will continue to boost production and trade and attract more investment flows in facilitating the development from a poor province to a major industrial one in the southeastern region in the next decade.

HỆ THỐNG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TỈNH BÌNH DƯƠNG

Hoạt động mạnh mẽ trong nền kinh tế thị trường

Hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây rất có hiệu quả, hầu hết các doanh nghiệp đều chủ động về đầu tư vốn, thay đổi công nghệ, từng bước nâng cao năng lực sản xuất trước xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường trong và ngoài nước. Tuy vậy, vẫn còn một số ít các doanh nghiệp vốn nhỏ nên hoạt động còn manh mún, khả năng tìm kiếm thị trường tiêu thụ còn hạn chế nên thường xuyên bị lỗ.

Tính đến hết năm 2002, tổng số doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp Đảng đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương là 53 doanh nghiệp, bao gồm 19 doanh nghiệp Trung ương, 28 doanh nghiệp địa phương và 6 doanh nghiệp Đảng. Trong đó có 20 doanh nghiệp có quy mô lớn, 11 doanh nghiệp quy mô vừa và 22 doanh nghiệp quy mô nhỏ. Đa phần các doanh nghiệp có quy mô lớn và vừa hoạt động rất mạnh do biết tận dụng những thuận lợi từ hệ thống văn bản pháp quy mà Nhà nước ban hành về triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cụ thể như tập trung vào những lĩnh vực cấp bách nhất về tiêu thụ những sản phẩm nông nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu, tăng cường thực hiện tiến độ vốn đầu tư, thường xuyên quan tâm giải quyết khó khăn của doanh nghiệp...

Những kết quả đáng ghi nhận

Theo báo cáo của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Bình Dương, tổng doanh thu năm 2001 của khối doanh nghiệp này là gần 6.000 tỷ đồng, đạt 120,5% so với kế hoạch và tăng 22,3% so với năm 2000. Tổng lợi nhuận thực hiện đạt 301,8 tỷ đồng, tăng 9% so với kế hoạch. Nộp ngân sách năm 2001 là 370,2 tỷ đồng, đạt 139,6% kế hoạch, tăng 24,1% so với năm 2000. Giải quyết lao động cho hơn 31.816 người, với thu nhập bình quân ở các doanh nghiệp Trung ương là 1,38 triệu đồng/người/tháng và doanh nghiệp địa phương trên 1 triệu đồng/người/tháng.

Bảng thống kê một số doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả

Tên công ty	Doanh thu (Tỷ đồng)	Lợi nhuận (Tỷ đồng)	Lao động (Người)	Thu nhập bình quân (1.000đ/người/tháng)
1. Doanh nghiệp Trung ương				
- Công ty cao su Dầu Tiếng		50	150.000	
- Công ty cao su Phước Hoà		>30		
2. Doanh nghiệp địa phương				
- Công ty thương mại và xuất nhập khẩu Thanh Lễ	2.266,9	21,8	4.000	1.500
- Công ty Becamex	389	3,2		
- Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu Thanh Bình	226,2	6,3		1.000

Nguồn: Sở Tài chính - Vật giá Bình Dương

Ông Trương Thanh Kha, Phó giám đốc Sở Tài chính - Vật giá kiêm Cục trưởng Chi cục quản lý vốn nhận xét: "ở một số doanh nghiệp có quy mô lớn luôn tích cực đổi mới trang thiết bị, các lãnh đạo công ty thường có trình độ cao và đa phần các đội ngũ lãnh đạo còn tương đối trẻ nên họ rất mạnh bạo trong việc đề ra những chiến lược sản xuất - kinh doanh, cũng như tiếp cận thị trường. Chính điều đó đã khiến doanh nghiệp của họ phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn". Điển hình như Công ty cao su Dầu Tiếng, lợi nhuận bình quân đạt trên 50 tỷ đồng/năm, giải quyết lao động cho gần 15 vạn người; hay Công ty thương mại và xuất nhập khẩu Thanh Lễ lợi nhuận năm 2001 đạt 21,8 tỷ đồng, giải quyết lao động cho trên 4.000 người; Công ty xăn xuất và xuất nhập khẩu Bình Dương (3-2), lợi nhuận đạt 6,3 tỷ đồng, giải quyết lao động cho trên 4.000 người.

Cũng theo ông Kha, hiện nay, trên địa bàn vẫn còn tồn tại một số doanh nghiệp vốn nhỏ hoạt động không hiệu quả, thị trường tiêu thụ manh mún, không ổn định, dẫn tới thua lỗ triền miên. Trong đó có 2 doanh nghiệp trung ương quản lý đã lỗ trong nhiều năm liền như Công ty xây dựng 42 và Công ty xây lắp 5, các doanh nghiệp do địa phương quản lý như Công ty thương mại và xuất nhập khẩu Bình Dương....

Những giải pháp phát triển doanh nghiệp nhà nước

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp này, thời gian qua tỉnh Bình Dương đã quán triệt thực hiện Chỉ thị 20 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định 44 của Chính phủ và gần đây nhất là Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá IX) trong công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Bình Dương đã lên phương án tổng thể về sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và đã được Chính phủ phê duyệt.

Theo đó, trong 2 năm 2000 - 2001, tỉnh đã thực hiện cổ phần hoá 4 doanh nghiệp, trong đó có 3 doanh nghiệp hạch toán độc lập và 1 doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc. Nhìn chung, sau cổ phần hoá, các doanh nghiệp đều có sự đầu tư đổi mới trang thiết bị, máy móc, bộ máy quản lý được tinh gọn, đội ngũ công nhân lao động được đào tạo lại phù hợp với nhiệm vụ công việc mới, vì thế thu nhập bình quân của người lao động cũng tăng khoảng 10%. Về sản xuất kinh doanh, trong năm 2001, các doanh nghiệp này đạt tổng doanh thu gần 144 tỷ đồng, lợi nhận đạt 6,8 tỷ đồng, tăng 130,3% so với năm 2000. Cụ thể: Công ty cổ phần gạch ngói Hiệp Nhị lợi nhuận đạt 4,856 tỷ đồng; Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Thuận An lợi nhuận đạt 1,595 tỷ đồng; Công ty cổ phần Tân Lợi lợi nhuận đạt 363 triệu đồng và Công ty cổ phần vận tải lợi nhuận đạt 55 triệu đồng.

Cũng theo Ông Kha, với kết quả này, tỉnh Bình Dương đã vượt kế hoạch Trung ương giao là 3 doanh nghiệp, tuy nhiên nếu so với tình hình chung thì vẫn còn chậm. Nguyên nhân là do tư tưởng của một số lãnh đạo doanh nghiệp vẫn chưa thông suốt trong việc chuyển đổi phương thức hoạt động, công tác tuyên truyền chưa mạnh để người lao động hiểu được những lợi ích do cổ phần hoá mang lại.... Nhưng trong giai đoạn 2002 - 2005, theo chương trình hành động của Tỉnh uỷ Bình Dương đã đề ra là: "Phải quán triệt triệt để tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, khoá IX" với chương trình hành động cụ thể như sau:

Số lượng doanh nghiệp nhà nước cần nắm giữ 100% vốn là 12 doanh nghiệp, trong đó có 4 doanh nghiệp công ích và 8 doanh nghiệp kinh doanh. Cổ phần hoá 4 doanh nghiệp (số vốn nhà nước hiện có 16.568 triệu đồng), trong đó 2 doanh nghiệp Nhà nước cần nắm giữ cổ phần đặc biệt; 2 doanh nghiệp nhà nước sẽ giữ cổ phần ở mức thấp. Ngoài ra, tỉnh sẽ giao bán 1 doanh nghiệp với số vốn nhà nước hiện có là 2.242 triệu đồng; 1 doanh nghiệp bị sáp nhập; giải thể 2 doanh nghiệp; đồng thời đến năm 2005, số lượng doanh nghiệp được tập trung củng cố theo hình thức hợp nhất và xem xét hình thức chuyển đổi phù hợp là 8 doanh nghiệp và một bộ phận của doanh nghiệp.

Để thực hiện thắng lợi công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh của hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, trong thời gian tới, tỉnh Bình Dương cần thực hiện các công việc sau:

1) Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về lợi ích của chủ trương sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; xóa bỏ tư tưởng trông chờ và ỷ lại vào sự bao cấp, bảo hộ của Nhà nước.

2) Tiếp tục kiến nghị với các ban, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, rõ ràng hoặc không phù hợp nhằm tạo hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện hơn, giúp doanh nghiệp sau khi sắp xếp lại hoạt động thuận lợi.

3) Xem xét cho bán những tài sản không cần dùng, hoặc sử dụng không hiệu quả của doanh nghiệp để tập trung vốn đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả hơn.

4) Chấn chỉnh lại ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của tỉnh. Theo đó, các thành viên của ban phải có nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể trong từng lĩnh vực được phân công phụ trách đối với công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp địa phương.

BINH DUONG STATE-RUN ENTERPRISE SYSTEM

Strongly Operates in the Market Economy

The activities of the state-run enterprises in the province during the recent years has seen a lot of effectiveness: most of the enterprises have taken the initiative in capital investment, technology renovation and gradual productivity enhancement while the competition in the domestic and global markets has become more severe. However, some enterprises with limited capital, small-scale operation and weak capability in finding consumption market have always failed in their business and production performance.

By the end of 2002, total state-owned and Party's enterprises in the province accounted for 53 including 19 Central, 28 local and 6 Party's enterprises. Among them there were 20 enterprises of large-scale, 11 of medium-scale and 22 of small-scale. Almost large and medium ones operated effectively thanks to taking advantages of the State legal documents on implementation of socio-economic plan such as consuming agricultural products, intensively speeding up export and capital investment and regularly focusing on solutions to the enterprises' difficulties.

Outstanding achievements

According to the report of Binh Duong Enterprises' Financial Department, total revenue of this sector in 2001 obtained VND6,000 billion, reached 120.5 percents in comparison with the plan and exceeded 23.3 percents over 2000. Total profits achieved VND301.8 billion, making a nine-percent increase over the plan. Budget contribution in 2001 reached VND370.2 billion equaling 139.6 percents of the plan, increasing by 24.1 percents compared to 2000. Jobs has been created for over 31,816 people with the average per capita income in the central and the local enterprises is VND1.38 million and VND one million per month respectively.

Vice-Director of Department of Finance and Pricing cum Director of Capital Management Division, Truong Thanh Kha commented: "the large-scaled enterprises have actively renewed the equipment. Their leaders are well-educated with professional skills, most of those are young. Therefore, they have boldly worked out business and production strategy and approached markets which help their enterprises to stronger development . Typically, Dau Tieng Rubber Company obtained average profit at over VND50 billion a year, creating jobs for nearly 15 thousands people. Thanh Le Trading and Import Export Company achieved average profit in 2001 of over VND21.8 billion, employed more 4,000 people. Binh Duong Production and Import-export Company gained profits of VND6.3 billion and created jobs for more than 4,000 people.

According to Kha's opinion, at present there still exist some ineffective enterprises of small scale and unstable and dispersed market causing regular losses. Of which two central enterprises have made losses over years such as Construction Company 42 and Assemble Company 5, the local - run enterprises like Binh Duong Trading and Import-export Company, planting collective farm etc.

Solutions for the state-run enterprises

To further speed up the development of these enterprises, in the recent years Binh Duong has perceived the Prime Ministerial Directive No. 20 and the Governmental Decree No. 44 and the current Central Resolution 3 (Section IX) on restructuring, renovating and converting state-run enterprises. Accordingly, the Binh Duong Steering Committee on Enterprises Renovation and Development has made the master plan on restructuring local state-owned enterprises approved by the Government.

During 2000-2001, four enterprises were equitized including three self- financing enterprises of and one dependent accounting enterprise. After equitation most of enterprises have invested in equipment and machines renovation and management system have been selected and employees have been retrained suitable with the knowledge of their new jobs and the employee's aver-

age income therefore has increased by 10 percent. As for the business and production, in 2001 these enterprises achieved total income of nearly VND144 billion, profits reached VND6.8 billion, making a 130.3 percent rise over 2000. In particular, Hiep Nhi Brick Joint-stock Company made profit of VND4.856 billion; Thuan An General Trading Joint-stock Company of VND1.595 billion, Tan Loi Joint-stock Company of VND363 million and Transport Joint-stock Company of VND55 million.

Kha also said that, with this result Binh Duong exceeded the Central plan of equitizing enterprises. However, the equitization process in Binh Duong is still slow in comparison with the general circumstance. The reason is that some leaders still do not understand thoroughly about renovation of working style and the propaganda movements have not been strong enough to make people be aware of benefits from equitization. However, the 2002-2005 action plan of The Binh Duong Committee of the Party addressed "It is necessary thoroughly to understand the spirit of the Central Resolution No. 3 (Section IX) with the following details:

The number of enterprises in which State should keep hundreds percents capital is 12 consisting of four public enterprises and eight business enterprises. The province will equitize four enterprises (State with the capital of VND16,568 million), and the state will hold two special stocks in two of these enterprises, and small stocks in the other tow. In addition, the province will sell one enterprise which has State capital of VND2,242 million, merge one enterprise and disintegrate two. The number of enterprises consolidated under the unity form and converted into suitable form in 2005 will be eight and a part of another enterprise.

To successfully implement the rearrangement and renovation and business effectiveness improvement of enterprises in the coming years, Binh Duong has to carry out the following tasks:

1) Intensify propaganda to raise people's knowledge of the benefits of the policy on rearranging, renovating, developing and enhancing economic efficiency of the state-owned enterprises, abolish the though of dependence and relying on the State subsidization and protection.

2) Continue making recommendations to the Central bodies for amendment, supplement of the unclear, insufficient and inappropriate regulations and policies in order to make better legal framework, creating favorable business environment for enterprises after their rearrangement.

3) Sell unnecessary or ineffective used properties of the enterprises aiming at focusing investment in production - business fields with more efficiency.

4) Reorganize the provincial Renovation and Development Steering Committee so that the committee's members must have specific duties and responsibilities of the assigned jobs towards the local enterprise renovation and development.

Statistics of effective business enterprises

Company	Revenue (billion VND)	Profit (billion VND)	Employment (person)	Average per capita income (VND 1000 /month)
1. Central enterprises				
- Dau Tieng Rubber Company		50	150,000	
- Phuoc Hoa Rubber Company		>30		
2. Local enterprises				
- Thanh Le Import-Export Trading Corporation	2,266.9	21.8	4,000	1,500
- Becamex Company	389	3.2		
- Thanh Binh Import-Export Production Company	226.2	6.3		1,000

Source: Binh Duong Department of Finance Pricing

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT - DỊCH VỤ BÌNH DƯƠNG

Khẳng định nội lực của một doanh nghiệp

Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương là công ty xổ số duy nhất hoạt động theo hình thức kinh doanh - dịch vụ. Thành lập từ năm 1987, đến giữa năm 2000, công ty tiếp nhận Xí nghiệp in và dự án kinh doanh khu thương mại. Tính đến năm 2002, sản lượng mảng dịch vụ in ấn đã tăng 200%, mảng xổ số năm sau luôn cao hơn năm trước.

"Tiếng lành đồn xa"! danh tiếng về uy tín, chất lượng, giá thành của Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương đã không còn bó hẹp trong tỉnh Bình Dương, nhiều khách hàng đã tìm đến hợp tác với công ty. Bằng chính sản phẩm của mình, uy tín của Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương ngày một bay xa.

Thành công nhờ mạnh dạn đầu tư

Giám đốc Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương - ông Vũ Đình Châu - cho biết: "Có được sự tín nhiệm của khách hàng như ngày hôm nay, chúng tôi đã phải trải qua nhiều cuộc "đấu trí" căng thẳng để tìm ra một phương cách đúng đắn, chiến lược trong thời cuộc cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp kinh doanh in ấn trên thị trường. Song theo tôi, điều mà Công ty xổ số kiến thiết và dịch vụ Bình Dương đạt được chính là chiến lược đầu tư: máy móc và con người". Trên thực tế, lướt qua 6 phân xưởng với 6 chức năng khác nhau, tìm hiểu tình hình hoạt động của công ty dưới con mắt của những người công nhân mới hay chiến thuật dùng người, đầu tư và giải quyết bài toán sau đầu tư của Giám đốc Vũ Đình Châu quả là có sự đổi mới.

Tới thăm phân xưởng 1 - phân xưởng chuyên thiết kế mẫu, tạo mẫu lên bản phông của tờ vé số, chị Huỳnh Nguyễn Bích Phượng - phó quản đốc phân xưởng, phụ trách kỹ thuật cho biết: "Phân xưởng thiết kế có 32 người, cán bộ đều là những người được đào tạo họa sỹ ở các trường mỹ thuật, sư phạm kỹ thuật và một phần được đào tạo về công nghệ in. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng cao, phân xưởng đã phân riêng một nhóm chuyên phụ trách về tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp có trách nhiệm tự thiết kế và biên dịch theo yêu cầu của khách hàng". Nguồn chất xám trong mỗi cán bộ công ty luôn được bồi dưỡng. Hàng năm, công ty đều tiến hành tổ chức thi nâng bậc, những công nhân có khả năng, trình độ có thể đề đạt làm công tác quản lý, lãnh đạo.

Thị trường luôn đòi hỏi sản phẩm đẹp, chất lượng cao, giao hàng trong thời gian ngắn nhất. Để đáp ứng các yêu cầu này, công ty quyết định đầu tư máy in 5 màu heidlberg. Đây là hệ thống thiết bị đời mới nhất, đang được các nước tiên tiến sử dụng (tốc độ cao, bền, tiến trình in và độ chính xác cao) với giá thành khá cao, khoảng 16 tỷ đồng/chiếc. Ngoài ra, công ty còn tiến hành đầu tư một số trang thiết bị khác như: trang thiết bị xén tờ rời, máy 3 dao của Nhật Bản phục vụ công tác xén thành phẩm. Toàn bộ trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế và in ấn cũng được trang bị đầy đủ và hiện đại. Hơn nữa, hệ thống máy móc được điều khiển tự động nên có thể giảm 90% sức lao động và tiết kiệm thời gian trong quá trình sản xuất. Cụ thể: một máy in thường khi lên 1 tấm kẽm, phải mất 10 - 30 phút nhưng đối với trang thiết bị công ty (CP 102) thì chỉ mất 1phút/tấm kẽm, giảm ít nhất 10 lần so với thời gian trước. Từ chỗ tiết kiệm được thời gian sản xuất, công ty nhận được nhiều đơn đặt hàng, mang lại lợi nhuận khổng lồ.

Những nỗ lực không mệt mỏi

Từ một doanh nghiệp "không tên tuổi", Giám đốc Vũ Đình Châu đã thổi luồng khí mới, một hướng đi

Quay xổ số

Vốn đầu tư và doanh thu giai đoạn 1997 - 2001

Chỉ tiêu	ĐVT	1997	1998	1999	2000	2001
Vốn đầu tư	Tỷ đồng	18	23	25	33	39
Doanh thu	"	222	245	304	377	440

Nguồn: Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương

mới, đúng đắn, đưa Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương trở thành điểm sáng của nền công nghiệp Bình Dương. Đặc biệt, giai đoạn 1998 - 2002, do nhịp độ phát triển kinh tế của tỉnh khá ổn định nên thu nhập dân cư được cải thiện rõ rệt, kéo theo sức mua cũng tăng nhanh. Chỉ số giá hàng năm tăng nhẹ chứng tỏ kết quả tăng thu của ngành là có thật, đưa tốc độ tăng trưởng đạt xấp xỉ 15%/năm. Về mặt kinh doanh, đầu tư và đầu tư có trọng điểm đã đẩy tốc độ phát triển của một doanh nghiệp nhà nước vốn trước đây vô cùng trì trệ. Về mặt xã hội, công ty đã đóng góp không nhỏ trong sự nghiệp phát triển mạnh mẽ và đồng đều của lĩnh vực hoạt động dịch vụ xổ số ở khu vực miền Nam, đây là công cụ mạnh mẽ, thiết thực của Nhà nước tấn công và trấn áp nạn "số đề".

Những nỗ lực của công ty đã được đền đáp xứng đáng: doanh thu tăng đều qua các năm, mức nộp ngân sách trung bình đạt 83 tỷ đồng/năm, vượt chỉ tiêu Bộ Tài chính giao từ 8% đến 21%. Ngoài ra, việc phân phối lợi nhuận theo đúng quy định và ưu tiên cho quỹ phát triển sản xuất, đã mang lại cho công ty sự đảm bảo cho công tác bảo toàn và tích luỹ vốn, hệ số bảo toàn vốn bình quân đạt mức 1,22. Năm 1998, công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, tiếp đó năm 2002, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Đây là nguồn cổ vũ khích lệ to lớn đối với ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty. Nhưng có lẽ điều có ý nghĩa lớn lao hơn là công ty đã trở thành một thành viên tham gia tích cực công tác xã hội bằng việc đỡ đầu quỹ xoá đói, giảm nghèo; xây dựng nhà tình nghĩa; tặng sổ tiết kiệm, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, trẻ mồ côi, người tàn tật, hội người mù,... Trong 5 năm qua, tổng số tiền công ty trích ra cho hoạt động từ thiện lên tới 850 triệu đồng.

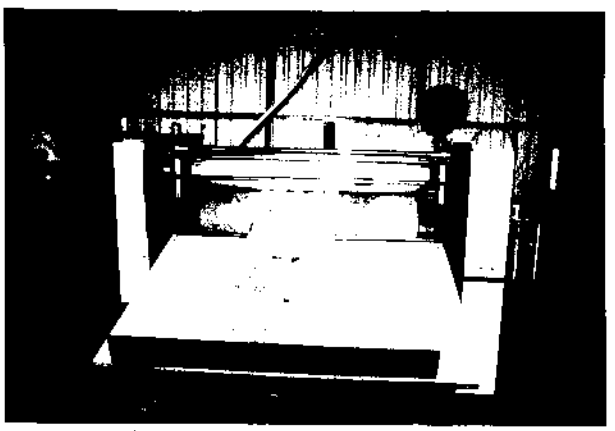

Xưởng in vé số

Khu thương mại - dịch vụ Lucky là công trình do Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương đầu tư, nằm tại trục đường Trần Hưng Đạo với tổng diện tích xây dựng 9.000 m². Đây là một toà nhà 5 tầng với những đường nét kiến trúc hiện đại, sinh động, đạt tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với loại hình kinh doanh dịch vụ - thương mại như quảng cáo, cho thuê văn phòng đại diện. Công trình bao gồm khu công sở và khu thương mại, kho hàng, bãi đậu xe sẽ góp phần tăng thêm mỹ quan cho thị xã Thủ Dầu Một, trung tâm hành chính - kinh tế - du lịch và văn hoá Bình Dương.

Tính đến nay, đội ngũ cán bộ, công nhân viên của công ty là 298 người, với mức lương trung bình ổn định ở mức 1,7 triệu đồng/người/tháng. Bên cạnh đó, công ty còn bảo đảm các chế độ như tổ chức chương trình tham quan, nghỉ mát cho công nhân, đồng thời cũng đặt ra mức thưởng, phạt công minh để tạo nên phong trào thi đua sáng tạo trong sản xuất...

Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương đã tự ghi tên tuổi của mình vào bảng danh sách những công ty được tín nhiệm về chất lượng - giá thành sản phẩm. Ngoài nhiệm vụ hoạt động công ích, một doanh nghiệp in ấn có danh tiếng, công ty vẫn đang tìm cho mình những bước phát triển tiếp theo sao cho phù hợp và phát huy những nền tảng đã xây dựng. Khiêm tốn, tự tin, bền vững, Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương mang theo hành trang ấy tiến lên phía trước.

BINH DUONG LOTTERY & SERVICES COMPANY

Confirming Internal Strength

Binh Duong Lottery & Services Company is the only one operating in the form of business - services. The company was established in 1987 and took over the printing factory and the Project on trading commercial centre in 2002. By 2002, the printing production has increased by 200 percent, and that of lottery is always higher than the previous year.

"Good rumour often goes far", Binh Duong Lottery & Services Company has become famous for its prestige, quality and price not only in Binh Duong province therefore many partners have co-operated with the company. The company's prestige has been spread due to its products.

Success thanks to bold investment

In a meeting with the Director of Binh Duong Lottery and Services Company, Vu Dinh Chau says "in order to win the customer's trust, we had to experience many "measure wits" to work out the right strategy in the tough competitions among printing enterprises. In my opinion, the key to the company's success is investment strategy for machines and human resources." In fact, after having a quick look at the company's six workshops with the different functions, and exploring its activities through the eyes of the new workers or strategies of personnel, we found that Chau's investment and post-investment solutions is very innovative.

Visiting workshop No1 specialising in model and background design of the lottery tickets, Deputy Manager, Huynh Nguyen Bich Phuong says "the workshop has 32 people and most of them were trained as painters from fine arts and technical teacher training schools and a part of them from printing technology. In addition, to meet the increasing demands of customers, a team specialising in foreign languages such as Japanese, Chinese, English and French has been established. The team is responsible for designing and translating at the request of customers. The company's staff usually attends training courses. Competitions are held every year. All qualified workers can be allotted with management works or positions of leaders.

The company has decided to buy a five Heldberg colour printers to meet the market's requirement of nice products with high quality and timely delivery. This is the most updated equipment system, which is very popular at the developed countries. It runs at high speed with high accuracy and durability but of the high cost of VND16 billion each. In addition, the company has invested in other equipment such as paper cutting machine, Japanese knife with triangle blade for cutting finished products. Designing and printing are also equipped with modern machines. Moreover, automatic machines can save 90 percent of labour force and time during the production. For example, it usually takes 10 minutes or half an hour to print

Investment capital and turnover during 1997 - 2001

Indices	Unit	1997	1998	1999	2000	2001
Investment capital	VND billion	18	23	25	33	39
Turnover	"	222	245	304	377	440

Source: Binh Duong Lottery & Services Company

on a zinc plate, while the company's printers (CP102) take only one minute and thanks to reducing the production time, the company have receive many orders gaining huge profits.

Trade Union meeting

Tireless efforts

Started from an unknown enterprise, Director Vu Dinh Chau brings the vitality to the Binh Duong Lottery and Services Company, making it a shinning star in the Binh Duong's industry. Especially, during 1998 - 2002, due to the province's stable pace of economic development, the people's living standards improved significantly and purchasing power increased accordingly. The slight increase of annual price index with growth rate of approximately of 15 percent per year demonstrates the real development and those are notable achievements. Regarding business, investment and focused investment have promoted the development of the state - owned enterprises, which used to be stagnant. In terms of society, it makes great contributions to the strong and equal development of lottery industry in the south. This is a strong and practical tool of the State in the fight against "So de"(illegal lotto).

The company's efforts have gained deserved payment. Its turnover increases every year. The state budget's contribution reaches VND 83 billion a year, exceeding 8-21 percent over the figure assigned by the Ministry of Finance. In addition, profit distribution in accordance with the regulations and priorities for production development fund have brought capital preservation and accumulating. The average preservation coefficient is 1.22. The company was awarded the second class Labour Order by the State, which has greatly encouraged the board of management as well as the whole staff of the company. In addition, the company actively took part in social works by supporting poverty elimination fund, building houses of gratitude, presenting savings book, taking care of invalids, orphans, the disabled, the blind unions, and border soldiers etc. During the past five years, the total sum for charity activities has reached VND850 million.

Now, the company has 298 people with stable life and average salary of VND1.7 million per month. Moreover, the company usually organises picnics for its staff every year. The policies of punishment and compliment are also applied to encourage the staff to work creatively by many movements.

Binh Duong Lottery and Services Company has recorded itself in the list of the prestigious companies with good quality and price. Apart from participating in social works, it is still seeking the suitable development for the future on its foundation. Modesty, confidence, durability are the key to step forward.

Lucky Trading and Services Centre is the project of Binh Duong Lottery and Services Company located in Tran Hung Dao street with the total area of 9,000 sq.m. This is a five-storey building with modern and lively architecture meeting the international standards. It is very suitable to trading - business types such as advertisement, representative offices for lease. It includes offices, commercial department, warehouses, car parking, which will make contributions to aesthetics for Thu Dau Mot town, the centre of administration, economy, tourism and culture of Binh Duong.

CÔNG TY LÂM SẢN - XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

Khẳng định bản lĩnh qua việc đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh

Không chịu dừng lại ở chức năng kinh doanh là khai thác chế biến lâm sản xuất khẩu, công ty còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Dám nghĩ, dám làm, ban giám đốc Công ty lâm sản và xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương đã đưa doanh nghiệp vươn lên và đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận. Qua đó, công ty được xem là một trong những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả nhất tỉnh Bình Dương.

Nắm bắt cơ hội, tìm hướng đi mới.

Công ty lâm sản và xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương được thành lập năm 1996 trên cơ sở hợp nhất 2 công ty cùng ngành nghề, với chức năng kinh doanh khai thác và chế biến lâm sản xuất khẩu. Ngày mới thành lập, công ty chỉ có một xưởng cưa, một phân xưởng chế biến gỗ xuất khẩu, 74 lao động, trong đó trực tiếp sản xuất chỉ có 10 người và hơn 1,3 tỷ đồng ngân sách nhà nước cấp. Khó khăn lại chồng chất khi thị trường tiêu thụ chính là các nước Đông Âu bị ngưng trệ do khủng hoảng chính trị. Do vậy, một hướng đi mới để vực dậy công ty, đảm bảo đời sống người lao động vào lúc này là hết sức cần thiết. Để làm được điều này, cần phải có chiến lược phát triển lâu dài, phù hợp với tình hình mới. Vào các năm 1995 - 1996, trong bối cảnh Chính phủ quyết định đóng cửa rừng, hạn chế khai thác, khuyến khích nhập khẩu gỗ, Ban giám đốc công ty đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội xúc tiến quan hệ và tạo được uy tín trong việc mua bán gỗ với Campuchia. Vì thế, công ty đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao làm đầu mối nhập khẩu gỗ và các lâm sản khác từ Campuchia. Nhờ đó, công ty đã thu mua được 10.000 m^3 gỗ tròn của Campuchia và 3.000 m^3 gỗ ở các tỉnh miền Trung và Bình Phước cung cấp cho xây dựng cơ bản, tiêu thụ nội địa và dự trữ cho sản xuất.

Có được nguồn nguyên liệu đảm bảo, công ty đã đầu tư thêm 9 lò sấy gỗ để gia công cho khách hàng và tìm kiếm thị trường mới. Năm 1998 - 1999, khi đã có thị trường, công ty đã đầu tư, cải tạo và xây dựng thêm 3 phân xưởng sản xuất, chế biến gỗ xuất khẩu. Đến năm 2000, việc kinh doanh của công ty đã có bước tiến đáng kể. Chưa hài lòng với những gì đã đạt được, công ty đã quyết định đầu tư phân xưởng sơn gỗ công nghệ cao để tăng giá trị sản phẩm, đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đến nay, công ty đã đủ mạnh về vốn, khẳng định được uy tín trong khách hàng, tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại để mở rộng xuất khẩu đến những thị trường khó tính hơn ở Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Canada...

Chiến lược đa dạng hóa hoạt động kinh doanh đã đem lại thành công lớn

Điểm khác biệt và nổi trội của Công ty lâm sản và xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương chính là hiệu quả kinh doanh từ nhiều lĩnh vực kinh tế. Kết quả mà công

Toàn cảnh công ty

ty đạt được trong những năm qua cho thấy "cái tài" điều hành nhiều ngành nghề kinh doanh cùng một lúc được thể hiện ở sự nhạy bén và bản lĩnh của lãnh đạo công ty. Không những tìm được chỗ đứng trong lĩnh vực xuất khẩu lâm sản mà doanh nghiệp này còn thành công ở lĩnh vực liên doanh, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng.

Ngay từ năm 1996, kế thừa các hợp đồng liên doanh đã ký với Công ty Indochina Ceramic American, Công ty Ceramic Sanitaryware PTE. LTD American, công ty đã xúc tiến đầu tư đề xuất với tỉnh cho sử dụng quỹ đất và mạnh dạn vay thêm 1,17 triệu USD thành lập Công ty liên doanh gạch men Mỹ An với tổng vốn đầu tư 23,4 triệu USD, trong đó công ty góp 25%; thành lập Liên doanh thứ hai là Công ty sứ vệ sinh Mỹ Phú với tổng vốn 13,57 triệu USD, trong đó công ty góp 25% quyền sử dụng đất. Việc đầu tư vào hai liên doanh đã mở rộng phạm vi kinh doanh, nâng cao vị thế cũng như uy tín của công ty trên thương trường, giải quyết việc làm đem lại thu nhập ổn định cho gần 800 lao động địa phương.

Công ty bắt đầu mở rộng ngành nghề đầu tư vào ngành xây dựng, thành lập các đội thi công xây dựng dân dụng công nghiệp, cầu đường, lắp đặt đường dây điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước... được các đơn vị chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh đánh giá cao về chất lượng, kỹ thuật và thẩm mỹ. Công ty đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh tín nhiệm, giao thi công nhiều tuyến đường quan trọng có vốn đầu tư lớn của tỉnh.

Với phương châm đa dạng hóa ngành nghề, công ty đã mở rộng hoạt động sang khai thác khoáng sản (phi kim loại): đất sét và đá cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy liên doanh gạch men Mỹ An và các công trình xây dựng do đơn vị đảm nhận. Năm 1999, công ty tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, thực hiện đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng đường liên tỉnh DT747 theo hình thức BOT.

Từ nguồn vốn hơn 1,3 tỷ đồng ngân sách cấp, đến nay sau 7 năm phát triển, công ty đã có 5 phân xưởng và 01 xí nghiệp sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu đầu tư công nghệ cao, 7 đội thi công xây dựng cầu đường, 3 đội khai thác khoáng sản, 1 hệ thống cửa hàng bán đồ gỗ cao cấp, tole, vật liệu xây dựng... Do đó đã tăng vốn của công ty lên gần 80 tỷ đồng, làm ăn có lãi, giải quyết việc làm cho 700 lao động với mức thu nhập bình quân trên 1.300.000 đ/người/tháng, hoạt động của 2 Công ty liên doanh bắt đầu có lãi... Công ty còn tích cực tham gia hoạt động xã hội từ thiện đóng góp với số tiền 500 triệu đồng đã thể hiện sự cố gắng và bản lĩnh kinh doanh của đơn vị để đứng vững trong nền kinh tế thị trường. Bảy năm tự vận động, không ngừng phấn đấu tìm hướng đi thích hợp cho riêng mình, doanh nghiệp đã gặt hái được nhiều thành công, khẳng định chỗ đứng, uy tín trên thương trường. Với những thành quả đã đạt được trong kinh doanh, tập thể người lao động của doanh nghiệp đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Đó là phần thưởng xứng đáng, khích lệ công ty tiếp tục phấn đấu, góp phần vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Khi các ngành nghề được mở rộng, tài chính đủ mạnh, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật đã vững vàng với phương châm nang động, đổi mới để phát triển, năm 2003 và những năm tới công ty tiếp tục đầu tư có chiều sâu cho các lĩnh vực ngành nghề đã có, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng và đẩy mạnh công tác xuất khẩu sang các thị trường lớn.

Kết quả sản xuất - kinh doanh (1996 - 2002)

Chỉ tiêu	1996	2000	2001	2002
Tổng doanh thu (triệu đồng)	22.359	60.402	110.401	105.000
Tổng kim ngạch (ngàn USD)	2.788	952	1.802,8	1.368,6
Trong đó: XK (ngàn USD)	359	651	921,3	539,4
Nộp ngân sách (triệu đồng)	507	643	1.308	2.330
Trong đó: Thuế XNK (triệu đồng)	44	450	161	1.642
Thuế GTGT hàng XK			976	356
Thu nhập b/q (1.000đ/người/tháng)	503	943	1.169	1.250
Lợi nhuận (triệu đồng)	287	350	629	1.000
Đầu tư: Tổng		2.885	4.135	2.132

Nguồn: Công ty lâm sản - xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương

GENIMEX CORPORATION
Bravely Diversifying Business Lines

With functions of not only exploiting and processing the forestry products for export, Binh Duong General Forestry Product Import - Export Corporation (GENIMEX) has also expanded its business in other fields. Bold in thinking and action, the Management Board of GENIMEX has become successful and been considered one of the enterprises with most effective business in Binh Duong province.

Grasping chances for new directions

GENIMEX was established in 1996 on the basic of merging two companies in the same field and with the same functions of exploiting and processing forestry products for export. In the early time, the company had only one sawing workshop and one wood-processing workshop with 74 labourers of whom 10 were direct workers and the amount of over VND1.3 billion from State budget. The difficulties increased due to the stagnancy of the Eastern Europe consumption market caused by the political regional crisis. Therefore, it was necessary to find the new direction for the company to ensure the labourers' living at that moment which required a long-term development strategy suitable to the new situation. In 1995-1996, under the context that the Government decided to close the domestic forests to limit exploitation and encourage import of timber, the company's Management Board had promptly grasped this chance to promote wood trading with Cambodia and gained the prestige. The Ministry of Agriculture and Rural Development therefore entrusted the company to import timber and other forestry products from Cambodia. Accordingly, the company purchased 10,000cu.m of round wood from Cambodia and 3,000cu.m from the Central provinces and Binh Phuoc province to supply for capital construction, domestic consumption and production reservation.

With the stable materials resource, the company invested in nine timber drying kilns for processing contracts and looking for new consumption markets. In 1998 - 1999, after finding the markets, the company invested in, improved and built three more timber producing and processing workshops for export. Until 2000, the business of the company made progress. However, uncontented with the achievements, the company decided to invest in hi-tech painting workshop to raise product value so as to compete in the international market. So far, the company has been strong in capital, affirmed its prestige among the customers and continued investment in updated equipment aiming at import expansion in the more demanding markets such as Japan, Korea, New Zealand and Canada...

Strategy on diversifying the business activities brings about great success

The difference and outstanding feature of GENIMEX is the business effectiveness in varied economic fields. The flexibility and high competence of the company's Management Board are shown in their management capability in diverse business lines. Not only establishing a good position in forestry product import, the company has also succeeded in joint- venturing, construction and infrastructure development.

In 1996, inheriting the joint-venture contracts signed with American Ceramic Indochina Company and American Ceramic Sanitary-ware PTE Ltd., the company promoted investment and proposed the provincial authorities for using the land fund and boldly borrowed US$1.17 million to establish My An Enamelled Brick Joint-Venture Company with the total invested capital of US$23.4 million, of which the company's contribution amount-

ed to 25 percent and the second joint-venture - My Phu Ceramic Sanitary-ware Company with the total capital of US$13.57 including 25 percent of land-use right. The investment in those two joint ventures has enlarged the company's business scale, enhancing its image and prestige in the market, creating jobs with stable income for nearly 800 local laborers.

The company began to extend investment in construction, established the executive groups of constructing industrial - civil works, bridges and roads, installing electric wires, transformer stations, lighting system and water supply and drainage systems of which quality, technique and aesthetics are highly appreciated by the local and nation-wide investors. The provincial People's Committee has entrusted the company to build many important provincial roads with big capital amount invested by the province.

With the motto of business diversification, the company started to exploit the minerals (non-metal) including clay and stones to supply materials for My An Enameled Brick Joint-Venture Factory and the construction works conducted by the company. In 1999, the company continued invested in the infrastructure construction and completed inter-provincial road DT747 in line with BOT mode and put it into operation.

With the capital of over VND1.3 billion from the State budget, after seven years of development the company now has five workshops and one factory producing and processing timber for export with high technology, seven groups of bridges and roads construction, three groups of minerals exploitation, one system of shops selling high-class furniture and construction materials etc. increasing the company's capital to nearly VND80 billion, made profit and created jobs for 700 laborers with the average per capita income over VND1,300,000/month; the two joint-venture companies start to earn profits. The company has also participated actively in social activities and charities funds with contribution of VND500 million expressing the great efforts and business capability of the company in the market economy. Seven years of self-operating and constantly striving for the suitable direction, the company has attained numerous successes, affirming its position and prestige in the market. With the business achievements company's staff was hornourly granted the Third Class Labor Order by the State which is an award encouraging the company to continually contribute to the local socio-economic development cause.

When the business has been developed, the financial potential has been strong enough, the management and technical teams have been qualified with the motto of flexibility in renovation for development, in 2003 and forthcoming years the company will continue intensively invest in the existing business fields and expand business - production activities towards infrastructure investment and intensify export to the large markets.

Business and Production Results (1996 - 2002)

Indices	1996	2000	2001	2002
Total revenue (million dong)	22,359	60,402	110,401	105,000
Total import-export turnover (thousand US$)	2,788	952	1,802.8	1,368.6
In which :				
- Export turnover (thousand US$)	359	651	921,274	539,400
-Budget contribution (million dong)	507	643	1,308	2,330
- Import-export tax (million dong)	44	450	161	1,642
Value added tax of the export goods			976	356
Average per capita income (thousand dong/month)	503	943	1,169	1,250
Profits (million dong)	287	350	629	1,000
Total investment		2,885	4,135	2,132

Source: GENIMEX Corporation

DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

Mắt xích trọng yếu của nền kinh tế Bình Dương

Đóng góp trên 34,4% GDP toàn tỉnh, chiếm đến 40% tổng kim ngạch xuất khẩu và thu hút gần 10 vạn lao động, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã trở thành một mắt xích trọng yếu trong "guồng máy" phát triển kinh tế của Bình Dương. Có được kết quả ấy là do trong nhiều năm qua, tỉnh uỷ, ủy ban nhân dân đã thực thi nhiều chính sách với mục đích "hỗ trợ tối đa" cho khối doanh nghiệp này phát triển.

Sau 5 năm kể từ khi tái lập tỉnh, Bình Dương hoàn toàn có thể tự hào về những thành tựu đã đạt được, nhất là về lĩnh vực phát triển kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân lên tới 14,2%/năm, đặc biệt Bình Dương đã trở thành một trong năm tỉnh, thành của cả nước có đóng góp lớn cho ngân sách Trung ương. Trong thành tích đó, có phần đóng góp không nhỏ của khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Tăng trưởng càng nhanh, đóng góp càng lớn

Khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh tỉnh Bình Dương trong những năm gần đây phát triển mạnh mẽ. Số lượng doanh nghiệp thuộc khu vực này tăng lên rất nhanh, nhất là sau khi Luật doanh nghiệp ra đời (năm 2000). Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương, nếu năm 1996, toàn tỉnh có 648 doanh nghiệp tư nhân và 12.034 hộ cá thể với tổng số vốn đăng ký là 748,27 tỷ đồng, thì đến năm 2001 con số đó đã là 1.329 doanh nghiệp tư nhân và 16.591 hộ cá thể với số vốn đăng ký lên đến 4.232,26 tỷ đồng.

Không chỉ tăng về lượng, khối doanh nghiệp này có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đóng góp đáng kể trong việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh. Qua số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cho thấy, GDP của khu vực này đã tăng từ 2.054 tỷ đồng (năm 1996) lên 2.400 tỷ đồng (năm 2001), chiếm trên 34% GDP và trên 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề kinh doanh của khối doanh nghiệp này cũng rất phong phú và đa dạng. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia ở tất cả các ngành nghề trong nền kinh tế quốc dân, đặc biệt là ở một số ngành nghề truyền thống như: gốm sứ, sơn mài, điêu khắc gỗ, gạch ngói nung...

Phong phú và đa dạng về ngành nghề kinh doanh là nhân tố tạo nên thế mạnh của khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Với lợi thế trong thu hút đầu tư nước ngoài và nguồn vốn đầu tư tại chỗ, Bình Dương còn kêu gọi được một lượng lớn các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở các tỉnh khác vào làm ăn tại đây với nhiều ngành nghề mới như: dệt may, da giầy, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, dược phẩm, hoá mỹ phẩm,... góp phần đa dạng các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh Bình Dương.

Nhìn chung, khả năng đổi mới trang thiết bị, công nghệ trong những năm qua đã có bước đột phá. Một số doanh nghiệp quy mô lớn đã có được công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại, đủ

sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Điển hình như dây chuyền sản xuất gốm sứ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Long I, dây chuyền sản xuất hoá mỹ phẩm của Công ty Dacco; dây chuyền sản xuất giầy của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Bình; dây chuyền chế biến thức ăn của Công ty Thành Công và Doanh nghiệp tư nhân Thành Lợi; dây chuyền sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn G.M.P của Công ty dược phẩm Á Đông. Tuy nhiên, vẫn còn có một số doanh nghiệp hoạt động với trang thiết bị máy móc ở mức trung bình.

Sự phát triển khối doanh nghiệp này đã góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Bình Dương theo hướng tang tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Bên cạnh đó, khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn tạo công an việc làm cho hàng trăm nghìn người với mức thu nhập tương đối ổn định. Cụ thể, nếu năm 1996 lao động trong khối doanh nghiệp này là 65.057 người, chiếm 19% tổng số lao động xã hội tại địa phương thì đến năm 2000 con số ấy đã lên đến 95.143 người (tăng 46,2%), chiếm 23,5% tổng số lao động tỉnh với mức lương bình quân 764 nghìn đồng/người/tháng.

Những thuận lợi cần tận dụng và hạn chế phải khắc phục

Yếu tố thuận lợi đầu tiên và cơ bản nhất dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong thời gian qua, đó là tính đúng đắn từ chủ trương, chính sách mà Đảng và Nhà nước đã đề ra về phát triển kinh tế nhiều thành phần. Trong đó, Luật doanh nghiệp và Luật khuyến khích đầu tư trong nước đã tạo điều kiện thuận lợi thu hút vốn đầu tư, đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn phát triển sản xuất - kinh doanh.

Kế thừa và phát huy các thành tựu, những kinh nghiệm đã đạt từ thực tế vận hành kinh tế tỉnh Sông Bé, Bình Dương cũng rất chú ý đến đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao để cung cấp lao động kỹ thuật cho các doanh nghiệp. Ngoài hệ thống các trung tâm đào tạo nghề của Nhà nước và tư nhân, tỉnh Bình Dương đã đầu tư và đưa vào hoạt động trung tâm đào tạo kỹ thuật Việt Nam - Singapore từ năm 1998, đáp ứng một phần nhu cầu lao động kỹ thuật trong các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong thời gian qua, vẫn còn tồn tại và nảy sinh nhiều hạn chế cần khắc phục. Bởi thực tế cho thấy, tuy khối doanh nghiệp này tang trưởng với tốc độ cao nhưng chưa vững chắc, cả về số lượng hàng hoá lẫn thị trường tiêu thụ, nhất là khả năng hội nhập kinh tế khu vực còn yếu. Vấn đề nhà ở cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp thuộc khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh cũng đang trở nên bức xúc. Đa số những công nhân làm việc trong khối doanh nghiệp này phần lớn vẫn là những người ngoại tỉnh, hầu hết đều phải thuê nhà trọ nên điều kiện sinh hoạt còn gặp rất nhiều khó khan, cộng với trình độ hiểu biết và khả năng tiếp thu công nghệ mới còn chậm đã

Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể (1996 - 2001)

Năm	Số doanh nghiệp	Hộ cá thể	Vốn đăng ký (tỷ đồng)		% so với năm trước	
			Doanh nghiệp	Hộ cá thể	Số doanh nghiệp	Hộ cá thể
1996	648	12.034	748,27			
1997	716	13.666	1.043,06	151,00	112,52	139,40
1998	667	14.153	1.229,16	168,32	93,49	117,84
1999	810	14.348	1.706,58	187,19	121,04	138,84
2000	1.068	14.89	12.540,49	404.03	139,21	148,86
2001	1.329	16.591	3.712,11	520,14	114,47	146,12

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương

ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả lao động. Thêm nữa, công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phát triển công nghiệp của tỉnh. Công tác quản lý hoạt động của các doanh nghiệp còn yếu kém, sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước thiếu chặt chẽ, chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho chủ đầu tư triển khai nhanh dự án.

Trong định hướng phát triển khu vực kinh tế ngoài quốc doanh giai đoạn 2001 - 2005, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã đề ra những mục tiêu và cơ chế cụ thể. Theo đó, tỉnh sẽ tiếp tục tạo những điều kiện thuận lợi nhất để khu vực kinh tế này phát triển, đặc biệt tập trung vào các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp điện tử - tin học, cơ khí - chế tạo máy. Các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm cũng nằm trong danh mục khuyến khích phát triển theo mô hình cụm công nghiệp với quy mô vừa và nhỏ gần với vùng nguyên liệu. Công nghiệp chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng được bố trí gần với khu vực khai thác nguyên liệu ở các huyện phía Bắc.

Với phương châm "hỗ trợ tối đa" cho khu vực kinh tế ngoài quốc doanh phát triển, tỉnh sẽ phát triển hơn nữa hệ thống kết cấu hạ tầng và dành những ưu đãi cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh trong sản phẩm, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh hội nhập AFTA có hiệu quả.

NON-STATE ENTERPRISES

Crucial Part of Binh Duong Economy

Making 34.4 and 40 percent of the province's total GDP and export revenue respectively, and attracting around 100,000 labourers, non-state enterprises play a crucial part in Binh Duong's economic development. That is the result of the local authorities' efforts in implementing a number of preferential policies with the targets "maximally support" the development of this sector.

Since the re-establishment of the province five years ago, Binh Duong can be pround of the achievements, especially the economic development. With the annual GDP growth rate of 14.2 percent, Binh Duong has become one of the five provinces that make the greatest contribution to the state's budget. Non-state enterprises play a key role in achieving those outcomes.

The more rapid the growth rates, the greater the contribution

Binh Duong non-state enterprises have made intensive development over the past years. There has been a rapid increase in the number of non-state enterprises, especially since the Laws of Enterprises became effective in 2000. According to the statistics collected by Binh Duong Department of Planning and Investment, there were 648 private enterprises and 12,034 households throughout the province with the total registered capital of VND748.27 billion. The number then increased to 1,329 and 16,591 respectively with the total registered capital of VND4,232.26 billion in 2001.

The sector has a special importance in the national economy, making a significant contribution to the Binh Duong's economic development acceleration. It is noticeable in the statistics by the Binh Duong Department of Planing and Investment that this group's GDP enhanced from VND2,045billion in 1996 to VND2,400 billion in 2001, accounting for 34 and 40 percent of the province's annual GDP and total export revenue respectively.

The non-state group covers a wide range of business, especially such traditional occupations as pottery and china, lacquers, wood sculpture, and baked bricks and tiles.

Enjoying the advantages, Binh Duong has attracted a great deal of non-state enterprises from other parts of the country investing in garments and textiles, leather and footwear, foods processing, wood processing, pharmaceutical products, and cosmetics, helping diversify the export goods of Binh Duong.

In general, Binh Duong has made a breakthrough in the recent renovation of machinery and technology. Large-scaled enterprises have been equipped with advanced technologies and modern machinery, and now become competitive contenders in both the internal and external markets. The following enterprises can be taken as typical examples: Minh Long Co. Ltd No.1 with the pottery and china production lines, Dacco Company with the cosmetics production lines, Thai Binh Co. Ltd. the footwear production lines, Thanh Cong Company and Thanh Loi Private Enterprise with the foods processing lines, and A Dong Pharmaceutical Company with the G.M.P standardised pharmaceutical production lines. However, there still remain some enterprises operating with the machinery at low technological levels.

The development of non-group enterprises has made a great contribution to the economic transformation of Binh Duong province towards the increase of industrial density and services. In addition, the non-state group has created employment for hundred thousands of people with fairly stable incomes. For instance, in 1996, there were 65,057 people working in non-state enterprises enterprises, making 19 percent of the local employment, but in 2000 the number of employees in this group increased to 95,143 people (making an increase of 46.2 percent), accounting for 23.5 percent of the total employment of the province with the average salary of VND764,000 per month.

Advantages to be taken and shortcomings to be overcome

The first and foremost advantage leading to the intensive development of the non-state enterprises during the past few years is the sound direction of the policy on the development of a multi-class economy. In particularly, the Laws of Enterprises and the Domestic Investment Encouragement Laws have created favourable conditions for the investors to confidently invest in the production and business expansion.

Inheriting and bringing the achievements and experiences of Song Be economy operation into play, Binh Duong attaches great importance to the highly skilful human resources training and technical labourers supply. Beside the available state run and private vocational training centres, Binh Duong has invested and operated Vietnam-Singapore Technical Training Centre since 1998, to partly meet the demands for technical labourers of the enterprises inside and outside the industrial park.

Apart from the recent achievements of non-state enterprises, there still remain some problems and shortcomings, which need to be solved. The fact shows that, the growth rates of the non-state group are high but not steady. So is the quantity of their products. The regional economic integration ability of those enterprises is still weak. Non-state

Number of enterprises and business households from 1996 to 2001

Year	Number of enterprises	Number of households	Registered capital (VND billion)		Percentage of the following year	
			Enterprise	Household	Number of enterprises	Number of households
1996	648	12,034	748.27			
1997	716	13,666	1,043.06	151.00	112.52	139.40
1998	667	14,153	1,229.16	168.32	93.49	117.84
1999	810	14,348	1,706.58	187.19	121.04	138.84
2000	1,068	14,891	2,540.49	404.03	139.21	148.86
2001	1,329	16,591	3,712.11	520.14	114.47	146.12

Source: Binh Duong Department of Planing and Investment

enterprises are facing the increasingly serious problem of their employees' accommodation. Most of the workers of those enterprises come from other parts of the country, renting houses with poor living conditions. Aside from that, the workers' poor knowledge and weak ability to perceive new technology have resulted in negative impacts on the labour quality and effectiveness. Moreover, the vocational training has not yet met the province's practical requirements for the industrial development. The enterprises' operation management is weak and the co-operation amongst the civil services is not really tight, resulting in the lack of favourable conditions for the rapid implementation of the projects.

Specific targets and mechanisms were defined in the Development orientation for the non-state economic sector from 2001 to 2005 by Binh Duong Provincial People's Committee and Provincial Committee of the Party. Accordingly, Binh Duong will continue creating the best possible favourable conditions for the development of this group, especially the enterprises of electronics and informatics, as well as mechanic engineering and manufacturing industries. Agricultural products processing and foods processing are also put in the list of industries which are encouraged to develop according to the sample of small and medium scaled industrial groups and material regions. Minerals processing industry and construction material production will be located next to the materials exploiting sector in the North provinces.

With the motto "maximally support" the development of non-state enterprises, Binh Duong is strengthening the development of the infrastructure and preferential policies for the enterprises' technology renovation, aiming at higher competitiveness of the products and better preparation for the non-state enterprises to integrate effectively in AFTA.

CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH
HUNG THINH CO. LTD.,

Chức năng:

- Thi công các loại công trình giao thông cầu đường, san lấp mặt bằng.
- Các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.
- Mua bán gỗ trồng rừng, sản xuất palettes, sơ chế gỗ cao su.
- Kinh doanh hàng may mặc.

Trụ sở: Khu phố 3, Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương

Office: Quater 3, Dau Tieng Township, Dau Tieng District, Binh Duong Province

Tel: (0650) 561221

E-mail: ctyhungthinh@hcm.vnn.vn

Major functions:

- Upgrading and building transport works such as roads and bridges.
- Operating site clearance and ground leveling
- Executing civil and industrial construction works.
- Selling and buying wooden, manufacturing palettes, preliminary treatment of wooden from rubber trees.
- Trading all kinds of garment.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TERRACO

Người làm đẹp cho các công trình xây dựng

Mấy năm gần đây, vấn đề đô thị hóa ở Việt Nam đang diễn ra với tốc độ chóng mặt, nhiều công trình xây dựng được thi công và hoàn tất dưới sự "làm đẹp" của rất nhiều hãng sơn nổi tiếng như Nippon, Levis... và ngày nay thêm một thành viên nữa, đó là Terraco.

Terraco với sản phẩm sơn gốc nước tại Việt Nam

Terraco là một tập đoàn nổi tiếng của Thụy Điển chuyên sản xuất các mặt hàng phục vụ cho ngành xây dựng trên thế giới. Trong đó, sơn nước và sơn tạo vân gai trang trí là 2 mặt hàng trong số những sản chính của công ty có mặt tại Việt Nam từ năm 1998. Mặc dù ra đời muộn hơn so với nhiều hãng khác, nhưng sản phẩm sơn bảo vệ và trang trí tường của Terraco đã nhanh chóng chinh phục được thị trường Việt Nam bởi tính năng nổi bật về tuổi thọ và khả năng thích ứng với thời tiết. Một ưu điểm nữa của sơn Terraco là không độc hại đối với thợ sơn, người sử dụng và đặc biệt là không gây ô nhiễm môi trường. Có thể kể đến một số công trình lớn mà Terraco đã tham gia xây dựng tại Việt Nam như Khách sạn DAEWOO, Trung tâm thương mại Tràng Tiền, Học viện Hành chính Quốc gia... Ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Terraco Việt Nam cho biết: "Hiện nay, tập đoàn Terraco Thụy Điển có trên 400 sản phẩm khác nhau, nhưng tại thị trường Việt Nam công ty mới chỉ sản xuất và tiêu thụ khoảng 40 sản phẩm các loại với giá cả phù hợp. Chiến lược sắp tới của công ty là đưa ra những sản phẩm có chất lượng phù hợp với từng điều kiện thời tiết khác nhau".

Trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường sơn Việt Nam, thời gian đầu, Terraco cũng gặp không ít khó khăn trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, chất lượng tốt, giá cả phải chăng, dịch vụ ưu đãi thuận tiện là tất cả những gì mà công ty có thể làm để tạo uy tín đối với khách hàng. Sau 5 năm hoạt động, Terraco đã thiết lập được hệ thống mạng lưới phân phối với 300 khách hàng trên toàn quốc, mức sản lượng bình quân đạt khoảng 5000 tấn/năm. Con số này so với dự định còn nhỏ, vì thế trong năm 2003, công ty phấn đấu vượt mức sản lượng này và có kế hoạch mở rộng diện tích để phát triển sản xuất.

Không ngừng cải tiến kỹ thuật

Hiện nay, tập đoàn Terraco có 19 công ty và 14 nhà máy sản xuất đang hoạt động tại nhiều quốc gia trên thế giới với một trung tâm khoa học kỹ thuật tại Ireland, trong đó có một nhà máy tại Việt Nam với vốn đầu tư ban đầu khoảng 1 triệu USD. Để phát triển và cạnh tranh được trên thị trường, việc nghiên cứu nhằm cho ra những sản phẩm tốt nhất là hoạt động đang được ưu tiên hàng đầu hiện nay của Terraco. Hàng năm, công ty đều trích 5% từ doanh thu của mình để đầu tư cho các trung tâm nghiên cứu đặt ở nhiều nước khác nhau trên thế giới. Chức năng chính của các trung tâm kỹ thuật này là không ngừng nghiên cứu để cho ra những sản phẩm chất lượng cao trong lĩnh vực sản xuất sơn, bột trét tường, hóa chất xây dựng... giúp Terraco vượt qua các đối thủ cạnh tranh bằng cách đưa ra những sản phẩm có thể tiết kiệm được chi phí lao động và nguyên vật liệu mà vẫn đảm bảo độ bền để chống chọi với khí hậu khắc nghiệt. Xét về công nghệ sản phẩm, đây thực sự là một lợi thế lớn để Terraco cạnh tranh với nhiều hãng nổi tiếng khác trên thị trường thế giới, mà Việt Nam là một thí dụ điển hình.

Nhưng cũng tùy theo yêu cầu của thị trường mà Terraco cho ra các sản phẩm khác nhau, công ty sẵn sàng nghiên cứu để sản xuất ra sản phẩm mới, miễn sao được thị trường chấp nhận. Mỗi một sản phẩm khi ra đời phải mất từ 3 đến 6 tháng và ít nhất phải trải qua 10 bước khác nhau như thu thập thông tin khách hàng xem họ

cần gì: thị trường giá cả, đối thủ cạnh tranh như thế nào; tài chính bình quân cho mỗi sản phẩm khi bán ra bao nhiêu... sau đó mới quyết định sản xuất hay không. Hiện nay, công ty đang có các mảng sản xuất như các loại putty mastics, các loại sơn nước nội ngoại thất, các loại sơn gai trong trang trí mang tính mỹ thuật cao, các loại sơn chống thấm chuyên dùng, sơn sàn công nghiệp, sơn sân tennis và các sân thể thao khác. Các sản phẩm này đều thuộc hệ nước, sản xuất theo công nghệ hiện đại nhất và được chú thích rõ ràng, không có tác hại đến môi trường, lại đảm bảo lâu dài về tuổi thọ. Tất cả các công ty thuộc tập đoàn Terraco đều thực hiện quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, do đó có thể đáp ứng yêu cầu cao về chất lượng.

Khi mới thành lập, Terraco Việt Nam được sự trợ giúp của một số chuyên gia nước ngoài 6 tháng về kỹ thuật, hàng năm, khoảng ba bốn tháng họ lại sang kiểm tra một lần. Điều đặc biệt là tất cả các cán bộ quản lý của công ty hiện nay đều là người Việt Nam, chỉ có công nghệ kỹ thuật và các dây chuyền máy móc là nhập từ nước ngoài. "Một trong những chiến lược của Terraco tại Việt Nam là sử dụng người địa phương nhiều hơn". Đó là lời khẳng định của ông Nguyễn Thanh Bình, khi đánh giá về hiệu quả sản xuất và kinh doanh của công ty trong thời gian qua. Ông cũng cho biết thêm "Mặc dù tổng số nhân viên của chúng tôi chỉ có 42 người, mức thu nhập bình quân khoảng 2,5 triệu đồng/người/tháng, nhưng giữa nhà đầu tư và nhân viên lại có sự gắn bó mật thiết với nhau. Chính sự gắn bó này đã đem lại thành công không nhỏ cho Terraco trên bước đường chinh phục thị hiếu người tiêu dùng trong nước".

Từng nổi tiếng với nhiều công trình kiến trúc lớn trên thế giới như nhà thờ hồi giáo ở Amman (Jordan), nhà trang quốc hội Nga ở Mátxcơva... sự có mặt của Terraco tại Việt Nam sẽ góp phần làm phong phú hơn diện mạo của ngành xây dựng Việt Nam trong thời gian tới, nhất là khâu hoàn tất công trình với các sản phẩm sơn trang trí, đa dạng của Terraco.

TERRACO COMPANY LIMITED

The Beautifier of the Construction Works

In recent years, the urbanization process in Vietnam has seen a very fast speed. Several construction projects have been designed, built and finished by the 'beautification' of several famous paint makers such as Nippon, Levis, etc that comprise the emergency of a new participant - the Terraco company.

Terraco with its water-based products in Vietnam

Terraco serves as one of the well-known Sweden Groups specializing in products for construction areas throughout the world. Its key products, key - products - emulsion paint, teered coating have been available in Vietnam since 1998. Although it's a little bit late compared with others associates, the Terraco's protective coating and architectural finishing materials conquers rapidly the Vietnam's market through its outstanding characteristics like long-lasting and durability to withstand the rigours of weather and time. Moreover, it is not hazard for painters and users, especially no emissions of solvents into the air. Several huge constructions that Terraco has taken part in building in Vietnam are: the project of Daewoo Hotel in Hanoi, Trang Tien Plaza and National Administrative Institute "At present, the Sweden Terraco Group totally manufactured more than 400 quality items, but only 40 items manufactured and sold at a reasonable price to multiple socio-economic sectors in

Vietnam's market. The company's strategy in the coming time is to introduce high quality products that can suit in each rigorous weather condition," announces Nguyen Thanh Binh - General Manager of Terraco Vietnam Company Limited.

Facing with a fierce competition in the Vietnam's paint market at the beginning, Terraco has encountered too many difficulties in expanding the consuming market. Yet, good quality, reasonable price and convenient after-sale services are all things that Terraco pursues to attract the reliability from its customers. After five years of existence in Vietnam, Terraco has already established a distribution system to over 300 customers nationwide, with the average sales of 5000 tonnes per year. This figure is far low less than early expectation because the market have not been fully exploited . Striving for the 2003 plan, the company would excess this sales volume and intend to enlarge area for production development.

Tireless improvement of technology and equipment

Actually, the Terraco Group consists of 19 companies and 14 factories functioning in many countries worldwide with a technical centre in Ireland, including a Vietnam-based factory with initial capital investment of about US$1 million. The research and development of new products is spearheaded by Terraco for further development as well as market share competition. For this reason, Terraco commits to invest 5 percent of its annual turnover in the company's research and development centers in many countries. The Terraco Technical Center tasks are constantly to research produce new items such as paint, primer, putty and grouting compound helping Terrace surpass other competitors by new products which can save labor and material cost but still ensure the product quality and durability against severe weather. The product technology is Terraco's strength to compete with other famous rivals in the international market and Vietnam is considered a typical case.

However, it does not means that Terraco will compete at all cost but depend upon the market demand. Terraco will introduce various products to satisfy the different market demands. Each new product will take 3 - 6 months and experience at least 10 different steps including information collection of customers' demand, market price, competitors and average cost per product, etc and then decide to produce. At present, the company have some products like exterior and interior coatings; levellers and fillers; putty masties, caulkings and joint compounds; tile waterproofers, paints fortennis court and recreational surfaces, grouts and glues. All products are water based, made by the latest production technology with a clear note of no hazards for painters or users, no emissions of solvents into the air insuring long-term durability. All Terraco Group members follow identical quality control routines according to ISO 9000, which could ensure its products to meet all relevant local and international quality standards.

At the beginning of operation, Vietnam-Terraco factory were supported by some foreign experts for technique for 6 months. After 3 or 4 months, they came back Vietnam for production verification. But thing has changed since the overseas technology and equipment have entirely controlled by Vietnamese staff. "The Terraco's strategy is to use more local staff", states Nguyen Thanh Binh, General Manager of Terraco Vietnam Ltd. as he evaluated the business efficiency over the years. He also said that: "Although the company has only 42 members with an average income of about VND 2,5 millions per month, the investor and the staff has a close relationship which has brought Terraco a huge success on the road of conquering the taste of domestic consumers."

Being famous with several architectural constructions in the world like the Mosque in Amman Jordan, the Russian Parliament House in Moscow, the existence of Terraco in Vietnam will build the image of the Vietnam's construction area, especially the project completion with the company's products.

VINASTAR

Ngôi sao toả sáng trong ngành công nghiệp ôtô Việt Nam

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế đất nước, phương tiện phục vụ cho việc chuyên chở hàng hoá và đi lại trở thành một nhu cầu thiết yếu trong đời sống xã hội hiện đại. Thị trường Việt Nam những năm gần đây đã chứng kiến sự nổi lên của nhà phân phối độc quyền ôtô Mitsubishi tại Việt Nam, Công ty Liên doanh Sản xuất ôtô Ngôi sao, với tên giao dịch là VSM.

VMS là một đơn vị liên doanh được thành lập năm 1994 với tổng vốn đầu tư là 53 triệu USD, trong đó bao gồm 4 đối tác có vốn góp ngang bằng nhau là Công ty Sản xuất ôtô Misubishi, Công ty Thương mại Mitsubishi, PROTON và TRACIMEX-CO. Bằng chiến lược kinh doanh năng động, công ty đã đạt được những thành quả đáng tự hào.

Coi trọng hàng đầu vấn đề mẫu mã và chất lượng

Trong 14 liên doanh ôtô trên thị trường Việt Nam hiện nay, chỉ có 11 công ty đi vào hoạt động. Nhiều nhà sản xuất đầu tư vào cùng một lĩnh vực thì sự cạnh tranh xảy ra là điều không tránh khỏi. Theo ông Nguyễn Đức Thịnh - Phó Tổng Giám đốc thứ nhất VSM, "Muốn tồn tại, các doanh nghiệp trong ngành chỉ còn cách là đa dạng hoá mẫu mã, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc khách hàng. Đối với VSM, đó là điều luôn được coi trọng hàng đầu".

Chính vì thế, sau gần 10 năm đi vào hoạt động, công ty đã thiết lập được mạng lưới phân phối với 15 đại lý trên toàn quốc. Các đại lý của công ty là những doanh nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực ôtô, có đủ khả năng về tài chính và uy tín trong việc bán hàng. Ngoài sự hỗ trợ cho các đại lý về quảng cáo, xây dựng phòng trưng bày, công ty còn giúp họ hiểu thêm về mỗi xe và việc tiếp cận công nghệ bán hàng sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Thêm vào đó, với chính sách hậu mãi bảo hành một năm hoặc 20.000 km cùng với dịch vụ giải đáp kỹ thuật và phục vụ 24/24, sản phẩm của VSM luôn đảm bảo làm hài lòng khách hàng.

Hiện tại, VSM lắp ráp 5 chủng loại xe bao gồm Pajero, Lancer, Jolie, Canter và L300. Mỗi chủng loại lại có những kiểu xe khác nhau, chẳng hạn như Pajero thì có Pajero Supreme, Pajero XX, Pajero X. Tuỳ theo những tính năng và tiêu chuẩn về thông số kỹ thuật ở mỗi kiểu mà giá cả khác nhau. Ngoài ra,

Xưởng sản xuất

căn cứ vào mức thu nhập kinh tế của người Việt Nam, về phía công ty cũng có sự điều chỉnh giá cả sao cho hợp lý. So với ban đầu, mức giá đã giảm khoảng 20 - 30%. Hiện nay, mức giá khoảng từ 16.500USD đến 50.500 USD. Sự giảm giá phụ thuộc vào doanh số, nếu doanh số tang lên thì chi phí khấu hao thấp đi và ngược lại.

Nhằm đa dạng hoá sản phẩm, tạo sức cạnh tranh hơn nữa, bên cạnh các loại xe dùng cho gia đình, cơ quan như Pajero, Jolie,... công ty cũng phát triển thêm một số loại khác như Canter-một loại xe tải dùng chuyên chở hàng hoá. Năm 2002, công ty bán được 2.440 xe các loại, đạt 70 triệu USD, đứng thứ 5, chiếm khoảng 9% thị phần trong nước.

Với tổng diện tích 100.000m^2, các phân xưởng lắp ráp của VSM được đầu tư trang thiết bị tương đối đầy đủ và đồng bộ từ dây chuyền lắp ráp, sơn tĩnh điện đến kiểm định tự động trong đó dây chuyền sơn tĩnh điện của công ty được đánh giá là một trong những dây chuyền sơn tốt nhất ở Đông Nam Á, đảm bảo chất lượng luôn ở mức cao nhất. Ngoài phục vụ cho công ty, dây chuyền này còn gia công cho các đơn vị khác nữa.

Sơn tĩnh điện

Còn đó những thách thức

Khi nhà máy sản xuất ôtô VSM đi vào hoạt động cũng là lúc Việt Nam đang trong thời kỳ mở cửa, khó khan còn nhiều, nhưng đó chỉ là vấn đề khách quan mà bất cứ một đơn vị nào khi mới thành lập cũng gặp phải như thu tục xin giấy phép kinh doanh vốn, thị trường.... Mặc dù thời gian đầu lỗ tích luỹ rất lớn nhưng đến năm 1998, công ty đã bắt đầu có lãi. Với tổng số lao động 263 người, trong đó có 7 người nước ngoài, tính đến nay, công ty đã nộp ngân sách nhà nước đạt 36 triệu USD.

Mặc dù có những bước thành công như vậy, nhưng VSM vẫn còn đối mặt với một số thách thức. Vấn đề quan tâm hàng đầu hiện nay của VSM nói riêng và các doanh nghiệp sản xuất ôtô nói chung là chính sách về nhập khẩu. Hiện nay, thị trường có vô số xe đã qua sử dụng được nhập khẩu vào Việt Nam với giá rất rẻ, đủ chủng loại và kích cỡ khác nhau. Nhiều xe được đưa vào sử dụng là những xe mà nước bạn không còn sử dụng nữa, gọi một cách nôm na chúng đã là đồ "phế thải". Mấy ai biết đằng sau vẻ bề ngoài bóng bẩy của những chiếc xe đã được tân trang kia, độ an toàn được đảm bảo ra sao? Đây là điều rất đáng lo ngại, bởi nó không chỉ ảnh

Một số thành quả của VSM

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2001	2002	Lũy tiến từ đầu dự án
Giá trị nhập khẩu	Triệu USD	21	30	
Doanh thu	"	49	69	231
Nộp ngân sách và thuế	"	7	9	36
Lao động	Người	249	263	263
Sản lượng	Xe	1.689	2.369	7.847

Nguồn: Công ty Liên doanh Sản xuất ô tô Ngôi Sao

hưởng đến các đơn vị trong ngành mà ngay cả người sử dụng cũng không yên tâm. Kéo theo đó là vấn đề xã hội, chẳng hạn như tai nạn giao thông là điều không thể tránh khỏi. Theo ông Nguyễn Đức Thịnh: "Chính phủ nên có những chính sách thật cứng rắn đối với việc nhập xe cũ, xe kém chất lượng để bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn khi lưu thông tại Việt Nam".

Thêm vào đó là chính sách về thuế. "Việc tăng từ 20% lên 40 - 70% thuế đầu vào là quá cao đối với các doanh nghiệp sản xuất ô tô hiện nay, đó là chưa kể đến thuế tiêu thụ đặc biệt. Vì vậy, theo tôi Chính phủ cần có một chính sách cụ thể và từng bước sao cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại để chúng tôi yên tâm đầu tư sản xuất", ông Nguyễn Đức Thịnh đã tâm sự với chúng tôi. Quả thật, để có một ngành công nghiệp phát triển, các nước phải mất hàng chục năm, có khi hàng trăm năm. Đối với Việt Nam, một nước đang phát triển, việc quan tâm ưu đãi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất cần được khuyến khích hơn nữa, đặc biệt là về thuế. Có như vậy, khi ra nhập AFTA, chúng ta mới có cơ hội để cạnh tranh và phát triển.

VINASTAR

A Bright Star in Vietnamese Automobile industry

Together with the country's rapid economic growth, means of transport for carriage and travel become an essential demand in modern society. The Vietnamese automobile market has recently witnessed the emerge of Vina Star Motors Corporation (transaction name VSM), which is the sole distributor of Mitsubishi vehicles in Vietnam.

Established in 1994, VSM is known as a joint venture with total investment capital of US$ 53 million of which consists of 4 equal partner: Mitsubishi Motors Corporation, Mitsubishi Corporation, PROTON and TRACIMEXCO. The company has now obtained brilliant achievements thanks to dynamic business strategy.

Model as well as quality are top priorities

In the current Vietnamese market, among 14 automobile joint ventures, only 11 projects put into operation. Competition is unavoidable because of the production of same product by many makers. "To survive, a company must diversify models and improve product quality as well as after-sale services. For VSM, those are top priorities," says Nguyen Duc Thinh- the first Deputy General Director of VSM.

After nearly ten years of existence, VSM has set up a distribution network with 15 dealers nationwide. These dealers are experienced, full financing-capable and reliable traders. The company supports dealers not only advertisement, showroom but also technical knowledge of each car, and most effective skills of sales. Besides, VSM's products always satisfy customers with after-sale service policy of one-year or 20,000 km warranty, and 24/24-hour technical response service.

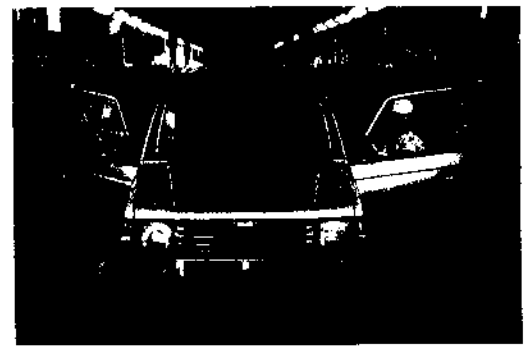

Finished product

Nowadays, VSM has five kinds of vehicles including Pajero, Lancer, Jolie, Canter and L300. Every kind consists of

different version such as Pajero with Pajero Supreme, Pajero XX, Pajero X. The price gap results from different machine standards applied for each kind. Moreover, the company also adjusts suitable prices on the basis of Vietnamese income per capita. The current prices have been cut down by 20-30 percent against the previous levels. Currently, there has been a range from US$ 16,500 to US$ 50,500. The price decrease depends on sales volume, if sales volume becomes bigger, amortization cost would be smaller and vice-versa.

To diversify products as well as raise competitiveness, apart from multi-function automobiles to serve family, office such as Pajero, Jolie, etc, VSM has launched Canter, a vehicle for carriage purpose only. In 2002, the company's sales reached 2,440 units in all kinds with US$ 70 million turnover, ranking 5th, occupying 9 percent of the national automobile marketshare.

With total area of 100,000 square meter, VSM's assembling factory is fully equipped with assembling, painting and automatic test lines, of which painting is evaluated one of the best Southeast Asian techniques with optimal capacity, meeting demands of the company and other enterprises as well.

Outstanding challenges

VSM started its operation in the transition of Vietnam towards a market economy. As a result, it faced with some difficulties in license permitting, capital accumulation and market identification like other foreign firms. The company suffered huge losses at the beginning but in 1998, the company started to take a profit. With total staff of 263 persons including 7 foreigners, the company has so far contributed US$ 36 million to the State budget.

In addition to above successes, VSM also faces some challenges. Import policy is recently a great concern of VSM and other automobile makers. In current market, imported used vehicles are available with various kinds. Some vehicles are no longer used in foreign countries so-called "wasted car". Nobody knows how safety he gains. It is worth concerning that this situation produces negative impacts on not only automobile enterprises but also consumers. Traffic accidents, an increasing social problem, are inevitable. According to Nguyen Duc Thinh, the Government should issue tough and strict regulations on import restriction of old and low-quality vehicles in order to keep safety and environment in Vietnam.

Tax is also another concerning issue. "An increase from 20 percent to 40-70 percent imposing on import is too high for automobile makers, besides the special consumption tax. The Government needs to issue a concrete policy in compliance with current situation," confides Nguyen Duc Thinh. Actually, it takes dozens or even hundreds of years to build a developed industry. For Vietnam, it is very necessary to pay much attention to business circle, especially producers, by giving them preferential policies on tax. These would create new chances for enterprises to compete and develop further when the joining process to AFTA is on the horizon.

Table of some major achievements of VSM

Indexes	Unit	2001	2002	Accumulated rate
Import value	US$ mil.	21	30	
Revenue	US$ mil.	49	69	231
Budget & tax contribution	US$ mil.	7	9	36
Labour	Person	249	263	263
Production volume	Unit	1,689	2,369	7,847

Source: Vinastar

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Những tín hiệu đáng mừng

Mặc dù là một trong những thành phần kinh tế quan trọng, nhưng kể từ khi kinh tế Việt Nam chuyển từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không phải địa phương nào, hình thức kinh tế hợp tác, hợp tác xã cũng phát triển mạnh. Vì thế, việc khu vực kinh tế tập thể của Bình Dương có tốc độ tăng trưởng ổn định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng có thể coi là mô hình cần được nhân rộng. Tuy nhiên, quá trình hoạt động của các hợp tác xã đã nảy sinh nhiều bất cập. Để nâng cao ý thức trách nhiệm của các hộ nông dân đối với hợp tác xã, liên minh hợp tác xã phải đóng vai trò là chất keo kết dính hai yếu tố này.

Nâng cao cả về số lượng và chất lượng

Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương, năm 2002, tỉnh Bình Dương thành lập mới 12 hợp tác xã thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Về mặt số lượng, đây là mức tăng trưởng khá lớn, góp phần nâng số lượng mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong toàn tỉnh lên 63 đơn vị với trên 21.700 xã viên, vốn điều lệ 38 tỷ đồng và vốn hoạt động 256,7 tỷ đồng. Về mặt phân ngành, dịch vụ vận tải có 19 đơn vị, nông nghiệp 11, tiểu thủ công nghiệp 11, xây dựng 5, thương mại 6, tín dụng 10, bốc xếp 1. Như vậy, kinh tế hợp tác và hợp tác xã đã dần chuyển hướng đầu tư vào lĩnh vực thương mại, đặc biệt đã xuất hiện các hợp tác xã tín dụng thay vì chỉ chuyên về sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như trước đây.

Sau hơn 4 năm tiến hành chuyển đổi và thành lập mới hợp tác xã theo Luật hợp tác xã, các địa phương trong tỉnh đã xây dựng, củng cố cơ bản về số lượng, chất lượng, phương thức, nội dung hoạt động của mô hình này. Hoạt động sản xuất - kinh doanh của các hợp tác xã tiếp tục đổi mới trong các lĩnh vực giao thông vận tải, quỹ tín dụng, nông nghiệp,... Số đơn vị bảo toàn vốn và có lãi tăng lên. Ước doanh thu của các hợp tác xã đạt 257 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước hơn 3 tỷ đồng. Theo đánh giá của Liên minh hợp tác xã Bình Dương, hiện nay, toàn tỉnh có 3 hợp tác xã đạt doanh thu cao nhất là Tân Trường 3,4 tỷ đồng, Phước Thái hơn 1,2 tỷ, Tân Ba 300 triệu đồng. Những đơn vị hoạt động khá đã xuất hiện nhu cầu hợp tác, liên kết giữa các đơn vị với nhau.

Trong 16 hợp tác xã thuộc lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng không có đơn vị nào hoạt động yếu kém. Hoạt động của loại hình hợp tác xã này chủ yếu đổi mới ở khâu tổ chức quản lý, phương thức hoạt động, huy động vốn nội bộ để đầu tư thiết bị, khai thác, chế biến nguyên liệu phục vụ các cơ sở gốm sứ, làm đường, xây dựng,... Mặc dù, hoạt động sản xuất - kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, song bước đầu đã mang lại những hiệu quả đáng mừng. Ví dụ, Hợp tác xã chế biến cao su Khải Hoàn đạt doanh thu 20,4 tỷ đồng, Hợp tác xã xây dựng Phước Thành 4,6 tỷ đồng, hợp tác xã có doanh thu thấp nhất cũng từ 80 triệu đồng trở lên. Theo kết quả khảo sát hoạt động, doanh thu của những cơ sở này đạt khoảng 30 tỷ đồng, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế Bình Dương.

Bên cạnh đó, số đơn vị thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, tín dụng không nhiều nhưng đã có những đóng góp quan trọng. Trong năm 2002, các quỹ tín dụng đã huy động vốn đưa vào hoạt động trên 83 tỷ đồng, chiếm 32,4% vốn hoạt động của các loại hình này. Số dư nợ cho vay trên 70 tỷ đồng, góp phần xóa dần nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn. Một số hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu cung ứng giống, vật tư,

dịch vụ khuyến nông, bảo vệ thực vật, phần nào đáp ứng nhu cầu của nông dân.

Từ thực tế hoạt động cho thấy, các hợp tác xã đã có hỗ trợ thiết thực đối với hộ kinh tế nông dân, giúp các hộ nắm bắt thông tin, tiếp cận thị trường, tăng năng lực cạnh tranh và thu nhập cho các thành viên, làm cầu nối đem tiến bộ khoa học đến với nông dân dễ dàng hơn.

Liên minh hợp tác xã - chất keo gắn kết các đơn vị

Nhìn chung năm vừa qua, các nhiệm vụ, công tác trọng tâm của Liên minh hợp tác xã tỉnh Bình Dương đã được thực hiện và hoàn thành 100% chương trình công tác đề ra. Một số công việc thực hiện tương đối tốt như tham mưu để Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân chỉ đạo một số vấn đề có thể coi là mới ở Bình Dương như củng cố, thành lập ban chỉ đạo kinh tế ở 3 cấp, thành lập quỹ trợ vốn xã viên, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh, huyện tập huấn tuyên truyền Luật hợp tác xã cho trên 200 nông dân sản xuất giỏi tham gia hội thi nhà nông đua tài lần thứ II.

Xét trên phương diện tổng thể, hiện nay, bộ máy của liên minh hợp tác xã chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Chính vì vậy, liên minh chỉ mới dừng lại ở mức hoàn thành nhiệm vụ đề ra, chứ chưa thật sự là một tổ chức góp phần đưa kinh tế tập thể đi lên. Vì thế, vai trò của liên minh cũng có phần bị hạn chế.

Để chiếc cầu nối giữa liên minh với các hộ kinh tế tập thể được thực hiện đầy đủ hơn, cần có sự đầu tư về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Trước hết, Uỷ ban nhân dân tỉnh nên xem xét tăng chỉ tiêu biên chế từ 10 - 12 người; sớm phê duyệt đề án thành lập Quỹ hỗ trợ vốn xã viên hợp tác xã vào đầu năm 2003; cho phép liên minh được tham gia thành viên các chương trình quốc gia và địa phương về giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo,... từ đó, tạo điều kiện để liên minh thực hiện tốt chức năng tư vấn, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi cho khu vực kinh tế tập thể.

Căn cứ vào chương trình đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tỉnh Bình Dương đến năm 2005 và năm 2010, Liên minh hợp tác xã tỉnh Bình Dương xác định: "Nhiệm vụ trọng tâm là tập trung củng cố các hợp tác xã trung bình và yếu kém, tạo điều kiện đưa các đơn vị loại khá lên tốt và giỏi, khuyến khích phát triển đa dạng hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, từ hợp tác đơn giản đến thành lập hợp tác xã có tổ chức chặt chẽ, phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng về số lượng xã viên và số lượng hợp tác xã tăng 15 - 20%". Trong năm 2003, khối hợp tác xã phấn đấu đạt 90% số thành viên hoạt động ổn định, có lãi, tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm, thu nhập bình quân của người lao động trong các hợp tác xã tăng 15%. Điều mà các hợp tác xã ở Bình Dương mong mỏi lúc này là các cấp lãnh đạo tạo nhiều cơ chế, chính sách đãi ngộ hơn nữa cho khu vực kinh tế tập thể.

Phân loại các hợp tác xã năm 2002

Lĩnh vực hoạt động	Tổng số	Xếp loại			Mới thành lập không xếp loại
		Khá	Trung bình	Yếu	
Giao thông vận tải	19	8	9	0	2
Nông, lâm nghiệp	11	2	5	2	2
Tiểu thủ CN	11	2	6	0	3
Xây dựng	5	1	1	0	3
T. mại - D. vụ	6	2	2	1	1
Quỹ TDND	10	8	2	0	0
Bốc xếp	1	0	1	0	0
Tổng cộng	63	23	26	3	11
Tỷ lệ (%)	100*	44,20	50,00	5,80	17,46**

Ghi chú:

* Tỷ lệ khá, trung bình, yếu so với 52 hợp tác xã tham gia phân loại.

** Tỷ lệ hợp tác xã mới so với tổng số hợp tác xã.

Nguồn: Liên minh hợp tác xã Bình Dương

BINH DUONG COOPERATIVE ALLIANCE

A Good Signal

Although being an important economic sector, not all forms of business co-operation and coperatives have developed dramatically in all provinces since Vietnam's economy shift from the subsidy economy to the market economy following the socialist orientation. Hence, the steady growth of Binh Duong's cooperative sector remarkably contributing to the provincial socio-economic development considered as a pattern should be duplicated. However, there have been many problems arose during the operation of cooperatives. To enhance the responsibilities and consciousness of farmer households in cooperatives, the Province's Cooperative Alliance should play the role of be the glue joining these two factors together.

Increase both in quantity and quality

According to statistic released by the Binh Duong's People's Committee, 12 cooperatives in different sectors were newly established in the province. Regarding the quantity, this is a relative high growth rate that helps raise the number of cooperative patterns in the whole province to 63 cooperatives with 21,700 members and regulated capital of VND 38 billion and working capital of 256.7 VND billion. In terms of sector classification, 19 cooperatives are working in transportation services, 11 in agriculture, 11 in small industries, 5 in construction, 6 in trading, 10 in credit and 1 in stevedoring. Thus, the co-operation and coperatives has gradually changed their investment to trading, especially credit cooperatives were established in stead of the ones spcialized in only agriculture and small handicrafts as before,

After more than 4 years of transition and establishment of cooperatives in accordance with the Law on Cooperatives, different areas in the province have constructed, consolidated in quantity, quality and operational mode and and content of this model. The business and production activities of cooperatives in transportation, credit and agriculture have been continuously renovated. There was an increase in number of cooperatives which can maintain the capital and make profits. Turnover from cooperative sector was estimated to reach VND 257 billion, contributing more than VND 3 billion to the Government budget. According to the assessment of Binh Duong's Cooperative Alliance, the current 3 cooperatives with highest turnover are Tan Truong with VND 3.4 billion, Phuoc Thai with over VND 1.2 billion and Tan Ba with VND 300 million. There has been a demand among cooperatives with good performance for cooperating and joining operation.

All 16 cooperatives in the field of industry, handicrafts and construction, have effective business and production performance. In this type of cooperative, there has been an improvement in management organizing, operating and mobilizing internal capital to invest in equipment, exploit and process raw materials for procelain, ceramics, roads expansion and construction. Though, there remains many difficulties, initial achievements are significant. For instance, Khai Hoan Rubber Processing Cooperative gained the turnover of VND 20.4 billion, Phuoc Thanh Construction Cooperative VND 4.6 billion and the cooperative with lowest turnover is from VND 80 million. The survey on activities of these cooperatives shows that they obtained the turnover is around VND 30 billion, making an important contribution to the development of Binh Duong's economy.

Apart from that, the number of cooperatives in agriculture, trading, services, credit sectors is not considerable, their contributions are important. In 2002, VND 83 billion in capital was mobilized and put in operation by the credit funds, making up 32.4 percent of the sector's total working capital . The credit excess is more than VND 70 billion, helping eliminate the situation of giving loans with high interest rate in rural area. Some agriculture cooperatives that mainly provide seedlings, materials,, agriculture encouragement services, plants protection have partly responded to rural demands.

In fact, the cooperatives have given practical supports to farmer households, assist them get the information and access to market, enhance the competitiveness and

income of the members and being the bridge bringing technology progress to the farmers easier.

Binh Duong's Cooperative Alliance - the glue to stick different cooperatives together

In general, during the past years, main activities and tasks of Binh Duong's Cooperative Alliance have been carried out and fulfilled 100 percent according to plan. Several tasks have been implemented properly such as consulting the Provincial Party and People's Committee to direct several new issues in Binh Duong like consolidating and formulating an economic steering committee at three levels, establishing the member supporting fund, coordinating with the Provincial People's Council in propagation program on Law on cooperatives for 200 excellent farmers to take part in the 2nd farmers competition.

In terms of overall aspects, the current organization structure of the Province's Cooperative Alliance are not adequate with the assigned tasks. Therefore, it has only completed the assigned tasks but not really become an organization that contributes to developing cooperative sector. Thus, the roles of the Province's Cooperative Alliance are also restricted.

To better carry out the function of being the bridge linking cooperatives, both intensive and extensive investment is needed. Firstly, the Provincial People's Committee should consider to increase the number of staff to from 10 to 12 persons; approve soon the proposal to establish cooperative members supporting fund in early 2003; permit the Provincial Cooperative Alliance to be members of national and local programs on job generation, poverty reduction and hunger elimination; then create favourable conditions for Provincial Cooperative Alliance to implement well the functions of advising, supporting, developing and enhancing economic efficiency for the province's cooperative sector.

Based on the program on improving, developing and increasing economic efficiency for cooperative sector in Binh Duong until 2005 and 2010, Binh Duong's Cooperative Alliance has identified that "its main task now is to focus on consolidating average and weak cooperatives, to create favourable conditions for fair cooperatives to become good and excellent ones, encourage the development of cooperatives in different economic sectors from low to high, from simple to strictly organized ones and try to increase the number of cooperatives members and cooperatives to from 15 to 20 percent". It is expected that 90 percent of cooperative members will have stable activities and profit with average growth rate of 10 percent per year, average income of workers in the cooperatives raising by 15 percent in 2003. It is also expected by the cooperatives that the province's leaders will create more favourable mechanisms and policies for cooperative sector.

Classification of cooperatives in 2002

Operating areas	Total	Grade			Newly established (no grade)
		Fair	Average	Weak	
Transportation	19	8	9	0	2
Agriculture and forestry	11	2	5	2	2
Small industries	11	2	6	0	3
Construction	5	1	1	0	3
Trading - Services	6	2	2	1	1
People Credit fund	10	8	2	0	0
Stevendoring	1	0	1	0	0
Total	63	23	26	3	11
Percentage (%)	100*	44,20	50,00	5,80	17,46**

Note:

* * Percentage of fair, average and weak cooperatives compared with total 54 cooperatives.

** Percentage of new cooperatives compared with total number of cooperatives.

Source: Binh Duong Cooperative Alliance

LÀNG NGHỀ MỸ NGHỆ TRUYỀN THỐNG

Đổi mới để phát triển

Nói đến nghề mỹ nghệ truyền thống Bình Dương là nhắc đến lịch sử các làng nghề, vùng nghề nổi tiếng của Bình Dương tồn tại từ hàng trăm năm nay như gốm sứ của vùng Thủ Dầu Một, sơn mài của xã Tương Bình Hiệp, điêu khắc của phường Phú Thọ và vùng Lái Thiêu... Mặc dù không quy tụ nhiều làng nghề như những tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ nhưng những làng nghề, vùng nghề này phát triển khá hưng thịnh và đã từng nổi danh vùng Đông Nam Bộ qua câu ca dao về thương nghiệp xưa ở vùng Thủ Dầu Một:

" ... Chiều chiều mượn ngựa ông Đô
Mượn ba chú lính đưa cô tôi về
Đưa về Chợ Thủ, bán hủ bán ve, bán bộ đồ chè, bán cối đâm tiêu ..."

Dưới thời Pháp, địa chí tỉnh Thủ Dầu Một (nay là Bình Dương) năm 1901 có ghi rõ về nghề gốm địa phương: "... Cả tỉnh có 40 lò gốm, 5 lò gốm ở An Thạch, 8 lò ở Hưng Định, 1 lò ở Tân Thới, 14 lò ở Phú Cường...". Đến năm 1974, số lượng lò gốm của tỉnh Bình Dương đã lên đến 108 lò. Trong đó, ngành gốm mỹ thuật bắt đầu phát triển từ đầu thế kỷ XX. Phường Phú Cường ngày nay (trung tâm thị xã Thủ Dầu Một trước kia) từng là trung tâm nghề gốm mỹ thuật.

Không chỉ có nghề gốm, nghề mộc phát triển đã kéo theo sự ra đời rất sớm của nghề chạm khắc. Những người thợ Thủ từng nhận được tiếng khen truyền tụng:

"... Trại ghe trại ván sẵn cùng
Sông sâu nước chảy điệp trùng bán buôn
Nhà khéo cất tốn bạc muôn
Tiếng đồn thợ Thủ ráp khuôn kỹ càng... "

Năm 1901, viên chủ tỉnh Outrey vận động thành lập Trường Bá Nghệ (école des arts) tại Thủ Dầu Một trong đó có dạy điêu khắc gỗ. Những sản phẩm truyền thống của kỹ thuật mộc gia dụng Pháp đã vào đất Thủ bắt đầu từ Trường Bá Nghệ. Nhưng nổi bật trong nghệ thuật chạm khắc vẫn là những hoa văn chạm trổ tuyệt xảo theo mô típ mỹ thuật Việt Nam.

Trải qua bình lửa của nhiều cuộc chiến tranh, nhiều giai đoạn thăng trầm của đời sống kinh tế - xã hội, các làng nghề vẫn tồn tại cho đến ngày nay như một thực thể kinh tế và văn hoá trong đời sống người dân vùng đất này. Ngày nay, gốm Bình Dương là sản phẩm đầu bảng của ngành gốm sứ cả nước, về quy mô có phần nổi bật hơn cả vùng gốm sứ Đồng Nai hay vùng gốm Bát Tràng ở phía Bắc. Sản phẩm sơn mài "vang bóng một thời" với những cái tên nổi tiếng như Thành Lễ, Đồng Tâm, nay lại có thêm các ông chủ mới như Hiệp Công, Hùng Hương, Thuận Thanh... Làng nghề ở Bình Dương tuy không nhiều nhưng tinh và phát triển tập trung, đặc biệt là những làng nghề truyền thống.

Nhiều làng nghề, vùng nghề phát triển vô cùng mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chất lượng, với sự ra đời của hàng chục doanh nghiệp tư nhân, thu hút hàng vạn lao động vào làm. Các vùng nghề này đã thay đổi từ phương thức sản xuất thủ công sang sản xuất công nghiệp hiện đại với những chi phí đầu tư trang thiết bị máy móc, công nghệ lên đến hàng triệu USD để áp ứng những đơn hàng lớn của khách hàng trong và ngoài nước. Các hộ nghề nào thích nghi tốt sẽ nhanh chóng bật lên hình thành các công ty có quy mô, nhà xưởng máy móc hiện đại. Điển hình có nghề gốm của Thủ Dầu Một với những gương mặt tư nhân mới nổi lên hơn chục năm nay như Minh Long I, Minh Long II, Cường Phát... Bình Dương ngày nay đứng đầu cả nước về quy mô và chất lượng sản phẩm với sự góp mặt của gần 500 cơ sở sản xuất gốm, đóng góp gần 30% tỷ trọng cơ cấu tiểu thủ công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu trên 31 triệu USD và có mặt ở thị trường nhiều nước trên thế giới như Pháp, Đức, Mỹ, Canada, Lào và Campuchia.

Tác phẩm 'Tứ Linh' đang được hoàn thiện bởi các nghệ nhân cơ sở sơn mài Bảy Rịch

Để phát huy sức mạnh của các làng nghề, vùng nghề, Bình Dương đã có nhiều giải pháp như thành lập những cụm công nghiệp riêng cho các làng nghề có khả năng phát triển mạnh như dự án làng gốm sứ Bình Dương với số vốn đầu tư 300 tỷ đồng. Thế nhưng cũng còn nhiều vùng nghề vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức trước những thách thức mới về mở rộng quy mô, thay đổi công nghệ và tìm kiếm thị trường. Giờ đây, dưới áp lực của quá trình đô thị hoá và phát triển công nghiệp, nhiều làng nghề chưa kịp thích ứng nên đã phải thu hẹp sản xuất. Quy mô và chất lượng sản phẩm vẫn chưa được cải thiện do duy trì phương thức sản xuất thủ công, thị trường eo hẹp và chất lượng không đồng đều. Quy mô chủ yếu vẫn ở dạng hộ nghề. Trong quá trình sàng lọc đó, nhiều hộ nghề đã chuyển sang làm nghề khác như thương mại, dịch vụ và sản xuất công nghiệp, điển hình có nghề điêu khắc của phường Phú Thọ thuộc thị xã Thủ Dầu Một. Hiện nay, phường Phú Thọ có 3.203 hộ sinh sống ở 6 khu phố, trong đó chủ yếu sống bằng nghề kinh doanh, dịch vụ, thương nghiệp, số hộ làm nghề chạm khắc chỉ vào khoảng trên 20 hộ, còn lại là các hộ làm nghề mộc, guốc và thủ công khác. So với trước đây, số hộ làm nghề chạm khắc đã giảm đi rất nhiều. Số người gắn bó với nghề chạm khắc chỉ còn lại rất ít, chủ yếu là những nghệ nhân lớn tuổi và những thợ có tay nghề cao.

Tương lai làng nghề ở Bình Dương phụ thuộc trước hết ở chính những con người đang sống tại chính những làng nghề đó với những nỗi trăn trở của họ với nghề; phụ thuộc vào những nghệ nhân có tên tuổi, cũng như những ông chủ tư nhân tài năng, bôn ba khắp đó đây tìm tòi, từ đó tạo ra những sản phẩm mới có giá trị. Hỗ trợ để làng nghề Bình Dương phát triển đúng hướng, ngày càng quy mô hơn, thu hút nhiều lao động hơn, chính là trách nhiệm và cũng là thách thức với chính quyền địa phương.

Traditional Fine Handicraft Villages Renovating for Development

Talking about traditional fine handicraft in Binh Duong means to refer to history of famous occupational villages that have existed for hundreds of years such as ceramics in Thu Dau Mot town, lacquer in Tuong Binh Hiep commune, sculpture in Phu Tho ward and Lai Thieu. Unlike the northern provinces where have many occupational villages, those in Binh Duong have thrived and become famous over the Southeast Vietnam as said in the following poem about trade in Thu Dau Mot:

"...In the afternoons, I borrow a horse
from Mr.Do
And ask three soldiers to take my young
lady back
To Thu Market where various of handicrafts
are sold ..."

As noted in the monographic document of Thu Dau Mot province (the present Binh Duong province) that, under the domination of the French colonists: "there were 40 ceramic furnaces all over the province, of which five were in An Thach, eight in Hung Dinh, one in Tan Thoi and fourteen in Phu Cuong...". Until 1974, Binh Duong had 108 stoves. And, in the early 20th century, the fine art ceramics started to boom. Phu Cuong ward, the centre of Thu Dau Mot town used to be the centre of ceramic handicrafts.

The development of carpentry led to the expansion of sculpture in the very early age. Thu Dau Mot craftsmen used to be praised as:

"...Boats and junks all there
On the busy trading river for wholesales
To have a good house, it costs myriad money
Skills of Thu handicrafts are so famous ...

In 1901, Outrey, the province's mayor launched the campaign to establish the School

of Arts (École des arts) in Thu Dau Mot with one of courses for wooden sculpture. The traditional products of the French carpentry techniques were introduced to Thu Dau Mot through the school. However, it was the excellent Vietnamese motive designs that made the most outstanding features of sculpture art.

Through many hard wars and the socio-economic vicissitudes, the traditional villages still exist until now as economic and cultural entities of the local people's life. Binh Duong ceramics are the first-rank products of the ceramic and porcelain sector all over the country, its scale is even more bigger than that of Dong Nai - its neighbouring province and Bat Trang ceramic land in the north. Lacquer, used to be famous with the names like Thanh Le and Dong Tam, has been diversified with new entrepreneurs such as Hiep Cong, Hung Huong and Thuan Thanh. Binh Duong does not have many occupation villages but they centrally develop at high level of skills, especially the traditional ones.

Quite a few occupation villages and areas are progressively developing both in scale and quality with the establishments of dozens of private enterprises, creating employment for thousands of people. Those occupation villages have modernised their manual production methods with the investment of millions of dollars in machinery to meet the requirements of the big orders from domestic and foreign customers. The households highly adaptable will soon grow to be big companies with modern machinery and workshops. Typically, ceramic production in Thu Dau Mot with the young entrepreneurs of about 10 years old such as Minh Long 1, Minh Long 2, and Cuong Phat. Binh Duong ceramic is now the leading province of the country in terms of scale and product quality with around 500 workshops, making up 30 percent of the handicraft production with export turnover of over US$31 million to such international markets as France, Germany, the USA, Canada, Laos and Cambodia.

To mobilise internal strengths of the handicraft villages and areas, Binh Duong has adopted different solutions such as: establishing industrial clusters only for the occupation villages that are capable of strong development such as Binh Duong ceramics and porcelains with the investment of VND300 billion. However, few occupation areas have been satisfactorily concerned to overcome the new challenges of the scale expansion, technology renovation and market searching. Unable to catch up with the present urbanisation and industrial development, many have to narrow their production scale, and maintain manual production method, which has resulted in small growth in scale and quality. Most are of household productions. During the selection period, many households have changed their business to other fields such as trading, services and industrial production, typically Phu Tho sculpture (Thu Dau Mot town). Most of the 3,203 households inhabiting in six streets are relying on trading and services, 20 others are engaged with sculpture, and others with carpentry, wooden clogs and other handicrafts. There has been a great reduction in number of sculpture households. Many no longer devote themselves to the occupation, except for aged and highly skilful craftsmen.

The future of Binh Duong's occupation villages depends firstly on those well-known craftsmen who are devoting their hearts and souls to the development of the occupation and talented entrepreneurs who are willing to go everywhere, to research and create the new valuable products. It is the responsibility and also a challenge to the local authorities to assist the development and expansion of the local occupation villages so as to create more employment for Binh Duong people.

Tam Khiem lacquer workshop one of many workshops still remains and develop the occupation in Binh Duong

Phát huy những tinh hoa trong sản phẩm gốm sứ Bình Dương

Nghề gốm sứ Bình Dương đã trải qua hơn 200 năm tồn tại và phát triển. Ngày nay, gần 500 cơ sở với hàng vạn lao động trong ngành đang cho ra hàng nghìn mặt hàng cùng hàng triệu sản phẩm mỗi năm, đem về cho Bình Dương kim ngạch xuất khẩu trên 31 triệu USD, góp phần quảng bá nét đẹp của sản phẩm gốm sứ Bình Dương nói riêng, Việt Nam nói chung đến với bạn bè thế giới.

Theo nhà nghiên cứu văn hoá Sơn Nam, nghề gốm sứ ở Bình Dương xưa (nhất là ở thị xã Thủ Dầu Một) nổi tiếng trong cả nước. Giữa thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, gốm sứ dân dụng Bình Dương đạt đến thời kỳ cực thịnh, chất lượng sản phẩm và tay nghề kỹ thuật, đặc biệt là chất men màu ngày càng được nâng lên một cách rõ rệt.

Nghề gốm xưa

Theo cuốn Từ điển du lịch Dã ngoại, nghề gốm sứ du nhập vào đất Bình Dương từ cuối thế kỷ XVIII theo kỹ thuật truyền nghề của người Hoa di cư sang Việt Nam. Ban đầu, những người di cư này lập nghiệp ở vùng kinh Cây Gõ, Chợ Lớn. Sau một thời gian nhận thấy khu vực này quá chật hẹp, các nghệ nhân và giới kinh doanh người Hoa dời về Lái Thiêu lập nghiệp, dựng lò, bởi nơi đây có đất đai rộng rãi, địa bàn thuận lợi, nhất là việc khai thác nguyên liệu.

Lò gốm lúc bấy giờ chia ra 3 hệ phái theo từng bang người Hoa: lò bang Quảng Đông chuyên về tượng trang trí nhiều màu sắc với các sản phẩm chủ yếu chậu cảnh, đôn để ngồi; lò bang Triều Châu chuyên sản xuất tô, đĩa, chén với màu sắc đặc trưng là nền tráng men xanh; lò bang Phúc Kiến thì chuyên về lu, khạp và thường dùng màu đen. Nghề gốm Bình Dương tuy sinh sau đẻ muộn so với các làng nghề gốm truyền thống khác như Bát Tràng (Hà Nội), gốm Phù Lãng, Thổ Hà (Bắc Ninh), nhưng sản phẩm gốm Bình Dương lại độc đáo ở màu sắc, hoa văn, lại được làm ra từ đôi bàn tay và óc sáng tạo của người thợ tài hoa đi kèm với kỹ nghệ sản xuất gốm sứ cao cấp. Gốm Bình Dương trang trí bằng hoạ tiết rực rỡ được tạo ra bởi màu men là những màu gốc như xanh, đỏ, tím, vàng khác với vẻ đẹp thâm trầm của gốm cổ truyền miền Bắc.

Một chuyên gia trong lĩnh vực bảo tàng khi nói về gốm Bình Dương đã nhấn mạnh: "Để tạo nên màu sắc gốm như ngày hôm nay, tôi nghĩ đã có sự kết hợp giữa nhiều dòng gốm khác nhau, trước hết với gốm bản địa của cư dân tỉnh Tiền Lạc, Champa cổ. Hai nơi này đã từng làm ra những sản phẩm gốm rất đẹp, duyên dáng và có tác dụng thiết thực với con người. Khi có cư dân từ các tỉnh miền Bắc, miền Nam vào cùng với sự xuất hiện của người Hoa đã thổi thêm một luồng sinh khí mới cho nghề gốm ở

Sản phẩm gốm sứ Minh Long I đang được ưa chuộng tại châu Âu, Nhật Bản

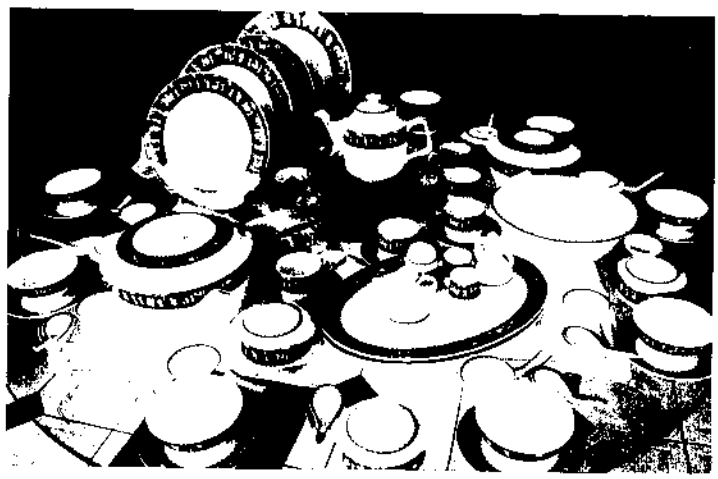

đây. Họ đã mang theo kỹ thuật, loại hình, hoa văn... các kiểu lò khác nhau như lò cắt ở miền Bắc, lò đứng ở miền Trung, và lò ống, lò bầu ở phía Nam Trung Quốc".

Phải nói thêm rằng, Bình Dương xưa phát triển được vùng đất gốm là nhờ có nguồn đất sét cao lanh lớn, tập trung ở thị xã Thủ Dầu Một. Hiện nay, nguồn đất cao lanh để làm gốm sứ vẫn chủ yếu được khai thác trên địa phận Bình Dương, Bình Phước (vốn trước đây đều thuộc tỉnh Sông Bé cũ). Đất cao lanh ở đây ít tạp chất, tương đối thuần khiết, trữ lượng còn rất dồi dào, việc khai thác cũng dễ dàng. Các lò gốm có khu vực dự trữ đất cao lanh khá lớn, đáp ứng khối lượng sản xuất ngày càng gia tăng.

Gốm ngày nay tiếp tục vươn xa

Đất gốm Bình Dương ngày nay đứng đầu cả nước về quy mô và chất lượng sản phẩm với sự góp mặt của gần 500 cơ sở thu hút hàng mấy vạn lao động trong ngành gốm sứ. Hàng ngàn mặt hàng với hàng triệu triệu sản phẩm ra đời mỗi năm từ những lò gốm này, đưa tỷ trọng ngành gốm sứ chiếm gần 30% cơ cấu tiểu thủ công nghiệp. Không chỉ có vậy, sản phẩm gốm sứ Bình Dương giờ đây đã chinh phục thị trường nhiều nước trên thế giới như Pháp, Đức, Canada, Lào và Campuchia, góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này có lúc lên tới trên 31 triệu USD.

Cường Phát, một công ty trách nhiệm hữu hạn trong ngành là ví dụ điển hình về sự thành công trong ngành gốm Bình Dương thời gian gần đây. Đến thăm phòng trưng bày của gốm Cường Phát, ấn tượng để lại rất thú vị, càng xem càng thấy đẹp. Có sản phẩm khi trưng bày không biết dùng làm gì, sau mới vỡ lẽ sản xuất thường là theo nhu cầu tiêu dùng nhưng đôi lúc cũng phải đi trước, gợi cảm xúc thẩm mỹ và hướng dẫn tiêu dùng. Những năm trước đây, Cường Phát chỉ tập trung cho thị trường xuất khẩu, kể từ năm 2002, họ đã đầu tư mở rộng sản xuất để đáp ứng thị trường trong nước đầy tiềm năng, khi đời sống của người dân ngày một nâng cao. Sản phẩm gốm Cường Phát chủ yếu vẽ bằng tay, thường người thợ chỉ vẽ một số nét vẽ của con mèo, con cá, cành hoa, chiếc lá rồi chuyển sang bàn khác. Đất ngậm màu trông không thật rõ nhưng khi qua lò nung lại hiện lên rực rỡ, ấn tượng và bắt mắt. Tuy làm hàng xuất khẩu, nhưng gốm Cường Phát mang đến những sản phẩm kết tinh từ đất: cái hồn rất lạ từ kiểu dáng đến màu sắc mang đậm phong cách truyền thống.

Giám đốc Công ty Cường Phát tiết lộ một vài bí quyết nho nhỏ: "Công ty chúng tôi xuất hàng vào hai thị trường chính là châu Âu và châu Á. Thị hiếu châu Âu thì thích màu sắc, cách điệu đơn giản, đậm và rõ nét, nét vẽ to, không tỉ mỉ, men màu tươi sáng. Còn trường phái của châu Á thì phải thật tinh xảo, tỉ mỉ".

Có thể nói, nghề gốm sứ ở Bình Dương chưa bao giờ phát triển rực rỡ như ngày nay. Nhiều đơn vị sản xuất đã đầu tư thêm trang thiết bị, công nghệ mới tạo nên những sản phẩm có chất lượng cao, hình thức đẹp. Trong tương lai không xa, tỉnh Bình Dương sẽ cho ra đời một làng nghề gốm sứ tại huyện Thuận An quy tụ nhiều doanh nghiệp nhà nghề.

Ông Bùi Đức Xuân, Giám đốc Sở Công nghiệp Bình Dương cho biết: "Hiện nay chúng tôi đã xây dựng xong đề án quy hoạch xây dựng làng gốm sứ Bình Dương với tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng. Đây là một dự án có quy mô khá lớn nhằm gìn giữ nét đẹp truyền thống của nghề gốm pha lẫn yếu tố hiện đại, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất phát triển".

Kỹ thuật hiện đại không làm mất tính cổ truyền

Cũng như những làng gốm khác, gốm Bình Dương có những bí quyết riêng trong kỹ thuật sản xuất liên quan đến cách sắp xếp và kỹ thuật nung sản phẩm. Nó thể hiện sự khéo léo của đôi bàn tay, óc sáng tạo của những người thợ tài hoa trong việc kết hợp hài hoà và khoa học các công đoạn khác nhau từ khai thác nguyên liệu, pha trộn đất sét, cao lanh tạo dáng thô trên làn quay đến việc trang trí trên từng sản phẩm. Mỗi người chỉ vẽ một chi tiết, một số nét rồi chuyển qua cho người khác làm tiếp thế mà những đường nét trên sản phẩm vẫn tinh, tạo nên tổng thể thống nhất và hài hoà cho từng tác phẩm. Phải chăng, đó là thành quả của những kinh nghiệm được tích luỹ, kết tinh và lưu truyền qua bao đời nay của những người dân nơi đây.

Hai loại sản phẩm chính của gốm Bình Dương

Gốm dân dụng: *là những sản phẩm có cốt gốm bền chắc, sử dụng cho các sinh hoạt gia đình. Đây là thế mạnh của các lò gốm Tiều (Triều Châu), Phúc Kiến (Phước Kiến), điển hình là các loại sản phẩm gốm đá có nền trắng, men xanh (tô, chén, đĩa, bình cắm hoá) hay các loại gốm sành dạng đá, da lươn (lu lớn, khạp, ấm trà, siêu nước, chén dựng rượu).*

Gốm mỹ thuật: *là những sản phẩm mang tính mỹ thuật cao, dùng để trang trí ở các gia đình giàu có, quý tộc và còn được xuất khẩu sang các nước châu Âu dùng làm quà tặng. Gốm mỹ nghệ rất đa dạng như các loại tượng mang đề tài tôn giáo, con người, loài vật, đôn voi, chậu cảnh.*

Tuy nhiên, để phù hợp với sự thay đổi của thời cuộc, các lò gốm Bình Dương ngày nay không còn dùng bàn xoay tạo vuốt tìm gốm mà dùng khuôn đúc sản phẩm. Một số công đoạn khác cũng được thay đổi, chẳng hạn dùng máy nhào đất, dùng mô tơ tạo bàn xoay tự động để chỉnh sửa sản phẩm nhằm cho ra những sản phẩm đẹp và đều hơn. Lò nung gốm có nhiều loại khác nhau: lò bầu, lò ống,... nhưng nguyên lý đốt lò, giữ lửa, thông nhiệt thì vẫn theo kinh nghiệm cổ truyền.

Công ty gốm sứ Minh Long I là một điển hình đã gặt hái thành công khi ứng dụng kỹ thuật, máy móc hiện đại vào sản xuất. Sự bứt phá trong công nghệ và kỹ thuật đã đưa công ty này trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sản xuất gốm sứ cao cấp Việt Nam và là niềm tự hào của nghề gốm sứ Bình Dương. Hiện đại hoá toàn bộ các công đoạn từ pha chế, trộn nguyên liệu, tạo hình tráng men, nung. Công ty Minh Long I hầu như không để lại một chút gì có tính truyền thống trong sản xuất nhưng những bí quyết của công nghệ pha chế cao lanh, men, màu lại chính là cái gốc để làm ra những sản phẩm gốm sứ Minh Long có chất lượng hoàn toàn khác biệt.

"Tôi là thế hệ thứ ba của gia đình nghề gốm nên đã kế thừa được những kinh nghiệm của cha ông để lại. Sau bao năm bôn ba ở nước ngoài như Nhật Bản, Pháp, Anh, Mỹ, Đức, tôi đã học hỏi thêm được nhiều kinh nghiệm kết hợp với vốn cổ truyền để cho ra đời những sản phẩm mang đậm nét đặc thù của Minh Long như độ trắng, bóng và độ cứng chắc thì khó có sản phẩm nào sánh được" - đó là lời tâm sự của ông Lý Ngọc Minh, Giám đốc Công ty gốm sứ Minh Long I.

Đặc trưng của sản phẩm Minh Long I là độ bóng trắng đến tinh khiết, hoa văn trang nhã và không quá rực rỡ cầu kỳ. Gắn bó với đời sống người Việt, đất Việt, sản phẩm Minh Long I mang trên mình những cánh hạc, làng quê, hoa sen, con đò, bến nước làm nên nét rất riêng của một dòng sản phẩm gốm sứ gia dụng cao cấp Việt Nam. Có kỹ thuật, công nghệ hiện đại, sản phẩm gốm sứ Minh Long I không chỉ dừng lại ở các gia dụng mà có thêm các chủng loại sản phẩm khác như đồ mỹ nghệ, con giống, tượng mỹ thuật đã tạo ra một ấn tượng riêng của Minh Long. Năm 2002, Công ty Minh Long I đang nắn nót cho một sản phẩm mới mang chủ đề "khối tình" nhằm gửi gắm vào đó thông điệp cho mỗi người về những tình cảm thân thuộc quanh mình. Vượt lên cả những kinh nghiệm cha ông truyền lại, sứ Minh Long I đã đạt chất lượng châu Âu và chinh phục cả thị trường Nhật Bản - nơi kỹ thuật sản xuất gốm sứ nổi tiếng trên thế giới.

Hàng vạn, hàng vạn sản phẩm gốm sứ Bình Dương đã ra đời, mang trên mình những con chim Lạc Việt, những thắng cảnh Việt Nam, lối trang trí mỹ thuật hoa tiết đặc trưng của hồn Việt, đất Việt. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai yếu tố truyền thống và hiện đại, gốm Bình Dương trong dòng gốm Việt Nam nói chung là sản phẩm quý đặc trưng của nước Việt, là món quà đầy ấn tượng cho du khách bốn phương đến với Bình Dương. Đó là niềm tự hào của Bình Dương trong việc chấn hưng văn hoá và giữ bản sắc riêng cho mình, mà các hiệp định thương mại song phương và đa phương mới đang mở ra các cơ hội lớn để gốm sứ Bình Dương tiếp tục phát triển và truyền bá bản sắc văn hoá đó.

Exploit the Quintessence of Binh Duong's Pottery and Porcelain Products

Binh Duong's pottery and porcelain have existed and developed for more than 200 years. At present, nearly 500 enterprises with dozens of thousands of workers have produced thousands of good items with millions of products per year. This sector brings Binh Duong's export turnover of US$31 million and helps introduce the beauty of pottery and porcelain products of Binh Duong as well as of Vietnam to the world.

According to Son Nam cultural researchers, in the past Binh Duong's pottery and ceramic sector (especially in Thu Dau Mot town) was famous in Vietnam, nowhere could be compared to its quantity. From the middle of 19th century to the middle of 20th century, Binh Duong's pottery and porcelain sector has reached the golden time. Product quality, skills, techniques, especially the coloured enamel have been considerably improved.

Old pottery occupation

According to the Travelers' Dictionary, pottery and porcelain occupation entered in Binh Duong from the end of 18th century with the techniques delivered from the Chinese people who migrated to Vietnam. At first, these peo-

Minh Long ceramics always carries Vietnamese spirit in each product

ple started their jobs in Cay Go area, Lon market. After sometime, they realized that this area is too small so they moved to Lai Thieu - a large area, which is convenient for raw material exploitation.

At that time pottery furnaces were classified in three types following each state of Chinese people: Quang Dong oven specialized in making colorful statues with main items of vessels, bases; Trieu Chau oven focused on bowls, plates, cups with special colors of while background and blue enamel; Phuc Kien oven mainly produced pots, jars usually with black color. Although, Binh Duong's pottery and ceramic was born later than other traditional pottery and ceramic villages like Bat Trang (in Ha Noi), Phu Lang, Tho Ha (in Bac Ninh), the products are special in colors, ornaments and they are shaped from the hands and creation of skillful artisans together with high quality production techniques. Binh Duong's pottery products are decorated with colorful ornaments formed by enamel colors of blue, red, violet, and yellow that make them different from the sedate beauty of the traditional ones in North Vietnam.

When speaking about Binh Duong's pottery products, a museum expert stressed: " To have pottery pieces with current colors, I think there has been a combination of different trends, firstly the original ones of people in Tien Lac province and, old Champa. These two locations, created beautiful and lovely pottery products useful for people. When people from the North, South and China came here, they blew in a new pottery tendency. They carried with them the techniques, designs, ornaments ...etc and different kinds of kilns such as cutting oven in the North, blast furnace in the Central, tube and oval oven in South China".

It should be added that, the development of Binh Duong's pottery is thank to huge volume of clay, mostly in Thu Dau Mot town. At present, main source of clay for pottery and porcelain products is in Binh Duong, Binh Phuoc (before belonged to old Song Be province). The clay in here contains few mixtures and quite pure. The reserve is potential and it is easy to get. Enterprises here all have big storages to keep raw material for large production demand.

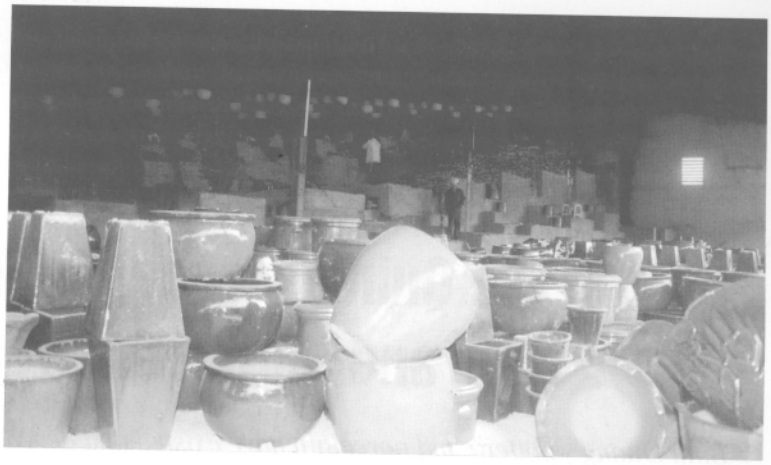

A ceramic workshop

Pottery today, development tomorrow

Nowadays, Binh Duong pottery has become the leading sector in Vietnam both in size and product quality with the participation of nearly 500 enterprises attracting dozens of thousands of laborers. Each year, thousands of items with millions of products are created. This sector accounts for around 30 percent in the proportion and structure of handicraft sector. Not only this, Binh Duong's pottery and ceramic products have won the customers' heart in many foreign markets in the world such as in France, Germany, Canada, Laos and Cambodia, bringing the export quota reaching US$31 million.

Cuong Phat - a liability limited company is a typical image for the success in pottery in Binh Duong recently. Visiting the showroom of this company we will have a very interesting impression, the more we look at the products, the more beautiful, we realize. For some displayed products, first we do not know what they will be used for. But then it is revealed that usually products are made according

to the market needs but sometime not, new products are developed to raise people's excitement and direct people to use. In the previous years, Cuong Phat only concentrated in export market. From 2002, they has invested in expanding production to satisfy potential domestic market needs as people lives have been increasingly improved. Cuong Phat's pottery products are mostly drawn by hands. The artisans only draw some lines in a cat, a fish, a flower branch, a leave drawing then it is moved to others. When it is a draft product, the color is not clear but when it is baked, it becomes colorful, impressive and attractive. Despite products are for export, they are made from clay containing strange soul and traditional color and styles of Vietnam.

The director of Cuong Phat company revealed some small secrets: " Our main two export markets are Asia and Europe. For the European people, they like products with simple styles and color, with clear and big line of drawing, not meticulous and with bright color. While the Asian people prefer sophisticated and meticulous products".

It can be concluded that Binh Duong's pottery sector has never been developed so prosperously as today. A number of production workshops have put more investment in new technologies and equipment to enhance product quality. In the near future, a pottery and porcelain traditional village will be established in Thuan An district Binh Duong province to gather professional enterprises.

Bui Duc Xuan - the director of Binh Duong Industrial Department stated " At present a project on planning and construction of Binh Duong's pottery and porcelain village has been formulated with total investment capital of VND 300 billion. This project aims at preserving the traditional features of the pottery profession combined with the modern one to give favourable conditions for enterprises to develop".

Modern technologies will not exclude traditional features.

Like many other pottery villages, Binh Duong's pottery also has its own trade secret in production techniques, which remain in the arrangement, and techniques to bake products. It reflects the skills of hands, creation of artisans in combining different steps from raw material exploitation, clay mixing, forming on turning machine to decorating on each unit. One person draws only one pattern with several lines then it is moved to others but the lines on products are still fine, united and harmonious. That is due to the experience gained, accumulated, and transferred from generations to generations here.

However, to adapt to new changes in life, nowadays turning table to create central part of product is replaced with a mould at Binh Duong's pottery ovens. Some other steps have also been changed such as using machine to mix clay, motor to generate automatic turning table to adjust products more beautiful and even. There are different types of pottery kilns: oval kiln, tube kiln but the principles of burning, keeping fire, passing heat still follow traditional experience.

Minh Long I Pottery and Porcelain Company is an example of the success in applying advanced technologies and equipment in the production. The breakthrough in technologies and equipment has helped the company become a leading one in pottery and porcelain sector in Vietnam and a pride of Binh Duong. In spite of the fact that the whole process from preparing, mixing raw material, forming, coating enamel to baking are modernized and do not retain any traditional features but the secret in technologies and art of preparing clay, enamel, color is the main factor in forming products with special quality.

"I am the third generation in my family that specialized in pottery production, hence, I inherited the experience of my previous generations. After many years in foreign countries like Japan, France, England, America, Germany, I have learnt a lot of experience to combine with the traditional ones to develop Minh Long's products with specific features of white color, shiny and firmly standard that are in comparable". - said Ly Ngoc Minh - Minh Long I director.

Specific characters of Minh Long I products are purely white and shiny color, simple designs and not too colorful or complicated.

Being closely linked with Vietnamese's lives and land, products of Minh Long I bear crane wings, countryside, lotus flower, ferry, port which reflect a very specific feature of Vietnam's high quality pottery and ceramic utensils. With advanced technologies and techniques, Minh Long I products not only stop at making utensils but also art items, animal toys, art statues that leave another good impression about Minh Long. In 2002, Minh Long I is modeling a new product with topic "love block" in order to send everyone a message about friendly sentiment surrounding them. More than the experience dispatched from previous generations, products of Minh Long I have achieved European standard and succeeded in Japanese market - a place where pottery and porcelain production techniques are famous in the world.

Dozens of thousands of pieces of pottery and ceramic products have been made in Binh Duong containing cranes, sightseeing, specific ornaments of Vietnamese soul and land. A good mixture of the traditional and modern factors has made Binh Duong's pottery become a precious and special products of Vietnam. It is an impressive present for travelers who come to Binh Duong. It is also the pride of Binh Duong in ameliorating the culture and reserving the specific characters. The new bilateral and multilateral trading agreements are opening great opportunities for Binh Duong's pottery and porcelain to continue developing and disseminating that specific cultural character.

Two main types of Binh Duong's pottery products

Utensil pottery: *are products with durable and firmly pottery used in families. This is the strength of Tieu (Trieu Chau) and Phuc Kien (Phuoc Kien) furnaces. The typical ones are stone pottery with while background, blue enamel (bowls, cups, plates, flower pots) or glazed terra cotta and eel-skin pottery (big vessels, teapot, kettle, wine cups).*

Art pottery: *are products with high art features used for decoration in the rich and aristocratic families and for exporting to European countries to use as presents. Art pottery are various including statues in the topics of religion, people, animal subjects; vessels.*

Ceramic products of Binh Duong is increasingly preferred by domestic and foreign markets

TƯƠNG BÌNH HIỆP

Tìm lối ra cho sản phẩm sơn mài

Những cái tên sơn mài Lam Sơn, Thành Mỹ, Thành Lễ nổi tiếng từ bao đời nay đều mang đậm dấu ấn của địa danh xã nghề Tương Bình Hiệp. Nơi đây được xem là một trong những cái nôi phát xuất của nghệ thuật sơn mài truyền thống Việt Nam. Nhưng hiện nay, xã nghề này đang đứng trước một thực trạng đáng buồn, bởi trong lúc sơn mài Việt Nam đã tìm được chỗ đứng, khẳng định uy tín, chất lượng trên thị trường thế giới thì ngay tại "quê hương" của sơn mài, nghề sơn mài đang dần mai một...

Từ bao đời nay, Bình Dương luôn tự hào là địa phương có nhiều làng nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống nổi tiếng khắp trong và ngoài nước. Trong đó, sơn mài được xem là tuyệt tác của Tương Bình Hiệp, xã nằm cách thị xã Thủ Dầu Một 7 km về hướng bắc. Sản phẩm sơn mài của Tương Bình Hiệp nổi tiếng về chất lượng, được xuất khẩu sang nhiều nước và đã tham gia nhiều hội chợ trong nước và quốc tế. Hầu hết những nghệ nhân giỏi về sơn mài ở khu vực phía Nam đều thuộc dòng thợ dân gian quê gốc ở xã Tương Bình Hiệp.

Làng nghề đang dần thu hẹp

Con đường chính dẫn vào xã Tương Bình Hiệp dường như lọt thỏm bên đại lộ Bình Dương rộng lớn. Nói về làng nghề sơn mài của xã, bà Lê Thị Thanh Loan - Chủ tịch xã Tương Bình Hiệp đã bộc bạch: "Trước năm 1995, toàn xã có đến 90% số hộ gia đình làm chủ cơ sở sản xuất sơn mài. Đến nay, tỷ lệ này đã giảm hẳn, chỉ còn lại một nửa và đang có dấu hiệu mất dần".

Làm sao để làng nghề không bị mai một, khơi dậy lòng đam mê, tâm huyết với nghề của lớp nghệ nhân hôm nay, không chỉ là nỗi khoăn của lãnh đạo xã Tương Bình Hiệp mà còn là nỗi lo của lớp nghệ nhân lớn tuổi, đã gắn bó với nghệ thuật sơn mài, cất công gìn giữ những thành quả của cha ông để lại. Với bác Tám Khiêm, người có thâm niên cho biết, gắn bó với nghề từ năm 12 tuổi, lo lắng nhất chính là lớp nghệ nhân kế thừa. "Trước đây còn có người xin học việc, bây giờ thậm chí khi học việc cũng được trả lương, nhưng vẫn chẳng có ai theo học. Thanh niên trong vùng không còn mặn mà với nghề sơn mài như trước. Thợ làm đều là con cháu trong nghề".

Tính đến tháng 8 năm 2002, toàn xã Tương Bình Hiệp chỉ còn 1.840 hộ sản xuất sơn mài. Trên thực tế, Cục thuế chỉ quản lý có 37 hộ, trong đó khoảng 10 hộ sản xuất có quy mô lớn còn lại là những cơ sở sản xuất nhỏ mang tính gia đình. Cơ sở có số lao động làm việc nhiều nhất vào khoảng 100 người, thấp nhất là 20 người. Từ số liệu thống kê trên cho thấy, quy mô sản xuất ở làng nghề chỉ còn ở những cơ sở lớn, có sự đầu tư và thị trường tiêu thụ. Vậy, đâu là nguyên nhân của tình trạng trên? Hướng giải quyết để vực dậy một làng nghề tên tuổi? Vấn đề này đã được chính quyền cấp sở tại và những nghệ nhân tâm huyết bàn thảo nhiều lần.

Nghèo vì chưa thoát khỏi cảnh làm thuê

Trước đây, vào những năm 1989 - 1990, khi nghề sơn mài đang ở giai đoạn hưng thịnh, các

Gây dựng đã khó, giữ vững để rồi phát triển lại càng khó hơn. Nhiệm vụ trước mắt của làng nghề Tương Bình hiệp là làm sao để khách hàng hiểu rằng uy tín thương hiệu của sơn mài Tương Bình hiệp chính là chất lượng sản phẩm, đồng thời cần phải có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ thương hiệu đó. Thực tế cho thấy, trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp bị mất cơ hội cạnh tranh ở nước ngoài do không đăng ký bản quyền thương hiệu. Bởi khẳng định thương hiệu đồng nghĩa với bảo vệ lợi ích kinh tế và giá trị truyền thống lâu đời mà người dân Tương Bình Hiệp đã bao đời nay vun đắp.

Làng nghề Tương Bình Hiệp

** Theo số liệu điều tra tháng 10-2001 của Uỷ ban nhân dân xã Tương Bình Hiệp*

Diện tích đất (ha)	Số thôn, ấp	Số nhân khẩu (người)	Số hộ	Số người trong độ tuổi lao động	Số hộ tham gia làng nghề	Số lao động tham gia làng nghề	Nộp ngân sách (tỷ đồng/năm)
443,547	9	13.537	3.209	8.102	1.840	3.786	1,8

hộ sản xuất sơn mài ở Tương Bình Hiệp đều sống được với nghề cho dù sản xuất nhiều hay ít. Sản phẩm bán ra theo kiểu "tự sản, tự tiêu" tùy thuộc vào sự năng động và nỗ lực của mỗi hộ. Khi bước vào cơ chế thị trường cạnh tranh quyết liệt, cách làm này không còn phù hợp nữa. Các cơ sở nhỏ không đủ điều kiện để đáp ứng những đòi hỏi cao về thẩm mỹ, cũng như cách thức làm ăn với khách hàng nước ngoài. Hàng hóa của họ phải tiêu thụ qua trung gian nên lợi nhuận thu được không cao. Đây là một thiệt thòi lớn cho các cơ sở sản xuất nhỏ.

Hiện nay, ở xã nghề Tương Bình Hiệp đang diễn ra nghịch lý là các cơ sở sản xuất nhỏ không có chuyện "tồn kho", vì 95% được sản xuất theo đơn đặt hàng, 5% còn lại là hàng pha sẵn. Nhưng các cơ sở này vẫn cảm thấy bất an, hiệu quả kinh doanh thấp. Giải thích hiện tượng này, bác Tám Khiêm cho biết: "Phần lớn chúng tôi sản xuất hàng theo phương thức gia công cho các con buôn. Họ mua 1 nhưng bán tới 3, trong khi hàng thủ công của mình tốn nhiều công, thời gian phải đảm bảo, lại đúng chất lượng".

Theo dòng tâm sự của bác Tám Khiêm, nhiều điều trăn trở về làng nghề, về đạo đức của nghề cứ thế mà tuôn ra, rằng nếu bạn là người không rành nghề thì khó mà phân biệt đâu là sơn mài Tương Bình Hiệp, đâu là hàng thị trường. Các nghệ nhân cũng như doanh nghiệp đều coi trọng chất lượng sản phẩm. Đó chính là cái tiếng của làng nghề, không vì giá cả mà làm nhanh, làm ẩu, đốt cháy giai đoạn, đánh mất chất lượng. Do vậy, đôi lúc các doanh nghiệp cũng đành tiếc rẻ khi phải từ chối đơn hàng gấp từ nước ngoài để giữ uy tín lâu dài.

Vừa phải tự thân, vừa cần liên kết

Tháng 4 năm 2002, Doanh nghiệp kinh doanh sơn mài Hùng Hương ở xã Tương Bình Hiệp đã bỏ ra 20.000 USD cho chuyến đi tham dự Hội chợ triển lãm ở Pháp. Đây là bước đột phá của một doanh nghiệp khi muốn tiếp cận thị trường nước ngoài, mở rộng xuất khẩu. Anh Đặng Văn Tốt (tức Hùng), Giám đốc doanh nghiệp cho biết: "Triển lãm này được tổ chức định kỳ hàng năm tại Pháp với hơn 100 quốc gia tham dự. Doanh nghiệp chấp nhận bỏ ra khoản chi phí lớn ban đầu để có được thị trường làm ăn lâu dài. Năm nay, tôi sẽ đem sản phẩm tham dự tiếp".

Thế nhưng, đối với các cơ sở sơn mài nhỏ không đủ sức cạnh tranh, thì việc một mình ra nước ngoài trực tiếp bán hàng lại là quá sức, trừ khi họ được tập hợp lại dưới một tổ chức. Đó là mô hình liên kết mà nhiều làng nghề đã áp dụng thành công. Hiện nay, ở Bình Dương mô hình liên minh hợp tác xã ngành nghề đã được xây dựng, đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo niềm tin cho người sản xuất. Qua tâm sự, các chủ cơ sở sơn mài rất muốn được tham gia vào đây nhưng mô hình này vẫn chưa được áp dụng cho làng nghề sơn mài. Để có được mô hình kinh tế này đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn. Trong đó, không thể thiếu sự tham gia hỗ trợ của các ban, ngành địa phương về lĩnh vực thông tin thị trường. Đây là yếu tố quan trọng.

Điều băn khoăn của những người làm nghề sơn mài ở Tương Bình Hiệp chính là tổ tiên của nghề. Theo lời bác Trần Văn Khiêm (Tám Khiêm), một nghệ nhân cao tuổi của làng nghề cho biết: Khi còn học nghề, thầy của ông có nói nghề mộc và nghề sơn mài có nét giống nhau nên có thể cùng chung ông tổ. Chẳng biết gốc gác như thế nào và tương truyền ra sao chỉ biết hàng năm những hộ sản xuất sơn mài phải có 2 lễ cúng lớn vào (đúng 12 giờ đêm trước) ngày 13 tháng 6 và 20 tháng chạp âm lịch.

Trong cuộc di dân đầu thế kỷ XVIII, những người miền Bắc đã dọc theo sông Sài Gòn đến lập nghiệp ở Thuận An (thị xã Thủ Dầu Một), trong số đó có cả những người thợ sơn mài. Kể từ đó, nghề sơn mài được du nhập và được lưu truyền cho đến ngày nay. Năm 1891, Pháp lập Trường Bá Nghệ thực hành ở Thủ Dầu Một, chủ yếu để dạy nghề chạm trổ, trang trí sơn mài. Do vậy, nghề sơn mài có điều kiện phát triển nhanh và mở rộng hơn.

Bình Dương là vùng đất trù phú, giao thông thuận tiện, lại nằm sát thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm văn hóa, chính trị của miền Nam nên nghề sơn mài ở nơi đây có điều kiện để phát triển. Có thể nói, đỉnh cao của sự phát triển sơn mài là khoảng thời gian từ năm 1965 đến khi Sài Gòn được giải phóng. Đánh dấu sự ra đời của sơn mài Tương Bình Hiệp là xưởng sơn mài Thành Lễ. Xưởng này do 2 nghệ nhân là ông Trương Văn Thành và Nguyễn Văn Lễ sáng lập. Nơi đây đã quy tụ được nhiều nghệ nhân nổi tiếng trong vùng như : Thái Văn Ngôn, Ngô Từ Sâm, Trần Văn Nam...

Hàng sơn mài thời kỳ này đã đạt được đỉnh cao về sự phong phú, đa dạng và chất lượng nghệ thuật. Được xuất sang thị trường châu Âu và có giá trị thương mại lớn.

vì nhờ đó các cơ sở, doanh nghiệp mới có cơ hội tiếp cận thị trường, tìm đầu ra tiêu thụ sản phẩm, đồng thời góp phần đưa hoạt động sản xuất - kinh doanh của làng nghề lên tầm cao mới với quy mô sản xuất bề thế hơn, đáp ứng xu thế hội nhập.

Ẩn trong những con đường đất đỏ, các nghệ nhân sơn mài vẫn cần mẫn tạo ra những sản phẩm nghệ thuật truyền thống tinh tế khắc tên địa danh Tương Bình Hiệp. Sơn mài là cuộc sống, là hơi thở của bao thế hệ nghệ nhân. Làm sao để Tương Bình Hiệp đập cùng nhịp đập phát triển kinh tế của Bình Dương, tiếp tục trở thành niềm tự hào của địa phương, nhất thiết phải có sự quan tâm và đầu tư đúng mức của các cấp địa phương. Đây cũng là cách để bảo tồn và phát huy một làng nghề truyền thống, đưa những tinh hoa của nghệ thuật sơn mài Việt Nam đến với thế giới.

TUONG BINH HIEP

Finding Markets for Lacquer Products

The famous names of lacquer such as Lam Son, Thanh My and Thanh Le all somewhat originated from Tuong Binh Hiep occupational village - one of the cradles of Vietnamese traditional lacquer fine arts. However, the village is facing a depressing situation. While Vietnamese lacquer products are confirming its quality and reputation in the international market, the lacquer production is falling into oblivion right in its homeland.

Binh Duong has been always proud of being home of nationally and internationally well-known handicraft villages. Lacquer is considered a masterpiece of Tuong Binh Hiep commune, which is seven kilometres far from Thu Dau Mot town in the north. Lacquer products from Tuong Binh Hiep are well- known for the quality and have been exported to many countries and displayed in local and international fairs. Almost skilful craftsmen of lacquer in the southern Vietnam are from Tuong Binh Hiep.

The narrowing occupation village

The main road leading to Tuong Binh Hiep seems to be unrecognisable on one side of the large Binh Duong Avenue. Talking about the lacquer production of the commune, Le Thi Thanh Loan, the chairwoman of Tuong Binh Hiep released: "Before 1995, there were 90 percent of the

Tuong Binh Hiep occupation village

** According to the data in October 2001 of the Tuong Binh Hiep People's Committee*

Natural area (ha)	Number of villages	Population (people)	Households	Number of people at the working age	Households engaged with the occupation	Labour forces engaged with the occupation	Budget contribution (bil.VND per year)
443.547	9	13,537	3,209	8,102	1,840	3,786	1.8

local households engaged with the production of lacquer products. The number is now only a half and is going to reduce more."

How to prevent the occupation from dying and stimulate craftsmen's passion for the occupation is the concern of not only the communal authorities but also the aged craftsmen, who have devoted all their hearts and souls to the occupation. For Tam Khiem, a man attracted to the job since he was 12, worries most about the next generations of craftsmen: "Unlike in the past, a few people now want to learn the job though they are even paid for their learning. The local young people are no more interested in the lacquer occupation. All the workers are now the craftsmen's children."

Until August 2002, there were only 1,840 households producing the lacquer in Tuong Binh Hiep commune. In fact, the tax office is in charge of only 37 households, of which only about 10 large-scaled workshops, the others are small household production units.

It is difficult to establish a business but much harder to make solid development. The crucial task that Tuong Binh Hiep should do is to make the customers realise that the trademark prestige of Tuong Binh Hiep lacquer means its quality. As a matter of fact, many enterprises have been deprived of the business opportunities abroad since they did not register for the trademark license. Confirming the trademark means the protection of economic benefits and the long traditional value built up by generations of Tuong Binh Hiep people.

Those biggest workshops have about 100 employees and the others have at least 20 people. According to the statistics, the production could only be expanded in the large-scale workshops with the investment and output markets. So, what are the causes of the above situation? What should be the solutions to restore a well-known handicraft village? The questions have been discussed many times by the local authorities and craftsmen.

Poverty still remain when subcontracting

During the years 1989-1990, when the lacquer occupation was in its golden time, the lacquer product makers in Tuong Binh Hiep all lived on the occupation no matter how much work they did. The products were then sold by the method of "self production and self consumption", up to the activeness and efforts of each householder. When the tense competitive market mechanism started, the method became outdated. The small-scale workshops could not satisfy the high requirements of aesthetes and the foreign business style. Their products were subcontracted, resulting in low profits, which causes a great loss.

At present, there exists a paradox in Tuong Binh Hiep. Even though there is not a situation of 'inventories" in small workshop because 95 percent of their products are produced according to orders, the other five percent are products with prepared materials, their owners still feel unsecured because of low business effectiveness. "We mainly have processing contracts with traders who only pay us one third of what they gain from our products, meanwhile, the handicrafts production requires times and labour but we have to follow the requirements on quality."

- further explanation for the situation by Tam Khiem.

According to Khiem, unless you have a good understanding of the occupation, it is difficult for you to distinguish the lacquer of Tuong Binh Hiep and others. All craftsmen and enterprises attach great importance to the quality of the products. Because of the village's reputation, they can not do quickly and carelessly only for money but even sometimes have to refuse the urgent orders from abroad so as not to lower the prestige.

Internal strength mobilisation and co-operation are both necessary

In April 2002, a company trading lacquer called Hung Huong Company in Tuong Binh Hiep invested VND20,000 US$ in participating a fair in French. It is a breakthrough of an enterprise in approaching the foreign markets and expanding the exports. "The fair is regularly organised in France with more than 100 nations as participators. Our enterprise accepted to invest much money at the beginning market for long-term business. We will bring products to the fair this year, too." -said Director Dang Van Tot (or Hung).

For the small lacquer workshops, it is out of their capacity to bring their products abroad unless they gather together in an organisation, a co-operation model that many occupation villages have been successful with. In Binh Duong, the co-operatives alliance has been built, bringing high economic effectiveness and encouraging the confidence of the producers.

Until now, the forefathers of Tuong Binh Hiep lacquer remain a mystery. According to Tran Van Khiem (Tam Khiem), an aged craftsman in the village, his teacher used to say that the carpentry and lacquer share some common characteristics and might have same forefathers. The legend and origin of the job are unknown, but annually, the lacquer households always offer two ceremonies on 13th and 20th of the sixth and twelfth lunar months exactly at 0 a.m.

The lacquer producers want to join such an alliance very much but the alliance requires a big investment and assistance from the local authorities in terms of market information. That assistance is very important because it helps bring enterprises opportunities to access the markets, find the markets for the products and to develop the business and production of the village to a higher level and larger scale so as to meet the integration tendency.

Lacquer is the breath and life of many craftsmen generations that have been assiduously creating traditional fine artistic products under the name Tuong Binh Hiep. To help Tuong Binh Hiep catch up with the economic development of Binh Duong, and continue being the pride of the local people, the concern and right investment from the municipal authorities are prerequisites. This is also an effective method to maintain and develop the traditional village and to bring quintessence of Vietnamese lacquer arts to the world.

During the migration in early 18th century, people from the north of Vietnam, including those lacquer craftsmen, went along Saigon River to Thuan An town (Thu Dau Mot) and settled down there. Since then the lacquer occupation has been maintained. In 1891, the French colonists set up the practical vocational school in Thu Dau Mot, mainly to train the lacquer decoration and sculpture. Therefore, lacquer had better chances to rapidly develop and expand.

Binh Duong is a rich land with convenient traffic lines and location next to Ho Chi Minh city, a centre of culture and politics of the south of Vietnam which are favourable conditions for the development of the lacquer occupation. Likely to say, the golden time of the lacquer production was from 1965 until when Saigon regained its liberation. The establishment of Thanh Le lacquer workshop created by Truong Van Thanh and Nguyen Van Le marked the commencement of Tuong Binh Hiep lacquer. The workshop congregated such famous local craftsmen as Thai Van Ngon, Ngo Tu Sam, Tran Van Nam... The local lacquer products during this period reached their peak of diversification and good artistic quality, and started to be exported to the Europe with high commercial value.

DOANH NGHIỆP HÙNG HƯƠNG

Người đi tiên phong trong ngành sơn mài Bình Dương

Anh vốn không phải là con nhà nòi, nhưng có lẽ do "duyên số" đưa đẩy anh đã đi theo nghiệp sơn mài. Sau 20 năm vật lộn, con người ấy đã gây dựng một doanh nghiệp khang trang với 50% sản lượng làm ra được xuất khẩu sang Mỹ. Bàn tay tài hoa này không chỉ chuyên tâm kinh doanh mà còn góp phần bảo lưu nghề truyền thống của người dân Bình Dương.

Tên thật của anh là Đặng Văn Tốt, dân làng Tương Bình Hiệp vẫn thường gọi anh là "Hùng" hay "Hùng Hương". Hương là tên người vợ anh, chị Nguyễn Ngọc Hương, là dân gốc của làng, còn anh là người thành phố Hồ Chí Minh. Hồi đầu bước vào nghề, bản thân anh cũng chưa thực sự yêu nghề sơn mài, nhưng dần dà cái hồn trong các bức tranh và tiếng tăm lâu đời của nghề sơn mài truyền thống nơi quê ngoại ngấm dần vào con người anh. Khởi nghiệp từ năm 1984, sau gần hai chục năm, với đôi bàn tay tài hoa và một ít vốn, cùng với những mong muốn duy trì nghề sơn mài truyền thống của gia đình bên ngoại, anh đã trở thành chủ một doanh nghiệp tư nhân mà giờ đây khi nói đến làng sơn mài Tương Bình Hiệp người ta không thể không nhắc tới Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hương.

Giám đốc Đặng Văn Tốt

Bàn tay ta làm nên tất cả

"Giống như người đi trong rừng hoang, không biết gì về nghề mà bù lại chỉ có lòng quyết tâm chịu khó học hỏi mà thôi" - anh Hùng đã tâm sự như vậy khi kể về những ngày đầu đi theo nghiệp làm tranh sơn mài. Học nghề từ những người thân trong gia đình, từ những nghệ nhân lâu đời trong làng, anh đã có được bí quyết riêng để tạo ra sản phẩm sơn mài vừa đẹp về nét vẽ, màu sơn, cũng như độ bền của bức tranh để có thể "chịu đựng" được mọi điều kiện thời tiết. Tuy nhiên, những sản phẩm của anh thời bấy giờ khi ra đời luôn gặp phải khó khăn về thị trường tiêu thụ. Hàng làm ra chủ yếu bán tại thành phố Hồ Chí

Nhân viên công ty đang khắc tranh khảm trai

Minh và giá bán thường ở mức thấp hơn sản phẩm cùng loại. Cũng trong thời gian này, anh thử đưa sản phẩm của mình ra nước ngoài, nhưng vẫn gặp khó khăn về việc tìm kiếm đối tác. Lượng hàng xuất sang Đông Âu chủ yếu chỉ mang tính chất tham dò thị trường, nhưng vẫn phải qua trung gian. Khi nói về quãng thời gian này, anh Hùng cho biết: "Nói chung sản xuất và tiêu thụ thời kỳ này hết sức khó khăn và nếu không yêu nghề chắc chắn đã phải bỏ nghề. Mình chấp nhận bị ép giá để qua đó khách hàng biết được chất lượng hàng của mình".

Vượt qua một thời kỳ dài khó khăn, bước sang những năm cuối thập kỷ 90, tranh sơn mài của Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hương mới dần chinh phục được khách hàng chủ yếu là khách hàng quốc tế. Sản phẩm của Hùng Hương, ngoài thị trường Đông Âu, giờ đây đã có mặt tại thị trường Mỹ với nhiều đơn đặt hàng thường xuyên. Anh Hùng cho biết thêm: "Thị trường Mỹ rất mới nhưng ổn định và chiếm tỷ lệ cao. Hàng đi Mỹ đã giành được cảm tình của khách hàng, chiếm 50% tổng lượng sản phẩm, đạt giá trị khoảng 200.000 USD. Ngoài các thị trường đã tìm được chỗ đứng tương đối vững trong nhiều năm qua như Pháp và Nhật Bản, Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hương còn có một số đơn hàng không thường xuyên xuất đi các nước Đức, Italia và Ôxtrâylia ".

Sản phẩm của doanh nghiệp giờ đã đăng ký nhãn hiệu độc quyền với tên gọi "Hùng Hương". Các mặt hàng sơn mài của Hùng Hương hiện bao gồm tranh, hộp, lọ... nổi tiếng với những nét đẹp duyên dáng được vẽ bởi bàn tay tài hoa của người họa sĩ được làm trên nguyên liệu gỗ nhập từ Malaysia và một phần nguyên liệu trong nước. Những bức tranh sơn mài của Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hương mang nhiều thể loại khác nhau. Trong đó, nhiều sản phẩm của Hùng Hương đã có sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại để tạo ra những màu sắc phù hợp với khung cảnh. Có bức tranh miêu tả cảnh thôn quê Việt Nam với giếng nước, cây tre, cầu ao, có thôn nữ gánh nước... có tranh vẽ về các loại hoa, cây cảnh thể hiện rõ 4 mùa xuân, hạ, thu, đông... Có nhiều khách hàng nhất là người nước ngoài khi đến thăm cơ sở sản xuất của anh đã say mê những hoạ tiết khác trên bức tranh và trong hành trang trở về luôn đầy ắp các sản phẩm của Hùng Hương. Giải thích cho thành công này, anh cho biết: "Trong kinh doanh mình phải tiếp cận với thị trường để tìm ra những sản phẩm mà người ta thích chứ không phải làm những gì mình có".

Trăn trở với nghề truyền thống

Nghề sơn mài đã có từ lâu đời, nhưng đang bị mai một trước sức ép của thị trường. Cũng dễ hiểu khi nỗi trăn trở lớn nhất của ông chủ doanh nghiệp nổi tiếng Hùng Hương, đó là không có lớp người kế thừa. Để khắc phục tình trạng này, trong 3 năm gần đây, Doanh

nghiệp tư nhân Hùng Hương đã bỏ ra khoản kinh phí khá lớn đào tạo nghề sơn mài cho các thanh thiếu niên với mức trung bình 500.000 đồng/người/tháng. Với các em từ các tỉnh khác đến học, doanh nghiệp của anh còn lo cho cả chỗ ở trọ, tiền cơm ngày 3 bữa. Anh Hùng tâm sự: "Tôi muốn tạo mọi điều kiện để người học luôn có được cảm giác hưng phấn khi bước đầu làm quen với nghề".

Cùng với nỗi trăn trở về lớp người kế thừa nghề truyền thống, anh cũng không khỏi lo lắng cho thị trường tiêu thụ sản phẩm. "Nhất định phải có sự hỗ trợ của địa phương và các sở, ban, ngành bằng cách tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp xúc với khách hàng. Chẳng hạn, những cuộc giao lưu hay những chuyến tham quan khảo sát thị trường nước ngoài nhằm tiếp thị cho sản phẩm là hết sức cần thiết nhưng chi phí lại quá cao. Vì thế, những doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoàn toàn không có đủ khả năng để làm việc đó".

Vấn đề về vốn cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các cơ sở sơn mài. Anh Hùng cho biết: "Dù có yêu nghề và gắn bó với nghề nhưng nếu không có vốn đầu tư thì khó mà duy trì hoạt động. Hơn nữa, nếu đầu ra sản phẩm không ổn định thì rất khó giữ được thợ giỏi để đợi các đơn hàng khác. Trong nghề sơn mài có những ê kíp thợ rất lành nghề, vẽ chân dung riêng, vẽ tĩnh vật riêng, vẽ phong cảnh riêng. Có tháng phải chi 50 triệu đồng tiền công cho một nhóm vẽ, ngoài ra còn trả tiền công cho thợ sơn, thợ gỗ... Vì vậy vốn cho quay vòng sản xuất rất khó khăn và điều tiết được các đơn hàng để giữ được những thợ có tay nghề cao không phải đơn giản."

Từ thực trạng đáng buồn đó, anh Hùng mong muốn: "Làm sao có được một hiệp hội sơn mài, để hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ cho các cơ sở sản xuất, cùng nhau có tiếng nói chung, ấn định giá sàn cho sản phẩm và chuyên đào tạo đội ngũ thợ chuyên nghiệp." Đây cũng chính là những suy nghĩ của một doanh nhân có lòng yêu nghề và muốn nuôi dưỡng các thế hệ kế tiếp cho nghề sơn mài truyền thống.

HUNG HUONG ENTERPRISE

A Vanguard of Lacquer in Binh Duong

He is not a child of a traditional lacquer family, but the "fate" has brought him to the occupation. After 20 years struggling, he has built a spacious enterprise and half of his products are exported to the USA. The talented man have succeeded in not only business but also in the contribution to the preservation of a traditional occupation in Binh Duong.

His real name is Dang Van Tot, but the people in Tuong Binh Hiep often call him 'Hung' or 'Hung Huong'. 'Huong' is the name of his wife who was born in the village and he came from Ho Chi Minh city. When he first learnt lacquer, Hung did not really love the job, but then the spirit of the pictures imprinted in his heart. Starting his business in 1984 with only a little capital but a great desire to continue the traditional occupation of his wife's family, Hung became the owner of a private enterprise (Hung Huong) that is often mentioned whenever people talk about the village of lacquer- Tuong Binh Hiep.

"Things are all done by myself"

"Like walking in a thick forest, I do not know any thing about the occupa-

tion but I am willing and eager to learn"-said Hung about his initial business when he followed his relatives and the old craftsmen to learn lacquer. He soon perceived a trade secret to make pictures with beautiful vignettes and high durability. However, he faced with the difficulties in consumption markets. Almost products were sold in Ho Chi Minh city at lower prices in comparison with the similar products. Hung tried to export his products but once again he had a problem of finding partners. The products mainly exported to the Eastern European countries were only for market researches but still have to co-operate with an intermediary partner. "I accept the squeezed prices to introduce my products, it was a very difficult situation at that time and without the great love for the job, I must have given up." - recalled Hung.

Overcoming the difficulties, the lacquer painting of Hung Huong could gradually win the hearts of international customers in the late 1990s. Nowadays, they are sold not only in the Eastern Europe but also the US with regular orders. "The US's is a new but stable market with high consumption proportion. The products exported to this country accounts for 50 percent of our total production with the value of US$200,000. Aside from the familiar markets in France and Japan, Hung Huong has gained some orders from Germany, Italy and Australia." - added Hung.

The enterprise's products have been registered with the sole label 'Hung Huong', Hung Huong items including paintings, boxes and jars well-known for handmade vignettes on the wooden materials imported from Malaysia and some local materials. Hung Huong lac-

Lacquer painting

quer paintings are of different kinds in the combination of traditional and modern factors to create colours suitable to the scenes. Some pictures describing Vietnamese countryside with wells, bamboo, ponds and beautiful peasant girls carrying water pails, some pictures about flowers and ornamental plants in spring summer, autumn and winter. Many customers, especially foreigners were interested in the vignettes in those pictures and their case were full of Hung Huong lacquer products when they came to visit his workshop. Explain to the success, Hung said: "To do a business, it is essential to find the way to access the market and understand what customers like, but not produce only what we have."

Workers are working with lacquer products

Great concern for the traditional occupation

Lacquer making has existed for a long time but now is dying under the pressure of the markets. It is not difficult to understand why Hung worries about inheritors of the occupation. To solve the problem, Hung Huong has spent much money on training young people (VND500,000 per learner) in the past three years. The enterprise supports the learners with accommodation charge if they come from other provinces. "I just want to create the best conditions for the learners so that they can have passion for the job right at their initial approach." -said Hung.

Furthermore, Hung always keep in mind his worry for the consumption markets. "It is essential that the local authorities and organisations should create favourable conditions for the enterprises to communicate with the customers. For instance, foreign market researches and experience exchanges are necessary, but the expenditures on those activities are so high that few small-scale enterprises can afford."

Capital is also a problem that directly affects the operation of lacquer workshops. "Without capital, the enterprise can not maintain the operation no matter how much you love it. If the markets of the products are not stable, it will be difficult to keep talented lacquer workers for other orders. Lacquers should be made by skilful craftsmen who are in charge of particular stages: one team specialises in drawing portraits, another drawing still-life and another drawing landscapes. Many times, I had to spend VND50 million for each team excluding the salaries for painters and carpenters. Therefore, it is difficult to circulate the capital and regulate the orders to always keep good craftsmen with me."

As a businessman with a great love for the lacquer making and concern on the next generations of a traditional occupation, Hung always wishes "to have a lacquer association to assist workshops in creating a common voice, fix the ceiling prices of the products and train professional workers."

ĐIÊU KHẮC PHÚ THỌ

Tìm hướng đi mới trong quá trình đô thị hoá

Đảo mắt nhìn quanh, tôi không thể tìm thấy một cửa tiệm nào bày hàng điêu khắc, để tin chắc rằng mình đã tìm đến được phường Phú Thọ (thị xã Thủ Dầu Một), nơi có nghề điêu khắc nổi tiếng. Tiếng dục, gõ vang vọng một thời, dường như không còn hiện hữu ngay trên các mặt phố mà đã bị đẩy sâu hơn vào trong những con đường đất đỏ đầy bụi...

Khi người Việt đến định cư ở vùng đất Thủ Dầu Một, những cánh rừng dầu đã trở thành nguồn lợi cho nghề khai thác gỗ trong những ngày đầu tiên lưu trú trên mảnh đất này. Dòng sông Sài Gòn trở thành con đường vận chuyển tiện lợi cho các bè gỗ. Vì thế, nơi đây đã sớm hình thành những cụm cưa xẻ gỗ, đóng thuyền, đóng đồ mộc, chạm khắc gỗ... nổi tiếng khắp Nam Kỳ. Thời kỳ đỉnh cao rực rỡ của nghề chạm khắc Thủ Dầu Một chính là sự ra đời của Trường Bá Nghệ (sau này là Trường Kỹ thuật thực hành rồi Mỹ thuật công nghiệp) do Pháp thành lập năm 1901. Chính nơi đây đã sản sinh ra những nghệ nhân chạm khắc tài hoa cho vùng đất Thủ Dầu Một. Cũng từ đây, nghề chạm khắc được nâng lên một bước cao hơn trong việc tiếp thu, sáng tạo để trở thành làng nghề điêu khắc Phú Thọ với danh tiếng đã vượt qua không gian và thời gian. Nhưng tất cả đã là... ngày hôm qua. Điêu khắc Phú Thọ hôm nay đã có nhiều thay đổi.

Đóng cửa rừng và nguy cơ ngừng tay thợ

Phú Thọ là một phường ven đô, rộng 497 ha, cách thị xã Thủ Dầu Một 3 km về phía Nam, với 3.203 hộ sinh sống ở 6 khu phố, trong đó chủ yếu sống bằng nghề kinh doanh, dịch vụ, thương nghiệp. Trên địa bàn phường hiện có 92 cơ sở và hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tập trung ở khu phố 4 và 5. Riêng số hộ làm nghề chạm khắc chỉ còn khoảng trên 20 hộ, còn lại là các hộ làm nghề mộc, guốc và thủ công khác. So với trước đây, số hộ làm nghề chạm khắc đã giảm đi rất nhiều và không còn giữ được chất thuần của nghề. Với 14.183 nhân khẩu, nhưng chỉ có 496 lao động tham gia sản xuất nghề thủ công tại địa phương, kể cả số lao động ngoại tỉnh. Số người gắn bó với nghề chạm khắc còn lại rất ít, chủ yếu là những nghệ nhân lớn tuổi và những thợ có tay nghề cao. Cơ sở chạm khắc có quy mô lớn nhất cũng chỉ thu hút khoảng 10 lao động, còn lại là sản xuất theo kiểu gia đình với một hai nghệ nhân và thợ học việc.

Trước năm 1997, trong cơ cấu kinh tế của phường Phú Thọ, tiểu thủ công nghiệp luôn là ngành kinh tế mũi nhọn; nghề chạm khắc được xem là đầu tàu của kinh tế địa phương. Là một nghệ nhân đã từng có khoảng thời gian dài gắn bó với nghề, trước khi giữ cương vị Chủ tịch phường, ông Trần Ngọc Anh cho biết: "Vào thời điểm những năm 1994 trở về trước, giá gỗ rẻ, muốn mua loại nào có loại đó. Làm thấy ham làm, 1 vốn tới 4 lời, chỉ cần làm 1 tuần là có thể mua được một chiếc ti vi trắng đen".

Như trở về với vai trò của một lãnh đạo làng nghề, ông Ngọc Anh tỏ vẻ tiếc nuối: "Khi Chính phủ quyết định đóng cửa rừng, hạn chế khai thác gỗ thì nghề chạm khắc ở đây cũng chững lại. Cùng với tốc độ phát triển của đô thị, cán cân kinh tế của phường đã nghiêng hẳn về thương mại - dịch vụ. Nghề chạm khắc bỗng dưng bị thất sủng và có nguy cơ bị xóa nhòa bởi một nghề chung chung mang tính mộc. Hiện nay, điêu khắc Phú Thọ đang đứng trước những khó khăn về nguồn nguyên liệu và đầu ra cho sản phẩm, bởi muốn sản xuất đồ mộc, điêu khắc phải có giấy phép của kiểm lâm. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ nguồn gỗ, nên nguyên liệu chạm khắc bị hạn chế và khó mua hơn rất nhiều, nhất là những loại gỗ quý thuộc nhóm 1, 2 như: mun, cẩm lai,

Nghệ nhân Bảy Rịch đang hoàn thiện tác phẩm

gõ, trắc... Do vậy, nhiều hộ đã bỏ nghề hoặc chuyển sang làm nghề khác. Thợ điêu khắc ở phường Phú Thọ đã không còn đất để mà "dụng võ". Một số thợ đã lên thành phố Hồ Chí Minh làm mộc, số còn lại vào làm trong các công ty, xí nghiệp sản xuất gỗ mỹ nghệ xuất khẩu ở các khu công nghiệp của tỉnh. Nghề điêu khắc ở phường Phú Thọ bắt đầu chết dần. Song chính trong cơn bĩ cực ấy, những nghệ nhân tâm huyết với nghề đã không cam tâm nhìn nghề điêu khắc Phú Thọ dần mai một, mà trái lại họ đã mầy mò tìm hướng đi mới để vực dậy làng nghề".

Những gốc cây... bạc triệu

Theo sau anh cán bộ phụ trách kinh tế phường Phú Thọ, chúng tôi đi sâu vào con đường đất đỏ để đến cơ sở sản xuất được coi là "Có quy mô và bề thế nhất phường", đó là cơ sở chạm khắc của nghệ nhân Bảy Rịch. Khác hẳn với những gì đã nhìn thấy lúc ban đầu, bởi trước mắt tôi giờ đây là những "tác phẩm nghệ thuật" được làm từ những gốc cây gần guốc.

Gắn bó với nghề trên 30 năm, đến nay, nghệ nhân Bảy Rịch đã trở thành một trong những nghệ nhân lão luyện của làng nghề điêu khắc Phú Thọ. Vừa tạo hình cái giá đỡ ngà voi, ông tiếp chuyện tôi với nhiều ban khoan của người làm nghề: "Với loại gỗ này, nếu không có giấy mua bán rõ ràng thì kiểm lâm có thể thu bất cứ lúc nào. Gỗ mua tại địa phương rất khó, có khi lên thành phố Hồ Chí Minh mua còn dễ hơn nhiều. Ở đây chúng tôi đều phải tự thân vận động từ nguồn nguyên liệu đầu vào cho tới sản phẩm đầu ra". Qua câu chuyện của ông chúng tôi được biết nguyên do khiến cơ sở của nghệ nhân Bảy Rịch sản xuất có vẻ "quy mô" hơn hết là vì gia đình ông có khả năng tự sản, tự tiêu (thông qua cửa hàng của người cháu ở trung tâm thị xã Thủ Dầu Một).

Câu chuyện bị cắt nửa chừng vì có người mời ông mua gốc me. Qua câu chuyện trao đổi giữa họ, chúng tôi biết thêm nhiều điều về nghề điêu Khắc Phú Thọ. Chẳng hạn, nguyên liệu được chọn phải là những gốc cây lớn, thuộc dòng cổ thụ và điều quan trọng là gỗ phải tốt. Ngay cả gỗ me cũng bị ông từ chối vì nó dễ mục. Tôi tò mò hỏi ông cái gốc cây đen sì, đường kính hơn 1 mét nằm trước sân giá mua bao nhiêu. Và thật bất ngờ khi ông cho biết nó có giá đến 15 triệu đồng. Gốc cây này sẽ được tạo theo chủ đề "Thập bát la hán" giá bán cũng hơn 100 triệu đồng.

Thành công của ông Bảy Rịch đã hé mở hướng đi mới cho nghề điêu khắc Phú Thọ. Hiện nay, tại phường, cơ sở sản xuất những mặt hàng cao cấp như nghệ nhân Bảy Rịch rất hiếm. Vì nguồn gỗ không đáp ứng được yêu cầu cho ra những sản phẩm cao cấp nên đã có nhiều hộ chuyển sang dùng gỗ tạp, gỗ rừng trồng như: cao su, điều... để sản xuất. Do vậy, sản phẩm làm ra mang tính thị trường theo kiểu sản xuất hàng loạt. Phần lớn các hộ chạm khắc ở phường đều làm gia công lại cho các cửa hàng, công ty khác vì họ không đủ tự tin, cũng như tư cách pháp nhân để ký những hợp đồng xuất khẩu.

Chỉ về phía những người thợ đang đục đẽo, ông Bảy Rịch cho biết: "Thân cây đó được chạm theo chủ đề "Tứ linh" (Lân, Ly, Quy, Phụng), do 4 thợ người Huế đảm nhận từ khâu ghép gỗ, tạo hình, chạm khắc cho đến đánh dầu. Nó sẽ được hoàn tất sau 2 tháng với giá bán vài trăm triệu".

Từ những gốc cây tưởng chừng như vô dụng, nghệ nhân Bảy Rịch đã dám bỏ ra vốn ban đầu tương đối lớn để biến nó thành những tác phẩm chạm khắc tinh tế theo điển tích Á Đông, mang đậm nét cổ truyền của dân tộc mà không một chút ngần ngại. Vì ông tin chắc rằng, những tác phẩm này sẽ là những vật trang trí không thể thiếu ở các công ty du lịch trong nước (bao gồm cả nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, nghỉ mát...). Chính sự linh động, nhạy bén đã giúp ông tìm ra hướng làm kinh tế riêng cho mình, đồng thời, mở ra một hướng đi mới làm sống lại tên tuổi điêu khắc Phú Thọ, khi mà làng nghề đang đứng trước những khó khăn và nguy cơ tàn lụi.

Nói đến nghề chạm khắc, người ta thường nghĩ rằng: nó phải được làm từ những thớ gỗ vuông vức, cắt xẻ kỹ càng, chứ đâu ngờ những gốc cây xù sì gần guốc cũng tạo nên những tác phẩm điêu khắc tuyệt mỹ có khi còn độc nhất vô nhị. Chính yếu tố không "dụng" hàng này đã làm tăng giá trị của sản phẩm. Đó là một thứ nghệ thuật vô giá, phụ thuộc vào tính sáng tạo đường nét của các nghệ nhân. Người thợ điêu khắc không những có đôi bàn tay khéo mà ở họ còn có một tâm hồn cao đẹp. Chính cái hồn sẽ thổi vào trong tác phẩm một sức sống mới. Biến cái vô hình thành cái hữu hình. Để trở thành một nghệ nhân điêu khắc cần phải có nhiều thời gian và khiếu thẩm mỹ ở mỗi người. Ở cơ sở của nghệ nhân Bảy Rịch, hiện có 10 thợ theo làm. Họ đều là những thợ giỏi, có tay nghề cao, có như vậy mới đảm nhận được những tác phẩm chạm khắc vừa có giá trị nghệ thuật, vừa có giá trị kinh tế.

PHU THO SCULPTURE

Finding a New Orientation in Urbanisation Process

Looking around, I could not find any shop selling sculpture products to make myself sure to be in Phu Tho ward (Thu Dau Mot town), the homeland of the famous sculpture. It seemed that the atmosphere of an traditional occupation village with is no more present on the street sides, but hidden behind red dusty roads.

When the first Viet people came and settled down in Thu Dau Mot, they found the dipterocarpaceae forests as a source of wood exploitation. Saigon River became the waterway for the transportation of rafts of timbers. Villages of timber sawing and splitting, ship building, carpentry and sculpture were soon formed and became famous throughout the south. The most prosperous time of Thu Dau Mot sculpture was marked with the establishment of Ba Nghe School (vocational school) by the French colonists in 1901, which later became Technical Practice School and then Industrial Fine Arts School. From that school, a great deal of talents of sculpture grew up. The sculpture was then brought to a higher level and became the famous the Phu Tho sculpture village over the time and spaces. It was the past. Phu Tho Sculpture nowadays has experienced a lot of changes.

Closing forests and danger of redundant workers

Phu Tho is a suburban village, 3 km far from Thu Dau Mot town in the south, with the total area of 497 hectares. There are six quarters and 3,203 households living there whose lives are mainly based on trading and services. There are 92 handicraft workshops and households mainly in residential quarters No.4 and 5, of which only above 20 households are engaged with sculpture, the others specialise in carpentry and other handicrafts. It is visible that there are fewer and fewer households doing sculpture whereas the purity of the occupation no longer remains. The ward has 14,183 people at present, but only 496 labourers, including those from other provinces are following handicraft. Few people devote themselves to sculpture but only the aged and highly skilful craftsmen. Even the largest workshop could only attract about 10 workers and the others are doing household business with one or two craftsmen and trainee workers only.

From 1997 backward, in the economic structure of Phu Tho ward, handicaft used to be spearhead economy, of which sculpture was considered the leading occupation of the region. As a craftsman with a long time devoted to the occupation, before taking over the position of the chairman of the ward, Tran Ngoc Anh said that "before 1994, timbers were cheap with many choices. People were so eager doing the job since they gained big profits (the income of one week working could buy a black and white television".

As a leader of the occupation village, Ngoc Anh showed his sadness: "When the government decided to close the forests and limit the timber exploitation, the local sculpture stopped its growth. Along with the urban development rate, the economic balance leaned towards the side of trading and services. Sculpture was suddenly effaced by a common kind carpentry. Phu Tho Sculpture now confronts the problems of materials and outputs. The forestry commission license the production of carpentry and sculpture. The state's strict control of timber sources has resulted in the limited materials, especially precious wood (the first and second groups) like ebony, Baria Kingwood, and rosewood. Consequently, many people have changed their

job. Phu Tho sculptors had no more fields to show their capacity. Some of them went to Ho Chi Minh City to work as carpenters and the others worked in the factories producing handicrafts in the local industrial parks. Phu Tho Sculpture was dying. In such a situation, the whole-hearted craftsmen could not standstill when the occupation was falling into oblivion, they tried their best to find a way for the occupation village".

Stumps costing millions of dongs

Following the official of Phu Tho economy, we went along the red roads to a workshop so-called "the largest scale in the ward", a workshop of the craftsman named Bay Rich. There I saw artistic works made from rugged stumps.

Working in this field for 30 years, Bay Rich has become one of the most skilful craftsmen of Phu Tho Sculpture village. He talked to me but did not stop working with the trestle for elephant ivory: "Without invoices, this kind of timber can be confiscated whenever the forestry commission sees them. It is very difficult to buy this kind of timber in the local area, even though it easier to buy it in Ho Chi Minh City. Here, we have to manage by ourselves from the income materials to the output products." He revealed that his workshop seems to be of the largest scale because he is capable of "self-sufficiency" through the medium of his nephew's shop in the central Thu Dau Mot town.

Our talk was interrupted by a person who came to marketing his stumps of tamarinds. Observing the discussion between him and Bay Rich I learnt more about Phu Tho Sculpture. Only great stumps of high quality timber can be used as sculpture materials. Bay Rich refused even stumps of tamarinds because they are easy to be rotten. Curious about the great black stump with the diameter of over one metre lying on the yard, I ask him how much and was surprised with the answer. It cost VND15 million. It will be sculpted according to the title "Thirteen Arhants" and will be sold at the price of VND100 million at least.

Bay Rich's success has opened a new way of development for Phu Tho Sculpture. There are few workshops producing high-class products like his in the ward. Since the timber source is not enough to supply the production of high-class products, quite a few households use timber of low quality and wood from plantation such as rubber and cashew. Series of market products are being made. Most of the local sculpture households are working as subcontractors of the shops and companies because they are not self-confident and do not have juridical entity to sign export contracts.

Pointed at the sculptors carving nearby, he says: "That trunk is carved according to the theme of "Four supernatural creatures" (dragon, unicorn, tortoise and phoenix), and those four sculptors from Hue are in charge of all the process from joining the wood, designing, carving to polishing. The work will be complete in two months and will cost hundreds of million dongs."

Craftsman Bay Rich boldly invests a large amount of money in the so-called useless stumps and makes them fine sculpture products with classical reference. For him, those works will soon be indispensable decorations in the tourism companies, restaurants, hotels and resorts. His flexibility and sensibility have helped him find the way to manage his business. What Bay Rich is doing will be a new direction for Phu Tho Sculpture to revive and surmount difficulties so that the occupation will not be lost into oblivion.

. People often think that sculpture products must be made from square and beautiful pieces of wood. In fact, the rough and rugged stumps can be used to make extremely beautiful works, even unique ones. It is an invaluable art that depends on the creativeness and skillfulness of the craftsmen who blow a new breath into the works and make the invisible thing become visible. Becoming a sculptor requires time and aesthetic aptitude. There are 10 craftsmen in Bay Rich's workshop and they all are skilful and talented sculptors so as they could make works of high value of economy and art.

Phần V

HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Part V

MOBILIZING ALL FORCES FOR DEVELOPMENT

Chương I: PHÁT HUY NỘI LỰC

Bình Dương chiêu hiền đãi sỹ

Nổi tiếng với khẩu hiệu "Trải chiếu hoa đón nhà đầu tư, trải thảm đỏ rước nhân tài", Bình Dương được xem là địa phương ban hành chính sách thu hút nhân tài sớm nhất so với cả nước và cũng đạt được một số thành công nhất định.

Vốn dồi dào và nguồn nhân lực tốt là hai đầu vào quan trọng để nền kinh tế tăng trưởng. Chính vì vậy, bên cạnh việc thu hút nguồn vốn đầu tư, tỉnh Bình Dương ngay từ khi tái lập tỉnh đã quan tâm đến việc thu hút nhân tài, tập trung sức lực và trí tuệ xây dựng quê hương. Từ đó đến nay, đã 4 năm kể từ khi tỉnh Bình Dương đưa ra chủ trương thu hút nhân tài về tỉnh.

Nhân tài đã về tỉnh nhưng chưa đủ

Vào tháng 8-1998, chính sách thu hút nhân tài mới lần đầu tiên được Bình Dương công bố, trong đó nêu lên nhiều ưu tiên trong việc thu hút "hiền tài" về tỉnh công tác, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Chẳng hạn, sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy đúng với ngành học mà tỉnh đang cần thì được hưởng trợ cấp ban đầu và hàng năm được hưởng thêm 50 - 200% mức lương. Với các chức danh có học hàm, học vị cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ, mỗi tháng được hưởng trợ cấp từ 1,5 - 3 triệu đồng ngoài tiền lương. Đích nhắm của Bình Dương chính là thị trường lao động dồi dào nhưng khá đắt đỏ tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sau gần 4 năm "đột phá", tỉnh đã nhận hơn 100 hồ sơ đăng ký với nguyện vọng về làm việc tại tỉnh, trong số này tỉnh nhận hơn 80 người, gồm 1 tiến sĩ, 1 thạc sĩ và còn lại là các cử nhân tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi. Hầu hết những người về theo chính sách thu hút nhân tài đều có hộ khẩu từ các tỉnh miền Bắc, Trung và Tây Nguyên.

Mặc dù so với các cán bộ, công chức trong tỉnh, đối tượng ngoại tỉnh được hưởng mức lương cao gấp 5 - 10 lần, nhưng do Bình Dương ở gần thành phố Hồ Chí Minh nên mức thu nhập đó xem ra vẫn chưa đủ hấp dẫn để thu hút tài năng từ thành phố về làm việc lâu dài tại địa phương. Theo nhận định của lãnh đạo tỉnh Bình Dương, các chính sách trên chưa thật sự thu hút những người có học hàm vị cao ở ngoài tỉnh và chưa thúc đẩy những người tài giỏi trong tỉnh phát huy năng lực. Do đó, lãnh đạo tỉnh đi đến quyết định cần phải điều chỉnh lại chính sách "trải thảm đỏ" đón nhân tài trong thời điểm mới sao cho phù hợp.

Hướng tới nguồn nhân tài tại chỗ, nâng cao chế độ cho người ngoại tỉnh

Đầu năm 2002, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương, ông Hồ Minh Phương đã ký Quyết định số 06/2002/QĐ-UB về việc ban hành chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực cho nhu cầu tập trung và phát triển. Quyết định này có nhiều ưu tiên hơn trong phát triển nguồn nhân lực tại chỗ đang công tác, học tập và sinh sống trên địa bàn của tỉnh. Nó còn được xem như hành động "trải thảm đỏ" đón nhân tài của tỉnh trong thời điểm mới, có tác dụng khuyến khích cán bộ, công chức của tỉnh phấn đấu theo học các chương trình sau đại học hoặc văn bằng hai về ngoại ngữ và tin học.

Quyết định số 06 hướng vào 3 vấn đề trọng tâm, trong đó có quy định về đào tạo tu nghiệp, thu hút nguồn nhân lực và tổ chức thực hiện. Việc đào tạo tu nghiệp cho các cán bộ, công chức trong tỉnh nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với công việc đang đảm trách và cũng đáp ứng yêu cầu quy hoạch kế thừa cho các chức danh, chức vụ chủ chốt sau này. Trường hợp các cán bộ, công chức đang làm việc, sinh sống trên địa bàn nhưng thuộc các cơ quan, đơn vị hưởng lương ngành dọc khi đi học chuyên môn, nghiệp vụ sẽ được ngân sách tỉnh cấp bù thêm cho đủ theo quy định này, cùng tiền trợ cấp tàu xe.

Về chế độ trợ cấp cho cán bộ, công chức trong tỉnh đi học tập trung các lớp lý luận chính trị, quản lý nhà nước, Bình Dương luôn trợ cấp cao hơn so với các tỉnh khác. Riêng các khoá đào tạo, tu nghiệp ở nước ngoài, cán bộ, công chức còn được hưởng thêm một số chế độ ưu tiên hơn, ngoài các chế độ nêu trên. Nhằm phát triển nhân tài tại chỗ, tỉnh còn trợ cấp cho cán bộ số tiền để

thực hiện và bảo vệ luận án tốt nghiệp, trong đó tiến sĩ 30 triệu đồng, thạc sĩ 20 triệu đồng, bác sĩ và dược sĩ chuyên khoa cấp I là 12 triệu đồng, cấp II là 20 triệu đồng.

Đối với chính sách thu hút nhân tài ngoại tỉnh cũng có những đổi mới. Ông Nguyễn Thanh Hùng, Trưởng ban Tổ chức Uỷ ban nhân dân tỉnh cho biết: "Quyết định số 06 có nhiều điểm mới về chính sách thu hút nhân tài nhất là các cán bộ, công chức có trình độ sau đại học". Nếu là cán bộ dưới 45 tuổi, được tiếp nhận về Bình Dương công tác trong các cơ quan hành chính với cam kết làm việc tại tỉnh ít nhất 7 năm, được cấp 1 lần theo định mức: bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp I là 10 triệu đồng; thạc sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp II là 15 triệu và tiến sĩ là 20 triệu đồng.

Trường hợp người có học hàm, học vị từ bác sĩ, dược sĩ, chuyên khoa cấp I đến giáo sư có năng lực chuyên môn làm việc trong một thời gian nhất định cho công việc cụ thể theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân tỉnh được chi trả lương từ 4 triệu đến 8 triệu đồng/người/tháng.

Đối với người trúng tuyển vào ngạch công chức ở tỉnh, nếu tốt nghiệp đại học loại giỏi được trợ cấp ban đầu là 2 triệu đồng, thạc sĩ là 10 triệu đồng. Đối với từng chức danh, ngành nghề mà tỉnh cần cho một cơ quan, đơn vị cụ thể (nằm trong danh mục của Uỷ ban nhân dân tỉnh thông báo) sẽ được xem xét, cấp thêm mỗi tháng từ 50 đến 200% mức lương đang hưởng và được cấp ban đầu 2 triệu đồng.

Với nỗ lực không ngừng, Bình Dương đang từng bước cụ thể hoá chính sách "trải thảm đỏ" mời đón nhân tài, phù hợp với tình hình mới, tạo điều kiện cho người lao động trong và ngoài tỉnh được an cư, lạc nghiệp và an tâm khi về Bình Dương công tác.

Chapter I: INTERNAL FORCE EXPLOITATION

BINH DUONG LURING TALENTS

Famous for the slogan "flowered sedge mat welcoming investors, red carpets welcoming talents", Binh Duong is one of the first regions adopting preferential policies to attract talents throughout the country and have achieved some certain successes.

Plenty of capital and high-level human resources are the two important factors for the economic growth. Therefore, apart from calling for investment, Binh Duong has been trying to attract talents to develop the province. It has been four years since Binh Duong first started implementing the direction to recruit talents.

More talents needed

In August 1998, Binh Duong first announced the policy on attracting talents in which many priorities to inviting talents to the province for the demands of the local socio-economic development. For instance, the university graduates are supported with the initial allowance and paid 50-200 percent more of their salaries when their specialities are necessary to the province. Anyone with higher qualification such as Master and Doctor would enjoy a monthly allowance of VND1.5-3 million excluding their salaries. Binh Duong is targeting at the plentiful but expensive labour market in Ho Chi Minh city.

After four years of making 'breakthrough', Binh Duong has received more than 100 applications for the local jobs, of

which 80 have been employed, including one Doctor, one Master and good and very good university graduates. Almost all the people coming to Binh Duong in accordance to the policies are from the northern and Central provinces and highlands.

Although employees from other provinces are paid five or ten times higher than the local employees, those policies are not attractive enough to the people from the cities to work permanently in the province due to its adjacency to Ho Chi Minh city. According to the leaders of Binh Duong province, the existing policies are not attractive enough for the people with high qualification from other parts of the country and for the local talents to mobilise their capacities. Therefore, the local leaders have decided to adjust the preferential policies to attract talents to suit with the current circumstance.

Towards the local talents and more priorities to the non-native employees

In early 2002, Ho Minh Phuong - the Chairman of Binh Duong Provincial People's Committee signed the Decision No.06/2002/QD-UB, on issuing the policies on training and attracting the human resources for the concentration development demands. The decision places more priorities to the development of the local human resources. It is considered a 'red carpet' for talents in the new period, which encourages the local civil servants to take the post-graduate courses or courses for the second degree of foreign languages or informatics.

The Decision No.06 targets at three important issues including the regulations for on service training, attracting human resources and implementation organisation. The on service training is not only to equip the local civil servants with adequate professional knowledge and skills for their present positions but also to prepare for the higher positions afterwards. In case, the civil servants enjoying salary from the state-budget take a professional course, they will still enjoy a full salary (added by the province's budget) and transport allowance.

In terms of allowance regulations applied for the local civil servants following courses on political theories and state management, Binh Duong supports more than other provinces. Taking the overseas training courses, the civil servants will enjoy some more priorities apart from the above-mentioned items. Aiming at the development of the local talents, Binh Duong also financially supported the staffs their thesis presentation such as for final thesis of doctor: VND30 million, MA :VND20 million first and second grade doctors or pharmacists would enjoy VND12 million and VND20 million respectively.

Changes have been made in the policies to attract non-native talents. "There have been changes in policies to attract talents, especially post-graduated people in the Decision No.06." -said Nguyen Thanh Hung, the Head of Provincial Administration Organisation. The people less than 45 years old commit to work for administrative agencies of the province for at least seven years will be once granted according to the fixed norms: VND10 million for the first grade doctors and pharmacists, VND15 million for MA and the second grade pharmacists and VND20 million for Doctor.

Those who have diplomas from the first grade doctors or pharmacists to professors with good professional capacity, working in a certain position for a certain period of time according to the need of the Provincial People's Committee will be paid from VND4 million to VND8 million per month.

Those who are selected as civil servants in the province with the university degree of very good grade will initially be granted VND2 million and VND10 million for Master degree and added VND2 million more. The provincial People's Committee will consider and grant VND2 million and 50-200 percent of the available salaries to necessary positions in a necessary organisation of the province.

Binh Duong with the great efforts is gradually specifying the 'red carpet' policies for talents suitable to the new situation, creating favourable conditions for the local labourers to live and work with pleasure in Binh Duong.

CASUMINA

Vượt lên chính mình

Với bề dày truyền thống hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, cùng nguồn nhân lực dồi dào và một cơ sở vật chất vững mạnh, Casumina quyết tâm giữ vững vị trí nhà sản xuất cao su hàng đầu tại Việt Nam, góp phần đưa sản phẩm "Made in Vietnam" ra thị trường thế giới, xác lập vị trí trên bản đồ sản xuất các sản phẩm cao su của thế giới.

"Mở cửa... làm là phải bán được"

Công nghiệp cao su vốn là thế mạnh của miền Nam. Vì thế, ngay sau ngày giải phóng, nhiều nhà máy cao su ở miền Nam đã được tiếp quản để duy trì và phát triển sản xuất. Công ty Casumina ra đời ngày 19-4-1976 trên cơ sở cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và quốc hữu hóa các nhà máy tư nhân. Cũng như các công ty khác thuộc Tổng cục Hóa chất Việt Nam (nay là Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam), nhiệm vụ chủ yếu của công ty là sản xuất săm lốp xe đạp, xe lambro, nệm xốp và phụ tùng cao su. Đến năm 1987, sản phẩm chủ yếu của công ty vẫn là săm lốp xe đạp với sản lượng 2,7 triệu bộ/năm (tăng 50% so với năm 1976), trong đó 40% dành cho xuất khẩu. Là một doanh nghiệp thành đạt của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, trong thời kỳ này, Casumina đã được tặng bằng khen, huân chương và một cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Bước vào cơ chế thị trường, Công ty Casumina phải đối mặt với khá nhiều thách thức. Hàng tiêu thụ chậm, tồn kho nhiều, thị trường tiêu thụ hẹp. Trước thực trạng ấy, ban lãnh đạo công ty đã đặt ra mục tiêu: "Phải nhanh chóng tự tổ chức mạng lưới tiêu thụ, không cần thị trường rộng lớn, nhưng phải có địa chỉ để giao hàng và sản phẩm làm ra phải bán được". Song mục tiêu này có thực hiện thành công hay không, chất lượng sản phẩm sẽ là nhân tố quyết định quan trọng. Nhận thức được vấn đề ấy, công ty đã tiến hành đầu tư chiều sâu, kết hợp nhập một số thiết bị lẻ có công nghệ tiên tiến và tự chế tạo một số thiết bị theo mẫu nước ngoài có cải tiến cho đồng bộ với dây chuyền sản xuất hiện có. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn, sản phẩm của công ty đã đa dạng hóa về chủng loại, phong phú về mẫu mã với nhiều loại giá phù hợp với từng đối tượng khách hàng thuộc nhiều vùng miền trong thị trường nội địa. Không những thế, sản phẩm của công ty còn được xuất khẩu sang 18 quốc gia và vùng lãnh thổ như Mỹ, Pháp, Đức, Ôxtrâylia.. và nhiều nước và vùng lãnh thổ châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

Một chương mới trong lịch sử Công ty Casumina đã được mở ra. Giờ đây, khi đến với Casumina, những máy móc thiết bị cũ kỹ đã không còn, thay vào đó là những thiết bị kiểm tra hiện đại để phân tích các loại hóa chất nguyên liệu dùng trong cao su, máy kiểm tra tính năng sản phẩm như độ bền, lý trình, đâm thủng, mài mòn, bám đường, độ kín khí và độ lão hóa của săm lốp xe đạp, xe máy, ôtô, xe công nghiệp... Công ty Casumina đã làm một cuộc cách mạng thật sự trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ cơ khí, mà thành công lớn là nghiên cứu công nghệ tiên tiến để sản xuất săm lốp xe máy, ôtô, sản phẩm ống cao su kỹ thuật, lốp xe công nghiệp xuất khẩu và găng tay dân dụng. Casumina là đơn vị đầu tiên xuất khẩu được sản phẩm săm lốp xe công nghiệp trong ngành cao su.

Từ năm 1992 đến năm 2002, Casumina đã đưa ra thị trường 75 triệu săm và lốp xe đạp, 51 triệu săm và lốp xe máy, 1 triệu săm và lốp ôtô, hàng năm xuất khẩu 2,5 triệu săm lốp xe công nghiệp, hàng trăm tấn cao su kỹ thuật, găng tay và lốp ôtô ra-đi-an dùng cho xe 4

chỗ với giá trị 5 triệu USD/năm. Năm 2002, doanh thu của công ty đạt gần 600 tỷ đồng, tăng gấp hơn 13 lần so với năm 1992. Hiện nay, Casumina chiếm khoảng 40% thị phần lốp xe máy Việt Nam, thị phần lốp xe đạp cũng tương đương. Không chỉ có vậy, năm 2000, công ty còn sản xuất thành công lốp xe ôtô và vận tải nhẹ, năm 2002 là lốp xe tải nặng.

Với những cố gắng không ngừng, Công ty Casumina đã trở thành đơn vị sản xuất lốp xe đầu tiên được cấp chứng chỉ ISO 9002 vào năm 1999. Tháng 6 năm 2002, công ty nhận chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000 và phấn đấu đạt ISO 14000 trong thời gian tới. Đồng thời, Casumina cũng là 1 trong 10 doanh nghiệp nhiều năm liền được bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao, đạt giải thưởng chất lượng của Nhà nước và nhiều lần đạt huy chương vàng, bạc trong các kỳ hội chợ Việt Nam và quốc tế. Ngoài ra, sản phẩm Casumina còn được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Bản JISK 6366-6367 và JISD 4230.

"Tất cả thành công đã đạt được, tôi nghĩ điều quan trọng nhất là chúng tôi đã xác định hướng đi đúng. Ngay từ đầu chúng tôi chỉ chọn sản xuất sản phẩm cao su và chỉ chú tâm làm mặt hàng này, không tham gia các mặt hàng khác vượt ngoài khả năng. Thứ hai là về mặt công nghệ chúng tôi chỉ nhập thiết bị cần thiết. Hàng năm, chúng tôi bỏ ra gần 2 tỷ đồng cho cán bộ đi tham quan nhà máy của nước ngoài để học thêm về công nghệ sản xuất của họ, từ đó phát huy hết công suất máy móc thiết bị" - Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Giám đốc Công ty Casumina tâm sự.

Môi trường đầu tư cũng là một lợi thế

Trao đổi với chúng tôi, ông Tuấn cho biết thêm: "Sản phẩm Casumina cần nguyên liệu cao su thô rất lớn. Sau một vòng khảo sát ở thành phố Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp ở nhiều tỉnh lân cận, nhưng cuối cùng chúng tôi quay trở lại Bình Dương. Có thể nói, Bình Dương đối với chúng tôi là nơi "địa lợi, nhân hoà"."

Ông Tuấn cũng cho biết, chỉ sau một tuần gửi công văn gửi Uỷ ban nhân dân tỉnh xin giấy phép đầu tư là công ty có thể nhận được văn bản phúc đáp đồng ý chấp thuận nguyện vọng. Đồng thời, Uỷ ban nhân dân tỉnh cũng giao cho các phòng ban giúp công ty thuê 23ha đất mà không đặt ra một yêu cầu hay gây khó khăn gì. Vốn đầu tư rẻ, hạ tầng cơ sở tốt, phù hợp với điều kiện phát triển công nghiệp, lại nằm gần rừng cao su nên việc thu mua nguyên liệu rất thuận lợi.

Hiện nay, Công ty Casumina có những nhà máy lớn nằm ở Đồng Nai, Hóc Môn, một nhà máy gần cầu Bình Triệu. Việc nhà máy mới được xây dựng ở Bình Dương sẽ tạo thành một tứ giác phát triển để từ đó sản phẩm sẽ toả đi khắp nơi trong cả nước. Thực tế cho thấy, lựa chọn đầu tư ở Bình Dương của lãnh đạo công ty là một quyết định đúng đắn, phù hợp với điều kiện phát triển sản xuất và có nhiều lợi thế so với những nơi khác.

Năm 2000, doanh thu của Công ty Casumina 400 tỷ đồng. Mục tiêu đến năm 2005, doanh thu tối thiểu tăng gấp đôi và 3 mặt hàng chính để duy trì tốc độ phát triển là sâm lốp các loại (xe đạp, xe máy, ôtô, xe công nghiệp), cao su kỹ thuật và găng tay. Trong đó, công ty định hướng phát triển mạnh sâm lốp ôtô, xe máy, tuy nhiên do tình hình hạn chế xe gắn máy hiện nay việc sản xuất có phần bị ảnh hưởng. Dù vậy, công ty vẫn giữ vững chất lượng và kỹ thuật của lốp xe gắn máy và xe đạp, cải tiến mẫu mã phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Hiện nay, công ty đang tiếp tục đầu tư thêm một nhà máy mới với vốn đầu tư trong giai đoạn đầu là 85 tỷ đồng cho ra sản phẩm cao su bán thành phẩm. Trong tương lai, công ty sẽ tang sản lượng lốp xe tải nặng đáp ứng được yêu cầu nội địa hoá 100% mặt hàng này trước năm 2006 của Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam, mở rộng sản xuất lốp ôtô tải nhẹ, ôtô du lịch để nâng cao thị phần trong nước, đa dạng hoá các sản phẩm cao su kỹ thuật cho nội địa và xuất khẩu. Với việc đầu tư chiều sâu, và công nghệ, Công ty Casumina đã và đang có những đóng góp to lớn cho sự phát triển ngành công nghiệp cao su Việt Nam.

CASUMINA

Surpassing Internal Difficulties

With its 25-year growth, a rich human resource and good infrastructure, CASUMINA is striving to maintain its position of a leading rubber producer in Vietnam, bringing "Made in Vietnam" products to the world market and establishing a position in the map of the world's rubber producers.

"Open-door policies- once made, all sold"

Rubber industry used to be a strong point Vietnam southern area. Right after the liberation day, the local rubber factories were all taken over by Vietnamese government for maintaining and developing the production. CASUMINA was established on April 19th 1976 on the basis of the private business reformation and private factory nationalisation policies. Like other companies under Vietnam General Chemical Bureau (the present Vietnam Chemical Corporation) specialised in the production of tyres and tubes for bicycles and lambros, spongy mattress and rubber spare parts. Until 1987, the company still produced mainly bicycle tyres and tubes with the output of 2.7 million sets per year (increasing by 50 percent compared to that in 1976), of which 40 percent was for exports. As one of the most successful enterprise under Vietnam Chemical Corporation, CASUMINA was granted with certificate of merits, orders and one of its cadres was entitled Labour Hero.

When entered market economy, CASUMINA faced a great deal of challenges such as the stagnant consumption and narrow markets. In such a situation, the company's leaders set up the target: "quickly organise the consumption network and have the products sold no matter how large the market share is." The company has carried out intensive investment strategy and imported some separate equipment of advanced technology and manufactured some foreign designed equipment according to the local available production lines. After only a short time, types and designs of the products by CASUMINA were soon diversified, but their prices were reasonable to different kinds of customers in all parts of the country. A few products started to be exported to 18 countries and territories such as the USA, France, Germany, Australia and some Asian countries and teritorries such as Japan, Korea and Taiwan.

CASUMINA has started a new historical chapter. No outdated machinery can be found in CASUMINA Company but modern testing equipment to analyse material chemicals for rubber processing, and machines testing such properties of the products as durability, abrasion, and the ageing process of tyres and tubes for bicycles, motorbikes and industrial vehicles. CASUMINA has made a real revolution in technology and engineering, of which the great achievement is the advanced technology research to produce tyres and tubes for automobiles, motorbikes, technical rubber pipes, industrial vehicles, and gloves. It became the first producer of rubber tyres and tubes for industrial vehicles in Vietnam.

From 1992 to 2002, CASUMINA brought to the market 75 million tyres and tubers for bicycles, 51 million for motorbikes and 1 million for automobile, and exported 2.5 million industrial vehicles tyres, hundreds of tonnes of technical rubber, gloves and tyres of automobile and tractors with the annual value of US$5 million. In 2002, the company achieved the revenue of VND600 billion, increasing by 13 times over 1992.

The company successfully produced tyres for automobile and light-duty lorry, and in 2002, that for heavy-duty lorry in 2000 and radian tyres for four-seat cars in 2003. At present, CASUMINA is controlling about 40 percent of the market share for motorbike tyres and the similar volume of bicycle tyres and exporting mainly industrial tyres.

CASUMINA has become the first producer of automobile tyres certified ISO9002 in 1999 and ISO9001: version 2000 in June 2002. It is striving for the certificate of ISO14000. For many years, CASUMINA has been one of the top ten enterprises certified Vietnam high quality products, achieving the state's prize for quality and many golden and silver medals at Vietnam and international fairs. The products by CASUMINA have also been certified Japanese standard of JISK 6366-6367 and JISD 4230.

"The most important thing of the achievements is that we have found the right direction. Since the beginning, we adopted the production of rubber and concentrated on this kind of products only, but not those products beyond our capacity. In terms of technology, we imported only essential equipment. Annually, we invested around VND2 billion in sending our cadres to overseas factories to learn from their production technology, mobilising to the maximum the available equipment." - said Nguyen Ngoc Tuan, the director of CASUMINA.

Investment environment - an advantage

Tuan added: "CASUMINA's products require a great volume of raw rubber. After researching around in Ho Chi Minh and some neighbouring industrial zones, we decided to settle in Binh Duong. Likely to say, Binh Duong means "favourable terrain and united people" to us."

According to Tuan, it took CASUMINA only one week to apply for investment license of CASUMINA. The provincial People's Committee assisted the company in renting 23 hectares land without any requirements or difficulties. Low required investment, good infrastructure and a location near the rubber plantation all facilitate the material collection.

CASUMINA has some big factories in Dong Nai, Hoc Mon and one nearby Binh Trieu Bridge. A new factory in Binh Duong will help make a quadrangle of development from which products by CASUMINA will be brought to all parts of the country. As a matter of fact, investing in Binh Duong is a right decision that the leaders of CASUMINA have made to utilise the advantages and expand its production.

In 2000, the revenue of CASUMINA Company reached VND400 billion. The company is targeting at doubling the revenue in 2005 with three major products including tyres and tubes of different kinds (for bicycles, motorbikes, automobiles and industrial vehicles), technical rubber and gloves. The company intends to intensify the production of tyres and tubes for automobiles and motorbikes. Even though the prevailing policy to restrain the expansion of motorbikes has made some influences on the production of CASUMINA, it maintains the quality and techniques, and keeps improving the designs to always meet the consumer tastes.

CASUMINA is now investing in one more factory to produce finished rubber products with the initial investment of VND85 billion. According to the plan of the Vietnam Chemical Corporation, CASUMINA is increasing the production of heavy-duty lorries to meet 100 percent of the localisation requirement of the products in 2006 and concurrently of tyres of light -loaded lorry, tourism cars for higher domestic market share, diversifying technical rubber products for not only the local market but also exports. With its intensive investment in technology, CASUMINA Company has been making great contributions to the development of Vietnam rubber industry.

Chương II: PHÁT HUY NGOẠI LỰC

Bảo vệ thành công vị trí quán quân về đầu tư nước ngoài trong ba năm liên tiếp

Trong thời gian gần đây, "danh hiệu địa phương hàng đầu" về thu hút vốn đầu tư nước ngoài liên tục thay đổi. Mới đầu là thành phố Hồ Chí Minh, vài năm sau vị trí ấy thuộc về Đồng Nai, nhưng địa phương này cũng không giữ được lâu trước sự trỗi dậy quá nhanh của Bình Dương. Thành tích này đã đưa Bình Dương trở thành điển hình thành công về thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam.

Ngày nay, khi nhắc đến khu vực kinh tế phía Nam Việt Nam, người ta thường nhắc đến "tứ giác phát triển", trong đó Bình Dương đã trở thành một cực tăng trưởng không thể thiếu. Đầu tư nước ngoài tại Bình Dương, tuy quy mô nhỏ, nhưng đứng đầu cả nước về tính hiệu quả, phân bố hợp lý, tăng trưởng đều, bất chấp những biến cố kinh tế lớn của khu vực và thế giới.

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Bình Dương được đẩy mạnh và tăng đột biến chủ yếu trong giai đoạn 1996 - 2000. Còn giai đoạn 1995 trở về trước, sức hút của Bình Dương (lúc đó thuộc tỉnh Sông Bé cũ) không đáng kể, chỉ ngang mức các tỉnh ở miền Tây Nam Bộ như Long An, Kiên Giang và kém xa các "đại gia" như Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, càng không thể so được với các "đầu tàu" lớn như thành phố Hồ Chí Minh hay Hà Nội. Vậy mà từ năm 1995 trở lại đây, Bình Dương bừng bừng trỗi dậy. Với chủ trương "trải chiếu hoa" mời gọi đầu tư, Bình Dương tập trung mọi lực lượng xây dựng và phát triển các khu công nghiệp. Chỉ trong ba năm 1995 - 1997, trên vùng đất nông nghiệp này đã mọc lên 7 khu công nghiệp. Đồng thời, tỉnh cũng quan tâm chỉ đạo công tác cải cách thủ tục hành chính, chu đáo nhiệt tình khi đón tiếp các nhà đầu tư đến với Bình Dương để biến họ từ vị trí thượng khách trở thành những đối tác làm ăn tại đây.

Từ "chú bé con" trở thành "chàng khổng lồ"

Kết quả mà chính quyền địa phương mong đợi quả thực hơn cả dự kiến. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Bình Dương đã có mức tăng trưởng đột biến, từ 382 triệu USD giai đoạn 1991 - 1995

Bình Dương - Địa phương có tốc độ thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước

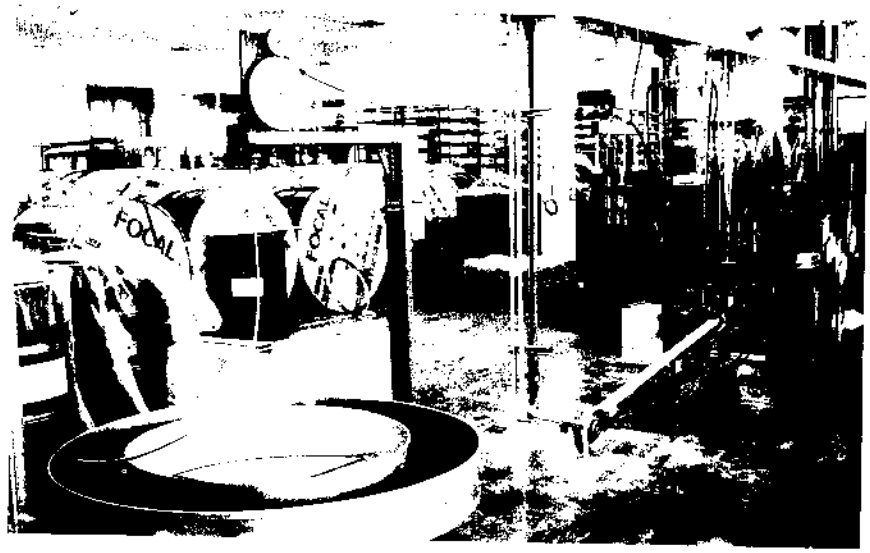

(chiếm 2,4% tổng vốn FDI cả nước) lên 1,6 tỷ USD trong giai đoạn 1996 - 2000 (chiếm 7,9% tổng vốn FDI cả nước). Thành tích này đưa Bình Dương trở thành địa phương duy nhất có mức tăng trưởng FDI gấp 4 lần chỉ trong vòng 5 năm. Riêng năm 2000, trong khi các địa phương khác còn gặp khó khăn về thu hút FDI do tác động của khủng hoảng tài chính khu vực, Bình Dương vẫn vươn lên dẫn đầu cả nước về thu hút FDI. Phát huy thành tích này, từ năm 2001 đến nay, Bình Dương vẫn giữ được nhịp độ thu hút đầu tư và tiếp tục là một trong năm địa phương đứng đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài.

Uỷ ban nhân dân tỉnh cho biết: "Tính đến tháng 10-2002, Bình Dương có 588 dự án FDI còn hiệu lực với số vốn đầu tư hơn 2,9 tỷ USD. Trong đó, các khu công nghiệp thu hút 274 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 1,3 tỷ USD, 313 dự án nằm ngoài khu công nghiệp có tổng vốn đầu tư 1,6 tỷ USD.

Xét về cơ cấu ngành, đầu tư nước ngoài ở Bình Dương phân bố hợp lý và hiệu quả. Hầu hết các dự án này đều nhằm vào lĩnh vực công nghiệp (bao gồm cả xây dựng) với khoảng 95% vốn đầu tư. Trong đó, ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến chiếm 70,5%, phần lớn sản xuất các mặt hàng hướng ra xuất khẩu. Ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 2,72% và dịch vụ là 2,26% tổng vốn (Trong khi đó, tỷ lệ chung cả nước đến năm 2000 như sau: công nghiệp và xây dựng 53,9%, công nghiệp nhẹ và chế biến chỉ chiếm 23,1%, nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 3,28%, dịch vụ 42,2%)

Xét về quy mô, các dự án đầu tư tại Bình Dương chủ yếu thuộc loại vừa và nhỏ với mức vốn trung bình khoảng 5,1 triệu USD/dự án (tỷ lệ chung cả nước là 20,7 triệu USD/dự án). Quy mô dự án tại các khu công nghiệp Bình Dương là 3,78 triệu USD/dự án (khu công nghiệp cả nước là 10 triệu USD/dự án, Đồng Nai là 15,9 triệu USD/dự án). Theo đánh giá của ông Lê Việt Dũng - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương, quy mô như vậy là phù hợp và có hiệu quả trong giai đoạn ban đầu.

Xét về hình thức đầu tư, đa phần là 100% vốn nước ngoài, chiếm 70%. Dự án liên doanh chiếm 30% tổng vốn đầu tư (tỷ lệ chung cả nước là 59%). Về đối tác nước ngoài, các đầu tư vào Bình Dương chủ yếu đến từ các nước châu Á, chiếm khoảng 70% (bằng với tỷ lệ chung của cả nước), trong đó dẫn đầu là Đài Loan (27%), Hồng Kông (13%), Nhật Bản (11%), tiếp đó là các nước Tây Âu, Mỹ...

Quy mô nhỏ nhưng hiệu quả cao

Qua đợt khảo sát các dự án FDI tại phía Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện vào tháng 3-2002 cho thấy, Bình Dương là địa phương có tỷ lệ dự án triển khai thành công cao nhất. Trong đó, dự án loại 1 (hoạt động tốt) chiếm 61%, loại 2 (đang triển khai) chiếm 33%, tỷ lệ dự án chưa triển khai hoặc cần rút giấy phép chỉ chiếm 6%. Trong khi đó, tỷ lệ này ở thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai lên đến 29%, còn Bà Rịa - Vũng Tàu cũng ở mức 15%.

Các doanh nghiệp FDI góp phần nâng cao năng lực sản xuất cho ngành công nghiệp Bình Dương. Thành phần kinh tế FDI không những chiếm tỷ trọng cao mà còn có xu hướng tăng lên đáng kể trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Trong đó, tỷ trọng giá trị sản xuất tăng từ 43,91% (năm 1997) lên 55,93% (năm 2001). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI còn góp phần nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế Bình Dương với việc du nhập nhiều công nghệ mới như lắp ráp, sản xuất xe ôtô, sản xuất tổng đài kỹ thuật số, sản xuất cáp quang, dây chuyền tự động lắp ráp hàng điện tử. Phần lớn trang thiết bị này có trình độ bằng hoặc cao hơn trình độ thiết bị tiên tiến đã có trong nước, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm mới chất lượng đạt chuẩn quốc gia và quốc tế.

Mở rộng cửa để tìm kiếm đối tác mới

Ông Trần Văn Lợi, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương cho biết, ngoài nguồn vốn ngân sách, trong thời gian tới, Bình Dương cần thêm một lượng vốn đầu tư lớn cho kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, xử lý môi trường và các công trình phúc lợi xã hội khác. Đây cũng là những lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư mạnh mẽ hơn nữa.

Danh sách những lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư nước ngoài đã dài thêm, đặc biệt là các ngành sản xuất, chế biến có tỷ lệ xuất khẩu từ 80% sản phẩm trở lên; chế biến nông sản, lâm sản (trừ gỗ), chế biến thuỷ sản từ nguồn nguyên liệu trong nước với tỷ lệ xuất khẩu từ 50% sản phẩm trở lên và sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh...

Trong giai đoạn 2003 - 2010, tỉnh Bình Dương sẽ tập trung mời gọi các nhà đầu tư vào một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ theo quy hoạch. Cụ thể, đối với các vùng công nghiệp tập trung, đặc biệt là khu vực phía Nam, tỉnh sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành sản xuất sử dụng công nghệ kỹ thuật cao, thiết bị hiện đại như cơ khí chế tạo máy, điện, điện tử, công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, Bình Dương cũng sẽ ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu; có chính sách hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh trên các vùng phía bắc của tỉnh. Bình Dương cũng khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm dệt, da giầy, may mặc,... góp phần tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp và giá trị xuất khẩu, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của người lao động.

Với những gì mà Bình Dương đang làm, kết quả thu hút vốn FDI tại địa phương sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức cao. Có lẽ, vị trí số một về thu hút vốn đầu tư sẽ được Bình Dương tiếp tục duy trì trong vài năm nữa, trừ khi nổi lên một "Bình Dương" thứ hai có khả năng trỗi dậy nhanh đến vậy.

Chapter II: EXTERNAL FORCE EXPLOITATION

Successfully Maintain the Championship in Foreign Investment in Three Consecutive Years

Recently, "the title: leading province" in foreign investment attraction has been continuously changed. First, it belonged to Ho Chi Minh City, then Dong Nai but this province cannot keep this title for a long time due the rapid growth of Binh Duong. This achievement has made Binh Duong become a successful example in attracting foreign investment in Vietnam.

Nowadays, when talking about the economic zones in the south of Vietnam, people often mention the "development quadrangle", in which Binh Duong has become one of the indispensable development corners. Though foreign investment in Binh Duong is in small scale but it is leading in Vietnam in its efficiency, suitable distribution and steady growth even in case of big changes occurred in the regional as well as the world's economy.

According to economic experts, foreign investment attraction in Binh Duong has dramatically increased and been pushed up mainly in 1996 - 2000. In period before 1995, the investment attraction in Binh Duong (former Song Be province) was not significant, equal to southwestern provinces: Long An and Kien Giang, much lower than "brother provinces" such as Dong Nai, Ba Ria - Vung Tau and incomparable to such "leading cities" as Ho Chi Minh city or Hanoi. However, Binh Duong has burst out into development since 1995. With the strategy of "rolling out red carpet" to call for investment, Binh Duong has concentrated on the construction and development of industrial zones. Within only

three years from 1995 to 1997, seven industrial zones were established in the agricultural land. Concurrently, the province also paid special attention to the improvement of administration procedures and welcome investors with enthusiasm to change them from distinguished guests to business partners.

From "a child" to " a giant"

The result achieved is far over expectation of the local authorities. Direct foreign investment in Binh Duong has jumped incredibly from US$ 382 million in 1991 - 1995 (2.4 percent of total FDI in Vietnam) to US$ 1.6 billion in period of 1996 - 2000 (7.9 percent in total FDI). This outcome makes Binh Duong to be the only one that gets 4-time increase of FDI growth within 5 years. In 2000 alone, while other provinces were facing with difficulties in getting FDI due to the regional financial crisis, Binh Duong still maintains its first position in FDI attraction. Binh Duong has been able to maintain its foreign investment pace and continues to be one of the fives leading provinces in FDI attraction since 2001.

According the Provincial People's Committee: " By October 2002, there have been 588 active FDI projects with total investment capital of more than US$ 2.9 billion. In which, 274 projects with total capital of US$ 1.3 billion are in the industrial zones, 313 projects with total capital of US$ 1.6 billion are outside the industrial zones.

In terms of sector structure, foreign investment in Binh Duong is appropriately and effectively distributed. Most of these projects involve in industrial sector (including construction) with around 95 percent of investment capital. Of which, light industry and processing industry mainly involve in producing goods for export accounting for - 70.5 percent. Agriculture, forestry and fishery sectors occupy 2.72 percent and service sector accounts for 2.26 percent in the total capital. (While, the general national ratio up to 2000 is as follows: industry and construction: 53.9 percent; light and processing industry: 23.1 percent; agriculture, forestry and fishery: 3.28 percent and service: 42.2 percent.

Regarding the scale, most of foreign investment projects in Binh Duong are small and medium with average investment capital of about US$5.1 million/ project (in other industrial zone: US$10 million/ project, in Dong Nai: US$15.9 million/ project). In the initial period this scale is suitable and effective - commented by Le Viet Dung - Vice-Director of Binh Duong's Department of Planning and Investment.

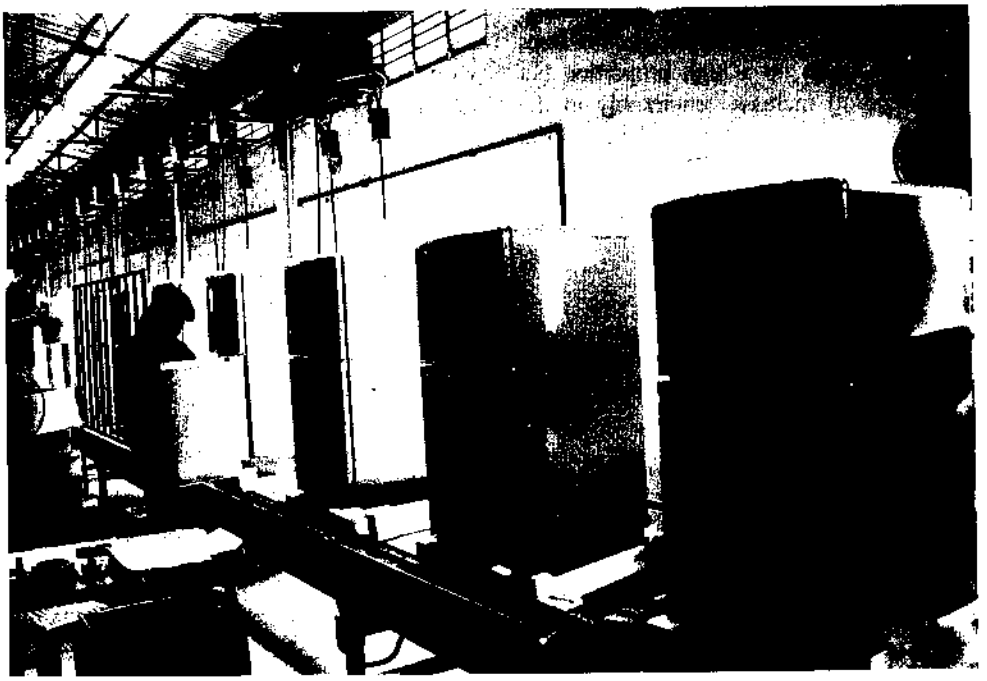

Foreign invested projects in Binh Duong is small-scale but high economic efficiency

Regarding forms of investment, 70 percent of total investment capital are from 100 percent foreign-invested projects. The remaining are Joint venture projects (national proportion is 59 percent). With reference to foreign partners, investment in Binh Duong mostly comes from Asian countries with the ratio of 70 percent (the same as national ratio), of which Taiwan is the leader 27 percent), then Hong Kong (13 percent), Japan (11 percent) following with Western European countries and USA.

Small scale but high effectiveness

The results from the investigation of FDI projects in the South carried out by the Ministry of Planning and Investment in March 2002 indicate that Binh Duong is a province with highest rate of successful project. Project type 1 (good operation) accounts for 61 percent, type 2 (ongoing) takes up 33 percent and projects that have not been conducted or need to withdraw license accounts for only 6 percent. Meanwhile, this ratio reaches 29 percent in Ho Chi Minh city, Dong Nai and 15 percent in Ba Ria - Vung Tau.

FDI enterprises help enhance production capacity for Binh Duong Industry. Furthermore, FDI economic sectors does not only make up a high proportion but also tend to increase remarkably in the total industrial production of the province. In which, production value rose from 43.91 percent (in 1997) to 55.93 percent (in 2001). In addition, the enterprises also help improve technology standard for Binh Duong economy through the coming of new technologies such as car assembling and manufacturing, digital switchboard, cable making, electronic goods automatic assembly lines. A majority of these equipment have standards that are equal or higher than the existing advanced ones, that helps develop new products with national and international quality standard.

Open the door for new partners

According to Tran Van Loi - Vice Chairman of the Binh Duong People's Committee, apart from budget capital, in the coming time Binh Duong needs a huge amount of investment capital for infrastructure, industrial development, environment treatment and other social - benefit works. More investment in these sectors should be encouraged.

List of sectors that are encouraging foreign investment is longer, particularly in the production and processing sector with 80 percent of exporting product; agriculture and forest products processing (except wood), fishery processing using available raw material with at least 50 percent of exporting products and antibiotic raw material processing.

In 2003 - 2010, according to plan, Binh Duong will also focus on calling for investors in several industrial and servicing sectors. In particular, for intensive industrial zone, especially in the south, the province will encourage enterprises to invest in expanding the production sectors using high technique technologies and modern equipment such as machinery manufacturing, electric, electronic and informatics. Additionally, Binh Duong will also give priority to the development of agriculture and foodstuff processing linked with raw material sources and issue policies to support different economic sectors to invest in production and business expansion in the province's northern areas. Investment in production of textile, leather and garment products will also be encouraged to help raise quickly the ratio of industrial sector and exporting value and at the same time to provide jobs for and enhance living standard of laborers.

With what is being done by Binh Duong, results from FDI attraction will continue to reach high growth rate. Binh Duong will maintain the title of number one in foreign investment attraction in the next several years, unless there is another "Binh Duong" that burst into such rapid development.

Biết cách làm bạn với thế giới

Không có nhiều danh lam thắng cảnh mộng mơ như Đà Lạt, cũng không có cát vàng, bãi biển đẹp của Vũng Tàu, Phan Thiết, Nha Trang hay khách sạn lắm sao như thành phố Hồ Chí Minh, nhưng Bình Dương vẫn được nhiều nhà đầu tư chọn là nơi kinh doanh lâu dài.

So với thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai hay Bà Rịa - Vũng Tàu, thuở ban đầu, Bình Dương không có nhiều thuận lợi trong thu hút các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước. Bởi Bình Dương xuất phát điểm là một tỉnh nông nghiệp, kết cấu hạ tầng yếu kém. Tuy vậy, giờ đây, Bình Dương đã trở thành một đối thủ cạnh tranh "nặng ký" trong việc thu hút đầu tư nước ngoài so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, thậm chí là với cả thành phố Hồ Chí Minh. Thành quả ấy phản ánh thực tế là, Bình Dương đã biết cách mời gọi, đón tiếp và giữ chân những "người bạn mới" bằng những hành động đem lại lợi ích thực sự.

Vừa lòng các nhà đầu tư ngay khi vừa đặt chân đến

Một nhà đầu tư "chân ướt chân ráo" đến với Bình Dương cần gì? Phải chăng đó là tìm được đúng địa chỉ để hỏi và nếu cần, có thể làm thủ tục cho một dự án. Ông Lê Việt Dũng - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có một lời chỉ dẫn chung: "Đến với Bình Dương, các nhà đầu tư nước ngoài chỉ phải đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp của tỉnh nếu đầu tư ở các khu công nghiệp".

Cơ chế "một cửa - một đầu" xem ra rất hiệu quả kể từ khi tỉnh có chủ trương kêu gọi đầu tư từ năm 1997. Ở đó, các thủ tục cần thiết để hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư được bộ phận phụ trách có liên quan đảm bảo cho nhà đầu tư có giấy phép. Nếu trường hợp có vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết của tỉnh, các quan chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư có thể cùng nhà đầu tư gặp các bộ chủ quản để giải quyết. Nhiều người còn nhớ khi tiếp nhận dự án nuôi bò và chế biến sữa, tỉnh Bình Dương phải cử người ra Trung ương xin ý kiến. Bây giờ, bằng những hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, doanh nghiệp sữa Bình Dương hoạt động đạt hiệu quả cao và có sức cạnh tranh tốt.

Đến với Bình Dương, các nhà đầu tư sẽ tiết kiệm được tối đa quỹ thời gian eo hẹp của mình trong quá trình làm thủ tục

Với cơ chế "một cửa - một đầu", Bình Dương đã trở thành địa chỉ hấp dẫn các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước

đầu tư. Cụ thể, thời gian cấp giấy phép cho dự án đầu tư nước ngoài, trong và ngoài khu công nghiệp, là 3 ngày nếu không cần thoả thuận, 15 ngày nếu cần có thoả thuận với Bộ, ngành Trung ương. Về thủ tục hải quan, tỉnh đã lập các trạm thông quan ở ba khu công nghiệp chính để giải quyết thủ tục xuất nhập khẩu, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tìm hiểu, khảo sát thị trường, xúc tiến đầu tư (xem thêm phần phụ lục)

Bên cạnh đó, Bình Dương còn thực hiện phương châm "một dự án được cấp giấy phép hoạt động sẽ trở thành một tuyên truyền viên tốt kêu gọi các nhà đầu tư khác đến Bình Dương" hay nói theo cách nôm na là "tiếng lành đồn xa". Vì thế, đã nhiều năm nay, tỉnh Bình Dương hết sức coi trọng việc cải cách các thể chế, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư không mất nhiều thời gian khi đến đây.

Không chỉ với các nhà đầu tư đang xin cấp phép mà sự quan tâm của tỉnh còn dành cho cả các dự án đã đi vào sản xuất. Đã thành lệ từ nhiều năm nay, hàng tuần, lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh đều có chương trình đến thăm và làm việc tại một số doanh nghiệp nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp, giúp họ an tâm sản xuất - kinh doanh. Ngoài ra, tỉnh còn gặp gỡ với các doanh nghiệp hàng quý và vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, tỉnh tổ chức "Ngày doanh nghiệp" để lãnh đạo tỉnh gặp mặt tất cả các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Thông qua các cuộc đến thăm, gặp gỡ như vậy, các đồng chí lãnh đạo tỉnh có thể lắng nghe và giải quyết kịp thời những kiến nghị, vướng mắc của các nhà đầu tư. Qua đó, tỉnh có thể kiến nghị với Chính phủ chỉnh sửa các cơ chế, chính sách chưa thật hợp lý, nhằm đẩy nhanh tiến trình thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Ông Lý Hùng, Phó trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, khi đánh giá về chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Bình Dương đã nói: "Sự quan tâm của chính quyền đối với nhà đầu tư như ở Bình Dương là rất quan trọng, nó tạo nên tâm lý an tâm để nhà đầu tư gắn bó lâu dài với mảnh đất mới mà họ đã chọn."

Còn ông Hồ Minh Phương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, tự hào giới thiệu: "Tại Bình Dương, mọi cánh cửa đều rộng mở. Các doanh nghiệp muốn gặp trực tiếp cán bộ của Uỷ ban nhân dân tỉnh không có khó khăn gì. Nhưng tôi biết, với một số nơi thì đó là trường hợp hãn hữu. Tại Bình Dương, hầu hết các lễ khai trương, động thổ các công trình lớn nhỏ, người ta có thể dễ dàng nhận thấy sự có mặt của các cấp lãnh đạo tỉnh Bình Dương. Và họ cũng nhìn thấy sự thân thuộc giữa các doanh nhân và giới chức tỉnh này trong mối quan hệ chân thành để cùng làm giàu cho Bình Dương".

Đón tiếp các nhà đầu tư ân cần, chu đáo, làm việc vô tư, bảo đảm thời gian nhanh nhất, thuận lợi nhất đã khiến các nhà đầu tư trở thành kênh tiếp thị hữu hiệu cho Bình Dương. "Hữu xạ tự nhiên hương", chiến lược "trải chiếu hoa" đón nhà đầu tư của tỉnh Bình Dương vì thế mà ngày càng đơm hoa kết trái.

Linh hoạt đầu tư xây dựng hạ tầng

Đã có nhiều địa phương đến Bình Dương học tập về kinh nghiệm thu hút đầu tư, họ đặc biệt chú ý đến tính linh hoạt của lãnh đạo tỉnh trong xây dựng kết cấu hạ tầng. Thực tế cho thấy, trong khi không ít nơi phải đi vay mượn, chịu lãi ngân hàng để xây dựng hạ tầng, thì Bình Dương đã tìm cho mình con đường riêng: không dùng tiền ngân sách, hoặc vay ngân hàng để làm kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp. Vậy vốn đầu tư cho hạ tầng lấy từ đâu? Ông Lê Việt Dũng cho biết: "Việc huy động vốn được giao cho chủ đầu tư quyết định. Họ tự vận động các nhà đầu tư, các doanh nghiệp chuẩn bị đầu tư vào khu công nghiệp bỏ vốn tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp của mình và làm theo hình thức cuốn chiếu". Cách làm như vậy đã mang lại hiệu quả cao trong khi tỉnh không phải lo chạy vốn, lo trả nợ vốn và lãi cho ngân hàng, lo xây dựng kết cấu hạ tầng rồi ngồi chờ các doanh nghiệp đến đầu tư. Quan trọng hơn cách làm này đã đẩy nhanh tốc độ đầu tư, xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp.

Bên cạnh đó, Bình Dương còn làm tốt công tác đầu tư cho kết cấu hạ tầng như điện, nước, đường sá. Đồng thời, để rút ngắn khoảng cách đi lại giữa Bình Dương với thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm kinh tế và giao dịch vào loại lớn nhất cả nước, Bình Dương đã được Chính phủ cho phép mở rộng và nâng cấp Quốc lộ 13, đoạn chạy qua thị xã Thủ Dầu Một. Tỉnh còn khai thác ưu thế có nhiều tuyến lưới điện quốc gia đi xuyên qua để quy hoạch xây dựng các trạm nguồn và hình thành các nhà máy nhiệt điện cung cấp khoảng 150 - 200 MVA cho sản xuất ở các khu công nghiệp. Với sự linh hoạt, sáng tạo trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, Bình Dương đã đảm bảo việc nâng cấp và xây dựng hệ thống hạ tầng đến tận hàng rào các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến đây kinh doanh.

Từ "hiện tượng" Bình Dương cho thấy, trong thu hút đầu tư nước ngoài, vị trí địa lý, giá thuê đất, kết cấu hạ tầng là yếu tố quyết định, song sự hiểu biết giữa "chủ nhà" và các nhà đầu tư cũng không kém phần quan trọng. Thân thiện trong hợp tác, cởi mở trong quan hệ và thắt chặt những ràng buộc về lợi ích và trách nhiệm đã làm nên cầu nối để bạn bè thế giới đến với Bình Dương.

Boosting Friendship with the World

Unlike Dalat with many romantic sightseeings, having neither golden sand bank, beautiful beach like Vung Tau, Phan Thiet and Nha Trang nor many-star hotels like Ho Chi Minh, Binh Duong is still selected by many investors as a land for long-term business.

In comparison with Ho Chi Minh, Dong Nai or Ba Ria - Vung Tau city, Binh Duong did not have many advantages in attracting local as well as foreign investors at the beginning. Although starting from an agricultural province with very poor infrastructure, Binh Duong now has become one of the 'heavy' competitors in attracting foreign investor against southeast provinces, even Ho Chi Minh city. This achievement indicates Binh Duong has already known how to invite, welcome and keep "new friends" through activities resulting in real benefits.

Making investors please as soon as they arrive

What will an investor need when arriving in Binh Duong? Perhaps, it is a good address to ask for or to complete procedures for a project. The Vice-Director of Department of Planning and Investment - Le Viet Dung said: "When coming to Binh Duong, the foreign investors will have only to go to the Department of Planning and Investment or the Management Unit of Industrial Zones of the province if they want to invest in the Industrial Zones".

The policy of "one door - one stamp" seems very efficient since the province planned to call for investment in 1997. In this system, necessary procedures to finalize documents for investment license are ensured by related departments. If there are any difficulties out of the province's jurisdiction, leaders of the Department of Planning and Investment may go together with the investors to the relevant Ministries to solve the problem. Before, Binh Duong had to send somebody to the Central Government to ask for approval, when receiving projects on cow raising and milk processing. At present, with the great supports of local authorities, Binh Duong Milk Enterprise of high competitiveness has been running smoothly.

Coming to Binh Duong, the investors can save their valuable time spending on investment procedures. Specifically, it takes 3 days to obtain the license for foreign investment projects in and outside the Industrial Zones without agreement and 15 days if an approval of the related Ministries and Departments is required. Regarding custom procedures, custom service offices at three main Industrial Zones have been formulated to deal with the export and import procedures, to help investors explore and investigate markets and to stimulate investment (see the appendix for reference).

In addition, Binh Duong also follows the motto: "a project that is given license as a good propagandist to call for other investors to Binh Duong" or say in simple way "good rumor will go very far". Hence, for many years, Binh Duong has paid great attention to improve the institutions and create favorable conditions for investors to save time when coming here.

The province also shows concerns to investors who are applying for license but projects that have been already in operation. For many years, a working visit to enterprises has always been included in the weekly schedule of the Provincial People's Committee to solve the enterprise's problems promptly to help them feel ensured with their production and business performances. Furthermore, a meeting between the province and enterprises is organized every quarter. Every year an enterprise day is held on 31 December for the province's leaders to meet all enterprises in the province. Due to such visits and meetings, the leaders have opportunities to listen to and actively deal with recommendations and problems of investors. Then they will propose to the Government for adjusting mechanisms, policies that are unsuitable to speed up the foreign investment attraction process.

When reviewing Binh Duong's foreign investment policies, Ly Hung- Vice-chief of Vietnam - Singapore Industrial Zone Management Unit said: "It is also very important to have attention of local authorities toward investors like in Binh Duong because it makes the investors feel ensured to invest in long-term operation in the new land".

And the Chairman of Provincial People's Committee - Ho Minh Phuong proudly introduced: "In Binh Duong, every doors are open, enterprises can easily have a direct meeting with officers of the Provincial People's Committee which as far as I know is unusual in other

provinces. In almost opening and groundbreaking ceremonies of either big or small constructions, Binh Duong's leaders often attend which has found a close relation between entrepreneurs and the provincial leaders in making a more prosperous Binh Duong".

The attitudes of welcoming investors carefully and thoughtfully, working impartially and ensuring to complete the work at soonest and most convenient has turned investors into an effective marketing channel for Binh Duong. "Good wine needs no bush", hence, the province's strategy of "rolling out red carpet" to receive investors is becoming more fruitful.

Flexibility in infrastructure construction investment

Many provinces have visited Binh Duong to learn experience on investment attraction. They paid special attention to the flexibility of the province's leaders in infrastructure construction. In fact, many provinces have to borrow from bank with interest for infrastructures while Binh Duong finds its own way. Where does the investment capital for infrastructure come from? "Capital mobilization is decided by the investor. They have to, by themselves, motivate investors and enterprises who wish to invest in the Industrial Zones to contribute to the infrastructure construction of their Industrial Zones and follow the "mat rolling method" said Le Viet Dung which brings high efficiency while the province will not have to think about how to get loan, pay back capital and interest for the bank or constructing infrastructures then waiting for investors. More importantly, this method has sped up investment in and construction of infrastructure in the Industrial Zones.

In addition, investment in the infrastructure such as electricity, water, road has been implemented well in Binh Duong. Concurrently, in order to shorten the distance between Binh Duong and Ho Chi Minh city - a biggest economic and commercial center in Vietnam, the Government has approved for Binh Duong to extend and upgrade Highway No. 13, the section passing Thu Dau Mot town. The advantage of having many national electricity networks has been utilized to plan and build main station and to establish thermo-electricity factories supplying from 150 to 200 MVA to the production in the Industrial Zones. With the flexibility and creativeness in infrastructure construction investment, infrastructure system has been upgraded and constructed up to fence of the Industrial Zones to give favourable conditions for investors in business performance.

The "phenomenon" of Binh Duong illustrates that geographical location, land-leasing price, infrastructure are key factors in attracting foreign investment but the mutual understanding between "host" and investors is also very important. Being friendly in cooperation and open in relations and making a closely tie between benefit and responsibilities has created a bridge for friends from all over the world to come to Binh Duong.

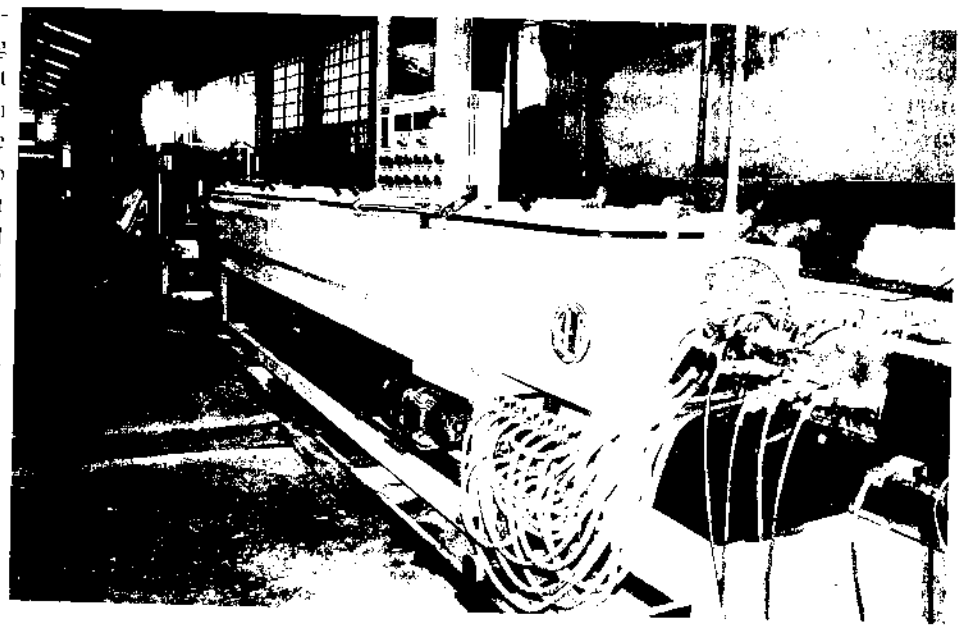

Vinh Khanh Co. Ltd. One of the most effective investor in Binh Duong

Dự án hạ tầng B.O.T đầu tiên về cấp nước

Dự án hạ tầng B.O.T đầu tiên về cấp nước đã được trao cho Công ty cấp nước Bình An. Trong chuyến thăm Việt Nam năm 1992 của Thủ tướng Malaysia, ngài Datuk Seri Dr. Mahathir Mohamed, Biên bản ghi nhớ của Dự án cấp nước Bình An đã được ký với Công ty Cấp nước thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12-8-1994, Hợp đồng B.O.T được ký giữa hai bên Malaysia gồm Emas Utilities Corporation Sdn Bhd (EUC), Sadec Malaysian Consortium Sdn Bhd (Sadec) và ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

EUC và Sadec đã thành lập Công ty cấp nước Bình An - công ty B.O.T 100% vốn nước ngoài (của Malaysia) - để thực hiện dự án và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã bổ nhiệm Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh làm đơn vị thực hiện dự án này.

Xây dựng và triển khai dự án

Ngày 15-3-1995, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã cấp giấy phép đầu tư cho Công ty cấp nước Bình An theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Giấy phép này công nhận các quyền và một số ưu đãi cho nhà đầu tư (không kể các quyền lợi được hưởng như các dự án khác) bao gồm: chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để trả nợ và cổ tức cho các nhà đầu tư; thuế suất lợi nhuận 10%, trong đó miễn thuế (thuế suất 0%) trong bốn năm đầu kể từ năm kinh doanh có lãi và thuế suất 5% cho những năm kế tiếp; được miễn thuế sử dụng đất. Ngày 5-1-1998, giấy phép này đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt sửa đổi để tăng vốn đầu tư từ 30 triệu USD lên 35,8 triệu USD.

Dự án này yêu cầu một nguồn vốn là 35,8 triệu USD, trong đó 30% (tương đương 10,8 triệu USD) do các nhà đầu tư đóng góp và 70% còn lại (tương đương 25 triệu USD) lấy từ vốn vay. Tuy nhiên, trong thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á, nguồn vốn vay hầu như không thể thực hiện được do các ngân hàng chỉ muốn giảm hay thậm chí rút hết các cam kết cho vay trong khu vực. Do vậy, Công ty cấp nước Bình An không còn cách nào khác ngoài việc lấy nguồn vốn theo yêu cầu từ các cổ đông. EUC đã hỗ trợ một khoản tài chính quan trọng là 25 triệu USD được xem như khoản tạm ứng để đảm bảo hoàn thành việc xây dựng dự án đúng thời gian.

Việc xây dựng dự án được bắt đầu từ tháng 12-1996 sau khi bị đình trệ 14 tháng do gặp phải một số vấn đề thu nhận đất. Trong thời gian xây dựng, dự án lại bị đình trệ thêm 6 tháng do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính tại Châu Á. Sau một thời gian gián đoạn, công tác xây dựng đã hoàn tất. Ngày 23-7-1999, nhà máy được đưa vào vận hành với máy móc thiết bị nhập khẩu, trong đó công trình xây dựng và kết cấu do các công ty Việt Nam đảm nhận. Đến ngày 1-8-1999, Công ty cấp nước Bình An bắt đầu đi vào sản xuất thương mại.

Tháng 7-2000, thời điểm ghi dấu một năm sản xuất thương mại, Công ty cấp nước Bình An đã có được khoản vay hợp vốn 20 triệu USD từ một số ngân hàng. Đây là trường hợp đầu tiên tại Việt Nam, một dự án đầu tư có cả ngân hàng trong nước và nước ngoài tham gia.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước tự động

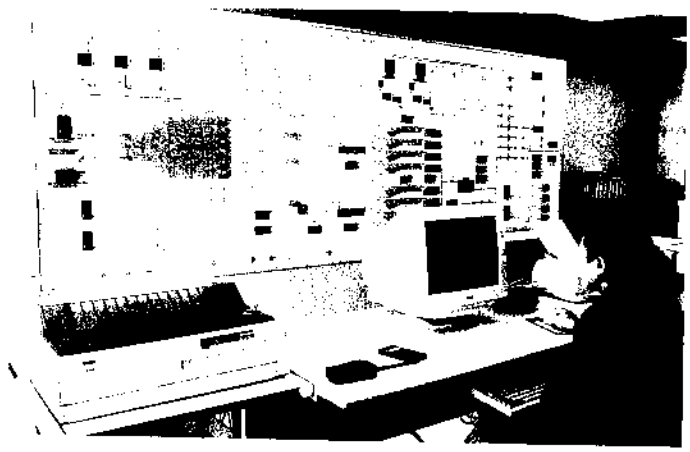

Đảm bảo công suất, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội

Dự án được thực hiện theo hình thức B.O.T với thời hạn hoạt động 20 năm gồm các hạng mục chính: nhà máy thu nước có trạm bơm nước thô công suất 115 nghìn m^3/ngày ở bờ tây sông Đồng Nai, tuyến ống chuyển tải nước thô dài 3,2 km đường kính 1.200 mm, nhà máy xử lý nước công suất 100 nghìn m^3/ngày tại đồi Bình An và tuyến ống chuyển tải nước sạch dài 6 km đường kính 1.000 mm từ nhà máy xử lý đến bể chứa nước sạch của Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh tại Thủ Đức. Các hạng mục này, kể cả van phòng công ty, đều đạt tại tỉnh Bình Dương.

Kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty cấp nước Bình An đã thành công trong việc cung cấp nước lọc cho Công ty cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh với trung bình 100 nghìn m^3 nước mỗi ngày. Công ty cũng đã đáp ứng được yêu cầu cấp thêm nước cho Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh với khoảng 20 nghìn m^3/ngày trong thời gian thiếu nước nghiêm trọng từ tháng 5-2001 đến tháng 4-2002. Chất lượng nước cấp cho Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh luôn tuân thủ theo các qui định nghiêm ngặt của Bộ Y tế Việt Nam.

Ngoài việc đảm bảo công suất và chất lượng nước cung cấp, Công ty cấp nước Bình An còn là đơn vị có trách nhiệm tại Việt Nam. Công ty đã triển khai thực hiện rất nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng và phát triển xã hội như quyên góp cho đồng bào bị lũ lụt và Quỹ giải phẫu nụ cười, xây dựng sân bóng rổ cho một trường học, cải tạo trường mẫu giáo địa phương, tham gia cuộc chạy từ thiện Terry Fox Run gây quỹ nghiên cứu bệnh ung thư, cấp học bổng cho các học sinh nghèo học giỏi, giúp các hộ nghèo tại địa phương. Bằng những hành động thiết thực, Công ty cấp nước Bình An đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương.

The First Build - Operate - Transfer (BOT) Infrastructure Project in Water Supply

The first BOT infrastructure project in water supply was entrusted to Binh An Water Corporation Limited (BAWC). During the visit of the Malaysian Prime Minister, Datuk Seri Dr. Mahathir Mohamed, to Vietnam in 1992, the Memorandum of Understanding (MOU) for the Binh An Water Supply Project was signed with the Water Supply Company (WSC) of Ho Chi Minh City. On 12th August 1994, the BOT Contract was entered into between the Malaysian parties, Emas Utilities Corporation Sdn Bhd (EUC) and Sadec Malaysian Consortium Sdn Bhd (Sadec), and People's Committee of Ho Chi Minh (HCMC PC).

EUC and Sadec established BAWC as a 100% foreign (Malaysia) owned BOT company to carry out the project and the HCMC PC appointed WSC as the implementing agent for its execution.

Project Establishment and Description

The State Committee for Cooperation and Investment, now the Ministry of Planning and Investment (MPI) issued the Investment Licence (The Licence) to BAWC on March 15th 1995 under the Law on Foreign Investment in Vietnam. The Licence confirms the rights and incentives granted to the investors which include, among others, foreign currency repatriation for debt repayment and dividend payments to investors, profit tax rate of 10 percent with tax holiday (0 percent tax rate) for the first four years from the profit year and five percent tax rate for the subsequent four years and exempted from paying land use right tax. The Licence was amended

by MPI on January 5th 1998 for the increase of investment capital from US$30.0 million to US$35.8 million.

The Project required total financing of US$35.8 million of which 30 percent or US$10.8 million from investors' funds and the remaining 70 percent or US$25.0 million from debt financing. However, during the Asian financial crisis, debt financing was almost impossible as the banks simply reduced or even completely withdrew their regional loan commitments to this region. Thus, BAWC had no alternative but to source the required financing from the shareholders. EUC had provided the critical support of USD 25.0 million as shareholder advance to ensure timely completion of the Project construction.

The Project construction began in December 1996 after 14 months delay due to land acquisition issues. During the construction period, The Project was further delayed by 6 months due to Asian financial crisis. The construction was completed and the plant was fully commissoned on July 23rd 1999 with all equipment and machines imported. The civil and structural work was constructed by the local Vietnamese companies whilst the machinery and equipment were imported. BAWC commenced commercial production of treated water on August 1st 1999.

July 2000 marked the first anniversary of commercial production, BAWC had successfully secured a syndicated loan of US$ 20.0 million from a consortium of banks, which was the first investment project in Vietnam comprising both foreign banks and local Vietnamese banks.

Project operation and its community service and social responsibility

The Project is in the form of BOT with the term of 20 years operating period. The main components of the Project are intake plant consisting of a raw water pumping station with the capacity of 115,000 cu. m per day the west bank of the Dong Nai River, a 1200 mm diameter raw water transmission pipeline of 3.2 km, treatment plant of 100,000 cu. m per day capacity at Binh An Hill and a 1,000 mm diameter treated water transmission pipeline of 6.0 km to connect the treatment plant to the WSC's clear water supply reservoir at Thu Duc. The Project, including the administration office, is located in Binh Duong Province.

Since then, BAWC has been successful in supplying treated water to WSC on the average of 100,000 cu. m a day. BAWC had also been successful in meeting the additional water requirement made by WSC of approximately 20,000 cu. m a day during the acute shortage of water supply from May 2001 to April 2002. The quality of water supplied to WSC complies with the strict requirements of the Vietnamese Ministry of Health.

BAWC being a responsible corporate citizen in Vietnam had undertaken numerous community service and social development activities. These include donation to flood victim and Operation Smile Fund, construction of basketball court for a school, renovation of nursery school, participation in the Terry Fox Run for cancer research, provide scholarship to selected local students, and lastly but not least yearly contribution to the poor families in the local communities. With practical activities, BAWC is committed and will continue to the social and economic development of Vietnam, particularly in Binh Duong Province.

Chemical weighing machine

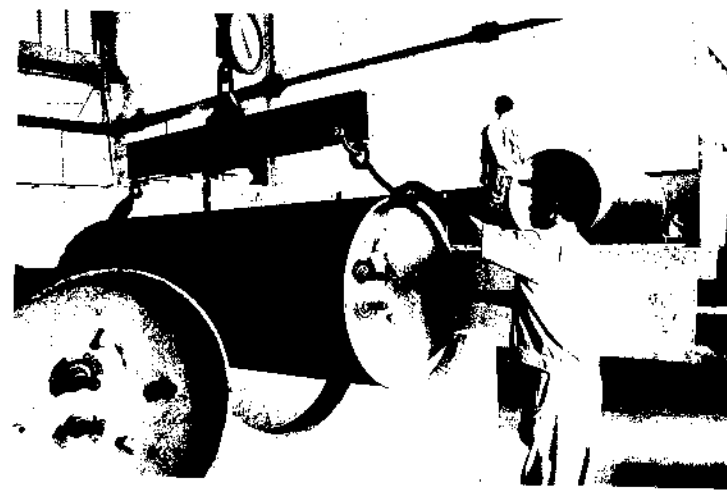

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SHIJAR VIỆT NAM

Vươn tới những thành công mới

Công ty trách nhiệm hữu hạn Shijar Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có nhà máy và trụ sở chính tại phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Shijar được cấp phép từ năm 1994, đến tháng 3 năm 1997, Công ty trách nhiệm hữu hạn Shijar Việt Nam chính thức đưa vào hoạt động 2 lò nung gạch và bắt đầu ra mắt thị trường những sản phẩm gạch men đầu tiên. Đến năm 2000, Shijar tiếp tục tăng thêm một lò nung thứ 3 cho việc sản xuất loại gạch Thạch Anh cao cấp, đây là loại sản phẩm đã mang về cho công ty doanh thu bán hàng cao.

Ông Cheng Ten Nan - Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Shijar Việt Nam cho biết: "Loại gạch Thạch Anh cao cấp được sản xuất theo tiêu chuẩn châu Âu, ngoài độ bền, độ chống thấm, độ chống trầy xước cao, độ hút nước thấp như các nhãn hiệu Thạch Anh uy tín hiện hành, gạch Thạch Anh shijar còn vượt trội hơn về độ tươi sáng của màu sắc, độ bóng đẹp tự nhiên, tạo cảm giác quý phái và sang trọng".

Thực tế cũng cho thấy, sản phẩm gạch Thạch Anh, cùng trên 100 loại sản phẩm gạch men khác với các quy cách khác nhau như 10x40cm, 13x40cm, 20x20cm, 20x25cm, 30x30cm, 40x40cm được sản xuất theo công nghệ của SACMI (Italia) đã mang đến sự nổi tiếng cho Shijar trên thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam. Không chỉ vậy, công ty còn liên tục nhận được Huy chương vàng chất lượng sản phẩm tại Hội chợ thương mại quốc tế - Expo 98; Huy chương vàng chất lượng sản phẩm Hội chợ Triển lãm Cần Thơ năm 1998 và năm 2002; top ten sản phẩm có vốn đầu tư nước ngoài do người tiêu dùng bình chọn; Cúp vàng Thương hiệu Triển lãm VietBild 2002 danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2003. Hiện nay, Shijar là thành viên của Hiệp hội gốm sứ xây dựng Việt Nam, được cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

Những kết quả mà Shijar đạt được là phần thưởng xứng đáng và là niềm tự hào của đội ngũ các nhà kinh doanh và quản lý chuyên nghiệp, gồm 9 người nước ngoài và 364 người Việt Nam. Hiện nay, cùng với gia tăng sản lượng, Công ty Shijar không ngừng nghiên cứu để tung ra thị trường nhiều mẫu mã sản phẩm mới, quy cách mới chất lượng cao nhằm tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, Shijar hiện đang phải đối mặt với nhiều khó khăn. Trước tiên, đó là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường vật liệu xây dựng. Ông Cheng Ten Nan cho biết: "Hiện nay, các doanh nghiệp đang cạnh tranh rất gay gắt về chỗ đứng và thị phần, vì thế phương châm kinh doanh của chúng tôi là chú trọng vào chất lượng cao, giá cả hợp lý và sự phục vụ tận tình làm hài lòng những khách hàng khó tính nhất".

Ngoài ra, ông Cheng cũng cho biết: "Một khó khăn nữa của chúng tôi là nguồn điện tại địa phương chưa được như mong muốn. Việc đột xuất bị cắt điện đã ảnh hưởng lớn đến nguồn gas cung cấp cho các lò nung, kéo theo đó là chất lượng sản phẩm đang nung không đạt được chất lượng như mong muốn, gây thiệt hại không nhỏ về tài chính".

Tuy nhiên, khó khăn nhất hiện nay đang làm đau đầu đội ngũ lãnh đạo công ty, đó là nạn hàng giả mà Shijar đang phải đối mặt. "Trên thị trường, sản phẩm Shijar mới tung ra đã bị ăn cắp mẫu mã. Sự cạnh tranh không lành mạnh này làm ảnh hưởng tới uy tín chất lượng các loại gạch men. Vì thế, giải pháp tối nhất của chúng tôi là không ngừng cải tiến mẫu mã".

Con đường kinh doanh của Công ty Shijar còn vươn xa. Trên con đường tiến đến tương lai, nhà sản xuất gạch men - gạch Thạch Anh Shijar sẽ tiếp tục mang đến sự cao đẹp, tiện nghi và hạnh phúc cho nhiều gia đình và cho xã hội.

Vài nét sơ lược về Công ty trách nhiệm hữu hạn SHIJAR Việt Nam

- Vốn đầu tư 24.300.000 USD
- Diện tích nhà máy ban đầu 55.000m^2, hiện nay tăng thêm 30.000m^2
- Động thổ tháng 3 năm 1996
- Tháng 3 năm 1997 đưa vào hoạt động 2 lò nung
- Tháng 5 năm 2000 đưa lò nung thứ 3 vào hoạt động
- Tháng 10 năm 2001 đón nhận chứng chỉ ISO 9001: 2000
- Tháng 10 năm 2001 được cấp phép đầu tư Công ty trách nhiệm hữu hạn Shijar Hải Dương
- Tháng 3 năm 2002 tăng thêm thiết bị mài bóng cho dây chuyền gạch Thạch Anh
- Sản phẩm đa dạng: gạch nền, gạch tường, gạch viền, gạch Thạch Anh...
- Sản lượng sản xuất: 13.000 m^3/ngày
- Doanh số: 200 tỷ đồng/năm
- Nhân sự:
  - Nhân viên quốc tịch Đài Loan: 9 người
  - Nhân viên Việt Nam: 364 người
- Thu nhập bình quân của nhân viên Việt Nam là 1.223.000 VNĐ/người/tháng.

SHIJAR VIETNAM COMPANY LIMITED

Heading for the New Achievements

Shijar (Vietnam) is the 100 percent foreign invested company with the factory and head-office located in Phu Hoa ward of Thu Dau Mot district, Binh Duong province. Shijar was licensed in 1994, officially ran two brick kilns and then introduced the first enameled bricks in the market in March 1997. In 2000, Shijar continued the third kiln for producing high quality Thach Anh enameled bricks, which have brought high revenue to the company.

The director of Shijar company (Vietnam), Cheng Ten Nam said: "Thach Anh high quality bricks are produced in line with the European standard. Apart from high durability, anti-absorbability and anti-scratch like the other current prestigious bricks labeled Thach Anh, Shijar Thach Anh bricks are superior in the colors' brightness, natural glossiness that create noble and luxurious impression."

In fact, Thach Anh bricks together with over 100 other enameled bricks of different sizes as 10x40cm, 13x40cm, 20x20cm, 20x25cm, 30x30cm and 40x40cm producing by the technology of SACMI (Italy) have made Shijar famous in Vietnam construction material market. Not only that, the company was consecutively granted valuable rewards such as the golden medal for products' quality at International Trading Fair - Expo 98, the golden medals for products' quality at Can Tho Exhibitions in 1998 and 2002, the golden Cup for Trademark at VietBild Exhibition in 2002; was selected by the consumers as top ten foreign invested products and Vietnam high quality goods in 2003. Presently Shijar is the member of the Vietnam Association of Ceramics and Construction, granted the Certificate of quality management system at international standard ISO 9001: 2000.

The outcomes of Shijar are considered the deserved rewards and the pride of the company's professional businessmen and managers including nine foreigners and 364 Vietnamese. Along with increase in production, Shijar has ceaselessly carried out the researches on creating new products with diverse styles, updated standards and high quality to raise its market-shares on consumption market.

In addition to the obtained achievements, Shijar presently is confronted with a range of difficulties, first of which is the increasing competitiveness in the construction material market. Cheng said: "Today, the competition for controlling the position and market-shares among enterprises is getting severe. Therefore, our business is carried out under the motto of attaching great importance to high quality, reasonable prices and whole-hearted services to satisfy even the most demanding clients".

Cheng also added: "Another obstacle we have to overcome is the imperfect local electricity source. The sudden electricity cut off has badly affected on supplying gas for firing kilns and therefore on the products' quality, causing uncounted financial loss.

However, the biggest headache to the company's leaders is the danger of faked goods. "As soon as Shijar products introduced the newest products in the market, we recognized the style was stolen". This unhealthy competition has seriously influenced the prestige of enameled bricks' quality. Hence, our best solution is constant improvement of the styles".

Shijar's business will further develop. On the way to the future, the contribution of Shijar enameled - quartz brick producer will continually bring nobleness, luxury, comforts and happiness to the families and society.

Shijar (Vietnam) Company Limited in brief

Invested capital: US$ 24,300,000
Initial factory's area: 55,000sq.m; presently up to 30,000sq.m

- Held ground breaking ceremony in March 1996
- Put two kilns in operation on March 1997
- Added the third kilns in operation on May 2000
  Received ISO 9001: 2000 Certificate in October 2001
- Was granted business license of Hai Duong Shijar (Vietnam) Company Limited in October 2001
- Equipped more sharpen machines for quartz bricks assembly line in March 2002
- With the diversified products: ground bricks, wall bricks, hem bricks, quartz bricks...
- Output a day: 13,000sq.m
- Revenue: VND 200 billion a year
- Employees: Taiwanese nationality: 9 people
  Vietnamese: 364 people
- Per capita income of Vietnamese employees: VND 1,223,000/month.

Phần VI

KHU CÔNG NGHIỆP

Part VI

INDUSTRIAL ZONES OF BINH DUONG

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG

Góp phần quan trọng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Trong những năm gần đây, kinh tế Bình Dương tăng trưởng rất nhanh. Trong đó, tốc độ gia tăng GDP bình quân giai đoạn 2000 - 2002 đạt 14,83%/năm, tốc độ tăng trưởng công nghiệp đạt 36,96%/năm. Riêng trong năm 2002, Bình Dương đã thu hút 402,2 triệu USD và trở thành địa phương thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước. Thành công trên có phần đóng góp rất lớn của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến hết năm 2010, Bình Dương sẽ xây dựng và đưa vào hoạt động 13 khu công nghiệp với diện tích 6.200 ha. Tuy vậy, tính đến hết năm 2002, Bình Dương đã có 9 khu công nghiệp đi vào hoạt động, trong đó có 8 khu công nghiệp do địa phương quản lý (riêng Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore do Chính phủ quản lý). Các ngành nghề tham gia đầu tư tại các khu công nghiệp Bình Dương chủ yếu là dệt may, da giày, chế biến nông lâm thuỷ hải sản, chế biến thực phẩm, gỗ thủ công mỹ nghệ, xe đạp và phụ tùng, một số ngành về vật liệu xây dựng, cơ khí, công nghiệp tiêu dùng,... Hoạt động của các khu công nghiệp này đã từng bước góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, phát triển lực lượng sản xuất.

Tình hình hoạt động của các khu công nghiệp

Mặc dù, Bình Dương đi sau các tỉnh, thành phố lớn trong công tác quy hoạch và xây dựng các khu công nghiệp, nhưng đã tận dụng được lợi thế mà thiên nhiên ban tặng, cùng những kinh nghiệm thành công hoặc thất bại của các địa phương khác. Vì thế, tính đến cuối năm 2002, tỉnh Bình Dương đã thu hút 402,2 triệu USD đầu tư nước ngoài, trong đó riêng các khu công nghiệp thu hút 170,5 triệu USD, chiếm 42,39% với 76 dự án đầu tư nước ngoài. Kết quả này góp phần nâng tổng số dự án đã đầu tư vào các khu công nghiệp đạt tới 409 dự án, trong đó có 294 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn gần 1,4 tỷ USD; 115 dự án đầu tư trong nước với trên 1.600 tỷ đồng. Như vậy, số vốn bình quân cho mỗi dự án là 1,78 triệu USD.

Theo báo cáo của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, đến hết năm 2002 đã có 220 doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất - kinh doanh,

Nhà máy Sợi Thiên Nam - dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Đồng An

Kết quả thu hút đầu tư trong các khu công nghiệp giai đoạn 1995 – 2002

Số TT	Tên khu công nghiệp	Số dự án thu hút đầu tư				
		Tổng số dự án	Đầu tư trong nước		Đầu tư nước ngoài	
			Số dự án	Tỷ (VNĐ)	Số dự án	Triệu USD
01	Sóng Thần I	130	71	456,2	59	147,3
02	Sóng Thần II	80	11	652,6	69	419,2
03	Bình Đường	12	5	24,5	7	16,9
04	Việt Hương	32	1	Chi nhánh	31	60
05	Đồng An	57	23	355,2	34	69,8
06	VSIP	86	1	104,0	85	576,4
07	Tân Đông Hiệp A	5	2	Chi nhánh	3	6,5
08	Tân Đông Hiệp B	0	0	0,0	0	0
09	Mỹ Phước	7	1	30,0	6	32,4
	Tổng cộng	**409**	**115**	**1,622.5**	**294**	**1,328.5**

Nguồn: Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương

Tình hình triển khai thực hiện các khu công nghiệp

STT	Tên khu công nghiệp	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đang triển khai		Diện tích đất công nghiệp cho thuê	
			Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất công nghiệp	Thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Sóng Thần I	180,3	180,3	154,98	138,23	89,19
2	Sóng Thần II	319	319	243	174,18	71,68
3	Bình Đường	24	24	19,95	16,69	83,66
4	Việt Hương	46	46	31,4	11,53	36,72
5	VSIP	500	231	978	136,8	76,9
5	Đồng An	122,5	122,5	90,75	83,34	91,83
6	Tân Đông Hiệp A	47	47	29,65	15,9	53,63
7	Tân Đông Hiệp B	164,12	164,12	115,03		
8	Mỹ Phước	377	377	267,2	47,56	17,8
	Tổng cộng	**1779,92**	**1510.8**	**1129.9**	**639,29**	**56,58**

Nguồn: Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương

Ghi chú: Khu công nghiệp Đồng An không tính giá trị nhà xưởng xây sẵn cho thuê 64.445 triệu đồng; Khu công nghiệp Việt Hương chưa tính diện tích nhà xưởng xây sẵn cho thuê.

Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B có ký thoả thuận cho 3 doanh nghiệp thuê 15,02 ha nhưng chưa đăng ký với Ban Quản lý và chưa được cấp giấy phép nên không đưa vào diện tích đất công nghiệp đã thuê.

trong đó có 157 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 71%. Các chỉ tiêu kinh tế của các doanh nghiệp này đều có mức tăng trưởng cao. Trong đó, doanh thu năm 2002 đạt 492,3 triệu USD, tăng 65%; giá trị xuất khẩu đạt 274,7 triệu USD, tang 43%; giá trị tiêu thụ nội địa đạt 203,1 triệu USD, tang 141%; kim ngạch nhập khẩu đạt 388,4 triệu USD, tăng 57%; nộp thuế và các khoản nộp ngân sách đạt 13,7 triệu USD, tang 65% so với năm 2001.

Khi đánh giá về vai trò của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp, các quan chức địa phương cho rằng: "Các doanh nghiệp này đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ cho kinh tế Bình Dương. Nhiều công nghệ mới đã được nhập vào tỉnh như sản xuất bếp ga, chế biến thực phẩm (mì ăn liền, nước giải khát...), vật liệu xây dựng (gạch men, sơn...), công nghệ da giày, dệt may... Nhờ đó, nhiều sản phẩm mới với chất lượng đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế đã ra đời và được xuất khẩu sang nhiều nước Âu - Mỹ. Không những thế, các khu công nghiệp còn thu hút được khoảng 52.765 lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp với thu nhập bình quân đạt 700 - 850 nghìn đồng/người/tháng, cùng hàng nghìn lao động gián tiếp trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, sản xuất nguyên vật liệu và các dịch vụ khác. Đặc biệt, công tác bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp luôn được đặt lên hàng đầu. Hiện nay, hầu hết các khu công nghiệp đang hoạt động đều đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải, trong đó điển hình phải kể đến Khu công nghiệp Sóng Thần I, II có công suất 4.000m^3/ngày; Khu công nghiệp Đồng An 2.000m^3/ngày, Việt Hương 1.000 m^3/ngày, VSIP 4.000 m^3/ngày...

Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B đã ký thoả thuận cho 3 doanh nghiệp thuê 15,02 ha, nhưng chưa đăng ký với Ban Quản lý và chưa được cấp giấy phép nên không đưa vào diện tích đất công nghiệp đã thuê.

Giải pháp thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của các khu công nghiệp

Từ kết quả hoạt động của các khu công nghiệp Bình Dương có thể thấy, khu công nghiệp thực sự là nơi thu hút nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước; góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động; tạo nguồn thu cho ngân sách, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; đồng thời là kênh quan trọng để tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Tuy nhiên, theo nhận xét của ông Phạm Văn Sơn Khanh - Phó trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương: "Đây mới chỉ là nền móng cơ bản và là những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Vì thế, giữ vững nhịp độ phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các khu công nghiệp là vấn đề nan giải và đang gặp không ít khó khăn, thách thức". Cũng theo ông Khanh, để các khu công nghiệp phát triển bền vững và trở thành công cụ đắc lực trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Bình Dương cần tiến hành một số giải pháp quản lý trong giai đoạn 2003 - 2005 như sau:

Sau 6 tháng có quyết định thành lập, Khu công nghiệp Mỹ Phước đã thu hút được 7 dự án với số vốn đầu tư 32,4 triệu USD và 30 tỷ đồng

1) Tăng cường công tác tuyên truyền để các ngành, các cấp thống nhất nhận thức vai trò của khu công nghiệp là một bước đột phá, một công cụ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2) Chính phủ cần tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác đền bù giải toả, bởi đây thật sự là vấn đề bức xúc của việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp.

3) Bảo vệ môi trường, trong đó phải đặc

biệt chú ý đến chất thải công nghiệp bao gồm chất thải rắn, chất thải rắn độc hại. Muốn làm được điều này, trong năm 2003, tỉnh cần tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng các hạng mục công trình để bảo vệ môi trường, đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp có chất thải rắn công nghiệp phải hoàn thành việc kết nối ống dẫn với các nhà máy xử lý nước thải.

4) Để quản lý quy hoạch khu công nghiệp ngày một tốt hơn, Chính phủ cần có những biện pháp để nhà đầu tư cơ sở hạ tầng tôn trọng quy hoạch phân khu chức năng. Bên cạnh đó, Chính phủ cần có chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư cơ sở hạ tầng vay tín dụng ưu đãi dài hạn với thời gian từ 15 đến 20 năm đối với các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường.

5) Đồng thời, Chính phủ cần xác định chức năng quản lý nhà nước của Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh ở vị trí nào trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước.

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang chuẩn bị hội nhập vào AFTA và trong tương lai gần là WTO. Hệ thống các khu công nghiệp - khu chế xuất Vùng kinh tế trọng điểm phía nam cần được xem là mũi nhọn thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, Chính phủ cần xem xét ban hành chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp - khu chế xuất đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao sức cạnh tranh, tuân thủ các quy định của WTO để các khu công nghiệp - khu chế xuất trở thành công cụ đắc lực, góp phần đưa kinh tế Việt Nam hội nhập thành công vào nền kinh tế thế giới.

Giới thiệu về các khu công nghiệp chưa triển khai

1. Khu công nghiệp Tân Định An: là cụm công nghiệp tập trung, đã đi vào hoạt động, nhưng chưa được cấp phép của Chính phủ.
- Vị trí: xã Tân Định huyện Bến Cát và xã Tân An thị xã Thủ Dầu Một. Cách thị xã Thủ Dầu Một 7km, trên quốc lộ 13.
- Diện tích: 450ha.
- Bố trí công nghiệp chế biến nông lâm sản, sản xuất giầy, găng tay y tế, may mặc.
- Sử dụng điện lưới quốc gia 110/15kV trạm Gò Đậu, nhà máy nước Thị Tính công suất 10.000m³/ngày.

2. Khu công nghiệp An Phú I: chưa triển khai
- Vị trí: thuộc Khu công nghiệp An Phú, xã An Phú, huyện Thuận An
- Diện tích: 197 ha
- Đường vào qua tỉnh lộ 743, cách thành phố Biên Hoà (Đồng Nai) 15km
- Sử dụng điện lưới quốc gia và sử dụng nước của Nhà máy Nước Tân Ba

3. Khu công nghiệp Trường Bồng Bông: chưa triển khai
- Vị trí: xã Định Hoà, thị xã Thủ Dầu Một
- Diện tích: 500ha
- Bố trí công nghiệp lắp ráp ôtô, vật tư ngành điện, vật liệu xây dựng

4. Khu công nghiệp Bàu Bèo: chưa triển khai
- Vị trí: xã Phú Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một
- Diện tích: 300ha
- Bố trí sản xuất hàng tiêu dùng, đồ da, sợi len

5. Khu công nghiệp Phú Hoà: Chưa triển khai
- Vị trí: xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một
- Diện tích: 150 ha
- Bố trí công nghiệp điện tử, sứ cao cấp, may mặc.

6. Khu công nghiệp Lai Khê: chưa triển khai
- Vị trí: xã Lai Hưng huyện Bến Cát
- Diện tích: 500 ha.

7. Khu công nghiệp Lai Uyên: chưa triển khai
- Vị trí: phía nam huyện Tân Uyên
- Diện tích: 500ha
- Bố trí sản xuất hoá nhựa, da, vật liệu xây dựng.

BINH DUONG'S INDUSTRIAL ZONES

Important Contributions to Speeding up the Industrialization and Modernization Process

In recent years, there has been a rapid economic growth in Binh Duong. In which, the annual growth rate of GDP reached 14.38 percent on average and of industrial sector 36.96 percent in period 2000 - 2002. In 2002 alone, Binh Duong received US$ 402.2 million in investment and became the province with highest foreign investment in Vietnam. This success is partly thanks to the great contributions from industrial zones in the province.

According to the plan that has been approved by the Prime Minister, by the end of 2010, 13 industrial zones will be built on the area of 6,200 ha and put in operation. However, by the end of 2002, nine industrial zones have been in operation in Binh Duong, of which eight industrial zones are under the province's management (only the Vietnam - Singapore Industrial Zone is under the Government's management). Main sectors in these industrial zones are garment, leather, agricultural, forestry and fishery products processing, food processing, wood art products, bicycles and spare parts, construction raw materials; mechanics, consumer industries, etc. The performance of these industrial zones has gradually made an important contribution to shifting the economic structure in the province toward the direction of raising industry - services proportion and developing production forces.

Performance of the industrial zones

Though, Binh Duong is not as quick as other big cities and provinces in planning and establishing industrial zones but it has fully used natural advantages and successful

VSIP is the only industrial park in Binh Duong managed by the Central

Results of foreign investment attraction in the Industrial zones in 2002

No	Name of industrial zones	Number of projects attract foreign investment				
		Number of projects	Domestic		Foreign	
			Number of projects	Bil. VND	Number of projects	Bil. VND
01	Song Than I	130	71	456,2	59	147,3
02	Song Than II	80	11	652,6	69	419,2
03	Binh Duong	12	5	24,5	7	16,9
04	Viet Huong	32	1	Branch	31	60
05	Dong An	57	23	355,2	34	69,8
06	VSIP	86	1	104,0	85	576,4
07	Tan Dong Hiep A	5	2	Branch	3	6,5
08	Tan Dong Hiep B	0	0	0,0	0	0
09	My Phuoc	7	1	30,0	6	32,4
	Total	**409**	**115**	**1,622.5**	**294**	**1,328.5**

Source: Management Unit of Binh Duong IZs

as well as failure experience of other provinces. Therefore, by the end of 2002, Binh Duong has attracted US$ 402.2 million in foreign investment including US$ 170.5 million for industrial zones making up 42.39 percent with 76 foreign invested projects. This result helped raise the total number of investment projects in the industrial zones to 409 projects consisting of 294 foreign invested ones with the capital of nearly US$ 1.4 billion; 115 domestic projects with the capital of more than US$ 1,600 billion. So, average capital for each project is US$ 1.78 million

According to the report released from the Management Unit of Binh Duong's Industrial zones, by the end of 2002, 220 enterprises had started business - production perfomance, of which 157 are foreign invested accounting for 71 percent. Those enterprises all achieved high economic growth with the 2002 turnover of US$ 492.3 million, a 65 percent increase; export value of US$ 274.7 million, a 43 percent increase; domestic consumption value of US$ 203.1 million, rising 141 percent; import turnover of US$ 388.4 million, 57 percent on the rise, and tax payment and budget contribution of US$ 13.7 million, increasing by 65 percent against 2001.

When making an assessment on the roles of enterprises in the industrial zones, following conclusions were made by the local authorities: 'These enterprises helped increase the technology know - how for Binh Duong's economy. A number of new technologies such as gas cooker manufacturing, food processing (instant noodle, soft drink...), construction raw materials (enamel brick, paint...), leather and garment processing were brought into the provinces. As a result, a number of new products meeting Vietnam and international standard were produced and exported to various European countries and the US. More than that, these industrial zones have attracted around 52,765 direct workers who come to work for enterprises with the per-capita income of from VND 700,000 to 850,000 per month and thousands of indirect workers who come to work in sectors of capital construction, raw materials production and services. Particularly, environmental protection is always seen as the first priority in the indus-

trial zones. At present, most of the operating industrial zones already had a sewerage treatment system. Typical ones are Song Than I and II Industrial Zones with capacity of 4,000cu.m/day; Dong An Industrial Zone with capacity of 2,000cu.m /day. Viet Huong with 1,000 cu.m/day and VSIP 4,000 cu.m/day.

Solutions for stronger development of industrial zones

Results from activities in Binh Duong's industrial zones show that industrial zone is really a place that attracts important investment for developing, exploiting and enhancing efficiency of internal source utilization; helping create jobs for laborers; bringing budget income and improving international balance of payments; at the same time being an important channel to receive advanced technologies and management experience. However, according to Pham Van Son Khanh - Deputy Director of the Management Unit of Binh Duong's Industrial Zones : "These are only the basic foundation and initial encouraging results. Therefore, maintaining the development pace and increasing quality of performance in the industrial zones is a quite difficult and challenging task". Khanh also added, to help the industrial zones to attain sustainable achievement and become an active tool in the industrialization and modernization process, the following management measures should be applied in 2003 - 2005:

1) Promote propagation activities in different departments and levels to help identify the roles of industrial zones as a breakthrough, a tool in shifting the economic structure following the industrialization and modernization orientation.

2) The Government should focus on dealing with difficulties in compensation and clearing activities, as this is really the constraint while planning and developing industrial zones.

3) Protect the environment with a special attention to industrial wastes including solid wastes and toxic solid wastes. To carry out his task, the province should focus on calling for investment in different structures for environmental protection and at the same time ask enterprises with industrial solid waste to complete the connection of

Operating situation in the industrial zones

No.	Name of industrial zone	Planned area (ha)	Area that is on construction		Industrial area for rent	
			Total area (ha)	Industrial area	Implemented (ha)	Ratio (%)
1	Song Than I	180.3	180.3	154.98	138.23	89.19
2	Song Than II	319	319	243	174.18	71.68
3	Binh Duong	24	24	19.95	16.69	83.66
4	Viet Huong	46	46	31.4	11.53	36.72
5	VSIP	500	231	978	136.8	76.9
5	Dong An	122.5	122.5	90.75	83.34	91.83
6	Tan Dong Hiep A	47	47	29.65	15.9	53.63
7	Tan Dong Hiep B	164.12	164.12	115.03		
8	My Phuoc	377	377	267.2	47.56	17.8
	Total	1,779.92	1510.8	1129.9	639.29	56.58

Source: Management Unit of Binh Duong IZs

Note: *VND 64,445 million of available workshop for rent in Dong An Industrial Zone and area of workshop for rent in Viet Huong Industrial Zone are excluded.*

Tan Dong Hiep B Industrial Zone signed an agreement with three enterprises to lease 15.02 hectares but it has not registered with the Management Unit and has not been given license hence the area is not caculated in the rented industrial area.

pipe to the waste water treatment factory.

4) To better manage the planning of industrial zone, measures should be drawn out by the Government to ensure that investors will respect the functional planned area. In addition, the Government should adopt favourable policies for investors who invest in infrastructure construction and environmental protection to get preferential long- term credit from 15 to 20 years.

5) At the same time, the Government should clarify the state management functions of the provincial industrial zones Management Unit in the state administrative management system.

As Vietnam is preparing to join in AFTA and WTO in the near future, the system of industrial - processing zones in the key economic areas in the south should be seen as key tools to integrate in global economy. Thus, the Government should consider to issue policies on promoting enterprises in the industrial - processing zones to improve technologies and management, increasing competitiveness and following regulations of WTO to make these zones become a driving force in helping Vietnam's economy to successfully integrate in the world economy.

Industrial zones not been active

1. **Tan Dinh A Industrial Zone:** an intensive industrial group that has been put in operation but has not been granted license by the Government.
   Location: Tan Dinh Commune, Ben Cat district, and Tan An commune, Thu Dau Mot town. It is about 7 km far from Thu Dau Mot town, on National way No. 13.
   - Area: 450 ha.
   - Activities: processing agriculture and forestry products, producing shoes, medical gloves, garments.
   - Use Electricity from the National Grid 110/15kV, Go Dau station, and water from Thi Tinh Water factory with capacity of 10,000 cu.m per day.
2. **An Phu Industrial Zone I:** not yet active
   - Location: in An Phu Industrial Zone, An Phu commune, Thuan An district
   - Area: 197 ha
   - 15km far from Bien Hoa city on provincial road 743.
   - Use Electricity from National Grid and water from Tan Ba water factory
3. **Truong Bong Bong Industrial Zone:** not yet active
   - Location: Dinh Hoa commune, Thu Dau Mot town
   - Area: 500 ha
   - Activities: car assembling, electric materials, construction materials
4. **Bau Beo Industrial Zone:** not yet active
   - Location: Phu My commune, Thu Dau Mot town
   - Area: 300 ha
   - Activities: producing consumer goods, leather, and woolen fibre
5. **Phu Hoa Industrial Zone:** not yet active
   - Location: Phu Hoa commune, Thu Dau Mot town
   - Area: 150 ha
   - Activities: Electronics, high quality ceramic products and garments.
6. **Lai Khe Industrial Zone:** not yet active
   - Location: Lai Hung Commune, Ben Cat district
   - Area: 500 ha.
7. **Lai Uyen Industrial Zone:** not yet active
   - Location: South of Tan Uyen district
   - Area: 500 ha
   - Activities: producing plastic, leather products and construction raw materials

Mô hình khu công nghiệp và những thách thức mới

Sau 7 năm hình thành mô hình khu công nghiệp đầu tiên trên đất Bình Dương, mô hình này đã có những đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế Bình Dương, song không vì thế mà đã hoàn toàn yên tâm về hướng đi của mô hình này. Đánh giá đúng thực trạng hoạt động các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, qua đó nhận thức đúng vai trò của khu công nghiệp trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ đó xác định một số giải pháp quản lý để phát triển bền vững mô hình này chính là vấn đề quan tâm hàng đầu của Bình Dương hiện nay.

Theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2010, Bình Dương sẽ có 13 khu công nghiệp với diện tích 6.200 ha. Đến đầu năm 2003, Bình Dương có 9 khu: Sóng Thần I, Sóng Thần II, Bình Đường, Đồng An, Việt Hương, Tân Đông Hiệp B, Dapark, Mỹ Phước (Bến Cát) và Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP). Trong đó có 8 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, riêng khu Tân Đông Hiệp B đang trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng đền bù giải phóng mặt bằng.

Đền bù giải tỏa là vướng mắc lớn nhất

Trong giai đoạn 1995 - 1997, Bình Dương có 6/9 khu được Thủ tướng Chính phủ cấp giấy phép thành lập. Các khu công nghiệp còn lại được thành lập trong năm 2000 (Khu công nghiệp Dapark) và năm 2002 (Khu công nghiệp Mỹ Phước, Tân Đông Hiệp B). Trong quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, vấn đề vướng mắc lớn nhất hiện nay là đền bù, giải phóng mặt bằng. Việc giải tỏa đền bù chậm đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xây dựng hạ tầng kỹ thuật và kêu gọi đầu tư.

Qua bảng thống kê dưới đây cho thấy, những khu công nghiệp giải toả mặt bằng nhanh như Sóng Thần I, Bình Đường, Dapark không nhiều. Riêng Khu Tân Đông Hiệp B mới đạt 62,2%. Nguyên nhân chính

Bảng thống kê diện tích phải đền bù giải tỏa các khu công nghiệp Bình Dương

STT	Tên Khu Công nghiệp	Số ha phải đền bù giải tỏa	Tỷ lệ %
01	Sóng Thần I	0	0
02	Songa Thần II	34	10,7
03	Bình Đường	0	0
04	Đồng An	10	5
05	Việt Hương	9	14,2
06	Dapark	0	0
07	Mỹ Phước	67	17,8
08	Tân Đông Hiệp B	62	37,8
09	VSIP (Việt Nam - Singapore)	92,4	18,48
	Tổng cộng	**274,4**	**11,55**

Nguồn: Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương

khiến công tác đền bù giải tỏa khu Tân Đông Hiệp B thực hiện chậm vì Ban Giải tỏa đền bù địa phương sau 10 tháng có giấy phép của Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa được thành lập. Khu công nghiệp VSIP có số diện tích chưa đền bù giải tỏa cao nhất 92,4 ha, chủ yếu chưa thỏa thuận được giá đền bù với dân (Phần lớn đất đền bù giải tỏa thuộc Đại lộ Bình Dương).

Nhìn sang các địa phương lân cận như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự, nhà đầu tư nhiều khi đặt tiền cọc thuê đất phải bỏ đi tìm nơi khác vì không có đất để giao đầu tư cơ sở hạ tầng.

Thiếu kinh phí tiếp thị và đầu tư chiều sâu

Cùng với công tác thu hút đầu tư, năm 2002, các khu công nghiệp Bình Dương đã có 181,61 ha đất cho thuê, trong đó các khu do tỉnh quản lý có 139,4 ha. Hầu hết, các khu đều có diện tích đất cho thuê đạt trên 50%. Điển hình về tốc độ cho thuê đạt tỷ lệ cao và nhanh là khu Mỹ Phước (Bến Cát). Mặc dù chưa tròn một năm hoạt động, nhưng khu công nghiệp này đã thu hút 7 dự án đầu tư, diện tích cho thuê đạt 47,6/267,2 ha, đạt tỷ lệ 17,8%.

Các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng cho thuê đất đạt tỷ lệ cao (trên 70%), có khuynh hướng xây nhà xưởng cho thuê. Trong thực tế, tại các khu công nghiệp Sóng Thần I và II, Đồng An, phương thức xây nhà xưởng cho thuê tỏ ra hiệu quả hơn cho thuê đất, vì thu hồi vốn nhanh và khi hết thời gian cho thuê, nhà đầu tư cơ sở hạ tầng vẫn là chủ sở hữu đất.

Về tiếp thị đầu tư, Khu công nghiệp VSIP do Trung ương quản lý có nguồn kinh phí tiếp thị riêng nên hằng năm lãnh đạo VSIP có chương trình tiếp thị thường xuyên như tổ chức các cuộc hội thảo ở các nước Nhật Bản, Xingapo... Công việc thu hút đầu tư ở VSIP thể hiện sự cố gắng của ban lãnh đạo VSIP.

Ngược lại, tại các khu khác thuộc tỉnh Bình Dương quản lý, nguồn kinh phí thuộc địa phương không có kinh phí tiếp thị, kết quả thu hút đầu tư chủ yếu là nhờ sự vận động của các nhà đầu tư cũ. Nếu có nguồn kinh phí và chương trình tiếp thị nhiều khả năng kết quả thu hút đầu tư các khu công nghiệp của tỉnh Bình Dương sẽ đạt kết quả cao hơn.

Hiện nay, VSIP là đơn vị xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh trong các khu công

Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore đang gặp phải một số vướng mắc cần sớm khắc phục

nghiệp tỉnh Bình Dương. Ngoài hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước mặt, hệ thống thoát nước, nhà máy phát điện Diesel để chủ động nguồn điện cung cấp toàn khu. Các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đang hoạt động đều xây dựng nhà máy xử lý nước thải: Khu công nghiệp Sóng Thần I, II xây dựng nhà máy xử lý nước thải với công suất 4.000 m^3/ngày; Khu công nghiệp Đồng An có công suất 2.000 m^3/ngày; Khu công nghiệp Việt Hương có công suất 1.000 m^3/ngày; Khu công nghiệp VSIP có công suất 4.000 m^3/ngày. Các khu Mỹ Phước, Dapark đang chuẩn bị xây dựng các nhà máy xử lý nước thải trong năm 2003. Tuy nhiên, do nhiều chủ đầu tư cơ sở hạ tầng theo kiểu "cuốn chiếu" vì thiếu vốn, nên ngoài những công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất như điện, đường, nước, hầu hết các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đều thiếu các công trình văn hóa, phục vụ đời sống tinh thần, giải trí cho công nhân như khu dịch vụ, thể thao, trường học, bệnh viện, nhà nghỉ dưỡng... Ngoài Trung tâm Đào tạo Nghề Việt Nam - Singapore với chức năng đào tạo trên 300 thợ bậc 2 cho tỉnh mỗi năm, các khu khác đều chưa có trung tâm đào tạo riêng.

Thách thức từ lao động nhập cư và đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Lao động làm việc trong các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương gồm 79,614 người so với số người lao động làm việc trong các doanh nghiệp toàn tỉnh là 210,275 người, đạt tỷ lệ 37,86%. Đặc điểm nổi bật về lao động trong các khu công nghiệp là lao động nữ và lao động nhập cư chiếm đa số. Điển hình như khu VSIP có tỷ lệ lao động nữ chiếm 70,96%, trong các khu còn lại tỷ lệ này cũng chiếm 67%. Về lao động nhập cư, VSIP có số lao động nhập cư chiếm gần 60%, trong khi các khu do tỉnh quản lý có tỷ lệ cao hơn nhiều là 92%.

Theo báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2002, nguyên nhân khiến các khu công nghiệp tỉnh chưa thu hút lao động Bình Dương là do ba nguyên nhân cơ bản sau:

1) Thu nhập bình quân trong các khu công nghiệp chỉ đạt từ 800.000 đến 900.000 đồng/tháng lại đòi hỏi cường độ - kỹ thuật lao động cao, trong khi lao động phổ thông ngoài khu công nghiệp thu nhập từ 40.000 đồng đến 50.000 đồng/ngày.

2) Bình quân lao động Bình Dương có trình độ văn hóa từ lớp 7 đến lớp 9 chiếm đa số lại chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật.

3) Độ tuổi tuyển dụng bình quân từ 18 đến 35 tuổi, dù tất cả lao động Bình Dương trong độ tuổi trên chấp nhận vào lao động trong các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cũng không đáp ứng đủ. Trung bình thiếu khoảng 5.000 - 6.000 lao động/năm.

Lao động nhập cư trong các khu công nghiệp cùng với lao động nhập cư ngoài khu công nghiệp tạo một áp lực lớn đối với tỉnh Bình Dương về vấn đề nhà ở cho công nhân và một số vấn đề xã hội khác. Từ đó, vấn đề quản lý lao động trong các khu công nghiệp tỉnh cần phải được tập trung hơn trong thời gian tới.

Bảy nhóm giải pháp giai đoạn 2003 - 2005

Để các khu công nghiệp phát triển bền vững là một công cụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta cần tiến hành một số giải pháp quản lý trong giai đoạn 2003 - 2005 như sau:

1) Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục để các ngành, các cấp thống nhất nhận thức vai trò của khu công nghiệp là một bước đột phá, một công cụ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, góp phần đạt mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Triệt để thực hiện cơ chế "một cửa tại chỗ", xem đây là thử nghiệm trong cải cách thể chế quản lý kinh tế, góp phần xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự quản lý trong khuôn khổ pháp luật của các doanh nghiệp.

2) Nhà nước cần tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Bởi vấn đề này đang thật sự là trở ngại của việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp. Trước đây, trong thời kỳ 1994 - 1996, phát huy tính chủ động của nhà đầu tư cơ sở hạ tầng trong đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng, bằng việc áp dụng phương pháp thỏa thuận với quần chúng đã đem lại một số kết

quá đáng khích lệ. Ngày nay, tình hình đã thay đổi, phương pháp đó không còn phù hợp nữa. Do đó, Nhà nước phải giữ vai trò chính trong việc đền bù giải tỏa, sau đó giao lại cho nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Chỉ với tư cách Nhà nước thực hiện công tác đền bù giải tỏa mới có thể thực hiện nhanh công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, vấn đề chính trong lúc này là Nhà nước cần đảm bảo đời sống của các hộ dân để họ yên tâm khi phải đi dời.

Nhà nước cần nghiên cứu các biện pháp phù hợp như xây dựng nhà ở, với nhiều dạng như khu hộ gia đình, khu chung cư cho các hộ gia đình trong vùng đi dời giải tỏa. Điều đó có nghĩa là, quy hoạch khu công nghiệp gắn liền với quy hoạch đô thị, tránh tình trạng các gia đình sau khi nhận tiền đền bù bằng tiền phải "tự bơi" trong kinh tế thị trường. Đối với hộ gia đình có điều kiện tài chính có thể khuyến khích họ mua cổ phần bằng tiền đền bù đất đai góp vốn với nhà đầu tư cơ sở hạ tầng.

3) Về bảo vệ môi trường, đặc biệt chất thải công nghiệp bao gồm chất thải rắn, chất thải độc hại, tính cần phải tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên đây. Trong năm 2003, các doanh nghiệp có chất thải rắn công nghiệp phải hoàn thành việc kết nối ống dẫn với các nhà máy xử lý nước thải. Bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp cần tập trung vào 2 nội dung trọng tâm:

- Tính cần tập trung xây dựng trạm xử lý rác thải công nghiệp (nguy hại).

- Đấu nối nước thải công nghiệp các doanh nghiệp, đồng thời các doanh nghiệp phải tập trung thực hiện hoàn thành đấu nối với trạm xử lý nước thải tập trung trong năm 2003.

4) Trong quản lý quy hoạch, Nhà nước cần có biện pháp bảo đảm nhà đầu tư cơ sở hạ tầng tôn trọng quy hoạch phân khu chức năng. Khi cho nhà đầu tư thứ cấp thuê đất không vì thiếu vốn mà cho thuê đất bất kể ngành nghề dù các ngành nghề có thể đối nghịch như xếp các doanh nghiệp hóa chất xây dựng liền kề doanh nghiệp thực phẩm, hoặc doanh nghiệp dệt nhuộm cạnh doanh nghiệp sản xuất sợi. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư cơ sở hạ tầng vay tín dụng ưu đãi dài hạn với thời gian sau 15 năm đến 20 năm đối với các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường.

Quy hoạch phát triển khu công nghiệp phải tận dụng lợi thế so sánh của từng địa phương, tôn trọng quy hoạch phát triển vùng, tránh các địa phương cạnh tranh thu hút đầu tư chồng chéo làm lãng phí nguồn lực của đất nước.

5) Nhà nước phải xác định chức năng quản lý nhà nước của ban quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh ở vị trí nào trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Ban quản lý cấp tỉnh mang dấu Quốc huy có được xem tương đương cấp sở hay không? Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh nên như thế nào để vừa thực hiện được chức năng quản lý nhà nước, vừa thực hiện được chức năng quản lý trực tiếp các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Bởi thực tế hiện nay cho thấy, ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh hiện nay thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh nhưng cấp trên trực tiếp (theo ngành dọc) thì chưa được xác định. Trong khi các nước trong khu vực đều có cấp trên trực tiếp. Chẳng hạn, ở Thái Lan, ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh là Tổ chức IEAT trực thuộc Bộ Công nghiệp; ở Đài Loan là cơ quan Cục công nghiệp trực thuộc Bộ Kinh tế Đài Loan... Việc xác định cấp trên của ban quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh hiện nay rất cần thiết phải có một tổ chức để hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, tổng kết mô hình khu công nghiệp - khu chế xuất của cả nước nhằm phổ biến nhân rộng mô hình khu công nghiệp hay mô hình khu chế xuất chỉ phù hợp tại các địa phương có vị trí thuận lợi về giao thông, về hạ tầng mà không phải nơi nào cũng có. Những vấn đề có tính thời sự đó cần được cơ quan trung ương tổng kết để không phải địa phương nào cũng xây dựng thành "phong trào" như hiện nay.

Kinh phí hoạt động cho các khu công nghiệp cấp tỉnh cũng là nội dung cần được nghiên cứu. Nhà nước cấp kinh phí hoạt động cho các khu công nghiệp cấp tỉnh phải chống khuynh hướng bình quân hoặc bao cấp; cần căn cứ vào ban quản lý khu công nghiệp vừa là cơ quan quản lý nhà nước, vừa là cơ quan trực tiếp quản lý các hoạt động của doanh

nghiệp. Không thể cấp kinh phí bình quân giữa các tỉnh có khu công nghiệp với nhau. Một tỉnh có nhiều khu công nghiệp đang hoạt động phải được cấp kinh phí khác với tỉnh chỉ có ban quản lý mới đi vào hoạt động ở giai đoạn đầu. Vừa qua Chính phủ chỉ đạo Ban Quản lý Khu công nghiệp - Khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh được trích tỷ lệ xuất nhập khẩu của Khu chế xuất Tân Thuận thành kinh phí hoạt động, chủ trương này đã được tổng kết cần được phổ biến ở các tỉnh có khu công nghiệp để thực hiện.

6) Các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp Sóng Thần I, Sóng Thần II, Bình Đường, Đồng An, Việt Hương, VSIP cần tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, bởi những khu công nghiệp trên đều đạt tỷ lệ thuê đất cao. Trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, các chủ đầu tư cần chú ý xây dựng các công trình phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Đặc biệt, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp có điều kiện xây dựng nhà ở cho công nhân đang là vấn đề bức xúc trong các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương và các khu công nghiệp - khu chế xuất trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân là góp phần giải quyết nhiều vấn đề. Về nạn kẹt xe, tai nạn giao thông ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tình hình di chuyển lao động trong các khu công nghiệp, góp phần phát triển bền vững các khu công nghiệp.

7) Nền kinh tế Việt Nam chuẩn bị hội nhập vào AFTA năm 2006 và gia nhập tổ chức WTO trong một tương lai gần, khu công nghiệp - khu chế xuất vùng kinh tế trọng điểm phía nam phải được xem là mũi nhọn (cửa ngõ) thực hiện hội nhập kinh tế. Vì vậy, Chính phủ cần phải xem xét ban hành các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp trong khu công nghiệp - khu chế xuất đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa, không vi phạm các quy định WTO để các khu công nghiệp - khu chế xuất trở thành công cụ đắc lực, góp phần đưa kinh tế Việt Nam hội nhập thành công với nền kinh tế toàn cầu.

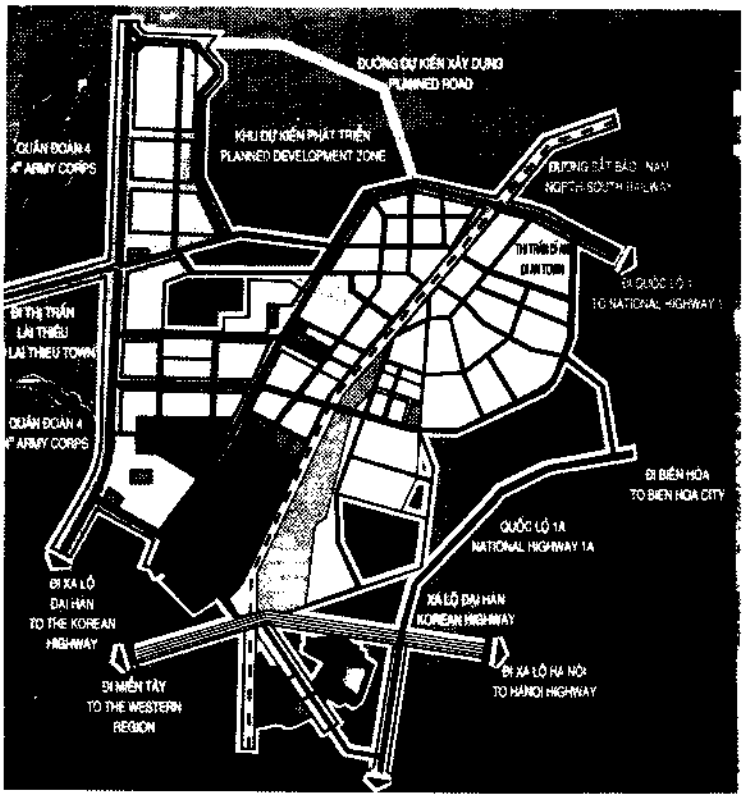

TOÀN CẢNH MỘT SỐ KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG THẦN I

KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG THẦN II

KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH ĐƯỜNG

Model of Industrial Zone and New Challenges

The first model of industrial zone in Binh Duong after 7 years has made great contributions to the local economic development. However, the directions of this model have not been completely ensured. Therefore, evaluating the current situation of the industrial zones in Binh Duong to properly identify its roles in the national industrialization and modernization process and to find out several management solutions to develop this model sustainably is the currently top concern of Binh Duong.

According to the plan approved by the Prime Minister, until 2010, 13 industrial zones covering on the area of 6,200 hectares will be established in Binh Duong. In early 2003 Binh Duong has nine industrial zones: Song Than I, Song Than II, Binh Duong, Dong An, Viet Huong, Tan Dong Hiep B, Dapark, My Phuoc (Ben Cat) and Vietnam - Singapore Industrial Zone (VSIP). In which, eight have been put in operation; the remaining of Tan Dong Hiep B is in process of infrastructure construction, compensation and site clearing.

Compensation and site clearing - the biggest impediment

The Prime Minister licensed six out of nine industrial zones in Binh Duong in 1995-1997. The others were established in 2000 (Dapark Industrial Zone) and 2002 (My Phuoc and Tan Dong Hiep B Industrial Zones). While planning and developing the industrial zones, compensation and site clearing remain the current biggest obstacles. The delay in this activity has significant influences on the construction of technical infrastructure and calling for investment.

The table shows that there are not many industrial zones that quickly complete the site clearing such as Song Than I, Binh Duong and Dapark. Tan Dong Hiep B achieved only 62.2 percent. The main

List of areas compensated and cleared in Binh Duong industrial zones

No.	Names of industrial zones	Acreage need to be compensated and cleared (ha)	Percentage (%)
01	Song Than I	0	0
02	Song Than II	34	10.7
03	Binh Duong	0	0
04	Dong An	10	5
05	Viet Huong	9	14.2
06	Dapark	0	0
07	My Phuoc	67	17.8
08	Tan Dong Hiep B	62	37.8
09	VSIP (Vietnam - Singapore)	92.4	18.48
	Total	**274.4**	**11.55**

Source: Management Unit of Binh Duong IZs

cause to the delay in compensation and site clearing in Tan Dong Hiep B is that after 10 months receiving approval from the Prime Minister, the local Compensation and Site Clearing Committee has not been established. VSIP has the largest compensation area (92.4 hectares due to the disagreement of the composition price with local people (most of the area is in Binh Duong Avenue).

The same situation occurred in neibouring cities of Ho Chi Minh city, Dong Nai, Ba Ria - Vung Tau. Sometimes the investors who already paid a deposit still have to give up to look for other areas as the infrastructure investment has no to start.

Lack budget for marketing activities and intensive investment

Together with investment attraction, in 2002, 181.61 hectares of land was leased including 139.4 hectares under the province's management. Most of the industrial zones has leased 50 percent of their land. My Phuoc (Ben Cat) industrial Zone is a typical case with highest ratio. Only after nearly one year in operation, this industrial zone has attracted 7 investment projects and 47.6 ha/267.2 hectares of land (accounting for 17.8 percent) was leased.

At present, the infrastructure investors with high percentage of land for lease (over 70 percent) tend to build the workshops for rent. The fact in Song Than I, Song Than II and Dong An industrial zones indicates that the leasing of workshop is more effective than of the land as the investors revoke quickly their capital and they still are the land owners when the leasing duration terminates.

Regarding marketing activities and investment, as VSIP is under the Government management and it has its own budget for marketing. Every year the VSIP's management board implements regular marketing programs such as organizing seminars in Japan, Singapore, etc. An investment result in VSIP reflects the effort of VSIP's management board.

On the contrary, other industrial zones that are under the province's management have no budget for marketing activities and the investment results depend on the motivation of the old investors. If there is budget for marketing program, investment outcomes in Binh Duong's industrial zones may be higher.

Currently, among the industrial zones in Binh Duong, VSIP is the one with completed infrastructure. Apart from transportation system, VSIP has installed systems of surface water supplying, drain, diesel electric generator to be initiative in electricity for the area.

The industrial zones in Binh Duong that are under operation all have sewage treatment factory such as Song Than I and II Industrial Park has built a sewage treatment plant with capacity of 4,000 cu.m/day; Dong An with capacity of 2,000 cu.m/day; Viet Huong with capacity of 1,000 cu.m/day and VSIP with capacity of 4,000 cu.m/day. My Phuoc and Dapark are preparing for the construction of this factory in 2003. Nevertheless, as many infrastructure investors use method of "pack up and leave" in making investment because of capital insufficiency, besides works that directly serve the production such as electricity, road and water, a majority of the industrial zones lack cultural construction to serve spiritual life and entertainment needs of workers such as service area, sports, schools, hospitals and guesthouses, etc. Apart from the Vietnam - Singapore vocational training Center with the function of training more than 300 grade II workers, there is no other center in the industrial zones.

Challenges from immigration laborers and assuring rights for laborers

Number of laborers working in Binh Duong's industrial zones is 79,614 people compared with the total laborers of 210,275 who are working in enterprises in the province, making up 37.86 percent. A typical feature of employees in the industrial zones is that most of them are women and immigration workers. VSIP is a typical case with 70.96 percent of women workers while it is 67 percent in others. Concerning immigrated laborers, the percentage in VSIP is 60 percent while it is 92 percent in the industrial zones that are under the province's management.

According to the report made by the Binh Duong People's Committee in a meeting of the People's Council at the end 2002, industrial zones in Binh Duong are not attractive to laborers owning to three following main reasons:

1) Average income of workers with high working capacity and technical qualification in the industrial zones is only VND 800,000 - VND 900,000 per month while of general laborer working outside the industrial zones is VND 40,000 - VND 50,000 per day.

2) Most of laborers in Binh Duong have education level from grade 7 to grade 9 and have not been trained with technical profession.

3) The ages for recruitment range from 18 to 35. Hence, if all of the laborers at these ages in Binh Duong are employed to work in enterprises in the industrial zones, it is still inadequate. Every year these zones still lack 5,000 - 6,000 employees.

The immigration laborers inside as well as outside the industrial zones create a great pressure to Binh Duong on issues of arranging accommodations for the workers and some other social issues. Thus, the management of laborers in the industrial zones should be paid more attention in the coming time.

7 groups of solutions for 2003 - 2005

To make the industrial zones achieve sustainable development and become a tool for industrialization and modernization, following solutions should be carried out in management in 2003 - 2005:

1) Promote propagation and education in different departments and levels to help them understand properly the roles of industrial zones as a breakthrough, a tool in shifting the economic structure in the orientation of quickly raising industrial proportion, helping achieve the national objective of industrialization and modernization; implement thoroughly the "one door at the site" policy, regard it as a trial in improving economic management institutions contributing to create a favourble investment environment for enterprises to develop their self-controls, self-responsibilities and self-management in the legal framework of enterprises.

2) The State should focus on dealing with difficulties in compensation and site clearing, as this is really the constraint to planning and developing industrial zones. In 1994 - 1996, method used by the infrastructure investor in dealing with compensation and site clearing issue brought about some encouraging results. Now, the situation has changed, this method is no more appropriate. Thus, the State has to play a key role in solving compensation and site clearing, then assigned the work to the investors. The compensation and site clearing can only be solved quickly with good results with the intervention of the State. However, the main problem now is that the State has to ensure the life for households who have to move to other places.

The Government should find out appropriate measures such as building houses of different types such as family block or residential area for families in clearing area. By doing this, the planning of industrial zone is integrated with planning of urban to avoid the case of people who receives the compensation in cash have to "swim by themselves" in the market economy. Families with good financial condition should be encouraged to use the compensated money to share capital with the investors.

3) Protect the environment with a special attention to industrial wastes including solid wastes and harmful solid wastes. The province should focus on calling for investment in the above mentioned construction works. In 2003, enterprises with industrial solid waste have to complete the connection of pipe to the sewage treatment factory. Environmental protection in the industrial zones should concentrated in two following issues:

- The province should focus on building industrial waste treatment station (harmful waste).

- Enterprises have to complete the connection of pipe to sewage treatment station in 2003.

4) To better manage the planning of industrial zones, measures should be drawn out by the State to ensure that investors will respect the functional planned area. When the secondary investors lack capital, they lease the land to all sectors even if they are opposite sectors such as locating chemical enterprises closed to food enterprises or the dying textile and con-

struction next to a fibre processing ones. In addition, the State should give preferential policies for investors who invest in construction of infrastructure and environmental protection to get favourable credit in a longer term of 15- 20 years.

The planning and development of industrial zones should take into account the comparative advantages of each local area, respect planning and development of the area to avoid competition in investment and overlapped investments that squander the human resources of the country.

5) In the mean time, the State should clarify the state management function of the Management Unit of province's industrial zones in the State's administration system. Is the Province's Management Unit with stamp of the national emblem equal to Department level? How the province's Management Unit should implement the function of state management as well as function of direct management of enterprises in the industrial zones? At present the Management Unit of industrial zones at provincial level is under the Provincial People's Committee, however, its higher organization has not been identified. While higher organization is found in all other regional countries. For instance, in Thailand, the Management Unit of industrial zones at provincial level is under the management of IEAT organization under the Ministry of Industry or in Taiwan, it is under the management of Department of Industry under Ministry of Economy etc. The identification of higher organization of the Management Unit at provincial level is very necessary to provide guidance on professional skills, review models of industrial and processing zones throughout Vietnam to disseminate and duplicate this model to localities that have favourable conditions in terms of transportation and infrastructure. These urgent issues should be reviewed by the Management Unit of industrial zones at provincial level to avoid the "movement" as occurred in many areas today.

Budget for performance in industrial zones at provincial level is also regarded as a topic that should be paid attention to. While providing budget for operation in industrial zones, the Government should avoid the tendency of giving an average amount or subsidy but base on the Management Unit as a management unit of the Government and direct management unit of enterprises. Budget given should not be the same for all provinces with industrial zones. Budget for a province with a number of industrial zones in operation should be different from the ones with the Management Unit that has been initial period. During the past time, the Government has allowed the Management Unit of industrial and processing zones in Ho Chi Minh City to deduct from export-import ratio of Tan Thuan Processing Zone for operation cost. This strategy has been evaluated to be necessary to introduce and apply to other provinces with industrial zones.

6) The infrastructure investors in Song Than I, Song Than II, Binh Duong, Dong An, Viet Huong and VSIP should focus on finalizing the infrastructure of their industrial zones. Though the above-listed industrial zones have achieved high rate of land for lease, while completing the infrastructure, attention should be paid to works to serve the spiritual and material life of laborers. In particular, the State should issue policy to support the enterprises in building houses for workers - a pressing need in the industrial zones in Binh Duong and in the Key Economic Zone in the South. Solving the problem of accommodation will help deal with many other issues such as traffic jam, traffic accident in the Key Economic Zone in the South, moving of laborers in the industrial zones, contributing to develop the industrial zones sustainably.

7) As Vietnam is going to join in AFTA in 2006 and WTO in the near future, the system of industrial - processing zones in the Key Economic Zone in the South should be seen as key tools to integrate in international economy. Thus, the State should consider promulgating policies on promoting enterprises in the industrial zones and export processing zones to improve technologies and management, increasing competitiveness and following regulations of WTO to make these zones become an motive force in helping Vietnam's economy to successfully join in the world economy.

Khu công nghiệp Sóng Thần I và II

Sóng Thần I và II là hai khu công nghiệp được xây dựng trong giai đoạn đầu tiên phát triển khu công nghiệp tại Bình Dương (1995 - 1996). Trong đó, Khu công nghiệp Sóng Thần I được hình thành trước Khu công nghiệp Sóng Thần II hơn 1 năm. Cả hai khu đều là những khu có diện tích khá lớn, trong đó Sóng Thần I đứng thứ 4 và Sóng Thần II đứng thứ 3 trong tổng số 9 khu công nghiệp của Bình Dương. Sau 7 - 8 năm kể từ ngày được cấp phép đầu tư, đến nay, cả hai khu công nghiệp này đã thu hút được rất nhiều dự án đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình hoạt động trong những năm tiếp theo, năm 2002, Bộ Xây dựng tiếp tục có một số điều chỉnh về mặt quy hoạch của cả hai khu công nghiệp này.

1. Khu Công nghiệp Sóng Thần I :

- ***Chủ đầu tư:*** Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ.
  - Địa chỉ: 63 Yersin phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
  - Tel: 0650.822966, Fax: 0650.821734
- ***Được phê duyệt tại:***
  - Quyết định số 577/TTg ngày 16-09-1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư.
  - Quyết định số 646/TTg ngày 09-10-1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho thuê đất.
  - Quyết định số 2148/BXD/KTQH ngày 21-09-1995 của Bộ Xây dựng phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp.
  - Quyết định số 1199/QĐ-BXD ngày 24-9-2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Sóng Thần I và II tại huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương.
- ***Diện tích quy hoạch:*** 180,3 ha, trong đó có 138,2 ha diện tích cho thuê. Tính đến hết năm 2002, khu công nghiệp này đã lấp kín 89,2%.
- ***Tổng vốn đầu tư :*** 24.941.800 USD
- ***Vị trí:***
  - Thuộc Khu công nghiệp Sóng Thần, nằm ở thị trấn Dĩ An, huyện Thuận An
  - Gần ga đường sắt Sóng Thần (cách 0,1 km), cách Tân Cảng 8 km, cảng Sài Gòn 10 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 12 km, cách thành phố Biên Hoà (Đồng Nai) 20 km, cách Vũng Tàu 100 km.
  - Cách thị trấn Thủ Đức 2 km, cách thị trấn Lái Thiêu 5 km.
- ***Cơ sở hạ tầng***
  - Có trạm biến áp công suất 40 MVA.
  - Nhà máy nước Tân Ba công suất 200.000 m^3/ngày đêm.
  - Nhà máy xử lý nước thải 12.000 m^3/ngày
  - Bưu điện Sóng Thần dung lượng 1.200 số
  - Bệnh viện 200 giường
  - Khu dân cư đô thị rộng 77 ha, quy mô 10.000 dân
  - Kho Tân cảng (cảng cạn) rộng 50 ha
- Bố trí các ngành công nghiệp: Cơ khí (chế tạo máy móc, phương tiện giao thông vận tải, máy móc xây dựng...), điện tử, công nghiệp thực phẩm, dệt may, hương liệu, dược liệu.

2. Khu công nghiệp Sóng Thần II (Sóng Thần mở rộng)

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp Sóng Thần

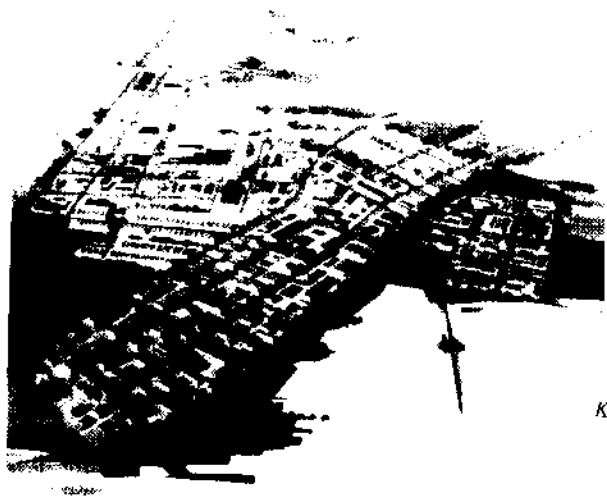

Khu công nghiệp Sóng Thần

Địa chỉ: 63 Yersin thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Tel: 0650.829534 - Fax: 0650.821734

- Được phê duyệt tại:
- Quyết định số 796/TTg ngày 28-10-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư.
- Quyết định số 951/TTg ngày 20-12-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho thuê đất.
- Quyết định số 16/BXD/KTQH ngày 11-01-1997 của Bộ Xây dựng phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp.
- Quyết định số 1199/QĐ-BXD ngày 24-9-2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Sóng Thần I và II tại huyện Dĩ An (Bình Dương).
- Diện tích quy hoạch: 308,69 ha (giảm so với diện tích ban đầu 133,31 ha), trong đó 174,2 ha đất công nghiệp cho thuê đã lấp kín 71,7%.
- Tổng vốn đầu tư: 450 tỷ đồng.
- Vị trí:
- Thuộc Khu công nghiệp Sóng Thần, nằm ở xã Tân Đông Hiệp và thị trấn Dĩ An, huyện Thuận An.
- Gần ga Sóng Thần, cách Tân Cảng 9,5 km, sân bay Tân Sơn Nhất 12 km, thành phố Hồ Chí Minh 15 km, cách thành phố Biên Hoà (Đồng Nai) 20 km, Vũng Tàu 110 km.
- Cách thị trấn Thủ Đức 3km, thị trấn Dĩ An 2 km
- ***Cơ sở hạ tầng:***
- Có trạm biến áp công suất 40 MVA
- Nhà máy nước Tân Ba công suất 200.000 m^3/ngày đêm.
- Có hệ thống điện, nước, chiếc sáng, thoát nước đầy đủ
- ***Bố trí các ngành công nghiệp tương tự như Khu công nghiệp Sóng Thần I***

3. Định hướng đầu tư mở rộng các khu công nghiệp Sóng Thần I và II

Theo Quyết định mới nhất số 1199/QĐ-BXD ngày 24-9-2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Sóng Thần I và II tại huyện Dĩ An (Bình Dương), hai khu công nghiệp này sẽ được phát triển như sau:

3.1. Về phạm vi, ranh giới lập quy hoạch chi tiết

Khu Sóng Thần I không có gì thay đổi, nhưng với Sóng Thần II sẽ có một số thay đổi lớn. Trong đó, Khu Sóng Thần II có quy mô 308,69 ha do Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Thanh Lễ thuê để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Như vậy, so với bản quy hoạch ban đầu giảm 133,31ha (lúc đầu 442 ha), gồm có: đất chuyển

Cơ cấu sử dụng đất đai

STT	Các loại đất	Khu công nghiệp Sóng Thần I		Khu công nghiệp Sóng Thần II		Khu công nghiệp Sóng Thần I và II	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng các nhà máy và kho tàng	139,71	77,4	217,23	68,0	356,94	71,4
	- Đất xí nghiệp	112,51	62,4	216,93	67,9	329,44	65,9
	- Đất kho tàng	27,2	15,0	0,3	0,1	27,5	5,5
2	Đất xây dựng công trình điều hành và dịch vụ	14,52	8,1	7,85	2,5	22,37	4,5
3	Đất cây xanh tập trung	4,69	2,6	58,56	18,3	63,25	12,7
4	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,75	0,4	0,56	0,2	1,31	0,2
5	Đất giao thông	20,66	11,5	34,58	10,8	55,24	11,1
6	Đất khác			0,65	0,2	0,65	0,1
	Tổng cộng	**180,33**	**100**	**319,43**	**100**	**499,76**	**100**

Nguồn: Khu công nghiệp Sóng Thần I và II

chức năng sang khu dân cư là 54,0 ha; đất dành cho các xí nghiệp ngoài khu công nghiệp là 30,58 ha; đất thuộc Khu công nghiệp Sóng Thần I là 11,3 ha; đất chưa xây dựng không có khả năng đền bù là 33,03 ha; đất xây dựng nhà ở cho công nhân ra ngoài khu công nghiệp 4,4 ha. Bổ sung trục đường Thống Nhất có diện tích 10,74 ha vào diện tích của Khu công nghiệp Sóng Thần II (trước được tính vào giao thông đối ngoại).

3.2. Không có thay đổi lớn về tính chất khu công nghiệp

Khu công nghiệp Sóng Thần I và II chủ yếu dành để bố trí ngành công nghiệp không gây ô nhiễm lớn như gia công, chế biến hàng tiêu dùng, thực phẩm, công nghiệp cơ khí và vật liệu xây dựng... và một số ngành công nghiệp có nguyên liệu và sản phẩm nặng, cồng kềnh, có yêu cầu vận chuyển và sử dụng kho bãi lớn.

3.3. Quy hoạch sử dụng đất đai

Về phân khu chức năng.

1) Đất xây dựng các xí nghiệp công nghiệp có diện tích 329,44 ha, gồm công nghiệp gia công, chế biến hàng tiêu dùng, thực phẩm, công nghiệp cơ khí và vật liệu xây dựng... Với quy mô các lô cho từng xí nghiệp công nghiệp loại nhỏ: 0,5 - 1,0 ha; loại vừa 3,0 - 5,0 ha và loại lớn 8,0 - 10,0 ha với mật độ xây dựng không quá 70%, tầng cao trung bình 1 - 3 tầng và hệ số sử dụng đất 0,91 lần.

2) Đất kho bãi có diện tích 27,5 ha.

3) Khu vực dành để xây dựng các công trình điều hành và dịch vụ công cộng có diện tích 22,37 ha gồm: khối quản lý và giao dịch (văn phòng quản lý, ngân hàng, hải quan, bưu điện, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, tiếp thị) được bố trí ở khu đất 1 nằm trên đường Thống Nhất, ngã tư của hai trục đường chính, cạnh hồ nước (1,03 ha); khu đất 2 ở góc Đông Nam khu công nghiệp, trên đường Độc Lập (0,3 ha); khu đất 3 ở cạnh ranh giới Khu công nghiệp Sóng Thần I và II (0,3 ha); khối hoạt động dịch vụ - thương mại, ăn uống, giải trí, nhà ở công vụ, khách sạn phục vụ khu công nghiệp và đô thị được bố trí ở khu đất 4 giáp tỉnh lộ 743 (18,27 ha) với mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao trung bình 3 tầng và hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

4) Đất xây dựng các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có diện tích 1,31 ha gồm trạm xử lý nước thải có quy mô 1,0 ha được bố trí tại khu đất cạnh hồ và khu vực Quân đoàn 4 và 0,3 ha trạm điện. Rác thải được thu gom tại các nhà máy và đưa về khu xử lý chung của tỉnh Bình Dương tại Tân Uyên.

5) Đất xây dựng đường giao thông chính và bãi đỗ xe có diện tích là 55,24 ha, gồm các tuyến đường Thống Nhất (10,74 ha trước là giao thông đối ngoại) và các tuyến đường khác có lộ giới từ 13 m đến 39 m.

6) Đất trồng cây xanh có diện tích 63,25 ha. Trong đó, khu cây xanh tập trung có diện tích 49,68 ha, gồm khu công viên - cây xanh tập trung tại ngã tư đường Thống Nhất và đường số 10 kết hợp khu trung tâm điều hành - dịch vụ và hồ nước có diện tích 9,81 ha; khu cây xanh bố trí kết hợp với công trình di tích giữ lại ở phía đông bắc Khu công nghiệp Sóng Thần II có diện tích 2,02 ha; khu cây xanh có quy mô lớn bố trí phía bắc khu công nghiệp, cách ly khu công nghiệp và khu dân cư thị trấn Dĩ An có diện tích 34,05 ha; khu công viên - cây xanh kết hợp khối dịch vụ ở góc đông nam Khu công nghiệp Sóng Thần I có diện tích 3,8 ha. Cây xanh được bố trí phân tán dọc hai bên đường Thống Nhất và đường số 10 là 13,57 ha.

Các điểm cần lưu ý khi hoàn thiện và mở rộng hai khu công nghiệp này

1) Do Khu Công nghiệp Sóng Thần I và II có quy mô 499,76 ha nằm cạnh khu dân cư, đầu mối giao thông lớn của Đô thị Nam Bình Dương, nên việc xây dựng mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp phải đảm bảo tính thống nhất với giải pháp mặt bằng quy hoạch chung toàn khu vực.

2) Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quản lý chặt chẽ lộ giới tỉnh lộ 743 và phát triển các tuyến giao thông đối ngoại mới theo quy hoạch để đảm bảo mối liên hệ giao thông Đông - Tây của tỉnh Bình Dương khi tuyến đường Thống Nhất được điều chỉnh thành đường nội bộ của khu công nghiệp.

3) Chủ đầu tư cần lập và trình duyệt Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sóng Thần I và II theo quy định của pháp luật.

4) Đối với khu thương mại, dịch vụ tại khu đất 4 (18,27 ha), chủ đầu tư cần phải lập quy hoạch chi tiết và dự án thành phần trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và làm các thủ tục về đất đai, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

5) Mọi việc điều chỉnh quy hoạch sau khi được duyệt phải thực hiện theo Thông tư số 04/BXD-KTQH ngày 30-07-1997 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định 36/CP ngày 24-04-1997 của Chính phủ đối với việc lập, xét duyệt quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng theo quy hoạch và thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình thuộc các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Song Than Industrial Parks No. 1 and No. 2

Song Than Industrial Parks No.1 and No.2 were both built at the beginning development period of industrial zones in Binh Duong (1995 - 1996). Song Than Industrial Park No.1 was established one year before Song Than No.2. Both have large areas, ranking the fourth and the third respectively in the total nine industrial parks of Binh Duong. Over the seven and eight years of the investment licenses, both of them have attracted a great number of foreign investment projects. However, in 2002, the Ministry of Construction made some more regulations on the planning of those both industrial parks to meet their operation situations in the coming years.

1. Song Than Industrial Park No.1.

■ ***Investor:*** Thanh Le Commercial Import and Export Company
- Address: 63 Yersin Str., Hiep Thanh Ward, Thu Dau Mot town, Binh Duong province.
- Tel: 0650.822966
- Fax: 0650.821734

■ ***Establishment pursuant to:***
- The Prime Ministerial Decision No.577/TTg dated September 16th 1995 on approving investment projects.
- The Prime Ministerial Decision No.646/TTg dated October 9th 1995 on land leasing.
- The Decision No.2148/BXD/KTQH dated September 21st 1995 by the Ministry of Construction approving the detailed planning of the industrial zone.
- The Decision No.1199/QD-BXD dated September 24th 2002 by the Minister of Construction approving the detailed planning of Song Than Industrial Park No.1 and No.2 in Di An district, Binh Duong province.

■ ***Size:*** 180.3 hectares, including 138.2 hectares for rent. Until the end of the year 2002, 89.2 percent of Song Than Industrial Park No.1 had been leased.

■ ***Total investment:*** US$24,941,800

■ ***Location:***
- Song Than Industrial Zone in Di An township, Thuan An district, Binh Duong
- From Song Than railway station: 0.1 km
- From Tan Cang: 8 km
- From Saigon port: 10 km
- From Ho Chi Minh city: 12 km
- From Bien Hoa city (Dong Nai): 20 km
- From Vung Tau: 100 km.
- From Thu Duc township: 2 km
- From Lai Thieu township: 5 km

■ ***Infrastructure:***
- An electric station with the capacity of 40 MVA
- Tan Ba Water Supply Factory with the capacity of 200,000 cu.m per day
- Sewage treatment factory with the capacity of 12,000 cu.m per day
- Song Than post office capable of 1,200 lines
- A hospital with 200 beds
- Urban residential area of 77 hectares with the capacity of 10,000 people
- Tan Cang Store of 50 hectares

■ ***Distribution of industries:*** engineering (machines, vehicles and construction machines manufacturing), electronics, food industry, garment, spices and medicines.

2. Song Than Industrial Park No.2 (Expanded Song Than)

■ ***Investor:*** Song Than Industrial Park Development Joint-stock Company
Address: 63 Yersin street, Thu Dau Mot town, Binh Duong province
Tel: 0650.829534
Fax: 065.821734

■ ***Approved by:***
- The Prime Ministerial Decision No.796/TTg dated October 28th 1996 on approving investment project.
- The Prime Ministerial Decision No.951/TTg dated December 20 1996 on land leasing.

- The Decision No. 16/BXD/KTQH dated January 11th, 1997 by the Ministry of Construction on approving the detailed planning of the industrial zone
- The Decision No.1199/QD-BXD dated September 24th 2002 by the Minister of Construction on approving the detailed planning of Song Than Industrial Park No.1 and No.2 in Di An district, Binh Duong province.

■ *Size:* 308.69 hectares (133.31 hectares less than the initial area), of which 71.7 percent of the 174.2-hectare land for industrial rent has been covered.

■ ***Total investment:*** VND450 billion

■ ***Location:***

- Song Than industrial zone, in Tan Dong Hiep commune and Di An township, Thuan An district.
- Near Song Than station, 9.5 km from Tan Cang, 12 km from Tan Son Nhat Airport, 15 km from Ho Chi Minh city, 20 km from Bien Hoa city (Dong Nai), and 110 km from Vung Tau
- 3 km from Thu Duc township and 2 km from Di An township

■ ***Infrastructure:***

- An electricity station with the capacity of 40 MVA
- Tan Ba Water Supply Factory with the capacity of 200,000 cu.m per day
- Full system of electricity, water supply, lighting and drainage

■ ***The distribution of industries is similar to that in the Song Than Industrial park No.1***

3. Investment and expansion direction of Song Than Industrial Park No.1 and Song Than Industrial Park No.2

According to the latest Decision (No.1199/QD-BXD) dated September 24th 2002 by the Ministry of Construction on approving the detailed planning of Song Than Industrial Park No.1 and No.2 in Di An (Binh Duong), the structure of these two industrial parks will be as follows:

3.1. Areas and borders for detailed planning

There will be no changes in Song Than No.1 but some big changes in Song Than No.2. Accordingly, the area of Song Than Industrial Park No.2 is 308.69 hectares rent by Thanh Le Industrial Zone Development Joint-stock Company for investing in construction and technical infrastructure trading services of the park. Therefore, according to the initial plan, the area reduced by 133.31 hectares (from 442 hectares) includes: 54 hectares for residential area, 30.58 hectares for other enterprises outside the industrial park, 11.3 hectares for Song Than Industrial Park No.1, 33.03 hectares abandoned due to the lack of land clearing compensation, 4.4 hectares to build living quarter blocks for the workers outside the park. Besides, the area of Song Than No.2 is extended with the 10.74 - hectares of Thong Nhat Road that used to be considered an external communication line.

3.2. Not many changes in the parks' specifications

These two industrial parks are mainly for those industries that cause low pollution such as processing and subcontracting consumption goods and foods, engineering and construction materials, as well as some industries with the heavy and bulky materials that require large stores and ports.

3.3. Detailed planning for land use (see table)

Function division

1) Land for the construction of the industrial factories has the total area of 329.44 hectares, including industries with processing contract, commodities and food processing, engineering industry and construction materials. The area for industrial factories of small, medium and large scale covers 0.5 - 1.0 hectares, 3-5 hectares and 8-10 hectare respectively with the construction density of less than 70 percent, average height of 1.3 floor and the land use coefficient of 0.91times.
2) Area of stores and ports: 27.5 hectares
3) Area for the construction of management and service public works is 22.37 hectares. The first block next to Thong Nhat road, the intersection of the two main roads, and by the lake of 1.03 hectares will be used for the management and transaction boards (management offices, banks, customs offices, post offices, exhibitions, showrooms and marketing activities). The second block is in the southeast corner of the park, nearby Doc Lap road. The third block close to the boundary between Song Than No.1 and No.2 with an area of 0.3 hectare. And, the fourth block (18.27 hectares) is alongside the provincial road No.743 with the construction density of around 40 percent, average height of three floors and the land use coefficient of 1.2 times.
4) An area of 1.31 hectare is for the technical works including a sewage treatment factory with the area of one hectare located by the lake and military post No.4 and an electricity station of 0.3 hectares. All the wastes are collected at the factories and later taken to the common waste treatment area of the

Land use structure

No.	Land Use	Song Than Industrial Park No.1		Song Than Industrial Park No.2		Song Than industrial parks (No. 1 and No.2)	
		Area (ha)	Percentage (%)	Area (ha)	Percentage (%)	Area (ha)	Percentage (%)
1	Construction of factories and stores building	139.71	77.4	217.23	68.0	356.94	71.4
	-Factories	112.51	62.4	216.93	67.9	329.44	65.9
	-Stores	27.2	15.0	0.3	0.1	27.5	5.5
2	Construction of Management and services works	14.52	8.1	7.85	2.5	22.37	4.5
3	Concentrated green space	4.69	2.6	58.56	18.3	63.25	12.7
4	Technical infrastructure works	0.75	0.4	0.56	0.2	1.31	0.2
5	Roads	20.66	11.5	34.58	10.8	55.24	11.1
6	Others			0.65	0.2	0.65	0.1
	Total	**180.33**	**100**	**319.43**	**100**	**499.76**	**100**

Source: Song Than I & II Industrial Park

province in Tan Uyen.

5) Main roads and parking place will be built over a total area of 55.24 hectares, including Thong Nhat road (with the 10.74 hectares that used to be considered external communication line) and other roads with the width of 13 -39 metres.
6) The plantations cover 63.25 hectares. The area for concentrated green trees covers 49.68 hectares, intersection of Thong Nhat and Road No.10, and the central area of management, services and lake with the total area of 9.81 hectares. The large plantation accompanied by a remained works in the northeast of Song Than Industrial Park No.2 with an area of 2.02 hectares in the north of the park. A large area of green trees (34.05 hectares) in the north of the park, separating the park with the residential area in Di An township. And, an area of 3.8 hectares of green park and services in the southeast of Song Than Industrial Park No.1. Moreover, along both sides of Thong Nhat road and road No.10 with the total area of around 13.57 hectares.

Remarks for the expansion and completion of the two industrial parks

1) Song Than industrial parks (No.1 and No.2) cover a large area (499.76 hectares) and are located next to the residential area and a big gateway of Nam Binh Duong urban area. The infrastructure construction should thus ensure the harmony in the common planning of the whole site.
2) Binh Duong People's Committee should strictly control the road frontage of No.743 and develop external communication clues according to the planning to ensure the east to west communication of Binh Duong province when the Thong Nhat road becomes internal road of the industrial park.
3) The investor should make and submit the adjustment for the infrastructure construction and trading project for the two industrial parks in accordance to the prevailing laws.
4) For the commercial and services area in the fourth block (18.27 hectares), the two investors should make a detailed plan and component projects submitted to the related state bodies for approval, fulfil the procedures related to land and financial responsibilities according to the prevailing laws.
5) The adjustment of the plan after approval must follow the Circular Letter No.04/BXD-KTQH dated July 30th 1997 by the Ministry of Construction on guiding the implementation of the Governmental Decree No.36/CP (dated April 24th 1997) on making and approving the detailed plans, managing the construction in accordance to the plan, and reviewing architecture of technical works of investment projects for industrial zones, export processing zones, and hi-tech zones.

KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE

Biểu tượng thành công trong đầu tư và hợp tác

Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) đang được xem là biểu tượng sống động của mối quan hệ hợp tác và hữu nghị giữa 2 nước khi VISP ngày càng trở thành địa chỉ hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore được khởi công xây dựng năm 1996 với quy mô 50 ha tại huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Không giống như các khu công nghiệp khác, VISP là khu công nghiệp duy nhất của Việt Nam được thành lập theo văn bản ký kết cấp Chính phủ giữa hai quốc gia: Việt Nam và Singapore. Với mong muốn giúp đỡ Việt Nam phát triển kinh tế dựa trên thế mạnh sẵn có là nguồn nhân lực dồi dào, Chính phủ Singapore đã có thiện chí hợp tác xây dựng một khu công nghiệp hiện đại. Dự án đã ra đời cũng với sự liên kết góp vốn đầu tư của các đối tác trong và ngoài nước là những tập đoàn có kinh nghiệm và uy tín như SembCorp Industries, JTC International, United Overseas Land (Singapore), Mitsubishi Corporation (Nhật Bản), KMP (Indônêxia), Becamex (Việt Nam).

Đến cuối năm 2002, VSIP đã cho thuê trên 90% diện tích đất giai đoạn I (100 ha) và 60% diện tích đất giai đoạn II (200 ha) với 106 dự án được ký kết. Các dự án này do các nhà đầu tư đến từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 62 dự án đã chính thức đi vào hoạt động sản xuất ở nhiều ngành như điện, điện tử, cơ khí chính xác, dược phẩm, thực phẩm. Các doanh nghiệp có tiếng như Nitto Denko, Rohto (Nhật Bản), ICA Pharma (Việt Nam), Korea United Pharma (Hàn Quốc), Roche (Mỹ), Kimberly Clark (Mỹ), New Toyo (Xingapo) - đều chọn VSIP là địa điểm xây dựng nhà máy cho dự án đầu tư của mình.

Sức hấp dẫn của VSIP được thể hiện qua chính sách "khách hàng là đối tác". Giải thích về chính sách này, ông Trần Quang Lân - Tổng giám đốc Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore cho biết: "VSIP ngày càng được nhiều khách hàng đầu tư trong và ngoài nước biết đến không chỉ do có cơ sở hạ tầng hoàn hảo mà còn vì các nhà đầu tư luôn nhận được hỗ trợ tối đa của VSIP, Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Hải quan VSIP và các ban ngành tỉnh Bình Dương".

Điều đó có nghĩa là, nhà đầu tư khi ký kết với VSIP chỉ là bước đầu tiên của một quá trình công tác lâu dài mà qua đó VSIP sẽ hỗ trợ nhà đầu tư tối đa trong hoạt động sản xuất - kinh doanh để từ đó "tiếng lành đồn xa" sẽ mang thêm nhiều nhà đầu tư mới cho VSIP. Ông Trần Quang Lân cũng cho biết thêm: "Chúng tôi luôn xem nhà đầu tư là đối tác của

Một góc khu công nghiệp Việt Nam - Singapore

mình và thông qua bộ phận dịch vụ khách hàng - là cầu nối giữa nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan - chúng tôi mong muốn nhà đầu tư có nhiều thời gian cho công việc sản xuất - kinh doanh. Với phương châm luôn làm hài lòng khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 của công ty, chúng tôi luôn mong muốn tạo ra môi trường đầu tư tốt nhất cho đối tác tại Việt Nam".

Ưu thế nổi bật về hạ tầng

Theo đánh giá của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại khu công nghiệp này, VSIP hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi cả về vị trí địa lý, dịch vụ hạ tầng cơ sở cũng như những dịch vụ, thủ tục đầu tư. Đúng như lời ông Henry Chuah - Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh Phát triển Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore: "Quan điểm đầu tư của VSIP là thiết kế, xây dựng 1 khu công nghiệp có cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ hoàn chỉnh, đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm thu hút các ngành công nghiệp sạch và công nghệ cao, phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước".

Nằm tại trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cách thành phố Hồ Chí Minh 17 km về phía Bắc, VSIP có một vị trí địa lý khá thuận lợi với nhiều ưu điểm như cách Tân Cảng 17 km; cụm cảng Sài Gòn VICT 22 km và sân bay Tân Sơn Nhất 20 km. VSIP còn tiếp giáp với Quốc lộ 13 và trục tỉnh lộ ĐT 743 được xem là 2 nhánh huyết mạch giao thông chính nối liền với các tỉnh lân cận cũng như toả đi các trục giao thông chính trong cả nước.

Ông Henry Chuah cho biết: "Ngay từ ban đầu, VSIP đã đầu tư và xây dựng các tiện nghi và cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm tạo ra một lợi thế nổi bật so với các khu công nghiệp khác. Chúng tôi đặt cao vấn đề bảo vệ môi trường, vì vậy chúng tôi hướng tới thu hút các dự án đầu tư thuộc ngành công nghiệp nhẹ và ít gây ô nhiễm. Chúng tôi muốn đảm bảo ngay cả khi được lấp đầy thì khu công nghiệp vẫn sạch và không bị ô nhiễm".

VSIP đang có một hạ tầng tương đối hoàn chỉnh như nhà máy điện công suất 120 MVA (giai đoạn 1 là 15 MVA) cung cấp điện thường xuyên; nhà máy cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới cung cấp 40.000 m^3/ngày đêm (giai đoạn 1 là 12.000 m^3/ngày đêm); nhà máy xử lý nước thải công suất 30.000 m^3/ngày (giai đoạn 1 là 6.000 m^3/ngày); hệ thống bưu chính viễn thông với 1.200 đường dây được lắp đặt sẵn và hệ thống cáp quang có thể nối kết với các ứng dụng viễn thông, hệ thống kênh thuê riêng.

Ngoài ra, VSIP còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như ngân hàng, dịch vụ giao nhận, trung tâm y tế, bưu điện, shop, các dịch vụ sửa chữa bảo trì máy văn phòng, đặc biệt là can tin phục vụ cho khoảng 700 công nhân.

Hỗ trợ cao nhất về chính sách

"Chính phủ Việt Nam muốn VSIP trở thành biểu tượng thành công rực rỡ của mối quan hệ hợp tác giữa hai chính phủ. Chính vì vậy, Chính phủ Việt Nam đã dành nhiều quan tâm cũng như trực tiếp chỉ đạo quá trình xây dựng và phát triển của khu công nghiệp", ông Lý Hùng - Phó Trưởng ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore nhấn mạnh.

Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore đã nhận được sự hỗ trợ đặc biệt từ Chính phủ Việt Nam qua việc cho phép thành lập một Ban quản lý riêng. Ban quản lý gồm các quan chức cao cấp từ các bộ, ngành có liên quan để tư vấn cho các nhà đầu tư, thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho các dự án có tổng vốn dưới 40 triệu USD. Ngoài ra, ban quản lý còn có chức năng hoàn thành các thủ tục khác như cấp giấy phép xuất nhập khẩu, xây dựng, tuyển dụng lao động cho các dự án đầu tư tại khu công nghiệp, tạo cơ chế "một cửa" thông thoáng và đơn giản hóa các thủ tục đầu tư của khách hàng. Chính phủ Việt Nam cũng cho phép thành lập Hải quan riêng của khu công nghiệp nhằm giúp các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu nhanh chóng và đơn giản. "Là khu công nghiệp có duy nhất một ban quản

Một số chi phí đầu tư tại VISP

1. Giá thuê đất: US$ 38/m^2 trong 45 năm
2. Phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng: US$ 0,07/m^2/tháng
3. Điện: - Cao điểm: US$ 0,08/kwh, - Bình thường: US$ 0,075/kwh
4. Nước: US$ 0,31/m^3
5. Xử lý nước thải: US$ 0,19/m^3

lý, cùng với sự hỗ trợ của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương và phía hải quan, chúng tôi thực hiện dịch vụ một cửa - tại chỗ một cách hiệu quả và thuận tiện nhất cho khách hàng. Chúng tôi cũng cung cấp một phong cách quản lý rất hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của Singapore".

Không chỉ có vậy, VSIP còn nhận được sự hỗ trợ cao nhất từ Chính phủ 2 nước trong việc xây dựng Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore (năm 1998). Trung tâm này có thể đào tạo 450 học viên/năm, chủ yếu là các kỹ thuật viên trung cấp theo 4 chuyên ngành chính là điện tử, bảo trì điện, bảo trì cơ khí, chế tạo máy và cơ khí chính xác. Các học viên sau khi tốt nghiệp sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức và được nhận vào làm việc ngay tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Ngoài ra, VSIP còn hợp tác với các công ty xây dựng nhà tiến hành xây dựng khu nhà ở giá thấp cho công nhân thuê, nhằm tạo nơi ăn, ở an toàn và ổn định cho họ. Sự ra đời của khu nhà ở cho công nhân cũng nhằm tạo thuận lợi cho các công ty sử dụng nhiều lao động trong việc quản lý và đưa đón công nhân.

VSIP đang phát triển giai đoạn II, III và dự tính trong khoảng 4 năm nữa thì sẽ lấp đầy toàn bộ. Với những thế mạnh nổi trội hơn so với nhiều khu công nghiệp khác, VSIP sẽ tiếp tục là địa chỉ hấp dẫn các nhà đầu tư quốc tế.

VIETNAM-SINGAPORE INDUSTRIAL PARK

The Symbol of Success in Investment and Co-operation

Vietnam-Singapore Industrial Park (VSIP) considered, a lively symbol of the co-operative and friendly relation between the two countries, is becoming an attractive place for investors.

Vietnam-Singapore Industrial Park started to be built in 1996 on a 50-hectare area in Thuan An District, Binh Duong Province. Unlike the others, VSIP is the only industrial zone established in accordance with the international contract between Vietnam and Singapore. With the aim to help Vietnam develop the economy with the available advantages of a rich human resource, the Singaporean Government recommended the co-operation to build a modern industrial park. The project was then implemented with the supports from the local and foreign prestigious and experienced partners such as: SemCorp Industries, JTC International, United Overseas Land (Singaporean), Mitsubishi Corporation (Japanese), KPM (Indonesia) and Becamex (Vietnam).

By the end of 2002, VSIP had 90 percent of land areas (100 hectares) for rent of the first phase and 60 percent of land area (200 hectares) in second phase. There are 106 projects signed with 15 countries of which 62 projects has put into operation in many fields such as electricity, electronics, precise engineering, pharmaceutical products and food. Many famous businesses such as Nitto Denko, Rohto (Japanese), ICA Pharma (Vietnam), Korea United Pharma (Korea), Roche (America), Kimberly Clark (America), New Toyo (Singapore) all choose VSIP for constructing factorises in their investment.

The attraction of VSIP is the policy "customers are partners". According to General Director of VISP, Tran Quang Lan VSIP is known by many domestic and foreign investors not only because of perfect infrastructure but the maxium supports for investors from VISP and other related agencies such as VSIP's management board, customs

and Binh Duong's sectors and departments."

The policy of regarding customers as investors and partners when signing contracts with VISP is just only the first step of the long-term co-operation through which VSIP will do utmost to support investors during their business and production performance so as the good rumor will go far and it will help to attract more new investors for the industrial park. Tran Quang Lan also revealed "we always think the investor is our partners and through the Customers Services sector, the bridge connecting investors with related agencies, we wish investors could spend more time on their business and production. With the motto to please customers with the company's targeted criteria of the ISO 9001-9000, we hope to create a very good investment enviroment for our partners in Vietnam."

Outstanding strength in infrastructure

According to the foreign investors, VSIP has many advantages in geographical location, infrastructure services and the services for investment procedures. "The investment purpose of VSIP is to design and build an industrial park with perfect infrastructure and supporting services that meet the international standards so as to attract hi-tech and clean industries not only for the local consumption but also for exports."- said Henry Chuah - the Deputy General Manager of Vietnam-Singapore Industrial Park Development Joint-stock Company.

Located in the centre of the key economic area of the south and being 17 kilometres away from Ho Chi Minh City, VSIP enjoys many advantages from the location. It is only 17 kilometres away from Tan Cang and the cluster of Saigon ports, 22 kilometres away from VICT and 20 kilometres from Tan Son Nhat Airport. VSIP is contiguous to the National Road No.13 and the provincial main road DT743 - the two arteries to the neighbouring provinces and major national roads leading to other parts of the country.

"VSIP has been invested with the sufficient infrastructure and facilities since the beginning, creating the outstanding position in comparison with other industrial parks. Attaching great importance to the environment protection, VSIP tries to attract the investments in light industries that cause low pollution rates. The most important purpose of VSIP is to guarantee the cleanness fully even when the industrial park has been filled with projects."- said Henry Chuah.

VSIP is operating with a quite perfect infrastructure. The electric station capable of 120 MVA (15 MVA at first) regularly supplies the electricity to the park. The clean water supply station daily supplies 40,000 cubic metres of clean water (12,000 cubic metres at the first stage) according to the standards of the WHO (World Health Organisation). The sewage treatment factory capable of 30,000 cubic metres per day (6,000 cubic metres per day at the first stage). The telecommunication and postal services system with 1,200 lines and a cables system linking to the telecommunication applications and private subscription channels system.

In addition, VSIP supplies assistant services like banks, delivery services, health centres, post offices, shops, office machine reparation and maintenance services, and especially a canteen serving about 700 workers.

Policies - the most important supporter

"The Government of Vietnam expects VSIP to be a symbol of the splendid success of the co-operation between the two governments. Therefore, Vietnam supplies direct guidance and great concerns to the construction and development of the park"- emphasised Ly Hung, the Deputy Head of the Management Board of Vietnam-Singapore Industrial Park.

Vietnamese Government has given a special assistance to the Vietnam-Singapore

Investment expenditures in VSIP

1. Land rent: US$38 per sq.m for 45 years
2. Infrastructure maintenance fee: US$0.07 sq.m per month
3. Electricity: - rush hours; US$0.08 per kwh, - ordinary: US$0.075 per kWh
4. Water: US$0.31 a cubic metre
5. Sewage treatment: US$0.19 per cubic metre

Industrial Park by allow to establish its own management board. The Management Board consists of high-rank officials from the related ministries who would consult the investors, examine and approve the projects with the total investment below USD40 million. Besides, the Management Board is in charge of such procedures as licensing the imports, exports and construction, recruiting employees for the investment projects in the park, creating the open "one-door" mechanism, and simplifying the procedures for the investments. Vietnamese Government has permitted the establishment of a Customs Service only for the industrial park in order to facilitate the import and export procedures for the investors. "Being the only industrial park applying one management board, with the help from Binh Duong People's Committee and the Customs, VSIP is effectively applying the "one-door" and prompt services. In VSIP, the management style is as modern as the current international and Singaporean standards."

Moreover, VSIP received the most important assistance from the two governments in establishing the Vietnam-Singapore Techniques Training Centre in 1998. The centre is capable to annually supply 450 learners of electronics, electric maintenance, engineering maintenance, and manufacturing and exact engineering. During the courses, the learners are equipped with adequate knowledge, and after finishing the courses, they will be employed by the enterprises in the park.

VSIP is also co-operating with construction companies to build the blocks of houses as safe and stable accommodations for the workers at a cheap rental charge. Another purpose of the houses is to facilitate their staff management and transportation of those companies employing a large number of workers.

VSIP is now implementing the second and third phases and planning to fill the park in about four years. With the outstanding advantages, VSIP will continue being an attractive destination for the international investors.

km from HO CHI MINH City (SAIGON)

Vietnam Singapore Industrial Park

VSIP

Power plant

Treated water

Sewage treatment plant

Ready-built Factories

Complete Services to help you:

CUSTOMER SERVICE / VSIP MANAGEMENT BOARD
- Issue Investment Licence within 15 days
- Issue Import - Export Permit
- Assistance on all procedures Of Investment License
- Recruitment start-up assistance

ESTATE MANAGEMENT
- One stop connection of all utilities
- Maintenance of Infrastructure
- 24 hour Operations
- Manage all Operating Conditions in the Industrial Park

TECHNICAL TRAINING
- Course in Mechanical, electriccal, Machining, Electronics, CNC and plastic injection for Employees of Enterprise in VSIP.

COMPREHENSIVE INFRASTRUCTURE
- VSIP Power Plant
- VSIP Sewage Treatment Plant
- Piped Drinking Water
- Telecommunications
- Roads and Drainage System

HEAD OFFICE:
VSIP Building
8 Dai Lo Huu Nghi
Vietnam Singapore Industrial Park
Thuan An Dist., Binh Duong Prov
Vietnam.
Tel : (84-650) 743 898
Fax : (84-650) 743 868
E-mail : vsip_mktg@hcm.vnn.vn

SINGAPORE :
3 Lim Teck Kim Road # 12-01
Singapore Technologies Building
Singapore 088934
Tel : (65) 221 5374
Fax : (65) 222 1994
Website: www.sembpark.com.sg/v

Khu công nghiệp Bình Đường

Đây là khu công nghiệp đầu tiên của tỉnh Bình Dương, ra đời năm 1994. Khu công nghiệp này có diện tích khiêm tốn nhất trong 9 khu đã được phê duyệt. Dù vậy, đến nay, "chú bé hạt tiêu" này cũng thu hút được 12 dự án (trong đó có 7 dự án đầu tư nước ngoài), với tỷ lệ lấp đầy 83,7%. Thành công của Bình Đường đã giúp cho tỉnh Sông Bé, sau này là Bình Dương có những kinh nghiệm quý báu để tự tin triển khai những khu công nghiệp khác.

1) **Chủ đầu tư:** Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ
2) **Được phê duyệt tại:**
- Quyết định số 196/TTg ngày 26-04-1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất
- Quyết định số 3207/QĐ-UB ngày 26-08-1994 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật.
- Quyết định số 2114/QĐ-UB ngày 06-06-1994 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp

3) **Tổng vốn đầu tư:** 24,037 tỷ đồng
4) **Tổng diện tích:** 24 ha, trong đó có 16,7 ha diện tích đất công nghiệp cho thuê
5) **Vị trí:** Nằm tại ấp Bình Đường, xã An Bình, huyện Dĩ An, Bình Dương
- Phía Bắc giáp xa lộ Đại Hàn, phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây giáp đường sắt Bắc - Nam.
- Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 12 km, cách Khu Chế xuất Linh Trung 5 km
- Nằm giữa 3 cụm dân cư lớn là Thị trấn Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh), thị trấn Lái Thiêu và thị trấn Dĩ An của Bình Dương.

6) **Cơ sở hạ tầng:**
- Diện tích giao thông: 15.303,78 m^2.
- Hệ thống thoát nước mưa, điện trung thế và chiếu sáng hoàn chỉnh
- Đây là khu công nghiệp sạch và kho chứa hàng nên không xây dựng hệ thống xử lý nước thải

Khu Công Nghiệp Bình Đường
Binh Duong Industrial Zone

Binh Duong Industrial Park

Established in 1994 as the first industrial park in Binh Duong province, Binh Duong Industrial Park was built on the smallest area among the nine approved industrial parks. However, this small industrial park has attracted 12 projects (seven foreign invested), filling up 83.7 percent of the area. What this industrial park achieved has brought Song Be province (now called Binh Duong) precious experiences to confidently invest in the construction of other industrial zones.

1. **Investor:** Thanh Le Import and Export Trading Company
2. **Approved by:**

- Prime Ministerial Decision No.196/TTg dated April 26th 1993 on land allocation.
- Decision No.3207/QD-UB dated August 26th 1994 by the former Song Be Provincial People's Committee on the technical and economic facts.
- Decision No.2114/QD-UB dated June 6th 1994 by the former Song Be Provincial People's Committee on the detailed plan of the industrial park.

3. **Total investment capital:** VND24.037 billion
4. **Size:** 24 hectares, including 16.7 hectares of industrial land for rent
5. **Location:** in Binh Duong village, An Binh commune, Di An district, Binh Duong

- Bordering Dai Han Avenue in the north, Ho Chi Minh in the south and North-South railway
- From Ho Chi Minh City's downtown: 12 km
- From Linh Trung Export Processing Zone: 5 km
- Located in the middle of the three big residential clusters: Thu Duc township (Ho Chi Minh City), Lai Thieu township and Di An township of Binh Duong.

6. **Infrastructure:**

- Transport area: 15,303.78 sq.m
- Perfect systems of drainage, medium voltage electricity and lighting
- No sewage treating system because of clean industrial parks and storage

Khu công nghiệp Việt Hương (Bình Hòa III)

Ra đời vào thời kỳ đầu phát triển mô hình khu công nghiệp (ngày 25-11-1996), Khu công nghiệp Việt Hương là một trong những ví dụ khá thành công về mô hình công ty cổ phần đứng ra xây dựng và đảm trách kêu gọi dự án đầu tư. Đến nay, khu công nghiệp này thu hút được 32 dự án, trong đó có 31 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn 60 triệu USD. Đa phần trong số này là các nhà sản xuất hàng xuất khẩu bậc trung. Công ty Cổ phần Việt Hương hoạt động dưới mô hình xây dựng nhà xưởng cho thuê, còn các nhà đầu tư chỉ cần bỏ vốn mua máy móc, thiết bị kỹ thuật, triển khai sản xuất. Đến năm 1998, do diện tích đầu tư ban đầu 18 ha đã lấp kín 80%, Việt Hương xin được mở rộng quy mô từ 18 ha lên 45,62 ha. Tuy nhiên, do dự án mở rộng ra đời đúng vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế khu vực, nên việc thu hút dự án gặp nhiều khó khăn. Tính đến đầu năm 2003, khu công nghiệp này mới chỉ lấp đầy 36,7%. Để tiếp tục tăng cường thu hút dự án đầu tư hiện nay, Việt Hương đang gấp rút đầu tư, giải toả nốt diện tích còn lại để đưa vào hoạt động.

1) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Việt Hương

- Địa chỉ: Km 11, Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, Bình Dương
- Tel: 0650.754870/23 - Fax: 0650.754989
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh: 596CDE, Nguyễn Chí Thanh, phường 4, Quận 11
- Tel: 08. 9563152 - Fax: 08.8564959

2) Được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đang ký kinh doanh số 063627 do Uỷ ban Kế hoạch tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) cấp ngày 26-10-1995.
- Giấy phép đầu tư số 02/GP-ĐTNN ngày 25-11-1996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

3) Diện tích quy hoạch: 46 ha, đứng thứ 8 trong số 9 khu

4) Tổng vốn đầu tư: 176 tỷ đồng.

5) Vị trí: Nằm tạo xã Thuận Giao, huyện Thuận An - Bình Dương, cách:

+ Sân bay Tân Sơn Nhất: 18km
+ Tân Cảng: 16km
+ Cảng Bến Nghé: 20km
+ Ga Sóng Thần: 10km
+ Thành phố Hồ Chí Minh: 20km
+ Thành phố Biên Hoà (Đồng Nai): 20km
+ Thị xã Thủ Dầu Một: 5km
+ Thị trấn Lái Thiêu: 5km
+ Thị trấn Dĩ An: 8km

6) Cơ sở hạ tầng

- Hệ thống cấp nước: hiện sử dụng nguồn nước ngầm, tương lai sử dụng nước từ nhà máy nước thị xã Thủ Dầu Một
- Hệ thống điện trung thế và chiếu sáng
- Thông tin liên lạc: tổng đài điện tử 140 số
- Đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bẩn
- Đã đưa vào sử dụng nhà máy xử lý nước thải công suất 1.000m^3/ngày đêm

7) Các loại hình công nghiệp: chế biến nông sản thực phẩm, nước giải khát, gốm sứ, may mặc, điện tử, hoá nhựa, cao su, dây cáp điện, thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp quy mô nhỏ, xây dựng hạ tầng, nhà xưởng cho thuê.

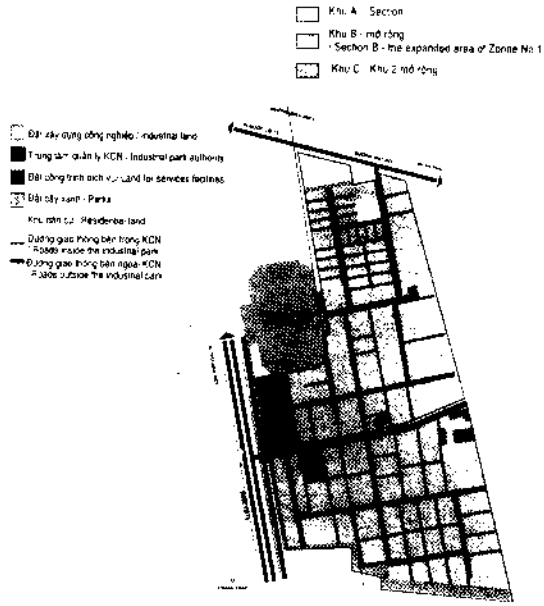

Viet Huong Industrial Park (Binh Hoa No.3)

Established at the initial development period of industrial zones (November 25th 1996), Viet Huong Industrial Park is one of the typical examples of the investment managed by a joint-stock company. Viet Huong has so far attracted 32 projects, of which 31 are foreign invested with total capital of US$60 million. Most of them are middle classed export producers. Viet Huong Joint-stock Company specialises in leasing workshops and the investors only need to invest in the machinery and technical equipment for production. Until 1998, the 80 percent of the initial investment area of 18 hectares was filled, Viet Huong asked for permission of expanding its area to 45.62 hectares. However, the expansion project was carried out at the time of the Asian economic crisis, resulting in a great deal of difficulties in attracting new projects. Until early 2003, only 36.7 percent of the new industrial park was used . Viet Huong is now strongly investing and completing site clearing of the remaining area in order to attract more projects

1. **Investor:** Viet Huong Joint-stock Company
- Address: Km 11, Binh Duong Avenue, Thuan Giao commune, Thuan An district, Binh Duong province
- Tel: 84-0650.754870/23
- Fax: 84-0650.754989
- Branch in Ho Chi Minh city: 596 CDE, Nguyen Chi Thanh, Ward 4, District 11
- Tel: 08.9563152
- Fax: 08.8564959

2. **Approved by:**
- Business licence No. 063627 by Song Be Planing Council (now Binh Duong province) dated October 26h 1995
- Investment license No.02/GP-DTNN dated November 25th 1996 by the Ministry of Planing and Investment

3. **Size:** 46 hectares, ranking the eighth in the nine local industrial zones in Binh Duong.

4. **Total investment:** VND176 billion

5. **Location:** in Thuan Giao commune, Thuan An, district, Binh Duong, and:
- From Tan Son Nhat Airport: 18 km
- From Tan Cang: 16 km
- From Ben Nghe Port: 20 km
- From Song Than Station: 10 km
- From Ho Chi Minh City: 20 km
- From Bien Hoa City (Dong Nai): 20 km
- From Thu Dau Mot: 5 km
- From Lai Thieu township: 5 km
- From Di An township: 8 km

6. **Infrastructure**
- Water system: using the underground water source and will be supplied by the water supply factory from Thu Dau Mot town
- Medium voltage and electric lighting systems
- Communication system: an electronic switchboard with 140 numbers
- Complete the drainage system for rain and sewage
- Use sewage treatment factory with the capacity of 1,000 cu.m per day and night.

7. **Industrial types:** processing agricultural products, foods, beverages, porcelains, garments, electronic and plastic-chemical products, rubber, electric cables. Building small-scale civil construction works and industrial zones, building the infra structure and workshops for lease.

KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG AN

Với những lợi thế về vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng

Mặc dù, Khu Công nghiệp Đồng An chính thức mời gọi các dự án đầu tư vào đúng thời điểm xảy ra khủng hoảng kinh tế khu vực (1997 - 1998), song với những lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp này đã nhanh chóng lọt vào tầm ngắm của các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài khi muốn làm ăn lâu dài tại Việt Nam.

1. Thông tin tổng quan về khu công nghiệp

- ***Chủ đầu tư:*** Công ty Cổ phần Thương Mại, Sản xuất, Xây dựng Hưng Thịnh
  - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng An - Huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương
  - Tel: (84.0650) 752130 - 743495
  - Fax: (84.0650) 742016
  - E-mail: hungthinh@hcm.vnn.vn
- ***Được phê duyệt tại:*** Quyết định số 01/GP-ĐTTN ngày 14-11-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư.
- ***Tổng vốn đầu tư:*** 247.959 triệu đồng.
- ***Tổng diện tích:*** 122,5 ha, đứng hàng thứ 6 về diện tích, trong đó diện tích đất công nghiệp cho thuê là 83,34 ha. Tính đến đầu năm 2003, khu công nghiệp này đã lấp đầy 91,8%. Đây là tỷ lệ cao nhất trong 9 khu công nghiệp đã được cấp phép.
- ***Địa điểm:*** xã Bình Hoà, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- ***Đầu mối giao thông, bến cảng:***
  - Sân bay Tân Sơn Nhất: 12 km
  - Tân Cảng: 12 km
  - Quốc lộ 13: 1,5 km
  - Ga Sóng Thần: 2 km
  - Bến Nghé: 16 km
- ***Trung tâm kinh tế - văn hoá:***
  - Thành phố Hồ Chí Minh: 15 km
  - Thành phố Biên Hoà (Đồng Nai): 20 km
  - Thị xã Thủ Dầu Một: 20 km
- ***Điểm dân cư:***
  - Thị trấn Lái Thiêu: 2 km
  - Thị trấn Dĩ An: 2,5 km
- Cơ sở hạ tầng
  - Hệ thống cấp nước: hiện sử dụng nguồn nước ngầm, sau lấy từ nhà máy nước thị xã Thủ Dầu Một, thoả mãn nhu cầu cho sản xuất công nghiệp và sinh hoạt của toàn khu.
  - Hệ thống cấp điện: sử dụng điện từ trạm biến áp 40MVA Sóng Thần, đồng thời để có thể chủ động về nguồn năng lượng cho các doanh nghiệp sản xuất, Khu Công nghiệp Đồng An lập dự án xây dựng nhà máy phát điện cho khu công nghiệp.

HỌA ĐỒ VỊ TRÍ

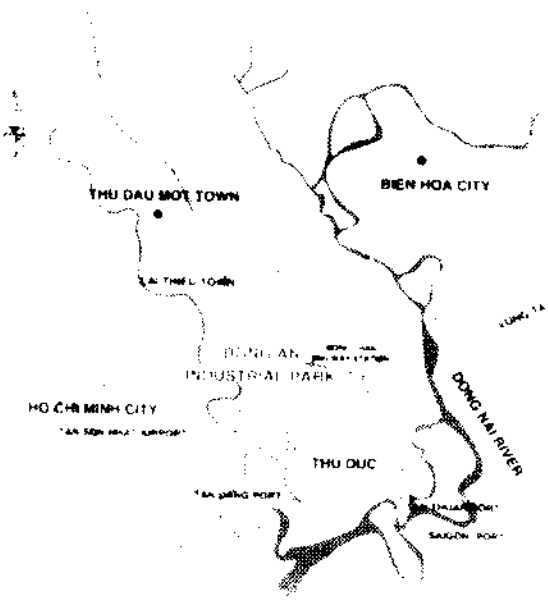

- Thông tin liên lạc: tổng đài kỹ thuật với 300 số sẽ được xây dựng, đáp ứng nhu cầu liên lạc trong và ngoài nước.
- Diện tích dành cho giao thông: 79.042,20 m^2, bao gồm hệ thống đường bê tông nhựa và vỉa hè hoàn chỉnh, nối liền với hệ thống giao thông vành đai của thành phố Hồ Chí Minh và quốc lộ 13 ngoài tường rào khu công nghiệp. Ngoài ra, chủ đầu tư Khu công nghiệp Đồng An với chủ trương tạo dựng một khu công nghiệp sạch và xanh nên đã trồng hàng ngàn cây xanh dọc theo hai bên đường và dành một diện tích thích hợp để trồng rừng tập trung, tạo lá phổi và môi trường sinh thái cho toàn Khu công nghiệp Đồng An.
- Hệ thống điện trung thế, chiếu sáng.
- Hệ thống thoát nước đã được xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng nhà máy xử lý nước thải công suất 2.000 m^3/ngày đêm.

- ***Lĩnh vực đầu tư***
  - Hoá chất
  - Cơ khí nông nghiệp và giao thông vận tải.
  - Dệt, may mặc, giày da
  - Lâm sản mỹ nghệ
  - Điện, điện tử.

2. Vài nét khái quát về tình hình hoạt động

Được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp phép từ tháng 11-1996, đến đầu năm 1997, Khu công nghiệp Đồng An đã bắt đầu được xây dựng. Khu công nghiệp này bắt đầu thu hút dự án vào đúng thời điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực năm 1997 - 1998. Tuy nhiên, do nằm ở vị trí thuận lợi trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam, lại có nền đất bằng phẳng, vững chắc, tiết kiệm tối đa chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng nhà xưởng, nên Đồng An đã nhanh chóng lọt vào tầm ngắm của nhiều nhà đầu tư.

Với hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện, từ hệ thống cấp thoát nước, cáp quang ngầm, nhà máy phát điện riêng, hải quan, bưu điện... Khu công nghiệp Đồng An đã làm hài lòng những nhà đầu tư khi quyết định làm ăn tại đây. Đến nay, Khu công nghiệp Đồng An đã thu hút được 57 dự án, trong đó có 34 dự án nước ngoài với số vốn 69,8 triệu USD. Với tỷ lệ lấp đầy 91,8% diện tích, Đồng An đã trở thành khu công nghiệp dẫn đầu về thu hút đầu tư tại Bình Dương.

Thành công này đã minh chứng cho tính hiệu quả của việc đầu tư và phát triển khu công nghiệp qua mô hình công ty cổ phần. Hưng Thịnh với phương châm "Thành công của chúng tôi chính là sự thành đạt của các bạn" đã sát cánh cùng các nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, cùng phát triển đi lên vì lợi ích chung.

I. Overview

- **Investor:** Hung Thinh Construction, Production and Trading Joint-stock Company
- Address: Dong An Industrial Park, Di An district, Binh Duong province
- Tel: (84.0650) 752130 - 743495
- Fax: (84.0650) 742016
- Email: hungthinh@hcm.vnn.vn
- Approved by the Prime Ministerial Decision No.01/GP-DTTN dated November 11th 1996 on the investment approval.

- **Total investment:** VND247.959 million

- **Total area:** 122.5 hectares, as the sixth largest area, of which the agricultural area for lease is 83.34 hectare. In early 2003, approximately 91.8 percent of the industrial park was filled with projects, the highest proportion in comparison with the other eight industrial parks granted with licence in Binh Duong.
- Location: Binh Hoa commune, Di An district, Binh Duong province

- **Traffic and ports:**
- From Tan Son Nhat Airport: 12 km
- From Tan Cang: 12 km
- From the National Road No.13: 1.5 km
- From Song Than station: 2 km
- From Ben Nghe: 16 km

- **Economic and cultural centres:**
- From Ho Chi Minh City: 15 km
- From Bien Hoa City, Dong Nai province: 20 km
- From Thu Dau Mot town: 20 km

- **Residential areas:**
- From Lai Thieu township: 2 km
- From Di An township: 2.5 km

- **Infrastructure:**
- Water supply: using the underground water sources but will soon be supplied by the water supply factory in Thu Dau Mot town to satisfy the demands of the

DONG AN INDUSTRIAL PARK

Endowed with Advantageous Location and Infrastructure

Although starting to call for investment projects when the Asian economic crisis happened (in 1997 - 1998), with its advantageous location and infrastructure, Dong An Industrial Park soon attracted investors, especially foreign ones, who want to have a long-term business in Vietnam.

industrial production and domestic use of the whole area.

- Electricity: supplied by the Song Than 40MVA electric station. In order to be active in the energy for the production of the enterprises, Dong An is planning a project on building of an electricity generating factory to supply the whole industrial park.
- Communication: a technical switchboard with 300 numbers will be built to supply the local and international demands for telecommunication.
- Transport area: 79,042.2 sq.m consists of the perfect system of tarred concrete roads and pavements, linking to the belt traffic system around Ho Chi Minh City and to the National Road No.13 bordering the industrial park. In addition, intending to build up a green and clean industrial park, the investor of Dong An has planted thousands of trees along both sides of the road and spent an appropriate area for a concentrated plantation as the lung of the industrial park.
- A system of medium voltage electricity and lighting
- A perfect drainage system and a sewage treatment factory with the capacity of 2,000 cubic metres per day

- **Investment fields**
- Chemicals
- Agricultural engineering and transport Textile, garments and leather footwear
- Forestry handicrafts
- Electricity and electronics

2. Brief of business facts

Licensed by the Ministry of Planning and Investment in November 1996, the construction of Dong An Industrial Park officially started in early 1997, and started to call for investment projects in 1997-1998 when the Asian economic crisis was occurring. However, with its convenient location in the key economic region of the south and the flat site that would help minimise expenditures on the construction of infrastructure and workshops, Dong An soon attracted a great deal of investors.

With a perfect infrastructure system including water supply and drainage system, underground cables, electricity station, a customs office and post office, Dong An has satisfied the investors. So far, Dong An has attracted 57 projects in which there are 34 foreign invested projects with the total capital of US$69.8 million. The projects has fillied over 91.8 percent of the area, Dong An has become the leading industrial park in Binh Duong province in investment attraction.

The above achievement is an evidence of the effective investment and development of an industrial park managed by a joint-stock company. Hung Thinh, with its motto: "Our achievements means your success" together with the other investors have been surmounting difficulties to develop for common benefits.

Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A và B

Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A và B đều là những khu mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập trong năm 2000 và năm 2002. Vị trí của hai khu nằm ở xã Tân Đông Hiệp, Đông Hòa và Tân Bình, huyện Thuận An với tổng diện tích 347,7 ha. Các khu công nghiệp này đều sử dụng điện lưới quốc gia, sử dụng nước của Nhà máy Nước Tân Ba.

Trong đó, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A (hay còn gọi là Khu công nghiệp Dapark) được quyết định thành lập vào năm 2000. Đến đầu năm 2003, khu công nghiệp này đã thu hút được 5 dự án, với tỷ lệ lấp kín đạt 53,7%. Với Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, có quyết định thành lập vào tháng 5-2002, hiện vẫn đang trong giai đoạn giải toả, xây dựng. Tuy nhiên, theo báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tứ Hải, chủ đầu tư khu công nghiệp này, số lượng các dự án đăng ký trước cũng chiếm hơn 50% diện tích đất công nghiệp cho thuê và đa phần là các nhà đầu tư trong nước.

1. Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kinh doanh bất động sản Dapark (Dapark Construction and Real Estate J/S Corporation)
- Địa chỉ: 62 - 64 Lê Thị Riêng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: 08.8322793
- Fax: 08.8391606
- Website: www.dasogroup.com
- Được phê duyệt: theo quyết định số 1282/QĐ-TTg, ngày 19-12-2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- Diện tích quy hoạch: 54,72 ha (dự kiến sẽ mở rộng thêm 25 ha vào giai đoạn 2).
- Vị trí :
- Phía bắc giáp tỉnh lộ 743 (giáp ngay mặt tiền tỉnh lộ).
- Phía nam giáp xã Đông Hòa (cách Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh 3 km).
- Phía đông giáp quốc lộ 1 (cách khu du lịch suối Lồ Ô 2 km).
- Phía tây giáp thị trấn Dĩ An (trong vùng trung tâm của thị trấn Dĩ An).
- Khu đất này nằm trong vùng trung tâm của tứ giác công nghiệp trọng điểm phía nam, rất thuận tiện về giao thông thủy, bộ, đường sắt và hàng không. Trong đó cách:

+ Trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 12 km.
+ Sân bay Tân Sơn Nhất 15 km.
+ Ga xe lửa Dĩ An 1 km.
+ Cảng Đồng Nai 5 km.
+ Cảng Sài Gòn 10 km.

- Phương án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng:
- Tổng vốn đầu tư: 63,885 tỷ VND. Trong đó, vốn tự có 30 tỷ VND, vốn vay 15 tỷ VND, tiền thuê đất ứng trước: 18,885 tỷ VND.
- Tiến độ đầu tư: 3 năm (kể từ năm 2001 đến năm 2003).
- Thời gian kinh doanh: 50 năm kể từ ngày được cấp phép đầu tư ngày 19-12-2000.
- Tính chất, quy mô.
- Khu công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm như may mặc, giầy da, lắp ráp linh kiện, điện tử... Diện tích

Chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A

Danh mục sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Đất khu văn phòng trung tâm	1,3737	2,51
Đất xây dựng nhà xưởng tiêu chuẩn cho thuê	11,396	20,82
Đất cho thuê xây dựng xí nghiệp kỹ thuật cao	14,543	26,57
Đất xây dựng trường học, trường dạy nghề	4,139	7,56
Đất xây dựng biệt thự, nhà ở cho chuyên gia	7,565	13,82
Đất công viên cây xanh	3,954	7,22
Đất đường giao thông	9,480	17,32
Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối	0,710	1,30
Tổng cộng	**54,72**	**100 %**

Chỉ tiêu sử dụng đất Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng xí nghiệp công nghiệp	112,13	68,32
2	Đất công trình dịch vụ	2,90	1,76
3	Đất công trình kỹ thuật đầu mối	6,75	4,11
4	Đất cây xanh	22,34	13,61
5	Đất giao thông	20,0	12,18
	Tổng cộng	164,12	100,0

cho thuê từ 0,5 ha trở lên.

- Khu biệt thự chuyên gia và dân cư có tiêu chuẩn sống cao.

2. Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B

- Chủ đầu tư: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tứ Hải
- Địa chỉ: Văn phòng tại Bình Dương, Khu đô thị Chánh Nghĩa - thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Tel: 0650.835688
- Fax: 0650.835689.
- Văn phòng ở thành phố Hồ Chí Minh: 126 Sương Nguyệt ánh, Quận 1.
+ Tel: 08.9254281 - 08.9254373.
+ Email: tuhaico@hcm.vnn.vn.
- Được xây dựng theo: Quyết định 327/QĐ-TTg ngày 2-05-2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn Tứ Hải làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B.
- Diện tích quy hoạch: 164,12 ha, đứng hàng thứ 5 về diện tích (cho đến tháng 4-2003, khu công nghiệp này vẫn đang trong giai đoạn giải toả, xây dựng.).
- Tổng vốn đầu tư: 302 tỷ đồng
- Vị trí: xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Khu công nghiệp cách thành phố Hồ Chí Minh 18 km.
- Cách sân bay Tân Sơn Nhất 19 km
- Cách cảng Sài Gòn 20 km
- Cách thành phố Biên Hoà 10 km
- Cách ga đường sắt Sóng Thần 2,5 km
- Cách cảng sông Bình Dương 0,4 km
- Cách Thị trấn Thủ Đức 0,6km
- Cách Thị trấn Lái Thiêu 0,6 km
- Cách Thị trấn Dĩ An 0,1 km
- Ngành nghề đầu tư: Là khu công nghiệp hỗn hợp nhiều ngành công nghiệp (không có công nghiệp gây ô nhiễm nặng cho môi trường), trọng tâm là công nghiệp gia công cơ khí, điện tử, may mặc, chế biến hàng tiêu dùng, sản xuất bao bì, công nghiệp kỹ thuật cao và công nghiệp sạch khác...
- Quy mô: loại vừa từ 0,5 ha đến 2,0 ha, loại lớn trên 3,0 ha.
- Dịch vụ khu công nghiệp: khu công nghiệp có một cơ sở hạ tầng đầy đủ, hiện đại với các dịch vụ hữu ích như:
- Dịch vụ một cửa về xin giấy phép đầu tư, giấy phép xây dựng, đăng ký hoạt động, các thủ tục xuất nhập khẩu.... được Ban Quản lý làm miễn phí, trong thời gian ngắn nhất.
- Kho bãi, vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu.
- Văn phòng hải quan đảm bảo các thủ tục xuất nhập khẩu dễ dàng, thuận lợi cho các nhà đầu tư.
- Văn phòng tư vấn luật, bảo hiểm, kiểm toán.
- Văn phòng Sở Lao động, ngân hàng, bưu điện, công an, phòng cháy chữa cháy.
- Bệnh viện, trạm y tế...
- Các ưu đãi dành cho các nhà đầu tư:
- Giảm giá thuê đất cho nhà đầu tư lớn.
- Trả chậm tiền thuê đất trong vòng 5 năm.
- Miễn giảm thuế máy móc thiết bị, nhà xưởng, thuế thu nhập 2 năm kể từ năm có lợi tức, giảm 50% thuế thu nhập trong 2 năm tiếp theo.

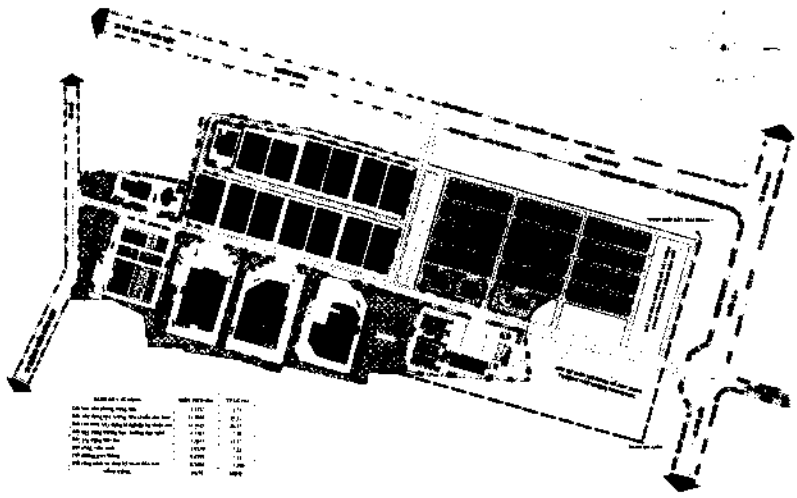

Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A

Tan Dong Hiep A and Tan Dong Hiep B Industrial Parks

Tan Dong Hiep A and Tan Dong Hiep B founded by the Prime Ministerial approval in 2000 and 2002, are located on a total area of 347.7 hectares in Tan Dong Hiep, Dong Hoa and Tan Binh communes, in Thuan An district. Both are using national electricity grid and the water supplied by Tan Ba Water Supply Factory.

The establishment of Tan Dong Hiep A Industrial Park (also called Dapark) was licensed in 2000. In early 2003, the industrial park has attracted five projects occupying 53.7 percent of the area. Tan Dong Hiep B with establishment decision in May 2002 is now conducting site clearing and construction. However, according to the report by Tu Hai Company Ltd. the major investor of this park, 50 percent of the area has been reserved, mainly by Vietnamese investors.

1. Tan Dong Hiep A Industrial Park

■ Investor: Dapark Construction and Real Estate Joint-stock Corporation)

- Address: 62 - 64 Le Thi Rieng, District 1, Ho Chi Minh City
- Tel: 08.8322793
- Fax: 08.8391606
- Website: www.dasogroup.com

■ Establishment pursuant to the Prime Ministerial Decision No.1282/QD-TTg dated December 19th 2000.

■ Size : 54.72 hectares (25 hectares to be extended in the second phase).

■ Location:

- Bordering provincial road No.743 in the north (road frontage)
- Bordering Dong Hoa commune (three kilometres away from National University - Ho Chi Minh city) in the south
- Bordering National Highway No.1 in the east (two km far from Lo O stream tourism area)
- Bordering Di An township in the west (within central region of Di An township)
- Located in the central area of the industrial economic quadrangle of the south, convenient for the water, land, rail and air transportation. The place is:
  + From HCMC's downtown: 12 km
  + From Tan Son Nhat International Airport: 15 km
  + From Di An railway station: 1 km
  + From Dong Nai port: 5 km
  + From Saigon port: 10 km

■ Investment plan for the infrastructure development

- Total investment: VND63.885 billion, including the equity of VND30 billion, liability of VND15 billion and the deposits for land rent of VND18.885 billion.
- Investment progress: three years (from 2001 to 2003)
- Business period: 50 years since the day being granted investment license (December 19th 2000)

■ Characteristics and scales

- A clean park with low pollution rate of clean indus-

Land Use Specifications of Tan Dong Hiep A Industrial Park

Land use	Area (ha)	Percentage (%)
Central Offices	1.3737	2.51
Construction of factories meeting leasing standards	11.396	20.82
Lease for Construction of hi-tech enterprises	14.543	26.57
Constructions o schools and vocational training facilities	4.139	7.56
Constructions of villas and houses for foreign experts	7.565	13.82
Parks for green space	3.954	7.22
Roads	9.480	17.32
infrastructure	0.710	1.30
Total	**54.72**	**100 %**

Land Use Specification Tan Dong Hiep B Industrial Park

No.	Land Use	Area (hectare)	Percentage (percent)
1	Construction of industrial factories	112.13	68.32
2	Services works	2.90	1.76
3	Key technical works	6.75	4.11
4	Green space	22.34	13.61
5	Roads	20.0	12.18
	Total	**164.12**	**100.0**

tries such as garments, leather footwear, electrical and electronic accessories assembly.
- Areas for rent 0.5 hectares upwards
- Villas for experts and other residents with high living standards

2. Tan Dong Hiep B Industrial park

■ Investor: Tu Hai Co. Ltd.
- Address: Chanh Nghia urban area, Thu Dau Mot town, Binh Duong province
- Tel: 0650.835688
- Fax: 0650.835689.
- 126 Suong Nguyet Anh, District 1
+ Tel: 08.9254281 - 08.9254373.
+ Email: tuhaico@hcm.vnn.vn

■ Approved by the Prime Ministeral Decision No.327/QD-TTg dated May 2nd 2002 which allowed Tu Hai Co. Ltd to be the major investor of Tan Dong Hiep B Industrial Park.

■ Size: 164.12 hectares (ranking the fifth in terms of scale). Until April 2003, Tan Dong Hiep B was still under site clearing and construction.

■ Total investment: VND302 billion

■ Location: Tan Dong Hiep commune, Di An district, Binh Duong province
- From Ho Chi Minh: 18 km
- From Tan Son Nhat Airport: 19 km
- From Saigon port: 20 km
- From Bien Hoa City: 10 km
- From Song Than railway station: 2.5 km
- From Binh Duong river port: 0.4 km
- From Thu Duc township: 0.6 km
- From Di An township: 0.1 km

■ Investment lines: a collection of industries without heavy polluted industries, mainly engineering, electronics, and garment, commodity processing, container production, hi-tech industries and others.

■ Scale: 0.5 hectares for the medium size and 3.0 hectares for the large portions.

■ Services: Tan Dong Hiep B has a modern infrastructure fully equipped with the following useful services:
- One-door services to apply for investment licenses, construction licenses and operation registration, as well as import - export procedures are all conducted free of charge in the shortest possible time by the Board of Management.
- Warehouses and stations for the transportation of export freights
- Customs office to facilitate the import procedures
- Consulting offices of laws, insurance and auditing
- Offices of the Labour Department, banks, post offices, police and firemen
- Hospitals and healthcare centres

■ Privileges to the investors
- Discount on land rental for big investors
- Deferred payments for land rental in the first five years
- Discount or exemption tax on machinery, workshops and income tax two years after the enterprises earn profits, and 50 percent discount on the income tax in the next two years.

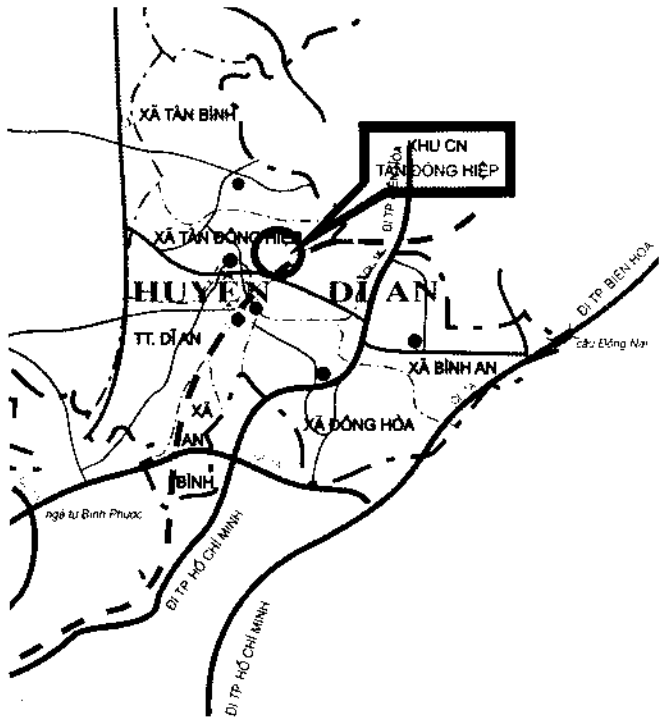

Khu công nghiệp Mỹ Phước

Sau những kết quả kinh doanh đầy triển vọng từ việc đầu tư vào Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (Becamex) một lần nữa lại mạnh dạn tham gia vào dự án xây dựng khu công nghiệp. Mặc dù là khu công nghiệp lớn thứ hai của Bình Dương xét về quy mô và mới nhận quyết định thành lập vào tháng 06-2002, nhưng tốc độ triển khai xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Phước diễn ra rất nhanh. Kết quả này có được một phần là bởi Becamex, một trong những doanh nghiệp nhà nước lớn của địa phương, đã có kinh nghiệm vận động giải phóng mặt bằng, đưa chính quyền vào cuộc tốt hơn. Với cách đầu tư theo kiểu "cuốn chiếu", tính đến hết năm 2002, Mỹ Phước đã thu hút được 7 dự án, trong đó có 6 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn 32,4 triệu USD và 1 dự án đầu tư trong nước với số vốn 30 tỷ đồng, đạt tỷ lệ lấp đầy 17,8%. Đây là một tốc độ kỷ lục về thu hút dự án vào khu công nghiệp ngay trong năm đầu tiên đi vào hoạt động, đưa Mỹ Phước trở thành địa chỉ sáng giá trên bản đồ đầu tư của Việt Nam trong những năm tới.

1) **Chủ đầu tư:** Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (Becamex).
Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, Bình Dương
Tel: (84.0650) 822655 - 565981
Fax: (84.0650) 822713 - 565983
E-mail: becamex@hcm.vnn.vn

2) **Tổng diện tích:** 377 ha, đã lấp đầy 17,8%.
3) **Thành lập:** theo giấy phép đầu tư số 452/QĐ-TTg ngày 14-6-2002 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 972/QĐ-BXD ngày 17-7-2002 của Bộ Xây dựng.
4) **Vị trí:** Thị trấn Mỹ Phước và xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
5) **Cơ sở hạ tầng:**
- Hệ thống đường nội bộ: thảm bê tông nhựa nóng, đường chính rộng 15m, mỗi bên vỉa hè rộng 5m.
- Hệ thống lưới điện trung thế 22 KV.
- Hệ thống chiếu sáng dọc theo đường nội bộ.
- Hệ thống cống thoát nước mưa.
- Hệ thống cống thoát nước thải công nghiệp. Nhà máy xử lý nước thải.
- Hệ thống cấp nước.
- Hệ thống thông tin liên lạc.

6) **Lĩnh vực đầu tư:** Khu công nghiệp Mỹ Phước xin mời gọi và sẵn sàng đón nhận các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực:
- Công nghiệp chế biến nông lâm sản, may mặc, sành sứ, gỗ mỹ nghệ xuất khẩu.
- Sản xuất trang thiết bị văn phòng, hàng điện máy thiết bị phụ tùng điện công nghiệp và gia dụng.
- Công nghệ chế tạo, sửa chữa máy móc, cơ khí xây dựng, nhựa kim khí, dụng cụ gia đình.

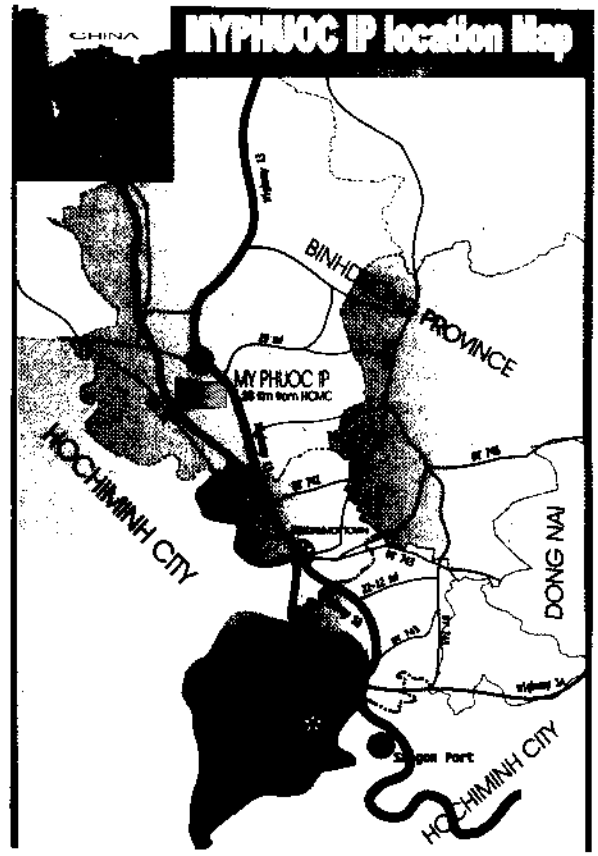

My Phuoc Industrial Park

After many prospect business resulted from investment in the Vietnam - Singapore Industrial Park, Investment and Development Trading Company once again boldly invested in projects on building industrial parks. Though the establishment of this second biggest industrial park in Binh Duong was just licensed in June 2002, the construction of My Phuoc Industrial Park has soon finished. That is the result of Becamex's experience in site clearing and attracting the participation of the local authorities. With the "package" investment, My Phuoc attracted seven projects by 2002, of which six were foreign invested with total capital of US$32.4 million and one Vietnamese project with the investment of VND30 billion, filling up 17.8 percent of the area. As the first industrial park achieving such good results after only a short time of operation, My Phuoc became a brilliant place in the investment map of Vietnam for the coming years.

1. **Investor:** Investment and Development Trading Company (Becamex).
   Address: My Phuoc Industrial Park, Ben Cat district, Binh Duong province
   Tel: 84-0650.82265
   84-0650.565981
   Fax: 84-0650.822713
   84-0650.565983
   Email: Becamex@hcm.vnn.vn
2. **Total area:** 377 hectares, with 17.8 percent filled.
3. Establishment pursuant to the investment license No. 452/QD-TTg dated June 14th 2002 by the Prime Minister and Decision No.972/QD-BXD dated July 17th 2002 by the Ministry of Construction.
4. **Location:** in My Phuoc township and Thoi Hoa commune, Ben Cat district, Binh Duong
5. **Infrastructure:**

- Internal transport system: 15m-wide main roads with pavements of five metres wide tarred with hot concrete.
- Grid of medium voltage electricity of 22 kV.
- Lighting system along the internal roads.
- Drainage system.
- Industrial sewage system and sewage treatment factory.
- Water supply.
- Communication system.

6. **Investment line:** My Phuoc Industrial Park is willing to welcome investment projects on the following:

- Processing agro-forestry products, garments, porcelain and wooden fine art products for export
- Producing equipment for offices, electrics, industrial electric equipment and household appliances.
- Manufacturing and repairing machines, construction engineering, metal-ware plastic and household equipment.

Phần VII

VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Part VII

SOCIAL AND CULTURAL ISSUES

Chương I : CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Đầu tư nuôi dưỡng nguồn nhân lực

Với chiến lược: "Phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những mục tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội", Bình Dương đã trở thành một trong những tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện chương trình đổi mới giáo dục phổ thông sớm nhất cả nước.

Cũng như tất cả các ngành kinh tế - xã hội khác, ngành giáo dục - đào tạo Bình Dương được phát triển dựa trên nền tảng của ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Sông Bé. Những ngày đầu tái lập, phải đối diện với bao thách thức, tỉnh Bình Dương vẫn xác định: "Phát triển giáo dục - đào tạo là mục tiêu hàng đầu, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế". Đồng thời, cùng với thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mục tiêu nâng cao dân trí đã trở thành nhiệm vụ quan trọng mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Dương giao phó cho ngành giáo dục và đào tạo. Hơn 5 năm đã trôi qua, quãng thời gian chưa phải là nhiều, song ngành giáo dục và đào tạo Bình Dương đã đạt được những kết quả tốt đẹp và đang tiếp tục nỗ lực đào tạo những lớp người kế tục, phát huy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

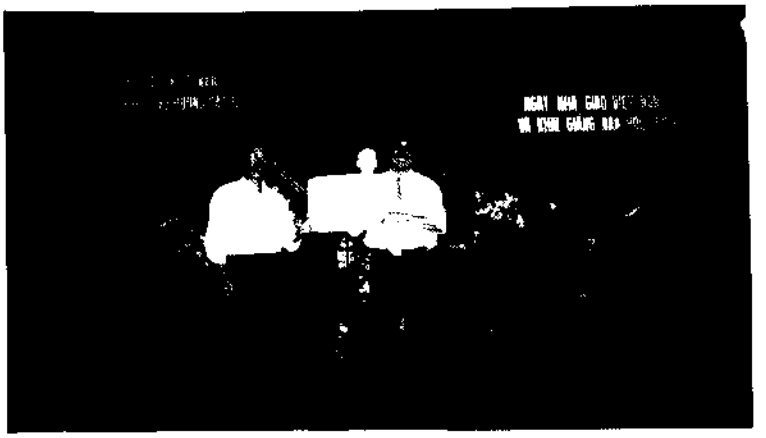

Hướng tới sự toàn diện

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh Bình Dương, trong những năm qua, đã đạt được nhiều thành tích và có bước phát triển mới trên nhiều mặt: là một trong số các tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện chương trình đổi mới giáo dục phổ thông sớm nhất cả nước. Trong đó:

Về chất lượng, ngành luôn duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các ngành học, cấp học và cả chất lượng giáo viên. Vì thế, chất lượng giáo dục ở các bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đều có chuyển biến tích cực. Giáo dục mầm non có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng bằng việc đưa chương trình giáo dục âm nhạc, các chuyên đề tạo hình, làm quen chữ cái, lễ giáo vào giảng dạy. Riêng các cháu 5 tuổi còn được làm quen với môn toán. Chương trình an toàn giao thông được đưa vào giới thiệu ở các trường mẫu giáo đã đạt được mục tiêu nâng cao sự hiểu biết cho các em. Ngoài giảng dạy, công tác nuôi dưỡng chăm sóc sức khoẻ và phòng chống suy dinh dưỡng cho các cháu ngày càng được tăng cường. Vì thế, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đến nay rất thấp chỉ còn 12,67%, giảm 4,13% so với năm 2001.

Giáo dục phổ thông bậc tiểu học đã thực hiện dạy đủ 9 môn. Các trường đã giảm tải nội dung chương trình cho học sinh tiểu học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giúp các em đạt được kết quả tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng học tập. Trong năm học 2001- 2002, số học sinh tốt nghiệp tiểu học đạt 99,3%, trong đó tỷ lệ khá giỏi đạt trên 60%, số học sinh bỏ học dưới 1%. Ở bậc trung

học, ngành đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính sáng tạo và chủ động của từng học sinh. Chất lượng giáo dục các môn văn hoá và giáo dục tư tưởng cho học sinh ngày càng tốt hơn. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt khá cao với 87,3% và 83,76%; tỷ lệ học sinh có học lực khá giỏi đạt xấp xỉ 40%, tỷ lệ học sinh vào lớp 10 đạt tới 90 - 95%. Hệ bổ túc cơ sở và trung học cũng được mở rộng đáp ứng nhu cầu về học cho nhân dân.

Ngoài ra, số học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh, quốc gia cũng tăng từng năm. Riêng năm học 2001- 2002, học sinh giỏi cấp tỉnh bậc tiểu học có 68 học sinh, trung học cơ sở 179 học sinh và trung học phổ thông 155 học sinh. Số học sinh trung học đạt học sinh giỏi toàn quốc là 22 em. Nhiều học sinh giỏi của tỉnh đã trưởng thành, đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước.

Đối với giáo viên, công tác nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua dự giờ, thao giảng cũng được duy trì nề nếp và thực hiện có hiệu quả. Số giáo viên tham gia phấn đấu trở thành giáo viên dạy giỏi các cấp ngày càng đông. Kết quả hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh năm học 2001 - 2002 đã có 148 giáo viên tiểu học, 140 giáo viên trung học cơ sở và 40 giáo viên trung học phổ thông đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở bậc trung học phổ thông đạt 69,67%, trung học cơ sở đạt 96,7%.

Sau khi hoàn thành công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, ngành đã chuyển sang thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Kết thúc năm học 2001- 2002, toàn tỉnh đã có 64/79 xã, phường và 3/7 huyện, thị được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo chuẩn mới, chiếm tỷ lệ khá cao so với toàn quốc.

Về quy mô, đến nay, tỉnh Bình Dương đã hình thành hệ thống các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở mỗi xã, phường, thị trấn. Mạng lưới trường lớp các ngành học đã được phát triển rộng khắp ở tất cả các xã, phường trong tỉnh, kể cả vùng sâu vùng xa, đáp ứng nhu cầu giáo dục trên từng địa bàn của tỉnh. Quy mô các trường, ở tất cả các cấp học, đều tăng. Tổng số trường bước vào năm học 2002 - 2003 trên toàn tỉnh là 276 trường, trong đó có 86 trường mầm non, 116 trường tiểu học, 44 trường trung học cơ sở và 30 trường trung học phổ thông. Bình quân mỗi xã phường có từ 1 đến 2 trường trung học cơ sở, mỗi huyện có từ 2 đến 4 trường trung học phổ thông. Hệ thống ngoài công lập có 13 trường bán công, 2 trường dân lập và 1 trường mầm non tư thục, 5 trường mầm non dân lập và 15 tổ mầm non bán công.

Với mô hình giáo dục thường xuyên, ngoài việc thực hiện xoá mù chữ và phổ biến kiến thức cho nhân dân, tỉnh còn mở các lớp bổ túc văn hoá, các hệ đào tạo tại chức cho hàng nghìn học viên. Thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), các trung tâm giáo dục thường xuyên đã phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo vận động được trên 644 học sinh tham gia học bổ túc tiểu học, trên 2.530 lượt học sinh tham gia học bổ túc trung học cơ sở, trực tiếp huy động hàng nghìn lượt người học các chương trình bồi dưỡng chuyên đề. Hàng năm 100% học sinh các lớp 9 và 12 được học các chương trình hướng nghiệp, dạy nghề.

Phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những mục tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Bình Dương

Cơ sở vật chất, trường học và lớp học phục vụ cho công tác giáo dục ngày càng được nâng cấp. Hai năm qua, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã phát động chương trình "lầu hoá" trường học và được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Hàng năm, nhân dân trong tỉnh đã đóng góp cho việc xây dựng trường lớp, quỹ khuyến học và hỗ trợ cho hoạt động giáo dục trên 8,26 tỷ đồng. Đến nay, tỷ lệ trường học được xây kiên cố "lầu hoá" đã đạt 23% tổng số trường trong tỉnh, số trường lớp còn lại là nhà cấp 4. Hệ thống thư viện, thiết bị trường học và máy vi tính trong các trường trung học phổ thông cũng được trang bị khá đầy đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn.

Quyết tâm vượt khó để hoàn thành mục tiêu 2005 - 2010

Bên cạnh những thành tích đạt được, vẫn còn tồn tại nhiều mặt yếu kém đòi hỏi ngành giáo dục và đào tạo Bình Dương phải tích cực giải quyết trong thời gian ngắn để có thể thực hiện thành công chương trình, nhiệm vụ mà Đảng bộ và chính quyền tỉnh đề ra. Theo đánh giá về hoạt động giáo dục - đào tạo trong thời gian qua, chất lượng giáo dục theo mục tiêu giáo dục toàn diện chưa đạt yêu cầu. Nhiều môn học như giáo dục công dân, kỹ thuật, thể dục, nhạc, hoạ... thiếu giáo viên nghiêm trọng. Chất lượng giáo dục giữa vùng đô thị và vùng nông thôn, giữa trường công lập và bán công, dân lập còn chênh lệch khá lớn. Vì vậy, cơ hội được học tập ở bậc cao hơn cho con em gia đình nghèo, ở vùng sâu, vùng xa còn bị hạn chế.

Quy mô và chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng so với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc đầu tư trang thiết bị trường học chưa tương xứng so với yêu cầu dẫn đến hạn chế chất lượng dạy và học. Cơ cấu đầu tư dành cho việc mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học bình quân mới đạt khoảng 3% - 4%/năm. Riêng năm 2002, do kế hoạch đổi mới giáo dục phổ thông, đặc biệt là đối với lớp 1 và lớp 6, tỷ lệ này đạt tới 6% (theo Thông tư số 30 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là 6 - 10%).

Trước thực tế đó, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương đã xây dựng một chương trình hành động đến năm 2005 và năm 2010. Hiện chương trình hành động này đã được lãnh đạo tỉnh phê duyệt. Theo đó, từ nay đến năm 2005, tổng kinh phí đầu tư cho ngành giáo dục sẽ lên tới 525,07 tỷ đồng. Mức kinh phí này dùng để hỗ trợ tối đa cho ngành thực hiện thành công 5 chỉ tiêu có tính chiến lược.

Thứ nhất, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giai đoạn 2001 - 2005 với tổng kinh phí hơn 58 tỷ đồng.

Thứ hai, nâng cấp cơ sở vật chất trường học với tổng kinh phí hơn 391 tỷ đồng để thực hiện "lầu hoá" và tăng cơ sở vật chất cho 100% các trường trung học phổ thông, 80% cho các trường trung học cơ sở, 50% cho các trường tiểu học và 30% cho các trường mầm non. Đồng thời, xây dựng hệ thống trường chuẩn quốc gia cho tiểu học (18 trường), trung học cơ sở (4 trường), trung học phổ thông (11 trường), mầm non trọng điểm (8 trường).

Thứ ba, tăng cường trang thiết bị với tổng kinh phí hơn 67 tỷ đồng để đảm bảo 100% các trường có thư viện, trang bị phòng vi tính nối mạng cục bộ, dạy tin học cho 100% học sinh các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, các trung tâm giáo

Bảng biểu về số học sinh đến trường ở các cấp

Đơn vị: học sinh

	1996 - 1997	1999 - 2000	2000 -2001	2001 - 2002
Tiểu học	83.898	79.744	77.958	76.313
Trung học cơ sở	45.136	51.066	51.918	53.877
Trung học phổ thông	9.562	19.624	23.023	23.340

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bình Dương

dục thường xuyên, hướng nghiệp và 40% học sinh trường tiểu học có điều kiện.

Thứ tư, đầu tư, trang bị công nghệ thông tin - quản lý cho ngành giáo dục và đào tạo với tổng kinh phí hơn 7 tỷ đồng để trang bị máy vi tính thông suốt từ sở, phòng, các trường thuộc các ngành học, bậc học, nối mạng internet, mở website ở sở và cung cấp các phần mềm quản lý.

Thứ năm, phổ cập giáo dục trung học giai đoạn 2001 - 2005 bằng nguồn vốn ngân sách.

Với phương châm "Coi sự nghiệp giáo dục là của toàn dân, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục", những năm tới đây tỉnh sẽ tập trung đầu tư về giáo dục ở những vùng khó khăn, hỗ trợ con em các gia đình chính sách, gia đình lao động nghèo, học sinh vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc, trẻ em khuyết tật... tạo cơ hội được học tập mọi người dân trong tỉnh. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài để có được một xã hội văn minh hơn, có được những lớp người kế tục những thành quả kinh tế - xã hội mà thế hệ ngày nay đang dày công vun đắp.

Chapter I: SOCIAL ISSUES

Investment in Fostering Human Resource Development

With the strategy of considering "investment in education and training development as one of important objectives in the socio-economic development", Binh Duong has become one of the provinces that have completed compulsory primary education and started the school education renovation earliest in Vietnam.

Like many other socio-economic sectors, Binh Duong Education and Training sector has been developed based upon the foundation Song Be Education and Training sector. Facing great challenges, since the first days of re-establishment, Binh Duong has identified "Development in education and training as the first objective and driving force for economic growth". Together with the industrialization and modernization process, enhancing people's intellectual standard has become a vital task assigned by the party, local authorities and Binh Duong citizens. Though the past five years is a short time but Binh Duong's education and training sector has achieved good outcomes. Now it is attempting to train the next generations to follow and continue the province's socio-economic development process.

Toward the comprehensiveness

Over the past years, Binh Duong education and training sector has gained significant achievements and taken new development steps in various aspects: it is one of the provinces that have completed the compulsory primary education and started the school education renovation earliest in Vietnam. In which,

For the quality, the quality of comprehensive education and of teachers as well has been always maintained and enhanced. Thus, education quality at kindergarten, primary, secondary and high school levels has been greatly improved. Different measures have been applied in kindergarten education to increase the quality such as adding different subjects of music, sculpture, alphabet letter acquaintance, culture and education to the teaching program. Particularly for 5-year old children, they are made acquaintance to mathematic subject. The introduction of traffic safety program in kindergartens has achieved the aim of raising children's knowledge.

Apart from teaching, the activities of bringing up, taking care of children; protecting and preventing mal nutrition for children are also being strengthened. As a result, the percentage of mal nutrition children stays low at 12.67 percent decreased by 4.13 percent compared to previous year.

All nine subjects have been taught in the general education at primary grade. Following the direction of the Ministry of Education and Training, all schools have decreased the teaching contents for primary pupils to help them get better results and enhance learning quality. In the school year of 2001 - 2002, the rate of pupils finished primary level reaches 99.3 percent, of which the very good and good pupils accounts for more than 60 percent and pupils running out of school is below one percent. At the secondary level, great endeavors have been made in renewing teaching methods: placing pupils in the center, developing the creativeness and initiatives of pupils. The education quality of cultural and ideological subjects is becoming better. The proportion of pupils who have successfully completed the secondary and high school education is relatively high with 87.3 percent and 83.76 percent. The portion of very good and good pupil is approximately 40 percent and pupils entered in grade 10 are from 90 percent to 95 percent. The primary and secondary education continuation is also widened in respond to people's learning needs.

In addition, number of pupils with excellent pupil title at provincial and national level has been on the rise year by year. In the school year of 2001 - 2002 alone, 68 pupils at primary grade, 179 pupils at secondary and 155 at high school obtained very good pupil titles at provincial level. Number of pupils at secondary grade receiving excellent pupil title at national level was 22. Many of these excellent pupils have grown up and made great a contribution to the national construction and socio-economic development.

Regarding the teachers, the activities to improve teaching quality such as attending class as an observer and trainee are maintained and implemented effectively. The number of staff who are striving for excellent teacher title at different levels is on the rise. Results from the competition on excellent teachers at provincial level in the school year of 2001 - 2002 show that 148 teachers at primary grade, 140 at secondary and 40 at high school have received excellent teacher title at provincial level.

After completing the illiteracy and compulsory primary education, the sector started universalizing the secondary education. By the end of school year 2001 - 2002, 64 of 79 communes and wards and 3 out of 7 districts and towns in the province were recognized as finalizing the primary education spread according to new standard. This figure is relatively high in comparison with the national ones.

Regarding the scale, a system of kindergarten, primary and secondary school in each commune and ward was formulated.

Binh Duong Education and Training Department's Headquarters

A network of schools at different grades has been largely developed in all communes and wards even in the remote and isolated areas to meet the local education demand. The school size at all grades has been enlarged. In the school year of 2002- 2003, there are total 276 schools comprising 86 kindergartens, 116 primary, 44 secondary and 30 high schools. On average each commune, ward has from 1 to 2 secondary schools and each district has from 2 to 4 high schools. In the non-state system, there are 13 semi-official schools, 2 people founded schools and 1 private kindergarten, 5 people founded kindergartens and 15 semi-official pre-school groups.

With permanent education model, in addition to the implementation of illiteracy and knowledge spread for people, continuation classes and in-service training courses are opened for thousands of learners. To reach the target of raising people intellectual standard, fostering human resources as specified in the Central Resolution No.2 (Term VIII), the permanent education centers in coordination with the Training and Education Department has motivated more than 644 pupils to participate in primary continuation class and 2,530 turns of pupils in secondary continuation class and thousands of turns of people in special subject fostering program. Each year, 100 percent of pupils at grade 9 and 12 were provided with vocational guidance and vocational training program.

Concerning infrastructure, school and class for education activities has been increasingly upgraded. Over the past two years, the Party Committee and the People's Committee of Binh Duong have initiated a program on "many-storied house" school, which is fully supported by people. Every year, contribution from people to the construction of school, learning encouragement fund and other education activities totals over 8.26 billion VND. So far, the proportion of strongly built school "multi - storied building" makes up 23 percent of the total schools in the province, the remaining are grade IV houses. System of libraries, school equipment and computers has been equipped in high school to serve the teaching and learning needs.

Attempt to overcome difficulties to achieve the objective of 2005 - 2010

Apart from the achievements gained, there remain many weak points that Binh Duong's Department of Education and Training should deal with in a short time to successfully fulfill the programs and tasks set out by the party and local authority. Assessment on previous training and education activities show that education quality has not met requirement in comparison with its comprehensive education objective. Many subjects such as citizen education, techniques, gymnastics, music and drawing, seriously lack teachers. There is a big difference between the education quality in the urban and countryside areas, at state schools and semi-official schools, private schools. Therefore, opportunities for pupils in poor families, in the remote and isolated areas to continue with higher grades are restricted.

Vocational training quality and scale has not catched up with the provincial socio-economic development pace. Investment in school facilities and equipment has not met requirements resulting in a limitation on training and learning quality. Annual invest-

Table of number of pupils going to school at different grades

Unit: pupil

	1996 - 1997	1999 - 2000	2000 -2001	2001 - 2002
Primary	83,898	79,744	77,958	76,313
Secondary	45,136	51,066	51,918	53,877
High school	9,562	19,624	23,023	23,340

Source: Binh Duong Statistic Department

ment for procurements of teaching facilities and equipment remains only from 3 percent to 4 percent on average. In the year 2002, thanks to the plan on secondary education renovation, especially for grade 1 and 6, this figure increased to 6 percent (following the Decree No. 30 of the Ministry of Education and training, it should be from 6 percent to 10 percent).

From that fact, an action program for the year 2005 and 2010 was formulated by the Binh Duong Department of Education and Training. This program has been approved by the province's leaders. Following this plan, from now to 2005, total investment for education sector will come up to VND525.07 billion. This budget will be used to support the sector to successfully obtain the 5 strategic targets:

Firstly, training and fostering teachers in 2001 - 2005 with total budget of more than VND58 billion.

Secondly, upgrading school infrastructure with total capital of over VND 391 billion to have school with "multi-storied building" and increase equipment and facilities for 100 percent of high schools, 80 percent secondary schools, 50 percent primary schools and 30 percent kindergartens and at the same time formulating a system of national standard schools for primary (18 schools), secondary (4 schools), high school (11 schools), main kindergartens (8 schools).

Thirdly, increasing school facilities and equipment with total budget of over VND 67 billion to ensure that 100 percent of schools have libraries, computer rooms with internal network connection to offer informatics lessons to 100 percent of pupils at high schools, secondary schools, permanent training centers, vocational centers and 40 percent of pupils at primary schools.

Fourthly, investing and installing information - management technologies in education and training sector with total capital of more than VND 7 billion. This money will be used for department, office, schools at different grades to buy computers; to connect to the Internet and open website in the department and provide management software programs.

Fifthly, spreading high school education in period 2001 - 2005 using the government budget.

With the strategy of "Regarding education process as of every people and implementing social equality in education", in the coming years, the province with focus its investment in education in the disadvantaged area, supports for children in families sponsored by the Government for having done the services to the country, poor families and pupils in the remote and isolated areas, ethnic minority peoples, disable children... to have chance to go to school as many others. It is also planned to enhance people's intellectual standard, train human resource and foster talented people to have a more civilized society and a generation that will follow the socio-economic achievements that has been being built up by the current generation.

Hung Vuong Primary School

TRƯỜNG TIỂU HỌC BÁN TRÚ LÊ HỒNG PHONG

LE HONG PHONG SEMI - BOARDING PRIMARY SCHOOL

Được thành lập ngày 4/9/02 theo quyết định của Uỷ ban Nhân dân Thị xã Thủ Dầu Một. Đây là trường bán trú 100% đầu tiên của thị xã, đồng thời là trường trọng điểm của tỉnh bắt đầu hoạt động vào năm học 2002-2003. Về quy mô, hiện nay trường có 63 cán bộ công nhân viên gồm cả giáo viên, cấp dưỡng, bảo mẫu,..., 22 phòng học, 4 phòng chức năng, 1 bếp ăn công nghiệp, 2 nhà ăn và còn lại khoảng 15 phòng cho bộ phận hành chính làm việc. Như vậy tổng cộng là 45 phòng, được xây dựng trên diện tích 7.000 m^2.

Chế độ nuôi dưỡng học sinh được trường hết sức quan tâm. Riêng về bếp ăn đã được thiết kế theo kiểu bếp ăn công nghiệp, đảm bảo vệ sinh. Trường đã phối hợp với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương để thực hiện công tác chăm sóc dinh dưỡng cho từng độ tuổi học sinh. Theo đó, mỗi tháng đều tổ chức cân đo sức khoẻ cho học sinh theo barem về dinh dưỡng cho trẻ em. Trên cơ sở đó, nhà bếp sẽ có tính toán để điều chỉnh cho các em về chế độ ăn cho phù hợp. Do đó cuối học kỳ 1 vừa qua trường đã được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia.

Do là trường bán trú tiểu học đầu tiên được thành lập nên toàn bộ giáo viên đứng lớp hiện nay đều được điều từ thị xã về, trong đó phần lớn là giáo viên giỏi các cấp, đạt chuẩn và trên chuẩn. Hiện trường có 22 lớp, trong đó khối một là 7 lớp, khối hai 5 lớp, khối ba 4 lớp, khối bốn 3 lớp và khối năm 3 lớp với sĩ số tối đa là 35 em/ lớp. Tổng cộng là 768 học sinh, trong đó 344 nữ. Ngay từ đầu năm học đầu tiên trường đã tổ chức thi chọn học sinh giỏi và chọn được 3 lớp ở khối 3, 4, 5 để bồi dưỡng liên tục. Các môn nhạc, anh văn, kỹ thuật, tin học được trang bị thiết bị đầy đủ, đảm bảo khi lên lớp mỗi em có 1 cây đàn, 1 máy tính và hiện đang trang bị phòng họa.

Founded on 2002 September 4 under Decision of Thu Dau Mot's People Committee, Le Hong Phong School is the first primary semi - boarding school of Thu Dau Mot Town and also the vital one of Binh Duong Province in the year of 2002 - 2003. The school now has 63 staffs including teachers, nursemaids, chefs. Classrooms were built modernly with 22 rooms, 4 functional rooms, 1 industrial kitchen, 2 canteens and 15 rooms for administration departments. About 45 rooms totally are constructed in an area of 7,000 square metre.

Hiệu trưởng: Dương Văn Bốn khai giảng năm học mới 2002-2003

The school also is interested in bringing up children. The kitchen was designed in industrial model for ensuring hygiene. The school in corporate with Binh Duong General Hospital have carried out checking health for counting nutrition in a meal.

Le Hong Phong Semi - boarding Primary School was recognized as a national - standard school in the first term of the 2002 - 2003 school - year. Due to the first semi - boarding school, majority of teachers at different grades were trained and qualified at national - standard level. The school has 22 classrooms with 768 pupils of which 344 are girls. The first class has 7 classes, the second - 5 classes, the third - 4 classes, the fourth - 3 classes, and fifth - 3 classes. The total of pupils is about 35 children/class. In the first school - year, Le Hong Phong School had held contests for selecting well pupils. Three classes in the third, fourth and fifth were selected for training continuously. Some subjects such as music, English, technology, informatics are well equipped with one pupil has one musical instrument, one computer and the drawing class is building.

Địa chỉ: Đường Phạm Ngũ Lão - Thị xã Thủ Dầu Một
Điện thoại: (0650) 870456

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ BÌNH DƯƠNG

Không ngừng phấn đấu, vươn lên

Trường Trung học Kinh tế Bình Dương, ra đời năm 1977, là một trong những trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào danh mục các trường trung học chuyên nghiệp của Nhà nước. Do luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, nên trong nhiều năm liền trường đạt danh hiệu "Trường tiên tiến của tỉnh", được Chính phủ và Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen.

Những kết quả tự hào

Nhìn lại kết quả đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn và quản lý kinh tế trong hơn 25 năm qua, những thành quả mà trường đạt được thật đáng tự hào. Từ năm 1977 đến năm 1987, nhà trường đã đào tạo nghiệp vụ tài chính - kế toán ở trình độ sơ cấp cho 1.786 học sinh, bồi dưỡng và tập huấn ngắn hạn 1.755 người. Trong giai đoạn 1988 - 2002, trường đào tạo hệ trung học theo quy mô hệ chính quy là 11 khoá gồm 18 lớp với 1.197 học sinh, trong đó đã có 9 khoá với 665 học sinh đã tốt nghiệp. Với hệ tại chức, trường đào tạo được 14 khoá với 1.003 học sinh, trong đó có 11 khoá với 842 học sinh đã tốt nghiệp. Ngoài ra, hệ bồi dưỡng và tập huấn nghiệp vụ cũng có 30 lớp với 1.540 người (học viên đang học hay đã tốt nghiệp).

Ở những khoá trung học, đào tạo ngắn hạn do trường trực tiếp tổ chức, quản lý và giảng dạy, nhà trường đều áp dụng các quy chế, quy định mới, chính sách mới, để bổ sung vào bài giảng của giáo viên đến việc tổ chức tuyển sinh, tổ chức kiểm tra thi xét lên lớp, công nhận tốt nghiệp. Mặt khác, trường đã từng bước quản lý công việc trên cơ sở phân cấp cho các phòng, ban, tổ bộ môn về nhiệm vụ, quyền hạn trong điều hành các công việc cụ thể trên các lĩnh vực hoạt động có liên quan.

Bên cạnh đó, Trường còn phối hợp với Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 5 khoá đại học, đào tạo 858 sinh viên, trong đó có 3 khóa với 451 sinh viên đã tốt nghiệp và dự định tuyển tiếp 1 khoá nữa trong năm 2003. Đối với các khoá đại học tại chức, trường liên kết cùng Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh đảm nhận việc quản lý giờ giấc lên lớp của giáo viên và sinh viên. Đồng thời, trường tổ chức coi thi, chuyển bài về trường đại học, thu chi, ủy quyền khoản học phí, phục vụ đưa, đón, ăn ở cho giáo viên và cán bộ quản lý. Các nhiệm vụ này đều được Trường Đại học Kinh tế đánh giá hoàn thành tốt.

Trong công tác tuyển sinh, số thí sinh dự thi năm sau luôn cao hơn năm trước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển chọn. Mặt khác từ năm học 2001 - 2002, thực hiện quy chế mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đã tổ chức thực hiện tuyển sinh đúng quy trình, đảm bảo đúng nguyên tắc, được đoàn thanh tra công tác của Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá tốt, không để sai sót dù là nhỏ xảy ra. Kể cả việc

Trường Trung học Kinh tế Bình Dương - một trong những cái nôi đào tạo nhân tài cho tỉnh

gọi nhập học, trường cũng áp dụng theo đúng quy chế, không gọi vượt chỉ tiêu được giao.

Để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy tốt, hàng năm nhà trường đầu tư thêm máy móc, thiết bị. Năm 2002, nhà trường đã mua sắm mới các máy móc thiết bị trị giá trên 135 triệu đồng, trong đó có cả phần mềm kế toán chuyên ngành. Đồng thời, thực hiện chủ trương của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc cho phép trường tiến hành tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng 8 phòng học, 20 phòng ký túc xá và làm sân vườn trường. Dự án đã tiến hành đang chờ Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và sẽ khởi công đầu quý II năm 2003 với tổng vốn đầu tư ước tính trên 6 tỷ đồng.

Đội ngũ giảng viên luôn hoàn thiện mình

Đi đôi với phát triển công tác đào tạo, sự trưởng thành của học sinh, sinh viên, lực lượng cán bộ quản lý, giảng dạy của trường cũng từng bước được nâng lên cả về kiến thức chuyên môn, bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm thực tiễn. Tất cả cán bộ giảng dạy đều tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành của mình và đảm nhiệm hầu hết nội dung chương trình giảng dạy của trường. Nhà trường hiện có 28 cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Trong đó, số giáo viên biên chế trực tiếp giảng dạy là 13 người, và 5 giáo viên diện kiêm nhiệm. Con số này, nếu so với quy định về mức biên chế, trường còn thiếu nhiều giáo viên.

Nhằm bổ sung thêm số lượng giáo viên (những người có đủ điều kiện về trình độ kiến thức chuyên môn và có tâm huyết gắn bó với nghề nghiệp), từ nhiều năm qua, nhà trường luôn chú trọng đến công tác tuyển chọn giáo viên. Mặt khác, trường còn tổ chức cho các thầy, cô giáo tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp sư phạm và dự các hội nghị chuyên đề do Sở, Bộ tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Lạt và Hà Nội. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của trường còn tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học. Vì thế đến nay, toàn trường đã có 4 đề tài được Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm nhà trường, Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt công nhận (cấp trường 1 đề tài, cấp sở 3 đề tài). Đó cũng là thành công bước đầu trong sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ giáo viên của trường.

Công tác đào tạo giáo viên mới cũng được trường quan tâm, chú ý từ việc hướng dẫn soạn giáo án, tập giảng, xây dựng chương trình môn học đến công tác chủ nhiệm lớp và phân công người hướng dẫn trong thời gian tập sự. Nhiều thầy cô nhanh chóng tiếp cận với công việc và đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của trường đang phấn đấu đào tạo những lớp người mới được trang bị đầy đủ kiến thức, góp phần xây dựng kinh tế địa phương ngày càng hưng thịnh.

Nghiêm túc trong dạy và học, trường Trung học Kinh tế Bình Dương được công nhận là "Trường tiên tiến của tỉnh"

THE BINH DUONG ECONOMICS HIGH SCHOOL

Constantly Strive for Better Growth

Established in 1977, The Binh Duong Economics high school is one of the state's vocational schools listed by the Ministry of Education and Training. The school has been awarded the honorable name " the advanced school of the province" and complement certificates by the Government and the province for consecutive years.

The significant achievements

The school has obtained great achievements in training and fostering the staff in terms of expertise and economic management for 20 years. From 1977 to 1987, the school trained 1,786 students in primary accounting-finance , fostered and drilled 1,755 students in a short term. In 1988 - 2002, the school has organized 11 full-time training courses with 1,197 students attending in18 classes of which 665 of 9 courses have completed. It has also had 14 in - service training courses including 1,003 students of which 842 students of 10 courses have graduated. In addition, there are 30 classes with 1,540 people (including students of the school and graduates) fostered and trained with expertise.

The school applies new regulations supplemented from policy into teachers' lectures, as well as enrolment, examination and recognition of graduation for medium and short- term courses organized, managed and trained by the school. Moreover, the school gradually manages all works by assign tasks and responsibilities, management authorities in detail to departments as well as professional groups for relating aspects.

The school has also co-operated with the Economic University of Ho Chi Minh city to hold five courses training 858 students, and three of which with 457 students were completed. The school is planning to organize another course in 2003. Regarding in-service courses, the school and the Economic University of Ho Chi Minh city are responsible for management of teachers and students' time at class. Meanwhile, the school also organizes examinations, sends students' exams papers to the university, keeps business accounts for income and expenditure and arranges transportation and accommodation of teachers and administrative staff. All these tasks are highly appreciated by the Economic University of Ho Chi Minh city.

For the enrolment, generally, the number of students taking entrance exam this year is always higher than that of the previous year which creates good conditions for the selection. Furthermore, since school year 2001-2002 in order to implement the new regulations of the Ministry of Education and Training, the school has conducted enrolling in right procedures and ensure the regulations without any mistakes which is highly appreciated by the inspection delegation of Department of Education and Training. The school also obeys the regulations of school entrance and the number of the enrolled students will not excess the permitted volume.

To improve the quality of teaching and learning, the school annually invests more in equip-

Teachers and students of the schools are being rewarded with Certificates of Merit

ment. In 2002, it spent over VND 135 million buying new equipment and machines including professional accounting software. According to the direction of the provincial people's committee allowing the school to implement a project on building 8 classes, 20 student's rooms and a garden yard. The project waiting for the approval by the provincial people's committee will start construction in early 2003 with the total of investment over VND 6 billion.

Constant enhancement of the teachers' qualification.

In concurrence with training development, students, teacher sand administrative staff are gradually improved regarding their knowledge, political spirit and practical experience. All teachers graduated from universities with the expertise they are teaching at the school. This school has 27 staff, of which there are 13 regular teachers and 5 teachers are contracted as teaching service. This number reflects a shortage of regular teachers according to the regulations on the number of regular teachers.

To increase more the number of the teachers (of high qualification, enthusiasms and love in jobs) the school has always paid attention to selection over the past few years. On the other hand, the school encourages teachers to participate in courses to improve their special knowledge, teaching methodology and symposium held by the Ministry and the Department of Education and Training in Ho Chi Minh city, Vung Tau, Nha Trang, Da Lat, and Ha Noi. In addition, the teachers also take part in scientific researching thesis, until now four thesis are recognized by the Initiative and Experience Approving Committees of the Department of Education and Training and the school (one of thesis at school level, three others at department level). It is the initial success of teachers of the school resulting from their utmost efforts.

The school also pays attention to training new teachers, guide how to prepare lesson plans, practice teaching, make curriculum for the subjects and be in charge of a class, as well as appoint the supervisors to help new teachers on job-training. Many teachers quickly get used to the work and complete their tasks.

All the staff of the school are making great efforts to train new generations with comprehensive knowledge to make a contribution to prospect of the local economy.

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Đáp ứng ngày một tốt hơn cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Kể từ khi Bình Dương ban hành chính sách "trải thảm đỏ" mời gọi đầu tư, trong đó tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp đã khiến vấn đề nguồn nhân lực trở nên cấp thiết. Nhận thức được điều đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bình Dương với chức năng là cơ quan quản lý đầu ngành, trong những năm qua, đã có nhiều cố gắng giải quyết việc làm và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Sự cố gắng đó đã góp phần tạo ra cơ cấu lao động ngày càng phù hợp hơn với cơ cấu kinh tế của một địa phương đang trong quá trình chuyển đổi. Bên cạnh đó, Sở cũng phát huy vai trò trong việc thực hiện chính sách đối với những người có công với cách mạng và đối tượng xã hội khác.

Thành tựu và tồn tại

Nói về những thành công của ngành trong thời gian qua, Bà Nguyễn Thị Kim, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bình Dương nhận định: "Từ năm 1997 đến năm 2002, Bình Dương đã tiến hành đào tạo nhân lực theo yêu cầu của từng loại hình sản xuất, hạn chế về thời gian và công sức trong đào tạo tại chỗ. Qua đó, người lao động đã sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại". Trong giai đoạn này, 4 cơ sở dạy nghề Trung ương và 20 cơ sở (9 công lập và 11 tư nhân) của địa phương đã tư vấn và giới thiệu cho 39.263 lao động, dạy nghề cho 51.011 đối tượng gồm cả dạy nghề dài hạn và ngắn hạn. Các học viên được học những nghề chủ yếu như điện tử, điện công nghiệp, cơ khí, sửa chữa xe máy, ôtô, may công nghiệp.

Trong 5 năm (1997 - 2002), Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã hỗ trợ giải quyết việc làm mới cho 138.403 lao động (trong tổng số lao động của Bình Dương tính đến cuối năm 2002 là 247.760 người). Trong đó có 121.850 lao động nhận được việc làm trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ cho 16.553 lao động thông qua các chương trình kinh tế - xã hội. Riêng năm 2 02, thực hiện sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở đã tổ chức thành công ngày hội việc làm toàn tỉnh lần thứ I-2002. Ngày hội đã thu hút 17.129 lượt người lao động đến tìm việc, trong đó có 1.456 lao động được tuyển dụng tại chỗ, 5.995 hồ sơ được thu nhận để giải quyết và 3.442 người đăng ký nộp hồ sơ học nghề. Riêng ngày hội việc làm ở cụm xã Tân Hiệp - An Linh - Phước Sang của huyện Phú Giáo và Dầu Tiếng đã thu hút 833 lượt người được tư vấn học nghề và tìm việc làm.

Công việc ổn định đã tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có mức thu nhập đảm bảo cuộc sống gia đình. Trong đó, thu nhập bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước vào khoảng 850 - 1.000 nghìn đồng/người/tháng, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 815 nghìn đồng/người/tháng, doanh nghiệp tư nhân là 763 nghìn đồng/người/tháng.

Tuy nhiên, theo bà Kim, nguồn lao động

Bảng tổng hợp về dự toán kinh phí phát triển mạng lưới dạy nghề

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2001 -2005	2006 - 2010
Đầu tư xây dựng	1.700	30.500	16.700	6.700	3.700	59.300	22.000
Đầu tư trang thiết bị	1.450	16.650	20.800	7.500	3.800	50.200	50.000
Kinh phí đào tạo	2.666	3.525	4.434	5.314	6.376	22.315	50.990
Tổng cộng	**5.816**	**50.675**	**41.934**	**19.514**	**13.876**	**131.815**	**129.990**

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

cung cấp cho các ngành công nghiệp của tỉnh Bình Dương vẫn là "vấn đề bất cập". Hàng năm, nhu cầu của các doanh nghiệp vào khoảng 28.000 lao động, trong khi số người trong tỉnh bước vào độ tuổi lao động khoảng 14.000 người/năm. Điều đó có nghĩa là, mỗi năm, Bình Dương cần bổ sung thêm 11.000 lao động ngoại tỉnh. Hiện nay, các ngành nghề đang thiếu hụt lao động trầm trọng gồm có ngành may mặc, da giầy, chế biến nông sản thực phẩm. Không chỉ có vậy, chất lượng lao động, trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của đội ngũ công nhân còn thấp, phổ biến là lao động phổ thông mới chỉ được đào tạo qua hệ ngắn hạn. Cơ cấu đào tạo nghề còn bất hợp lý, trang thiết bị thiếu thốn, lao động kỹ thuật chiếm tỷ lệ không cao, chỉ vào khoảng 20 - 22% tổng số lao động.

Chăm sóc người có công và đối tượng xã hội

Trong những năm tháng kháng chiến, Bình Dương được nhiều người biết đến với những người con kiên cường chống giặc ngoại xâm. Trong thời bình, nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần để bù đắp lại những phần mất mát, hy sinh của họ và gia đình họ. Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vận động xây dựng quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa". Trong thời gian qua, các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã vận động các doanh nghiệp và nhân dân đóng góp khoảng 40 tỷ đồng. Nguồn quỹ vận động này được dùng xây dựng nhà tình nghĩa và tang sổ tiết kiệm cho những đối tượng chính sách trong tỉnh. Vì thế, đến cuối năm 2002, toàn tỉnh có hơn 1.202 căn nhà tình nghĩa được xây dựng, sửa chữa với tổng giá trị hơn 17 tỷ đồng và tặng 791 sổ tiết kiệm tình nghĩa với hơn 373 triệu đồng. Riêng năm 2002, Sở đã phối hợp cùng các cơ quan chức năng xây dựng, sửa chữa được 380 căn nhà tình nghĩa trị giá trên 6,3 tỷ đồng.

Từ năm 1995 đến nay, công tác chăm lo phụng dưỡng các bà mẹ anh hùng luôn được duy trì tốt. Hiện nay, 148/790 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống đều được các đơn vị nhận phụng dưỡng với mức trợ cấp từ 200 nghìn đồng/người/tháng trở lên. Bước đầu để chăm sóc

Mục tiêu phát triển đến năm 2005

1) *Giai đoạn 2001 - 2005 phấn đấu giải quyết việc làm cho 25-28 nghìn lao động.*
2) *Giảm tỷ lệ thất nghiệp từ 4,2% (năm 2000) xuống còn 3% (năm 2005).*
3) *Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2005 chiếm 35 - 40% số lao động làm việc.*
4) *Phấn đấu đào tạo mới 57.000 công nhân kỹ thuật, đào tạo lại 26.700 công nhân kỹ thuật.*
5) *Hình thành 2 trường dạy nghề chất lượng cao thuộc tỉnh quản lý, thực hiện đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Các trung tâm dạy nghề ở các huyện phía bắc sẽ được phát triển. Phấn đấu đến năm 2004, mỗi huyện có ít nhất một trung tâm dạy nghề.*
6) *Nguồn kinh phí sẽ được huy động từ nhiều nguồn, ngân sách trung ương, địa phương, tư nhân, nước ngoài,...*

thương binh nặng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đã có 8 thương binh nặng trong tỉnh còn được nhận mức trợ cấp 150 - 200 nghìn đồng/người/tháng và gần 60 gia đình thương binh, liệt sĩ khác cũng được đỡ đầu mỗi tháng hơn 10 kg gạo.

Ngoài ra, hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội còn đẩy mạnh việc chăm lo và trợ cấp cho 51 người già cô đơn và 61 trẻ mồ côi tại 2 trung tâm bảo trợ xã hội do tỉnh quản lý với mức trợ cấp 100 nghìn đồng/người/tháng. Trong năm 2002, Sở tiếp tục hỗ trợ thêm cho 67 cháu ở cơ sở bảo trợ xã hội Thuận An. Ngoài mức trợ cấp này, Sở đã vận động các tổ chức từ thiện tài trợ thêm. Không trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, bên cạnh học văn hoá, trung tâm còn đào tạo, dạy nghề vi tính.... cho các cháu. Đồng thời, hàng năm, Sở đã mua và cấp 29.370 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng xã hội và hỗ trợ học nghề cho trên 90 cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

"Cùng với chính sách ưu đãi của Nhà nước, sự đóng góp hỗ trợ của toàn xã hội và nỗ lực của bản thân các đối tượng chính sách, đến nay, toàn tỉnh có gần 100% hộ chính sách có mức sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình so với nhân dân vùng cư trú", bà Nguyễn Thị Kim đã nói như vậy khi đánh giá về những "cái được" trong công tác chăm sóc người có công và các đối tượng chính sách xã hội.

Trong những năm tới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ trong điều kiện có nhiều thuận lợi. Thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh đang trên đà tiếp tục tăng trưởng tạo tiền đề cho phát triển lĩnh vực lao động - thương binh, xã hội một cách vững chắc.

DEPARTMENT OF LABOR - INVALID AND SOCIAL AFFAIRS

Meeting More Socio-economic Development Requirements

Since Binh Duong issued the policy on "rolling out red carpet" to attract investors with a focus on industrial sector, human resource has become an urgent need. Realizing this, Binh Duong Department of Labor - Invalid and Social Affairs with the role of leading management unit has taken great efforts in creating jobs and using human resource effectively. This endeavour helped to form the labor structure more appropriate with the provincial economic structure in the transformation process. Additionally, the Department also plays the role of carrying out policies for peoples who was instrumental during the war and other targeted social groups.

Achievements and constrains

When talking about the achievements of the Department during the past years, Nguyen Thi Kim - Director of Binh Duong Department of Labor - Invalid and Social Affairs affirmed: "In 1997 - 2002, human resource training courses were conducted as the requirements of each production types to save time and energy in on-the-job training. Accordingly, the laborers can use modern technologies professionally". During the period, four central vocational foundations and 20 local ones (9 public and 11 private) consulted and introduced 39,263 laborers and provided both long- term and short-term vocational training courses for 51,011 people. The trainers were taught main trades including electronics, industrial electricity, mechanics, car and motorbike repairing, industrial sewing.

Within 5 years (1997-2002), jobs were created for 138,403 laborers (total labors of Binh Duong by the end of 2002 is 247,760

people), of which 121,850 were recruited by enterprises in different economic sectors and the remaining of 16,553 were given jobs on the spot through socio-economic programs. In 2002 alone, following the guideline of the Provincial People's Committee and the Ministry of Labor - Invalid and Social Affairs, the first employment day in January, 2002 was successfully organized in the province by the Department. This employment day attracted 17,129 turns of laborers who came to look for a job. 1,456 people were employed on the spot and 5,995 sets of curriculum vitae were accepted for consideration. And 3,442 people applied for vocational training courses. On the employment day, in a group of communes of Tan Hiep - An Linh - Phuoc Sang, Phu Giao and Dau Tieng district, 833 turns of people were advised on their vocational training and jobs.

Stable jobs helps laborers in enterprises in different economic sectors earn an incomes that can ensure their family life. The average income of a worker in state owned enterprises is VND 850,000 - 1,000,000 per month, in foreign invested enterprises VND 815,000 and in private enterprise VND 763,000.

However, according to Kim, human recourse for Binh Duong's industrial sectors still remains an "inadequacy". Every year, the enterprises need about 28,000 laborers while the number of people at working age available in the province is around 14,000 people per year. This means, each year Binh Duong needs an additional of 10,000 laborers from other provinces. Currently, sectors are facing serious shortage of laborers including garments, leather, agriculture and foodstuff processing.

Economic and Technical School reliable address in vocational training of Binh Duong

Furthermore, the quality, education level and technical skills of workers still remain low; especially most of laborers were trained in short-term courses. Vocational training structure is inappropriate while lacking equipment and facilities. Technical laborers which account for a small proportion, about 20 - 22 percent of the total laborers, mostly working in government management sector and the sectors with large foreign investment capital.

More priorities for the instrumental people and other social groups.

Binh Duong was all well-known with many heroic people during the wars against invaders. Apart from training on

Expenditure estimation for developing vocational training network

Target	2001	2002	2003	2004	2005	2001 -2005	2006 - 2010
Investment in construction	1,700	30,500	16,700	6,700	3,700	59,300	22,000
Investment in equipment	1,450	16,650	20,800	7,500	3,800	50,200	50,000
Training cost	2,666	3,525	4,434	5,314	6,376	22,315	50,990
Total	5,816	50,675	41,934	19,514	13,876	131,815	129,990

Source: Department of Labor - Invalid and Social Affairs

Development objectives until 2005

1) *In period 2001 - 2005: create jobs for 25-28,000 laborers*
2) *Reduce unemployment rate from 4.2 percent (in 2000) to 3 percent (in 2005).*
3) *Increase proportion of trained labor force to 35 - 40 percent of the total labor force until 2005*
4) *Newly train 57,000 technical workers and retrain 26,700 technical workers.*
5) *Establish two high quality vocational training schools in the province to provide long-term and short-term training courses. Vocational training Centers in the north will be developed to achieve the objective that until 2004 every district having at least a vocational training center.*
6) *Budget will be mobilized from different sources from central andlocal budget, individuals and foreign organizations.*

human resource. Binh Duong also pays special attention to creating favourable conditions for people who were instrumental during the wars to help them feel stable in material and have good spirit to compensate what they lost and devoted during the war. With this plan, Binh Duong People's Committee has directed the Department of Labor - Invalid and Social Affairs to motivate people to establish a "Repayment in kind Fund". During past few years, the province has motivated enterprises and individuals to financially support around VND 40 billions. This contribution was used to build houses of gratitude and present saving books to groups belong to the Government.

By the end 2002, 1,202 houses of gratitude were built and repaired with total value of over VND 17 billion and 791 saving books of over VND 373 million were given as presents. In 2002 alone, the Department has coordinated with other related agencies to build and repair 380 houses of gratitude with total cost of over VND 6.3 billion. Since 1995, activities of taking care heroic mothers have been well maintained. At present, 148 out of 790 Vietnamese heroic mothers were supported by different units with the supporting amount of VND200,000 onwards per month per person and the serious wounded people with the especially difficult situation have also been cared and eight disabled veterans were supported with VND 150,000 - 200,000 per month per person and nearly 60 other war-invalid and martyrs families were assisted with 10 kilos of rice per month. In addition, every year the department also promotes the activities of taking care and providing supports to 51 single women and 61 orphans at two social support centers managed by the province, with total amount of VND 100,000 per month per person. In 2002, the Department will continue to support other 67 children at Thuan An Social Support Base. Apart from this assistance, the Department also encouraged charity organizations to give more supports. Particularly, in the Orphan Bringing- up Centers, the children are not only offered cultural lessons but also trained with informatics, motorbike repairing. At the same time, every year the Department buys and gives 29,370 public health insurance cards to social groups and helps 90 disadvantaged children to follow vocational training courses.

Thanks to the Government favourable policies together with the contributions and supports of all society and efforts of the policy for the social group, nearly 100 percent of families belong the Government policy for having done services to the countries can obtain living standard that is equal or higher than the average level of people in the province - said Nguyen Thi Kim when making a review on the achievements of taking care people devoted during the war and groups sponsored by the Government for having done services to the country.

In the coming years, the Department will continue to carry out different tasks in a more favourable conditions. The increase in socio-economic growth creates a steady foundation for the Department of Labor, Invalid and Social Affairs to develop steadily.

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO KỸ THUẬT VIỆT NAM - SINGAPORE

Điểm sáng trong hợp tác đào tạo nghề của cả nước

Ứng dụng phương pháp giảng dạy module nặng về thực hành trên cơ sở chương trình đào tạo nghề chuẩn của Singapore, Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore đã rút ngắn thời gian đào tạo một thợ bậc 3/7 xuống còn 6 tháng thay vì mất đến 18 - 24 tháng mà các cơ sở đào tạo trong nước đang áp dụng. Chỉ chưa đầy 3 năm hoạt động, trung tâm đã cho ra trường gần 1.000 học sinh, đáp ứng kịp thời nhu cầu về kỹ thuật viên ngày càng cao của các doanh nghiệp. Đây là thành quả hợp tác đào tạo giữa hai Chính phủ Việt Nam và Singapore, là điểm sáng đào tạo của cả nước để qua nghiên cứu mô hình đào tạo này có thể đề xuất những chủ trương có tầm vĩ mô hơn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Sự ra đời của mô hình hợp tác đào tạo giữa hai Chính phủ

Từ năm 1996, khi Bình Dương đẩy mạnh quá trình xây dựng hệ thống các khu công nghiệp, trong đó có sự ra đời của Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, thì nhu cầu phát triển đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ để có thể sử dụng hệ thống thiết bị máy móc hiện đại trị giá hàng tỷ USD đã trở thành vấn đề bức xúc của Bình Dương và cũng là thách thức lớn đối với lĩnh vực đào tạo nghề của Việt Nam.

Chính vì vậy, tại cuộc họp song phương nhân kỳ họp cấp cao không chính thức của khối ASEAN diễn ra tại Giacácta, Inđônêxia, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Ngài Goh Chok Tong, Thủ tướng Singapore đã cùng nhất trí thành lập Trung tâm đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore. Có thể coi, đây là một sự hợp tác thứ hai rất có ý nghĩa giữa hai Chính phủ sau khi sản phẩm của sự hợp tác thứ nhất trên đất Bình Dương, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, đã cho thấy những tiến triển đáng mừng. Sau khi hoàn tất công tác khảo sát, vào ngày 14-8-1997, hai bên đã tiến hành ký kết biên bản thoả thuận về hoạt động của Trung tâm, chính thức mở ra một chương mới trong quan hệ hợp tác về giáo dục và đào tạo kỹ thuật giữa hai quốc gia.

Chính phủ Singapore sẽ đóng góp khoản tài trợ của mình qua việc cung cấp nhân sự cho Việt Nam phục vụ dự án, hỗ trợ đào tạo và cung cấp trang thiết bị cần thiết. Công ty Liên doanh VSIP phối hợp với Viện Đào tạo Kỹ thuật Singapore (ITE) cung cấp trang thiết bị văn phòng, hỗ trợ giảng dạy, xưởng thực hành... Phía Việt Nam, cụ thể là Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp cơ sở hạ tầng, đội ngũ quản lý, giáo viên và công nhân viên phục vụ dự án cũng như chi trả lương cho tổ chức nhân sự của Trung tâm. Chính phủ hai bên cùng bổ nhiệm một Ban điều hành gồm 10

Toàn cảnh trung tâm

thành viên có thời hạn hoạt động là 3 năm. Đội ngũ nhân sự đảm bảo cho mọi hoạt động của Trung tâm bao gồm 50 người. Thời gian đầu, phía bạn gồm một giám đốc đào tạo và 04 trưởng khoa nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý, xây dựng chương trình giảng dạy chuyên ngành, tuyển chọn và đào tạo... Về phía Việt Nam gồm một đồng giám đốc đào tạo, bốn trưởng khoa, một trưởng phòng hành chính tổng hợp và đội ngũ 31 cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Đội ngũ này thường xuyên được cử đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ tại Xingapo trong các khoá học kéo dài từ 1 đến 9 tháng trong quá trình hoạt động của dự án.

Chú trọng thực hành, rút ngắn tối đa thời gian đào tạo mà vẫn đảm bảo chất lượng

Vào năm 1998, Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore đã cơ bản hoàn thành trên diện tích 5 ha (ven quốc lộ 13), nơi cửa ngõ vào thị xã Thủ Dầu Một. Trung tâm cung cấp cho các học sinh trong giai đoạn I bốn ngành nghề đào tạo: cơ khí chế tạo, điện tử, bảo trì cơ khí và bảo trì điện. Học viên tuyển chọn là đối tượng học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học của Bình Dương và một số đối tượng ngoại tỉnh. Điểm đáng chú ý là những khác biệt về cách thức và chất lượng đào tạo. Theo đó, học viên được đào tạo trên cơ sở chương trình đào tạo nghề chuẩn của Xingapo liên tục trong 6 tháng (thay vì phải mất 18 - 24 tháng như các chương trình dạy nghề trong nước) và được cấp chứng chỉ tốt nghiệp nghề bậc 3/7 theo quyết định của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam. Do tính chất đặc biệt của dự án, việc đào tạo chú trọng đặc biệt phần kỹ thuật thực hành được tiến hành bằng phương pháp giảng dạy theo module (thực hành chiếm tỷ trọng 70%, trong khi phần lý thuyết chỉ chiếm 30%). Về nội dung giảng dạy, trung tâm sử dụng phần lớn nội dung lý thuyết chuyên môn của chương trình đào tạo nghề chuẩn bậc 3/7 của Việt Nam, có bổ sung thêm các nội dung chuyên môn của công nghệ sản xuất tiên tiến theo yêu cầu của Khu công nghiệp VSIP. Với khả năng hiện tại, trung bình mỗi năm, trung tâm có thể đào tạo 340 học sinh. Các học sinh được quyền tự do chọn lựa nơi làm việc, được ưu tiên nhận vào làm trong Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore.

Tính đến hết năm 2002 (kết thúc giai đoạn I của dự án), trung tâm đã đào tạo được gần 1.000 học sinh, trong đó có khoảng 80% đã tìm được việc làm trong Khu công nghiệp VSIP. Các công ty, xí nghiệp tuyển dụng đánh giá khá tốt về năng lực và tác phong làm việc của các học viên do Trung tâm đào tạo. Một số em đã được các công ty tín nhiệm gửi đi nước ngoài tiếp tục nâng cao tay nghề để đảm nhận các chức danh quản lý, giám sát kỹ thuật. Với uy tín ngày một tăng, nhiều doanh nghiệp đã gửi công nhân viên đến học nghề tại trung tâm hoặc mời giáo viên của Trung tâm đến giảng dạy tại chỗ như Công ty Xi măng Sao Mai, Công ty Bia Tiger, Công ty Becamex... Ông Đặng Đình Tân, phụ trách đào tạo của Công ty Sao Mai, cho biết: "Sau các khoá đào tạo và bồi dưỡng tại Trung tâm, năng lực làm việc và chất lượng công việc của các công nhân đã tăng lên khoảng 50%".

Ông Nguyễn Văn Hiệp, Giám đốc Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore, tự hào nói: "Đến nay, dự án đào tạo này đã khẳng định chủ trương mở rộng hợp tác giữa hai Chính phủ Việt Nam và Xingapo là đúng đắn và kịp thời. Chương trình đào tạo chuyên ngành với phương pháp giảng dạy khoa học theo module dựa trên chuẩn của Xingapo cho thấy hoàn toàn có thể đảm bảo chất lượng trong thời gian 6 tháng, việc rút ngắn đào tạo đồng nghĩa với tăng năng lực đào tạo. Mô hình này đã được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đánh giá cao và được các tổ chức trong hệ thống đào tạo dạy nghề của Việt Nam đánh giá cao như một điển hình để học tập và cần được nhân rộng."

Vào đầu năm 2003, một tin vui đến với Trung tâm, đó là qua đánh giá hiệu quả hoạt động của dự án, cũng như phát xuất từ quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai Chính phủ, phía Xingapo đã cam kết sẵn sàng giúp đỡ để phát triển Trung tâm lên một tầm cao mới. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cũng đã chính thức chấp thuận việc triển khai giai đoạn II của dự án (từ 31-12-2002 đến 31-12-2005). Một trong những nội dung quan trọng của giai đoạn này là việc thiết lập thêm một ngành học mới, ngành cơ điện tử với năng lực đào tạo 64 học sinh/khoá (128 học sinh/năm). Bên cạnh đó, Trung tâm sẽ thực hiện xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng quan trọng khác như ký túc xá cho học sinh nội trú, nhà công vụ, nhà đa năng, nhà xưởng... Được biết, tổng vốn cho giai đoạn này là 3 triệu USD, trong đó phía Việt Nam đóng góp khoảng 1/3.

Những thành tựu và uy tín ngày càng tăng, Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore đã khẳng định sự liên kết quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, dạy nghề là một sự đầu tư hiệu quả, có tính chiến lược trước mắt và lâu dài.

VIETNAM SINGAPORE TECHNICAL TRAINING CENTRE (VSTTC)

A Shining Star in Vocational Training Co-operation Throughout the Country

Applying module teaching methods with the main focus on practising in accordance with Singaporean standard vocational schools, Vietnam Singapore Technical Training Centre has hastened the training duration for workers of level 3/7 to six months instead of 1.5-2 years as in other centres throughout Vietnam. Within three years of the operation, the Centre has trained around 1,000 learners, supplying the increasing demand for technicians of the enterprises. As an achievement of the co-operation between the two Governments of Vietnam and Singapore, the Centre is a shining star in the training sector across the country for the researching, and recommending of macroscopic policies in training manpower.

A co-operation of training between the governments of Vietnam and Singapore

Since 1996 Binh Duong has intensified building industrial zone system with the establishment of Vietnam - Singapore Industrial Park, the demand for qualified technicians to operate the modern machinery costing millions of dollars has become urgent issue to Binh Duong and also a challenge to the vocational training of Vietnam.

Therefore, at the bilateral meeting held during the inaugural ASEAN Informal Summit in Jakarta, Indonesia, Prime Minister Vo Van Kiet (Vietnam) and Prime Minister Goh Chok Tong (Singapore) reached an agreement on the establishment of Vietnam Singapore Technical Training Centre (VSTTC). This can be attributed to the second meaningful co-operation between the two governments when the first one has attained satisfactory results. Finishing the survey, the two parties signed the Agreement on activities of the centre on August 14th 1997, officially opening a new chapter in the bilateral co-operation of education and technical training between the two nations.

The Singaporean Government sponsors the program by providing experts for the project in Vietnam, assisting the training courses and supplying necessary equipment. VSIP Joint-stock Company co-operates with Singaporean Institute of Technical Education, supplying office facilities and teaching and practising assistance. Regarding Vietnam partner, the Binh Duong People's Committee and the Ministry of Planning and Investment particularly is in charge of providing infrastructure, management members, teachers and workers for the project as well as the payments to the human resources of the Centre. The two Governments appointed a Board of Governors with 10 members with the duration of three years. The human resources of 50 people ensure the operation of the centre. At the beginning, the Singaporean partner has Director of Training and four Heads of Department to support the management, professional training program, recruitment and training, etc. Vietnamese party includes a co-

President Tran Duc Luong praise the study of a student at the VSTTC

director, four heads of Department, one chief of the General Administration Department, and a staff of 31 people, who are regularly sent to Singapore for professional training courses of 1-9 months during the operation of the project.

Emphasising practice, minimising the training duration but ensuring the quality

In 1998, Vietnam Singapore Technical Training Centre basically finished its construction on the area of five hectares on the side of the National Road No.13, the gateway into Thu Dau Mot town. The difference in training methods and quality is obvious. In the first phase of the project, the Centre provides the learners four courses: machining, electronics, mechanical maintenance and electrical maintenance. The applicants are required to finish high school in Binh Duong and some neighbouring provinces. The courses offer Singaporean standard training during six months (instead of 1.5-2 years as other vocational training programs in Vietnam). The successful graduates will be granted a technical certificate pegged at Vietnam's Level 3/7 skill according to the Decision by the General Department of Vocational Training (Ministry of Labour Invalid and Social Affairs). Due to the special feature of the project, the courses especially emphasise the technical practise in module teaching (practising takes 70 percent of the course and the 30 percent are for the theory training). In terms of teaching content, the Centre adopts mostly the professional theory of Vietnam's standard vocational training program for skill level of 3/7, added with the professional knowledge of advanced production technology required by the VSIP. The centre is capable of training 340 learners annually. The learners are free to choose their employers and are given priority to work in Vietnam- Singapore Industrial Park.

By the end of 2002, also the end of the project's first phase, the centre has trained around 1,000 learners, of which 80 percent are working in the VSIP. Capacity and working style of the Centre graduates are appreciated by employers either inside or outside VSIP. Some have been sent abroad to improve their skills thus taking over the positions of managers and technical supervisors for the companies. Many enterprises have sent their staff to the Centre or invited the teachers from the Centre to their companies for training courses such as Sao Mai Cement Company, Tiger Beer, and Becamex. According to Dang Dinh Tan, the person in charge of professional training of Sao Mai Cement Company, the capacity and quality of the workers after the training courses at the centre often increase by 50 percent.

Nguyen Van Hiep, the director of Vietnam Singapore Technical Training Centre says proudly: "So far, the training project has confirmed the rightness and promptness of the co-operation expansion by the Vietnam and Singapore Governments. It is visible that the professional training with module training methods according to the Singaporean standard can absolutely ensure the training quality in the period of only 6 months. It is a fact that, hastening means increasing the training pressure. The model has been widely appreciated by enterprises and Vietnamese vocational training organisations as a good example to be followed."

In early 2003, the Centre received happy news: Assessing the operation effectiveness of the project and thanks to the sound co-operation between the two governments, Singapore committed to continue assisting the expansion of the Centre at the new height. Vietnamese Ministry of Planning and Investment has officially agreed on the implementation of the second phase of the project (from December 31 2002 to December 31 2005). One of the most important tasks of the second phase is the establishment of a new subject (electronic machining) with the training capacity of 64 learners each course (128 per year). In addition, the company will build other important infrastructure works such as hostel, service office, multi-purpose house, workshops, etc. The total investment for the second phase will be US$3 million, of which one third is contributed by Vietnamese party.

It is visible that the achievements and growing prestige of Vietnam Singapore Technical Training Centre are confirming the fact that the international co-operation in vocational training is a long-term strategic and effective investment.

TRƯỜNG TRUNG HỌC DÂN LẬP KINH TẾ KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Không ngừng mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo

Nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu ngày một tăng của các khu công nghiệp ở Bình Dương, đòi hỏi lực lượng lao động phải có trình độ cao, tay nghề vững. Xuất phát từ thực tế đó, Trường Trung học Dân lập Kinh tế, Kỹ thuật Bình Dương đã ra đời và nhanh chóng trở thành địa chỉ có uy tín, giữ vai trò quan trọng trong công tác đào tạo nguồn công nhân và kỹ thuật viên lành nghề của Bình Dương.

Xác định đào tạo con người là mục tiêu hàng đầu cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá Bình Dương, từ một cơ sở dạy nghề có tên Phương Thuỷ được xây dựng vào năm 1995 với 200 học viên, đến nay, trải qua 7 năm xây dựng và phát triển, Trường Trung học Dân lập Kinh tế, Kỹ thuật Bình Dương đã trở thành trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề với gần 6.000 học sinh theo học, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Bình Dương.

Liên tục đầu tư mở rộng quy mô đào tạo

Là một trường dân lập, Hội đồng quản trị cũng như Ban giám hiệu nhà trường đều biết rằng, để đứng vững và tồn tại lâu dài, nhiệm vụ trọng tâm là đầu tư mở rộng quy mô hoạt động giảng dạy cả về cơ sở vật chất cũng như trình độ chuyên môn, từng bước khẳng định uy tín, tạo sự tin tưởng cho phụ huynh học sinh. Bám sát yêu cầu thực tế, nhà trường đã xác định: đầu tư vào chất lượng dạy và học, cải tiến phương pháp giảng dạy là nhiệm vụ trọng tâm, dạy lý thuyết phải đi đôi với thực hành. Vì thế, nhà trường đã rất chú trọng đến công tác đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất. Trong 2 năm 2001 - 2002, số tiền đầu tư đã tăng gấp 10 lần so với giai đoạn 1995 - 1997, từ 700 triệu đồng lên 7 tỷ đồng.

Hiện nay, trường có 15 phòng học, 160 máy tính. Các phòng thí nghiệm hoá lý, thiết bị viễn thông, xưởng điện, điện tử, văn phòng làm việc của các phòng ban chuyên môn.... đều đáp ứng yêu cầu của công tác giảng dạy, tạo môi trường thuận lợi cho học sinh tiếp cận với trình độ khoa học - kỹ thuật hiện đại. Đồng thời, trường cũng đã có kế hoạch phát triển lên quy mô lớn hơn trong giai đoạn 2003 - 2010. Theo đó, trường sẽ hợp tác với một số thành viên để mở rộng, xây dựng các phòng học, xưởng thực hành, ký túc xá, nhà tập đa năng, sân vận động và các công trình khác trên diện tích đất 40.000 m^2, với tổng vốn đầu tư trên 150 tỷ đồng.

Không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy

Cùng với đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ cán bộ giáo viên giảng dạy cũng được chăm lo đúng mức cả về trình độ chuyên môn lẫn đời sống vật

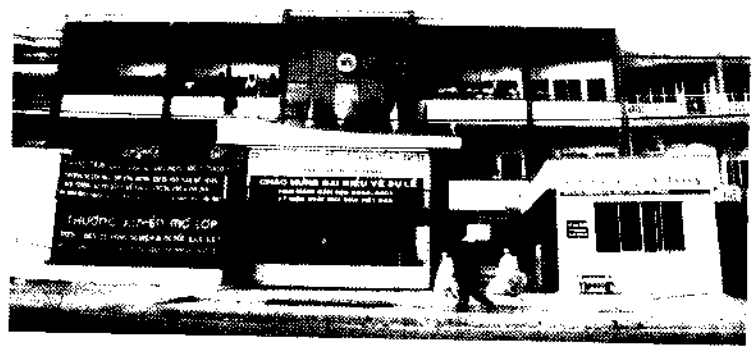

Toàn cảnh Trường Trung học Dân lập Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

Dự kiến quy mô tuyển sinh đến năm 2005

(Đơn vị: Học sinh)

STT	Hệ đào tạo	2002	2003	2004	2005
1	Cao đẳng và đại học	700	1.500	3.800	5.000
2	Trung học chuyên nghiệp	1.500	3.000	3.500	5.000
3	Công nhân kỹ thuật	100	1.000	1.700	2.000
4	Hệ tại chức	300	500	500	500
5	Dạy nghề ngắn hạn	1.300	2.000	2.500	2.000
	Tổng số	3.900	8.000	12.000	15.000

Nguồn: Trường Trung học dân lập kinh tế, kỹ thuật Bình Dương

chất tinh thần. Vì thế, hiện nay, đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy ở trường hiện nay đều có trình độ đại học trở lên. Dự kiến, đến năm 2005, đội ngũ giảng viên sẽ tăng lên gấp 3 lần khi quy mô đào tạo của trường được mở rộng.

Hệ đào tạo chính của trường là trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Nhưng để đáp ứng nhu cầu học tiếp lên cao đẳng cho học sinh, nhà trường cũng đã liên kết với Trường Đại học Thương mại Hà Nội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Cao đẳng Công nghiệp IV thành phố Hồ Chí Minh để tuyển sinh và đào tạo hệ tại chức cho các lớp cử nhân. Tính đến năm 2002, khoảng 1.500 học sinh hệ trung học chuyên nghiệp và hơn 4.000 học sinh hệ dạy nghề đã tốt nghiệp. Hầu hết số học sinh tốt nghiệp ra trường đều có việc làm, trong đó 90% vào làm việc trong các khu công nghiệp của tỉnh.

Nhờ phát huy nội lực và định hướng đúng trong công tác đào tạo, trường đã từng bước tạo được niềm tin, thu hút đông đảo học sinh trong cũng như ngoài tỉnh đến học tập để tiếp thêm hành trang cho tương lai của mình.

Bảy năm đã trôi qua, với nỗ lực không ngừng, Ban giám hiệu nhà trường có thể tự hào về những thành quả đạt được trong việc xây dựng và củng cố uy tín của mình. Không chỉ có vậy, với phương châm đào tạo là: "Kỷ cương - Tri thức - Sáng tạo" và "Rèn đức - Luyện tài - Xây dựng quê hương", Trường Trung học Dân lập Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương đã khẳng định chất lượng đào tạo của các trường dân lập không thua kém bất kỳ trường công lập nào. Đồng thời, nâng cao trình độ nguồn nhân lực bằng việc cung cấp cho thị trường lao động những công nhân và các kỹ thuật viên lành nghề, góp phần đưa kinh tế - xã hội Bình Dương ngày càng phát triển.

Các ngành đào tạo

STT	Hệ cao đẳng	Hệ trung học chuyên nghiệp	Hệ dạy nghề
1	Công nghệ thông tin	Lập trình ứng dụng	Chứng chỉ A Tin học
2	Điện - điện tử	Mạng máy tính - viễn thông	Chứng chỉ B Tin học
3	Công nghiệp chế biến thực phẩm	Điện công nghiệp	Mạng máy tính
4	Sản xuất vật liệu xây dựng - gốm sứ	Điện tử công nghiệp	Lập trình viên
5	Kế toán kiểm toán	Kế toán tin học	Lắp ráp máy tính
6	Quản trị kinh doanh	Kế toán tài chính	Anh văn
7		Thư ký văn phòng	Kế toán sơ cấp
8		Quản trị doanh nghiệp	Điện công nghiệp
9			Điện tử công nghiệp
10			Thực tập sinh
11			May công nghiệp

Nguồn: Trường Trung học dân lập kinh tế, kỹ thuật Bình Dương

PEOPLE-FOUNDED ECONOMIC AND TECHNICAL SCHOOL OF BINH DUONG

Constantly Develop Training Scale and Improve Quality

The demand on human resource for economic development, especially for increasing need of Binh Duong industrial zones requires high qualified and skilled labour force. People - founded Economic and Technology College of Binh Duong was established on the basis of the actual situation and has soon become the prestigious address playing important role in training skilful workers and technicians of Binh Duong province.

People - founded Economic and Technology College of Binh Duong was established in 1995 under the name of Phuong Thuy Vocational Training Center with 200 pupils. Considering human resource training the prerequisite of the Binh Duong province's industrialization and modernization process, the school after seven years of construction and development has become the professional and vocational training school with nearly 6,000 pupils, satisfying the province's demand on human resource training.

Continuing investment in training scale expansion

As a private college, the Board of management as well as the Board of college are aware that to keep steady and long-term operation, the college has to target at investing in improvement of both facilities and professional skills, gradually affirming its prestige and trust to the pupils' parents. To match the actual requirements, the college has defined that to invest in teaching and learning quality and improve teaching methodology are the essential tasks, in which theory should be in combination with practice. Therefore, the college has attached importance to investment in infrastructure and teaching aids. In two consecutive years 2001-2002, the invested capital has made a tenfold increase compared with the period 1995-1997, rising from VND 700 million to VND 7 billion.

Presently the school has 15 classrooms and 160 computers. The chemical and physical laboratories, communication equipment and electric and electronic workshops and offices for the departments have met the teaching requirements, creating favorable environment for the pupils to approach modern science-technology standard. Concurrently, the school has planned to extend the scale in 2003-2010 by co-operating with some members to build the classrooms, practical workshops, student hostels, multi-functional gymnasium, stadium and other works in the area of 40,000 sq.m with the total capital over VND150 billion.

Increasingly improve teaching quality

The appropriate consideration has paid to not only the investment in infrastructure and teaching aids but also to the teachers in both qualification and material - spiritual life.

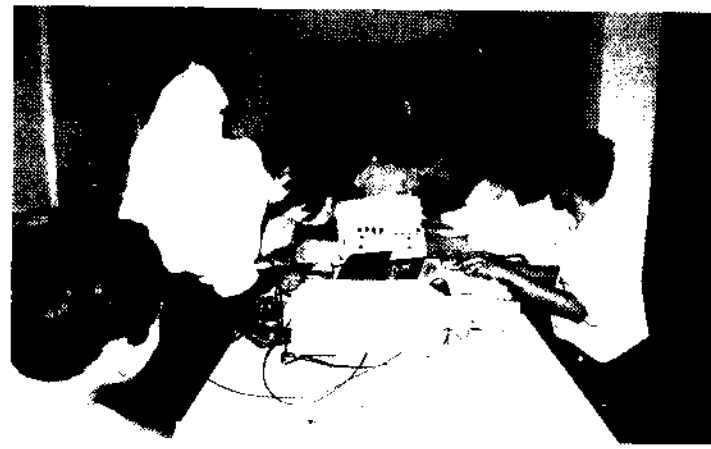

The students are practising technique of electronics

Estimated enrolling plan by 2005

(Unit: pupil)

No	Training system	2002	2003	2004	2005
1	College and university	700	1,500	3,800	5,000
2	Professional school	1,500	3,000	3,500	5,000
3	Technical workers training	100	1,000	1,700	2,000
4	In-service training	300	500	500	500
5	Short-term vocational training	1,300	2,000	2,500	2,000
	Total	**3,900**	**8,000**	**12,000**	**15,000**

Source: People-founded economic and technology college of Binh Duong

Hence, all of the teachers presently have university degree upwards. It is estimated that by 2005 the number of teachers will triple when the college's training scale is expanded.

The regular training system at the school is professional education and vocational training. To satisfy pupils' demand on further study with the college level, the school has co-operated with Hanoi Commercial University, University of Science of Society and Humanity, Ho Chi Minh City Industrial College IV to enrol and hold in-service training courses. By 2002, approximately 1,500 pupils of professional courses and over 4,000 pupils of vocational training course graduated from the school. Most of the graduates have employed, 90 percent of which are working in the provincial industrial zones.

Thanks to promoting internal force and right orientation in training, the college has gradually created faith, attracting a wide range of pupils inside and outside the province to study and perceive more knowledge for the future.

Seven years have gone, with the persistent efforts, the college's management board can be proud of the outcomes in building and consolidating its prestige. Not only that, under the motto "Rules-knowledge-creativeness" and "Training virtue - drilling talent - building homeland", People-founded Economic, Technology College of Binh Duong has affirmed the fact that the training quality of the private school is not inferior to any public ones. Concurrently, the school has raised the human resource qualification by provide the skilful workers and technicians to the labour market, contributing to advancing Binh Duong's socio-economy.

Trades

No	College level	Professional training	Vocational training
1	Information technology	Application programming	Informatics Grade A
2	Electric - Electronics	Telecommunication computer network	Informatics Grade B
3	Foodstuff processing industry	Industrial electricity	Computer network
4	Ceramics, construction materials production	Industrial electronics	Computer programmer
5	Accounting - Auditing	Informatics - accounting	Computer assembling
6	Business management	Finance - accounting	English
7		Office secretary	Elementary accounting
8		Enterprise Management	Industrial electricity
9			Industrial electronics
10			Apprentice
11			Industrial sewing

Source: People founded economic and technology college of Binh Duong

NGÀNH Y TẾ BÌNH DƯƠNG

Với nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

Chăm sóc và cải thiện sức khoẻ cộng đồng được xác định là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Bình Dương. Điều này được thể hiện rõ nét qua một số chỉ tiêu về sức khoẻ của người dân mà ngành y tế Bình Dương đã đạt được, trong đó 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm, uống đủ các loại vắcxin quy định, loại trừ hoàn toàn bệnh phong, bại liệt, sốt xuất huyết và triển khai thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu y tế quốc gia phòng chống bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm.

Củng cố mạng lưới y tế cơ sở

Ngành y tế Bình Dương, những năm vừa qua, đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng. Theo số liệu báo cáo của Sở Y tế Bình Dương, đến năm 2002, toàn ngành có 1.985 cán bộ y tế, trong đó số cán bộ có trình độ đại học là 451 người (chiếm 22,7%), bình quân 4,43 bác sĩ/vạn dân (một bác sĩ phục vụ 2.434 người, trong khi bình quân của cả nước là 2.278 người), tỷ lệ xã có bác sĩ đạt 54,4%, tăng 14% so với năm 2001.

Trong công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, ngành y tế Bình Dương đã sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau từ ngân sách, các nguồn tài trợ và hỗ trợ của các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh để đầu tư cải tạo nâng cấp các cơ sở y tế. Vì thế, đến năm 2002, Bình Dương có tổng số 11 bệnh viện với 1.120 giường bệnh, đạt tỷ lệ 12 giường/vạn dân. Trong đó, tuyến tỉnh có 1 bệnh viện đa khoa, 1 bệnh viện y học cổ truyền và nhiều trung tâm với các chức năng khác nhau như phục hồi chức năng trẻ em dị tật, phòng chống bệnh xã hội, bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em, kế hoạch hoá gia đình, truyền thông giáo dục sức khoẻ,... Hệ thống y tế tỉnh còn có 1 trường trung học y tế, phòng giám định y khoa và 1 công ty dược - vật tư y tế. Ở tuyến huyện, Bình Dương có 6 bệnh viện, 3 phòng khám đa khoa và 1 nhà hộ sinh khu vực.

Một thành tựu lớn mà ngành y tế Bình Dương đạt được trong thời gian qua, là thực hiện tốt việc củng cố và thống nhất quản lý theo ngành dọc đến tận mạng lưới y tế cơ sở cấp xã, phường. Đến hết năm 2002, 100% các xã, phường, thị trấn đều có trạm y tế với các trang thiết bị bảo đảm cho việc cấp cứu, khám bệnh, điều trị, kể cả bảo hiểm y tế, sinh đẻ và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân địa phương. Mỗi trạm y tế xã, phường có từ 3 đến 5 cán bộ y tế, trong đó có một y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh. Thêm vào đó, Bình Dương còn có 18 trạm y tế nông trường thuộc 2 trung tâm y tế của ngành cao su và 14 trạm y tế thuộc các khu công nghiệp.

Để liên tục tăng cường cơ sở vật chất và nhân lực cho ngành y tế, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, từ năm 1997 đến nay, tỉnh Bình Dương đã đưa ra nhiều chính sách thu hút nguồn nhân lực cả trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt, địa phương ưu tiên đào tạo chuyên khoa cấp I, II, nghiên cứu sinh, cao học và có chính sách đầu tư nhân lực ngay từ khi còn ngồi trong ghế nhà trường. Đối với nhân lực thuộc hệ thống cán bộ y tế hiện nay, ngành y tế có phương pháp luân chuyển bác sĩ tuyến trên xuống tuyến dưới để giữ mức cân bằng toàn tuyến. Đây là những việc làm hết sức quan trọng đối với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

Hoàn thiện mọi hoạt động y tế

Hoạt động khám chữa bệnh những năm trở lại đây đang từng bước được nâng cao theo hướng chuyên sâu, chuyên khoa hoá. Bác sĩ Huỳnh Văn Nhị, Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Dương cho biết: "Sau một thời gian khá dài thực hiện các chương trình nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đến nay, ngành y tế Bình Dương đã đạt được đủ 3 tiêu chuẩn "vàng", đó là thời gian vàng, chẩn đoán vàng và bàn tay vàng".

Hiện nay, trang thiết bị đã được đầu tư khá đồng bộ. Các thiết bị nội khoa chẩn đoán, siêu âm, chụp cắt lớp, thiết bị sinh hoá, huyết học đã được đầu tư từ những năm 1995, 1996. Các trung tâm y tế huyện đều được trang bị máy X-Quang, siêu âm, máy xét nghiệm và có đủ khả năng phẫu thuật cấp cứu tại chỗ. Trên tuyến tỉnh, ngành y tế Bình Dương đã trang bị các máy xét nghiệm tự động, máy Laser quang châm, nội soi, đặc biệt còn trang bị máy chụp cắt lớp điện toán. Vì thế, những ca khó về chẩn đoán, phẫu thuật chấn thương sọ não trước đây thường phải chuyển lên Bệnh viện Chợ Rẫy (thành phố Hồ Chí Minh) thì nay có thể tiến hành ngay tại tỉnh.

Bên cạnh đó, ngành y tế Bình Dương cũng tích cực triển khai các chương trình mục tiêu y tế quốc gia phòng chống bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và đại dịch HIV/AIDS. Ngành y tế đã phối hợp với các ngành hữu quan, các cơ quan thông tin đại chúng làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân có ý thức về công tác phòng chống dịch bệnh tại địa phương, thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia và quốc tế. Nhiều năm liền không có dịch lớn xảy ra, đến năm 2000, toàn tỉnh đã thanh toán xong bệnh phong và bại liệt, thực hiện tốt ba giảm đối với các bệnh sốt rét, sốt xuất huyết và bệnh lao. Chương trình chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em, phục hồi chức năng, phòng chống suy dinh dưỡng, bướu cổ, thiếu vitamin A, mổ đục thuỷ tinh thể đều đạt kết quả tốt.

Chiến lược phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân tỉnh Bình Dương giai đoạn 2005 - 2010 với 3 mục tiêu chính: xã hội hoá các hoạt động y tế ở trình độ cao hơn, lấy y tế dự phòng làm nòng cốt và hoàn thiện hệ thống mạng lưới cơ sở y tế. Cụ thể, ngành y tế Bình Dương sẽ tiếp tục củng cố đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế để đến năm 2005 đảm bảo 100% trạm y tế xã phường có bác sĩ; 100% nhân viên y tế khu ấp hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, trong đó 80% nhân viên y tế có trình độ sơ cấp trở lên. Thời gian tới, ngành sẽ tập trung đầu tư một số trung tâm y tế ở huyện Dĩ An, Phú Giáo, Dầu Tiếng; nâng cấp trung tâm y tế huyện Tân Uyên, Bến Cát và Thuận An. Đồng thời, Trường Trung học Y tế sẽ được đầu tư nâng cấp thành Trường Cao đẳng Y tế đảm nhận yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và khu vực, phục vụ các tuyến y tế cơ sở kể cả y tế trường học và y tế khu công nghiệp. Dựa vào chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực của tỉnh, ngành y tế Bình Dương sẽ tiếp tục cử cán bộ đào tạo về lĩnh vực chuyên môn và quản lý ở trong nước và nước ngoài, nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của sự nghiệp chăm sóc bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

Những chỉ tiêu chủ yếu của ngành y tế đến 2005 - 2010

Các chỉ tiêu	2001	2005	2010
Tỷ lệ trẻ sơ sinh có trọng lượng dưới 2,5kg (%)	6,1	5,5	5,0
Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (%)	26,6	18,0	10,0
Tỷ lệ giường bệnh/1 vạn dân	12	15	17
Bình quân lần khám bệnh/người/năm	5	6	7
Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm uống đủ các loại vắcxin quy định (%)	95	>95	>95
Tỷ lệ xã có bác sĩ (%)	50	70	100
Cán bộ y tế các loại	1.985	2.175	2.400

Nguồn: Sở Y tế Bình Dương

BINH DUONG HEALTH SECTOR

With the Duty of Community Health Care

Community health care has been determined as one of the important targets in Binh Duong socio-economic development strategy, clearly presented in the figures of people's health achieved by Binh Duong health sector in which 95 percents of children under one year old have sufficiently vaccinated as the regulations, the diseases such as leprosy, paralysis, dengue fever have been absolutely exterminated; the national health care programme against social diseases, dangerous epidemics have been completely carried out.

Consolidating basic health network

Binh Duong Health sector has developed in quality and quantity development in term of community health care and protection over the years. According to the statistics of Binh Duong Health Department, by 2002, the province has got 1,985 cadres and 451 of them graduated from medical universities (accounting for 22.7 percent), there are 4.43 doctors for every ten thousand people (one doctor serves 2,434 people while average rate of the whole nation is 2,278 people). The rate of communes having doctors reached 54.4 percent making an increase of 14 percents over 2001.

In terms of investment and construction of infrastructure, Binh Duong Health Care has used varied capital sources of state budget and the financial supports of provincial economic sectors to invest in improvement of health bases. Therefore in 2002, Binh Duong had 11 hospitals with 1,120 beds in total with the average rate of 12 beds for every ten thousands people. At provincial level there are one general hospital, one traditional medical hospital and a number of centres with different functions such as rehabilitation for handicapped children, prevention from social diseases, care of mothers and children health, family planning and public health care education. In the provincial health system there is also a medical schools, medical examination department and Medical Material and Equipment Company. At district level, Binh Duong has six hospitals, three general clinics and one maternity hospital.

The great result Binh Duong has achieved over the past years is the successful implementation of the medical network consolidation and management from province to commune and ward level. At the end of 2002, 100 percents of communes, wards, townships have medical stations have the equipment available for the first-aid, examination and treatment as well as medical insurance for birth and the province has carried out national medical programmes and taken health care of the local residents. Every medical station of communes and wards has from three to five medical cadres including one obstetrics physician or midwife assistant. In addition, Binh Duong has also 18 medical stations of farms, which belong to two medical centres of the rubber industry, and 14 medical stations of the industrial zones.

To intensively improve material facilities and human resource for the health sector, to meet people's demand on examination and treatment, since 1997 Binh Duong has issued a number of policies to attract human resource inside and outside the province. Especially, the province has given priority to training courses for specialities of grade I and II, postgraduates and masters. The policy on human resource investment at the universities has also been issued. The health sector also has exchange programs of the health cadres from the upper to the lower lines to keep the balanced system. This is a great importance for the community health care and protection task.

Fulfilling medical activities

Since the last years, the examination and treatment has been gradually improved in line with the trend of

intensiveness and specialisation. Doctor Huynh Van Nhi, the Director of Binh Duong Health Department said: "After long time carrying out programmes to improve examination and treatment quality, Binh Duong so far has achieved three "golden" criteria: golden time, golden diagnosis and golden hand".

At present, the medical equipment has been synchronously invested. The equipment for internal diagnostics, ultrasonography, scanning, bio-chemicals and haematology have been bought since 1995 -1996. The district's medical centres have been equipped with X-ray, ultrasonic, testing machines for the first-aid operation. At the provincial level, Binh Duong health sector has been equipped with automatic testing machines, optical laser machines and scanners, especially the electronic scanners. Therefore, the difficult cases in diagnosis and brain injuries that used to be taken to Cho Ray Hospital (Hochiminh City) now can be treated at the province.

In addition, Binh Duong health sector has actively carried out the national health care programmes against social diseases, dangerous epidemic and HIV/AIDS. The sector has co-operated with concerning agencies and media organisations to disseminate and educate people to be aware of fighting against epidemics in the province, complete the national and international healthcare programmes. There have not any big epidemic for years. In 2000, in the whole province the leprosy and poliomyelitis has been rejected, the "three decreases" in malaria, dengue fever, tuberculosis has perfectly conducted. The positive results have been achieved in healthcare programmé for mothers and children, rehabilitation, anti-malnutrition, goitre, vitamin A shortage, cataract operation.

In Binh Duong health care development strategy for the period of 2005-2010 has three main targets: socialising medical activities at higher level, considering preventive health service as back-born and improving health bases system. In particular Binh Duong Health sector will continuously consolidate investment in infrastructure development and medical equipment so that in 2005, 100 percents of commune and wards' medical stations have doctors, 100 percents of medical employees work regularly and effectively, 80 percents of whom are at primary level upward. In the future, the health sector will focus on some medical centres at Di An, Phu Giao, Dau Tieng districts; improve medial centres of Tan Uyen, Ben Cat and Thuan An districts and concurrently upgrade the Medical School to Medical College to train the health workers for the province and regions and to serve the local health bases including schools and industrial zones. Base on the province's policy on human resource training and attraction, Binh Duong Health sector will continuously send the cadres for the speciality and management training in Vietnam and aboard in order to satisfy the people's health care demand.

The main targets of the sector in 2005 - 2010

Targets	2001	2005	2010
Percentage of new born babies under 2.5kg	6.1	5.5	5
Percentage of malnourished children under five years old	26.6	18	10
Percentage of beds/ten thousands people	12	15	17
Average examination/person/year	5	6	7
Percentage of babies under one year old injected and taken sufficient regulated vaccine (percents)	95	>95	>95
Percentage of communes having doctors	50	70	100
Health care workers of different kinds	1,985	2,175	2,400

Source: Binh Duong Health Department

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH DƯƠNG

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ

Nằm trong khuôn viên khang trang, thoáng mát ngay tại thị xã Thủ Dầu Một, cùng với hệ thống thiết bị y khoa hiện đại và đội ngũ y bác sỹ chuyên sâu, nhiệt tình trong công tác; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương được đánh giá là trung tâm điều trị có chất lượng cao nhất của Bình Dương hiện nay.

Từ nâng cấp cơ sở vật chất

Khi nói về những thành quả mà Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương đã đạt được, Giám đốc Đinh Văn Khai cho biết: "Được sự quan tâm lãnh đạo của tỉnh, Bộ Y tế cùng sự ủng hộ giúp đỡ có hiệu quả của các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội, các nhà từ thiện... công tác đầu tư trang thiết bị y khoa hiện đại phục vụ cho việc khám chữa bệnh được cải thiện một cách rõ rệt. Nhờ đó, việc chẩn đoán và điều trị bệnh của bệnh viện chúng tôi đạt hiệu quả ngày càng cao hơn".

Thực tế cho thấy, trong những năm qua, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương đã được đầu tư máy chụp cắt lớp điện toán (CT-scanner), X-Quang cao tần, siêu âm Doppler màu, xét nghiệm huyết học tự động, sinh hóa tự động, thiết bị chẩn đoán và phẫu thuật nội soi, máy giúp thở, máy theo dõi Monitor... Riêng trong năm 2001, bệnh viện đã được Nhà nước đầu tư hơn 10 tỷ đồng để tập trung xây dựng cơ sở vật chất và cung cấp những phương tiện tốt nhất phục vụ cho các đối tượng là cán bộ cấp trung, cao, các bà mẹ Việt Nam anh hùng, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

Đặc biệt, nhiều công ty của Hiệp hội Đầu tư và Phát triển các doanh nghiệp Bình Dương cũng đã giúp bệnh viện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang bị phương tiện, dụng cụ, máy móc thiết bị cho Khoa Điều trị và Phục vụ bệnh nhân nghèo với trị giá trên 8 tỷ đồng. Công trình này khánh thành vào đầu năm 2002 với quy mô 140 giường bệnh và khám, chữa bệnh hoàn toàn miễn phí cho người nghèo. Tại đây, người bệnh được tiếp cận các phương tiện máy móc chẩn đoán hiện đại, được phục vụ chu đáo và hưởng chế độ dinh dưỡng 10 nghìn đồng/người/ngày. Hiệp hội cũng đã giúp trên 1 tỷ đồng để mổ đục thủy tinh thể, tiến đến "xóa mù" cho nhân dân trong tỉnh.

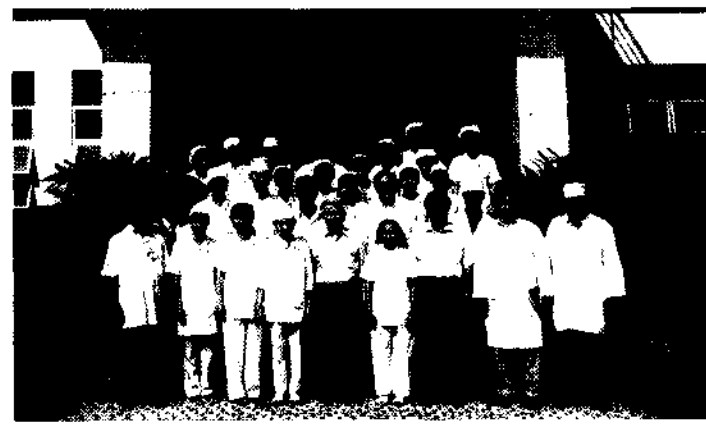

Với đội ngũ y - bác sĩ lành nghề, Bệnh viện Đa khoa Bình Dương trở thành địa chỉ khám chữa bệnh tin cậy của người dân Bình Dương

Đáng chú ý là năm 2001, bệnh viện bắt đầu áp dụng mổ đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco. Ưu điểm của phương pháp này là vết mổ nhỏ, bảo vệ an toàn tổ chức nội nhãn, trong khi thời gian phẫu thuật chỉ khoảng 15 phút, bệnh nhân có thể xuất viện ngay ngày hôm sau. Được sự giúp đỡ của Công ty Alcon, đến nay bệnh viện đã thực hiện thành công được gần 50 ca mổ đục thủy tinh thể bằng phương pháp này.

Đến chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, y đức người thầy thuốc

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương đang hoạt động với quy mô 600 giường bệnh, cùng với đội ngũ 686 cán bộ nhân viên được đào tạo cơ bản và chuyên sâu,

Kết quả một số hoạt động năm 2001 - 2002

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2001	Năm 2002
Nhân sự	Người	600	686
Tổng các khoa, phòng	Phòng	29	29
Tổng số giường bệnh	Phòng	405	505
Tổng số người bệnh nội trú	Người	27.250	32.205
Tổng số lần khám bệnh	Lượt	189.490	226.175
Tổng các khoản thu	VND	24.458.089	31.516.160
Tổng các khoản chi	VND	23.860.810	32.257.398

Nguồn: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương

trong đó có 140 thầy thuốc trình độ đại học và trên đại học, chiếm 20,40% tổng số nhân viên. Bệnh viện hiện có 29 khoa phòng, trong đó có 6 phòng chức năng, 17 khoa lâm sàng và 6 khoa cận lâm sàng. Giữ chức vụ trưởng các khoa phòng là những đảng viên có trình độ đại học, biết ngoại ngữ và phải qua một khóa học về công tác quản lý. Tiêu chuẩn này, đến nay đang được áp dụng đối với các nhân viên.

Theo Bác sĩ Đinh Văn Khai, vấn đề quan trọng nhất hiện nay của người thầy thuốc là y đức. Câu nói: "Lương y như từ mẫu" được xem là một chuẩn mực để toàn thể cán bộ nhân viên bệnh viện noi theo". Chính vì vậy, tinh thần phục vụ người bệnh của đội ngũ y bác sỹ ngày càng được củng cố qua phong trào thi đua thực hiện 12 điều Bác Hồ dạy về y đức. Đồng thời, bệnh viện cũng thực hiện quy chế dân chủ bằng việc thường xuyên lắng nghe ý kiến của người bệnh và thân nhân người bệnh, qua đó rút kinh nghiệm trong công tác chăm sóc bệnh nhân.

Song song với công tác khám và điều trị bệnh, hàng năm, bệnh viện cũng tăng cường đội ngũ y bác sĩ cho tuyến xã để khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho đồng bào nghèo ở vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, bệnh viện cũng không ngừng trau dồi chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ có chuyên môn giỏi bằng cách cho đi đào tạo ở nước ngoài; tổ chức các buổi hội thảo nghiên cứu khoa học. Riêng năm 2002, bệnh viện có 32 đề tài nghiên cứu được Sở Y tế cấp giấy chứng nhận cấp cơ sở và 2 đề tài cấp tỉnh đang được thực hiện. Cũng trong năm 2002, bệnh viện đã hợp tác với các tổ chức như ECR (Mỹ) để khám bệnh và cấp phát thuốc cho hơn 1.000 đồng bào nghèo vùng sâu vùng xa...

Với những thành tích đã đạt được, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương nhiều năm liền được nhận bằng khen của Uỷ ban nhân dân tỉnh và cờ thi đua của Bộ Y tế; được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1985), đồng thời cũng là đơn vị có thành tích xuất sắc trong 10 năm đổi mới (1991 - 2000).

"Để xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước và nhân dân Bình Dương, tập thể cán bộ y bác sĩ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương sẽ cố gắng hơn nữa, phấn đấu để hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao"- đó là những lời tâm huyết của Bác sĩ, Giám đốc Đinh Văn Khai, khi nói về nhiệm vụ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương trong thời tới.

Máy chụp cắt lớp

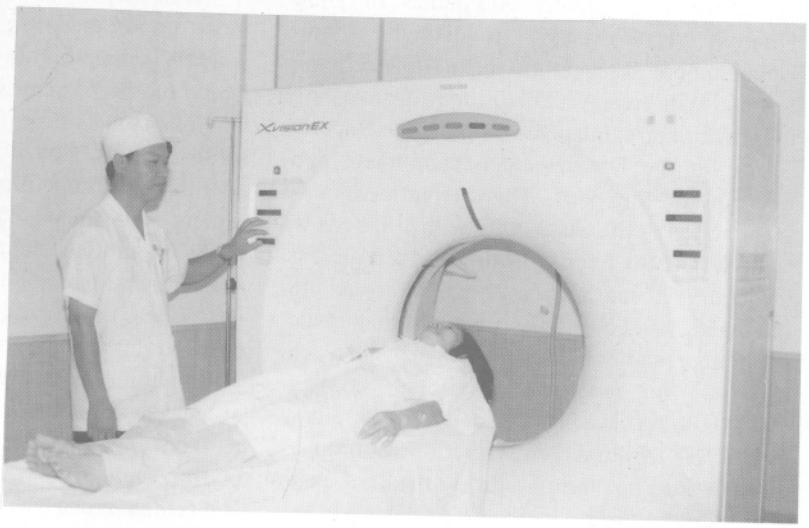

BINH DUONG GENERAL HOSPITAL

Consistently Improve Service Quality

Lying in the spacious and airy campus in Thu Dau Mot district, with the modern medical equipment system and professional and enthusiastic healthcare workers, Binh Duong General Hospital has been considered a healthcare centre of highest quality of Binh Duong now.

From upgrading material facilities

Referring to the attained outcomes, the hospital's director, Dinh Van Khai said: "with the concern of the provincial leaders and Ministry of Health, the effective supports of the concerning branches, organizations and charity sponsors, investing in renovation of medical equipment for treatment and examination has seen remarkable progress. The diagnosis and treatment therefore have obtained better effectiveness".

In fact, Binh Duong General Hospital has recently been equipped with CT-scanning, High frequency X-Ray, Doppler colour ultrasonic machine, automatic haematology and bio-chemical testing machines, internal diagnostics and operations breath-helper and Monitor observer. In 2001 alone, the hospital was funded over VND10 billion by the State to improve infrastructure and provide best services to the middle-aged and elderly cadres, Vietnamese heroic mothers and mothers and children.

In particular, many companies of Binh Duong Enterprises Investment and Development Association have financed the hospital with over VND 8 billion for investing in infrastructure, medical equipment and accessories for the Department of Treatment and Serving for the poor. This Department was inaugurated in the early 2002 with 140 beds to provide free of charge healthcare service for the poor. At this hospital, patients are examined and treated by the modern diagnostic equipment and whole-hearted staff and each benefits a nutrition regimen costing VND10,000 a day. The association has aided over VND 1 billion for cataract operation program in order to "bring light" to the blind people in the province.

Especially in 2002, the hospital began operating cataract cases with Phaco method that has many advantages such as remaining small scar, securing inner-eye organ, and operation time of 15 minutes so that the patients can leave hospital on the following day. With the help of Alco Company, so far the hospital has completed nearly 50 cases of cataract operation by applying this method.

To attaching importance to health workers' expertise and morality

At present, Binh Duong General Hospital has 600 beds for patients with 686 health workers of basic and specialised training, 140 of them are university graduate and post-graduate, accounting for 20.40 percent of the total staff. The hospital consists of 29 departments including 6 functional, 17 clinical and 6 paraclinical. The heads of the departments are the Party members, capable of using foreign languages and finishing a management course. These criteria now are applied to the employees.

According to Doctor Dinh Van Khai, the most importance required from the health workers is their morality. The saying: "doctor is gentle mother" is considered the motto for the whole hospital's staff. For that very reason, the staff's responsibility is increasingly consolidated through competition on implementing 12 sentences of Uncle Ho teaching health workers. In the mean time, the hospital has also carried out democratic regulations by frequently listening to ideas of the patients and their relatives to draw out lessons of experience in healthcare.

In parallel with examination and treatment, every year the hospital send a number of health workers to communes to free examine and supply medicine to the needed people in the rural and remote areas. Besides, the hospital's quali-

Result of some activities in 2001-2002

Indexes	Unit	2001	2002
Employees	Person	600	686
Total of departments	Department	29	29
Total of patient-beds	Bed	405	505
Total of boarding patients	Person	27,250	32,205
Total of examination times	Time	189,490	226,175
Total income	VND	24,458,089	31,516,160
Total expenditure	VND	23,860,810	32,257,398

Source: Binh Duong General Hospital

fied health workers continuously send their qualified doctor abroad for further training, organise the scientific research workshops to boost their professional qualifications. In 2002 alone, the hospital had 32 research projects that were granted certificate at basic level by the Department of Health and two others at provincial level are being carried out. Also in this year, the hospital cooperated with the organisations like ECR (USA) to examine and distribute medicines to more than 1000 poor residents in rural and remote areas...

With the outstanding achievements, Binh Duong General Hospital in many consecutive years has been granted awarded Certificates of Merit by provincial People's Committee, Simulation flags of Ministry of Health, Certificates of Merit by the Prime Minister and the third class Labour Order by the Party and State in 1985 and recognised the hospital with the excellent achievements in ten years of renovation (1991-2000).

"With a view to deserve the trust of the Party, State and Binh Duong people, the hospital's employees will try their best to fulfil their functions and duties" - Dinh Van Khai said when mentioning the tasks of the Binh

The hospital's doctor is using ultrasonic method in treatment

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Nỗ lực trong công tác phòng chống

Trung tâm Y tế Dự phòng Bình Dương là đơn vị sự nghiệp của y tế, chịu sự quản lý và chỉ đạo và quản lý toàn diện của Sở Y tế. Phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể cùng sự nỗ lực của các cán bộ y tế từ tỉnh đến xã, Trung tâm Y tế dự phòng Bình Dương đã đạt được nhiều kết quả trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống

Bình Dương nằm trong vùng sốt rét lưu hành trung bình và tản phát, nên trách nhiệm của Trung tâm Y tế dự phòng là phải quản lý tốt bệnh sốt rét từ tuyến cơ sở để cơ bản thanh toán được bệnh. Từ nhiều năm qua, trung tâm đã đẩy mạnh công tác giám sát dịch, nhất là tại các xã trọng điểm của vùng sốt rét lưu hành để chủ động phòng chống dịch. Kết hợp cùng các ban ngành đoàn thể, trung tâm đã chọn huyện Tân Uyên để triển khai chiến dịch truyền thông phòng chống sốt rét. Nhân dân ở đây đã hưởng ứng nhiệt tình để phòng chống bệnh sốt rét cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Nhờ vậy mà từ năm 2001 trở đi, đã không có dịch sốt rét xảy ra và toàn tỉnh đã đạt mục tiêu 3 giảm.

Chương trình tiêm chủng mở rộng - thanh toán bại liệt - loại trừ uốn ván sơ sinh hoạt động tốt từ năm 1984 và được duy trì, củng cố ngay từ khi vừa tách tỉnh. 100% các xã, phường, nông trường đều tổ chức tiêm chủng thường xuyên, do đó tỷ lệ tiêm chủng hàng tháng được nâng cao. Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm và uống vắcxin gây miễn dịch đầy đủ đạt 116%, tỷ lệ tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai đạt 105%, tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ tuổi sinh đẻ đạt 11%, trẻ từ 6-36 tháng được uống vitamin đạt 107% so với kế hoạch và đã thanh toán được bệnh bại liệt từ năm 1986. Có được kết quả trên là do trung tâm phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể, sự nỗ lực lớn của ngành y tế trong việc trang bị hệ thống dây chuyền lạnh, cung cấp và bảo quản vắcxin đầy đủ và kịp thời.

Với chương trình phòng chống bệnh sốt xuất huyết, trung tâm kết hợp với các huyện thường xuyên triển khai việc giám sát côn trùng, hướng dẫn nhân dân làm vệ sinh môi trường, tham gia diệt muỗi, lăng quăng nhằm ngăn chặn sự sinh sản của muỗi. Ngoài ra trung tâm còn liên tục giám sát các tại bệnh viện tỉnh, huyện, cơ sở xã, phường để có biện pháp phòng chống dịch bệnh kịp thời. Tổng số người mắc/chết sốt xuất huyết đã đứng ở mức 344/1người, năm sau giảm 50% so với năm trước.

Chương trình phòng chống HIV/AIDS ngày càng hoạt động có hiệu quả hơn bằng thông tin và giáo dục truyền thông cả bề rộng lẫn chiều sâu dưới nhiều hình thức, nội dung phù hợp với tình hình thực tế. Y tế học đường chủ yếu là Nha học đường và trọng tâm là tuyên truyền, giáo dục các cháu giữ gìn vệ sinh răng miệng tại các trường mẫu giáo, mầm non, các trường phổ thông cấp 1-2 trong tỉnh. Trung tâm còn kết hợp với Viện răng hàm mặt hỗ trợ công tác khám và điều trị răng miệng cho các em học sinh tiểu học và phổ thông trung học.

Chương trình y tế được xếp hàng đầu của tỉnh hiện nay là chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm. Công tác này được triển khai đều đặn nhất là việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cửa hàng ăn uống, các cơ sở sản xuất, bếp ăn tập thể để lấy mẫu về xét kiểm tra chất lượng, tránh ngộ độc thức ăn, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được trung tâm phối hợp với lực lượng quản lý thị trường, công an, thanh tra y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngoài ra, Trung tâm còn phối hợp với các địa phương triển khai các chương trình phòng chống tiêu chảy, công tác vệ sinh môi trường, công nghiệp và dinh dưỡng. Với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công chức hệ y tế dự phòng, công tác phòng chống các dịch bệnh đã khống chế không để xảy ra dịch nào. Số người mắc và chết do các bệnh truyền nhiễm ở mức thấp nhất.

Phát huy những kết quả đạt được

Bước sang năm 2003 và trong những năm tới, Trung tâm Y tế dự phòng tiếp tục khẳng định vai trò chủ động trong công tác phòng chống dịch, phát hiện và dập tắt

dịch bệnh nếu có. Ngoài ra, trung tâm còn đẩy mạnh và đưa vào nền nếp các hoạt động giám sát bao gồm: vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh trường học, công tác xét nghiệm. Đồng thời, trung tâm cũng thực hiện các chương tình y tế quốc gia như:

1) Chương trình phòng chống sốt rét và bướu cổ
2) Chương trình phòng chống sốt xuất huyết
3) Chương trình phòng chống HIV/AIDS.
4) Chương trình tiêm chủng mở rộng.
5) 10 bệnh dịch nguy hiểm, gồm 6 bệnh thuộc tiêm chủng mở rộng và đưa thêm các bệnh vào chương trình là viêm não Nhật Bản, viêm gan siêu vi trùng B.
6) Tăng cường kiểm tra chất lượng vệ sinh thực phẩm trong các cơ sở chế biến thực phẩm, nhà hàng, bếp ăn tập thể.

MEDICAL PREVENTIVE CENTRE OF BINH DUONG

Great efforts in prevention and treatment

Binh Duong Medical Preventive Centre is the non-productive unit of the health sector under the comprehensive management and direction of the Department of Health. With efforts of the health workers from the provincial to the communal level, the centre in close co-operation with the concerning sectors and organisations has attained remarkable achievements in the health care and protection for the community.

Enhancing the prevention and treatment effectiveness

As Binh Duong province is located in the area of dispersed and medium malaria, the Health Preventive Centre is responsible for controlling and eliminating malaria epidemic from the grassroots level. In recent years, the centre has intensified the supervision of the epidemic, especially in the pivotal communes where malaria has happened with the aim to actively prevent and treat the disease. In combination with the concerning sectors and organizations, the Centre chose Tan Uyen district to launch the propaganda movement on malaria prevention and treatment earning the enthusiastic popularity among the people. Therefore, there have been no malaria and the whole province has reached the target of 'three decreases' since 2001.

The program on expanding vaccination - abolishing polio - eliminating tetanus of newly-born babies has been progressively carried out since 1984 and it has also been maintained and consolidated right from the province's separation. Hundred percent of communes, wards and state-run farms conduct the regular vaccination, of which the monthly vaccination rate is enhanced. The number of under-one-year-old babies adequately inoculated reached 116 percent, of tetanus vaccination for the pregnant women achieved 105 percent and for women at child-bearing age of 11 percent, the number of children from 6 - 36 months olds taking vitamin obtained 107 percent of plans and the polio was eliminated since 1986. These above-mentioned achievements were resulted from the close co-ordination among organizations as well as the great efforts of the health sector in equipping the cold system for the adequate and promptly supplying and preserving sufficient vaccine.

As for the dengue fever prevention program, the Centre has co-operated with the districts to frequently supervise insects, guide the people to keep environmental hygiene, exterminate mosquitoes and their larva in order to prevent its spreading. Furthermore, the Centre has also constantly supervised the hospitals of different levels to promptly apply the measures on the epidemic prevention and treatment. The total cases of dengue fever infection/death has been limited only 344/1 person, with 50 percent decrease year on year.

The implementation of HIV/AIDS prevention program has recorded more and more effectiveness through the comprehensive information and propaganda education in many forms and contents suitable to the real situation. The attention has also been paid to healthcare at schools with main task to propagate and educate the children at different ages from the kindergartens to the secondary schools in the province to keep hygiene of their teeth, and mouths. The Centre has also co-operated with the Odonto - Stomatology Institute to

examine and treat the teeth and mouths for the pupils from primary to high schools.

The top healthcare program in the province is the food safety and hygiene. The work is regularly carried out, particularly at the restaurants, production factories and collective canteens to get specimens for checking, avoiding food poison and protecting people's health. The control of food safety is conducted by the centre in co-ordination with the market management force, police, health inspectorate and Department of Agriculture and Rural Development.

In addition, the Centre also joined with the localities to launch the programs of dirrehoea prevention and treatment, environment hygiene, industry and nutrition. With the great efforts of all the health workers of the Health Preventive Centre, the epidemics have been controlled. The death cases of infectious diseases have dropped to the lowest level.

Continually develop the achievements

In 2003 and the forthcoming years, the Health Preventive Centre will continue to actively play its role in epidemics prevention and treatment, discover and eliminate the epidemic if any. The Centre also intensifies and organizes the activities including:

- Environmental hygiene
- Food safety and hygine
- Industrial hygiene
- School hygiene
- Testing

Concurrently, the Centre also carries out the national healthcare programmes such as:

- Program of malaria and goitre prevention and treatment.
- Program of dengue fever prevention and treatment.
- Program of HIV/AIDS prevention and treatment.
- Program of expanding vaccination.
- Ten fatal epidemics including six diseases which require expanding vaccination and four others including Japanese brain infection, viral hepatitis B...
- Strengthen control of food safety and hygiene at the food processing units, restaurants and collective canteens etc.

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG BÌNH DƯƠNG
BINH DUONG MEDICAL PREVENTIVE CENTRE

Địa chỉ: Số 2, Đường Yersin, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Tel: (84.650) 822930 Fax: (84.650) 821735

Chức năng: *Quản lý các chương trình phòng chống như:*

* Chương trình sốt rét.
* Chương trình phòng chống các dịch.
* Chương trình tiêm chủng mở rộng.
* Chương trình nhiễm HIV/AIDS.
* Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm.

Function: *Management on preventive programs such as:*

* Marsh fever program.
* Epidemic diseases preventive program.
* Open vaccination program.
* Infected HIV/AIDS program.
* Foodstuff hygiene safety program.

MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Đối mặt với áp lực từ sản xuất công nghiệp

Những năm qua, Bình Dương đã thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đây làm ăn chủ yếu tập trung vào khu vực sản xuất công nghiệp với nhiều dạng ngành nghề khác nhau như: vật liệu xây dựng, gốm sứ, may mặc, đóng giày, hoá chất, hoá mỹ phẩm, lắp ráp điện tử, cơ khí, chế biến gỗ, thực phẩm, thức ăn gia súc. Trong đó có nhiều công nghệ mới, tiên tiến như chế tạo lắp ráp ôtô, chế tạo tổng đài kỹ thuật số, cáp quang, dây chuyền tự động lắp ráp đồ điện tử... Quá trình phát triển công nghiệp này đã đem lại những lợi ích kinh tế to lớn cho tỉnh nhà, nhưng cũng tạo ra nhiều áp lực đối với môi trường sinh thái.

Môi trường trong và ngoài khu công nghiệp đã dần được cải thiện

Theo đánh giá của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương thuộc các ngành nghề ít tạo ra nước thải như ngành cơ khí, giày da, may mặc, chế biến gỗ và điện tử. Thêm nữa, hầu hết các nhà máy trong các khu công nghiệp đều được xử lý sơ bộ nước thải trước khi thải ra cống thoát nước thải của khu công nghiệp. Một số doanh nghiệp có lưu lượng nước thải và tải lượng lớn đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam trước khi thải ra môi trường như Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Giầy lụa Newtoyo tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh An, Công ty trách nhiệm hữu hạn CKL tại Khu công nghiệp Sóng Thần, Công ty trách nhiệm hữu hạn Toung Loong tại Khu công nghiệp Việt Hương....

Hiện nay, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore đã xây dựng hoàn chỉnh Nhà máy xử lý nước thải tập trung và đưa vào hoạt động từ năm 1998. Công suất xử lý giai đoạn I của Nhà máy là 6.000 m^3/ngày đêm. Nước thải của khu công nghiệp được xử lý gần đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (TCVN : 5945 - 1995 loại A) trước khi thải vào Rạch Ông Bố. Khu công nghiệp Việt Hương đã xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh trạm xử lý nước thải tập trung cho toàn khu với công suất xử lý giai đoạn I là 1.000 m^3/ngày đêm Hiện nay, trạm đã đi vào hoạt động, nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn TCVN 5945-1995 loại A. Khu công nghiệp Sóng Thần I và II có trạm xử lý nước thải tập trung với công xuất xử lý 4.000 m^3/ngày đêm được khởi công xây dựng vào đầu quý IV năm 2000. Đến cuối năm 2001, trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần đã được đưa vào sử dụng. Khu công nghiệp Đồng An đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung cho toàn khu với công suất 2.000m^3/ngày đêm, và đưa vào vận hành cuối năm 2001.

Ngoài nước thải, còn có khí thải sinh ra trong quá trình hoạt động của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương mà chủ yếu là từ quá trình đốt nhiên liệu dầu vận hành nồi hơi, lò nung và máy phát điện trong các dây chuyền sản xuất và khí thải do các phương tiện

Bảng 1. Tình hình xử lý chất thải của các doanh nghiệp

STT	Loại hình	Số đơn vị thống kê	Hệ thống xử lý chất thải		
			Tốt (%)	TB (%)	Kém (%)
1	DN có vốn đầu tư trong nước	842	2,4	33,0	64,6
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	120	34,2	52,5	13,3
	Tổng cộng	**962**	**6,3**	**35,4**	**58,4**

Nguồn: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bình Dương

vận chuyển gây ra. Khí thải chủ yếu chứa các chất ô nhiễm như bụi, SO_2, NOx, CO và các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC). Tuy nhiên, chất lượng không khí tại các khu công nghiệp của tỉnh Bình Dương còn khá trong sạch.

Chất thải rắn của các khu công nghiệp bao gồm chất thải sinh ra trong quá trình sản xuất của các nhà máy trong khu và chất thải sinh hoạt của công nhân. Đối với các khu công nghiệp của tỉnh Bình Dương, lượng chất thải rắn nguy hại theo quy định kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ chủ yếu là các bao bì đựng hóa chất, chất thải từ quá trình sản xuất sơn, keo và bùn từ hệ thống xử lý nước thải. Tải lượng chất thải nguy hại theo kết quả khảo sát chiếm khoảng 20% chất thải công nghiệp của các khu công nghiệp. Trong những năm qua vấn đề xử lý chất thải ở các doanh nghiệp đã có những chuyển biến tích cực. Để thấy được sự chuyển biến đó, chúng ta hãy cùng theo dõi bảng thống kê *(Bảng 1)*.

So với các doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp thì việc đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý chất thải của các doanh nghiệp nằm trong các khu công nghiệp tập trung tốt hơn. *(xem Bảng 2)*

Phân tích Bảng 2 cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dù ở trong hay ngoài khu công nghiệp đều có hệ thống xử lý chất thải tốt hơn so với các doanh nghiệp trong nước. Đồng thời, các doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp đa số có hệ thống xử lý tốt hơn các đơn vị nằm ngoài khu công nghiệp. Mặc dù, trong thời gian qua, một vài doanh nghiệp quốc doanh lớn hoặc tư nhân trong nước đã từng bước xây dựng các hệ thống xử lý chất thải như Công ty Đường Bình Dương, Công ty Cao su Dầu Tiếng... hoặc đổi mới công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường như Công ty Gốm sứ Minh Long I, Công ty Khai thác Sản xuất Vật liệu xây dựng Bình Dương, Công ty Nam Việt... song số lượng chưa nhiều.

Bên cạnh các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường vẫn còn khoảng 26,4% các đơn vị sản xuất đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý còn chậm, chưa đạt hiệu quả. Các doanh nghiệp này chủ yếu hoạt động trong ngành nghề sản xuất ô nhiễm như sản xuất bột giấy, giặt tẩy, hóa mỹ phẩm, khai thác khoáng sản, chế biến mủ cao su.

Môi trường các cơ sở gốm sứ, gạch ngói - lực bất tòng tâm

Mặc dù có được kết quả tương đối khả quan trong việc cải thiện môi trường ở các khu công nghiệp, song vấn đề môi trường ở các cơ sở gốm sứ, gạch ngói vẫn còn nhiều bất cập và vẫn ở vào tình trạng "lực bất tòng tâm".

Theo số liệu thống kê của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương, toàn tỉnh hiện có 454 cơ sở đăng ký hoạt động ở lĩnh vực gốm sứ và được phân bố chủ yếu ở Thuận An, Tân Uyên và thị xã Thủ Dầu Một. Ngoài ra còn

Bảng 2. Đánh giá chất lượng xử lý chất thải tại các doanh nghiệp

STT	Doanh nghiệp	Số đơn vị điều tra	Hệ thống xử lý chất thải Tốt (%)	TB (%)	Kém (%)
1	Doanh nghiệp nằm trong các khu công nghiệp	92	30	59	11
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước	80	8,3	66,7	25
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	12	38,6	56,1	5,3
2	Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp	883	4,2	33,3	56,5
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước	818	2,2	32	65,8
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	63	30,2	49,2	20,6

Nguồn: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bình Dương

có 171 cơ sở sản xuất gạch tập trung ở Dĩ An và Tân Uyên, trong đó khoảng 252 cơ sở nằm trong khu vực đông dân cư, đô thị. Giải thích về sự "đông đúc", cũng như vấn đề ô nhiễm môi trường do các cơ sở sản xuất gạch, ngói, gốm sứ tại Bình Dương gây ra, lãnh đạo Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường cho biết: "Ngành sản xuất gạch ngói, gốm sứ là một trong những ngành có từ rất lâu đời ở Bình Dương. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành sản xuất gốm sứ, gạch ngói đã được tiếp cận dần với các công nghệ mới, các kiểu lò đốt mới, nhiên liệu đốt cũng thay đổi dần sang khuynh hướng dùng «gas, dầu,... Nhưng đây chỉ là những thay đổi mang tính cục bộ trên diện hẹp bao gồm các thương hiệu gốm sứ mỹ nghệ cao cấp. Còn lại, khu vực các các cơ sở sản xuất gốm sứ, gạch ngói hiện đã bị ô nhiễm nghiêm trọng với mức độ ô nhiễm bụi cao nhất tại khu vực xung quanh huyện Thuận An và thị xã Thủ Dầu Một.

Mặc dù, môi trường tại các khu vực sản xuất gốm sứ, nhất là môi trường không khí đang bị ô nhiễm, nhưng bản thân các cơ sở đa phần là cơ sở nhỏ, kinh tế hộ gia đình, không có khả năng đầu tư cho xử lý khí thải hoặc giảm thiểu khí thải. Vì vậy, họ cần có sự hỗ trợ từ phía Nhà nước để thay đổi dần nhiên liệu đốt hoặc hỗ trợ các cơ sở này trong việc di dời để có biện pháp khắc phục vấn đề ô nhiễm không khí cho loại ngành nghề này.

Cơ quan kinh tế của Liên hợp quốc đã định nghĩa rằng: "Phát triển bền vững là sự phát triển thoả mãn nhu cầu vật chất của các thế hệ hôm nay, nhưng không làm ảnh hưởng đến sự thoả mãn nhu cầu vật chất của các thế hệ mai sau". Từ ý thức tự giác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và sự đôn đốc, hướng dẫn của các cơ quan chức năng, môi trường của Bình Dương đang và sẽ từng bước được cải thiện...

Chương trình bảo vệ môi trường công nghiệp tỉnh Bình Dương

Giai đoạn 1 (2000 - 2003): *Tập trung vào chương trình giáo dục nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp cho cộng đồng và các chương trình trao đổi thông tin. Thực tế cho thấy giới doanh nghiệp của tỉnh và cộng đồng hiện đang thiếu thông tin cũng như chưa nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của việc ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp.*

Giai đoạn 2 (2003 - 2005): *Khởi động và triển khai các chương trình trình diễn ngăn ngừa ô nhiễm tại một số cơ sở công nghiệp. Các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm ở giai đoạn này đơn giản, ít hoặc không cần chi phí, sao cho doanh nghiệp dễ áp dụng trong thực tế sản xuất của cơ sở mình, như giải pháp cải tiến quản lý mặt bằng sản xuất, thay thế nguyên vật liệu. Các hình thức trợ cấp vốn hoặc cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để thực hiện kiểm toán chất thải tại nơi sản xuất trong giai đoạn này là cần thiết.*

Giai đoạn 3 (2005 - 2007): *Các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp trong giai đoạn này đòi hỏi phải triệt để, hiệu quả hơn nên chi phí cũng tăng theo. Vấn đề trọng tâm của giai đoạn này là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tìm được nguồn tài chính để đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý, ngăn ngừa ô nhiễm đạt hiệu quả.*

Giai đoạn 4 (2007 - 2010): *ở giai đoạn này công nghiệp phải xác định các phương pháp giảm thiểu chất thải mới thông qua chương trình nghiên cứu, chương trình phát triển và trình diễn, chuyển giao công nghệ. Đây là biện pháp cung cấp cho các doanh nghiệp thông tin về sự thành công của các doanh nghiệp khác với các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả hơn...*

Binh Duong Environment Facing the Pressure from Industrial Production

During the past years, Binh Duong has attracted many Vietnamese as well as foreign investors who mostly came to work in the industrial zones. They work in different fields including construction materials, pottery and ceramic, garments, footwear, chemicals, cosmetics, electronics, mechanic, wood processing, food and animal feeds processing. Many of which involve in advanced technologies such as car manufacturing and assembling, digital switchboard making, optical cable producing, electronic units automatic assembly line. This industrial development has brought the province great economic benefits, but it has also created much pressure on the eco-environment.

Environment in and outside the industrial zones has been gradually improved

According to the assessment of the Department of Science, Technology and Environment, investors in Binh Duong's industrial zones are operating in the sectors that release little sewage such as mechanics, leather, garments, wood processing and electronics. Additionally, the sewage coming out from most of these factories has been preliminarily treated before going to sewers of the industrial zones. Several enterprises with huge volume of sewage built a complete wastewater treatment system that treats the sewage with the quality meeting Vietnam's Environment Standard. These enterprises are Newtoyo paper Liability Limited Company in the Vietnam - Singapore Industrial Zone, Thanh Anh Liability Limited Company, CKL Liability Limited Company in Song Than Industrial Zone, Toung Loong Liability Limited Company in Viet Huong Industrial Zone.

Currently, an intensive sewage treatment factory in Vietnam - Singapore Industrial Zone was constructed and put in operation since 1998. In the first phase, the factory has the working capacity of 6,000 m^3 per day and night. With this system, the treated sewage almost reaches Vietnam Environment Standard (TCVN: 5945 - 1995 level A) before going to Ong Bo small irrigation canal. In Viet Huong Industrial Zone, an intensive waste water treatment station was constructed with the capacity of 1,000m^3 per day and night in the first phase. At present, the station has put in operation and the treated waste water meet Vietnam Environment Standard (TCVN: 5945 - 1995 level A). The construction of an intensive sewage treatment station with the working capacity of 4,000m^3/day and night has been started in the beginning of quarter IV 2000 in Song Than Industrial Zone I & II. By the end of 2001, the sewage treatment station of Song Than has been put in use. An intensive sewage treatment factory with the capacity of 2,000 m^3 per day

Table 1: Sewage treatment situation of the enterprises

No.	Types of enterprises	Number of surveyed enterprises	Waste treatment system		
			Good (%)	Fair (%)	Bad (%)
1	State owned enterprises	842	2.4	33.0	64.6
2	Foreign invested enterprises	120	34.2	52.5	13.3
	Total	**962**	**6.3**	**35.4**	**58.4**

Source: Department of Science Technology and Environment of Binh Duong

Table 2. Evaluating Sewage treatment quality in enterprises

No.	Types of enterprises	Number of investigated enterprises	Waste treatment system		
			Good (%)	Fair (%)	Bad (%)
1	Enterprises located in the industrial zones	92	30	59	11
	- State owned enterprises	80	8.3	66.7	25
	- Foreign direct investment enterprises (FDI)	12	38.6	56.1	5.3
2	Enterprises located outside the industrial zones	883	4.2	33.3	56.5
	- State owned enterprises	818	2.2	32	65.8
	- Foreign direct investment enterprises (FDI)	63	30.2	49.2	20.3

Source: Department of Science Technology and Environment of Binh Duong

and night was constructed and started operating in Dong An industrial zone at the end of 2001.

Apart from wastewater, there is also waste gas coming from these industrial zones mostly from the process of burning fuels for operating the boilers, heaters and electric generators in different production lines as well as from different means of transportation. The waste gas mostly contains the pollution substances such as dust, SO_2, NOx, CO and volatile organic compounds (VOC). However, the quality of air in Binh Duong's Industrial Zones is still clean.

The solid waste in the Industrial Zones includes solid waste of the production process of factories and domestic waste of the workers. According to the regulation attached to the Decision No. 155/1999/QD - TTg of the Prime Minister, types of toxic solid waste in Binh Duong are chemical containers, wastes from paint and glue processing, and mud from the waste water treatment system. The result of the survey shows that the quantity of toxic waste accounts for 20 percent of the total waste from the industrial zones. During the past few years, there has been significant improvement in wastewater treatment of the enterprises. The following table is the demonstration for the improvement.

In comparison with the waste treatment systems of enterprises located outside the industrial zones, those of enterprises inside the industrial zones are better. *(following table 2)*

Analyzing the above-mentioned table 2 indicates that almost foreign direct investment enterprises located whether in or outside the industrial zones have better waste water treatment systems than those of state owned enterprises. At the same time, a majority of enterprises in the industrial zones have waste treatment systems that are better than those of the enterprise located outside the industrial zones. Although some large state owned enterprises or private enterprises have gradually installed waste treatment systems such as Binh Duong Sugarcane Company and Dau Tieng Rubber Company or improved the technologies to minimize environmental pollution level such as Minh Long Pottery and Ceramic Company I, Binh Duong Construction Material Production and Exploitation Company and Nam Viet Company in recent year, the number of these companies is not considerable.

In addition to the enterprises properly carrying out environmental protection, 26.4 percent of enterprises do not make much investment in waste treatment systems and operate ineffectively. These enterprises work mostly in the polluting sectors including paper powder processing, washing and wiping, cosmetics, mineral exploitation and rubber latex processing.

Environment in pottery, ceramic, brick and tile processing enterprises- a helplessness situation

Though environmental improvement in the industrial zones is quite positive, environmental issues in pottery, ceramic, brick and tile processing enterprises still own many disadvantages and is in the situation of 'helplessness'.

According to the statistics of Binh Duong People's Committee, enterprises registered in sectors of pottery and ceramic total 454 almost located in Thuan An, Tan Uyen and Thu Dau Mot town. In addition, there are 171 brick processing enterprises concentrated in Di An and Tan Uyen. Of which, around 252 located in densely populated and urban areas. Explanations to the "great number" as well as environmental pollution issues caused by pottery, ceramic, brick and tile enterprises in Binh Duong, the Head of Department of Science, Technology and Environment said: "Pottery, ceramic, brick and tile processing are long- lasting the sectors in Binh Duong. Together with the socio-economic development in the province, pottery, ceramic, brick and tile processing sector has gradually accessed to new technologies, new types of heater and replaced traditional fuels with gas and oil. However, these changes happen in the small scope and are limited within high quality pottery and ceramic production. Other pottery, ceramic, brick and tiles processing in surrounding areas in Thuan An and Thu Dau Mot town have been heavily polluted with highest dirt pollution level.

Although the environment in pottery and ceramic processing areas especially the air, has been polluted, these are small production workshops or family - run enterprises unaffordable to invest in systems to treat or to minimize waste gas. Hence, they need the supports from the Government to slowly change types of burning fuel or move to other places to reduce the air pollution level.

A United Nation economic agency defines that: "Sustainable development means the development that will satisfy the material needs of current generation and will not affect that needs of future generation". The strictly implementation of law on environment of enterprises as well as the motivation and guidance of related agencies, Binh Duong environment is being gradually improved.

Environmental protection program for Binh Duong Industrial Zone

Phase 1 (2000 - 2003): Focus on education program to enhance awareness on environment protection in industrial sectors for local communities and on information exchange program. The fact shows that enterprises and local communities presently lack information as well as are not fully aware of the importance and real benefit achieved from industrial pollution prevention.

Phase 2 (2003 - 2005): Initiate and carry out demonstration program to prevent pollution in some industrial zones. Pollution prevention solutions in this period should be simple, do not need or need small investment, and should be easy for enterprises to apply in practice such as improvement in management of production sites, changes in types of raw material. In this period it is also necessary to provide credit support or soft interest loans for the enterprises to conduct waste auditing in the production area.

Phase 3 (2005 - 2007): In this period pollution prevention methods need to be more complete and effective, hence, it is more costly. The main focus in this period is to create favorable conditions for enterprises to get money to invest in effective pollution prevention and treatment systems.

Phase 4 (2007 - 2010): In this period, new methods to minimize waste should be identified through research, development and demonstration program and technology transfer. This method will give enterprises information on the success of other enterprises in using more effective methods to minimize pollution level.

Chương II : VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT

VĂN HOÁ - THÔNG TIN BÌNH DƯƠNG

Từng bước cải thiện đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân

Những năm qua, song song với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, tỉnh Bình Dương đã quan tâm phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin một cách toàn diện nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho người dân.

Bình Dương là vùng đất mới, nơi liên tục đón nhận những cư dân của nhiều vùng trong cả nước đến định cư. Tuy nhiên, cũng giống như các địa phương khác trên toàn quốc, mảnh đất này vẫn mang đậm dấu ấn của một nền văn minh lúa nước, văn hoá làng xã của nhóm người Việt đầu tiên đặt chân đến đây từ thế kỷ thứ XVI. Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển hàng trăm năm, lưu dân người Việt và các cộng đồng cư dân bản địa, cùng các cộng đồng dân di cư từ nơi khác đến đã khai dựng một đời sống văn hoá - tinh thần phong phú với sự giao thoa văn hoá của nhiều vùng miền khác nhau, để rồi kết tinh thành bản sắc văn hoá đặc trưng của người Bình Dương. Điển hình là các ngành nghề truyền thống phản ánh trong những nét đẹp văn hoá của các kiến trúc cổ như đình, chùa, nhà,... Không chỉ có vậy, ngày nay với sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại cùng đặc điểm về vị trí địa lý đã tạo nên một Bình Dương mang bản sắc riêng trong quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin.

Một số thành tựu quan trọng

Trong những năm qua (1997 - 2001), cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, tỉnh Bình Dương luôn quan tâm phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin. Với vai trò là cơ quan quản lý ngành, Sở Văn hoá - Thông tin Bình Dương đã có rất nhiều cố gắng trong việc đưa định hướng phát triển của tỉnh vào thực tế, tổ chức triển khai và trực tiếp quản lý mọi hoạt động văn hoá - thông tin. Nhờ đó, nhiều công trình văn hoá được đầu tư xây dựng như bảo tàng, thư viện, nhà thiếu nhi, công viên văn hoá,... đã trở thành tụ điểm phục vụ rộng rãi nhu cầu vui chơi giải trí của người dân. Theo báo cáo của Sở Văn hoá - Thông tin Bình Dương, đến nay, 4/7 huyện, thị đã có trung tâm văn

Những đợt trưng bày, giới thiệu sách, cùng các cuộc thi đọc sách kể chuyện sách do thư viện tỉnh Bình Dương tổ chức đã góp phần nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân trong tỉnh

hoá - thể thao, các huyện còn lại cũng đã có quy hoạch xác định địa điểm, quy mô đầu tư xây dựng. Mạng lưới thư viện được củng cố và mở rộng, 7/7 huyện, thị xã có thư viện, sách báo được bổ sung thường xuyên về cả số lượng và thể loại. Thư viện tỉnh, ngoài nhiệm vụ phục vụ độc giả thường xuyên, hàng năm còn tổ chức nhiều đợt trưng bày, giới thiệu sách, cùng các cuộc thi đọc sách, kể chuyện sách.

Đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân đang từng bước được nâng cao. Phong trào văn hoá - văn nghệ quần chúng được các ngành, các địa phương trong tỉnh duy trì thường xuyên thông qua các liên hoan, hội thi, hội diễn. Trong đó, Đoàn văn công nhân dân tỉnh hàng năm thực hiện 120 buổi biểu diễn phục vụ các xã nông thôn đã phần nào góp phần nâng cao đời sống tinh thần và khả năng hưởng thụ văn hoá cho nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Mặc dù, mức hưởng thụ văn hoá giữa các địa phương chưa đồng đều, nhưng nhìn chung bộ mặt văn hoá của tỉnh, nhất là ở vùng nông thôn có chuyển biến rõ rệt. Chủ trương xã hội hoá hoạt động văn hoá được đẩy mạnh thu hút nhiều thành phần kinh tế, tham gia đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở văn hoá và các dịch vụ vui chơi giải trí với con số lên tới 1.500 cơ sở trên toàn tỉnh.

Về lĩnh vực thông tin tuyên truyền, đội thông tin tỉnh đã thành công trong việc phối hợp chặt chẽ với các đội thông tin lưu động của các huyện, thị xã, các đội chiếu bóng, các đội văn nghệ sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền sinh động và hấp dẫn phổ biến kịp thời đến từng cơ sở, người dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở đó, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mà Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh và các ban ngành hữu quan phát động đã được các đoàn thể triển khai liên tục và rộng khắp với 3 mô hình là gia đình văn hoá, khu ấp văn hoá và cơ quan, đơn vị văn hoá. Phong trào này đã tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phát huy truyền thống đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú. Đến nay, toàn tỉnh có 114.759 hộ gia đình văn hoá, đạt tỷ lệ 70,9%; 238 khu ấp văn hoá, đạt tỷ lệ 52,3% và 491 cơ quan văn hoá. Đây là những nhân tố tích cực trong phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở.

Trong nhiệm vụ bảo tồn các di tích lịch sử, ngành cũng thực hiện bảo vệ và trùng tu nâng cấp phục vụ công tác giáo dục, phát

Bảo tàng tỉnh

huy truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Mảnh đất Bình Dương giàu truyền thống đấu tranh cách mạng đã có 8 di tích được xếp hạng quốc gia, trong đó có các di tích lớn như: Tam Giác Sắt - Tây Nam Bến Cát, Nhà tù Phú Lợi, Chùa Hội Khánh,... Một số khu được trùng tu, tôn tạo để xây dựng thành khu di tích gắn với du lịch sinh thái, du lịch văn hoá. Bên cạnh đó, công tác khai quật, khảo sát nghiên cứu di chỉ khảo cổ được triển khai nhiều đợt tại các di chỉ Dốc Chùa, Vườn Dũ, Cù lao Rùa,... đã thu được nhiều hiện vật quý, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học về nền văn hoá cổ tồn tại lâu đời trên đất Bình Dương.

Bên cạnh đó, ngành văn hoá - thông tin tỉnh Bình Dương cũng từng bước tiến hành nghiên cứu, sưu tầm các di sản văn hoá phi vật thể thông qua một số chương trình như: nghiên cứu sưu tầm dân ca, nhạc lễ, nhạc tài tử Nam Bộ, múa đưa linh, làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp. Ngoài ra, Sở Văn hoá - Thông tin còn tổ chức điều tra khảo sát thống kê các cơ sở tín ngưỡng dân gian (đình, chùa, miếu,...) và lễ hội văn hoá cổ truyền trên phạm vi toàn tỉnh phục vụ cho công tác nghiên cứu và quản lý tại địa phương.

Tồn tại và giải pháp

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ngành văn hoá - thông tin tỉnh Bình Dương vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế như: công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, còn nhiều xã phường chưa có điểm sinh hoạt văn hoá, phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của người dân địa phương. Chất lượng, hiệu quả các loại hình văn hoá chưa cao; đội ngũ cán bộ văn hoá - thông tin ở cơ sở còn thiếu và yếu về chuyên môn nghiệp vụ. Để tiếp tục xây dựng phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành văn hoá - thông tin đã lập quy hoạch phát triển đến năm 2010 và đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

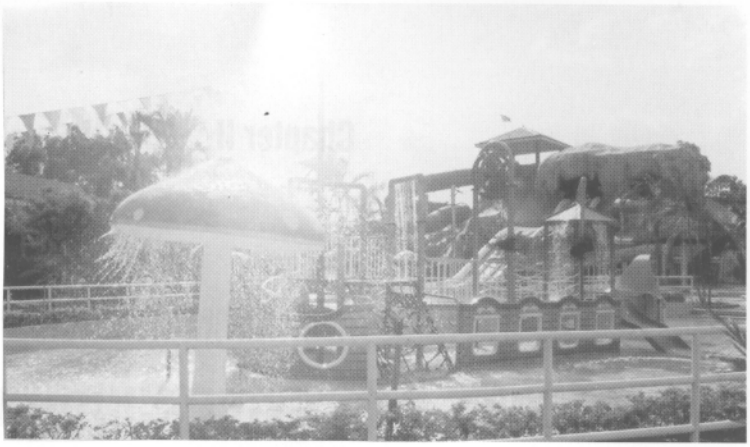

Những khu vui chơi giải trí được xây mới đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân

Theo đó, ngành sẽ tập trung thực hiện tốt mục tiêu phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin bảo đảm tuyên truyền kịp thời những đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phát triển văn hoá dân tộc truyền thống, duy trì các lễ hội, trùng tu tôn tạo các di tích đã được xếp hạng. Hoàn chỉnh quy hoạch và từng bước xây dựng hệ thống tượng đài, tranh hoành tráng ở các địa điểm có di tích lịch sử văn hoá cách mạng. Triển khai rộng khắp phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá và các phong trào văn hoá, nghệ thuật quần chúng góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống tốt đẹp, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh; đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hoá từ tỉnh đến huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn tương xứng với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Hình thành các cụm văn hoá ở nông thôn, các trung tâm văn hoá thể thao ở các khu dân cư tập trung. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước, giữ vững trật tự kỷ cương pháp luật đối với các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá.

Theo lời ông Đỗ Khắc Điệp - Giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin Bình Dương: "Đây là những việc cần phải làm ngay để tăng cường khả năng hưởng thụ văn hoá cho nhân dân nhằm thu hẹp khoảng cách đời sống văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp nhân dân".

Chapter II : CULTURE - ARTS

BINH DUONG CULTURE AND COMMUNICATION

Gradually Improving Cultural and Spiritual Life of the Local People

Binh Duong has attached great importance to the overall development of the culture and communication to improve cultural and spiritual life of the local people in concurrence with economic development intensification.

Binh Duong is a new land where people from many other parts of the country immigrate. However, like other regions throughout the country, Binh Duong is imprinted with the paddy rice civilisation and the community culture of the first Vietnamese people arriving in the place in the 16th century. Over the history of hundred years, the Vietnamese immigrants, native communities and the immigrants from other regions have created a diversified cultural and spiritual life with the various cross culture, which later became the cultural characteristics of Binh Duong. Typically, the traditional occupations were reflected in the cultural traits of the ancient architectures including temples pagodas and houses. Nowadays, the harmonious combination between the traditions and modernity and the geographic advantages have created Binh Duong's special features in the culture and communication development process.

Important achievements

Binh Duong has strengthened not only the development of the economy but also culture and communication. As an administrator of the sector, Binh Duong Department of Culture and Communication has made great efforts to apply the provincial development direction into reality; implement, organise and directly manage all the cultural and communicational activities. Therefore, many cultural works including museums, libraries, pioneer's house, cultural house and parks have been built and invested and become entertainment places for the local people. According to the report by Binh Duong Department of Culture and Communication, four seventh of the districts and towns now have cultural and sport centres, the others are planning to build. The network of post offices has been improved and expanded, all the seven districts and towns now have libraries which are often diversified with books and newspapers of different kinds. The provincial library not only serves the regular readers but also organises book exhibitions and competitions for reading books and telling stories.

The cultural and spiritual life of the local people has been progressively

improved. The public cultural movements are maintained with regular contests and festivals. The Provincial People's Ensemble annually makes approximately 120 performances in the rural communes, making a remarkable contribution to enhance spiritual life and cultural enjoyment of the local people and properly carrying out the political responsibilities in the locality. Although the cultural enjoyment is not equal in different places but in general, the province's cultural image, especially in rural areas, has made visible progress. The government's direction to popularise cultural activities has been stimulated and attracted 1,500 different economic sectors to make investments in the construction and improvement of the cultural places and entertainment services throughout the province.

Regarding the communication and dissemination, the provincial communication team has successfully co-operated with the mobile communication teams, movie service teams and public ensemble of the districts and towns in applying attractive propagation methods to promptly popularise the State's and the Communist Party's policies and direction to all the agencies and people.

Upon the activities, the whole nation's solidarity movement to build cultural life advocated by the provincial committee of the Party, the Provincial People's Committee and related authorities have constantly carried out on three models: cultural family, cultural hamlets and cultural agencies and units. The movement has made positive impacts on the improvement of the people's living standard, strengthening the traditional solidarity, conserving the national cultural specialities and building a clean but diversified cultural environment. At present, there are totally 114,759 (70.9 percent) cultural families, 238 cultural hamlets (52.3 percent) and 491 cultural agencies. All are the indispensable factors in the local cultural life building movements.

Historical places are regularly preserved and upgraded for the education purposes and mobilising the youth's awareness of revolutionary traditions. There are now eight national historical places, typically Tam Giac Sat-Tay Nam Ben Cat, Phu Loi Prison, Hoi Khanh Pagoda located in the traditional revolutionary Binh Duong. Some places

Hoi Khanh Pagoda

have been restored and embellished to form historical spots together with the ecological and cultural tourism. In addition, many precious things have been found through the archaeological excavation and investigation carried out in Doc Chua, Vuon Du, Cu Lao Rua serving the scientific researches on the ancient long-lasting culture in Binh Duong.

In addition, Binh Duong culture and communication sector is gradually researching and collecting non-material cultural heritages through such programs as: studying and collecting folk songs music for ceremonies, the traditional southern amateur music, keens and funeral dances and researches on Tuong Binh Hiep traditional lacquer village. Binh Duong Department of Culture and Communication carried out surveys on the folk religious places (communal houses, pagodas and temples...) and the traditional cultural festivals all over the province for the local researches and management.

Constrains and solutions

Apart from the achievements, there are remains some limitations for Binh Duong culture and communication. The state's management in cultural issues has not met the requirements of the socio-economic development. There are no places for cultural activities to entertain the local people in many communes and wards. There remain low quality and ineffectiveness of the cultural types as well as the shortage of qualified cadres for culture and communication. To continue building and developing the culture and communication activities for the cause of industrialisation and modernisation, the culture and communication sector has made a plan for the development of the sector until 2010 approved by the Provincial People's Committee.

Upon the plan, the sector will concentrate on the development targets and improve the quality of the cultural and communicational activities, timely popularise the Party's and the State's policies and direction; develop the traditional culture; maintain festivals and ceremonies; restoring and embellishing the classified heritage places. Accomplish the plan and gradually construct the monumental statues and placards in places of the revolutionary cultural historical heritages. Widely carry out the national solidarity movements for cultural life and public cultural movements contributing to the consolidation of the ideologies, moralities and the moral life and development of civilised and healthy life and to push back social evils.

Broadcasting Ekip in the scence

Continue to perfect cultural regulations from the province to the towns, districts, and communes in accordance to the local actual socio-economic development conditions. Establish cultural clusters in rural area and sport centres in the high residential areas. Also strengthen the state's management, strictly obey the laws in the cultural activities and services.

According to Do Khac Diep - the Director of Binh Duong Department of Culture and Communication, "those urgent things should be immediately conducted in order to increase the people's cultural enjoying levels and narrow the gap between the cities and rural areas as well as the people classes in terms of the cultural life."

Lễ Hội Chùa Bà

Chùa Bà còn gọi là miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, ở trung tâm thị xã, gần chợ Thủ Dầu Một - một vị trí rất thuận lợi để khách tới chùa vãn cảnh.

Chùa Bà được xây dựng cách đây trên 400 năm do 4 bang người Hoa thành lập (Hẹ, Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu). Lúc đầu, chùa là nơi lễ đầu năm của người Hoa để cầu tài, cầu lộc, cầu phúc, cầu duyên, mượn tiền,... Nhưng đã từ lâu nay, người Việt ở Sài Gòn, Đồng Nai và khắp các nơi xa gần đã tấp nập kéo đến trong dịp lễ hội đầu tháng giêng. Đây có lẽ là điểm giao lưu văn hoá Hoa - Việt điển hình. Mọi người đến đây để dâng hương, cúng lễ, để cầu may, mong Thánh Mẫu che chở cho tai qua nạn khỏi và cũng không ít những nam thanh nữ tú "xe cộ như nước, áo quần như nêm" tới lễ chùa, vãn cảnh cầu duyên. Trong dòng người đông đảo đó còn có cả khách nước ngoài, họ cũng dâng hương lễ chùa, song có lẽ mục đích chính là họ muốn chứng kiến, tìm hiểu phong tục của người Việt Nam.

Ngày 15 tháng giêng là ngày hội chùa. Nhưng trước đó 1 ngày, (ngày 14 tháng giêng), người xe đã đông nghịt, suốt quãng đường trên 20km từ cầu Bình Triệu (thành phố Hồ Chí Minh) tới thị xã Thủ Dầu Một (Bình Dương). Trong sáng 15, quãng đường này trở thành một dòng sông người xe chảy cuồn cuộn từ cầu Bình Triệu tới tận Chùa Bà. Xe gắn máy, ôtô đủ các chủng loại, kích cỡ,... ai ai cũng muốn tranh thủ tới sớm để được dâng hương, được cúng tiền, được gửi lời thỉnh nguyện xin làm ăn buôn bán, xin lộc "mượn tiền" Bà, cũng có một số người trả lễ cho kỳ mượn năm trước. Có một nét đặc trưng nhất của lễ hội là những hoạt động đặc sắc như rước Cộ Bà, múa rồng, múa lân,... phải cứ ra tới chục người để nhận trả lộc và mượn lộc Bà.

Đến với Chùa Bà được chiêm ngưỡng một nét điển hình của chùa người Hoa với nóc âm dương và rồng chầu mặt nguyệt, hai màu chủ đạo là đỏ và vàng cũng là điểm nhấn làm nên đặc trưng riêng của lễ hội này. Gam màu tươi làm ngôi chùa nổi bật lên giữa vùng kiến trúc nhà bằng xung quanh theo kiểu phương Tây. Ở Bình Dương, bên cạnh hệ thống chùa khá độc đáo, kiến trúc theo kiểu chùa Việt Nam thế kỷ XIX như Thanh An tự (còn gọi là chùa Ông), chùa Hội Khánh, chùa Bà Thuận Thiên, chùa Linh Không Đàn, Chùa Bà mang một nét riêng tạo nên một Thủ Dầu Một, Bình Dương vừa mang dáng vẻ hiện đại của một vùng công nghiệp vừa đẹp đẽ, thanh bình với nhiều nét văn hoá đặc sắc.

Quang cảnh mùa lễ hội

Ba Pagoda festival

Ba Pagoda (Chua Ba) is also called the temple worshipping Thien Hau Thanh Mau in the center of the town, close to Thu Dau Mot market - a convenient location for tourists to go sightseeing.

The pagoda was built over 400 years ago by four Chinese districts (He, Kuang Dong, Phuc Kien, Trieu Chau). Initially, the pagoda was the place for Chinese people come to pray for fame, prosperity, happiness and love but now many Vietnamese people from Saigon, Dong Nai and everywhere gathered in here during festivals in the first lunar month. This may be the typical place for China - Vietnam culture exchange. People come here to offer incense, worshipping to pray for luckiness during the year and hope that the Holly Mother save them in case of accidents. Many young couples also come here praying for love. Among the crowd, there are also some foreigners who come for praying and sightseeing but their main purposes are to see and understand the traditions and custom of Vietnamese people.

The full moon day (15th of the first lunar month) is the festival of the pagoda. Since one day before the festival, the road of 20 km long from Binh Trieu bridge (Ho Chi Minh City) to Thu Dau Mot and Ba Pagoda is jammed with people and vehicles of many kinds such as cars and motorbikes of many sizes. Every body wish to arrive there early to offer incense, worship, pray for business and "borrow" money from the Holly Mother or pay back the "debt" last year. The most outstanding feature of the festival is some activities such as Co Ba procession, dragon dance and unicorn dance and about ten people were appointed to receive pay-back and borrow the prosperity from the Holly Mother.

Ba Pagoda is one of the typical architectural design of the Chinese pagoda with yin and yang tiles, two dragons waiting for the moon and two main colors: red and yellow also making the own features of this festival. The bright colors also the pagoda outstanding among the flat-roofed houses of the western architecture. In Binh Duong, apart from the pagoda system with the design of Vietnamese pagoda in 19th century such as Than An (Ong or Holly Father pagoda), Hoi Khanh pagoda, Ba Thuan Thien pagoda and Linh Khong Dan, Ba pagoda has made an own characteristics for Thu Dau Mot and Binh Duong with the modernity of the industrial zone and peaceful and special culture.

Ba Pagoda Festival

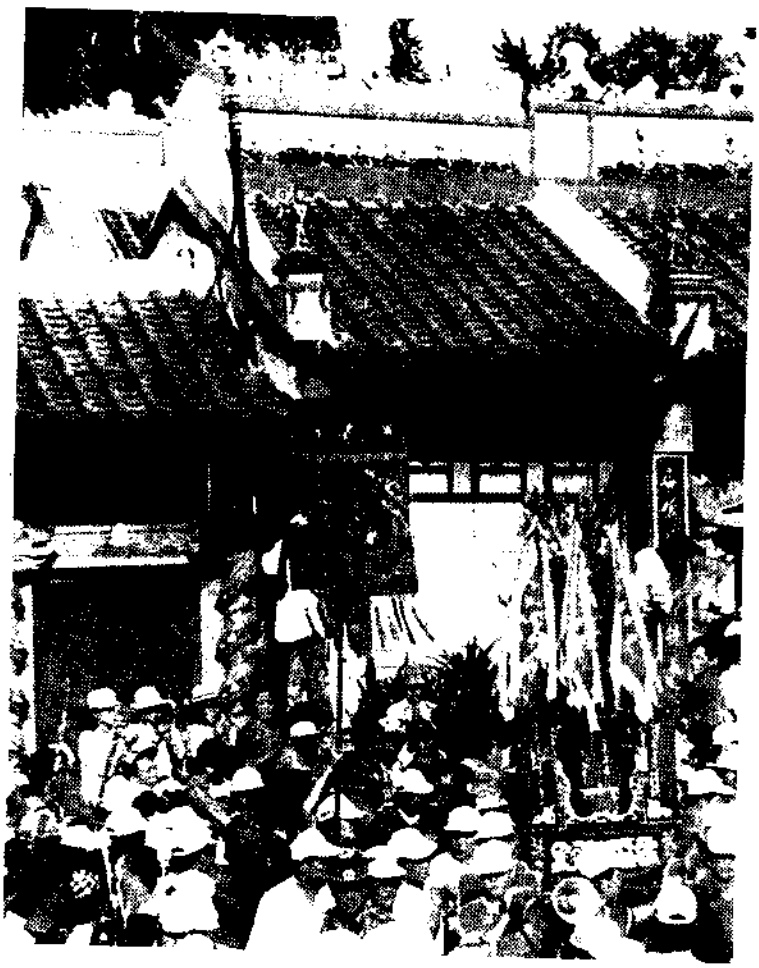

THỂ THAO BÌNH DƯƠNG

Trên đường vươn tới đỉnh cao

Những năm qua, phong trào thể thao quần chúng cũng như thể thao thành tích của tỉnh Bình Dương đang ngày càng phát triển sâu rộng và đạt được những thành tích cao. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, phong trào trở nên sôi động hơn với sự tham gia tài trợ của đông đảo các doanh nghiệp, doanh nhân không chỉ vì mục đích thương mại.

Nếu như những năm trước đây, tỉnh chỉ có hai bộ môn võ cổ truyền (từng đoạt nhiều huy chương vàng quốc gia) và bóng đá (vô địch Cúp quốc gia năm 1994) giành được những giải lớn, thì hiện nay Bình Dương đã có nhiều môn thể thao tham dự các giải quốc gia và quốc tế như Vovinam, Judo, Taekwondo, Karatedo, võ cổ truyền, thể hình, bida, bóng bàn, điền kinh, đua thuyền, bóng đá, cờ vua. Chỉ tính riêng trong năm 2002, các vận động viên Bình Dương đã đoạt 123 huy chương các loại tại các giải quốc gia, giải trẻ và giải khu vực, trong đó có 32 huy chương vàng, 37 huy chương bạc, 54 huy chương đồng gấp đôi năm 2001. Đặc biệt, các vận động viên cờ vua Bình Dương góp mặt trong đội tuyển trẻ quốc gia đã đoạt 3 huy chương vàng tại giải vô địch trẻ - thiếu niên nhi đồng Đông Nam Á lần thứ 3 tổ chức tại Xingapo; 1 Huy chương đồng tại giải vô địch Judo Đông Nam Á; 1 Huy chương vàng, 1 Huy chương bạc Taekwondo được tổ chức ngay tại Hàn Quốc, quê hương môn võ này.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động thể thao

Có được những kết quả đáng tự hào trên là cả một quá trình tập trung đầu tư, chỉ đạo và sự khổ luyện của các vận động viên. Với chức năng là những người quản lý ngành, lãnh đạo ngành thể dục - thể thao Bình Dương đã thường xuyên tham mưu cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh trong công tác chỉ đạo, xây dựng chương trình hành động, phối hợp, ký kết nghị quyết liên tịch với các ngành giáo dục và đào tạo, công an, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban quản lý các khu công nghiệp, ngành di dân, định canh - định cư, đài phát thanh - truyền hình để tổ chức các giải thi đấu thể thao, các hoạt động phong trào, tạo điều kiện cho người dân vui chơi giải trí, tham gia tập luyện thể thao trong cuộc vận động lớn "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Hiện nay, tỉnh có sân vận động với sức chứa 20.000 khán giả, một nhà tập thể thao đa năng, trên 30 sân quần vợt, 10 câu lạc bộ cầu lông, 15 câu lạc bộ bóng bàn, trên 20 hồ bơi, hơn 150 điểm tập các môn võ

Sân golf Sông Bé

thuật với trên 2.500 võ sinh tập luyện. Sở Thể dục - Thể thao cũng đang quản lý và chỉ đạo 6 liên đoàn thể thao, hội võ,... Công tác phối hợp với các ngành đang được thực hiện tốt, nhất là với ngành giáo dục và đào tạo, vì trường học là nơi phát hiện, ươm các mầm non, tài năng thể thao của tỉnh Bình Dương trong tương lai.

Thể thao quần chúng đang ngày càng phát triển. Hiện tại, toàn tỉnh có khoảng 15% dân số tham gia tập luyện thể thao thường xuyên, 8,5% số gia đình tập thể thao. Đó là do kết quả triển khai một số chương trình quan trọng, trong đó có Nghị định 73/NĐ-CP của Chính phủ về xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá - xã hội, trong đó ngành thể dục thể thao đã tạo ra những chuyển biến tích cực, đáng phấn khởi.

Có thể nhận thấy, vấn đề "xã hội hoá" hoạt động thể thao được thể hiện rõ trong các chương trình vận động tài trợ cho thể thao và những đầu tư mới do các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân tiến hành. Vài năm trước đây, việc tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao, các giải thi đấu đều trông chờ vào nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất phục vụ cho thi đấu ít ỏi, thiếu tiêu chuẩn, thậm chí lạc hậu. Còn đến thời điểm này, những câu lạc bộ, nhà tập (90% là do tư nhân, các tổ chức hội đoàn, các doanh nghiệp đầu tư kinh phí xây dựng, quản lý, ngành thể dục thể thao chỉ theo dõi, kiểm tra giám sát và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ) đều đủ tiêu chuẩn theo quy định, phục vụ hàng chục nghìn lượt người tham gia tập luyện. Đặc biệt hơn, toàn bộ các sân quần vợt, sân cầu lông trong nhà đều đảm bảo ánh sáng để tổ chức thi đấu vào ban đêm.

Khi thể thao có sự tham gia của các doanh nghiệp, doanh nhân

Việc tổ chức các giải thể thao diễn ra thường xuyên, dưới sự tài trợ của đông đảo lực lượng doanh nghiệp, doanh nhân. Đi đầu trong hoạt động này là Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh với việc vận động các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp tài trợ kinh phí để tổ chức các giải truyền thống mang tên Cúp Truyền hình Bình Dương như giải chạy việt dã 1/1; giải đua thuyền 30/4; giải đua xe đạp về nguồn; giải bóng đá nhi đồng vào tháng 6; giải bóng đá các đội mạnh; giải bóng đá U18 hàng năm với kinh phí hàng tỷ đồng. Tiếp đó, Công ty Thương mại Đầu tư Phát triển Becamex cũng thường xuyên tài trợ các giải quần vợt, giải bóng đá tuyển phong trào với mức kinh phí tài trợ lên đến hàng trăm triệu đồng/năm. Công ty Cấp thoát nước tổ chức hội thao ngành các tỉnh phía Nam với gần 40 đơn vị, trên 800 huấn luyện viên, vận động viên tham gia. Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cũng lần đầu tiên tổ chức 6 môn thể thao cho trên 500 vận động viên của gần 30 doanh nghiệp thuộc các khu công nghiệp của tỉnh đã bước đầu gây được tiếng vang. Ngoài các giải cấp tỉnh kể trên còn có nhiều giải truyền thống của các ngành như của Đoàn Thanh niên, công nhân viên chức của Liên đoàn Lao động, công an, giáo dục - đào tạo, y tế, bảo hiểm xã hội, ngân hàng, điện lực, bảo hiểm y tế, lao động - thương binh và xã hội,... với tổng kinh phí trên 500 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách nhà nước chiếm một tỷ lệ rất nhỏ.

Cùng với vận động tài trợ kinh phí tổ chức giải, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện thi đấu, một điểm thành công nữa trong công tác xã hội hoá thể thao, tuy mới chỉ là bước đầu còn phải tiếp tục hoàn chỉnh, đó là ngành thể dục - thể thao Bình Dương đã phối hợp với các doanh nghiệp cùng ngành bắt tay đầu tư chăm sóc các đội tuyển. Các doanh nghiệp sẽ đầu tư kinh phí xây dựng đội, giải quyết lương, thưởng, bố trí công an việc làm, tạo điều kiện học hành sau khi vận động viên nghỉ thi đấu; ngành thể dục - thể thao đầu tư đào tạo tuyển trẻ, cung cấp lực lượng dự bị cho tuyển tỉnh, chịu trách nhiệm chính về chuyên môn nghiệp vụ, về quản lý nhà nước.

Có thể mô hình này không mới đối với các tỉnh, thành khác, nhưng với một tỉnh nhỏ như Bình Dương thì đây là sự cố gắng lớn của ngành thể dục - thể thao và các doanh nghiệp trong tỉnh. Hiện nay, việc đội tuyển bóng đá được chuyển giao cho Công ty Thương mại Đầu tư Phát triển Becamex, Công ty Vật liệu xây dựng Bình Dương đầu

tư xây dựng đội bóng chuyền nam (vừa đoạt chức vô địch Cúp Truyền hình Kiên Giang có 8 đội tham dự), Nhà máy Toa xe Dĩ An xây dựng đội bóng chuyền nữ và bóng chuyền bãi biển nam (có tên trong 8 đội hàng đầu quốc gia), Công ty Cấp Thoát nước Bình Dương đầu tư đội xe đạp nữ và cầu lông là những động thái hứa hẹn một triển vọng mới cho ngành thể dục - thể thao Bình Dương.

Các kết quả và thành công bước đầu kể trên mà thể thao Bình Dương đạt được trong mấy năm gần đây từ phong trào thể thao quần chúng đến thể thao thành tích cao và công tác xã hội hoá thể thao là nguồn động viên, cổ vũ cho cán bộ ngành thể dục - thể thao tỉnh Bình Dương trên bước đường chuyên nghiệp hoá, tiến tới chinh phục những mục tiêu mà ngành đã đạt ra. Đồng thời, xây dựng các đội tuyển thể thao thành tích cao, có nhiều vận động viên trong các đội tuyển quốc gia, phấn đấu đứng thứ hạng từ 25 trở lên trong Đại hội Thể dục - Thể thao toàn quốc lần V (năm 2006). Để những mục tiêu này sớm trở thành hiện thực, hiện nay, tỉnh Bình Dương đang khẩn trương hoàn thiện công tác quy hoạch ngành thể dục - thể thao tỉnh đến năm 2010 và dự kiến thông qua lãnh đạo tỉnh phê duyệt trong năm 2003.

Tuy vậy, trước mắt, thể thao Bình Dương phải khắc phục và vượt qua những khó khan, thách thức về sân bãi, cơ sở vật chất ở những vùng sâu vùng xa, về trình độ năng lực chuyên môn còn hạn chế của đội ngũ cán bộ ngành, các cấp, về một số vấn đề cần phải nghiên cứu thêm trong xã hội hoá thể thao. Mong rằng, với cách nhìn mới của lãnh đạo tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, các doanh nghiệp và đông đảo tầng lớp quần chúng nhân dân về thể thao, cùng sự nhiệt tình, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong ngành, thể thao Bình Dương sẽ vững bước đi lên và đạt được những mục tiêu mới "nhanh hơn, cao hơn, xa hơn" trong thời gian tới.

BINH DUONG SPORTS

On the Way to their Pinnacle

Over the past few years, the movement of public sports and competitive sports in Binh Duong has been intensively developed and obtained high achievements. In particular, the movements have recently become more exciting thanks to the sponsorship from the mass enterprises and businessmen not only for the business purposes.

In the past, only two kinds of traditional martial art (many national golden medals) and football (Champion of the National Cup 1994) could achieved important prizes. Nowadays, there have been athletes from Binh Duong at the national and international prizes such as: Vovinam, Judo, Taekwondo, Karatedo, traditional kung fu, athletics, snooker, Ping-Pong, regatta, football and chess. In 2002 particularly, Binh Duong achieved 123 medals of different kinds at the national and regional competition and youth's champion, including 32 golden, 37 silver and 54 bronze medals, doubling those of the year 2001. Especially, Binh Duong chess delegation in the national young team have obtained three golden prizes at the third Southeast Asian youth and teenage Championship in Singapore, one bronze medal at the Southeast Asian Judo Championship, one golden and one silver medal for Taekwondo right in Korea - the motherland of this martial art.

Strengthening the socialisation of sport events

The above admirable achievements are the results of the long investment process, the direction of the authorities and the hard training of the players. The authorities of Binh Duong sport and physical education regularly consult the Provincial Committee of the Party and the Provincial People's Committee to direct, make action plans, co-operate and sign joint resolutions with education - training sector, police, Ho Chi Minh Youth Union, Vietnam Farmer Association, Women's Union, Labour Union, Vietnam Fatherland Front, Management Boards of the industrial zones, immigration, shifting and fixed cultivation, and the radio and television station to organise sports prizes and movements creating favourable conditions for the people to entertain and practice sports in the large-scaled movement "All the people follow Uncle Ho to exercise physical fitness".

At present, the province has a stadium capable of 20,000 seats, a versatile sports house, more than 30 tennis courts, 10 badminton clubs, 15 Ping-Pong clubs, over 20 swimming pools and more than 150 martial arts clubs with around 2,500 learners. Binh Duong Department of Physical Training and Sports is directing six sports leagues and martial art clubs. The co-operation, especially with the education and training sector (since schools are the cradles of many young sports talents) are smoothly running.

Public sports are progressively developing. There are now about 15 percent of the population and 8.5 percent of the households in the province regularly do physical exercises. That is the result of some important programs, including Decree No.73/ND-CP by the Government on the culture socialisation. The physical training and sports sector has remarkably made progresses.

It is easily to recognise that sports 'socialisation' is more visible in the campaigns for the sports sponsorship and new investment carried out by the private enterprise sector. Some years before, the organisation of physical training and sports activities as well as the sports events was much depended on the state's budget, the infrastructure for the competitions are insufficient and outdated, even do not meet the average standard. And now, clubs and sports houses (95 percent of which are invested by individuals, unions, organisations and enterprises, the physical training and sports sector only has to supervise professional skills) all meet the regulated standards, serving dozens of exercise doers. Especially, all tennis and badminton courts inside the house are equipped with enough lights for the competition in the evening.

Sports with the participation of enterprises and businessmen

Sports champions are regularly organised with the support from enter-

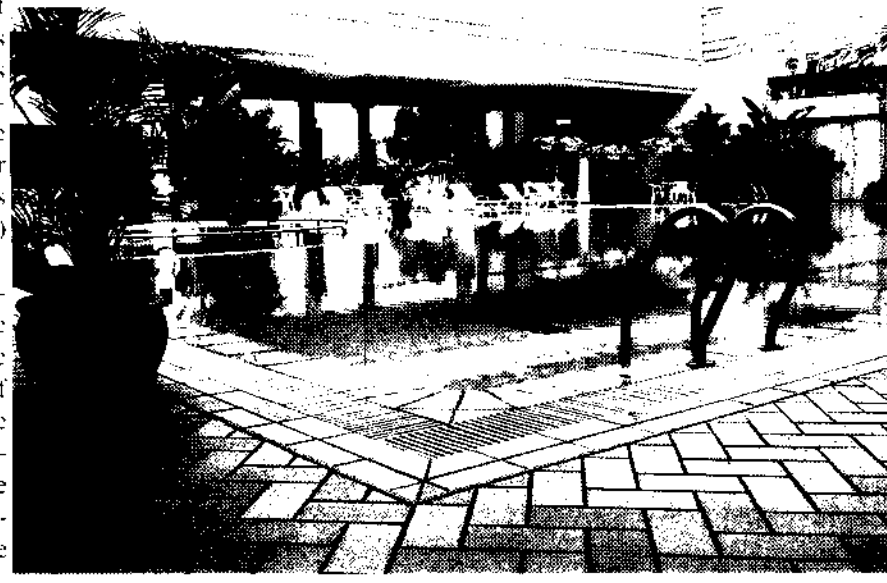

Swimming pool in Song Be Golf Court

prises and businessmen. Binh Duong Broadcasting and Television Station is leading the movement by convincing economic organisations and enterprises to sponsor the traditional prizes named Binh Duong Television Cub. Annually billions of dongs are invested in such competitions as Marathon January 1st, Regatta April 30th, bicycle prize in June, Children's football champion in June, and prizes for strong football teams in September and U18 football prizes in December. Becamex Commercial Development Investment Company annually sponsor hundred millions of dongs in tennis and popular football prizes. Water Supply Company held the "Games of the sector for the southern provinces" with nearly 40 teams and more than 800 coaches and athletes attending. Management Boards of Binh Duong industrial zones once successfully organised the Games with six sports for more than 500 athletes from around 30 enterprises. Apart from those provincial competitions, there are hundreds of annual traditional prizes of such sectors as the Youth Union, Labour Union, police, and the employees of those sectors like education and training, health, social insurance, banking, electricity, health insurance and agriculture. The total expenditures reach VND 500 million but the investment from the state's budget is a small amount only.

Another success in the sports socialisation, which need more improvement though, is the co-operation between the physical training and sports sector and the enterprises in caring for the sports teams. The enterprises will invest more in strengthening the teams, pay the salary and rewards and arrange employment for the sport-players as well as create favourable conditions for them to study after stopping their careers . The physical training and sports sector invests in training young players, supplying stand-by players for the provincial team and being in charge of the professional skills and management. This model may be not so new to other provinces or cities but to such a small province as Binh Duong, it demostrate the great efforts made by the physical training and sports sector and enterprises in the province. At present, the football team has been transferred to Becamex Company and Binh Duong Construction Materials Company is investing in setting up a men's volleyball team (which recently obtained the championship at Kien Giang Television Cub, defeating the other seven teams). Di An Railway Apartment Factory is building up the women's volleyball team and men's beach volleyball team (in the list of the eight national first-ranked teams). And, Binh Duong Water Supply Company is investing in the women's bicycle team and badminton team which are motivation promising a new prospect for Binh Duong physical training and sports sector.

The above - mentioned achievements of Binh Duong sports are the encouraging factors for the cadres and staff of the whole Binh Duong physical training and sports sector on the way pursuing its targets. Binh Duong is striving for strong sports teams with more members eligible for the national teams, attempting for position of the 25th at the fifth National Sports Festival (2006). In order to achieve these targets, Binh Duong is trying to complete the planning for the total physical training and sports sector until 2010 which is estimated to be approved by the province's leaders in early 2003.

However, Binh Duong sports should first overcome the challenges related to the infrastructure in remote areas and the staff's capacity of sectors and levels as well as the problems arisen during the sports socialisation process. Hopefully, with the new views of the local authorities and the mass people about sports, Binh Duong sports will make progressive developments to soon achieve the goal: "faster, higher and further".

Phần VIII

BÀI HỌC THÀNH CÔNG VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

Part VIII

SUCCESSFUL LESSONS AND RECOMMENDATIONS

Chương I. 10 BÀI HỌC THÀNH CÔNG

CÔNG TY CAO SU DẦU TIẾNG

Giữ mãi màu xanh cao su trên vùng đất anh hùng

Đã từ lâu, Dầu Tiếng trở thành cái tên rất đỗi tự hào của Bình Dương và cả nước. Trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chính nơi đây đã chứng kiến những trận đánh "kình hôn lạc phách" quân xâm lược. Những gương quả cảm của người công nhân Dầu Tiếng với khẩu hiệu "Năm thắt lưng địch mà đánh" đã đi vào lịch sử. Bước vào thời bình, Dầu Tiếng trở thành công trình hợp tác Việt - Xô với tình cảm hữu nghị sáng chói. Trong thời kỳ đổi mới, với chiến lược đầu tư đúng hướng, Dầu Tiếng đã từng đạt được 3 cái nhất trong ngành cao su Việt Nam, đó là chất lượng sản phẩm tốt nhất, sản phẩm được giá nhất và thu nhập của người lao động cao nhất. Và nếu như trong chiến tranh, Dầu Tiếng là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thì trong hoà bình, Dầu Tiếng là đơn vị anh hùng lao động. Hai danh hiệu vinh quang đó ngân lên như giai điệu bài ca "Tình đất đỏ miền Đông" của nhạc sĩ Trần Long Ẩn: "Trong đấu tranh người miền Đông anh dũng. Trong lao động người lại cũng anh hùng". Tập thể người lao động cao su Dầu Tiếng chính là hiện thân xứng đáng của lời ca ấy suốt hơn 85 năm qua.

Từ bến cảng Nhà Rồng của thành phố mang tên Bác theo sông Sài Gòn ngược lên thị xã Thủ Dầu Một, qua Bến Súc, tàu của du khách sẽ cập bến Cầu Tàu của vùng cao su Dầu Tiếng. Cũng là một màu xanh cao su miền Đông Nam Bộ nhưng không phải cao su đất đỏ bazan quen thuộc trong nếp nghĩ nhiều người, vùng cao su Dầu Tiếng là nơi có đất xám bình nguyên cấu tạo bởi đất phù sa cổ sinh trong lòng hai con sông Sài Gòn và Thị Tính. Vào năm 1917, trong thời thuộc Pháp, một công ty Pháp (Michelin) đã đặt chân đến đây và thành lập nên đồn điền cao su Dầu Tiếng. Trong những năm đầu thế kỷ XX ấy, từng đoàn nông dân nghèo khổ từ vùng Đồng bằng Châu thổ Bắc Bộ, từ những dải đất miền Trung chật hẹp và từ những cụm dân cư dọc lưu vực sông Sài Gòn đến trụ sở hãng Mechelin đưa ngón tay quệt mực điểm chỉ vào thẻ giao kèo tự nguyện trói chặt đời mình vào kiếp cu li.

"Vạn sự khởi đầu nan"

Không gì vui mừng hơn khi sau ngày giải phóng, người công nhân cao su Dầu Tiếng được làm chủ bản thân, làm chủ vườn cây cao su, làm chủ đồn điền sau hàng chục năm quần quại trong đau khổ, căm hận và đấu tranh không biết mệt mỏi. Sự đổi đời đó cũng đồng thời đặt ra trước mắt họ những thử thách lớn lao, trong đó mỗi bước đi đều gắn liền với những tháng ngày gian khổ hy sinh, không kém những gian khổ hy sinh thời kháng chiến. Những đợt mưa bom của địch nhằm ngăn chặn quân giải phóng từ Dầu Tiếng tiến về Sài Gòn đã phá hủy gần 60% phân xưởng, đánh sập gần 90% cơ sở làm việc của đồn điền. Ngày được đổi tên thành Nông trường quốc doanh Cao su Dầu Tiếng (1-5-1975), tổng số công nhân chỉ có 1.372 người. Trong khi đó, vào thời kỳ "hoàng kim" (năm 1957), số công nhân của đồn điền Dầu Tiếng vào khoảng 9.000 người.

Không bó tay trước khó khăn, tập thể cán bộ và công nhân nông trường không ngừng trăn trở nghĩ suy, tận dụng, phục hồi cơ sở vật chất cũ, trân trọng từng con ốc, lưỡi dao, lượm từng chiếc chén, máng kiếng. Phải mất hai tháng để gom góp, tích luỹ phụ tùng để từng cỗ máy rời rạc được lắp đặt trở thành dây chuyền phục vụ cho quy trình sản xuất. Ngày 1-7-1975, những sản phẩm đầu tiên ra đời sau thời gian dài khôi phục sản xuất là bằng chứng về khả năng làm chủ của công nhân, động viên, khích lệ họ từng bước đưa nhà máy đi lên.

Thời kỳ "dám nghĩ dám làm", "đổi mới toàn diện"

Ngày 21-5-1981 là mốc lịch sử đánh dấu sự đổi mới về quy mô của Cao su Dầu Tiếng. Từ một nông trường quốc doanh, Cao su Dầu Tiếng được nâng cấp thành

công ty và được đảm nhận công trình hợp tác với Liên Xô (trước đây) trồng mới 20.000 ha cao su trong kế hoạch 5 năm (1981 - 1985). Song một thực tế lúc đó là, bên cạnh những thành công đáng kể là những thất bại do thiếu kinh nghiệm trong quản lý kinh tế, trong phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và dư âm của cuộc chiến tranh còn âm ỉ. Nhìn thẳng vào sự thật từ những thất bại ấy chính là động lực giúp toàn thể cán bộ nhân viên nỗ lực vươn lên, đưa Công ty Cao su Dầu Tiếng bước sang một thời kỳ mới.

Công ty đã mạnh dạn đề bạt các cán bộ quản lý trẻ, có năng lực, đồng thời tập hợp đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, kể cả những chuyên viên giỏi của đồn điền Michelin thời trước. Hình thức khoán sản phẩm từ công tác khai hoang, ươm giống trồng mới đến khai thác, chế biến theo từng công đoạn, từng nhiệm vụ được áp dụng trên tất cả các nông trường, xí nghiệp của công ty đã thực sự khuyến khích năng lực sản xuất, tạo niềm tin, thống nhất tư tưởng, hành động cho công ty thực hiện thắng lợi bước đi ban đầu theo phương cách làm ăn mới. Ngày kỷ niệm 68 năm Cách mạng Tháng Mười Nga cũng chính là ngày Công ty Cao su Dầu Tiếng công bố hoàn thành kế hoạch 5 năm thực hiện Hiệp định Hợp tác Việt - Xô. Trong 5 năm (1981 - 1985), số cây cao su mà công ty đã trồng gấp ba lần số cây đã trồng trong 60 năm - đánh dấu một bước đi nhảy vọt.

Cùng với quyết tâm "dám nghĩ dám làm", từ năm 1988, Công ty Cao su Dầu Tiếng vững bước vào công cuộc đổi mới, thực hiện quyền tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh doanh. Trong điều kiện kinh tế thị trường thời mở cửa, công ty đã xác định vấn đề then chốt quyết định sự thành bại chính là chất lượng và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Muốn thực hiện được điều đó, công ty xác định phải mạnh dạn huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà máy với các trang thiết bị và công nghệ tiên tiến, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề có chuyên môn, nghiệp vụ cao để tiếp cận và làm chủ quy trình, công nghệ mới. Vì thế, công ty đã cử cán bộ tới nhiều nước có nền công nghiệp chế biến cao su phát triển trong khu vực và trên thế giới để khảo sát, tìm nhà đầu tư. Lần lượt ba nhà máy chế biến là Dầu Tiếng (công suất 14.000 tấn/năm), Long Hoà (công suất 12.000 tấn/năm) và Bến Súc đã được xây dựng, sản xuất được nhiều loại sản phẩm có chất lượng tốt như cao su khối (SVRL, SVR 3L, SVR5, SVR10, SVR20), cao su độ nhớt ổn định (SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, SVR20CV), cao su ly tâm (HA, LA). Các sản phẩm này đã khẳng định được uy tín tại thị trường nội địa và thế giới trong nhiều năm. Không những thế, thành công này còn cho thấy, việc đầu tư đổi mới thiết bị và công nghệ của công ty là chủ trương đúng hướng. Tại Hội nghị Tổng kết năm 1996, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cao su Việt Nam đã đánh giá: "Công ty Cao su Dầu Tiếng đã đạt được ba cái nhất: một là chất lượng sản phẩm tốt nhất, hai là xuất khẩu nhiều nhất và giá bán cao nhất, ba là thu nhập (lương - thưởng) của công nhân cao nhất ngành".

Để những dòng nhựa sống ngày hôm nay tiếp tục chảy

Hơn 15 năm đã trôi qua kể từ khi thực hiện chủ trương đổi mới, Công ty Cao su Dầu Tiếng liên tục giữ vững truyền thống là một trong những lá cờ đầu của ngành cao su Việt Nam. Những phần thưởng cao quý mà tập thể cán bộ công nhân viên công ty đạt được như danh hiệu Anh hùng Lao động cho thành quả của 10 năm đổi mới (1988 - 1998), các Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, Huân chương Chiến công chính là sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước trước những đóng góp to lớn về mọi mặt của công ty trong chặng đường qua.

Đến nay, về mặt tổ chức, công ty có 11 nông trường, 5 xí nghiệp, 9 phòng ban và 3 đơn vị trực thuộc khác. Kết thúc năm 2002, tổng diện tích vườn cây cao su kinh doanh của công ty là 28.388 ha với sản lượng khai thác 48.349 tấn. Công ty đã xuất khẩu được 45.544 tấn cao su (cả trực tiếp và uỷ thác xuất khẩu) tới hơn 30 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới như Đức, Pháp, Phần Lan, Đài Loan, thu về 33,8 triệu USD. Với kết quả này, công ty đã nộp ngân sách 141.993 triệu đồng, đem lại mức thu nhập 1.225 triệu đồng/người/tháng cho tổng số 12.308 lao động trong toàn công ty. Bên cạnh đó, Công ty Cao su Dầu Tiếng còn tạo nên một cộng đồng dân cư hoà thuận, khá sung túc, đùm bọc yêu thương và cùng hướng đến một mục tiêu chung là phát triển cây cao su Dầu Tiếng ngày càng đi lên.

Để gắn bó, tạo sức mạnh đoàn kết hướng tới mục tiêu chung, phương châm hoạt động mang tính sống còn, nhưng thật giản dị của công ty, như lời của ông Võ Văn Sứ - Phó giám đốc Công ty Cao su Dầu Tiếng, đó là: "Dầu Tiếng xác định dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thực hiện ba giảm, đó là tiền lương, chế độ chính sách, phân bón cho vườn cây" càng cho thấy rõ nét riêng trong hoạt động của công ty vốn đi lên từ mảnh đất Dầu Tiếng giàu truyền thống này.

Với những thành tích đã đạt được, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cao su Dầu Tiếng quyết tâm phát huy truyền thống cách mạng và quán triệt đường lối đổi mới của Đảng để vùng đất xám này luôn mãi xanh màu xanh của cây cao su, góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế chiến lược này của đất nước. Giờ đây, các thế hệ con em của Cao su Dầu Tiếng đang kế tiếp lớn lên. Trên hành trang của họ là lịch sử hào hùng của các thế hệ đi trước cũng như trách nhiệm tiếp nối và phát huy những thành quả đó ngày càng nở hoa kết trái.

Chapter I : 10 SUCCESSFUL LESSONS

DAU TIENG RUBBER CORPORATION

Assuring Everlasting Greenery in a Heroic Land

Since many years, Dau Tieng has been the pride of Binh Duong Province and of the entire country. During the two national resistance wars, the area was the theatre of striking actions from local residents against aggressors. The examples of Dau Tieng workers' courage expressed in their slogan "Firmly grasping the enemy's belt to combat" is a glorious page of history. During times of peace, Dau Tieng hosted a cooperation project between Vietnam and the former Soviet Union, a revealing example of the friendship between the two countries. During the economic renovation, due to sound investment strategies, Dau Tieng once achieved "three tops" in Vietnam's rubber industry, concerning best product quality, highest price and highest laborers' income. During wartime, Dau Tieng was a People's Armed Force Hero; in peacetime it is a Labor Hero. Those noble titles were evoked in the song "Tinh dat do mien Dong" (The love of the red soil of the eastern region) of famous musician Tran Long An. Dau Tieng Rubber Corporation human resource is the most vivid example of this song for the past 85 years.

Departing from Ho Chi Minh City's Nha Rong harbor and heading toward Thu Dau Mot town on the Saigon river, after crossing Ben Suc, visitors would cast anchor at Cau Tau wharf in the Dau Tieng rubber kingdom. Dau Tieng rubber trees are grown on gray soil plain in the valley of Saigon and Thi Tinh rivers, and not on traditional red basalt soil as many people believe. In 1917, under the French colony, the French firm Michelin settled in the area and founded the Dau Tieng Rubber Plantation. In the early 20th century, groups of poor farmers from the northern delta and central regions who were living scattered alongside the Saigon River delta came to Michelin headquarters to seek jobs, and voluntarily adopted a coolies' life forever.

It is the first step that costs

Today, Dau Tieng workers are the masters of their own life, of their rubber fields and rubber plantations after several dozen years of wrestling with miseries, resentment and seemingly endless fights. But this new life came after great challenges. Every new step was closely linked with days of hardships, no less arduous than those of the wartime. Continuous bomb raids aimed at stopping the advance of the liberators from Dau Tieng to Saigon (now Ho Chi Minh City) destroyed almost 60 percent of workshops, and demolished around 90 percent of the rubber plantation. Dau Tieng plantation was transformed in Dau Tieng rubber State-owned farm in May 1, 1975. At that time, the newly established farm consisted of merely 1,372 workers, whereas the number of workers at the plantation reached around 9,000 during its glorious period (1957).

Not scared by difficulties, the farm's entire staff mulled over the question of what to do to restore its operations and bring it back to its former glory. From there, every possible measure was taken. It took two months to restore the production process and the first products were marketed on June 7, 1975, resulting of the gigantic efforts of the farm's staff.

The period of " bold thoughts and actions" and "overall reforms"

May 21, 1981 marked a turning point in the operational scale of Dau Tieng State-owned rubber farm. The farm was upgraded into a company and launched a cooperative project with former Soviet Union to plant an additional 20,000 hectares of rubber within a five-year plan (1981-1985). As a practical matter, alongside achievements were also failures due to the lack of experience in economic management, as well as the war aftermath. Lessons drawn from such failures were a motivating force to help Dau Tieng Rubber Corporation step into a new chapter of development.

Young and capable management officials were appointed to hold leading positions. Scientific and technological staff, including those working at the former Michelin plantation was invited to work. And contracting was widely applied throughout farms and enterprises under the company. It was applied in land exploitation, sapling cultivation, exploitation, and processing phases. Dau Tieng Rubber Corporation announced the completion of the five year cooperative plan coinciding with the 68th anniversary of the Russian October Revolution. In five years (1981-1985), the number of rubber trees grown by the company tripled the total amount of trees planted over the past 60 years: a great leap forward.

Since 1988 Dau Tieng Rubber Corporation has entered a renovation course, exercising a high sense of self-control in production and business. In the market economy, the company has defined product quality and salability as key factors for corporate success. To achieve this target, the company has taken bold steps in mobilizing capital from diverse sources to update its factories with modern equipment, invest in the latest technology, and build a contingent of professionally qualified engineers and laborers who can master new technological processes. The company sent missions of engineers and technicians to countries with developed rubber industry in the region and the world for market surveys as well as for seeking potential investors. Three rubber factories: the Dau Tieng Factory (annual capacity of 14,000 tonnes), Long Hoa Factory (annual capacity of 12,000 tonnes) and Ben Suc were built to produce high quality rubber items such as block rubber (SVR1, SVR 3L, SVR5, SVR10 and SVR20), rubber with stable rate of viscosity (SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, and SVR20CV) and centrifugal rubber (HA, LA). Those quality products are now established on the domestic and foreign markets since years. Further, the company's success has proved the accuracy of its intensive investment plans into equipment and technological innovation. At the year-end meeting of 1996, Vietnam Rubber Corporation General Director commented, "Dau Tieng Rubber Corporation achieved three tops of best services quality, highest export volume and highest price and sector's highest laborers' income."

To multiply success

Since Vietnam entered the economic renovation course more than 15 years ago, Dau Tieng Rubber Corporation has often been one of the leading units in Vietnam's rubber industry. Notable awards given to the company till today include Labor Hero title for its achievements during 10 years of economic renovation (1988-1998), Independence Decorations, Labor Orders and Medals for Feats of Arms. Those acknowledge the company's great contributions to the national development cause.

Presently, Dau Tieng Rubber Corporation includes 11 farms, 5 enterprises, 9 sections and departments and 3 affiliated units. By the end of 2002, the company's total area ready for exploitation was 28,388 hectares with an exploitation output of 48,349 tonnes. The company has exported 45,544 tonnes of rubber (under both direct and consigned export modes) to more than 30 countries and regions worldwide including Germany, France, Finland, and Taiwan, generating US$33.8 million in total export revenue. As much as VND 141,993 million was contributed to State coffers. The company's human resource now consists of 12,308 laborers with an average per capita income of VND1.225 million a month. Dau Tieng Rubber Corporation has created a harmonious and prosperous community carrying the common objective of stepping up the development of Dau Tieng rubber.

In a bid to maintain its cohesion for the successful achievement of its common objective, the company closely follows the principles: "in any situation, Dau Tieng will manage not to cut down workers' wage, neglect the implementation of labor regimes and policies and reduce the amount of fertilizers in cultivating rubber tree," says company's Deputy Director Vo Van Su.

With what has been achieved, the entire staff of Dau Tieng Rubber Corporation is committed to maintain the revolutionary tradition and strictly follow the Party's renovation course aiming at maintaining everlasting greenery on its rubber fields. Dau Tieng successive generations will carry on the tradition of their predecessors, turning that land into a thriving location.

CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ (THALEXIM)

Sức vươn trong thời kỳ mới

Là một tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía nam, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Bình Dương đã từng bước thay da đổi thịt và ngày càng thu hút nhiều dự án đầu tư trong cũng như ngoài nước. Với sáu đơn vị thành viên được tổ chức theo mô hình công ty mẹ và con, Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Thanh Lễ (Thalexim) đã có bước chuyển mình ngoạn mục, từ một đơn vị có quy mô nhỏ trở thành một đơn vị nhà nước điển hình của tỉnh, với mức doanh thu hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

Ở thập niên 90 của thế kỷ XX, mỗi khi nói đến Thành Lễ, người ta biết ngay đó là một đơn vị gắn liền với mặt hàng rất nổi tiếng của đất Thủ Dầu Một, đó là sản phẩm sơn mài. Để bắt kịp xu thế phát triển của thị trường trong thời kỳ mới, Thành Lễ không chỉ sản xuất một mặt hàng mà đã mở rộng quy mô hoạt động sang nhiều lĩnh vực khác dưới tên gọi mới: Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Thanh Lễ (Thalexim)

Bà Đào Thị Thanh Nguyên
Tổng Giám đốc Công ty Thanh Lễ

Vượt khó bằng đa dạng hoá hoạt động

Nền móng cho sự phát triển của Công ty Thanh Lễ bắt đầu từ Xí nghiệp quốc doanh Sơn mài Thanh Lễ (thành lập năm 1991). Lúc đó, xí nghiệp sơn mài đang hoạt động kém hiệu quả, trong khi lực lượng lao động lại quá đông, nếu không có hướng giải quyết kịp thời, rất dễ dẫn đến thất bại. Năm 1994, do không có kinh nghiệm làm sơn mài nên công ty không tập trung vào sản xuất. "Nhưng do sơn mài vốn là mặt hàng nổi tiếng của Thanh Lễ từ lâu, ông chủ làm nghề này trước đây lại rất có uy tín, nên công ty vẫn muốn duy trì để tiếp tục kinh doanh bằng cách giao từng công đoạn của thành phẩm cho một số cơ sở sản xuất sơn mài nổi tiếng ở địa phương, sau đó tập trung lại để bán" - Bà Đào Thị Thanh Nguyên - Tổng Giám đốc Công ty

Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ kể lại: Được sự thống nhất của ban lãnh đạo công ty, Thành Lễ quyết định mở thêm một lĩnh vực hoạt động với mục đích phụ trợ thêm cho ngành sơn mài đang lao đao, đó là kinh doanh xăng dầu. Sau một thời gian hoạt động, lĩnh vực mới mẻ này đã mang lại hiệu quả rõ rệt và trở thành mảng kinh doanh chính của công ty hiện nay. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ với sức chứa 32.000 m^3, có khả năng cung cấp đủ cho mạng lưới tiêu thụ đang được trải rộng từ thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước đến Long An, Kiên Giang...

Từ hiệu quả kinh doanh trên, năm 1993, công ty tiếp tục được Nhà nước giao quản lý thêm Công ty Lương thực (cũ) của tỉnh, trong đó có Xí nghiệp Chế biến hạt điều khô với 2.500 lao động. Lúc bấy giờ, do ít người sản xuất, lại ở gần vùng nguyên liệu nên lợi nhuận mang lại từ sản xuất hạt điều tương đối cao, mức sản lượng không ngừng gia tăng. Nhưng sau khi tách tỉnh, vấn đề thu mua nguyên liệu gặp rất nhiều khó khăn do vùng nguyên liệu sản xuất hạt điều thuộc về tỉnh Bình Phước, năng suất vì thế bị giảm xuống rõ rệt. Thêm vào đó, số công nhân ngành này lại quá đông mà sự cạnh tranh với các nước xuất khẩu hạt điều lớn như Braxin, Ấn Độ... đang diễn ra rất gay gắt, khiến cho công ty một lần nữa rơi vào tình trạng khó khăn chồng chất. Nhưng lúc bấy giờ do một số đơn vị sản xuất hạt điều ở Bình Phước hoạt động không hiệu quả, nên tình trạng khan hiếm đầu vào được khắc phục. Hiện nay, Xí nghiệp Chế biến hạt điều, một đơn vị thành viên của công ty hiện đang hoạt động rất hiệu quả, trung bình năng suất đạt 10.000 tấn/năm, xuất khẩu sang các thị trường chính như Trung Quốc, Ôxtrâylia, Đài Loan, Mỹ, Anh, Hà Lan.

Sự ra đời của Xí nghiệp giày Liên Việt (năm 1994) với năng suất 1,2 - 1,5 triệu đôi/năm và Xí nghiệp Giày Việt Lập (năm 1995) với năng suất 2 - 2,5 triệu đôi/năm là một bước tiến mới trong hoạt động của doanh nghiệp. Chuyên sản xuất giày vải, giày da các loại, sản phẩm giày của Công ty Thanh Lễ đã tạo được uy tín lớn tại thị trường trong nước và ngoài nước, đặc biệt là với đối tác Đài Loan. Cùng với xưởng lưỡi câu mà công ty đang gia công cho đối tác JSP Corporation - Nhật Bản, hai xí nghiệp giày này đã góp phần giải quyết và tăng thu nhập cho hàng nghìn lao động, thu nhập bình quân khoảng 1,5 triệu đồng/người/tháng.

Thành công trong lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng

Bằng chính sách thông thoáng cởi mở, Bình Dương hiện là địa phương thu hút nhiều dự án đầu tư nhất so với một số tỉnh lân cận. Rất nhiều khu công nghiệp đã và đang được xây dựng dưới sự hợp tác của các chủ đầu tư trong nước và ngoài nước. Đây là cơ hội để Thanh Lễ một lần nữa thử sức trong lĩnh vực hoàn toàn mới với vai trò là chủ đầu tư Khu công nghiệp Sóng Thần I rộng 180ha nằm tại huyện Dĩ An - Bình Dương.

Bà Đào Thị Thanh Nguyên cho biết: "Sóng Thần I là một trong những khu công nghiệp ra đời đầu tiên của tỉnh. Vì thế, trong thời gian đầu, công ty đã gặp không ít khó khăn, đặc biệt là vấn đề giải tỏa mặt bằng và tiền vốn. Để giải quyết vướng mắc trên, công ty cần khoảng 40 tỷ đồng, trong khi ngân hàng lại không cho vay, còn ngân sách trung ương thì phải hoàn thành xong dự án mới được duyệt".

Trước tình hình đó, công ty buộc phải huy động tối đa nguồn vốn sẵn có từ hoạt động kinh doanh xăng dầu và sơn mài để hỗ trợ công tác di dời. Bằng hình thức cuốn chiếu, xây dựng dần từng lô một, hoạt động của công ty bước đầu đã mang lại hiệu quả. Cùng lúc đó, Nhà nước có chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp, công ty đã được tỉnh hỗ trợ kịp thời và tạo mọi điều kiện thuận lợi để sớm hoàn thành dự án. Đến nay, diện tích đất cho thuê sử dụng ở khu công nghiệp này đã lấp đầy khoảng 89%.

Sự ra đời nối tiếp của Khu công nghiệp Bình Đường (huyện Dĩ An - Bình Dương) với tổng diện tích 26 ha một lần nữa đem lại thành công cho Thanh Lễ khi 83,7%

Các chỉ tăng trưởng giai đoạn 2000 - 2002

Chỉ tiêu	ĐVT	2000	2001	2002
Doanh thu	tr.đồng	1.754.522	2.266.887	
Lợi nhuận	tr.đồng	45.13	121.801	
Nộp ngân sách	tr.đồng		23.206	
Lao động	Người			4.700

Nguồn: Công ty Xuất nhập khẩu Thanh Lễ

diện tích của khu công nghiệp này đã được đưa vào sử dụng. Bà Đào Thị Thanh Nguyên cho biết thêm: "Ngày càng nhiều doanh nhân nước ngoài đến làm ăn tại Việt Nam nên giữa các khu công nghiệp trong tỉnh và một số tỉnh lân cận đang diễn ra sự cạnh tranh lớn, đòi hỏi chúng tôi phải có những chính sách phù hợp và tích cực hơn nữa để thu hút các nhà đầu tư. Trong thời gian tới, bằng những chính sách ưu đãi, thuận lợi trong các thủ tục hành chính, chúng tôi hy vọng, diện tích cho thuê ở các khu công nghiệp này sẽ sớm được lấp đầy".

Hơn 10 năm hoạt động, Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Thanh Lễ đã khẳng định được bước đi đúng đắn trong thời kỳ mới, với mức tăng trưởng ngày càng mạnh mẽ. Năm 2001, Thanh Lễ là đơn vị tiêu biểu nhất của tỉnh, hiệu quả sản xuất kinh doanh cao với doanh thu 2.266,8 tỷ đồng, đạt 128,61% so với kế hoạch, tăng 34% so với năm 2000. Theo đánh giá của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, đạt được kết quả trên là do công ty đã khai thác được thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (chiếm 91,16% tổng doanh thu) và đa dạng hoá các ngành nghề kinh doanh nhằm phụ trợ lẫn nhau. Với các lĩnh vực hoạt động khác như chế biến hạt điều, kinh doanh cơ sở hạ tầng... công ty đã thu mua dự trữ đủ để sản xuất trước những đột biến về giá cả và đang tích cực tìm đối tác để thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư.

Trải qua nhiều khó khăn nhưng Thanh Lễ đã biết tận dụng thời cơ để phát triển, sức bật của công ty đã tạo bước chuyển biến mới trong quá trình đa dạng hóa chức năng và nhiệm vụ của một doanh nghiệp nhà nước trong thời kỳ mới - thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế mà Bình Dương đang là nơi hội tụ những thế mạnh phát triển.

Head office of the company is located in the building of Binh Duong Enterprise Association

THANH LE IMPORT - EXPORT TRADING CORPORATION (THALEXIM)

Strengths in the New Periods

Located in the Southern key economic Region and with the due consideration of the Party and State, Binh Duong has been progressively changing its image, attracting more and more domestic and foreign investment projects. With six inferior units organised in the model of parent companies with subsidiaries, Thanh Le Import - Export Trading Corporation (THALEXIM) has made spectacular changes from a small-scale enterprise to a typical state-run enterprise of the province with the annual revenue of hundreds of billions dongs.

In the last decade, people used to remind Thanh Le as a famous enterprise of lacquer in Thu Dau Mot. To catch up with the new pace of the market development, Thanh Le expanded its operation scale with some other businesses under a new name: Thanh Le Import - Export Trading Corporation (THALEXIM).

Surmounting difficulties with business diversification

Thanh Le Lacquer state-run enterprise established in 1991 and laid the first foundation of the present Thanh Le. During the time, the lacquer enterprise was working ineffectively with a bulky labour force, which would lead to fails without the timely solutions. In 1994, due to the inexperience in lacquer production, the company stopped focussing on that. "However, as lacquer had been a famous product of Thanh Le for a long time, the company did not give up but tried to maintain the business by entrusting the local famous lacquer producers with certain parts of the products so as to collect and sell later." - said Dao Thi Thanh Nguyen, General Director of the company.

With the agreement of the company's leaders, Thanh Le decided to enter new business line with the aim to at support the lacquer production that is petrolimex trading. After some time, this new function has brought about economic efficiency and has become the present business of the company. Chanh My general store of PETROLIMEX with the capacity of 32,000 cu.m can supply enough for the consumption networks ranging from Ho Chi Minh, Binh Duong, Dong Nai, Binh Phuoc to Long An and Kien Giang.

With the business achievements, the company was entrusted with the old provincial Food Company including dry cashew with 2,500 employees in 1993. Thanks to the few producers and the adjacency of the material area, the company has achieved high profits with the rapid increase in productivity. After the separation of the province, it became very difficult for company to buy materials because the material area of cashew belonged to Binh Phuoc, which resulted in a great drop in production. In addition, the bulky employment, the intense competition with big exporters of cashew like Brazil, India once again put the company into the situation of piled-up difficulties. Luckily, since some cashew producers in Binh Phuoc were operating ineffectively, the problem of materials was then overcome. At present, cashew processing enterprise, an inferior unit of Thanh Le is working very well with the annual production of 10,000 tonnes and exporting its products to the main markets like China, Australia, Taiwan, England and the Netherlands.

The establishment of Lien Viet Shoes Factory in 1994 with the capacity of 1.2-1.5 million pairs per year and Viet Lap Shoes Factory in 1995 with the capacity of 2.0-2.5 million pairs per year is new significant progress of the company. Specialising in the production of cloth and leather shoes of different kinds, Thanh Le has created the prestige of the products in the domestic as well as foreign

markets, especially to Taiwanese partners. Lien Viet and Viet Lap Shoes factories and the fishing hook processing factory that is subcontracting for JSP Corporation (Japanese) has made great contributions to the employment creating income increase for thousands of people (the monthly income is about VND1.5 million per person).

More achievements with its infrastructure investment

With its open policies, Binh Duong can attract more investment projects than any of its neighbouring provinces could do. Many industrial parks have been built with the co-operation of the domestic and foreign investors. This is also a good opportunity for Thanh Le to make another trial with this absolutely new field as the investor of Song Than I Industrial Park (Di An district, Binh Duong province), one of the first industrial parks in Binh Duong with an area of 180 hectares.

"Song Than I is one of the first industrial parks in the province, the company confronted great difficulties, especially in site clearing and capital. It was necessary to have VND 40 billion, but the bank did not lend and the loan from the state's budget can only be approved after the completion of the project"- said Dao Thi Thanh Nguyen, General Director of Thalexim.

In such a situation, the company had to make a maximum mobilisation of the available capitals from the business of petrolimex and lacquer trading to assist the site clearing. Gradually building block by block, the company started to achieve good results. At the same time, the State adopted the open-door policy to lure the foreign investment for industrial parks, the company was timely assisted with favourable conditions to fulfil the project. So far, the rented land in Song Than I Industrial Park is about 89 percent.

The following establishment of Binh Duong Industrial Park in Di An district, Binh Duong, with the total area of 26 hectares brought more success to Thanh Le, when 83.7 percent of the park has been covered. "More and more foreign entrepreneurs coming to Vietnam, which results in a severe competition between the industrial parks in the province in particular and amongst provinces in general, which requires us to have appropriate and more positive policies to lure the investors. With the preferential policies and facilitated administration procedures, we hope that our industrial parks will soon be covered with projects." - added Dao Thi Thanh Nguyen.

Over 10 years operating, Thanh Le General Import - Export Trading Corporation has asserted its right steps in the new era with the rapidly increasing growth. In 2001, Thanh Le was the most typical enterprise of Binh Duong with the business and production revenue of VND 2,266.8 billion, achieving 128.61 percent planed and increasing by 33.95 percent that in 2000. According to the assessment of the Binh Duong People's Committee, that achievement was thanks to the company's effective mobilisation of petrol trading, which accounts for 91,16 percent of the company's total revenue, as well as the business diversification. Regarding such businesses as cashew processing and infrastructure trading, the company has stored enough materials for its production in case there would be some sudden changes in prices, and actively seeking for partners in order to lure more investors.

Confronting so many difficulties, but Thanh Le has found the right way to seize the chances for its development, diversifying functions and responsibilities of a state-run enterprise in the new period in the international integration when Binh Duong is a rendezvous of the development strengths.

Growths of Thanh Le General Import- Export Trading Corporation in 2000 - 2003

Indices	Unit	2000	2001	2002
Revenue	VND mil.	1,754,522	2,266,887	
Profit	VND mil.	45,13	121,801	
Budget contribution	VND mil.		23,206	
Employees	People			4,700

Source: Thanh Le Import - Export Trading Corporation

CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG

Khẳng định bản lĩnh và vị thế của một doanh nghiệp nhà nước

Với sự chuyển mình mạnh mẽ, Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương đã trở thành một trong những doanh nghiệp nhà nước lớn nhất tỉnh Bình Dương. Hiện nay, công ty có 4.200 cán bộ công nhân viên, tổng số vốn là 271 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Hơn 20 năm đã qua, giờ đây, những năm tháng vật lộn với mặt hàng dép xốp xuất khẩu để xây dựng nền móng vững chắc cho những thành công của ngày hôm nay chỉ còn lại trong ký ức của số ít người đã gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập.

Trưởng thành từ một cơ sở sản xuất nhỏ

Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương là doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1982 với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp Sản xuất hàng Cao su 3-2 Sông Bé. Tại thời điểm đó, xí nghiệp có 82 cán bộ công nhân viên và số vốn (tính theo đơn giá cũ) là 4 triệu đồng. Mặt bằng dành cho phát triển sản xuất rộng 17.900 m^2 do một cơ sở trại gà của tư nhân chuyển nhượng lại.

Tuy vốn liếng ít ỏi, nhưng rồi các công trình thiết yếu như đường điện cao thế, nhà xưởng, kho nguyên liệu, v.v... cũng dần mọc lên. Thời gian đầu, mặt hàng chính của xí nghiệp là sản xuất dép xốp xuất khẩu sang Liên Xô (trước đây) và các nước Đông Âu như Cộng hoà Dân chủ Đức (trước đây), Ba Lan, Tiệp Khắc (trước đây). Ngoài ra, xí nghiệp còn tận dụng các phế liệu của dép xốp sản xuất tấm lợp làm vật liệu lợp nhà tiêu thụ tại thị trường nội địa. Trong giai đoạn đầu, thị trường khá ổn định, kinh doanh hiệu quả đã tạo nguồn tích luỹ dồi dào cho công ty.

Nhưng đến cuối những năm 1980, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ khiến mặt hàng dép xốp của xí nghiệp đứng trước nguy cơ mất đi thị trường lớn, truyền thống. Song cũng chính trong cơn "bĩ cực" lại hé mở những triển vọng mới, lịch sử công ty bước sang trang mới, nói cách khác công ty đã có sự thay đổi mang tính bước ngoặt, đó là chuyển hướng sản xuất - kinh doanh từ mặt hàng dép xốp và tấm lợp sang kinh doanh đa ngành nghề.

Theo đó, dựa vào ưu thế tỉnh Sông Bé (cũ) có trữ lượng lớn rừng lồ ô, tre nứa, nguồn nguyên liệu quan trọng cho sản xuất đũa tre xuất khẩu, ban giám đốc đã nhanh chóng chuyển hướng đầu tư, thành lập xưởng sản xuất đũa tre, đồng thời mở thêm xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, châu Âu... Bên cạnh đó, xí nghiệp cũng mạnh dạn thành lập nông trường trồng cây xuất khẩu để giải quyết việc làm cho công nhân.

Đổi mới mặt hàng sản xuất chủ lực và thị trường xuất khẩu đã đem lại sự tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt là về quy mô sản xuất. Để phù hợp với tình hình mới, đến năm 1989, xí nghiệp đã được nâng lên thành Liên hiệp Xí nghiệp Sản xuất hàng xuất khẩu Sông Bé. Các xưởng sản xuất cũng được đầu tư nâng cấp thành các xí nghiệp trực thuộc. Sự chuyển hướng đúng đắn kịp thời của ban lãnh đạo công ty đã tạo ra một sức bật mới, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đồng thời bước đầu mang lại lợi nhuận cho công ty, góp phần tăng thu ngoại tệ cho ngân sách tỉnh.

Để phù hợp với tình hình sản xuất và quy mô phát triển của đơn vị, năm 1990, doanh nghiệp được đổi tên thành Liên hiệp Xí nghiệp Sản xuất và Xuất nhập khẩu Sông Bé. Tiếp theo đó, năm 1992, thực hiện chủ trương sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ, xí nghiệp được chính thức mang tên mới: "Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Sông Bé".

Liên doanh - hướng đi mang lại hiệu quả kinh tế cao

Cùng với phát huy nội lực, năm 1991, xí nghiệp đã quyết định cùng với Công ty Koike và Công ty Mutsumi của Nhật Bản thành lập liên doanh sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực chế biến gỗ KPM với tổng số vốn đầu tư 1,2 triệu USD. Đây là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được cấp phép và đi vào hoạt động tại tỉnh Sông Bé, đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ, đưa xí nghiệp trở thành điểm sáng trong hợp tác quốc tế.

Đến năm 1992, công ty lại chung vốn với Công ty TCI Trading Pte. Ltd Singapore, thành lập Công ty Liên doanh Sân Golf Palm Sông Bé đạt tiêu chuẩn quốc tế. Đây là công ty nước ngoài thứ hai đầu tư vào tỉnh Sông Bé với tổng vốn đầu tư 28 triệu USD, tạo tiền đề thu hút các doanh nhân trong và ngoài nước đến đầu tư tại địa phương. Không dừng lại ở đây, năm 1994, công ty tiếp tục hợp tác với đối tác Hà Lan thành lập Công ty Liên doanh Trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm và Nước giải khát Dutch Lady Việt Nam (Công ty Foremost) với tổng vốn đầu tư 49,5 triệu USD.

Tính từ khi hoạt động đến nay, các chỉ tiêu kinh tế của các liên doanh không ngừng tăng, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương. Trong đó, Công ty Liên doanh Sân Golf Palm nộp vào ngân sách nhà nước 47 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 500 lao động; Công ty Formost góp hơn 958 tỷ đồng và giải quyết việc làm cho gần 800 lao động. Không chỉ có vậy, các liên doanh của công ty được thành lập và hoạt động hiệu quả trong thời điểm bấy giờ được xem là hướng đi mới, tăng lượng hàng xuất khẩu, đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho người lao động với mức thu nhập ổn định.

Khi đã trở thành một doanh nghiệp bề thế

Năm 1997, khi Sông Bé được tách thành 2 tỉnh mới là Bình Dương và Bình Phước, công ty thực hiện lần đổi tên cuối cùng với tên mới: "Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương" theo Quyết định số 538/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đến nay, công ty quản lý một hệ thống 6 đơn vị trực thuộc, gồm có Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu, Xí nghiệp Chế biến Lâm sản xuất khẩu 3-2, Xí nghiệp Nước đá và Cơ điện 3-2, Xí nghiệp Giấy Vĩnh Phú, Xí nghiệp Cao su Bến Cát và Nông trường Trồng cây Xuất khẩu Phước Long. Trong đó, thế mạnh xuất khẩu là các sản phẩm may mặc, chiếm 50% doanh số của toàn công ty (năm 2002 đạt khoảng 14,5 triệu USD); kế đến là sản phẩm gỗ gia dụng (năm 2002 đạt 8,6 triệu USD).

Một số chỉ tiêu tăng trưởng năm 2002

1) Tổng số vốn hiện nay: 271 tỷ đồng
2) Lợi nhuận: 72,5 tỷ đồng
3) Nộp ngân sách: 31 tỷ đồng
4) Tốc độ tăng trưởng bình quân: 20%/năm
5) Doanh thu nội địa: 43 tỷ đồng
6) Kim ngạch xuất khẩu bình quân 22 triệu USD/năm
7) Kim ngạch nhập khẩu bình quân 12 triệu USD/năm
8) Khả năng xuất siêu bình quân: 10 triệu USD/năm

Để tăng quyền tự quyết cho các đơn vị thành viên, hiện nay, công ty đã cho phép lãnh đạo các xí nghiệp chủ động tìm kiếm mở rộng thị trường; tìm hiểu thị hiếu và tập quán tiêu dùng của từng quốc gia, nhất là các thị trường mới; xác định khuynh hướng của từng thị trường, trên cơ sở đó lập kế hoạch thiết kế mẫu mã sản phẩm, đảm bảo chất lượng hàng hóa, thời gian giao hàng. Động thái này đã giúp các đơn vị tạo được uy tín nhất định đối với khách hàng các nước và các đơn vị đối tác. Bên cạnh đó, công tác chăm lo đời sống và quyền lợi cho người lao động cũng được chú trọng. Các chính sách về thu nhập, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, xây nhà ở tập thể miễn phí cho hàng nghìn lao động ở xa, tổ chức xe đưa đón những lao động ở gần được thực hiện tốt.

Nói về sự thành công của công ty, Tổng giám đốc - ông Nguyễn Văn Minh cho biết: "Đi lên từ đơn vị có quy mô sản xuất nhỏ, đến nay, công ty đã trưởng thành và trở thành doanh nghiệp lớn, nguồn vốn hoạt động được bảo toàn và tích lũy. Đó là thành quả chung của tập thể người lao động trong công ty. Đảng bộ, Ban giám đốc sẽ tiếp tục phát huy thành quả chung của tập thể bằng biện pháp từng bước đầu tư đổi mới và hiện đại hóa công nghệ sản xuất. Đầu tư đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên có đủ trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong sự phát triển của nền kinh tế đất nước, vì lợi ích của người lao động".

Bằng sự đoàn kết nhất trí của tập thể cán bộ nhân viên, cộng với đội ngũ kỹ sư giỏi, công nhân có tay nghề cao đã tiếp thu và làm chủ kỹ thuật, công nghệ hiện đại, có nhiều sáng kiến, cải tiến trong lao động, Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương đã trở thành một trong những doanh nghiệp nhà nước lớn nhất tỉnh Bình Dương. Hiện nay, công ty có 4.200 cán bộ công nhân viên, tổng số vốn là 271 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm, xứng đáng là một trong những đơn vị dẫn đầu về hiệu quả hoạt động trong số 53 doanh nghiệp nhà nước hiện có tại tỉnh Bình Dương và khẳng định được thế đứng vững chắc trong cơ chế kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt.

BINH DUONG IMPORT-EXPORT & PRODUCING COMPANY

Affirming the image of a State-owned Enterprise

With a vigorous innovation, Binh Duong Import-Export & Producing Company is now becoming one of the leading state-owned Enterprises of Binh Duong province. Currently, the company has 4.200 staffs with the total capital of VND 271 billion and an average growth rate of 20% per year. It was 20 years since the first days the company started its hard business with foam rubber sandal products to build up a solid foundation for their success today.

Growing up from a small producing workshop

Binh Duong Import-Export and Producing Company was a small state-owned business established in 1982 with the former name : Song Be 3-2 Rubber Product Producing Enterprise. At the first time, the enterprise had only 82 staffs with the capital of VND 4 millions (old price). The production area was 17.900 sq.m transferred from a private chicken farm.

Despite small capital, the company still invested in the essential projects such as high voltage line, buildings and material warehouses. At the beginning, the major product was foam rubber sandals for export-

ing to former Soviet Union and Eastern Europe countries such as former German Democratic Republic, Polland, and Czechoslovak. Besides, the enterprise also salvages the scraps of foam rubber sandals to make roof plates for domestic consumption. In the first perriod, the stable market and high business efficiency brought a plentiful accumulative source to the company.

At the end of 1980s, the collapse of Eastern Europe block of socialist countries made the enteprise's product face the risk of loosing their largest traditional market. However, in such "misfortune", a new prospect was openned to the company and a new chapter had begun in the company's history, or differrently speaking, the company had a great turning-point: converting from producing sandals and roof plates to producing and trading various type of commodities.

Taking advantage of Song Be's province with large reserves of bamboos - an important raw material source for producing export chopstick, the Board of Directors decided to change the investment direction, set up a bamboo chopstick workshop and open more garment processing workshops to export to Japan, South Korea, Taiwan, Europe. In addition, the enterprise also established farm for growing export trees and creating jobs for the workers.

Renovating the key product and export markets brought sharp growth rate to the company, especially on production scale. In conformity with new situation, in 1989 the enterprise was upgraded to Song Be Export Products Producing Enterprise Union. The workshops also were improved to become the subsidiary companies. The judicious and timely shift of the company's leaders has created a new energy, stabilizing the material as well as spiritual life of the labours, brought benefits to the company and contributing to the foreign currency earnings of the province's budget.

In accordance with the production situation and development scale of the enterprise, in 1990, the enterprise changed its name to Song Be Import - Export and Producing Enterprise Union. After that, in 1992 to effectuate the policy of restructuring State-owned enterprise system of the Government, the enterprise was officially named "Song Be Import Export and Producing Company".

Joint-ventures - A direction of high economic efficiency

Along with taking full use of internal forces, in 1991 the enterprise decided to cooperate with two Japanese companies: Koike and Mutsumi to establish a producing and trading joint-venture in KPM wooden processing with the total invested capital of 1.2 million USD. This is the first foreign-invested enterprise which was licensed and came into operation at Song Be province, marked a comprehensive reform, turned the enterprise to be the bright point in international cooperation.

In 1992, the company continued to pool capital with Singapore TCI trading Company Pte., Ltd to establish Song Be Palm Golf Court Join-Venture Company with international standard. This is the second foreign company invested in Song Be province with the total investment capital of US$ 28 million, create conditions to attract the domestic and foreign entrepreneus to invest in the province. After that, in 1994 the company continued to cooperate with Dutch counterpartner to set up Vietnam Dutch Lady Beverage and Food Joint-Venture Company, Ltd (Foremost Company) with total investment capital of US$ 49,5 million.

Since the establishment, the economic indices of the joint-ventures has increased constrantly, contributing an important part for Binh Duong's economy. Of which, Palm Golf Court Joint-venture Company and Formost Company contributed VND 47 billion and VND 958 billion to state budget, created jobs for over 500 labours and 800 labours respectively. Moreover, the establishment and effective operation of company's joint-ventures at that time was considered a new direction, increasing the export volume and bringing a considerable

income source to the state budget, creating jobs with stable income for the labours.

When becoming magnitude business

In 1997, when Song Be was split into 2 new provinces: Binh Duong and Binh Phuoc, the company changed its name to "Binh Duong Import - Export and Producing Company" pursuant to the Decision No 538/ QD-UB of the Binh Duong People's Committee.

The company has so far managed a system of 6 subsidiaries, including Export Garment Producing Enterprise, 3-2 Export Forest Product Processing Enterprise, 3-2 Ice and Electric mechanics Enterprise, Vinh Phu Paper Enterprise, Ben Cat Rubber Enterprise and Phuoc Long Export Tree Growing Farm. Of which, the key export product is garments, accounting for 50 percent of company's turnover (approximately US$14.5 million in 2002); the second is household wooden products (US$8,6 million in the year 2002).

To increase the self-determination right for the member enterprises, currently, the company allowed the leaders of enterprises to actively search for new markets, study the tastes and custom of each nation, especially of the new markets; specify the trend of each market in order to make plan for designing product models respectively, guarantee the commodity's quality and date of delivery. This action helps the enterprises create a solid reputation to the customers from different countries and counter-partners. In addition, the company also takes care of their labor's life and benefits. The policies of income, incentives, social and health insurance, building free of charge tenement's houses for the labors from remote areas and providing bus for the labors staying nearby was well implemented.

Talking about the company's success, General Director Nguyen Van Minh said: "Start-up from a small production scale enterprise, the company has so far developed and become a big company, operational capital was preserved and accumulative. This is a common achievement of the whole labors in the company. The Party Committee, Board of Directors will continue to develop this achievement gradually to invest in renovating and modernizing production technology and training staffs to have good qualification to meet the demand of company's development and for their own benefits.

Through the solidarity of the staffs and a team of proficient engineers and skillful workers who acquired modern technique and technology with initiatives and improvement, Binh Duong Import - Export & Producing Company became one of the leaders of State-owned enterprises in Binh Duong province. At present, the company has 4.200 staffs, total capital is VND 271 billion with average growth rate of 20 percent per year and deserves to be one of the leading enterprises in operation efficiency among 53 state-owned enterprises in Binh Duong province and assert their stable position in the fierce competition of market economic regime.

Some growth indices for the year 2002

1/ Total capital: VND 271 billion

2/ Profit: VND 72.5 billion

3/ State budget contribution: VND 31 billion

4/ Average growth rate: 20%/year

5/ Domestic revenue: VND 43 billion

6/ Average export turnover: US$ 22 million/year

7/ Average import turnover: US$ 2 million/year

8/Average trade surplus: US$ 10 million/year

CÔNG TY THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BECAMEX

Thành công với mô hình công ty đa ngành

Là một trong những doanh nghiệp nhà nước điển hình của tỉnh Bình Dương, tham gia trong nhiều lĩnh vực từ thương mại, xuất nhập khẩu, xây dựng dân dụng - công nghiệp - giao thông, đầu tư và phát triển khu công nghiệp, hoạt động chứng khoán... Công ty Thương mại, Đầu tư và Phát triển (Becamex Corp.) đã trở thành một trong những doanh nghiệp "đầu tàu" tăng trưởng nhanh, vững chắc, góp phần thúc đẩy tích cực quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Bình Dương. Đồng thời, Becamex thực sự là mô hình tổng công ty đa ngành hiếm có do địa phương quản lý, thành công với phương châm "phải liên tục đổi mới để tồn tại và phát triển".

Lịch sử phát triển của Becamex luôn được trang hoàng bằng các thành tích đáng nể phục. Đi lên từ mô hình Công ty Thương nghiệp Tổng hợp huyện Bến Cát, được thành lập từ năm 1976 với chức năng chủ yếu là thu mua, phân phối hàng hóa theo kế hoạch của Nhà nước. Ngay từ hồi đó, doanh nghiệp này đã được đánh giá là đơn vị tiên phong của ngành thương nghiệp quốc doanh địa phương. Bước sang thời kỳ đổi mới, cùng với nhiều chính sách mở cửa của Nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung đã phấn đấu hết mình để bắt kịp xu thế phát triển của thời đại. Trong vòng xoay của cuộc chuyển mình ấy, năm 1991, 7 doanh nghiệp thua lỗ khác đã được địa phương cho sáp nhập vào công ty. Becamex chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất này với tên gọi Công ty Thương mại, Đầu tư và Phát triển (Becamex Corp.). Becamex ra đời mang theo hy vọng lớn lao của lãnh đạo địa phương là trở thành đầu tàu kéo cả con tàu đang khủng hoảng đi lên.

Tiếp tục đi lên bằng thương mại, dịch vụ và chế biến

Mặc dù bắt đầu hoạt động chỉ với số vốn ít ỏi khoảng 4 tỷ đồng, bộ máy cồng kềnh, năng lực cán bộ còn yếu, nhưng bằng cách nhìn thực tế "thị trường cần cái gì thì mình sản xuất - kinh doanh cái đó", cộng với việc khai thác tối đa thế mạnh của địa phương, Becamex quyết tâm vượt qua giai đoạn khó khăn của thời kỳ đầu sáp nhập và tìm ra hướng kinh doanh riêng từ những đặc sản sẵn có của địa phương như: cà phê, cao su, hạt tiêu, mộc mỹ nghệ và cao su thiên nhiên... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng mạnh dạn tiến hành tinh giản đến 60% biên chế, chuyển hàng trăm lao động dôi dư sang các hoạt động khác, tạo thêm nhiều việc làm mới. Đồng thời, công ty cũng tiến hành tuyển dụng, bổ sung thêm các cán bộ có trình độ, kỹ thuật. Với cách làm đó, sản xuất - kinh doanh của công ty đã có những biến chuyển mạnh mẽ.

Đến nay, Becamex đã có 2 nhà máy chế biến chuyên phục vụ xuất khẩu hoạt động khá hiệu quả. Trong đó, Nhà máy Chế biến Cao su xuất khẩu Bù Chí với công suất 15.000 tấn/năm chuyên sản xuất các sản phẩm cao su thiên nhiên với chủng loại SVR và RSS xuất sang các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Mỹ... Đơn vị thành viên này còn là chủ sở hữu của vườn nguyên liệu cao su rộng khoảng 40.000 ha cao su tiểu điền tập trung trong tỉnh. Bên cạnh đó, Nhà máy Chế biến Mộc mỹ nghệ (Becafac) chuyên sản xuất các mặt hàng mỹ nghệ cao cấp xuất khẩu cũng được xây dựng với công suất khai thác khoảng 2 triệu sản phẩm/năm đang thu hút 800 lao động làm việc. Hoạt động sản xuất đều đã được DNV (Na Uy) và Quacert (Việt Nam) đánh giá công nhận hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn ISO 9002.

Cùng với mở rộng sản xuất, hơn 10 năm phát triển, công ty đã thiết lập được mạng lưới tiêu thụ rộng lớn ở trong và ngoài nước với hơn 150 bạn hàng bao gồm các quốc gia thuộc Đông Nam Á, Đông Bắc Á, các nước SNG, Tây Âu, Bắc Mỹ... Đồng thời, cũng là nhà phân phối các mặt hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng... cho nhiều công ty trong và ngoài nước.

Những lĩnh vực đầu tư đem lại diện mạo mới cho Becamex

Từ năm 1996 trở lại đây, do không còn hạn chế về hạn ngạch nên doanh thu thương mại của công ty có

phần chững lại. Trước thực trạng đó, Becamex quyết định chuyển hướng sang các ngành nghề khác dưới dạng mô hình một công ty đa ngành. Trong đó, đầu tư phát triển khu công nghiệp, xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông trở thành những hoạt động cơ bản của công ty với doanh thu hàng năm khoảng vài trăm tỷ đồng.

Trong đầu tư vào khu công nghiệp, đáng kể nhất là dự án Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP), liên doanh giữa Việt Nam và Xingapo có diện tích 500 ha, trong đó bên Việt Nam đóng 49% cổ phần. Hiện nay, Becamex đã thành lập đơn vị chuyên doanh trong lĩnh vực này với tên gọi Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore. Nhằm tạo điều kiện tối đa cho các nhà đầu tư trong quá trình hoạt động, Khu công nghiệp VSIP được Chính phủ cho xây dựng riêng một Ban Quản lý, có chức năng cấp giấy phép hoạt động và xuất nhập khẩu, quản lý lao động, các thủ tục liên quan đến hoạt động của các nhà đầu tư, giúp đỡ, hỗ trợ họ khi gặp khó khăn, với các dự án có giá trị đến 40 triệu USD. Đến nay, khu công nghiệp này đã có 81 doanh nghiệp đang hoạt động trên diện tích 300 ha. Tổng số vốn đầu tư nước ngoài đạt khoảng 600 - 700 triệu USD, giải quyết việc làm cho hơn 50.000 lao động.

Trong năm 2003, công ty sẽ tiếp tục triển khai dự án 3, phấn đấu lấp đầy 200 ha còn lại bằng các chính sách mời gọi đầu tư hấp dẫn. Đặc biệt, việc Chính phủ hai nước Việt Nam và Xingapo cùng hợp tác thành lập Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore nhằm cung cấp công nhân kỹ thuật cao cho các nhà máy trong khu công nghiệp này là một hoạt động được các nhà đầu tư rất hoan nghênh. Đây là trung tâm có khả năng đáp ứng nhu cầu cao về trình độ cho các nhà máy sản xuất hiện đại chỉ sau 6 tháng đào tạo tay nghề.

Trong mảng xây dựng, công ty đã tham gia vào nhiều công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp - giao thông có quy mô lớn của các chủ đầu tư trong và ngoài nước như Nhà máy Giày Hải Mỹ (Đài Loan), Nhà máy Sản xuất Thép Vinatafong (Đài Loan), Công trình nâng cấp quốc lộ 13, dự án nhà ở cho công nhân có thu nhập thấp. Để đảm trách phần hoạt động này, Becamex đã thành lập Xí nghiệp xây dựng dân dụng - công nghiệp giao thông, đồng thời quản lý điều hành hai dự án riêng khác.

Với thế mạnh về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, Becamex đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc đô thị hóa tại địa phương, bước đầu mang lại hiệu quả về kinh tế cũng như xã hội rất đáng ghi nhận. Điển hình là dự án nâng cấp quốc lộ 13, nối thành phố Hồ Chí Minh với Bình Phước, có tổng chiều dài là 62 km. Đây là trục đường xương sống của tỉnh Bình Dương, có vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng, vừa giải quyết vấn đề giao thông vừa thu hút đầu tư, dự kiến đầu năm 2005 sẽ hoàn thành gồm 6 làn xe chạy.

Một lĩnh vực nữa rất đáng quan tâm của Becamex là hoạt động chứng khoán, với sự ra đời của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất, vốn hoạt động 43 tỷ đồng, hiện nay đây là một trong 8 công ty được phép hoạt động trên thị trường chứng khoán cả nước, có khả năng thực hiện đủ 5 chức năng của một công ty cổ phần chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định. Mặc dù hoạt động mới được hơn 2 năm, nhưng đến nay đã có 20 công ty niêm yết hàng hóa để mua bán.

Thành công nhờ vào người lãnh đạo tài ba và một tập thể đoàn kết

Với tổng số 151 nhân viên hợp đồng dài hạn, trong đó 60% có trình độ đại học, sự phát triển mạnh mẽ của Becamex hiện nay có sự đóng góp không nhỏ của nguồn nhân lực chất lượng cao này. Sau hơn 10 năm hoạt động, số vốn của Becamex đã vượt qua con số 400 tỷ đồng, gấp 100 lần so với thời kỳ đầu sáp nhập, nộp ngân sách nhà nước mỗi năm khoảng 20 tỷ đồng. Với những thành tích xuất sắc đó, công ty đã ba lần được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba. "Sở dĩ phát triển được như ngày hôm nay là vì Becamex biết phát huy sức mạnh của tập thể bằng sự đoàn kết thống nhất cao, không thỏa mãn với những gì đã làm được. Phương châm của chúng tôi là "Phải liên tục đổi mới để phát triển" - ông Bùi Văn Đức, Phó Tổng giám đốc BECAMEX cho biết.

Trong thành quả chung đó, không thể không nhắc đến vai trò quyết định của một cá nhân. Đó là Tổng giám đốc công ty Nguyễn Văn Hùng, người đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động năm 2000. Là thế hệ trưởng thành sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, từ một nhân viên kế toán, bằng nghị lực phi thường, anh đã được đề bạt là kế toán trưởng rồi phó giám đốc (năm 1984) và 3 năm sau trở thành Giám đốc Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bến Cát, sau này là Becamex. Với lối sống giản dị, chân thành và một phong cách làm việc quyết đoán, anh đã sát cánh cùng đội ngũ người lao động của Becamex đạt được những thành tích xuất sắc trong kinh doanh, tiếp tục đưa con thuyền Becamex gặt hái được những thành tích lớn hơn, xứng đáng là một trong những doanh nghiệp nhà nước hàng đầu của tỉnh Bình Dương hiện nay.

BECAMEX

Successful with the Model of Multi - Business Company

As one of the typical state-run enterprises in Binh Duong, Becamex is engaged with different businesses from trading, imports, exports, civil construction - industry and transport, to industrial zone investment and development, and stock business. Commercial, Investment and Development Company (Becamex Corporation) has become one of the leading enterprises with high and steady growth rates, making remarkable contributions to the cause of modernisation and industrialisation of Binh Duong. Concurrently, Becamex is a rare model of multi-businesses corporation managed by local authorities successful with the motto "constant renovation for better growth".

The development history of Becamex has been always marked with admirable achievements. The former Ben Cat General Trading Company established in 1976 with the main activities of collecting and distributing goods according to the state's plans. At that time the company was considered the spearhead unit of the local trading. Entering the Renovation (Doi Moi) period, under the open policies of the state, enterprises in Binh Duong in particular and over the country in general all tried their best to catch up with the development pace of the new era. In the changes, seven other enterprises suffered from business loss were merged with Ben Cat General Trading Company, forming the Commercial, Investment and Development Corporation (Becamex). The company's establishment was a great hope for the local authorities and the motivation to pull the train of enterprises out of the crisis.

Growing with the business lines of trading, services and processing

With the initial capital of only VND 4 billion, a bulky management and its weak cadres, but a practical point of view: "Produce and trade what the market needs", Becamex exploited the maximum local advantages to surpass the difficulties in enterprises integration. The company soon found a new business direction with the local available specialities such as coffee, rubber, pepper, wood handicrafts and natural rubber for its business. Besides, Becamex boldly cut down 60 percent of the staff and supplied the redundant workers with other jobs. In addition, the company employed more high-qualified cadres and soon achieved rapid changes in its business and production.

So far, Becamex has two effective exports processing factories. Bu Chi Export Rubber Processing Company with the capacity of 15,000 tonne per year specialises in natural rubber products of SVR and RSS types to export to China, Korea, Russia and the USA. This enterprise is also the owner of 40,000-hectare rubber plantation. Fine art Carpentry Processing Factory (Becafac) specialises in the production of export high-class handicrafts was built with the capacity of two million products per year and 800 employees. All those productions have been certified ISO 9002 by DNV (Norway) and Quarcert (Vietnam).

Along with the production expansion, Becamex has established a large consumption network with 150 Vietnamese and foreign partners in the South Asian, Northeast Asian, SNG, Western European and the North American countries. Becamex is also a distributor of commodities, machines, and construction materials for Vietnamese and foreign enterprises.

Investment creating new image of Becamex

Since 1996, the abolishment of quota has resulted in the stagnant trading of the company.

Becamex decided to diversify its business line as a multi-business company. Major business lines of Becamex include investment in the development of industrial zones, civil construction, industry and transports with the annual revenue of hundreds of billions of dongs.

Regarding investment in industrial zones, the most significant project is on the construction of Vietnam - Singapore Industrial park (VSIP), a joint-venture project of Vietnam and Singapore built on the total area of 500 hectares, of which 49 percent of the share is hold by Vietnamese partner. Creating best favourable conditions for the investors in VSIP, the Government established a private Board of management in the park and entrusted them to grant license of business, import - export, labourer management and procedures related to the investors' activities of US$ 40 million projects to assist them when necessary. Until now, there are 81 enterprises in the area of 300 hectares of the industrial park. The total foreign investment reached US$ 600 -700 million, creating jobs for more than 50,000 employees.

In 2003, the company will continue to implement three projects, striving to cover the rest 200 hectares by investment attraction policies. Particularly, the co-operation between Singaporean and Vietnamese Governments in establishing Vietnam-Singapore Technical Training Centre to supply highly skilful technicians for the factories in the park. After only six month training at the centre, workers can meet the high requirements of the modern factories.

Regarding construction, the company has participated a great deal of civil, industrial and traffic works of large scales such as Hai My Footwear Factory (Taiwanese), Vinatafong Steel Factory (Taiwanese), improvement works of the National Road No.13, and the project on the living blocks for low-income workers. To properly fulfil the activities, Becamex has established civil, industrial and traffic construction enterprise and concurrently manage two other projects.

With its strength in technical and social infrastructure construction, Becamex has made a great contribution to the local urbanisation, initially achieving outstanding socio-economic efficiency, typically projects on improving the National Road No.13, linking HCM City and Binh Phuoc with the total length of 62 km. According to the plan, the core road of Binh Duong province of six lanes with the investment of VND1,000 billion, to solve the traffic problems and attract investment, will be finished in 2005.

Another noticeable field of Becamex business is securities, typically the establishment of De Nhat Securities Joint-stock Company with the working capital of VND 43 billion. This is one of the eight enterprises at the present licensed to operate in the nation-wide stock markets over the country with the capacity to fulfil all five functions ruled by the State Security Commission. Though De Nhat has been operating for only two years, 20 companies have registered to list their products.

Successes due to a talented leader and a solidary staff

The total number of 151 long-term contracted employees, of which 60 percent are university graduates which have remarkably contributed to the comprehensive development of Becamex. After 10 years operating, Becamex has achieved the capital of over VND 400 billion, equal to 100 times in comparison of the beginning integration period, annually contributing VND 20 billion to the state budget. With those excellent achievements, the company has been granted with Labour Orders First, Second and Third Classes. "Our successes have been made thanks to the mobilisation of the united strengths with high solidarity and unification. Our motto is "to have continuous renovation for better growth"- said Bui Van Duc, Deputy Director of the company.

It would be impossible not to mention the decisive role of Director Nguyen Van Hung, who was entitled Labour Hero in 2000 by the President. Grown after the liberation of the south, with his extra-ordinary strong wills, he was appointed to be Chief Accountant and Deputy director in 1984, three years later, he became the director of Ben Cat General Trading Company (Bcamex). With a simple and honest lifestyle but a decisive business mind, he has been always with the Becamex employees to achieve greater results and make Becamex one of the leading state-run enterprises in Binh Duong.

CÔNG TY VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG (M & C)

Nơi người thương binh khoác áo doanh nhân

Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương hiện là một trong những doanh nghiệp nhà nước có tầm cỡ của tỉnh Bình Dương với vốn kinh doanh 116 tỷ đồng, tổng số cán bộ công nhân viên là 408 người. Khi nói về Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, các doanh nghiệp trong tỉnh không quên nhắc đến Anh hùng lao động Huỳnh Thanh Sơn, nay là Tổng giám đốc Công ty M& C với thái độ trân trọng xen lẫn khâm phục. Bởi anh không chỉ là người lính dũng cảm trên chiến trường, mà trên mặt trận kinh tế, anh còn là người quản lý giỏi đã đưa công ty vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất.

Huỳnh Thanh Sơn sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân rất nghèo ở làng Phú An, huyện Bến Cát. Sinh trưởng trong gia đình có truyền thống cách mạng, 14 tuổi anh đã thoát ly gia đình, tham gia bộ đội giải phóng địa phương, lập được nhiều chiến công. Năm 1969, trong một lần đi công tác, gặp phải ổ phục kích của địch, anh bị thương nặng, được chuyển ra miền Bắc cứu chữa. Huỳnh Thanh Sơn vượt qua cái chết trong gang tấc với thương tật hạng 1/4. "Tàn nhưng không phế", đó là quyết tâm giúp anh có được nghị lực trong cuộc sống. Ngay sau khi sức khỏe bình phục, anh xin vào học chuyên ngành kinh tế với mong muốn sau này sẽ trở về xây dựng quê hương.

Vượt qua những sóng gió của thời kỳ bao cấp

Ngay sau ngày miền Nam giải phóng, tháng 5-1975, Huỳnh Thanh Sơn được cấp trên điều về Bình Dương tiếp quản Ty Cấp Thuỷ Bình Dương. Đến tháng 12-1975, anh được tỉnh điều về tiếp quản Xí nghiệp Đá Châu Thới (nay là Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương).

Huỳnh Thanh Sơn nhớ lại, ngày được phân công về công tác ở xí nghiệp, khi ấy chỉ là một cơ sở nhỏ, phương tiện cũ kỹ, lạc hậu, đội ngũ cán bộ còn non trẻ, giỏi đánh giặc nhưng thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý kinh tế. Trong khi đó, khoảng thời gian 1975 - 1980 là giai đoạn sản xuất - kinh doanh gặp nhiều khó khăn, bị trói buộc bởi cơ chế bao cấp, nguyên liệu sản xuất thiếu thốn, giá thành cao, giá bán thấp, lại phải cạnh tranh khốc liệt với các cơ sở sản xuất thủ công do phải tự tiêu thụ 50% đầu ra. Công ty đứng trên bờ vực giải thể.

Không khuất phục trước hoàn cảnh, anh trăn trở cùng ban lãnh đạo đi đến thống nhất là đưa 50% số lao động lên rừng làm nương phát rẫy, trồng lương thực và khai thác củi để nuôi quân và phục vụ sản xuất, 50% quân số ở nhà vừa duy trì sản xuất vừa tìm khách hàng để tiêu thụ sản phẩm. Nhờ đó, khó khăn dần qua, sản xuất - kinh doanh dần phục hồi.

Năm 1983 anh được cấp trên tín nhiệm đề bạt làm phó giám đốc. Đến đầu năm 1984, anh được chính thức đề bạt làm giám đốc xí nghiệp. Những năm tháng chiến đấu gian khổ trên chiến trường đã hun đúc cho anh một phẩm chất đáng quý là không ngại khó khăn, thất bại để từng bước vực dậy công ty.

Bước vào giai đoạn 1981 - 1985, doanh nghiệp bước đầu đi vào ổn định sản xuất và tạo tiền đề phát triển cho những năm sau bằng chính sách "thắt lưng buộc bụng", tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để đa dạng hoá sản phẩm, tăng sức cạnh tranh. Kết thúc kế hoạch 5 năm, công ty không những đứng vững mà còn là 5 năm liền hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước giao.

Chuyển đổi nhanh trong cơ chế mới

Chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước được ban hành năm 1986 như thổi một luồng

gió mới vào nền kinh tế, song lại khiến nhiều doanh nghiệp nhà nước lúng túng, bị động. Công ty M& C cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Trong thời gian đầu, công ty phải đương đầu với muôn vàn khó khăn khi giá đầu vào cứ tăng vòn vọt, trong khi đầu ra chưa có thị trường. Có thời đoạn, sản phẩm công ty bị ứ đọng, trị giá vài tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn của công ty.

Trước thực tế ấy, một lần nữa Giám đốc Huỳnh Thanh Sơn cùng ban lãnh đạo công ty xác định: "Sự sống còn của những doanh nghiệp sản xuất công nghiệp là phải đầu tư đổi mới sản xuất theo hướng hiện đại hoá, tự động hoá". Trên tinh thần chỉ đạo ấy, công ty đã huy động mọi sáng kiến của cán bộ công nhân, tập trung thực hiện bốn chương trình kinh tế trọng điểm. *Một là* điện khí hoá toàn công ty với tổng công suất 1.500 kW, giảm thiểu tối đa nhiên liệu và chi phí máy móc. *Hai là* cơ giới hoá ngành đá, ngành cát với công suất gần 4.000 mã lực thiết bị máy móc và hàng ngàn tấn phương tiện vận chuyển đường thuỷ. *Ba là* tự động hoá, hiện đại hoá sản xuất gạch ngói từ khâu tạo hình tới khâu nung đốt bằng dây chuyền công nghệ hiện đại của Hàn Quốc, Italia. *Bốn là* đa dạng hoá sản phẩm, mẫu mã, kiểu dáng phong phú, chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng yêu cầu của mọi đối tượng tiêu dùng. Ngay sau chương trình đổi mới toàn diện được thực hiện, sản phẩm của công ty làm ra đã có thị trường tiêu thụ, vì giá thành hạ và chất lượng tốt.

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, công ty đã mở rộng thêm nhiều ngành nghề kinh doanh khác để sử dụng hết tiềm năng lao động và vật liệu xây dựng như kinh doanh xây dựng, phát triển nhà, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Không chỉ vậy, Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương còn là đơn vị đầu tiên của Bình Dương kinh doanh cầu đường theo phương thức BOT. Nhờ đó, trong nhiều năm liền, công ty liên tục vượt mức kế hoạch sản xuất, chỉ riêng 8 tháng đầu năm 2002, giá trị tổng sản lượng của công ty là 46,5 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, doanh thu 88 tỷ đồng, đạt 86,5%, nộp ngân sách 7,2 tỷ đồng đạt 72% kế hoạch. Đời sống người lao động có điều kiện được chăm lo tốt hơn và

Kết quả sản xuất - kinh doanh giai đoạn 1996 - 2002

STT	Chỉ tiêu		1996	2000	2001	2002
1	Gạch các loại	1.000 viên	19.217	23.029	5.251	16.018
2	Ngói các loại	1.000 viên	887	1.047	134	799
3	Đá các loại	1.000 m^3	519	1.203	1.225	1.328
4	Cát các loại	1.000 m^3	365	143	212	153
5	Tấn vật liệu xây dựng	1.000 tấn	1.474	2.122	2.273	2.443
6	Giá trị tổng sản lượng	Tr. đồng	38.365	75.318	62.012	71.420
7	Tổng doanh thu	Tr. đồng	67.803	110.912	144.183	137.197
8	Lợi nhuận	Tr. đồng	6.394	25.108	23.807	26.294
9	Nộp ngân sách	Tr. đồng	3.323	10.372	10.853	10.525
10	Lương bình quân/tháng	1.000 đ/người/tháng	862.340	1.583	1.661	1.635
11	Đầu tư chiều sâu	Tr. đồng	19.367	3.029	24.334	3.010
12	Vòng quay vốn	lần/1đồng vốn	6,72	1,60	2,86	11,30
13	Tỷ suất lợi nhuận/1đ vốn kinh doanh	%	37,29	74,69	57,58	63,60

Nguồn: Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước. Thu nhập bình quân cán bộ công nhân viên khoảng 2,5 triệu đồng/người/tháng.

Trong kế hoạch phát triển từ nay đến năm 2005, Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tiếp tục đầu tư cả về bề rộng, lẫn chiều sâu. Trong đó, công ty sẽ đầu tư nâng công suất cho ngành sản xuất đá từ 1,3 triệu m^3 lên 2 triệu m^3/năm, gạch ngói từ 50 triệu viên lên 100 triệu viên/năm, đầu tư kinh doanh đường theo dạng BOT đoạn Lái Thiêu - Bình Thung dài trên 10 km với tổng số vốn đầu tư 56 tỷ đồng, doanh thu từ 20 tỷ đến 30 tỷ/năm. Công ty cũng đầu tư hai dự án khu dân cư với tổng diện tích 43 ha cho công nhân và người có thu nhập thấp.

Với những nỗ lực không ngừng, từ một cơ sở nhỏ được tiếp nhận sơ khai với lực lượng công nhân chỉ có 70 người, vốn đầu tư ban đầu chỉ là 70 ngàn đồng, đến năm 2002, Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đã trở thành một trong những doanh nghiệp nhà nước có tầm cỡ với số vốn kinh doanh 116 tỷ đồng, tổng số cán bộ công nhân viên lên 408 người. Trong 3 năm gần đây, giá trị tổng sản lượng toàn công ty đạt 62 tỷ đồng, doanh thu 114 tỷ, lợi nhuận 24 tỷ đồng, nộp ngân sách 11 tỷ đồng.

Vào năm 1998, Huỳnh Thanh Sơn đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lao động" và Huân chương Lao động hạng Nhất về thành tích đặc biệt xuất sắc trong quá trình trên 20 năm (1975 - 1997) xây dựng doanh nghiệp. Với vai trò lãnh đạo của Giám đốc - Anh hùng Lao động Huỳnh Thanh Sơn và sự đồng lòng, đoàn kết của tập thể hơn 400 người lao động, Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương liên tục tăng trưởng cao, trở thành một trong những cánh chim đầu đàn của ngành công nghiệp quốc doanh địa phương.

Xin mượn lời tâm huyết của anh để nói về tương lai của công ty: "Còn sức lực đến đâu là tôi đem hết sức mình làm việc để đưa công ty tiếp tục phát triển đi lên, hiệu quả hơn, nộp ngân sách nhiều hơn, chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên tốt hơn để xứng đáng với danh hiệu cao quý mà Nhà nước đã ban tặng".

BINH DUONG MATERIALS AND CONSTRUCTION COMPANY (M &C)

Where the Wounded Soldier Became a Businessman

Binh Duong Materials and Construction Company is one of the biggest state-run enterprises with the capital of VND116 billion and 408 employees in total. Talking about Binh Duong Materials and Construction Company, the local businessmen always mention the Labour Hero Huynh Thanh Son, General Director of M & C with admiration and respectfulness. Not only a brave soldier in the war, Son is now a good manager in the 'business battle' who has steered the company through the most difficult time.

Huynh Thanh Son was brought up in a poor farmer family in Phu An village, Ben Cat district. Born in a traditional revolutionary family, he left home at the age of 14 for the local liberation military and soon achieved great feats of arms. In 1969, on a business trip he fell in to an ambush and got severely injured. Being taken to the north for medical treatment, he won over the death with the injury of 1/4 grade. With the motto of "disable but not unusable", Son had great fortitude to struggle with the life. As soon as he recovered, he took an economic course with the desire to contribute his capacity to the development of his homeland.

Surpassing ups and downs of subsidisation period

After the liberation of the south in May 1975, Huynh Thanh Son was sent to Binh

Duong to take over Binh Duong Water Supply Service. Later, in December 1975, he was entrusted with the Chau Thoi Stone Factory (the present Binh Duong Materials and Construction).

Recalling the days when he first came to the factory that was in fact a small workshop with outdated machinery and the inexperienced workers who were only good at fighting against the enemy but not at the business management. In 1975 - 1980 the subsidiary economy resulted in difficulties to all businesses and productions: the materials shortage, high costs but low prices and the intense competition with the handicraft workshops since the company was in charge of 50 percent of its own output. The company was then in danger of being bankrupt.

Not being defeated by the situation, Son and other leaders of the company decided to take 50 percent of the employees to the forest for agricultural cultivation fire wood exploitation to support the military and production. The other 50 percent stayed at the company, maintaining the production and find customers for their products. As a result, the difficulties ended and the business and production were then covered.

Son was appointed to be the Deputy Director of the factory in 1983 and Director in early 1984. The difficult years of the war created his precious character of never surrendering the difficulties and fails to gradually restore the company.

Entering the period 1981-1985, the company started to stabilise its production and create premises for the later development by the method of "saving expenditures" on the inputs, reducing the prices and invest in the machinery to diversify the products, increasing the competitiveness. When the five-year plan finished, it was found out that the company was doing good performance and exceeding the planned targets made by the state.

Rapid reform in new economy

Adopting "Doi moi" policy of the Vietnamese Party and State in 1986 has created a new energy for the economy but upset some state-run enterprises. M & C Company was not an exception. At the beginning of the period, the company faced soaring input prices and problem of consumption markets for the output products. Sometimes, the stockpiling costing billions of dongs has greatly influenced the company's capital .

In such a situation, Director Huynh Thanh Son and other leaders defined: "Industrial production enterprises could only exist with the investment in the production geared to modernisation and automation." Following that guideline, the company mobilised all the initiatives from its workers, concentrated in the implementation of the four key economic programs: *firstly*, electrifying all over the company with the total capacity of 1,500 kW, minimising the expenditures on fuels and machine; *secondly* mechanising the production of stones and sand with the capacity of nearly 4,000 hp and thousands of tonnes of waterway transportation; *thirdly*, automating and modernising the production of bricks and tiles from shaping to baking with the modern technology lines imported from Korea and Italy; *lastly*, diversifying products, designs and patterns, improving product quality and reducing prices to meet requirements of every consumers. As soon as the comprehensive renovation program was brought into play, the company conquered some consumption markets due to the cheaper prices but higher quality.

To meet the various demands of the market and utilise all its available labour potentials and construction materials such as construction business, building development, civil and industrial works construction, Binh Duong Materials and Construction Company is also the first unit in Binh Duong conducted business of bridges and roads by BOT method. Therefore, the company has continuously exceeded the planed production for many years. In the first eight months of the year 2002, the company achieved the total output value of VND46.5 billion (81 percent of the planed indices), revenue of VND88 billion (86.5 percent) and contribution to the state budget of VND7.2 billion (72 percent). The employees are enjoying better living standard and all the preferential policies

issued by the state. The monthly income of the employees is about VND2.5 million per person.

According to the development plan until 2005, Binh Duong Materials and Construction Company will continue its intensive investment. The company will invest in improving the capacity of stone production from the present 1.3 million to two million cu.m per year, bricks and tiles production from 50 million to 100 million pieces per year and doing road business with BOT method on the 10-km road from Lai Thieu to Binh Thung with the investment of VND56 billion and annual revenue of VND20 billion to 30 billion. Two projects on the residential areas with the total area of 43 hectares for the workers and low-income people have been invested.

With the persistent efforts, the former small workshop with only 70 people and VND70,000 investment has become one of the biggest state-run enterprises with the working capital of VND116 billion and 408 employees. For the past three years, Binh Duong Materials and Construction Company has achieved the total output value of VND62 billion, revenue of VND114 billion, profits of VND24 billion and budget contribution of VND11 billion.

In 1998, Huynh Thanh Son was entitled Labour Hero and granted with Labour Order - first class by the President for his 20-year building the enterprise (from 1975 to 1997). Under the leadership of Director - Labour Hero Huynh Thanh Son and the solidarity of its 400 labourers, Binh Duong Materials and Construction Company has made non-stop high growths and become one of the leading units of Vietnamese state-run industry.

About the future of the company, Son says: "I would continue devoting all my heart and soul to the development of the company, for more effectiveness, more budget contribution and better care to the employees' life thus deserving the honourable name granted by the state".

Results of the business and production in the period of 1996 - 2002

No.	Indices	Unit	1996	2000	2001	2002
1	Bricks of different types	1.000 pieces	19.217	23.029	5.251	16.018
2	Tiles of different types	1.000 pieces	887	1.047	134	799
3	Stones of different types	1.000 m^3	519	1.203	1.225	1.328
4	Sands of different types	1.000 m^3	365	143	212	153
5	Construction materials	1.000 tonnes	1.474	2.122	2.273	2.443
6	Total output value	VND mil.	38.365	75.318	62.012	71.420
7	Total revenue	VND mil.	67.803	110.912	144.183	137.197
8	Profits	VND mil.	6.394	25.108	23.807	26.294
9	Budget contribution	VND mil.	3.323	10.372	10.853	10.525
10	Monthly income of the employees	VND1,000 per person	862.340	1.583	1.661	1.635
11	Intensive investment	VND mil.	19.367	3.029	24.334	3.010
12	Capital circular	Circulation per *dong*	6,72	1,60	2,86	11,30
13	Profit rate per *dong*	%	37,29	74,69	57,58	63,60

Source: Binh Duong Materials and Construction Company

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Mũi nhọn bứt phá của những công trình

Cát đá, cament, nước... nếu thiếu một trong 3 yếu tố này sẽ không thể tạo nên phẩm chất của bê tông. Tuy nhiên, nếu không có đủ uy tín - chất lượng - giá thành bê tông thành phẩm ấy cũng không phải là Bê tông 620 Châu Thới và rốt cuộc cũng không tạo cho khách hàng niềm tin của sự hợp tác - tin cậy - phát triển. Thế mới biết, sức mạnh của ba yếu tố tạo nên một thương hiệu uy tín trên thương trường: Bê Tông 620 Châu Thới.

Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới đã tạo nên một thương hiệu quen thuộc và đầy uy tín đối với khách hàng và ngày càng khẳng định chất lượng sản phẩm trong những công trình công nghiệp và dân dụng. Với kinh nghiệm 40 năm trong nghề, sản phẩm của công ty đã đến với khách hàng tại thị trường khu vực phía nam từ Thừa Thiên Huế đến mũi Cà Mau. Nhờ đó, sản lượng tiêu thụ tại khu vực này ngày một cao hơn, góp phần không nhỏ trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chất lượng là kim chỉ nam cho mọi hoạt động

Có thể dễ dàng nhận thấy, cùng với sự phát triển, chuyển mình ngày một mạnh mẽ của đất nước, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng mọc lên ngày một nhiều như "nấm sau mưa". Số lượng ngày một nhiều nhưng chất lượng các công trình đó ra sao?

Gặp gỡ ông Nguyễn Hùng - Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới và nghe ông tâm sự mới hay suy nghĩ của các doanh nghiệp đã thay đổi nhiều: "Đã đến lúc, mỗi doanh nghiệp phải tự khẳng định chất lượng sản phẩm của mình, bởi lẽ chỉ bằng cách làm ăn chân thực, sản phẩm mới có được uy tín và chỗ đứng tin cậy trong lòng khách hàng. Làm sao để khi khách hàng có nhu cầu, họ nghĩ ngay sản phẩm của mình". Lời tâm sự chân thành ấy cũng chính là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành. Với những ngành nghề kinh doanh chủ yếu như: sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn; sản xuất các loại vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình giao thông, nạo vét, san lấp mặt bằng, đào đắp nền móng công trình (thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn); dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng... Trong mỗi lĩnh vực kinh doanh, Bê tông 620 đều nỗ lực hết mình và gặt hái những thành công nhất định.

Điểm qua một số công trình mà Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới đã tham gia như cầu Giồng Ông Tố, cầu Bà Chiêm, cầu Long Toàn, cầu Đỏ, hầm Hải Vân, cầu Bà Đệ, cầu Song Thuận, cầu Nam Tây, một số cầu thuộc khu vực Hóc Môn, Củ Chi, đường tỉnh 846 Tiền Giang, quốc lộ 63 Kiên Giang, công trình Nhà máy Dệt ChungShing... đều thấy rằng tại bất cứ đâu, thời điểm nào, các công trình sử dụng sản phẩm của 620 đều được bạn hàng đánh giá tốt. Đặc biệt, công trình cầu Mỹ Thuận đã gây được tiếng vang lớn cho các thành viên tham gia thực hiện và là công trình tiêu biểu khẳng định chất lượng của Bê Tông 620.

Ngoài việc thực hiện các công trình về giao thông, công ty cũng tham gia các công trình xây dựng cơ bản khác như nhà cao tầng tại thành phố Hồ Chí Minh, các công trình xây dựng dầu khí (ống bọc dẫn dầu, khí đốt), các công trình thuỷ lợi, các khu nhà công nghiệp, khu chế xuất... Cũng

theo ông Nguyễn Hùng "Chúng tôi chinh phục bạn hàng bằng mọi nỗ lực củng cố, nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, trong thời gian tới, mục tiêu chiến lược của Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới là đa dạng hoá sản phẩm bê tông, thoả mãn mọi nhu cầu của thị trường về chất lượng cũng như số lượng, đáp ứng tiến độ các công trình và điều quan trọng là hạ giá thành sản phẩm, tích cực tham gia đấu thầu nhằm nâng cao sản lượng khoảng 3 - 5 lần so với tổng sản lượng hiện nay". Để từng bước thực hiện mục tiêu này, công ty đang tiến hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất cọc ống ly tâm ứng suất trước, thay thế dần hàng nhập khẩu từ Malaixia và Thái Lan. Đây sẽ là bước cải tiến hệ thống máy móc, dây chuyền quan trọng, tiết kiệm một phần chi phí đáng kể từ khâu nhập khẩu vật tư, góp phần giảm giá thành sản phẩm, làm lợi cho khách hàng.

Hứa hẹn một tương lai rộng mở

Trong những năm qua, Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ trong lĩnh vực kinh doanh cũng như trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Cụ thể: năm 2001, công ty sản xuất gần 40 nghìn m^3 bê tông các loại, giá trị tổng sản lượng đạt 175,6 tỷ đồng, bước sang năm 2002, sản lượng bê tông các loại đạt hơn 60 nghìn m^3, giá trị tổng sản lượng đạt 211,6 tỷ đồng. Ngoài ra, hoạt động xây lắp công trình của công ty cũng ngày một mở rộng, dịch vụ sản xuất - kinh doanh cũng có nhiều tín hiệu đáng mừng.

Phát huy hơn nữa thành tích đạt được, công ty đang xây dựng chiến lược, trong đó sẽ chú trọng đến công tác thị trường như tìm bạn hàng ở những khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế như: thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai là khu vực đang có nhiều dự án cầu cảng lớn, khu chế xuất được thành lập, nhu cầu bê tông thành phẩm là vô cùng lớn; Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long - Phú Quốc - Côn Sơn là vùng đất công nông nghiệp giàu có của đất nước, nhưng đồng thời là miền đất mênh mông sông rạch. Việc phát triển, mở mang giao thông vận tải ở đây vừa phải đáp ứng tốt nhu cầu đặt ra, vừa khắc phục và khai thác những điều kiện đặc thù về thiên nhiên và địa lý toàn vùng. Tương lai, khu vực này sẽ được Nhà nước đầu tư xây dựng nhiều cầu, cảng, tiến tới xoá bỏ hệ thống cầu khỉ bằng cầu bê tông đúc sẵn. Đây chính là thời cơ thuận lợi cho Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới từng bước chinh phục thị trường mới đầy tiềm năng này.

Hướng tới tầm nhìn xa hơn, với đặc điểm, địa hình Việt Nam có 2.500 km đường biển và khá nhiều sông ngòi. Để thuận lợi cho việc giao lưu quốc tế cũng như đẩy mạnh giao thương giữa các nước, nhiệm vụ trước mắt là phải xây dựng hệ thống cảng biển. Với nhiệm vụ ấy, việc sử dụng cọc ống ly tâm ứng suất trước phải đi đôi với sử dụng hệ thống khoan đồng hành đường kính từ D2000 đến D2500mm, điều này đồng nghĩa với yêu cầu về kỹ thuật từng công trình sẽ ngày một khe khắt. Để có hành trang vững chắc cho "cuộc đua" mới, Bê Tông 620 sẽ còn phải cố gắng nhiều hơn nữa, sáng tạo nhiều hơn nữa trong quá trình sản xuất để đáp ứng lòng tin cậy của đội ngũ bạn hàng trong cả nước.

Nhiều công trình mới còn đang đón đợi Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới ở phía trước. Nào cát, nào sỏi, nào tiếng ồn ào của máy trộn bê tông, cần cẩu, từng đoàn xe nối đuôi nhau tấp nập chở hàng, nào những giọt mồ hôi của người công nhân... tất cả tạo nên một không khí riêng của những công trình. Nhìn những cấu kiện bê tông, những khối bê tông tươi, bê tông siêu trường, siêu trọng mới "ra lò" mới hiểu được niềm vui thành quả của những người làm công trình. Vất vả sẽ còn nhiều nhưng với thành tựu đạt được hôm nay, Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới sẵn sàng đối mặt với mọi gian nan, thử thách.

CHAU THOI 620 CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Spearhead of Construction Works

Concrete products can not be formed without one of three factors such as sand and stone, cement, water. However, the final products without three factors: the prestige - quality - product cost, do not belong to Chau Thoi 620 concrete and finally can not gain the trust of clients in co-operation - confidence - development. This shows how strong the three factors are in making a prestigious trademark of Chau Thoi 620 Concrete in the market.

Chau Thoi 620 Concrete Joint Stock Company has created a familiar and prestigious trademark to clients and continuously affirms the quality of its products in industrial and civil works. With the experience of 40 years, the company's products have won the people's trust in market in the South from Thua Thien - Hue to Ca Mau provinces increasing the consumption output remarkably. It would be proud to say that the products of Chau Tho Concrete 620 has made great contributions to the national industrialisation and modernisation process.

Quality is a lodestar in any action

It can be easily realised that together with the rapid development and changes of the country, a number of industrial and civil construction works have sharply increased. There is a rise in the number, but what's about the quality?

In the meeting with Nguyen Hung - the Company's General Director cum Chairman of Board of Management, it is discovered that the thinking of enterprises have changed a lot "it is time for each enterprise to confirm the quality of its products because only by operating in a properly way can the products gain prestige and win the customers' heart. Every enterprise has to find a way to make clients think about its products whenever they need". That heartfelt statement is considered as company's motto for every activity during its construction and development. The company has the main business lines such as producing and assembling prefabricated concrete structures, different types of construction raw materials; building transportation works; dredging; levelling; digging and covering the foundation (applying the drilling and mining method); providing delivery services of the normal concrete, raw concrete and super-weight and super-length concrete products... etc. In each business line, the company always put all effort to achieve certain results.

Construction works conducted by the company such as Giong Ong To bridge, Ba Chiem bridge, Long Toan bridge, Red bridge, Hai Van tunnel, Ba De bridge, Song Thuan bridge, Nam Tay bridge and some other bridges in Hoc Mon, Cu Chi, Tien Giang 846 provincial road, Kien Giang National Road 63, Chung Shing textile factory structure... etc all illustrate that in any place and at any time if the company's products are used, they have all received good remarks from clients. Particularly, the My Thuan bridge structure has made good echo for units participating in the project and is a typical construction work to prove quality of 620 concrete.

Apart from construction works in transportation, the company also participated in other capital construction works such as high buildings in Ho Chi Minh city, petroleum and gas structure (oil and gas pipe-line), hydraulic works,

industrial and processing zones...etc. Nguyen Hung also added that " We has won the clients' hearts with all of our efforts in consolidating and increasing the quality. However, in the coming time, the company's strategic objective is to diversify concrete products, satisfy all market needs in quality and quantity, meet the progress of construction works and more importantly reduce product price, actively take part in bidding to raise output to 3 - 5 times higher than the production at present". To progressively reach this objective, the company is completing a production line of stress centrifugal piles and columns to gradually replace imported ones from Malaysia and Thailand. It is the important improvement in machinery system and production lines helping greatly reduce the cost of materials import, product price and creating more profit for clients.

Promise a bright future

During the past years, Chau Thoi 620 Concrete Joint Stock Company has gained some significant achievements in business as well as in capital construction investment. In particularly, in 2001, nearly 40,000 cu.m of concrete of different types was produced with total output of VND 175.6 billion while in 2002 it was approximately 60,000 cu.m, reaching the total production of VND 211.6 billion. Moreover, the building and assembly activities have been increasingly expanded and production and business services have also showed many good signals.

To further develop the outcomes, the company is building a strategy with a focus on marketing activities such as looking for clients in potential economic development areas of Ho Chi Minh city - Binh Duong - Dong Nai - places with various projects on large seaport, processing zones, large demand for concrete products; Cuu Long River delta - Phu Quoc - Con Son - localities rich in agriculture and industries and with a number of rivers and canals. The development and enlargement of transportation system, in these areas has to match up the demands as well as overcome and explore specific features of its nature and geography. In the future, this area will receive more investment from the Government in building bridges, ports to replace foot - bridges with the prefabricated concrete structures. It is good time for Chau Thoi 620 Concrete Joint Stock Company to start conquering this new and very potential market.

In the long vision, with the geographical condition of 2,500km of sea roads and a number of rivers and streams, a system of seaports should be established in Vietnam to create favourable conditions for developing international relations as well as to promoting trading activities with other countries. With this task, initial stress centrifugal pile should be used in combination with a system of uniform drills with diameter of 2,000 - 2,500 mm. It means that technical requirements of each construction works are becoming more strictly. To have good equipment to enter in the new "competition", the company should have more efforts and initiatives in the production to respond to the trust of clients throughout Vietnam.

Many new construction works are waiting ahead for Chau Thoi 620 Concrete Joint Stock Company. The sand, gravel, noise coming from concrete mixer, crane, group of trucks in queue carrying goods and sweat drops of the workers... etc combine together to create a specific atmosphere of each construction work. Only by looking at concrete components, raw concrete blocks, newly produced super-weight and super-length concrete, can we understand the happiness and achievements of the workers. More difficulties may come, but the achievements gained by the company today are ready to deal with any difficulties and challenges.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐỨC THÀNH (DELTA FOODS)

Phát triển sản xuất gắn liền với người nông dân

Nguyễn Lâm Viên - Giám đốc Công ty Thương mại Đức Thành (Delta Foods) là người đầu tiên thành công khi đưa công nghệ sấy khô trái cây bằng phương pháp hút chân không vào Việt Nam. Không chỉ có vậy, Công ty Đức Thành còn trở thành một trong những địa chỉ ít ỏi ở Việt Nam vừa cung cấp những giống cây ăn trái công nghiệp, truyền bá kiến thức mới về trồng trọt và ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ sản phẩm với giá thị trường, tạo nên một đầu ra mới có giá trị cho các sản phẩm trái cây Việt Nam.

Gian nan tìm kiếm thị trường

Sau quãng thời gian dài tìm tòi và học hỏi công nghệ sấy khô trái cây bằng công nghệ hút chân không ở Đài Loan, đến năm 1990, ông Nguyễn Lâm Viên trở về nước, bắt đầu nhập một số thiết bị, linh kiện từ Đài Loan, Nhật Bản về Việt Nam lắp ráp, và bước đầu sản xuất với hai sản phẩm là chuối và mít - hai nguồn nguyên liệu sẵn có ở Việt Nam. Nhưng khi ông đưa sản phẩm ra thị trường thì sản phẩm gần như không được chấp nhận, vì chất lượng chưa được ngon lắm mà giá thì quá cao. Ông tìm cách đóng sản phẩm thành những gói bé 35g để bán thử nhưng vẫn thất bại. Có lẽ bản thân những người lần đầu tiên dùng sản phẩm của Đức Thành còn quá lạ lẫm với mặt hàng sấy khô, dù rằng công nghệ mới mà ông nhập về cho ra sản phẩm vệ sinh tuyệt đối, không sử dụng hoá chất trong quá trình sản xuất, bảo quản.

Thất bại ở thị trường trong nước đã đưa ông đến suy nghĩ phải trở lại thị trường trước đây ông đã học, và ông bắt đầu đưa sản phẩm của mình sang thị trường Đài Loan. Ông Viên kể lại: "Ở thị trường này cũng thật khó khăn, vì họ không biết trái mít của mình như thế nào, còn chuối thì họ không ăn, bởi loại quả này chẳng xa lạ gì với họ. Vào thời điểm ban đầu, chúng tôi bán thử ở chợ hàng khô chứ chưa đủ "tư cách" lẫn "bề dày kinh nghiệm" để có thể vào siêu thị bán. Trước thực trạng ấy, tôi quyết định là phải tự đi bán sản phẩm của chính mình. Môi trường kinh doanh ở Đài Loan cũng giống như Việt Nam, họ cũng có chợ tạp bán trên phố. Vì thế, tôi đã kết hợp với người bạn bên đó quyết định bán ký gửi mỗi cửa hàng từ một đến hai thùng, nhưng chúng tôi cũng không có đủ tiền mua bao bì, mà chỉ đổ vào hũ và cứ thế mời khách ăn. Cách quảng cáo duy nhất là chụp một trái mít thật to rồi dán ở nơi bán."

May thay, vào dịp Tết nên bà con đi chợ tạp đông và đa phần là phụ nữ nên rất hiếu kỳ. Món lạ đồn xa nên người đến càng đông. Những ông chủ đầu cơ ở chợ tạp cũng lấy làm lạ, không hiểu năm nay có gì mà bà con tập trung mua dữ thế. Rồi họ bắt đầu đi tìm xem công ty nào nhập khẩu thứ hàng lạ đó. Lúc đó, hàng của ông Viên nhập qua một công ty của một người bạn. Các ông chủ Đài Loan đã tìm đến ký hợp đồng bao tiêu 100% sản phẩm.

Từ năm 1995, ông đã chọn xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương để xây dựng nhà máy sản xuất hai loại sản phẩm khô và sản phẩm dẻo. Theo ông Viên, lý do để ông chọn Bình Dương làm nơi đầu tư xây dựng nhà máy, vì nơi đây là một vùng đầu mối nguyên liệu. Ngoài ra, Bình Dương xưa vốn là xứ trồng mít, với mục đích lấy thân cây làm nguyên liệu cho ngành sơn mài. Nhưng sau đó nghề này đã dần mai một theo cơ chế thị trường. Vì thế, cây mít trở nên dư thừa, quả mít để chín mà ăn tươi thì không hết. Xứ mít từ khi có công ty của ông bỗng đắt hàng hẳn lên. Bình Dương còn là vùng cây trái phong phú như khoai môn, xoài,... mà những sản phẩm chế biến chính của công ty ngày mới thành lập phải là những sản vật rất "Việt

Nam", là thứ quả hiếm thấy ở bên tây. Các sản phẩm của công ty được làm từ các loại quả và khoai như quả mít, xoài, ổi, khoang lang, khoai tây, khoai môn,... dưới dạng sấy khô theo kiểu trao đổi nhiệt, nhưng vẫn giữ nguyên được những yếu tố tự nhiên của các loại sản phẩm mà không phải dùng hoá chất.

Do đã có người bao tiêu sản phẩm nên việc sản xuất hoàn toàn yên tâm, công suất chỉ khoảng 8 - 12 tấn/tháng. Tuy nhiên, mức giá bán cao, khoảng 6USD/kg nên ông cảm thấy rất hạnh phúc. Do chuyên tâm vào nghiên cứu và tập trung sản xuất nên trong thời gian dài, công ty đã bỏ qua thị trường trong nước. Cho đến năm 1997, ông thấy nếu không quan tâm đến thị trường trong nước thì các nhà máy khác sẽ ra đời và rồi sẽ cạnh tranh giành giật thị trường xuất khẩu. Cũng vào lúc đó, trong nội bộ xảy ra một số vấn đề, vì thế công ty chính thức quay lại thị trường trong nước và bán theo giá phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam, túi 35g bắt đầu trở lại với đối tượng là các học sinh. Cùng đó, ông cho tung ra loại sản phẩm không có bao bì và tham gia giới thiệu sản phẩm mới trong hàng loạt các gian hàng chợ tết.

Đầu tư cho người nông dân, đôi bên cùng có lợi

Ở Việt Nam, từ trước đến nay, trong việc trồng các loại cây này chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng chứ chưa có sự đầu tư tập trung thành những vùng cây công nghiệp, tạo nên nguồn nguyên liệu ổn định. Để có các loại quả, củ khoai đáp ứng được tiêu chuẩn sản xuất công nghiệp, công ty đã nghiên cứu và cung cấp những cây giống cho nông dân, sau đó ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ những sản phẩm theo giá thị trường. Cách làm này tạo tâm lý ổn định cho người nông dân yên tâm trồng trọt và sản xuất, hướng cho người dân địa phương có được những ý thức về quy hoạch các trang trại cho trồng cây công nghiệp. Năm 1996, công ty đã đầu tư một nông trang đặt ở Phước Trang với diện tích gần 100 ha, chuyên nghiên cứu về giống qua sự liên kết với Trường Đại học Cần Thơ, Trường Nông lâm, Viện Nghiên cứu Nhiệt đới. Đến năm 2001, công ty lại đầu tư thêm một trang trại nữa với diện tích 100ha.

Nhà máy bắt đầu triển khai nghiên cứu những giống cây cây ổi, trồng khoai lang, trồng chuối, trồng xoài, mít, khóm,... để phù hợp cho sản xuất công nghiệp và kích thích kinh tế trang trại phát triển vì hiện nay không có nơi nào có nhiều trang trại phát triển như ở Bình Dương, Bình Phước. Sau đó, nhà máy cho kỹ sư xuống hướng dẫn cách trồng trọt, chăm sóc cho đến ngày thu hoạch và ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ sản phẩm theo giá thị trường chứ không đầu tư trực tiếp cho người dân, bởi làm như thế họ sẽ ràng buộc về giá bán mà nhà máy quy định.

Việc nghiên cứu các giống cây nào cho phù hợp với sản xuất công nghiệp cũng rất khó khăn, bởi ngay từ cây giống, công ty đã phải nghiên cứu ra những giống cây phù hợp với sản phẩm sấy khô của công ty chứ không phải chờ những cây quả bán theo mùa trên thị trường nữa. Ví dụ, đối với sản phẩm mít, công ty đã nghiên cứu cho ra giống mít có độ ngọt vừa phải, những múi mít đều như nhau và có mùi thơm hơn có năng suất cao và phù hợp với chế biến. Đối với cây xoài, công ty tạo ra giống nâng nồng độ hạng, nồng độ bùi của xoài, bù đắp cho sự mất mùi, mất màu trong khi chế biến. Để làm được điều này, công ty đang nghiên cứu để có thể đưa nông phẩm của người Việt biến thành những sản phẩm chế biến công nghiệp và hướng dẫn người nông dân quy hoạch trang trại đất đai và cây phát huy tối đa năng suất. Nhà máy đã trở thành đơn vị tiên phong trong việc đầu tư cho ngành nông nghiệp để nghiên cứu cho ra đời những giống cây có tiềm năng xuất khẩu cao, phát triển những loại cây đó, cộng với khoa học kỹ thuật vốn có của nhà máy để hướng dẫn các trang trại trồng trọt. Trong tương lai, nhà máy sản xuất sẽ gắn bó chặt chẽ hơn với nông trại, để gắn công nghiệp với nông nghiệp.

Bằng cách làm năng động sáng tạo, đến nay, các sản phẩm mít sấy, khoai lang, khoai môn sấy mang tên Đức Thành đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng Việt Nam và đã được người tiêu dùng bình chọn là "Hàng Việt Nam chất lượng cao" nhiều năm liền. Trong năm 2002, công ty đã đầu tư khoảng 20 tỷ đồng xây dựng thêm nhà máy mới, nâng công suất sản xuất, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ở thị trường trong và ngoài nước. Mô hình Delta Foods thực sự là một điểm sáng của Bình Dương, đem lại cho người trồng trọt một tương lai mới tương sáng.

DUC THANH TRADING COMPANY LTD. (DELTA FOODS)

Production Development in Connection with the Farmers

Nguyen Lam Vien - director of Duc Thanh Trading Company (Delta Foods) is the first person that has succeeded in applying fruit drying technology in Viet Nam by using vacuum absorbing method. Duc Thanh has also become one of the very rare companies in Viet Nam supplying industrial fruit seedlings, raising farmers' awareness about cultivation and signing contracts for buying back all products at the market prices, create valuable output for Vietnam's fruit products.

Great attempts seeking for markets

After long time studying fruit drying technology by vacuum absorbing method in Taiwan, Nguyen Lam Vien returned home in 1990 and imported some equipment and accessories from Japan and Taiwan to assemble in Viet Nam, then started production with bananas and jackfruits - the available materials in Viet Nam. However these products were almost not accepted in markets because of its taste and high price. He tried to put these products in small packs of 34g for sale but he failed. Perhaps, Duc Thanh dried products were strange to those who used them for the first time, although they were produced by advanced technology and ensured with absolute hygiene without using any chemical substance in production and preservation process.

Failure in domestic market led him to the foreign markets where he studied before. He brought his products to the Taiwan's market. Mr. Vien related: "It is really hard to enter this market, because they did not know jackfruits of Vietnam and they did not eat bananas as these products was too familiar to them. At the beginning, we tried to sell them at the dried goods market, since we had not enough "confidence" and "experience" to sell them in the supermarkets. In this circumstance, I decided to sell my products by myself. The business environment in Taiwan is just like in Viet Nam: there are small markets in the streets where miscellaneouse things are sold. Therefore, I co-operated with my friend to give one or two barrels at every store on consignment. At that time we had not enough money to buy wrapping papers, so we had to put the products into the jar and invited customers. The only way to advertise our products was to hang a big picture of the jackfruit at the selling place.

Luckily, that was New Year time, many people went to the markets and majority of them were curious women. The reputation of strange dish attracted more people to buy. The speculators were surprised and wondered which strange dish attracted so many purchasers. Then they went to see which company imported those strange products. At that time his friend's company imported Vien's products. The Taiwan traders came there to sign contracts to buy all products.

Vien built a factory producing dried and soft products in Tan Dinh commune of Ben Cat district, Binh Duong province in 1995. According to Vien, the reason he chose this area for his business is the available material resource. Previously, Binh Duong people planted jackfruits to get woods for lacquer. Later on, this occupation gradually fell into oblivion due to the market economy. There was a great redundancy of jackfruit trees and jackfruits which people there could not consume all. The jackfruits have been sold since his company established. In addition, Binh

Duong is also plentiful of taros and mangos The main products of the company since its commencing days are very "Vietnamese" and rarely sold abroad. The company's dried products are made from jackfruits, mangos, guavas, batata, and potato by heat exchange to sort out water but still keep natural features of the products without using any chemical substance.

He felt happy when the company were assured all the products were bought at high price of US$ 6/kg although the factory's capacity is only 8-12 tonnes per month. The company concentrated on research and production and neglected domestic market. Until 1997, he found out that if the attention were not paid to domestic market, there would be other factories, which then caused competition in export market. Also at that time, when there were some internal problems, the company officially decided to exploit domestic markets for the products at the price suitable to the consumers. The customers of the 35g packs are mainly pupils. Concurrently, He introduced the unpacked products in Tet festival markets.

Cooperation with farmer for mutual benefits

These crops have been mainly used for the consumption purpose and there have been no concentrated investments to make stable industrial plant region. In order to get fruits, roots as the industrial production standard, the company has researched and provided farmers with crop seedlings, then signed the contracts for buying back all products at the market price. This method has made farmers feel secured for cultivation and production, raising their awareness of farm planning for industrial trees. In 1996, the company co-operated with Can Tho University, Agro-Forestry Institute, Tropical Research Institute to invest in one farm of Phuoc Trang with the area of about 100 hectares, which specializes in seeds research. In 2001, the company invested in another farm with the area 100 ha.

The factory has begun researched seeds such as guavas, sweet patatoes, bananas, mangos, and pineapples in accordance with industrial production to stimulate the development of farm economy because there were no other places with many farms except Binh Duong and Binh Phuoc. After that, the factory will send engineers to teach farmers in planting and tending crops until harvest, then sign contract of buying back all products at market price but not make direct investment in farming which will make the farmers dependent on prices regulated by the factory.

However, to find out which seeds are suitable for industrial production is difficult because the company has to study very thoroughly and does not have to wait for the seasons of fruits in the market. For instance products from jackfruits, the company has to study sweet jackfruits with equal sections and fragrance and mangoes are more pungent and tasty, and have higher productivity suitable to the processing which will partly bring fragrance and colour lost in processing. In order to do that, the company has been studying method to turn Vietnamese agricultural products into industrial processed products and to guide farmers how to plan the farm to fully exploit soil and tree capacity. The factory has become vanguard in agricultural investment to create the seeds of high export potential, develop those trees; and use the factory's science and technique to guide farmers to cultivate. In the future, the factory will closely co-operate with farmers to link industry with agriculture.

Thank to the creative methods, the dried products from jack-fruits, batatas, taros with the lable Duc Thanh have become familiar to Vietnamese consumers and been selected as "Vietnam high quality goods " for years. In 2002, the company has invested approximately VND20 billion in construction of factory to raise production capacity, satisfy consumption demand in domestic and foreign markets. Delta Foods model is virtually a highlight of Binh Duong province, which bring a bright future to the farmers.

Ai đã từng đến thăm vùng gốm sứ truyền thống lâu đời của tỉnh Bình Dương ở Tân Khánh - Bà Trà, thuộc Tân Uyên sẽ được nghe kể về giai thoại của đôi bạn Lý Ngọc Minh và Dương Văn Long. Là bạn từ thủa thiếu thời, lại sinh ra trên vùng đất gốm sứ, hai chàng thanh niên đam mê đất sứ đã cùng nhau chụm đầu nghiên cứu màu và men sứ suốt nhiều năm trời dưới mái nhà tranh của vùng thôn quê. Tích cóp được một chút vốn, họ đã thành lập Công ty Gốm sứ cao cấp Minh Long. Theo dòng thời gian, đến năm 1980, hai người bạn này đã tách ra để trở thành hai chủ doanh nghiệp nhằm theo đuổi hai thiên hướng khác nhau nhưng vẫn giữ lại từ Minh Long để đặt tên cho doanh nghiệp của mình. Minh Long I của Lý Ngọc Minh tiếp tục theo nghề gốm sứ mỹ nghệ chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, còn Minh Long II của Dương Văn Long đi vào sáng tạo những sản phẩm sứ cách điện phục vụ công cuộc đổi mới đất nước. Đến nay, cả hai chủ doanh nghiệp này đều gặt hái được nhiều thành công, trở thành những gương mặt sáng giá, đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế Bình Dương. Với tinh thần làm việc năng động, sáng tạo, những sản phẩm của họ đã vượt khỏi phạm vi địa phương, được khách hàng trong nước và thế giới biết tiếng. Kinh nghiệm kinh doanh của họ là bài học quý về tình bạn, về ý chí bền bỉ vượt khó khăn để vươn tới thành công. Hai doanh nhân này đã làm gì để có được kết quả ngày hôm nay.

Sứ Minh Long I - Đưa hồn Việt đến mỗi nếp nhà

Bằng ý chí "tiến công" vào công nghệ gốm sứ hiện đại, cùng với lòng kiên trì bền bỉ, ông Lý Ngọc Minh - Giám đốc Công ty Sứ Minh Long I đã biết kết hợp cái hiện đại của công nghệ gốm sứ thế giới với cái tinh tuý của nghề gốm sứ truyền thống tại địa phương, làm nên loại sứ Minh Long I mà chất lượng và uy tín của nó ngày càng bay cao vươn xa đến với năm châu, bốn biển. Doanh nghiệp của ông thu hút 1.800 lao động vào làm việc và tạo ra một vùng sản xuất gốm sứ mới tại huyện Thuận An, nơi cửa ngõ vào thị xã Thủ Dầu Một. Bốn người con của ông đều đang tu nghiệp ở nước ngoài, trong này mai sẽ về nước kế thừa sự nghiệp của ông.

Ai đã từng đến xem phòng trưng bày gốm sứ cao cấp Minh Long I, hoặc đã được nhìn thấy tận mắt các sản phẩm sứ Minh Long I trên thị trường đều có nhận xét rằng: "Sứ Minh Long I đã đạt tới đỉnh cao về chất lượng và nghệ thuật của ngành gốm sứ thế giới". Nói đơn giản, sứ Minh Long I có chất lượng tốt, tính thẩm mỹ cao, mang đậm nét văn hoá dân tộc. Mỗi sản phẩm sứ Minh Long I đã được người chủ của nó - ông Lý Ngọc Minh thổi vào "chất hồn Việt" để sản phẩm luôn có cái tên gắn với truyền thống văn hoá dân tộc.

Bền bỉ sáng tạo gây dựng thương hiệu riêng

Lý Ngọc Minh sinh ra và lớn lên trong một gia đình ba đời làm nghề gốm sứ truyền thống ở Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên (Bình Dương). Nhà nghèo, ba lại mất sớm, Lý Ngọc Minh phải bỏ học, lao vào công cuộc mưu sinh cùng 4 người em bên lò gốm gia đình. Năm 16 tuổi, anh đã cùng người bạn của mình là Dương Văn Long làm chủ một cơ sở sản xuất sứ nhỏ có vài chục thợ. Đến năm 1981, cái tên Minh Long I do anh làm chủ đã ra đời. Để phát triển sản xuất, anh đã chuyển cơ sở lên vùng đất Thuận An và phát triển hoạt động sản xuất - kinh doanh từ đó đến nay.

Tĩnh mẫu từ

Hơn hai mươi năm qua, anh luôn lặng lẽ âm thầm nghiên cứu, thí nghiệm các chất liệu mới từ nguồn đất Bình Dương để tìm cách đổi mới công nghệ sản xuất gốm sứ mới. Anh đã tự mày mò nghiên cứu thành công lò gas tự chế, lò điện mô phỏng đầu tiên tại Việt Nam với giá chỉ bằng 20% so với thiết bị nhập từ nước ngoài, trong khi sản phẩm làm ra vẫn đều tam tập với chất lượng cao. Cũng chính anh đã tiếp tục hoàn thiện tự động hoá toàn bộ dây chuyền sản xuất trị giá 5 triệu USD, góp phần tăng năng suất và chất lượng sản

phẩm, trong khi giá thành rẻ hơn.

Lý Ngọc Minh là người cham đi và rất ham học hỏi. Anh đi nước ngoài như con thoi, vừa để học hỏi vừa để tìm kiếm thị trường mới. Cách học của vị giám đốc này cũng khác người. Trong mỗi chuyến đi, anh dành phần lớn thời gian tha thẩn ở các cửa hàng, mua hàng trăm tài liệu về gốm sứ của các nước và hàng loạt sản phẩm kiểu dáng khác nhau để tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kỹ thuật, từ đó rút kinh nghiệm nhằm tạo ra sản phẩm ngày càng hoàn thiện. Tuy nhiên, điểm nổi bật của con ngư[illegible]ũng như tính cách của Lý Ngọc Minh là luôn chú tâm nghiên cứu những đặc trưng văn hoá Việt Nam, qua đó tìm ra những nét đặc trưng riêng của từng miền văn hoá. Đồng thời, anh cũng say mê nghiên cứu văn hoá của quốc gia đang là những thị trường tiêu thụ sản xuất của Minh Long I để qua đó tạo ra những sản phẩm phù hợp với văn hoá của nước sở tại, nhưng vẫn giữ được cái "hồn Việt".

Phong phú về chủng loại, đẹp về thẩm mỹ là bí quyết mang đến thành công

Tuy thế, trong thời gian đầu, việc đưa sản phẩm đến với bạn hàng thế giới lại không đơn giản chút nào, dù rằng sản phẩm luôn đạt chất lượng tốt. Anh Minh tâm sự: "Khách hàng nước ngoài dù đã ưng sản phẩm của mình rồi, nhưng họ vẫn chần chừ vì không biết Minh Long là ai, liệu mua khi bể có đổ thay hay không? Mua chuyến này liệu đến chuyến sau mình còn hàng bán cho họ hay không? Họ ký hợp đồng cho mình liệu mình có giao đúng hàng hay không? Tất cả đối với họ đều là dấu hỏi, vì thế họ không thể ngay lập tức mua hàng cho mình được."

Nói về nỗi vất vả trong việc gây dựng thương hiệu, anh kể: "Sau 4 năm liên tục có mặt tại Hội chợ Hàng tiêu dùng Frankfurt - hội chợ lâu đời nổi tiếng nhất của Cộng hoà Liên bang Đức - Gốm sứ Minh Long I mới có khách hàng. Năm thứ nhất họ chỉ xem hàng, đến năm thứ hai khách hàng tiếp tục quan sát xem Minh Long I còn tồn tại nữa không, có thêm gì đặc biệt không. Vì thế, đến năm thứ 3, Minh Long I vẫn có mặt cùng một loạt sản phẩm mới, để cho họ thấy quy mô sản xuất của Minh Long I ngày càng mở rộng, sản phẩm ngày càng phong phú về chủng loại và đẹp về thẩm mỹ. Kiên trì theo đuổi công tác tiếp thị, đến năm thứ 4, Minh Long I ký được hợp đồng với một khách hàng rất lớn ở châu Âu. Những tưởng đã ổn, vậy mà khách hàng lại đòi sản phẩm của Minh Long I phải mang thương hiệu của họ".

Tất nhiên, Lý Ngọc Minh đã không đồng ý, bởi anh cho rằng: "Chất lượng Gốm sứ Minh Long I đã tốt như vậy mà lại không mang thương hiệu của chính mình thì biết đến bao giờ mới có một sản phẩm "Made in Việt Nam" trên thị trường thế giới. Trước sự cương quyết của người chủ doanh nghiệp Việt Nam, phía đối tác đã nhượng bộ và đồng ý đặt hàng bằng một hợp đồng rất lớn với các sản phẩm cũng mang thương hiệu Minh Long I.

Hồn Việt toả sáng trong men sứ

Sứ Minh Long I đặc sắc ở chỗ, nó vượt trội so với các sản phẩm khác về rất nhiều chỉ tiêu vốn tạo nên vẻ đẹp làm hút hồn khách hàng, đó là có độ trắng nhất, độ trong nhất và có độ cứng nhất. Độ bóng trong sứ Minh Long làm cho người dùng rửa rất dễ dàng, độ cứng giúp mặt men tránh được trầy xước, không dễ vỡ. Còn độ trong làm cho người xem nhìn thấy độ sâu của sản phẩm.

Những nét hoạ tiết, hoa văn của Minh Long I cũng rất đặc thù, không theo một khuôn mẫu cũ nào dù là những nét hoa văn có tính chất truyền thống nếu là sản phẩm trong nước. Nếu là sản phẩm xuất khẩu, hoạ tiết trên sứ sẽ phù hợp với văn hoá của nơi đó. Các yếu tố này đã được Lý Ngọc Minh dày công nghiên cứu kỹ lưỡng, trước khi đưa vào sản xuất một loại sản phẩm mới.

Công nghệ sản xuất tiên tiến cũng góp phần tạo nên chất lượng tuyệt vời của Minh Long I. Độ đồng đều trong sản phẩm rất cao, do được sản xuất trên dây chuyền hiện đại nhập từ các nước tiên tiến. Vì thế, gốm sứ Minh Long I vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại. Mỗi sản phẩm Minh Long I ra đời đều chứa đựng tâm huyết mà anh từng "đày công thai nghén" từ hai đến ba năm. Chẳng hạn, con chim lạc trong âm đào - một hình ảnh quen thuộc trong đời sống văn hoá của người Việt Nam - khi xuất hiện trên sản phẩm Minh Long lại có nét gì đó rất hiện đại về màu sắc nhưng vẫn giữ được nét truyền thống rất thuần khiết trong hoạ tiết. Điều này được Lý Ngọc Minh gọi vui là quá trình "quốc tế hoá" sản phẩm Minh Long I, mà nhìn vào cách trang trí này người Phương Tây thấy bóng dáng Phương Đông, còn người Ấn Độ hay người Trung Quốc cũng dễ chấp nhận,...

Gần đây, Lý Ngọc Minh đưa ra một bộ sứ mới thể hiện cái tinh tuý của đất trời như bộ hoa sen vẽ trên men ceradon - một loại men lên màu rất đẹp, nhưng đưa màu vào men thì hiếm có ai làm được ngay cả đối với các nghệ nhân Trung Quốc.

Anh tâm sự: "Biểu tượng hoa sen tượng trưng cho

phẩm chất người Việt. Với một biểu trưng rất Việt Nam như thế, tôi nghĩ việc đưa nó lên men sứ thế nào cho thật độc đáo lại là vấn đề cần phải cân nhắc kỹ, nếu không sẽ khó thể hiện hết cái thần của nó".

Lý Ngọc Minh đã phải mất hơn 2 năm liền nghiên cứu mới đưa được màu lên nền men ceradon. Ngành bộ Hoa sen, trông xa ta như thấy sương mù giang toả, lại gần những cánh hoa như những hạt ngọc, thuần khiết, thanh tao đến lạ thường.

Ngoài ra, Minh Long I còn có những bộ sưu tập nổi tiếng khác, trong đó có một số chủ đề nổi bật như: Khối tình, Tình cha con, Tình vợ chồng, Tình anh em, Tình mẫu tử... Với chủ đề tuổi thơ có Bắt bướm, Thả diều, Đá dế... Với đề tài thiếu nữ là hình ảnh thiếu nữ 3 miền với các phong tục, tập quán riêng. Bởi thiếu nữ miền Bắc có nét tự hào về nền văn hoá, thiếu nữ miền Trung toát lên vẻ vương giả, đài các của các vua chúa, còn các chị em miền Nam lại rất đôn hậu, hiền hoà. Bằng những dạc trưng về truyền thống văn hoá, độc đáo trong các hoạ tiết và cách pha màu, sản phẩm của Minh Long I được nhận giải Sao Vàng về chất lượng quốc tế châu Âu năm 1997, giải thưởng WPO của Cơ quan Sở hữu trí tuệ Liên hợp quốc về công nghệ có màu ở nhiệt độ cao năm 1996 ...

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Minh Long I hiện nay là Châu Âu, nơi thị trường cạnh tranh khắc nghiệt nhất. Ở trong nước, sản phẩm của Minh Long I hiện đã có mặt ở hầu hết các nhà hàng khách sạn lớn, trong các buổi tiệc sang trọng và là món quà quý dành tặng các đối tác nước ngoài. Việc tìm thấy tiềm năng tiêu thụ lớn tại thị trường trong nước đã hướng Minh Long I từ xuất khẩu là chính, dần chuyển sang khai thác thị trường nội địa. Song dù cho Minh Long I xuất hiện ở bất kỳ thị trường nào thì nét đẹp của gốm sứ Việt Nam, của tâm hồn Việt Nam vẫn lan toả trong từng sản phẩm mang thương hiệu Minh Long I - cái tên của hai người bạn, hai "con rồng sáng" của đất Bình Dương.

Those who have over visited the long traditional area of porcelain and ceramics in Tan Khanh - Ba Tra, Tan Uyen District will hear the legend of the two friends Ly Ngoc Minh and Duong Van Long. Born in the land of porcelain and ceramics, and being old friends since they were small, the two boys devoted themselves to the researches on colours and enamels for years. Have saved some money, they established Minh Long High-class Porcelain and Ceramic Company. Time passes by, the two friends separated from each other to become owners of two different enterprises with different development directions but still kept name Minh Long for their company. Minh Long No.1 managed by Ly Ngoc Minh continues pursuing the production of high-class porcelain and ceramics handicrafts for exports. Minh Long No. 2 managed by Duong Minh Long became specialised in electric ceramic insulation to serve the nation's renovation. Until now, both have achieved satisfactory successes and become outstanding businessmen making significant contributions to the economic development of Binh Duong. Working actively and creatively, they have brought their products out of Binh Duong, and made them well known not only in Vietnam but also over the world. Their business experience is a precious lesson of friendship and strong minds in overcoming difficulties to achieve the success. What have the businessmen done to achieve outstanding results as today?

Minh Long Porcelain No.1 Bring Vietnamese Spirit to the World

With the determination to 'attack' the modern technology of porcelain and ceramics, Ly Ngoc Minh – the Director of Minh Long China No.1 has combined the modernity of the international technology and the quintessence of the local traditional occupation to make Minh Long I ceramics with higher quality. His firm has generated jobs for more than 1800 people and created a new ceramics production area in Thuan An district - an open door to Thu Dau Mot town. His four children are studying overseas and they will certainly inherit their father's cause in the near future

Those who have visited the showroom of porcelain and ceramics made by Minh Long No.1 or seen the company's products in markets give the same comment: "Minh Long porcelain has reached the top level of international quality and arts". Simply speaking, Minh Long porcelain is of high aesthetics, high quality and traditional cultural characteristics. Every product by Minh Long Porcelain No.1 has been breathed

'Vietnamese spirit' into so as the products having names of the national culture and tradition.

Persistent efforts to create and build up the own trademark

Ly Ngoc Minh was born in a family of which three generations specialised in traditional porcelain and ceramics in Tan Phuoc Khanh, Tan Uyen District (Binh Duong). His family was so poor and his father died so soon that Ly Ngoc Minh and his four younger brothers and sisters had to leave school and started to work for a living early. When he was 16, Minh and his friend (Duong Minh Long) built a small workshop with dozens of workers. His Minh Long No.1 was established in 1981.

Over the past twenty years, he has always silently researched and made experimental on new materials from Binh Duong clay to renovate the new production technology. He himself has successfully made the first gas generation furnace and reproduced electricity furnace costing only 20 percent of that produced in other countries but producing the same products. He has also completed the automation of the entire production lines with US$5 million contributing to the productivity and quality increase at cheaper prices.

Ly Ngoc Minh is interested in travelling and learning new things. He keeps going abroad frequently to learn more experience and find new markets. The way he learns is also different from others. He spends most of the time during the trips wandering around, buying hundreds books about ceramics of other countries and series of products with different designs to study more the technology for better products. However, Minh pays much attention to do researches on the Vietnamese cultural characteristics, through which he can find out features of each cultural region. Concurrently, he is very keen on doing culture of the countries imported his products, from which he can make the products suitable to their cultural tastes and the 'Vietnamese spirit' is still maintained.

However, it was not easy to access foreign customers at the beginning though the products were always of good quality. "Although interested in Minh Long No 1 products, foreign customers hesitate to buy because they do not know anything about Minh Long and, whether the company can supply substitutes in case the products broken or they need more as well as the good delivery services. All those questions caused their hesitance, therefore they can not buy our products immediately." - said Minh.

Talking about how hard to build up the trademark, he recalls: "Minh Long could only win the first customers after four years consecutively taking part in Frankfurt Fairs for consumer goods - the most famous fairs in Germany. At first, customers only looked at products of Minh Long No.1 and they continued observing to see whether Minh Long No.1 was still alive and whether the company had any special things. At the third time, Minh Long No.1 appeared again with series of new products to show our expanding production scale and the our product diversification. Until the fourth fair, Minh Long first signed a contract with a big European customer. It seemed to be good, but the customer required the products of Minh Long No.1 under their trademark."

Ly Ngoc Minh certainly refused because he thought that "If the products by Minh Long No.1 with such high qualities can not have their own trademark, when could there be a product 'made in Vietnam' in the world market". Finally, the partner had to make concession to the Vietnamese determined business owner. They made a great order contract for ceramic products named Minh Long No.1.

Enamels brilliant with the 'Vietnamese spirit'

The ceramic products by Minh Long No.1 have special characteristics that make them outstanding with great attractiveness: the best whiteness, the best transparency and the best solid. The high brightness makes the products easy to be washed, the solidity helps avoid scratches and fragility, and the transparency makes the depth of the products visible.

Even patterns on Minh Long I products are also special and traditional-like without following any models of old designs. The vignettes on the exported products follow the culture characteristics of the import countries. Minh Long

always carefully researches all those factors before producing new products.

The advanced production technology also contributes to higher quality of Minh Long No.1 products. Modern machinery imported from industrialised countries help Minh Long No.1 products are in the same size and quality. Minh Long ceramic products are of both traditional and modern features. Every Minh Long No.1 product is carefully researched for two or three years before producing. For instance, the picture of a crane on the peach-like pot, which has been familiar in Vietnamese cultural life, applied on Minh Long No1 products remains its purity in the vignettes apart from the modern colours. Ly Minh Long calls it 'internalisation' of Minh Long No.1 products which shows the Oriental culture to the Western people and it is also easy to be accepted by both Chinese and Indian people.

Recently, Ly Ngoc Minh has produced ceradon - based ceramic tea set decorated with lotus as the spirit of nature. Ceradon is an enamel that may give very beautiful colours, few people, even Chinese craftsmen, can colour this kind of enamel.

"Lotus is the symbol of Vietnamese soul. It is so difficult to apply such a Vietnamese symbol on ceramic enamel in a special way so that the spirit of the symbol can be expressed." said Minh.

It took Minh two years to find the way to apply the colour on the ceradon enamel. Looking at the lotus from a distance, we can see the smoky fog spreading, but getting closer, we will find brilliance of the lotus petals as pure and noble gems.

Minh Long No.1 has many other famous collections with the typical topics like love, fatherhood, conjugal love, brotherhood and motherhood, childhood with butterflies catching, kites flying and cricket fighting. Minh Long No.1 products are also decorated with pictures of Vietnamese girls from all the three parts of the country. Northern girls famous with the traditional cultural behaviour, the central girls famous with the smartness and snobbishness of the royal descent, and southern girls are so gentle and warm. Minh Long No.1 was granted with the Golden Star prize for international quality in Europe in 1997 and WPO prize for colouring techniques from the UN Intellect Property Organisation in 1996.

Minh Long No 1 porcelain and ceramic products were awarded "Golden Star" Prize for international standard quality in 1997

The main export market of Minh Long No.1 is the Europe where the competition is extremely intense. In Vietnam, products made by Minh Long No.1 are displayed in almost all the big hotels, at luxurious parties and being precious gifts for foreign partners. Seeing the big potentials of the local consumption, Minh Long No.1 has begun to put more attention to the exploitation of the local market instead of striving for exports only. No matter where the products are purchased, the beauty of Vietnamese porcelain and ceramics and spirit are well demonstrated in products by Minh Long No.1- the name of the two friends, the two 'brilliant dragons' of Binh Duong.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SỨ KỸ THUẬT MINH LONG 2

Cuộc vật lộn với sản phẩm sứ kỹ thuật cách điện

Vào những năm 1986 - 1987, khi Việt Nam bắt đầu công cuộc đổi mới, mặt hàng sứ kỹ thuật, chủ yếu là nhập từ Liên Xô (trước đây), không đủ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về phát triển điện lưới trên phạm vi toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế. Trước tình hình đó, Dương Văn Long - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sứ kỹ thuật Minh Long II đã mạnh dạn chuyển đổi mặt hàng sản xuất từ gốm sứ mỹ nghệ sang đầu tư sản xuất sứ kỹ thuật. Đến nay, công ty đã trở thành đơn vị duy nhất không những ở Việt Nam mà cả ở Đông Nam Á chế tạo thành công loại mặt hàng cách điện treo bằng vật liệu silicon.

Dương Văn Long sinh ra trong một gia đình làm nghề gốm mỹ nghệ truyền thống. Lao vào cuộc chuyển đổi mặt hàng thủ công sang mặt hàng đòi hỏi đặc tính kỹ thuật cao, anh gặp rất nhiều khó khăn. Ngoài kinh nghiệm và vốn kiến thức do tự nghiên cứu, mày mò trên sách vở, anh chưa hề qua một trường lớp chuyên môn nào về sứ kỹ thuật. Cùng là hai mặt hàng sứ, nhưng xem ra lại rất trái ngược nhau về yêu cầu chất lượng. Bởi gốm sứ mỹ nghệ truyền thống phải có cái hồn nghệ thuật, đòi hỏi bàn tay điêu luyện của người thợ, trong khi sứ kỹ thuật - ở đây là sứ cách điện lại yêu cầu độ bền rất cao, không bị nứt dưới tác động của thời gian, điện đánh không thể xuyên thủng.

Giám đốc Dương Văn Long kể lại: "Sau một thời gian nghiên cứu, sản phẩm làm ra trong thời gian đầu, chất lượng còn kém và vẫn có sự cố. Nhưng thời gian đó, do ngành điện quá cần các loại sứ này nên họ vẫn chấp nhận những lỗi kỹ thuật nhỏ. Chủ trương của Nhà nước là không dùng hàng nước ngoài nên đa phần các đơn vị điện lực đều ủng hộ hàng sản xuất trong nước. Sản phẩm của Minh Long II do đó đã bán được".

Cơ may của Minh Long II cũng dần "biến mất" khi Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ vào năm 1994, cánh cửa cấm vận hoàn toàn bị gỡ bỏ, hàng hoá nước ngoài ồ ạt vào thị trường nội địa. Nhìn thấy nguy cơ nhãn tiền, ngay lập tức, giám đốc Công ty Sứ kỹ thuật Minh Long II ra nước ngoài tìm kiếm kỹ thuật mới. Sau vài chuyến "công du" xứ người, anh đưa về dây chuyền mới cùng các chuyên gia kỹ thuật nước ngoài. Minh Long II chính thức bước vào giai đoạn sản xuất chuyên nghiệp.

Đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm bằng quá trình "tiêu chuẩn hoá"

An toàn là tiêu chuẩn số một của các sản phẩm sứ cách điện. Điều đó đòi hỏi doanh nghiệp sản xuất phải đạt được rất nhiều yêu cầu từ sản xuất đến kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình nghiêm ngặt. Tính chuyên nghiệp của Minh Long, ngoài việc đầu tư lớn cho công nghệ, còn là sự quan tâm đặc biệt đến quản lý sản xuất và hậu kiểm. Từ năm 1995 đến nay, Minh Long II đã đầu tư trên 2 triệu USD để lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị mới, tự động, hoàn thiện công nghệ từ khâu chế biến nguyên liệu đến thành phẩm trên công nghệ của Mỹ. Đồng thời, công ty còn xây dựng phòng thí nghiệm độc lập, có chức năng kiểm tra chặt chẽ các thông số kỹ thuật, bảo đảm chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17075:2001 được VILAS công nhận vào tháng 8-2001. Công tác quản lý,

điều hành sản xuất thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9002-1994, sau đó là ISO 9001: 2000 (từ tháng 6-2002). Chính những bước triển khai này giúp Minh Long tự tin với thành quả là đơn vị duy nhất dám bảo hành sản phẩm với quãng thời gian kỷ lục: 10 năm không xảy ra sự cố.

Giờ đây, khách hàng đến với Minh Long II không còn thấy bóng dáng các lò củi khí xưa, thay vào đó là hệ thống 6 lò nung gas hoá lỏng và một lò nung tuynel hiện đại, cho ra đời 3.000 tấn sản phẩm các loại, bao gồm các loại sứ cách điện từ 0.4 kV đến 35kV, cầu chì tự rơi, chống sét van cách điện treo silicon...

Vị giám đốc của Minh Long II giờ đây có thể tự hào rằng, các sản phẩm của mình đã đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại nhập và là một trong không nhiều đơn vị được Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng III và Cục Sở hữu Công nghiệp của Việt Nam cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Bí quyết làm nên thành công là khả năng "Việt Nam hoá" sản phẩm của Minh Long II nhằm thích nghi tốt nhất với môi trường nhiệt đới. Chỉ có ở Minh Long II, khách hàng mới tìm thấy những sản phẩm sứ có khả năng chống nhiễm mạn và bụi. Chính đặc tính nổi trội này mà các sản phẩm sứ cách điện của Minh Long II đã chiếm trên 60% thị phần trong nước. Với thị trường nước ngoài, hàng sứ kỹ thuật Minh Long II được đánh giá cao về độ chính xác cũng như độ bền. Hàng năm, công ty xuất khẩu một lượng lớn sản phẩm sang Đài Loan và một số nước trong khu vực.

Những trăn trở của người trong cuộc

Những tưởng rằng, giữ vai trò gần như là độc quyền về sản xuất sứ kỹ thuật cách điện tại thị trường quốc nội, Minh Long II sẽ yên ổn làm ăn và ngày càng phát triển, song hiện tại ông chủ của Minh Long II đang phải đối đầu với một vấn đề hóc búa, không phải do các đối thủ cạnh tranh trực tiếp gây ra, mà theo Ông Dương Văn Long cho biết: "Khó khăn lớn nhất của công ty hiện nay là về vấn đề thuế".

Thực tế cho thấy, khi Minh Long II sản xuất những mặt hàng cách điện mới, trong biểu phí thuế nhập khẩu nguyên vật liệu lại chưa có danh mục của nguyên liệu đó. Ngành hải quan lúng túng không biết áp mã thuế nào cho phù hợp. Trong một số trường hợp, việc áp thuế tỏ ra không hợp lý, thậm chí đã xảy ra trường hợp, một sản phẩm hoàn chỉnh nhập vào Việt Nam được áp thuế nhập khẩu 5%, nhưng khi Minh Long II nhập bộ phận để chế tạo trong nước thì hải quan lại áp dụng mức thuế trên 20%. Đây cũng là một trong những lý do chính dẫn đến vụ phá sản liên doanh giữa Minh Long II với một công ty của Đài Loan cách đây mấy năm. Để cứu vãn tình thế, Minh Long II đã mua lại toàn bộ máy móc để tiếp tục lao vào cuộc chơi đầy thách thức và dường như vị giám đốc Minh Long II đến nay cũng đã thấm mệt.

Anh nói: "Nếu như Nhà nước không hạ mức thuế đánh vào các nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho ngành sản xuất sản phẩm cách điện, có lẽ chúng tôi sẽ không thể cạnh tranh nổi về giá với các sản phẩm nhập khẩu. Nếu tình trạng này tiếp diễn, có lẽ chúng tôi sẽ buộc phải từ bỏ mặt hàng cách điện mới và như vậy ngành điện lực Việt Nam sẽ phải nhập khẩu hoàn toàn mặt hàng này".

Hiện tại, công ty đã gửi văn bản lên Bộ Tài chính để tìm cách giải quyết ổn thoả những phát sinh trong quá trình nhập khẩu nguyên phụ liệu. Và anh cũng tin tưởng, các cơ quan quản lý sẽ can thiệp kịp thời để Minh Long II tiếp tục phục vụ ngành điện lực Việt Nam bằng những sản phẩm mới chất lượng ngày càng tốt hơn.

Trong định hướng phát triển trong những năm tới, công ty tiếp tục đầu tư mới hệ thống lò nung tuynel, trang bị thêm máy móc như máy đùn chân không, máy tiện CNC cho phần tạo hình sản phẩm nâng sản lượng 3 - 4 triệu sản phẩm/năm. Minh Long II phấn đấu doanh thu trong năm 2003 đạt 50 tỷ và tăng dần trong những năm sau đó. Với thị trường xuất khẩu, sản phẩm của Minh Long II sẽ không chỉ dừng lại ở thị trường Đài Loan, Campuchia, Lào mà sẽ thâm nhập cả vào thị trường Mỹ.

MINH LONG 2 TECHNICAL CERAMIC CO. LTD.

A Struggle for Technical Ceramic Insulatrs

In 1986-1987, Vietnam started the Doi moi (renovation) process, technical ceramic products mainly imported from Russia could not satisfy the increasing demand of the electricity network expansion throughout Vietnam to serve economic development. In this situation, Director of Minh Long II Technical Ceramic Company Ltd. - Duong Van Long has taken adventure in shifting from producing art porcelain products to the technical products. At present, the company has become the only one not only in Vietnam but in the South Western Asia that succeeds in making technical insulated porcelain.

Duong Van Long was born in a family of traditional art porcelain production. When changing from production of handmade into high-technique, he encountered a lot of difficulties. Besides his experience and knowledge gained through self-studies and books he has not followed any professional training course on high technical porcelain. Though two products are the same, the requirement in quality is different. While traditional art ceramics requires an art soul and skilful hands of workman, the insulated one requires high durability and should not be cracked with the impact of weather or electric stroke.

"After spending sometime to do research, the quality of products in the first period remained low and there were some errors. However, owing to the increasing demand from the electric sector, products with small mistakes were still accepted. As the Government plans not to use foreign products, hence, most of electric power companies agree to buy the domestic ones. As a result, products of Minh Long II can be sold in the market". - said Duong Van Long.

The opportunities for Minh Long II have slowly disappeared when Vietnam normalized the relation with USA in 1994. The restrictions have been abandoned and foreign products rush into domestic market. Realizing this risk, the Director of Minh Long II has immediately decided to go abroad to look for new technologies. After several visits to foreign countries, he came back with a new processing line and some foreign technical experts. Minh Long II officially entered in a professional production stage.

Invest in enhancing product quality through "standardization" process

Safety is regarded as the first criteria of insulated porcelain products. To achieve the goal, the enterprises must satisfy many strict requirements from producing to controlling product quality. The expertise of Minh Long is demonstrated not only in large technology investment but also special concern to production management and final checking. Since 1995, Minh Long II has invested more than US$ 2 million in installing a new automatic machinery and equipment systems and improving technologies from raw material processing to product finishing with the US's technologies. Concurrently, an independent laboratory was built with the function of strictly checking technical parameters and ensuring product quality reaching ISO/IEC 17075:2001 standard recognized by VILAS in August 2001. The production management and execution is implemented following ISO 9002-1994 standard, then ISO 9001: 2000 (from June 2002). This step

helps Minh Long II be confident with its achievement of being the only one that can ensure product quality in a record long period of 10 years.

At present, when clients visit Minh Long II, the old firewood kiln has been replaced with a system of 6 modern gas furnaces and one tuynel furnace. Every year 2000 tons of products of various kinds including ceramic insulators from 0.4 kV to 35 kV, automatic drop fuses, anti-lightening, Polime glue porcelain are made from this system.

Now the Director of Minh Long II can be proud of his products, which can compete with the imported items, and his company is one of very few companies that are given monopoly license in product designs given by the Vietnam's Quality and Standardization Center No.III and Industrial Property Bureau. The secret leading to the success is the ability of "Vietnamizing" Minh Long II products in order to adapt as much as possible to the tropical weather. Only in Minh Long II can clients find porcelain products that can prevent salt and dust infection. Thanks to the specific feature, insulated porcelain products of Minh Long II gain 60 percent of the domestic market share. In foreign markets, the insulated porcelain products of Minh Long II are highly appreciated due to the accuracy and durability. Each year, a huge volume of products is exported to Taiwan and some other regional countries.

Worries of the insiders

It is thought that acting as almost a monopoly producer of insulated technical porcelain products in domestic markets, Minh Long II can ensure its operation and will continue to develop. In fact, the Director is facing a headache which are however not caused the competitors. "Our biggest problem remains in tax" said Duong Van Long

The fact shows that, when Minh Long II started to produce new insulated porcelain goods, the tax on raw material has not been included in the list of tax regulated for imported raw materials. As a result, the Customs Department confused with finding which one should be applied. In some cases, the application is not adequate. For instance, there is a case in which a completed products imported into Vietnam was imposed import tax of 1 percent, but when Minh Long II imports several parts for processing locally, the imposed tax is up to over 20 percent. This is also considered one of main reasons leading to the bankruptcy of the Join venture between Minh Long II and a Taiwanese company several years ago. To overcome the situation, Minh Long II agreed to buy all of the machinery to continue playing a challenging game and now the director seems to be tired.

He addressed: "If the Government does not reduce the tax on the imported raw materials for insulated porcelain production, we will be able to compete with the imported products in terms of price. If this situation still remain, we have to stop producing insulated porcelain products and consequently, Vietnam electricity sector will have to import all this product".

Currently, the Company has sent a document to the Ministry of Finance for settling down all problems arose during the importing of additional raw materials. And he also believes that management agencies will make timely intervention for Minh Long II to continue providing Vietnam electricity with increasing high quality new products.

According to its development strategy for coming years, the company will continue to invest in new system of tuynel furnaces and install new machinery such as vacuum pushing back machines, CNV turning lathes to form products in order to increase the output to 3 to 4 million of products per year. In 2003 Minh Long II will try to reach the turnover of 50 billion and continue to increase in the following years. For export market, products of Minh Long II will not only export to Taiwan, Cambodia and Laos market but also penetrate in the US's market.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH KHÁNH

Đơn vị tư nhân đầu tiên sản xuất dây cáp điện và viễn thông

Để trở thành đối tác cung ứng thiết bị cho ngành bưu chính - viễn thông, một ngành được xem là độc quyền ở Việt Nam, là điều không mấy dễ dàng cho một doanh nghiệp tư nhân. Thế nhưng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Khánh - Bình Dương đã làm được điều đó và trở thành đơn vị ngoài quốc doanh đầu tiên của cả nước đầu tư sản xuất - kinh doanh ở lĩnh vực này.

Tiền thân của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Khánh là Xí nghiệp Tư doanh Cao su nhựa Vĩnh Khánh thành lập năm 1993. Năm 1995, Vĩnh Khánh chuyển thành công ty chuyên sản xuất ống nhựa UPVC dùng trong ngành cấp thoát nước, điện lực và viễn thông với tổng vốn đầu tư 29,7 tỷ đồng. Nhằm đa dạng hóa nhiều mặt hàng, bắt đầu từ năm 1998, công ty tiếp cận sang lĩnh vực sản xuất mới là dây cáp điện và cáp viễn thông.

Vĩnh Khánh với việc đầu tư sản xuất dây cáp

Trước đây, người tiêu dùng Việt Nam đã từng biết đến một Công ty Vĩnh Khánh khá nổi tiếng với sản phẩm ống nhựa UPVC, PE dùng trong việc lắp đặt đường dây ngầm dưới đất. Thì nay, một lần nữa, cái tên Vĩnh Khánh lại gắn liền với một sản phẩm khác, đó là dây cáp phục vụ cho ngành điện lực và bưu chính viễn thông. Như vậy, trên cả nước hiện nay có ba công ty chuyên sản xuất mặt hàng cáp viễn thông là Sacom, Vinadasung và Vĩnh Khánh. Sự có mặt của cáp viễn thông Vĩnh Khánh đã khẳng định được tầm nhìn nhạy bén của một doanh nghiệp tư nhân trong thời kỳ mới.

Thực tế cho thấy, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường có sự đóng góp rất lớn của những phương tiện, thông tin đại chúng. Theo thống kê, trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt đến con số kỷ lục khi đứng đầu thế giới về phát triển bưu chính viễn thông. Đây chính là cơ hội lớn để các nhà sản xuất, cung cấp thiết bị bưu chính - viễn thông tiếp cận thị trường giàu tiềm năng này, điều đó đã không nằm ngoài tham vọng của Vĩnh Khánh. Trước khi cho ra đời loại sản phẩm mới này, công ty đã có dịp đi nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ những nước có nền kinh tế phát triển, đồng thời là những nước có ngành dịch vụ bưu chính viễn thông tiên tiến nhất trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á như Đài Loan, Thái Lan, Xingapo... Qua các chuyến đi này, công ty đã nhận thấy, đây là ngành đang có nhu cầu lớn về dây cáp chuyên dùng cho viễn thông, nhất là đối với một nước đang phát triển như Việt Nam lại càng cần thiết hơn.

ông Hồ Kim Muôn
Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Khánh

Mặc dù vậy, thời gian đầu, công ty cũng gặp không ít khó khăn khi phải cạnh tranh với các hãng lớn sản xuất về mặt hàng này. Nhưng trên cơ sở là bạn hàng cung cấp ống nhựa lâu năm, được Tổng cục Bưu chính viễn thông tín nhiệm, Công ty Vĩnh Khánh vẫn mạnh dạn đầu tư, trở thành đơn vị tư nhân đầu tiên trên cả nước sản xuất dây cáp viễn thông và đã dần khẳng định được vị thế của mình bằng những sản phẩm chất lượng cao, không thua kém với bất cứ đơn vị nào trong ngành. Hiện nay, ống nhựa và dây cáp viễn thông là hai mặt hàng sản xuất chủ yếu của Vĩnh Khánh, sản lượng tương đương nhau, chiếm khoảng 50% mỗi loại. Trong đó, công suất ống nhựa UPVC, PE đạt 450 - 500 tấn/tháng, dây điện lực 20 tấn/tháng và cáp viễn thông khoảng 12.000 cây số đôi/tháng.

Không ngừng cải tiến chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã

Vốn là một kỹ sư chuyên ngành thủy sản, từng học qua kinh tế ngoại thương nhưng lại chọn lĩnh vực sản xuất - kinh doanh ống nhựa, dây cáp phục vụ trong ngành cấp thoát nước, điện lực và bưu chính viễn thông để hoạt động; hơn ai hết, ông Hồ Kim Muôn - Giám đốc Công ty Vĩnh Khánh nhận thấy "Chất lượng luôn là yếu tố hàng đầu, quyết định thành công hay thất bại của bất kỳ một đơn vị sản xuất hoặc kinh doanh nào". Chính vì vậy, đối với Vĩnh Khánh hiện nay, tiêu chí "Chất lượng theo thời gian" luôn là kim chỉ nam trong mọi hoạt động sản xuất. Các sản phẩm của công ty làm ra được kiểm tra chặt chẽ bởi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002 do Quacert và JAS-ANS (Ôxtrâylia và Niu Di Lân) cấp giấy chứng nhận, đến tháng 1-2002, sản phẩm của công ty đã được nâng cấp lên tiêu chuẩn ISO 9001-2000. Với thành tích này, Vĩnh Khánh là đơn vị sản xuất ống nhựa và dây cáp viễn thông đầu tiên của cả nước được cấp chứng nhận ISO. Do đó, công ty được khách hàng ngày càng tín nhiệm, được đánh giá cao ở các kỳ hội chợ trong nước như: Hội chợ Công nghiệp Cần Thơ 2000, Hội chợ Vietplast 2001, Hội chợ Vietbuild 2002. Đặc biệt, một công ty của Pháp FCRV tín nhiệm các sản phẩm của công ty nên đã ký liên tiếp 6 hợp đồng với Vĩnh Khánh về sản xuất ống nhựa cáp viễn thông với tổng giá trị hợp đồng trên 33 tỷ đồng.

Hiện nay, thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty đã được mở rộng trên phạm vi toàn quốc với mức doanh thu hàng năm không ngừng được nâng cao, từ 50 tỷ đồng (năm 2001) lên 75 tỷ đồng (năm 2002). Hiện tại, Vĩnh Khánh đang có kế hoạch nghiên cứu thị trường các nước lân cận để tiến tới xuất khẩu dây cáp viễn thông. Còn hiện tại, xưởng sản xuất ống nhựa và xưởng sản xuất dây cáp đang hoạt động với quy mô đầu tư khá hoàn chỉnh theo công nghệ tự động và bán tự động của Cộng hòa liên bang Đức, Đài Loan, Trung Quốc. Nguyên liệu của hai xưởng sản xuất này chủ yếu là nhập khẩu, chỉ có một phần nhỏ mua ở thị trường trong nước.

Năm 2003 sẽ là năm mở rộng hoạt động của Vĩnh Khánh với nhiều dự án lớn như: mở rộng xưởng sản xuất ống nhựa UPVC, PE các loại, mở rộng xưởng sản xuất cáp viễn thông bằng 2 dây chuyền mới, trong đó có sản xuất sản phẩm dây LAN cung cấp cho các công ty máy tính với tổng giá trị đầu tư trên 1 triệu USD. Cũng trong năm này, công ty sẽ đầu tư thêm vốn để trở thành công ty cổ phần với số vốn khoảng 100 tỷ đồng, doanh số trên 200 tỷ và tham gia vào thị trường chứng khoán chậm nhất vào đầu năm 2005. Đội ngũ 150 lao động, trong đó trên 60% có trình độ đại học và trung cấp trở lên sẽ là nguồn nhân lực dồi dào đưa Vĩnh Khánh tiếp tục theo đuổi những mục tiêu mới.

Hơn 10 năm phát triển, đi lên từ những mặt hàng ít và nhỏ đến những mặt hàng lớn với nhiều chủng loại khác nhau, trong sự phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam có sự đóng góp không nhỏ của Vĩnh Khánh, một đơn vị tư nhân đầu tiên tham gia phục vụ ngành bưu chính viễn thông - mảng thông tin quan trọng liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế của đất nước. Với những thành tích đó, công ty đã được Liên đoàn Công nghiệp Nhựa ASEAN bình chọn là đơn vị tiêu biểu 5 năm 1996 - 2000, trong số 60 công ty hàng đầu ở khu vực.

Kết quả sản xuất - kinh doanh (2001 - 2002)

Một số chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2001	2002
Tổng diện tích nhà xưởng	m^2	6.000	7.100
Doanh thu	Tỷ đồng	50	75
Sản lượng	Tấn	3.300	4.500
Tổng số nhân viên	Người	100	120

Nguồn: Công ty TNHH Vĩnh Khánh

VINH KHANH COMPANY LIMITED

First Private Producer of Electric and Telecommunication Cables

It is by no means easy for a private enterprise to become a equipment supplier for the posts and telecommunication sector, a monopoly sector in Vietnam, but Vinh Khanh with its capability and great effort has become the first non-state enterprise to invest in business and production of this field.

Vinh Khanh Co. Ltd., formerly Vinh Khanh Rubber and Plastic Private Enterprise, was established in 1993. In 1995, Vinh Khanh started its production of UPVC pipes for water supply, electricity and telecommunication with the total investment of VND29.7 billion. Diversifying its products, the company started to access the production of electric and telecommunication cables.

Vinh Khanh and its investment in cable production

The name Vinh Khanh used to recall an enterprise specialising in the business and production of plastic with such well-known products as UPVC and PE pipes for the installation of underground cables. At present, it often makes people think about cables for the electricity and telecommunication sectors instead. Being one of the three companies specialising in telecommunication cable production apart from Sacom and Vinatasung, Vinh Khanh, as a private enterprise, has confirmed its sensible view in the new situation.

As a matter of fact, the mass media has made a great contribution to the strong development of the market economy. According to the statistics by the posts and telecommunication sector, Vietnam has become one of the leading countries in the world to have the most rapid development in the posts and telecommunication sector, a rich and potential market for the postal and telecommunication equipment producers and suppliers. Vinh Khanh did not hesitate to take the chance. Before the production of the new products, Vinh Khanh had researched and studied the experiences of the Southeast Asian and Northeast Asian most advanced posts and telecommunication sectors in Thailand and Singapore. The leaders of Vinh Khanh Company found out from the business trips that the world's posts and telecommunication, especially that of a developing country like Vietnam, is facing a great demand for cables.

At the beginning of the business, Vinh Khanh was faced with a lot of difficulties in

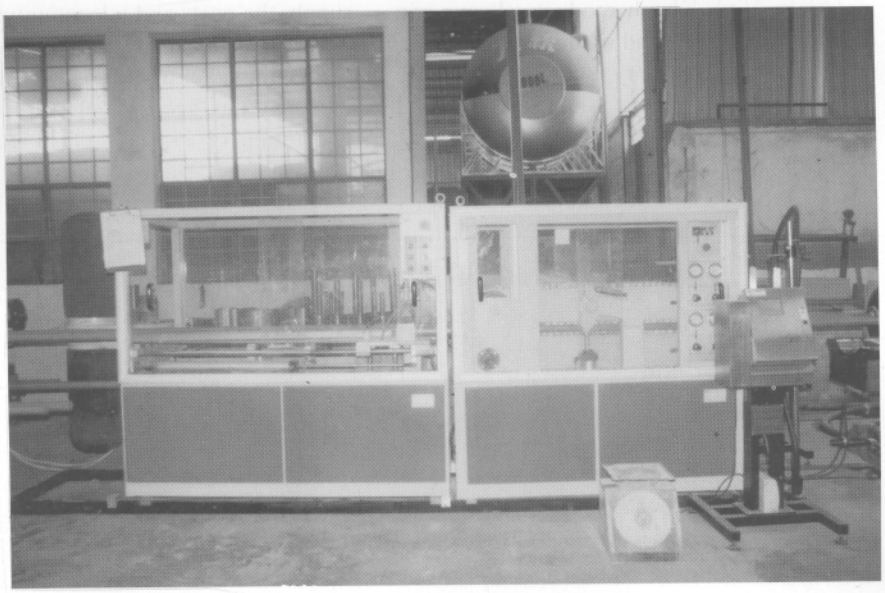

The company's production workshop

the competition with other big producers. However, as a long-term plastic pipe supplier trusted by the General Bureau of Posts and Telecommunication, Vinh Khanh made a bold investment and gradually confirmed its position with its high quality products. Plastic pipes and telecommunication cables are the two major products of Vinh Khanh with the similar yields. UPVC and PE plastic pipes achieved 450 - 500 tonnes per month, electric cables 20 tonnes and telecommunication cables around 12,000 km per month.

Continue quality improvement and design diversification

For a maritime engineer who has also taken a course of foreign trade, Ho Kim Muon, the Director of Vinh Khanh, understand that "Quality is always the foremost decisive factor to the success or failure of a business." Therefore, Vinh Khanh defined its lodestar as "Always good quality" for all its production activities. All the products are closely tested by the management system ISO 9002 certified by Quacert and JAS - ANS (Australia and New Zealand). In January 2002, Vinh Khanh products were certified the standard ISO9001: 2000. Moreover, with a rather perfect system of plastic pipes and cables workshops with automatic and semi-automatic technologies from Germany, Taiwan and China, and mostly imported materials, Vinh Khanh products always win the customers' trust and are highly appreciated at the local fairs such as: Can Tho Industrial Fair, Vietplast 2001, and Vietbuild 2002. Solid reputation is the key for Vinh Khanh to win contracts with the famous companies in the world. For example, the contract with a French company (FCRV) on telecommunication cables production with the total value of more than VND33 billion.

Vinh Khanh products have now covered all over Vietnamese consumption market with the continuously increasing annual revenue. In 2002, its revenue achieved VND80 billion, increasing 60 percent compared to that in 2001. It is now planning to research the markets in neighbouring countries for the exports of telecommunication cables.

2003 is the year of expansion for Vinh Khanh with big projects like: widening the UPVC and PE workshops, investing two new assembly lines in the telecommunication cable workshop that produce also LAN lines for the computer companies with the investment of over US$1 million. The company is enhancing its capacity to become a joint-stock company with the initial capital of about VND100 billion, revenue of VND200 billion, and will join the securities market in early 2004. A staff of 200 people with more than 60 percent graduates and post-graduates will be a strong human resource for Vinh Khanh to pursuit new targets.

Over 10 years of the development, started from low economic value commodities to higher economic value of different kinds, Vinh Khanh has made a significant contribution to the development of Vietnam industry and become the first private enterprise to supply the posts and telecommunication sector influencing many economic activities of the country. With those achievements, the company has been selected by the ASEAN Federation of Plastic Industry as a typical company in 1996 - 2002 among 60 leading companies in the region.

Production and Business Results in 2001 - 2002

Major indices	Unit	2001	2002
Total area of workshops	Sq.m	6,000	7,100
Revenue	VND bil.	50	75
Production	Tonne	3,300	4,500
Total employees	People	100	120

Source: Vinh Khanh Company Ltd.

BÀI HỌC THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP

Trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Bình Dương

Phương sách nào tạo nên sự phát triển nổi bật của kinh tế - xã hội Bình Dương trong những năm qua. Câu trả lời là: bên cạnh những thuận lợi khách quan, sự phát triển của Bình Dương trong mấy năm vừa qua chủ yếu không phải do cơ chế, chính sách riêng mà là do tỉnh đã biết vận dụng và thực hiện một cách đầy đủ, triệt để và sáng tạo những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế của địa phương. Trong đó, công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đặc biệt là đổi mới cơ chế hoạt động và cách thức làm việc của bộ máy công quyền gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, có vai trò đặc biệt quan trọng. Thực chất đó là sự đổi mới mạnh mẽ về cách lãnh đạo, lề lối làm việc của hệ thống Đảng và các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương - nói một cách ngắn gọn, đây chính là thành quả cơ bản của "Cải cách hành chính".

Những bài học thành công nổi bật về phương thức điều hành, quản lý và phát triển kinh tế - xã hội

1. Quán triệt và vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra các chủ trương, phương hướng, quyết sách đúng đắn và kịp thời, đáp ứng được yêu cầu và phù hợp với điều kiện thực tế của Bình Dương

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Dương ra sức phấn đấu để thoát khỏi tình trạng nghèo, kém phát triển và dần thoát khỏi tình cảnh phụ thuộc vào nguồn ngân sách do Trung ương cấp. Để làm được như vậy, Bình Dương đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một tỉnh nông nghiệp sang phát triển mạnh công nghiệp. Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh đã khai thác những cái mới, chủ động tìm tòi vận dụng sáng tạo, nắm chắc khâu then chốt là chỉ đạo và tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn, dám làm, dám chịu trách nhiệm, làm nghiêm túc, triệt để, nói đi đôi với làm, không máy móc, chờ đợi chỉ thị mà vừa làm vừa rút kinh nghiệm để làm tốt hơn. Việc quán triệt và thực hiện các chủ trương, quyết sách của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương được làm rất nghiêm; ở đâu có sự do dự, tùy tiện đều được nhắc nhở và xử lý kịp thời, bảo đảm trên dưới thống nhất và nhất quán.

2. Để thực hiện các chủ trương và cách làm mới của tỉnh, địa phương phải thực hành dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống hành chính từ tỉnh đến cơ sở. Đối với những chủ trương và cách làm mới đã có sự nhất trí cao, đoàn kết, cùng chịu trách nhiệm giữa Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân từ nhận thức quan điểm đến chỉ đạo điều hành

Lãnh đạo tỉnh Bình Dương xác định yếu tố có tính quyết định là tăng cường và bảo đảm sự đoàn kết nhất trí từ nhận thức đến chủ trương, biện pháp lãnh đạo, sự nhất quán trong chỉ đạo xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở và trong điều hành xử lý công việc hàng ngày ở các cơ quan đảng, chính quyền và bộ máy quản lý. Đoàn kết và thống nhất trước hết trong hạt nhân lãnh đạo là Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, dựa trên quy chế hoạt động của Tỉnh ủy (phân công phân nhiệm vụ rõ ràng: vấn đề gì Thường trực và Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết, vấn đề gì Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh quyết, vấn đề gì đưa ra tập thể để bàn bạc thông qua, v.v.) tạo điều kiện để giao quyền lãnh đạo, tổ chức điều hành cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh; ưu tiên hàng đầu cho xử lý các vấn đề của các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa Uỷ ban nhân dân với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp sức lực, tiền bạc thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội, các công trình đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội.

3. Tranh thủ sự đồng tình và quan tâm giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, tạo thêm thuận lợi và thúc đẩy các hoạt động đổi mới và phát

triển ở tỉnh Bình Dương.

Qua các cuộc làm việc với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và qua việc xử lý các kiến nghị của tỉnh, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đã trực tiếp tháo gỡ khó khăn, trợ giúp cơ chế thu hút vốn đầu tư và cơ chế điều hành cho Bình Dương giải quyết các vấn đề vướng mắc cụ thể, tạo thêm quyết tâm cho lãnh đạo và cán bộ trong tỉnh. Nếu có vướng mắc hoặc chậm trễ là do cấp trung gian và sự phối hợp chưa đồng bộ gây ra.

4. Tạo lập môi trường và quan hệ thuận lợi, an toàn, tin cậy cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Với môi trường này, đầu tư và kinh doanh được khuyến khích, cổ vũ và được bảo vệ theo pháp luật. Rất ít có trường hợp "hình sự hóa quan hệ kinh tế", bởi các cấp chính quyền thường quan tâm giúp các nhà đầu tư và doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, giám sát cần thiết. Quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp rất gần gũi và thân thiện. Các cấp lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và từ lãnh đạo tỏa đến các ngành, các cấp trong tỉnh đã thật sự coi trọng và đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của sự phát triển; có nhận thức và thái độ rõ ràng, dứt khoát, làm đúng và làm tốt chức năng quản lý để thu hút, chào đón, tạo thuận lợi, giải quyết mọi vướng mắc cho nhà đầu tư và doanh nghiệp. Quan hệ với doanh nghiệp không chỉ có tính chất hành chính mà còn cả khía cạnh tình cảm, tạo được tâm lý tin tưởng của doanh nghiệp.

5. Thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế là thành tựu kinh tế nổi bật nhất của Bình Dương trong 5 năm qua, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong khi nguồn nội lực có hạn, việc thu hút nguồn lực bên ngoài (cả nước ngoài và các địa phương khác) là động lực chính để phát triển kinh tế Bình Dương. Bằng cách tạo ra môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn, có tính cạnh tranh mạnh hơn so với các nơi khác, kể cả thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai, Bình Dương đã "trải chiếu hoa" đón các nhà đầu tư". Số liệu chính thức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công bố cho thấy, nguồn vốn FDI đổ vào Bình Dương hiện chiếm 71% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 1997 - 2001 (giai đoạn 1996 - 2000 ở Đồng Nai cả FDI và ODA chiếm khoảng 68%; cả nước là 30%, trong đó FDI là 24%). Hiện nay, Bình Dương là một trong 5 địa bàn thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất cả nước.

6. Phát triển doanh nghiệp trong nước 5 năm gần bằng 20 năm trước cộng lại do biết cách thu hút rất tốt nguồn lực đầu tư trong nước

Cùng với đầu tư nước ngoài, Bình Dương cũng hết sức coi trọng thu hút đầu tư nội lực trong nước. Năm 1997, Bình Dương có 882 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước hoạt động trên địa bàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 1.655 doanh nghiệp (quốc doanh, hợp tác xã, công ty và doanh nghiệp tư nhân). Tính ra, số doanh nghiệp được thành lập trong thời gian từ 1997 đến nay bằng 88% tổng số doanh nghiệp được thành lập trong giai đoạn 1975 - 1996. Trong số các doanh nghiệp được thành lập mới, tuyệt đại bộ phận là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp đến từ thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận bỏ vốn kinh doanh. Tỉnh cũng đã có cơ chế huy động vốn của doanh nghiệp, của dân và vay ngân hàng để đầu tư xây dựng hạ tầng (đường giao thông...) sau đó thu phí để hoàn vốn. Bằng cách làm này, tỉnh đã lập quỹ đầu tư phát triển 50 tỷ đồng và vay kho bạc (tiền nhàn rỗi) 100 tỷ đồng (số liệu điều tra của Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 6-2002).

7. Các khu công nghiệp phát triển nhanh và thu được kết quả khả quan, đứng đầu cả nước về tỷ lệ lấp đầy diện tích khu công nghiệp

Bình Dương là một trong 3 địa phương có nhiều khu công nghiệp hoạt động hiệu quả của cả nước (có diện tích lấp đầy trên 50%) với 7 khu công nghiệp có diện tích lấp đầy trung bình đạt 76,9% (trong khi 14 khu công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh mới đạt 62,6%; 10 khu công nghiệp của Đồng Nai đạt 52,0% và mức bình quân cả nước (67 khu công nghiệp thuộc 28 địa phương) mới đạt tỷ lệ trên dưới 47%. Phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với tốc độ nhanh như vậy là do Bình Dương rất thành công trong việc huy động nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp bằng các hình thức đa dạng như liên doanh với nước ngoài, công ty cổ phần, kể cả huy động tư nhân (Bình Dương là địa phương duy nhất có tới 3 khu công nghiệp do doanh nghiệp ngoài quốc doanh đầu tư cơ sở hạ tầng).

8. Về thu hút nhân tài

Bình Dương đã ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực, trong đó có việc thu hút người có trình độ cao từ thạc sỹ trở lên thuộc các ngành mà tỉnh đang có nhu cầu về Bình Dương công tác lâu dài. Theo đó, các công ty, doanh nghiệp cũng có cơ chế thu hút mạnh lực lượng chuyên gia, kỹ thuật về làm việc tại Bình Dương. Chính

sách thu hút nguồn nhân lực còn có tác dụng tích cực khuyến khích cán bộ, công chức của tỉnh học tập các chương trình đào tạo sau đại học, đại học ngoại ngữ và tin học... Với chế độ đãi ngộ thoả đáng, Bình Dương đã thu hút được khá nhiều trí thức về địa phương làm việc, góp phần hình thành nên đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, kỷ luật cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của địa phương.

9. Gắn kết phát triển kinh tế với phát triển xã hội

Đến nay, tất cả các xã, phường, thị trấn của tỉnh Bình Dương đều có đường xe ôtô, hệ thống điện, điện thoại, trạm y tế, trạm truyền thanh; 62/79 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; 43/79 xã, phường, thị trấn có bác sĩ tại trạm y tế; tỷ lệ hộ dùng điện đạt 91,4%; tỷ lệ dùng máy điện thoại đạt trên 13 máy/100 người dân; tỷ lệ hộ nông dân sử dụng nước sạch là 72,5%; số lao động được giải quyết việc làm 20 nghìn người/năm; thu hút thêm 94 nghìn lao động trong 5 năm 1997 - 2001; 6 tháng đầu năm 2002 thu hút được 15.340 người; tỷ lệ hộ nghèo đến tháng 6 năm 2002 còn 3,05%. Công tác xã hội hoá giáo dục, y tế, văn hoá - thông tin đã tạo ra cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội.

10. Cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông đã có thay đổi toàn diện

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư cải tạo và xây dựng mới theo hướng đồng bộ, hiện đại, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh của các thành phần kinh tế và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Đồng thời, Bình Dương còn huy động nhiều nguồn vốn, nguồn lực khác để đầu tư như vốn đầu tư trả chậm của các doanh nghiệp, vốn BOT, vốn huy động trong các doanh nghiệp và các khu dân cư ở thành thị và cả nông thôn. Các tuyến đường huyết mạch nối liền các thị trấn, thị tứ, các khu công nghiệp trong toàn tỉnh đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Diện mạo đô thị ngày càng khang trang, sạch đẹp, các tuyến đường giao thông nông thôn đã vươn đến tận các xóm ấp xa xôi. Hệ thống đường bộ, đường ôtô hiện đã đến 79/79 xã, phường kể cả các vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Những thách thức cơ bản

Bên cạnh những thành công, qua khảo sát thực tế tình hình kinh tế - xã hội của Bình Dương đã cho thấy nhiều vấn đề bất cập đang nổi lên cần được khắc phục và giải quyết dứt điểm trong thời gian tới:

1. Về cơ cấu kinh tế

Do quá chú trọng vào việc thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp đã khiến các ngành kinh tế phát triển không cân đối. Khu vực dịch vụ còn đang yếu so với sự phát triển mạnh của các ngành công nghiệp và thu nhập của nhân dân trong tỉnh đang ngày một nâng cao. Mặc dù, Bình Dương có điều kiện để sử dụng các cơ sở và hoạt động của khu vực dịch vụ thành phố Hồ Chí Minh, song nếu không tự tạo được bước phát triển mạnh hơn trong khu vực dịch vụ của tỉnh như vận tải, tài chính, ngân hàng, dịch vụ phục vụ đời sống... thì trong thời gian tới sẽ có thể dẫn đến kìm hãm sự phát triển của ngành công nghiệp và nông nghiệp. Do đó, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh việc thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực này, đặc biệt là ở các khu đô thị.

2. Về khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp

Ngành công nghiệp Bình Dương những năm qua, chủ yếu tăng về lượng, chưa tăng về chất nên phát triển chưa ổn định và thiếu vững chắc. Hiệu quả sản xuất chưa cao đã hạn chế khả năng tích luỹ vốn để tái sản xuất mở rộng, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Năng lực cạnh tranh của nhiều sản phẩm công nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước còn thấp. Hiện nay, công nghiệp Bình Dương cơ bản vẫn còn lạc hậu về công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, trình độ quản lý sản xuất còn yếu kém, mức độ cơ giới hoá và tự động chưa cao, hệ số đổi mới thiết bị và công nghệ còn thấp. Trình độ kỹ thuật của đội ngũ công nhân trong hầu hết các doanh nghiệp ngành công nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công nghệ và thiết bị hiện đại, năng suất lao động chưa cao, nhận thức về giai cấp và ý thức kỷ luật còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do điểm xuất phát của ngành công nghiệp tỉnh thấp, trong khi thời cơ phát triển đến với ngành công nghiệp tỉnh Bình Dương lại quá nhanh. Vì thế, địa phương vẫn chưa có sự chuẩn bị đầy đủ và kỹ lưỡng để chủ động phát hiện và xử lý kịp thời những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình phát triển, chậm bố trí và điều chỉnh các khu chức năng của các khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ, khu đô thị và khu dân cư nên dẫn đến sự phát triển đan xen, khó di dời.

3. Về phát triển khu công nghiệp

Mặc dù, các khu công nghiệp phát triển rất nhanh, tỷ lệ lấp đầy diện tích khu công nghiệp khá cao, nhưng mới chỉ thu hút được phần lớn (70%) các nhà đầu tư Đông Nam Á, Đông Bắc Á với trình độ kỹ thuật và

công nghệ ở mức độ nhất định. Do đó, cần nghĩ tới việc mở rộng thu hút các đối tác có công nghệ hiện đại, tiên tiến để tạo thành nguồn vốn công nghệ đáng kể đảm bảo nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp trên địa bàn. Bình Dương nằm ở khu vực trung lưu sông Đồng Nai - nơi cung cấp nước cho cả vùng kinh tế trọng điểm phía nam, do đó cần chọn lựa các ngành công nghiệp sạch, công nghệ tiên tiến hiện đại, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu chất lượng cao, tránh gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là đối với nguồn nước. Ngoài ra, việc giải toả mở rộng các khu công nghiệp hiện tại cũng gặp một số khó khăn cần được Chính quyền địa phương đứng ra can thiệp.

4. Các vấn đề xã hội

Trong thời gian tới, các vấn đề xã hội sẽ trở thành tâm điểm thách thức của Bình Dương. Bởi hiện nay, 85% tổng số lao động trong ngành công nghiệp là người đến từ địa phương khác đã làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp như nhà ở cho người lao động, điều kiện sinh hoạt, quan hệ xã hội của tầng lớp dân nhập cư. Vấn đề môi trường cũng ngày càng trở thành một bức xúc lớn, đặc biệt là ngay trong khu vực dân cư. Tiến trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, tuy đem lại những lợi ích to lớn về kinh tế - xã hội cho Bình Dương, song cũng tạo ra nhiều áp lực cho môi trường sinh thái.

5. Về nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ và quản lý của Bình Dương dù đã được chú ý đào tạo, song cán bộ có trình độ cao còn ít (số cán bộ có trình độ trên đại học là 108 người, trong đó có 3 tiến sỹ). Lực lượng lao động của tỉnh dồi dào nhưng chất lượng còn thấp, chưa được đào tạo cơ bản để tiếp thu công nghệ mới, thiếu công nhân kỹ thuật có tay nghề cao để đáp ứng nhu cầu của một số ngành công nghiệp hiện đại. Nếu không tập trung đẩy nhanh việc đào tạo và thu hút cán bộ, phát triển giáo dục và khoa học - công nghệ, tạo nguồn lực nội sinh về tri thức và công nghệ thì sự phát triển cao hơn và bền vững hơn sẽ khó đạt được như mong muốn. Công tác đào tạo nghề tại địa phương cũng cần được đầu tư nâng cấp và mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, nhu cầu hàng năm của các doanh nghiệp khoảng 25.000 lao động, trong khi nguồn lao động trong tỉnh bước vào độ tuổi lao động khoảng 14.000 người. Điều đó có nghĩa là mỗi năm Bình Dương cần 10.000 lao động ngoại tỉnh. Các ngành nghề đang thiếu hụt lao động trầm trọng tập trung chủ yếu ở ngành may mặc, da giày, chế biến nông sản thực phẩm.

6. Về phát triển nông nghiệp

Bình Dương chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản trong khi tiềm năng phát triển khá dồi dào. Những mô hình như Công ty Nông lâm Đài Loan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Thành xuất hiện chưa nhiều. Sự gắn kết giữa nông dân và các doanh nghiệp cũng chưa cao, chưa chú ý đến yêu cầu chất lượng nông sản, chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà chế biến...

Những giải pháp cơ bản

1. Ưu tiên thu hút đầu tư cho các ngành sản xuất có công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp sạch và chế biến nông sản trong thời gian tới (Ông Trần Văn Lợi, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Ngoài nguồn vốn ngân sách, trong thời gian tới, Bình Dương còn cần thêm một lượng vốn đầu tư lớn cho cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, xử lý môi trường và các công trình phúc lợi xã hội khác. Đây cũng là những lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư mạnh mẽ hơn tại địa phương. Trong giai đoạn 2003 - 2010, Bình Dương sẽ tập trung mời gọi các nhà đầu tư vào một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ theo quy hoạch. Cụ thể, đối với các vùng công nghiệp tập trung, đặc biệt là tại địa bàn phía nam, tỉnh sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành sản xuất có công nghệ kỹ thuật cao, thiết bị hiện đại như cơ khí chế tạo máy, điện, điện tử, công nghệ thông tin. Bình Dương cũng sẽ ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu; có chính sách hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên các vùng phía bắc của tỉnh. Đồng thời, Bình Dương cũng khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm dệt, da giày, may mặc... góp phần tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp, góp phần tăng nhanh giá trị xuất khẩu, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động.

2. Chuyển hướng phát triển ngành công nghiệp từ số lượng sang chất lượng; phát triển công nghiệp toàn diện cả hai vùng Bắc và Nam của tỉnh, trong đó lấy khu công nghiệp làm động lực cơ bản (ông Bùi Đức Xuân - Giám đốc Sở Công nghiệp Bình Dương)

Mục tiêu lớn nhất của Bình Dương lúc này là cố gắng rút ngắn thời gian thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ 3 đến 5 năm so với cả nước. Với ngành công

nghiệp cần chuyển mục tiêu phát triển từ số lượng sang chất lượng; phát triển công nghiệp toàn diện cả hai vùng Bắc và Nam của tỉnh. Trong đó, lấy phát triển các khu công nghiệp, các khu vực sản xuất công nghiệp phía nam làm động lực thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế tỉnh. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống nông thôn ở các huyện phía bắc để phục vụ trực tiếp cho ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó, cần ưu tiên phát triển công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp sạch cũng như công nghiệp hướng vào xuất khẩu làm nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tiếp tục chú trọng phát triển các ngành nghề chế biến nông, lâm sản thực phẩm, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp hoá chất, công nghiệp dệt may, da giày. Nhà nước cần khuyến khích, ưu tiên đổi mới công nghệ và hoàn thiện kỹ năng quản lý doanh nghiệp để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm công nghiệp địa phương.

3. Tiếp tục coi khu công nghiệp là công cụ quan trọng trong thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy tốt vai trò quản lý của ban quản lý khu công nghiệp. (Thạc sĩ Phạm Văn Sơn Khanh - Phó trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương)

Chính quyền địa phương và các ban ngành chức năng cần tăng cường công tác tuyên truyền về vai trò "công cụ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế" của khu công nghiệp, triệt để thực hiện cơ chế "một cửa tại chỗ" trong cấp phép đầu tư. Nhà nước cũng cần tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác đền bù giải toả mặt bằng, bởi vấn đề này hiện đang là trở ngại cho việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp. Nhà nước cũng cần xác định rõ chức năng quản lý nhà nước của Ban quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Đồng thời, việc cấp kinh phí hoạt động cho các khu công nghiệp cần phải khắc phục khuynh hướng bình quân hoặc bao cấp.

4. Xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững. (Ông Nguyễn Thế Tâm - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Dương)

Một nền nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Vì thế, trong giai đoạn tới, ngành nông nghiệp Bình Dương cần thực hiện thành công chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, hoàn thiện các vùng chuyên canh sẵn có, mở thêm các vùng chuyên canh mới, đồng thời gắn công nghiệp chế biến, sơ chế, dịch vụ tiêu thụ nông sản với các vùng chuyên canh, tạo thế ổn định cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

5. Để tăng trưởng nhanh, tương xứng với các ngành khác, lĩnh vực thương mại - dịch vụ Bình Dương sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng các loại hình dịch vụ cao cấp có khả năng thu hồi vốn nhanh như dịch vụ vận chuyển, bưu chính, viễn thông, ngân hàng, cho thuê tài chính, tư vấn...

Đến năm 2005, Bình Dương cần hình thành 8 khu siêu thị và các trung tâm thương mại Phú Hoà, Thương xá Công ty Xổ số Kiến thiết, Thuận An, Phú An, Dĩ An, Sóng Thần I, II, Bình Đường và Phú Giáo. Trong đó, Bình Dương cần đặc biệt chú trọng đến việc đầu tư xây dựng trung tâm thương mại thị trấn Lái Thiêu, Dĩ An vì nó gắn liền với 2 khu vực kinh tế công nghiệp sôi động của tỉnh, đồng thời là cầu nối giao lưu kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông. Về xuất khẩu, cần tạo điều kiện đầu tư đổi mới 60% thiết bị công nghệ cũ, trang bị công nghệ hiện đại cho trên 80% xí nghiệp để tạo ra các sản phẩm công, nông nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị kinh tế lớn như: điện tử, cơ khí chính xác, cao su, cà phê, nhân hạt điều, hạt tiêu, hàng may mặc, giày da, thủ công mỹ nghệ, gốm sứ và vật liệu xây dựng.

6. Tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước hoạt động trên địa bàn

Đẩy mạnh tốc độ đổi mới doanh nghiệp nhà nước để khối doanh nghiệp này tiếp tục đóng vai trò là những tập đoàn kinh tế mạnh, là "đầu tàu" trong các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, Nhà nước cần có biện pháp ưu đãi cho các doanh nghiệp thuộc khối kinh tế tư nhân thực hiện đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để hội nhập AFTA và thực thi có hiệu quả Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Chính quyền địa phương cần tăng cường hỗ trợ, duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống tại các địa phương, đặc biệt là hàng thủ công mỹ nghệ như sơn mài, điêu khắc gỗ, gốm sứ.

7. Nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực và thực thi nghiêm túc luật lao động

Chú ý đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, củng cố và mở rộng hệ thống các trung tâm đào tạo nghề của

Nhà nước và tư nhân để đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề trong các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp. Cố gắng đến năm 2005, hình thành thêm 2 trường dạy nghề chất lượng cao thuộc tỉnh quản lý, thực hiện đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Các trung tâm dạy nghề ở các huyện phía bắc sẽ được phát triển, phấn đấu đến năm 2004, các huyện có ít nhất một trung tâm dạy nghề. Nguồn kinh phí sẽ được huy động từ nhiều nguồn, ngân sách trung ương, địa phương, tư nhân, nước ngoài. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền và phổ biến rộng rãi Luật lao động nhằm nâng cao ý thức chấp hành luật từ hai phía: người lao động và người sử dụng lao động. Tiến hành kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện ký kết hợp đồng lao động, tiền lương, tiền công, thời gian làm việc, bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn lao động. Quan tâm đúng mức đến việc thực hiện bảo hiểm xã hội trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

8. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính

Sự phát triển khá nhanh về kinh tế - xã hội sẽ tác động trở lại đối với cải cách hành chính. Thực tế này đòi hỏi Bình Dương phải xem xét và tiếp tục đẩy tới việc thực hiện các chương trình cải cách hành chính ở địa phương, trong đó cải cách bộ máy hành chính có nhiều điểm cần nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Việc giải quyết các vấn đề sau cấp phép về đất đai xây dựng, giải phóng đền bù cơ sở hạ tầng, chính sách người lao động, hải quan, thuế, tín dụng... còn phải được tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo các quy định và có sự phân cấp rõ hơn, có hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành Trung ương.

9. Nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác bảo vệ môi trường, Bình Dương cần đặc biệt quan tâm đến môi trường của các doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp của các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành nghề ô nhiễm như giấy, dệt nhuộm, chế biến mủ cao su, gốm sứ. Với việc thực hiện "Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2001 - 2010" qua 6 đề án ưu tiên cụ thể cho từng lĩnh vực và từng giai đoạn khác nhau, trong thời gian tới, vấn đề môi trường tại Bình Dương sẽ từng bước được cải thiện.

Successful Lessons, Challenges and Solutions in the Socio-economic Development of Binh Duong

Which strategies have brought about the outstanding socio-economic development of Binh Duong for the past few years? The answer is that in addition to the subjective advantages, the recent development of the province is not mainly due to its own policies and regulations but that the province has applied properly and implemented thoroughly and creatively the Party and state's strategies and policies into the province's context, of which the direction and implementation, especially reforming operational regulations, public authorities' organisation in associated with leading method renovation of the Party levels play the key roles. Actually, it is the intensive renovation in leadership and organisation of the Party and government system in Binh Duong. In short, this is an achievement of "administrative reform".

Outstanding lessons about management and socio-economic development

1. Thoroughly grasp and apply the Party and state's policies and guidelines, adopt right and timely guidelines, orientations, and policies meeting requirements and actual situation of Binh Duong

Over the past years, the Party committee, authorities and people of Binh Duong have made great efforts to be no longer considered a poor and underdeveloped province and to gradually become independent of the state's budget. Pursuing that target, Binh Duong has gradually restructured economy to intensify industrial

development from an agricultural province. Binh Duong has utilised the new changes in the Party's policies, actively applied them and penetrated the key matters of directing, organising and implementing policies in the most possible perfect way, being highly responsible, but not to be dogmatic in waiting for instruction from the Central. The policies of the Party and state as well as of Binh Duong authorities are all strictly conducted, any hesitance or carelessness are all promptly reminded or treated, ensuring the harmony from upper to lower levels.

2. In a bid to carry out the guidelines and new methods of the province, localities should strictly follow the democratic system, disciplines and rules in the administrative system from the provincial level to grassroots level. The provincial Party committee, people's council and people's committee have reached an agreement, solidarity and responsibilities share in carrying out the new policies

Leaders of Binh Duong province defined that the crucial factor is to strengthen and ensure the harmony of concept, policies, leading methods and directions from the provincial to grassroots levels and management in administration and party bodies. Solidarity and unity should be firstly developed in the nuclear leadership organisations such as Standing Party Committee and the Standing people's committee, basing on the provincial Party committee's operation regulations (responsibilities are clearly charged to the Standing Party committee and Standing People's Committee, some can be widely discussed), creating favourable conditions to empower chairman of the provincial People's committee to be in charge of the management and operation organisation and giving priority to settle problems for investors and enterprises. The people's committee at any level shall effectively implement the co-operative regulations between the people's committee and the fatherland front and socio-political organisations, mobilising contributions from the people of all classes for the success of the socio-economic programs and investments in socio-economic infrastructure.

3. Leaders of Binh Duong has utilised the support and assistance from the leaders of the Party and state, the government, ministries and central sectors creating more advantages and stimulating innovative activities and development

Through the meetings with the Party committee, People's council and People's committee of Binh Duong as well recommendation settlement of the province, the government and ministries and central sectors have directly tackle the problems, assisting regulations of investment attraction and management of Binh Duong to overcome the detail difficulties, creating more determinations for the leaders and cadres of the province. Any shortcoming or tardiness is only due to the intermediate level or asynchronous co-operation, not because of the leaders.

4. Binh Duong has created a favourable and reliable environment for the investment, business and production of the enterprises

In such an environment, investment and business are encouraged and protected by the laws. Hardly the problem of "penalising economic relations" happened, but the local authorities often concern about assisting investors and enterprises to overcome obstacles, and conducting necessary supervision. There exists a close and friendly relationship between the local authorities and enterprises. The leaders of the Party committee, people's council and people's committee of Binh Duong at levels and sectors in the province all put the enterprises in the central position of the development, have clear awareness and attitudes, fulfilling management functions to create favourable conditions, attract and facilitate investors and enterprises. The relationship with the enterprises is not only administrational but also sentimental to ensure enterprises' trust.

5. Strong investment attraction in economic development is the most outstanding economic achievement of Binh Duong especially the foreign direct investment

With the limited internal strengths, creating a more attractive, open and competitive investment environment than others, including Ho Chi Minh City and Dong Nai and "spreading the flower mat to welcome the investors" to lure external forces are the major impetus for economic development. According to the official statistics released by the People's Committee of Binh Duong, foreign direct investment accounted for 71 percent of the total development investment during 1996 - 2000. In 1997- 2001, FDI and ODA totally accounted for 68 percent in Dong Nai, 30 percent in the whole country, of which FDI was 24 percent. Binh Duong is now one of the five provinces that attract the most foreign invested in Vietnam.

6. The development of domestic enterprises within the past five years is equal to that of 20 years thanks to good domestic investment attraction

Apart from foreign investment, Binh Duong has attached great importance to luring internal force. In 1997, there were totally 882 enterprises of different economic sectors operating in Binh Duong. So far, there have been totally 1,655 enterprises (state-run, co-operatives, companies and private enterprises). The number of enterprises established since 1997 makes up 88 percent of those established in 1975-1996. Almost all the newly established enterprises are state-owned from Ho Chi Minh and the neighbouring provinces. The province has also applied the regulations of capital mobilisation from enterprises, people and borrow money from the bank to invest in the infrastructure construction (roads for example), charging fee as capital collection. In this method, the province has set up development investment fund of VND50 billion and borrowed VND100 billion (idle capitals) from the treasury (according to the statistics collected by Development Strategy Institutes - Ministry of Investment and Planning in June 2002).

7. Rapid development of industrial parks with satisfactory results, ranking the first of the whole country in terms of covering the area of the industrial parks

Binh Duong is one of the three localities with many effective industrial parks in Vietnam (over 50 percent has been covered) with seven industrial parks having covered area of 76.9 percent on average. (Ho Chi Minh City with 14 industrial parks and the covered area of 62.6 percent and Dong Nai with 10 industrial parks and the area of 52 percent), in comparison with 67 industrial zones throughout the country in 28 localities, the rate of filling the area is only 47 percent. The rapid infrastructure development is thanks to the fact that Binh Duong was especially successful in mobilising capital for the construction of the industrial parks' infrastructure by various methods such as: joining venture with foreign partners, running joint-stock companies, and mobilising private capital. (Binh Duong is the only locality possessing three industrial parks with the infrastructure invested by private companies).

8. Luring talents

Binh Duong has adopted many policies to attract the manpower, especially qualified people of with the Master degrees onwards for sectors that the province need for long-term employment. Accordingly, companies and enterprises are also applying regulations to strongly attract experts and technicians to Binh Duong. The policies also encourage the local officials to take post-graduate courses, foreign languages and informatics courses, etc. With satisfactory preferential policies, Binh Duong has lured many white-collar workers to work in the province, contributing to form qualified staff with high sense of disciplines, meeting the demand of the local development.

9. Attaching economic development with social development

So far, all communes, wards and townships in Binh Duong have roads, electric and telephone systems, healthcare stations and radio stations. 62 of the 79 communes, wards and townships have achieved compulsory secondary school, 43 of them have doctors working at the healthcare station, 91.4 percent of the local households are using electricity, 13/100 people have telephone, and people using clean water account for 72.5%. 20,000 people are employed each year, attracting 94,000 more from 1997 to 2001, 15,340 people were employed in the first six months of the year 2002, and the rate of poor households was down to 3.05 percent in June 2002. The education, healthcare, culture and communication socialisation has created mechanism for the state and people to both participate in the investment in social fields with better results.

10. Infrastructure, especially transport has experienced overall changes

Socio-economic infrastructure has been invested and improved in the trend of synchrony and modernisation to gradually meet the demands of business and production of the economic sectors and people's living. The province has also mobilised other capital and forces from other sources to invest in such as deferred payment investment from enterprises, BOT capital, investment from enterprises and urban and suburban residential areas. Arteries connecting townships and industrial parks over the province have been upgraded and widened. The urban image has become more spacious and clean, roads have reached remote villages. Modern traffic has approached 79/79 communes and wards, including mountainous and remote areas and the former revolutionary bases.

Outstanding challenges

Apart from the successes, the survey of the factual

socio-economic situation in Binh Duong has showed the emerging inadequacies, which need to be properly overcome and solved in the coming time.

1. Economic structure

The excessive attention paid to attracting investment in industrial development has led to unbalanced development of economic structure. The services sector is still weak in comparison with the rapid development of the industrial sectors and the increasing income of the local people. If Binh Duong province is not able to make stronger developments for the province's services sector such as transportation, finance, banking and everyday life services, it will lead to the development in industry and agriculture in the future although it can use the facilities of Ho Chi Minh City's services sector. Hence, the local authorities should speed up project investment attraction in this field, especially in the urban areas.

2. Competitiveness of industrial products

Binh Duong industry has not increased in quality but mainly in quantity resulting in unstable and unsteady development. Low production efficiency has hindered the capital accumulation for expending reinvestment, intensive technology renovation investment and product quality enhancement. The competitiveness of many industrial products in the domestic and foreign markets remained weak. At present, Binh Duong industry is basically outdated in terms of technology with poor infrastructure, inexperienced management skill, undeveloped mechanisation and automation and the low coefficient of renovated equipment and technology. The main reason for this situation is that the provincial industry has a low start-up while chances for development come quickly. Therefore, the province has not got the thorough and adequate preparation to actively discover and timely settle the contradiction arising in the development process, slowly arrangement and adjustment of functional areas of the industrial zones, tourism, services, urban and residential zones has resulted alternative development causing difficulty in removal.

3. Industrial zone investment

Although the industrial zones develop rapidly, the area occupancy is at high rate but could attract only majority (70 percent) of the investors from Southeast and Northeast Asian with certain levels. Therefore, attracting the partners with advanced technology to create considerable technological capital resource ensuring enhancement of the industrial product competitiveness in the area is of necessity. Binh Duong is located in the middle valley of Dong Nai River that supplies water for all pivotal economic areas in the south. Hence, there is a must to choose clean industries with modern technology, industries processing agro-forestry and aquacultural products, producing high quality commodities for consumption and export targeted at avoiding environment pollution especially for water resource. In addition, site clearing for expansion of the industrial zones also faces some difficulties that need the local authorities' intervention.

4. Social affairs

In the future, the social issues will become main challenges for Binh Duong province because 85 percent of the labourers working in the industrial sectors at present come from other localities causing complicated problems concerning accommodations, living conditions and social relations of the immigrant people. The environment problem is getting more urgent, especially in residential areas. Apart from the great socio-economic benefits, the industrialisation and urbanisation process also creates much pressure for the ecological environment in Binh Duong.

5. Human resources

Although the attention has been paid to training experts and managers of science technology in Binh Duong, the number of qualified officers are still a few (with 108 post-graduates including three doctors). The labour force of the province is plentiful but at low quality and has not been basically trained to perceive new technology and there is a shortage of the skilled technical workers to satisfy the requirement of several up-to-date industrial sectors. If Binh Duong does not concentrate on speeding up training and attracting human resource and developing education and science-technology to create the knowledge-based and technological internal force, the further and more sustainable development will be out of reach. The improvement and extension of vocational training at the locality to meet enterprises' increasing demand should be appropriately invested in. Actually, the enterprises in Binh Duong need around 25,000 labourers a year while the provincial labour force at working age is only 14,000, i.e. annually Binh Duong need 10,000 labourers from the other provinces. The fields lacking of labourers are garment, footwear, agricultural product and foodstuff processing.

6. Agriculture development

Binh Duong has not attracted many investment projects on agricultural product processing field despite great potentials for the development of this field. Such models as Taiwan Agro-Forestry Company, Duc Thanh Company Limited are not yet popularised. The inadequate attention has not been paid to the co-opoeration between the farmers and the enterprises as well as the quality of agricultural products, which causes failure in satisfying the producers' requirement.

The basic solutions

1. More priorities to attract investment in sectors of hi - tech production, clean industry and agricultural products processing in the coming time (according to Vice Chairman of the Binh Duong People's Committee, Tran Van Loi).

In addition to the capital from state budget, Binh Duong province in the coming years will need the great amount of capital for infrastructure, industry development, environment treatment and other social welfare works. Those are also the sectors wish to have stronger local investment encouragement. In 2003-2010, Binh Duong will focus on attracting investment in several industries and services as plan. In particular, for the concentrated industrial zones, especially in southern areas, the province will encourage the enterprises to invest in and develop hi - tech industries with modern equipment such as mechanical engineering, electricity, electronics and information technology. The province will give more priorities to the development of the agricultural product processing industry in close association with the material regions, issue policies to support economic sectors in investing and develop business and production in the northern areas of the province. Concurrently, the province has also fostered investment in such production fields as knitwear, footwear and garment contributing to an rapid increase of the industrial proportion and export value, generating jobs and enhancing living standard for the labourers.

2. Change development orientation of industry from quantity into quality, comprehensively extending industry in both northern and southern areas of the province, of which industrial zones are fundamental motivation (Bui Duc Xuan, Director of Binh Duong Department of Industry).

The greatest target of Binh Duong at present is to shorten 3 -5 years of industrialisation and modernisation process in comparison with the whole country. The development goal of industrial sector is to turn quantity into quality in all northern and southern areas of the province. Of which, the development of industrial zone is considered the driven force for industrialising and modernising the province's economy. Developing industry, home crafts and rural traditional handicrafts in the northern districts is to directly serve agriculture and economy of rural areas. In addition, more priorities should be granted to development of hi-tech and clean industries as well as those for export with the aim to lay the foundation for the industrialisation and modernisation; continuing to attached importance to the development of agro-forestry products and foodstuff processing, the industries of mechanical engineering, chemical, garment and footwear. The State should encourage and give more priorities to technological renovation and business management skill perfection with a view to enhance local industrial products competitiveness.

3. Continually considering industrial zone (IZ) the important tool in investment attraction and economic structure transformation, developing the management role of IZ's Board of Management (M.A Pham Van Son Khanh, Vice-director of the Binh Duong IZs' management board)

The local authorities and the functional bodies and branches should intensify the propagation on the IZs' role of "the tool in shifting economic structure", strictly implement the mechanism "one door at the spot" in granting investment licenses. The State is also required to focus on tackling the obstacles in the site clearing compensation as this issue presently is hindering IZs' development planning. The State should define the State management functions of the IZs' Board of Management in the State administration management system. Concurrently, the financial granting for the IZs' operation should oppose the tendency of average and subsidisation.

4. Building the large-scale, effective and stable agricultural production

(Mr. Nguyen The Tam Director of the Binh Duong Department of Agriculture and Rural Development)

The agriculture on the direction of industrialisation and modernisation is the agriculture of great, effective and stable production with the high capacity, quality and competitiveness based on application of

the science achievements and advanced technology, satisfying domestic and export demand. Therefore, Binh Duong in the coming time should comprehensively transfer agriculture to the large-scale production, complete the existing cultivation areas and extend the new ones, simultaneously attach industries of processing, preliminary treatment and agricultural product consumption service with the specialised cultivation regions to create stable agricultural and industrial production.

5. To grow rapidly in correspondence with the other sectors, Binh Duong trade - services sector will continuously invests in expanding the high-class services, capable of revoking capital such as services of transport, postal, telecommunication, banking, finance leasing and consulting

By 2005, Binh Duong needs to set up eight supermarket blocks and the trading centres named Phu Hoa, Thuong Xa Lotery company, Thuan An, Phu An, Di An, Song Than1, Song Than 2, Binh Duong and Phu Giao. Binh Duong will attach special importance to investment in building the trading centre in Lai Thieu township, Di An District since it connects two boisterous industrial sectors of the province and concurrently being the bridge for economic exchange with Ho Chi Minh City and eastern provinces. As for export, it is necessary to facilitate investment to renovate 60 percent outdated technologies and machinery, equip up-to-date technological ones for over 80 percent factories to make the industrial and agricultural products of high technology and economic value. Such products include electronics, precise mechanism, rubbers, coffee, peanut, cashew nut, pepper, textile, footwear, handicraft, ceramics and construction materials.

6. Enhancing competitiveness of domestic enterprises operating in the province

Boosting the renovation process of State-owned enterprises to maintain their role of the strong economic corporations, taking the lead in the vital economic sectors. The State should have the preferential measures for the private businesses to implement technology innovation with a view to raise the competitiveness, thoroughly prepare for the integration into AFTA and effectively carry out the bilateral US - Vietnam Trade Agreement. The local authorities should intensify supports, maintain and develop the traditional craft in the area, particularly the fine arts and handicrafts products such as lacquer, wooden sculpture and ceramics.

7. Further increasing human resource quality and seriously implementing the labor codes

The attention should be paid on professional training, consolidating and expanding the system of the State and private training centres to satisfy the increasing demand on technical labours, skilled workers of the enterprises inside and outside of the IZs. Strive to establish two more provincially - managed schools for high quality vocational training with short-term and long-term training course by 2005. The vocational centres in northern districts will be extended so as to build at least one vocational centre in one district in 2004. The expenditure will be mobilised from diverse sources including State and local budgets and private and foreign supports. In addition, the province should promote propagation and publication of the Labour Codes targeted at raising the law execution sense of the both employees and employers. The close control of the implementation of labour contracts, salaries, wages, working time and of social insurance in non-state enterprises as well as the assurance of the labour hygiene and safe conditions are also required with appropriate focus.

8. Continuing administration reform

The rather rapid socio-economic growth naturally results in influences on administration reform, requiring consideration and implementation of such programme at the localities suitable to the development requirement. Solving problems after granting licence concerning construction land, site clearing compensation for infrastructure, policies on labourers, customs, taxes, credits, etc., should be conducted in compliance with the regulations and clear task assigment under the direction and close co-ordination of the Central branches and ministries.

9. To better conduct the environment protection, Binh Duong should pay special attention to the environment of the large-scale enterprises locating outside the IZs with the pollution-causing industries such as paper, knitting and dyeing, rubber latex processing and ceramics. With the implementation of "the environment protection programme of Binh Duong province for 2001-2010" in six preferential projects for every field in different phases, the environment issue in Binh Duong will be gradually improved in the future.

Chu Viết Luân
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại

Lời cảm ơn

Các bạn đọc thân mến!

Là một cực tăng trưởng quan trọng trong Tứ giác phát triển kinh tế của khu vực phía nam, vài năm trở lại đây, Bình Dương đã có nhiều thay đổi có tính chất "bước ngoặt" trong phát triển kinh tế - xã hội để trở thành vùng đất tiêu biểu của cả nước trong phát triển khu công nghiệp và thu hút đầu tư. Đã có nhiều nhà nghiên cứu kinh tế muốn cắt nghĩa về "hiện tượng" Bình Dương: bởi cùng một chính sách chung, cơ chế chung như bao địa phương khác, nhưng chính cách vận dụng chính sách, cơ chế đó đã tạo nên một Bình Dương hoàn toàn khác biệt. "Trải thảm đỏ mời đón nhà đầu tư", "Cải cách hành chính" và "Thu hút nhân tài" ở Bình Dương không chỉ là những khẩu hiệu mà đã trở thành hành động cụ thể có thể thấy được trong mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với các doanh nghiệp, trong giấy phép đăng ký đầu tư hay trong thu nhập của một viên chức có trình độ. Song dường như những thành quả và cả những khó khăn, vướng mắc mà Bình Dương - một địa phương trên đà tăng trưởng cao - đang gặp phải lại gần như chưa được đề cập một cách có hệ thống trên phương tiện truyền thông đại chúng hay trong các ấn phẩm đối ngoại.

Xuất phát từ thực tế đó, ấn phẩm hai thứ tiếng Việt và Anh: ***"Bình Dương - Thế và Lực mới trong Thế kỷ XXI"*** đã ra đời. Đây là ấn phẩm phản ánh, lý giải khái quát và tương đối toàn diện về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Bình Dương trong thời kỳ đổi mới; đồng thời tổng kết, đúc rút những bài học thành công và cả những vấn đề mới nảy sinh của địa phương nhằm cung cấp nguồn thông tin đa chiều, bổ ích và có giá trị tới đông đảo độc giả. Kèm theo ấn phẩm còn có đĩa CD-ROM và trang web riêng về Bình Dương nhằm đa dạng hoá kênh thông tin và phục vụ tốt nhất nhu cầu được tiếp cận thông tin dưới nhiều hình thức khác nhau của bạn đọc.

Ấn phẩm được hoàn thành với sự chỉ đạo của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Đồng thời, Hội đồng biên soạn xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp và cá nhân đã nhiệt tình hợp tác, hỗ trợ, giúp đỡ chúng tôi trong quá trình biên soạn, xuất bản và phát hành ấn phẩm này.

"Bình Dương - Thế và Lực mới trong thế kỷ XXI" là một ấn phẩm có giá trị trong quá trình xây dựng Bộ ấn phẩm cho 61 tỉnh, thành phố của Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại. Tuy nhiên, do nội dung đề cập trải rộng trên nhiều lĩnh vực nên khó tránh khỏi một số hạn chế, thiếu sót. Hội đồng biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của đông đảo bạn đọc xa gần để những lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CHU VIẾT LUÂN

Acknowledgement

Dear readers,

As a growth pole of the economic development quadrangle in the south, Binh Duong has seen many changes like a turning point in the socio-economic development to become the typical province of the whole country in developing industrial parks and attracting investment over the past years. Many economic experts want to explain such "phenomenon" of Binh Buong because with the same policy and regulations as other localities, but the way to apply them has made Binh Duong absolutely different. " Spreading red carpet to welcome investors", "reforming administration" and " luring talents" in Binh Duong are not only slogans but particular actions which can be shown in the relationship between local authorities and enterprises, in investment license or income of the qualified officials. However, achievements as well as difficulties of Binh Duong - a locality with the high economic growth are almost not mentioned systematically in means of media or in foreign publications.

Based upon the fact, the bilingual book entitled "Binh Duong - new image in century XXI" is published. The publication reflects, explains generally and rather comprehensively the socio-economic development process of Binh Duong in the renovation period and concurrently draw out successful lessons and new arising problems of the province in order to provide multi-way information that are useful and valuable for mass readers. Together with the books, there are also CD-ROM and website about Binh Duong in order to diversify information channels to serve at best the demand of accessing information in different forms of the readers.

The publication has been completed with the direction of the Central Committee of Culture and Ideology, the National Politics Publishing House, the Binh Duong Party Committee and People's Committee. In concurrence, the editorial board would like to express sincere thanks to agencies, organizations, enterprises and individuals who have enthusiastically co-operated, supported and assisted us during the production of the book.

"Binh Duong - new image in the century XXI" is a valuable book of Foreign Economic Information Joint Stock Company during the process of making books for 61 cities and provinces. However, with the wide content covering many fields, shortcomings therefore are inevitable. We would welcome any recommendations as well as contributions of the readers for the better publication in the future.

Thank you and best regards,

GENERAL DIRECTOR
FOREIGN ECONOMIC INFORMATION JOINT-STOCK COMPANY

CHU VIET LUAN

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 3
Lời nói đầu 5
Bình Dương tự tin bước vào thế kỷ XXI 7
Tác động của cải cách hành chính... 13
PHẦN I:
Làm quen với mảnh đất và con người Bình Dương 19
- Bình Dương xưa và nay 21
- Thông tin tổng quan về điều kiện tự nhiên... 28
PHẦN II:
Tổ chức hành chính 31
- Thị xã Thủ Dầu Một... 33
- Huyện Dĩ An ... 42
- Huyện Thuận An... 50
- Huyện Tân Uyên... 58
- Huyện Phú Giáo... 65
- Huyện Dầu Tiếng... 73
- Huyện Bến Cát... 80
PHẦN III:
Kết cấu hạ tầng 89
- Giao thông vận tải 91
- Điện lực Bình Dương 97
- Cấp thoát nước Bình Dương 101
- Bưu chính viễn thông Bình Dương 106
- Truyền hình Bình Dương 109
PHẦN IV:
Toàn cảnh kinh tế Bình Dương
Chương 1: Các ngành kinh tế trọng điểm 115
- Kinh tế Bình Dương vươn vai Phù Đổng 115
- Công nghiệp Bình Dương 117
- Công ty Giấy Bình An 126
- Ngành nông nghiệp Bình Dương 130
- Công ty Nông lâm Đài Loan 136
- Ngành thương mại - dịch vụ Bình Dương 140
- Ngành du lịch Bình Dương 147
- Giới thiệu một số địa danh du lịch Bình Dương 151
- Sở Tài chính Vật giá Bình Dương 155
- Hệ thống tổ chức tín dụng tại Bình Dương 161
- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương 165
- Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Bình Dương 169
- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bến Cát 173
- Ngân hàng Đông Á 176
- Công ty bảo hiểm Bình Dương 180
- Bảo Minh Bình Dương 185
- Ngành xây dựng Bình Dương 188
- Công ty xây dựng - tư vấn và Đầu tư Bình Dương 194
- Khoa học công nghệ 197
- Hải quan Bình Dương 203
Chương II: Đa dạng hoá các thành phần kinh tế 209
- Hệ thống doanh nghiệp Bình Dương 209
- Hệ thống doanh nghiệp nhà nước tỉnh Bình Dương 213
- Công ty xổ số kiến thiết - dịch vụ Bình Dương 218
- Công ty tâm sản - xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Dương 223
- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh 228
- Công ty trách nhiệm hữu hạn TERRACO 234
- VINASTAR 238
- Liên minh hợp tác xã tỉnh Bình Dương 244
- Làng nghề mỹ nghệ truyền thống 248
- Phát huy những tinh hoa trong sản phẩm gốm sứ Bình Dương 251
- Tương Bình Hiệp 259
- Doanh nghiệp Hùng Hương 264
- Điêu khắc Phù Thọ 269
PHẦN V:
Huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế 273
Chương I: Phát huy nội lực 275
- Bình Dương chiêu hiền đãi sỹ 275
- CASUMINA vượt lên chính mình 278
Chương II: Phát huy ngoại lực 284
- Bảo vệ thành công vị trí quán quân về đầu tư nước ngoài trong ba năm liên tiếp 284
- Biết cách làm bạn với thế giới 289
- Dự án hạ tầng B.O.T đầu tiên về cấp nước 293
- Công ty trách nhiệm hữu hạn SHIJAR Việt Nam 297
PHẦN VI:
Khu Công nghiệp 301
- Các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương 303
- Mô hình khu công nghiệp và những thách thức mới 311
- Khu công nghiệp Sóng Thần I và II 320
- Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore 326
- Khu công nghiệp Bình Đường 331
- Khu công nghiệp Việt Hương (Bình Hòa III) 333
- Khu công nghiệp Đồng An 335
- Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A và B 338
- Khu công nghiệp Mỹ Phước 342
PHẦN VII:
Văn hoá - xã hội 345
Chương 1: Các vấn đề xã hội 347
- Đầu tư nuôi dưỡng nguồn nhân lực 347
- Trường Trung học Kinh tế Bình Dương 355
- Sở Lao động - Thương binh Xã hội 360
- Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật Việt Nam - Singapore 366
- Trường Trung học Dân lập Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương 371
- Ngành y tế Bình Dương 376
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 380
- Trung tâm y tế dự phòng Bình Dương 384
- Môi trường Bình Dương 387
Chương 2: Văn hoá - nghệ thuật 393
- Văn hoá - thông tin Bình Dương 393
- Lễ hội chùa Bà 399
- Thể thao Bình Dương 401
PHẦN VIII:
Bài học thành công và những kiến nghị 407
Chương 1: 10 Bài học thành công 409
- Công ty Cao su Dầu Tiếng 409
- Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ 414
- Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương 420
- BECAMEX 425
- Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (M & C) 430
- Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới 435
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Đức Thành 439
- Sứ Minh Long I - Đưa hồn Việt đến mỗi nếp nhà 443
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Sứ Kỹ thuật Minh Long II 448
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Khánh 453
- Bài học thành công, thách thức và những giải pháp 458
- Lời cảm ơn 469

CONTENTS

- Publishing House's Words 4
- Foreword 6
- Binh Duong Entering 21st Century with Confidence 9
- Impact of administrative reform... 16

PART I:

Presentation 17
- Binh Duong: Past and Today 24
- General information on natural ... 29

PART II:

- Administrative structure ... 31
- Thu Dau Mot Town .. 37
- Di An District 46
- Thuan An District 54
- Tan Uyen District 61
- Phu Giao District 69
- Dau Tieng District 76
- Ben Cat District 83

PART III:

- Infrastructure ... 89
- Binh Duong Transport 94
- Binh Duong Electricity 99
- Binh Duong Water Supply Company 103
- Binh Duong Telecommunication 107
- Binh Duong Television 111

PART IV:

Binh Duong's Overall Picture 113

Chapter I: Key economic sectors 116
- Binh Duong Economy with Strong Development 116
- Binh Duong Industry 121
- Binh An Paper Company 127
- Binh Duong Agriculture 133
- Taiwan Agro-Forestry Company 138
- Binh Duong Trading - Services Sector 143
- Binh Duong Tourism 149
- Introduction of some tourist sites in Binh Duong 153
- Binh Duong Finance and Pricing Department 158
- Binh Duong Banking System 163
- Bank for Investment and Development of Binh Duong 166
- Binh Duong Vietcombank 170
- Bank for Agriculture and Rural Development of Ben Cat District 174
- Eastern Asian Commercial Bank 177
- Binh Duong Insurance Company 182
- Bao Minh Binh Duong 186
- Binh Duong Construction Sector 191
- Binh Duong Construction Consultant Investment Company 195
- Technology & Science 199
- Binh Duong Customs 205

- Chapter II: Diverse Economic Sectors 211
- Binh Duong Business System 211
- Binh Duong State-run Enterprise System 215
- Binh Duong Lottery & Services Company 220
- GENIMEX 225
- Non-state Enterprises 230
- Terraco... 235
- Vinastar... 240
- Binh Duong Cooperative Alliance 246
- Traditional Fine Art Villages in Binh Duong... 249
- Exploit the quintessence of Binh Duong's pottery... 254
- Tuong Binh Hiep... 261
- Hung Huong Enterprise... 266
- Phu Tho Sculpture... 271

PART V:

Mobilizing all forces for development ... 273

Chapter I: Internal force exploitation 276
- Binh Duong Luring Talents 276
- CASUMINA... 280

Chapter II: External force exploitation 286
- Boosting Friendship with the world 291
- The first build - operate - transfer... 294
- SHIJAR Vietnam Company Limited 298

PART VI:

Industrial Zones of Binh Duong 301
- Binh Duong's Industrial Zones 307
- Model of industrial zone and new challenges 315
- Song Than Industrial Parks No. 1 and No. 2 323
- Vietnam - Singapore Industrial Park 328
- Binh Duong Industrial Park 332
- Viet Huong Industrial Park (Binh Hoa No. 3) 334
- Dong An Industrial Park 336
- Tan Dong Hiep A and Tan Dong Hiep B Industrial Parks 340
- My Phuoc Industrial Park 343

PART VII:

Culture - Society issues 345

Chapter I: Social issues 350
- Investment in fostering ... 350
- The Binh Duong Economic School... 357
- Department of labor - invalid and social affairs 362
- Vietnam Singapore Technical Training Centre 368
- People-founded Economic and Technology School of Binh Duong 373
- Binh Duong Health Sector... 378
- Binh Duong General Hospital 382
- Preventive health centre of Binh Duong 385
- Binh Duong Environment Facing... 390

Chapter II: Culture - Arts 396
- Binh Duong Culture and Communication 396
- Ba Pagoda Festival 400
- Binh Duong Sports 403

PART VIII:

Sucessful lessons and recommendations ... 407

Chapter I: 10 Successful Lessons 411
- Dau Tieng Rubber Company 411
- Thanh Le Import - Export Trading Corporation 416
- Binh Duong Import - Export & Producing Company 422
- Becamex 427
- Binh Duong Materials and Construction Company 432
- Chau Thoi 620 Concrete Joint Stock Company 437
- Duc Thanh Trading Company Ltd. 441
- Minh Long Porcelain No.1... 445
- Minh Long II Technical Ceramic Co. Ltd. 450
- Vinh Khanh Company Limited 455
- Successful lessons, challenges and Solutions... 463
- Acknowledgement 470

BÌNH DƯƠNG

Thế và lực mới trong thế kỷ XXI

Binh Duong New Image in Century XXI

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRỊNH THÚC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:
TS. LÊ MINH NGHĨA
PHẠM ĐẮC CHUYÊN
PHẠM THỊ KIM HUẾ
NGUYỄN MINH HUỆ
TRẦN THANH PHIỆT

Trình bày
NGUYỄN THỊ XUÂN GIAO

Sửa bản in
BAN KINH TẾ

Đọc sách mẫu
BAN KINH TẾ

In 4.000 cuốn, khổ 19x26,5 cm, tại xưởng in Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại.
Giấy phép xuất bản số: 579 - 285/CXB-QLXB cấp ngày 20 - 3 - 2003
In xong nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2003

Giá bán: 90.000 đồng

FEI CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

BÌNH DƯƠNG

THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

BINH DUONG NEW IMAGE IN CENTURY XXI

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

ÔNG ĐÀO DUY QUÁT
Phó Trưởng ban
Ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương
Uỷ viên Hội đồng Lý luận Trung ương

ÔNG NGUYỄN VĂN HIỆP
Phó Chủ tịch
Uỷ ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương

ÔNG TRỊNH THÚC HUỲNH
Quyền Giám đốc - Tổng Biên tập
Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia

CHỦ BIÊN

CHU VIẾT LUÂN - TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Trụ sở: Số 17-19 và 21-23, Đường số 4, khu A Nam Thành Công, Hà Nội.
Tel: (84.4) 7733720, 7733721 * Fax: (84.4) 7733722 * E-mail: feihn@hn.vnn.vn
Chi nhánh: 35-37 Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel: (08) 8241375, 8210489 * Fax: (08) 8210491 * E-mail: fei@hcm.vnn.vn

bình dương thế và lực mới 3
1 C03103 100010
90.000 VNĐ